

NI LƯU
GIỚI ĐỨC, TÂM ĐỨC, TUỆ ĐỨC

PHÂN BAN NI GIỚI THÀNH PHỐ CẦN THƠ
NI SƯ THÍCH NỮ NHƯ HƯƠNG
(Chủ biên)

NI LƯU
GIỚI ĐỨC, TÂM ĐỨC, TUỆ ĐỨC

NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI
Hà Nội - 2024

BAN BIÊN TẬP NỘI DUNG

- NS. TS. NHƯ NGUYỆT (Huê Lâm) - Trưởng ban
- NS. TS. NHƯ NGUYỆT (Thanh Tâm)
- NS. TS. HƯƠNG NHỮ
- NS. CHƠN NHƯ
- NS. HUỆ ĐỨC
- SC. MINH NGỌC

MỤC LỤC

LỜI GIỚI THIỆU	9
----------------	---

PHẦN 1

NI GIỚI VIỆT NAM TRÊN HÀNH TRÌNH LỊCH SỬ

LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN NI GIỚI NAM BỘ VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NI GIỚI TRẺ HIỆN ĐẠI	Thích nữ Viên Âm	15
BA BÀI HỌC KINH NGHIỆM QUÝ BÁU CẦN KẾ THỪA TỪ NI BỘ BẮC TÔNG	TS. Dương Hoàng Lộc	31
TRI ÂN BẠC TIỀN BỐI	Thích nữ Như Vạn	37
NI TRƯỞNG THƯỢNG GIÁC HẠ NHẪN VÀ SỰ NGHIỆP “TRỒNG NGƯỜI”	NT. Như Dung	42
NI TRƯỞNG DIỆU KHÔNG VÀ MỘT ĐỜI BÁT KÍNH THỊ Y	Đồng Hiếu - Nguyễn Trần Trung	49
CÔNG CHÚA HUYỀN TRÂN: HAI SỨ MỆNH ĐẠO VÀ ĐỜI	TS. Nguyễn Thị Quế Hương - TS. Nguyễn Ngọc Quỳnh	60
LÝ TƯỞNG GIẢI THOÁT CỦA CHƯ NI TRẺ TRONG GIAI ĐOẠN HỘI NHẬP VÀ PHÁT TRIỂN	TKN. Thích nữ Tịnh Nghiêm	67
ĐỜI SỐNG TU HỌC VÀ HÀNH ĐẠO CỦA CHƯ NI TRẺ NGÀY NAY	NS. Thích Đàm Quy	76
HÀNH TRÌNH VƯỢT QUA THỬ THÁCH CỦA NGƯỜI XUẤT GIA TRẺ HIỆN NAY	SC. ThS. Thích nữ Hòa Nhã	79

PHẦN 2

NI GIỚI CẦN THƠ VƯỜN MÌNH CÙNG GIỚI ĐỨC - TÂM ĐỨC - TUỆ ĐỨC KÍNH TẶNG PHÂN BAN NI GIỚI THÀNH PHỐ CẦN THƠ	NT. Trí Tiên	89
CẦN THƠ - CHIẾC NÔI MỞ LỐI	NT. Như Như	90
CÔNG HẠNH CỦA CHƯ VỊ TIỀN BỒI NI HỆ PHÁI KHẮT SĨ CẦN THƠ, HẬU GIANG, SÓC TRĂNG	NT. Thích nữ Huệ Liên	93
NI GIỚI KHẮT SĨ BÊN TRANG SỬ PHẬT GIÁO “TÂY ĐÔ”	NS. TS. Thích nữ Như Nguyệt (Huê Lâm)	101
NI TRƯỞNG ĐỒNG LIÊN: TÌNH THẦN PHỤNG SỰ ĐẠO PHÁP VÀ DÂN TỘC	NS. TS. Thích nữ Thuận Liên	112
HẠNH NGUYỆN NI TRƯỞNG DIỆU KIM	Thích nữ Trung Tâm	120
CUỘC ĐỜI VÀ CÔNG HẠNH CỦA CỐ NI SƯ THÍCH NỮ TÂM NIỆM CHÙA BỬU TRÌ - THÀNH PHỐ CẦN THƠ	TKN. Thích Viên Hòa	125
SỰ DẪN THÂN CỦA NỮ GIỚI PHẬT GIÁO: NGHIÊN CỨU TRƯỜNG HỢP NI TRƯỞNG DIỆU NGỘ (CẦN THƠ)	TS. Bùi Thị Thủy	134
TIẾP BƯỚC TIỀN NHÂN - PHÁT HUY CHÁNH PHÁP TẠI CHÙA THIÊN QUANG, THÀNH PHỐ CẦN THƠ	NS. TS. Thích nữ Huệ Hiếu	144
ĐẠO TRÀNG TRÚC LÂM VIÊN PHƯỚC TẠI CHÙA VI PHƯỚC: NÉT NỔI BẬT CỦA PHẬT GIÁO TỈNH CẦN THƠ	TKN. Như An, Như Tín	151
NI GIỚI GIỮA ĐỜI THƯỜNG	TS. Lê Thị Hằng Nga	157
MỘT SỐ THÀNH TỰU CỦA NI GIỚI THIỀN PHÁI TRÚC LÂM TẠI THÀNH PHỐ CẦN THƠ	NS. Thích nữ Chơn Như	167
TÌNH THẦN NHẬP THỂ CỦA NI GIỚI CẦN THƠ TRONG XÃ HỘI ĐƯƠNG ĐẠI	TKN. Tâm Liên	173
NI LƯU GIỚI ĐỨC - TÂM ĐỨC - TUỆ ĐỨC	NS. Thích nữ Đức Hạnh	181
HOẰNG PHÁP TRÊN VÙNG ĐẤT ĐA TÔN GIÁO	NS. Thích Hương Nhũ	185

PHẦN 3

GIỚI LUẬT: KHUÔN VÀNG THƯỚC NGỌC CỦA NI LƯU

TẦM QUAN TRỌNG CỦA GIỚI LUẬT ĐỐI VỚI CHƯ NI

NS. TS. Thích Diệu Tâm 197

ĐỨC PHẬT BAN HÀNH PHÁP VÀ LUẬT ĐỂ GIÁO DỤC NI GIỚI

NS. Thích nữ Diệu Nghĩa 206

ĐỨC THẾ TÔN TỪ CHỐI CHO NGƯỜI NỮ XUẤT GIA: ĐÔI ĐIỀU LUẬN BÀN

Thích nữ Dung Từ 213

VAI TRÒ VÀ Ý NGHĨA CỦA BÁT KÍNH PHÁP ĐỐI VỚI NI GIỚI NGÀY NAY

NT. Thích Đàm Lan 221

VẤN ĐỀ “BÁT KÍNH PHÁP” TRONG THỜI ĐẠI NGÀY NAY

NT. Thích nữ Diệu Cảnh 233

BÁT KÍNH PHÁP QUA GÓC NHÌN TRÍ TUỆ BÁT NHÃ

ThS. Thích nữ Diệu Tâm 238

“BÁT KÍNH PHÁP” CÓ PHẢI LÀ KHUÔN VÀNG THƯỚC NGỌC ĐỐI VỚI NI GIỚI THỜI HỘI NHẬP?

TKN. Thích Khánh Giác 244

BÁT KÍNH PHÁP - PHỤC SỨC ĐẸP NHẤT CỦA NI GIỚI

Thích nữ Thông Hạnh 251

NI GIỚI THỜI HIỆN ĐẠI ĐỐI VỚI VẤN ĐỀ BÁT KÍNH PHÁP

ThS. NCS. Thích nữ Lệ Thảo 258

PHẦN 4

NI GIỚI VỚI SỰ PHÁT TRIỂN CỦA PHẬT GIÁO

PHẬT GIÁO VÀ VẤN ĐỀ GIÁO DỤC NI GIỚI TRẺ

NS. Thích nữ Từ Thảo 267

GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC ĐỐI VỚI NI GIỚI TRẺ GIAI ĐOẠN SƠ CƠ

SC. TS. Nguyễn Thanh 275

MÔ PHỎNG MẪU HÌNH GIÁO THỌ NI THÔNG QUA KINH TẠNG PÁLI

NS. TS. Thích nữ Diệu Hiếu 286

GIÁO DỤC VÀ VĂN HÓA TRONG ĐỜI SỐNG PHẬT GIÁO

SC. TS. Thích nữ Trí Liên 293

GIÁO DỤC VÀ VĂN HÓA TRONG PHẬT GIÁO - SỰ GẮN KẾT QUA VAI TRÒ CỦA NI GIỚI VIỆT NAM

TS. Phạm Thị Thanh Huyền 297

VĂN HÓA SỬ DỤNG MẠNG XÃ HỘI CỦA NI GIỚI TRẺ HIỆN NAY

SC. Thích nữ Tịnh Minh 306

VẤN ĐỀ HOẰNG PHÁP CỦA NI GIỚI TRONG THỜI HIỆN ĐẠI	
SC. Thích nữ Phước Nghĩa	314
MỘT SỐ GỢI Ý CHO CÔNG TÁC HƯỚNG DẪN PHẬT TỬ HIỆN NAY	
NS. Thích nữ Huệ Dâng	321
ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC MẦM NON CỦA NI GIỚI HIỆN NAY	
NS. TS. Thích nữ Như Nguyệt (Viên Minh)	326
NI GIỚI PHẬT GIÁO TRONG VIỆC XÂY DỰNG NỀN TẢNG ĐẠO ĐỨC CHO THANH THIẾU NHI	
NS. Thích nữ Chơn Toàn	334
XÂY DỰNG NỀN TẢNG ĐẠO ĐỨC CHO THANH THIẾU NHI: MỤC ĐÍCH CỦA CÔNG TÁC HOẰNG PHÁP Ở NI GIỚI	
Lê Chí Khang	337
NI GIỚI TRONG CÔNG TÁC TỪ THIỆN XÃ HỘI DỰA TRÊN NỀN TẢNG HOẰNG PHÁP	
Phân ban Ni giới tỉnh Bình Dương	345
HOẠT ĐỘNG TỪ THIỆN XÃ HỘI: NỀN TẢNG CỦA HOẰNG PHÁP	
NS. Thích nữ Phúc Liên	355
NI GIỚI THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG TRONG CÔNG TÁC TỪ THIỆN XÃ HỘI DỰA TRÊN NỀN TẢNG HOẰNG PHÁP	
NS. Thích Tâm Chính	362
NI GIỚI PHẬT GIÁO GÓP PHẦN TRONG CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	
SC. NCS. Thích nữ Liên Hiền	372
ĐÓNG GÓP CỦA NI GIỚI PHẬT GIÁO TRONG CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG HIỆN NAY	
PGS. TS. Nguyễn Thị Minh Ngọc	378
NI GIỚI PHẬT GIÁO VỚI VIỆC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG SINH THÁI HIỆN NAY	
SC. TS. Thích nữ Thanh Quế - BTV. Lưu Hồng Hoa	386
GIẢM TÌNH TRẠNG PHÂN BIỆT ĐỐI XỬ VỚI NHÓM GIỚI TÍNH DỄ TỔN THƯƠNG (LGBT+): ĐÓNG GÓP CỦA NI GIỚI PHẬT GIÁO	
NNC. Hầu Lâm Phùng, TS. Ngô Hồ Anh Khôi, PGS. TS. Trần Thị Hạnh	393
GIÁO DỤC VÀ VĂN HÓA PHẬT GIÁO THỜI NGUYỄN (GIAI ĐOẠN 1802-1858)	
TS. Tống Thị Quỳnh Hương	401
PHỤ LỤC: THÔNG TIN TIỂU SỬ TÁC GIẢ	409

LỜI GIỚI THIỆU

Trở thành một trong năm thành phố trực thuộc Trung ương từ năm 2004, Cần Thơ là thành phố sầm uất và phát triển nhất ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Đúng như tên gọi đã từng một thời nổi danh trong lịch sử - Tây Đô, với ý nghĩa là thủ phủ của miền Tây Nam Bộ - ngày nay, Cần Thơ tiếp tục giữ vai trò là trung tâm kinh tế, văn hóa, xã hội, y tế, giáo dục và thương mại của cả vùng. Cần Thơ cũng là thành phố đa dạng về văn hóa, tôn giáo với sự hoạt động của 13 tôn giáo, bao gồm: Phật giáo, Công giáo, Tin Lành, Cao Đài, Phật giáo Hòa Hảo, Hồi giáo, Tôn giáo Baha'i, Tịnh Độ Cư Sĩ Phật hội Việt Nam, Phật giáo Tứ Ân Hiếu Nghĩa, Bửu Sơn Kỳ Hương, Minh Sư đạo, Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lơn, Cơ Đốc Phục Lâm.

Kể từ khi Giáo hội Phật giáo Việt Nam thành phố Cần Thơ được thành lập (năm 1983) đến nay, Phật giáo Cần Thơ đã không ngừng phát triển về mọi mặt. Trên tinh thần “đoàn kết hòa hợp, trường dưỡng đạo tâm, trang nghiêm giáo hội”, “đạo pháp - dân tộc - chủ nghĩa xã hội” và tinh thần “khế lý, khế cơ” trong giáo lý Đức Phật, Giáo hội Phật giáo Việt Nam thành phố Cần Thơ đã điều hành xuất sắc các công tác Phật sự, tạo nên sự hòa hợp tốt đẹp giữa các hệ phái Phật giáo. Trong những thành công ấy, có một phần đóng góp không nhỏ của Ni giới thành phố Cần Thơ.

Tháng 6/2013, Phân ban Ni giới Cần Thơ (thuộc Ban Tăng sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam thành phố Cần Thơ) ra đời. Dù thời gian chưa dài so với sự tồn tại của Phật giáo trên thế giới cũng như sự xuất hiện của gần 2.000 năm Phật giáo tại Việt Nam, song Phân ban Ni giới

Cần Thơ đã và đang cố gắng từng bước nâng cao, cải thiện đời sống nhân dân tại Cần Thơ, góp phần làm cho Phật giáo gắn chặt với mảnh đất nơi này.

Năm 2024 là một dấu ấn quan trọng trên hành trình phát triển của Ni giới Cần Thơ khi Phân ban Ni giới thành phố Cần Thơ được vinh dự đăng cai tổ chức Đại lễ Tưởng niệm Đức Thánh Tổ Ni Đại Ái Đạo và chư Tôn đức Ni tiền bối hữu công Phật giáo Việt Nam trong ngày 13/4/2024 (nhằm ngày mùng 05 tháng Ba năm Giáp Thìn). Có thể nói, việc tổ chức tọa đàm, biên tập nội dung và xuất bản ấn phẩm *Ni lưu Giới đức - Tâm đức - Tuệ đức* là một phần quan trọng trong chuỗi sự kiện tưởng niệm Thánh Tổ Ni năm nay.

Ấn phẩm này tập hợp các nghiên cứu của chư Tôn đức Ni trong Phân ban Ni giới Cần Thơ, chư Tôn đức Ni Phân ban Ni giới các tỉnh thành cũng như quý học giả, nhà nghiên cứu trong cả nước về những vấn đề liên quan đến hoạt động, sự phát triển của Ni giới Việt Nam nói chung, Ni giới Cần Thơ nói riêng. Ấn phẩm được chia thành bốn phần: *Ni giới Việt Nam trên hành trình lịch sử; Ni giới Cần Thơ vươn mình cùng Giới đức - Tâm đức - Tuệ đức; Giới Luật: Khuôn vàng thước ngọc của Ni lưu; Ni giới với sự phát triển của Phật giáo* qua đó khái quát được các chặng đường phát triển, phẩm hạnh cao quý của Ni giới Việt Nam, đồng thời chỉ ra những vấn đề cần chú trọng nhằm nâng cao giá trị tích cực của Ni giới trên hành trình đóng góp cho Đạo pháp - Dân tộc.

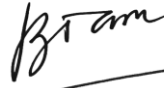
Thay mặt Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam thành phố Cần Thơ, xin tán thán chư vị trong Ban Biên tập nội dung, đặc biệt là NS. TS. Thích nữ Như Nguyệt (chùa Huệ Lâm - Thành phố Hồ Chí Minh) đã kết hợp cùng Phân ban Ni giới thành phố Cần Thơ, tích cực hoàn thành việc xuất bản ấn phẩm này. Xin cảm ơn công đức của chư Tôn đức Ni, quý học giả, những nhà nghiên cứu đã đóng góp tri thức, trí

tuệ qua từng trang viết để ấn phẩm có thể “nên vóc nên hình”. Xin gửi lời tri ân đến Nhà xuất bản Khoa học xã hội - Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam đã tạo điều kiện thuận lợi để ấn phẩm có thể đến tay quý Phật tử và độc giả trong thời gian sớm nhất!

Xin trân trọng giới thiệu!

Cần Thơ, tháng 4/2024

Phó Trưởng Ban Thường trực BTS GHPGVN TP. Cần Thơ



Thượng tọa Thích Bình Tâm

PHẦN 1

NI GIỚI VIỆT NAM TRÊN HÀNH TRÌNH LỊCH SỬ

LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN NI GIỚI NAM BỘ VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NI GIỚI TRẺ HIỆN ĐẠI

Thích nữ Viên Âm

Trong bối cảnh hiện nay, phát huy vai trò của Ni giới là một trong những vấn đề cần thiết bởi điều đó không chỉ phù hợp với giáo lý đạo Phật mà còn là sự kế tục truyền thống quý báu của Ni giới Việt Nam. Nếu nhìn lại lịch sử Phật giáo nói chung và Phật giáo Nam Bộ nói riêng, có thể thấy, nhiều thế hệ Ni đoàn Phật giáo đã có đóng góp trong việc “xương minh Phật pháp” và phát triển xã hội. Tuy nhiên, cũng có những giai đoạn lịch sử, vai trò của Ni giới thể hiện một cách mờ nhạt, thậm chí vắng bóng. Những thập niên gần đây, vai trò của người phụ nữ trong xã hội đã dần được khẳng định; theo đó, Ni giới cũng có điều kiện khẳng định mình. Bài viết nhằm tổng kết quá trình hình thành và phát triển của Ni giới Nam Bộ, từ đó đưa ra định hướng phát triển Ni giới trẻ trong thời đại mới.

1. Khái quát lịch sử hình thành và phát triển của Ni giới Nam Bộ

Trong tiến trình lịch sử văn hóa của tất cả các tôn giáo lớn trên thế giới nói chung và Phật giáo nói riêng, nam giới luôn giữ vai trò chủ đạo. Khi Phật giáo du nhập vào Việt Nam, cộng đồng Tăng sĩ bắt đầu hình thành, phát triển và nắm phần trọng yếu trong quá trình hình thành, xây dựng và phát triển hệ thống cơ sở Phật pháp. Theo TS. Nguyễn Gia Quốc, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, trong dòng chảy của lịch sử nước nhà, bên cạnh sự hưng thịnh hay suy yếu của đội ngũ Tăng già, hình bóng của các vị Tỳ-kheo-ni thi thoảng xuất hiện. Thế nhưng,

cũng chừng đó thời gian, họ hầu như không nhận được sự ủng hộ của xã hội như cộng đồng Tăng sĩ. Có thể, một trong những trở ngại lớn nhất là cách nhìn khắt khe về người phụ nữ trong xã hội Việt Nam vốn nặng nề tư tưởng “trọng nam khinh nữ”, làm cho cộng đồng Ni giới trong suốt chiều dài lịch sử không thể phát triển được. Một số nhân vật Tỳ-kheo-ni lác đác xuất hiện trong các trang sử nước nhà chưa đủ để tạo nên một phong trào tu tập theo Phật giáo mạnh mẽ cho nữ giới¹.

Trong lịch sử, cùng với thời gian, lãnh thổ quốc gia không ngừng mở rộng về phía Nam. Sự giao thoa với nhiều yếu tố văn hóa mới đã tạo nên nét đặc trưng trong văn hóa của cư dân Nam Bộ. Cộng đồng cư dân dần hình thành, tạo dựng đời sống văn hóa mới tại vùng đất mới. Phật giáo theo chân những người di cư và khai hoang cũng góp phần tạo dấu ấn đặc biệt trong văn hóa của cộng đồng mới. Trong giai đoạn đầu xây dựng mảnh đất Nam Bộ, sự phát triển Phật giáo chủ yếu ghi nhận công lao của các vị Tăng theo chân đoàn dân di cư. Họ là những người lãnh đạo tinh thần, làm điểm tựa cho những con người mạo hiểm, gan dạ đến khai hoang, lập làng tại vùng đất mới. Những khó khăn, hạn chế trong quá trình xây dựng cuộc sống khó có thể là điều kiện tốt cho nữ giới xuất gia sống độc cư. Vì vậy, trong các trang sử Phật giáo miền Nam thời kỳ này không đề cập nhiều đến phụ nữ theo Phật giáo, cả xuất gia lẫn tại gia.

Trong các bộ chính sử Việt Nam như *Gia Định thành thông chí* của Trịnh Hoài Đức, *Đại Nam liệt truyện tiền biên*, *Đại Nam nhất thống chí* của Quốc sử quán triều Nguyễn có nhắc đến hai vị nữ tu là Lê Thị Nữ (ẩn tu trên núi Thị Vải) và Tống Thị Sương (ở đảo Đại Kim, thuộc trấn Hà Tiên)² nhưng lai lịch của họ được ghi lại rất sơ lược. Thậm chí, hành trạng của họ chưa được các trang sử Phật giáo nước nhà ghi nhận. Có lẽ lý do vì họ chọn đời sống ẩn dật như một người xuất gia

¹ Nguyễn Gia Quốc (2008), “Ni giới Nam Bộ nửa đầu thế kỷ XX”, <https://giacngo.vn/ni-gioi-nam-bo-nua-dau-the-ky-xx-post125.html>, truy cập ngày 30/8/2023.

² Quốc sử quán triều Nguyễn (2000), *Đại Nam liệt truyện*, tập 2, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội, tr.80-81.

nhưng lại không xuất hiện trong xã hội với tư cách là một nhà tu hành. Vai trò, tầm ảnh hưởng và uy tín của họ chỉ giới hạn quanh vùng núi tu tập của mình.

Theo các nguồn sử liệu, nhân vật nữ xuất gia thọ giới đầu tiên của miền Nam là Tỳ-kheo-ni Diệu Thiện (1818-1899). Ni trưởng Diệu Thiện sinh năm 1818 (Mậu Dần), thế danh Lê Thị Thợ, sinh quán tại Chợ Lớn. Khi còn tại gia, bà làm nghề thợ may; đến lúc trung niên, Ni trưởng Diệu Thiện xuất gia với một bậc cao Tăng người Hoa ở Chợ Lớn, thuộc Thiên phái Vân Môn, được đặt hiệu là Diệu Thiện. Sau khi xuất gia, Ni trưởng về vùng Châu Đốc để chiêm bái các danh thắng và lưu lại chùa Tây An. Vốn thích sống nơi yên tĩnh, Ni trưởng Diệu Thiện đã đi về phía tây núi Sam, sống một mình trong hang, nơi ít người lui tới để chuyên tâm tu hành. Ni trưởng chuyên tâm tụng kinh niệm Phật, không để ý đến việc tạo dựng chùa chiền, thu nhận đệ tử hay các hoạt động Phật sự bên ngoài. Tuy đây là vị Tỳ-kheo-ni đầu tiên trong lịch sử Phật giáo Nam Bộ, nhưng không tham gia các hoạt động phát triển Phật giáo của khu vực. Dù vậy, cư dân trong vùng vẫn hết sức ngưỡng mộ và truyền tụng về hành trạng của Người.

Những nhân vật khác chủ yếu sống dựa vào sự nâng đỡ của Tăng, như Tỳ-kheo-ni Diệu Danh. Ni trưởng Diệu Danh là đệ tử của Hòa thượng Hoằng Ân - Minh Khiêm (1850-1914). Từ khi khởi tâm theo Phật đến ngày xuất gia, Ni trưởng sống trọn đời phụng sự, hộ trì đời sống tu hành của chúng Tăng. Khi Hòa thượng bốn sư về chùa Tây An ở núi Sam, Ngài ở tại am do Ni trưởng cúng dường và còn phụng dưỡng, chăm lo cơm nước. Hiện nay, bàn thờ của Ni trưởng Diệu Danh đặt tại chùa Thới Hòa (quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh).

Còn có Tỳ-kheo-ni Diệu Tín, tục danh Phan Thị Lê, xuất thân là con quan Thủ hạp Định Tường. Bà xuất gia và tu học với Hòa thượng Chánh Hậu (1852-1923) ở chùa Vĩnh Tràng, Mỹ Tho. Năm 1925, đệ tử của Hòa thượng Chánh Hậu là Hòa thượng An Lạc (1874-1939) kế vị trụ trì chùa Vĩnh Tràng, đặt thêm một cây bảo đồng hai tầng riêng thờ Tỳ-kheo-ni Diệu Tín.

Như vậy, cho đến giai đoạn này, những vị nữ lưu chọn đời sống tu hành theo Phật giáo, tuy chưa được sự công nhận của cộng đồng chư Tăng, nhưng họ đã để lại dấu ấn quan trọng trong quá trình xây dựng Phật giáo Nam Bộ. Để hiện thực hóa ý chí xuất gia tu học của mình, trước hết, họ là những tín nữ thuần thành, chánh tín Tam bảo và có ý chí mạnh mẽ. Thứ nữa, họ là những người giàu có, có thể tự trang trải suốt quãng thời gian còn lại của cuộc đời; họ xuất thân trong những gia đình danh giá, và dựa vào vị thế, uy tín của gia đình để tồn tại. Cho dù luôn đương đầu với muôn vàn khó khăn, xuất gia trong sự phán xét khắt khe của xã hội thời bấy giờ, nhưng họ đã nỗ lực để vượt qua mọi chướng ngại và ghi tên mình vào lịch sử hình thành, phát triển Phật giáo Nam Bộ.

Thời đại nào cũng vậy, những yếu tố mới, như một trào lưu, “tổ chức mới”... muốn xuất hiện và tồn tại, đều phải đáp ứng những yêu cầu đặt ra của xã hội đương thời. Bước vào thế kỷ XX, đặc điểm của xã hội vẫn mang tính truyền thống, thậm chí phản đối vấn đề xuất gia của nữ giới. Vì vậy, để được dự vào hàng Tỳ-kheo, nữ giới phải nỗ lực và cố gắng rất nhiều so với nam giới. Tuy nhiên, trong cộng đồng Tăng thời kỳ này đã xuất hiện nhiều vị Hòa thượng có tư tưởng cởi mở hơn về phụ nữ và luôn sẵn lòng trợ giúp họ xây dựng đội ngũ Ni giới. Một thuận lợi khác trợ duyên cho tiến trình mở rộng phong trào tu tập trong Ni giới là phong trào chấn hưng Phật giáo, bắt đầu hình thành và lan rộng khắp Nam Bộ¹. Chính những vị Hòa thượng tiên phong trong phong trào này đã hướng dẫn, hỗ trợ, giúp đỡ, động viên, kêu gọi Phật tử ủng hộ Ni giới tu hành.

Từ những tiền đề ban đầu với những thuận lợi từ bên ngoài, ngay từ đầu thế kỷ XX, Tỳ-kheo-ni xuất hiện ngày càng nhiều và bắt đầu tìm cho mình chỗ đứng trong xã hội nói chung và Nam Bộ nói riêng. Xét trong giai đoạn này, Ni giới đã có những đóng góp nhất định, từ tham gia tổ chức giáo dục, xây dựng cơ sở tôn giáo, hoằng pháp,

¹ TS. Thích Thiện Tài (2021), “Phong trào chấn hưng Phật giáo ở Nam Bộ: Nguyên nhân, điều kiện và quá trình”, *Phật giáo vùng Nam Bộ trong thế kỉ XX*, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội, tr.75.

tham gia các hoạt động xã hội, cho đến tham gia phong trào kháng chiến giành độc lập cho dân tộc.

Giáo dục là lĩnh vực được các Ni sư tiền bối dành nhiều thời gian và công sức nhất. Ban đầu, các Tỳ-kheo-ni được thọ giới nhờ nhận các vị Hòa thượng làm thầy. Ngoài việc tu hành, công việc chủ yếu của Tỳ-kheo-ni là hỗ trợ công việc tu tập và hoằng dương Phật pháp của Tăng chúng. Bên cạnh đó, họ theo Tăng chúng học ở các trường gia giáo do các vị Hòa thượng mở để đào tạo chư Tăng. Thế nhưng, khi đội ngũ Ni chúng ngày càng đông, các vị Ni sư đã nghĩ đến xu hướng tách khỏi môi trường giáo dục chung với chư Tăng. Dưới sự động viên, khích lệ và tạo động lực to lớn của các vị Hòa thượng bốn sư, họ mạnh dạn bước ra xã hội để hoạt động độc lập. Một trong những việc quan trọng đầu tiên của các vị Ni sư tiên phong là mở trường dạy học để đào tạo Ni chúng, nhằm xây dựng phong trào tu hành cho nữ giới¹.

Dấu ấn đầu tiên được ghi nhận là sự xuất hiện của Tỳ-kheo-ni Hồng Nga - Diệu Ngọc (1885-1952). Người tên thật là Huỳnh Thoại Nga (thường được gọi là Hai Ngó), sinh trưởng trong một gia đình phú nông người Hoa lập nghiệp ở Bạc Liêu. Từ nhỏ, Ni trưởng Diệu Ngọc được học trường Tây và luôn có tâm ý làm việc thiện, thường xuyên xuất tiền của cứu tế đồng bào nghèo. Vốn bản tính cương nghị và có lòng mộ đạo, năm 1919, Ni trưởng Diệu Ngọc phát tâm sử dụng gia sản của mình để xây dựng chùa Giác Hoa tại tổng Thạnh An, làng Châu Hưng, tỉnh Bạc Liêu. Năm 1923, chùa xây xong và làm lễ khánh thành, Ni trưởng mời Hòa thượng Như Hiến Chí Thiên (1861-1933) về chứng minh và cũng xuất gia đầu Phật với pháp danh Hồng Nga, tự Diệu Ngọc. Đến năm 1927, Ni trưởng Diệu Ngọc khởi xướng mở trường gia giáo tại chùa. Đây là trường Phật học Ni đầu tiên và đẹp nhất của miền Tây Nam Bộ. Từ đó, trường là nơi quy tụ Ni chúng theo học, thời điểm đông nhất lên đến hàng trăm người, đây cũng là nơi khởi đầu cho một quá trình “gieo giống” và phát

¹ Nguyễn Gia Quốc (2008), Tlđd.

triển không ngừng của Ni giới. Từ đây, tập thể Tỳ-kheo-ni trí thức xuất hiện, họ bắt đầu ý thức được vấn đề xây dựng đội ngũ kế thừa bằng cách tham gia tổ chức thọ giới cho Tỳ-kheo-ni, tổ chức các hoạt động giáo dục,... Trường Gia giáo Giác Hoa đã đào tạo ra nhiều vị danh Ni rồi đây sẽ đứng ra vận động, kêu gọi nữ lưu tham gia tu hành và hoạt động xã hội với tư cách là người đệ tử xuất gia của Đức Phật như: sư Hồng Khoái Diệu Chí (1904-1988), Hồng Tích Diệu Kim (1908-1976), Hồng Thọ Diệu Tịnh (1910-1942),...

Kế tiếp Ni sư Hồng Nga, rất nhiều danh Ni xuất hiện và đóng góp công sức cho việc đào tạo Ni chúng, trong đó có thể kể đến những vị có vai trò và tầm ảnh hưởng lớn như: Ni sư Diệu Tịnh, Diệu Tánh, Diệu Tấn,... Họ là những Ni sư tiên phong trong lĩnh vực giáo dục. Tư tưởng lớn luôn gặp nhau. Ba vị Ni sư là những người đầu tiên hướng ra phía Bắc tìm đường học đạo, mong tích lũy kiến thức Phật học để góp phần xây dựng phong trào tu hành cho Ni giới miền Nam. Chính nhờ những chuyến đi tìm sư học đạo như vậy mà họ đã nhận thức được trách nhiệm đối với sự phát triển của Ni giới Nam Bộ¹.

Khi hoàn thành con đường tìm sư học đạo, họ trở về Nam, bắt đầu xây dựng các Ni trường. Ni sư Diệu Tấn mở trường Kim Sơn. Đây là ngôi trường dạy Ni chúng đầu tiên của vùng Sài Gòn - Gia Định. Rất nhiều chư Ni trưởng thành từ ngôi trường này và đóng góp công sức xây dựng Ni bộ vững mạnh về sau. Ni sư Diệu Tịnh là người chịu khó đi lại khắp các vùng Lục tỉnh để kêu gọi Ni giới bước ra phục vụ xã hội. Ni sư Diệu Tấn vận động thành lập nhiều trường gia giáo. Đầu tiên, Người tham gia làm Chánh Duy-na, thủ lãnh Ni và được công nhận là Giáo thọ Ni ở trường hương chùa Giác Hoàng (Bà Điểm), sau đó là các trường hương ở khắp miền Lục tỉnh. Ni sư Diệu Tánh (tự Như Thanh) là người có công lớn trong việc hình thành hệ thống Ni trường ở Sài Gòn - Gia Định, bao gồm chùa Huê

¹ Thích Minh Cảnh (2018), “Các trường học Ni ở Nam Bộ vào nửa đầu thế kỷ XX”, <https://nigioivietnam.vn/cac-truong-hoc-ni-o-nam-bo-vao-nua-dau-the-ky-20/>, truy cập ngày 29/9/2023.

Lâm, Từ Nghiêm, Dược Sư. Con đường giáo dục Nĩ chúng đã thành nếp và có hệ thống từ đây.

Công cuộc phát triển Nĩ giới gắn liền với phong trào xây dựng chùa Nĩ. Những ngôi chùa này có thể là của chư Nĩ tự vận động công đức xây dựng, như chùa Giác Hoa - ngôi chùa Nĩ đầu tiên được ghi nhận ở miền Nam - do Nĩ sư Hồng Nga xây dựng bằng gia sản riêng của mình; chùa Từ Hóa (nay là chùa Hải Ấn) ở Gia Định, do Sư bà Diệu Tịnh vận động tạo dựng. Có thể là chùa của chư Tăng cúng dường như chùa Phước Huệ do Hòa thượng Chánh Quả (trụ trì chùa Kim Huệ) giao cho Nĩ sư Như Hoa. Hoặc là chùa do Phật tử xây dựng rồi hiến cúng, như chùa Huệ Lâm - Tổ đình của Nĩ bộ Bắc Tông, do gia đình bà Trần Thị Nhiều lập cho dòng họ tu hành, đến năm 1953 thì hiến cúng Sư trưởng Như Thanh.

Trong lĩnh vực hoằng pháp, Nĩ sư Diệu Tịnh là người đầu tiên xuất hiện với tư cách một pháp sư, đã tạo được dấu ấn mạnh mẽ và góp phần xây dựng hình ảnh Nĩ giới trong xã hội đương thời. Từ rất sớm, Sư bà đã nhận thức được việc cần phải khuyến khích phong trào tu tập trong nữ giới. Nữ giới muốn có đời sống tu tập thuận lợi, người tu hành phải tạo được uy tín trong cộng đồng Phật tử. Để đạt được điều đó, họ phải tham gia truyền bá Phật pháp, xây dựng đoàn thể riêng, chứ không chỉ dừng lại ở việc theo thầy tu tập¹. Trên cơ sở đó, Sư bà Diệu Tịnh dành nhiều thời gian cho công cuộc hoằng pháp; đến đâu Sư bà cũng sẵn lòng đăng đàn thuyết pháp. Ngay từ khi còn đi học, Sư bà đã đăng đàn thuyết pháp khắp các miền. Tại miền Bắc, Sư bà tham gia thuyết pháp ở chùa Phổ - Hưng Yên; về Trung, Sư bà vào cung thuyết giảng *Phạm Võng lược* số cho Thái hậu Từ Cung, thuyết pháp ở chùa Diệu Đức; về Bình Định, Sư bà thuyết pháp ở chùa Thiên Hưng. Bức chân của Sư bà ghi dấu trên khắp miền Lục tỉnh Nam Kỳ. Sư bà là vị Nĩ đầu tiên đăng tòa thuyết pháp giữa bao

¹ Thích nữ Huệ Lợi (2021), “Giáo dục Nĩ giới trong phong trào chấn hưng Phật giáo Việt Nam giai đoạn nửa đầu thế kỷ XX”, <https://tapchinhienlucvuphathoc.vn/giao-duc-ni-gioi-trong-phong-trao-chan-hung-phat-giao-viet-nam-giai-doan-nua-dau-the-ky-xx.html>, ISSN: 2734-9195, truy cập ngày 15/10/2023.

tiếng thị phi, phản đối, phá hoại của những cá nhân mang nặng thành kiến với phụ nữ¹. Danh tiếng của Sư bà vang xa, từ đó, Ni giới Nam Bộ cũng hưởng theo phần công đức ấy. Sư bà Diệu Tịnh là một vị Tỳ-kheo-ni lỗi lạc và là tấm gương cho Ni giới hậu thế tự hào.

Trong giai đoạn này, các Sư bà đã tham gia tích cực vào công tác dịch thuật. Rất nhiều kinh sách đã được trước tác, dịch thuật bởi các vị Ni lỗi lạc. Trong đó, có thể kể đến hai nhân vật tham gia nhiều nhất trong công cuộc phiên dịch là Sư bà Diệu Tịnh và Sư trưởng Như Thanh. Sư bà Diệu Tịnh đã tham gia dịch thuật các tác phẩm: *Kinh Vu lan*, *Kinh Phổ môn*, *Kinh Pháp bảo đàn*, *Kinh Phát Bồ đề tâm*, *Nghi thức tụng niệm*,... Ngoài ra, Sư bà còn tham gia làm thơ, viết báo đăng trên Tạp chí *Từ Bi Âm* của Phật giáo Nam Bộ. Công trình trước tác, dịch thuật của Sư trưởng Như Thanh khá nhiều, từ Kinh, Luật, Luận đến các công trình nghiên cứu, thơ, bài viết..., đóng góp không nhỏ vào những nghiên cứu Phật học nổi tiếng trong lịch sử Ni giới nói riêng và Phật giáo Việt Nam nói chung.

Trong giai đoạn đầu thế kỷ XX, các vị Ni sư đã quan tâm và phát triển hoạt động cộng đồng, công tác xã hội. Ở Bạc Liêu, Ni sư Hồng Nga phát động phong trào cho các phú hộ, điền chủ vùng Bạc Liêu xây dựng chùa, vận động các tín đồ cùng mình phát tâm in *Kinh Đại bi xuất tượng* và *Kinh Tam bảo*. Người cũng tham gia công tác cứu trợ bà con nghèo để cứu đói trong giai đoạn 1945-1947. Ni sư Diệu Tấn, ngoài việc mở trường dạy Ni chúng, cũng tham gia xây dựng ký nhi viện, viện dưỡng lão để giúp đỡ người cơ nhỡ; xây dựng chùa Phước Huệ, Sa Đéc trở thành cơ sở cô nhi viện. Một trong những vị Ni tham gia công tác xã hội nhiều nhất là Sư trưởng Như Thanh. Bắt đầu từ việc xây dựng hệ thống trường Kiều Đàm dạy thiếu nhi nhà nghèo, hiếu học; thành lập nhiều ký nhi viện, cô nhi viện cũng mang tên Kiều Đàm; đến việc tổ chức các lớp dạy nghề, mở phòng thuốc Nam, thuốc Tây, cấp phát thuốc cho dân nghèo..., tất cả các hoạt động trên

¹ NS. TS. Như Nguyệt (2021), “Nữ giới Phật giáo Nam Bộ - Những chặng đường chuyển tiếp giao thoa và phát triển”, *Phật giáo vùng Nam Bộ trong thế kỉ XX*, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội, tr.437.

đều hoàn toàn miễn phí. Cho đến nay, hướng đi này vẫn là một trong những hoạt động quan trọng của Ni giới Phật giáo Nam Bộ nói riêng và Việt Nam nói chung. Chính công việc này đã góp phần củng cố vai trò và vị thế của Ni chúng trong xã hội, đồng thời khẳng định hoạt động tích cực của Ni giới đóng góp vào sự phát triển chung của xã hội¹.

Một trong những hoạt động xã hội nổi bật của Ni giới phải kể đến là quá trình tham gia đấu tranh cách mạng giải phóng dân tộc. Chùa Giác Hoa ở Bạc Liêu là ngôi chùa Ni đầu tiên tham gia nuôi giấu cán bộ cách mạng. Chùa Phước Huệ - Sa Đéc cũng là một trong những nơi nuôi dưỡng và che giấu cán bộ trong những năm tháng kháng chiến. Sư bà Diệu Tấn là người trực tiếp tham gia các hoạt động này. Trường Kim Sơn do Sư bà mở là nơi nuôi dưỡng con em các gia đình hoạt động cách mạng. Đây cũng là nơi che giấu lực lượng cách mạng trong cuộc Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945. Chính vì tham gia tích cực vào phong trào đấu tranh yêu nước mà Sư bà bị kẻ thù bắt tra tấn, đả rồi lâm bệnh và viên tịch khi tuổi đời còn rất trẻ. Cuộc chiến tranh giành độc lập của đất nước về sau còn ghi nhận công lao của Ni sư Huỳnh Liên. Ni sư là người xây dựng tổ chức Ni giới Khất sĩ, tham gia tích cực vào nhiều hoạt động đấu tranh chống chiến tranh Việt Nam trong thời kỳ chống Mỹ. Rải rác khắp nơi, những vị Ni sư như những bà mẹ hiền luôn dang rộng vòng tay, đón nhận và che chở cho cán bộ hoạt động cách mạng. Tên tuổi của họ còn lưu lại trong các trang sử của dân tộc.

Một trong những hoạt động nổi bật khác của Ni giới nói riêng và Phật giáo miền Nam nói chung là tiến trình vận động thành lập Ni bộ Bắc Tông miền Nam. Nhân vật nổi bật nhất là Sư trưởng Như Thanh. Bà là người có tầm nhìn sâu rộng và có uy tín rất lớn trong cộng đồng Ni giới khắp miền Nam thời bấy giờ. Khi nhận được lời giáo huấn của chư vị Hòa thượng Tôn túc và Giáo hội Tăng già Nam Việt, Sư trưởng Như Thanh đã đi vận động các tổ đình Ni trên khắp miền

¹ Nguyễn Gia Quốc (2008), Tlđd.

Nam để thành lập Ni bộ¹. Đây được xem là hoạt động khá sôi nổi của Ni giới khi tiến đến hình thành một tổ chức riêng của mình.

Xuyên suốt chiều dài lịch sử, kể từ khi xuất hiện những mầm mống đầu tiên đến thời kỳ phát triển đỉnh cao, Ni giới miền Nam đã có nhiều đóng góp cho sự phát triển của Ni giới Việt Nam nói riêng, cho sự nghiệp hoằng pháp Phật giáo và sự phát triển của xã hội Việt Nam nói chung. Xuất phát từ lòng mộ đạo, chánh tín Tam bảo cùng với một ý chí, nghị lực phi thường, các vị Ni sư tiên phong đã để lại những dấu ấn không thể phai nhạt trong lịch sử Phật giáo dân tộc. Nhìn chung, tiến trình hình thành và phát triển của Ni giới ở Nam Bộ giữ một vai trò quan trọng trong cuộc cách mạng làm thay đổi nhận thức xã hội về nữ giới nói chung, nữ giới Phật giáo nói riêng.

2. Ni giới trẻ Nam Bộ hiện đại: Học hỏi, kế thừa và phát triển

Ni giới ngày nay được thừa hưởng những thành quả cao quý do các vị tiền bối kiến lập, đó là một nền tảng vững chắc với đầy đủ các hoạt động từ giáo dục, hoằng pháp, dịch thuật, đến từ thiện xã hội. Đây có thể coi là một lợi thế đặc biệt quan trọng giúp Ni giới bước vào xã hội hội nhập và phát triển. Nếu không có những vị Ni tiên phong đó thì rất khó để xây dựng một tập thể Ni giới vững mạnh như ngày nay - tồn tại trong lòng của Giáo hội, cùng góp sức với chư Tăng trong việc xây dựng Tăng đoàn Phật giáo Việt Nam, làm cho Giáo hội ngày càng phát triển trên bình diện quốc gia và quốc tế.

Có thể khẳng định rằng, hình ảnh và dấu chân hành đạo của các quý Sư bà xưa đã sặc sỡ rất nhiều cho Ni trẻ ngày nay. Tuy nhiên, việc tìm hiểu sử xưa của Ni giới, hay là việc ôn nhắc truyền thống, học tập phong cách của chư Ni tiền bối chưa được thực hiện thường xuyên nơi mỗi tự viện cũng như từ Phân ban Ni giới. Thiết nghĩ, công việc này cần phải được hiện thực hóa bằng chính cách giáo dục truyền thống trong nhà chùa; đồng thời, cần hình thành một môn học trong trường Sơ - Trung cấp Phật học nhằm vun đắp niềm tự hào và

¹ Thích nữ Diệu Hương (1938), “Ý kiến của Ni lưu”, *Duy Tâm Phật học*, số 29, tr.243.

lòng biết ơn, sự kính ngưỡng đối với công hạnh của chư Ni tiền bối. Đó cũng là một cách tạo động lực dẫn thân cho Ni trẻ hiện nay.

Trong bối cảnh hiện nay, việc khinh - trọng (ảnh hưởng của Nho giáo trong nếp sống nhà chùa) chưa hẳn đã hết, nên việc mạnh mẽ “chuyển mình” ra khỏi những ràng buộc vô hình đó cũng là điều cần thiết cho ý thức tự chủ, dẫn thân làm đạo của Ni giới đương thời. Tuy nhiên, những nhận xét nêu trên không có nghĩa là “ly Tăng”, không giữ gìn “Bát Kinh Pháp” Phật chế. Điều cốt yếu là phải nâng cao hơn nữa vai trò và vị thế của Ni trẻ - những vị Ni có cả trình độ Phật học và thế học do được đào tạo căn bản trong hệ thống giáo dục Phật giáo đương đại.

Một hiện thực khách quan trong bối cảnh hiện nay là Ni trẻ đã được Thầy Tổ tạo điều kiện tham gia học tập (cả thế học lẫn Phật học) bởi tư tưởng cởi mở, truyền thông khai mở và nhận thức rõ được giá trị của việc giáo dục - đào tạo chính quy¹. Với ba học viện (có Ni đi học) ở Hà Nội, Huế, Thành phố Hồ Chí Minh, Ni sinh không những chiếm số lượng đông đảo mà còn đạt được thứ hạng cao trong học tập; thủ khoa là Ni sinh cũng chiếm tỷ lệ cao.

Con đường tu học và hành đạo của Ni giới hiện đại có nhiều triển vọng và tương lai rộng mở. Thực tế cho thấy, ngày nay, có nhiều vị Ni không chỉ tốt nghiệp ở các trường Phật học trong nước mà còn đi học các bậc học cao hơn ở nước ngoài. Có những vị tốt nghiệp thạc sĩ, tiến sĩ Phật học, trở về nước giảng dạy, hoằng pháp, làm công tác xã hội nổi bật và cũng là lãnh đạo Phân ban Ni giới các địa phương, tham gia công việc tại Phân ban Ni giới Trung ương...

Do vậy, việc sử dụng và bố trí các vị trí tương xứng với năng lực và nguyện vọng cống hiến của chư Ni có thực học, thực tu là điều rất quan trọng và cần được quan tâm, xem xét một cách kỹ lưỡng, có hiệu quả. Qua quá trình thực hiện công việc, các vị sẽ tiếp nối sự

¹ Thích Trí Quảng (2008), “Vai trò của Ni giới Việt Nam trong xã hội hiện nay”, <https://thuvienhoasen.org/p80a4699/2/vai-tro-cua-ni-gioi-viet-nam-trong-xa-hoi-hien-nay-thich-tri-quang>, truy cập ngày 17/10/2023.

nghiệp của chư Ni tiền bối, đồng thời ứng dụng những kỹ năng chuyên môn đã được đào tạo cùng kinh nghiệm thực tế trong quá trình tu tập của mình, làm cho Phật pháp được lan tỏa trong đời sống xã hội.

Công tác truyền thông Phật giáo được Đại hội Phật giáo toàn quốc lần VIII (diễn ra hồi tháng 11/2017, tại Hà Nội) xác định là lĩnh vực đặc biệt quan trọng, góp phần hoằng truyền Chánh pháp, nâng cao vai trò và hình ảnh của Phật giáo trong lòng công chúng¹. Thực tế trên cho thấy, sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin và truyền thông, những giá trị tốt đẹp của Phật giáo được lan tỏa rộng rãi trong đời sống nhân dân. Đây là một lĩnh vực quan trọng mà chư Ni cần đầu tư để góp sức cùng với Giáo hội, cụ thể là Ban Thông tin - Truyền thông Trung ương, cũng như các tỉnh, thành mình đang tu học.

Thời gian vừa qua, một khóa tập huấn về truyền thông Phật giáo tại huyện Phú Quốc (Kiên Giang) đã được tổ chức. Tại chương trình, chư Tăng, chư Ni đã được lĩnh hội rất nhiều bài học bổ ích cho công tác truyền thông Phật giáo trong thời đại mới và nhận thấy vai trò của ngành truyền thông đối với việc xiển dương đạo Phật. Mỗi công tác Phật sự tại chùa Ni ở các địa phương được chính chư Ni làm cầu nối thông qua cổng thông tin Phật giáo (của Ni giới nói riêng và của Phật giáo tỉnh, của Ban Thông tin - Truyền thông Trung ương, các báo đài Phật giáo nói chung) sẽ khẳng định và lan tỏa hình ảnh phụng sự, dẫn thân của Ni giới hiện đại. Thực trạng hiện nay cho thấy, Ni giới Việt Nam đã thực hiện rất nhiều hoạt động Phật sự nhưng lại thiếu truyền thông đến đại chúng, gây khó khăn cho giới thiệu hình ảnh của chư Ni và các hoạt động tốt đẹp cũng khó được lan tỏa rộng rãi.

Có nhiều quan điểm cho rằng, việc phụng sự nên âm thầm. Tuy nhiên, nếu truyền thông đúng cách, sẽ giúp kích thích hoạt động sôi nổi hơn, nhân rộng hình ảnh đẹp về Ni giới và khẳng định vai trò, vị

¹ Thích nữ Giới Hương (2019), “Ni giới Việt Nam ngày nay”, <https://thuvienhoasen.org/p80a32952/2/ni-gioi-viet-nam-ngay-nay>, truy cập ngày 15/10/2023.

thế của Nĩ giới trong bối cảnh hiện nay. Từ đó, nhân rộng và phát triển những việc làm ích đạo, lợi đời của chư Nĩ. Nhờ được truyền bá rộng rãi nên quần chúng Phật tử, những người chưa biết đạo Phật, có thể tiếp cận dễ dàng, có cảm tình và tìm hiểu, quy hướng Tam bảo¹. Như vậy, truyền thông cũng chính là hoàng pháp. Từ mục đích và vai trò của truyền thông Phật giáo, Phân ban Nĩ giới cần có một tiểu ban Thông tin - Truyền thông để công tác này được chuyên môn hóa, cụ thể hóa hơn trong tương lai, đặc biệt là trước xu thế Cách mạng công nghệ 4.0 đang diễn ra mạnh mẽ hiện nay.

Tuy nhiên, cần phải lưu ý một số vấn đề. Hiện nay, mạng xã hội trở thành công cụ không thể thiếu trong đời sống con người. Đó là kênh giải trí, xả stress, giao lưu, kết bạn và cũng tiềm ẩn nhiều nguy cơ mất an toàn như: thông tin chưa được kiểm chứng, tin giả, thông tin sai sự thật... Không một cá nhân hay tổ chức nào nằm ngoài tầm ảnh hưởng của công nghệ. Nắm bắt được thời cơ phát triển đó, Nĩ giới hiện đại cũng tích cực tham gia vào công cuộc phát triển đời sống trên Internet và vận dụng trong cuộc hành đạo của bản thân. Tuy nhiên, Nĩ giới cần có sự cẩn trọng và tuân thủ những chuẩn mực nhất định, không tùy tiện thể hiện bản thân với những cảm xúc mang tính đời thường, thế tục,... Phân ban phải hướng dẫn Nĩ giới trẻ sinh hoạt, tu học theo Giới Luật Phật chế, Hiến chương Giáo hội Phật giáo Việt Nam và đường lối, chính sách của Đảng, quy định, pháp luật của Nhà nước. Để có thể hạn chế cảm xúc thế tục và những hành vi thiếu chuẩn mực trên mạng xã hội, Giáo hội Phật giáo nói chung và Nĩ giới nói riêng cần xây dựng một bộ quy tắc ứng xử chung trên không gian mạng, ví dụ như có khuyến cáo, quy định về việc sử dụng Facebook cùng các trang mạng xã hội khác.

Thông qua những buổi sinh hoạt Nĩ giới các cấp, sinh hoạt nội viện, các vị trụ trì cần thường xuyên nhắc nhở, uốn nắn phong cách Nĩ trẻ, không chỉ oai nghi trong chùa (đi, đứng, nằm, ngồi) mà còn oai nghi

¹ Thích nữ Hương Nhũ (2010), “Nĩ giới Việt Nam hiện nay”, <https://thuvienhoasen.org/p80a4650/2/ni-gioi-viet-nam-ngay-nay-thich-nu-huong-nhu>, truy cập ngày 01/10/2023.

trên không gian mạng xã hội. Đây là vấn đề hết sức quan trọng và mang tính thời đại, cấp bách trong bối cảnh “thế giới phẳng” như hiện nay¹. Việc giáo dục về hình ảnh Ni giới là một trong những nội dung cần thiết của giáo dục trong nhà chùa, từ đó xây dựng, phát triển, củng cố vị trí của Ni giới trong dòng chảy của Phật giáo Việt Nam.

Ngoài ra, còn một vấn đề đặt ra khi các trụ trì ngày nay dễ dàng “độ” người xuất gia, dễ dàng cho thọ giới, thiếu giáo dục về oai nghi, tế hạnh, sớm để đệ tử ra làm việc khi chưa được giáo dưỡng thành một Thích tử Ni vững chãi... Điều này cũng làm cho đạo hạnh Ni giới bị ảnh hưởng khi trong tập thể có những vị chưa thật “sống đạo”. Người xưa nói: “Quý hồ tinh, bất quý hồ đa”; khi chỉ có ít chư Ni, các Ngài đã tạo ra một nền móng quan trọng, đáng tự hào cho sự hình thành và phát triển cộng đồng Ni sư. Ngày nay, số lượng Ni ngày càng lớn, thậm chí nhiều nơi đông hơn chư Tăng, nhưng lại ít có chư Ni đạt được địa vị cao như các “cây đa cây đề” trước đây.

Kết luận

Có thể khẳng định, trong tinh thần “ôn cố tri tân”, để sách tấn việc tu, việc học, việc mở lối đi trong những khó khăn nhất định là một thử thách đối với Phân ban Ni giới. Trong bất kỳ giai đoạn nào, Ni giới Việt Nam cũng gặp những khó khăn, thử thách, bao gồm cả quan niệm “trọng nam khinh nữ” tuy đã được gỡ bỏ nhưng vẫn còn tồn tại ít nhiều trong lòng xã hội Việt Nam hiện đại. Vấn đề quan trọng là hành đạo đúng Chánh pháp thì mỗi vị Ni sẽ trở thành một nhà tu hành, nhà hoằng pháp, tạo nên công đức tự thân và làm lợi cho cuộc đời, giúp nhiều người hiểu đạo, giải thoát con người khỏi khổ đau. Có thể khẳng định, hành động đó cũng là đang đi theo lý tưởng tu hành của mỗi người ngay từ buổi đầu phát Bồ-đề tâm: “thượng cầu Phật đạo, hạ hóa chúng sanh”.

¹ Thích nữ Giới Hương (2019), Tlđđ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Thích Minh Cảnh (2018), “Các trường học Ni ở Nam Bộ vào nửa đầu thế kỷ XX”, <https://nigioivietnam.vn/cac-truong-hoc-ni-o-nam-bo-vao-nua-dau-the-ky-20/>, truy cập ngày 29/9/2023.
2. Thích nữ Diệu Hương (1938), “Ý kiến của Ni lưu”, *Duy tâm Phật học*, số 29, tr.243.
3. Thích nữ Giới Hương (2019), “Ni giới Việt Nam ngày nay”, <https://thuvienhoasen.org/p80a32952/2/ni-gioi-viet-nam-ngay-nay>, truy cập ngày 15/10/2023.
4. Thích nữ Huệ Lợi (2021), “Giáo dục Ni giới trong phong trào chấn hưng Phật giáo Việt Nam giai đoạn nửa đầu thế kỷ XX”, <https://tapchinhienquuphathoc.vn/giao-duc-ni-gioi-trong-phong-trao-chan-hung-phat-giao-viet-nam-giai-doan-nua-dau-the-ky-xx.html>, truy cập ngày 15/10/2023.
5. NS. TS. Như Nguyệt (2021), “Nữ giới Phật giáo Nam Bộ - Những chặng đường chuyển tiếp giao thoa và phát triển”, *Phật giáo vùng Nam Bộ trong thế kỉ XX*, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội.
6. Thích nữ Hương Nhũ (2010), “Ni giới Việt Nam hiện nay”, <https://thuvienhoasen.org/p80a4650/2/ni-gioi-viet-nam-ngay-nay-thich-nu-huong-nhu>, truy cập ngày 01/10/2023.
7. Thích Trí Quảng (2008), “Vai trò của Ni giới Việt Nam trong xã hội hiện nay”, <https://thuvienhoasen.org/p80a4699/2/vai-tro-cua-ni-gioi-viet-nam-trong-xa-hoi-hien-nay-thich-tri-quang>, truy cập ngày 17/10/2023.
8. Nguyễn Gia Quốc (2008), “Ni giới Nam Bộ nửa đầu thế kỉ XX”, <https://giacngo.vn/ni-gioi-nam-bo-nua-dau-the-ky-xx-post125.html>, truy cập ngày 30/8/2023.

9. Quốc sử quán triều Nguyễn (2000), *Đại Nam liệt truyện*, tập 2, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội.
10. TS. Thích Thiện Tài (2021), “Phong trào chấn hưng Phật giáo ở Nam Bộ: Nguyên nhân, điều kiện và quá trình”, in trong: *Phật giáo vùng Nam Bộ trong thế kỉ XX*, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội.

BA BÀI HỌC KINH NGHIỆM QUÝ BÁU CẦN KẾ THỪA

TỪ NI BỘ BẮC TÔNG

TS. Dương Hoàng Lộc

Một sự kiện đặc biệt, độc đáo trong lịch sử Phật giáo Việt Nam hơn 2.000 năm là sự ra đời của tổ chức Ni bộ Nam Việt (1956), sau đổi tên thành Ni bộ Bắc Tông (1964). Mặc dù chỉ hoạt động khoảng 20 năm, nhưng Ni bộ Bắc Tông đã để lại dấu ấn quan trọng, trở thành tiền đề vững chắc giúp phát triển Ni giới Việt Nam hiện nay. Nhìn chung, thành tựu của Ni bộ Bắc Tông được thể hiện trên nhiều phương diện, không chỉ dừng ở tu tập mà còn trên lĩnh vực hoằng pháp, giáo dục, từ thiện xã hội, văn hóa, báo chí,... Qua đó giúp khẳng định trình độ, năng lực và tâm huyết của chư Ni thuộc Ni bộ Bắc Tông trong việc xiển dương Phật pháp, làm lợi ích cho nhân sinh. Thiết nghĩ, việc rút ra những bài học kinh nghiệm quý báu từ Ni bộ Bắc Tông để Ni giới ngày nay kế thừa, vận dụng nhằm đóng góp thiết thực hơn nữa vào sự lớn mạnh của ngôi nhà Phân ban Ni giới Trung ương nói riêng, Giáo hội Phật giáo Việt Nam nói chung là cần thiết và mang ý nghĩa thực tiễn.

Trước tiên, Ni bộ Bắc Tông là tổ chức thống nhất với quy mô lớn, mang tính hệ thống, phân cấp rõ ràng, có kỷ cương nên tạo ra sự gắn kết, ý thức tổ chức, sự phối hợp nhịp nhàng trong các hoạt động từ cấp Trung ương đến địa phương và các tự viện Ni. Điều này hoàn toàn khác với tình hình trước đó qua nhận định: “Ni chúng miền Nam có mặt rải rác khắp các tỉnh, hoạt động riêng rẽ và tự điều động theo điều kiện cá nhân, nay đã được chuẩn bị để kết thành khối

thống nhất”¹. Năm 1956, Đại hội thành lập Ni bộ Nam Việt đã bầu ra Ban Quản trị cấp Trung ương, gồm Ni trưởng chánh thức, Ni phó, Tổng Thư ký và Phó Thư ký, Chánh thủ bổn và Phó thủ bổn, phụ trách giám luật, phụ trách nghi lễ, phụ trách giáo dục, phụ trách tổ chức, phụ trách truyền chuyển, phụ trách kiểm soát, chương bộ tịch, phụ trách thường trực. Ngoài ra, Ni bộ Nam Việt ban hành nội quy hoạt động, Ni giới bắt buộc phải tuân thủ. Đặc biệt, Ni bộ Nam Việt xây dựng trụ sở là chùa Từ Nghiêm (1957) làm nơi hoạt động, hội họp thường xuyên, nhất là điều hành toàn bộ hoạt động Phật sự của Ni bộ thời đó. Sau đó, lần lượt Ni bộ các tỉnh ra đời, chịu sự chỉ đạo, quản lý và bổ nhiệm của Ni bộ Nam Việt: “Ni bộ tỉnh liên lạc với Ni bộ Trung ương, thực hiện các chương trình do Ban Quản trị Ni bộ đề xuất, kiểm soát việc học hành và giới đức của Ni chúng trong tỉnh mình, những yêu cầu cần thiết về giảng sư, giáo thọ hoặc trụ trì. Ni bộ Trung ương có thể bổ nhiệm người về”². Đặc biệt, năm 1964, Ni bộ Nam Việt và Trung Việt thống nhất, đổi tên thành Ni bộ Bắc Tông, trực thuộc Tổng vụ Tăng sự của Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất. Kỳ yếu Đại hội Ni bộ Bắc Tông năm 1972 cho biết, tại đại hội này, chư Ni tham dự thảo luận chương trình nghị sự, thống nhất quan điểm trong hoạt động tổ chức: Chính đốn quy củ các tự viện, học viện, chỉnh đốn nghi lễ cúng bái và nghi lễ tôn xưng phẩm chức cùng ngôi vị của toàn thể Ni giới, nghi lễ phụng thờ đối với các bậc tiền bối Tăng, Ni quá vãng, ấn định quy chế các Phật học Ni viện, ấn định quy chế Ni tự, ấn định quy chế các cơ quan xã hội, ấn định quy chế thu nhận Ni chúng vào tự viện, ấn định quy chế thọ giới,... Qua đây giúp cho Ni bộ cấp Trung ương điều hành, triển khai, quản lý mọi hoạt động, nhất là phương diện Giới Luật, nghi lễ của các tự viện Ni và Ni chúng toàn miền Nam thời đó. Cụ thể, trường hợp tổ chức đại giới đàn, Ni bộ tổ chức 3 năm một lần tại trụ sở Trung ương chùa Từ Nghiêm. Tại mỗi kỳ giới đàn đều có các buổi kiểm tra, khảo hạch, chọn lựa giới tử, không khí trang nghiêm, thuần cần khiến cho Ni

¹ Tỳ-kheo-ni Như Đức (2009), *Lược sử Ni giới Bắc Tông Việt Nam*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr.95.

² Tỳ-kheo-ni Như Đức (2009), *Sdd*, tr.97.

chúng ý thức được sự quan trọng của việc thọ giới¹. Ngoài ra, Đại hội Ni bộ Bắc Tông năm 1972 đi đến thống nhất việc tổ chức giới đàn như sau: Đại giới đàn bên Ni bộ chỉ được mở ra trong hai miền Nam và Trung phần. Các tỉnh miền Tây thì nên tựu về Trung ương vì rất gần Sài Gòn nhằm đem lại tình đoàn kết chặt chẽ hơn. Nếu ở Huế mở đại giới đàn thì phải xin phép Ni bộ Trung ương và xin cấp phát chứng điệp. Riêng các tỉnh muốn mở trung - tiểu giới đàn thì phải từ 20 vị giới tử trở lên, phải thông qua khảo hạch theo quy chế, được sự chấp thuận của đại diện Ni bộ tỉnh và Ni bộ Trung ương. Chứng điệp do Ni bộ Trung ương cấp phát². Bên cạnh đó, nhằm thống nhất tôn xưng phẩm chức và ngôi vị của Ni giới hai miền Trung - Nam khác nhau trước đó, sau khi thảo luận, Ni bộ Bắc Tông quy định: Từ 30 hạ trở lên được gọi là Sư bà, Sư trưởng; từ 25 hạ trở lên gọi là Ni sư; từ 15 hạ trở lên gọi là Sư cô; từ 5 hạ trở lên gọi là Ni cô...³. Qua đây cho thấy công tác lãnh đạo, chỉ đạo và quản lý của Ni bộ cấp Trung ương là toàn diện, sâu sát, nhất quán và nghiêm túc. Nhờ vậy, hoạt động của Ni giới các cấp triển khai đúng đường hướng, mục tiêu đề ra. Những vấn đề quan trọng được thảo luận công khai rồi mới thống nhất ý chí triển khai hoạt động. Từ đó, Ni bộ xây dựng được sự đoàn kết tập thể xuyên suốt trong khoảng 20 năm hình thành, phát triển, vượt qua bao chông gai, thử thách.

Thứ hai, Ni bộ Bắc Tông quy tụ được nhiều vị Ni tài đức, bản lĩnh trong năng lực điều hành và am tường chuyên môn ở nhiều lĩnh vực, có uy tín cao trong Phật giáo và ngoài xã hội, nhất là đề cao tinh thần đoàn kết, hòa hợp, hết lòng phụng sự cho sự phát triển Phật giáo cũng như Ni bộ. Ni bộ Bắc Tông để lại những thành tựu to lớn và quý báu thông qua nhiều hoạt động đạo lẫn đời mang ý nghĩa trước hết là nhờ vào trí tuệ, công lao, tài đức, sự dẫn thân của nhiều thế hệ tham gia đóng góp. Có thể kể đến nhiều vị danh Ni nhiệt tâm đóng góp xây dựng ngôi nhà Ni bộ Bắc Tông vững vàng trước bao biến động

¹ Tỳ-kheo-ni Như Đức (2009), Sdd, tr.101.

² *Kỷ yếu Đại hội Ni bộ Bắc Tông năm 1972*, tr.34-35.

³ *Kỷ yếu Đại hội Ni bộ Bắc Tông năm 1972*, tr.36.

của thời cuộc: Sư trưởng Như Thanh, Ni trưởng Huyền Học, Ni trưởng Liễu Tánh, Ni trưởng Như Hoa, Ni trưởng Diệu Ninh, Ni trưởng Như Chí, Ni trưởng Chí Kiên, Ni trưởng Như Châu, Ni trưởng Như Huy, Ni trưởng Giác Nhẫn,... Năm 1964, khi Ni bộ Trung Việt gia nhập, tổ chức Ni bộ Bắc Tông có thêm nhiều vị Ni nổi tiếng đến từ miền Trung như: Ni trưởng Diệu Không, Ni trưởng Đàm Minh, Ni trưởng Thể Quán, Ni trưởng Như Hoa, Ni trưởng Tâm Đăng,... Sư trưởng Như Thanh - Vụ trưởng Ni bộ Bắc Tông luôn đề cao ý thức đoàn kết và hòa hợp toàn thể chư Ni, coi trọng nguyên tắc bình đẳng, không phân biệt vùng miền, kể cả sơn môn pháp phái: “Tu hành phân biệt khó thành, dùng tâm bình đẳng hạnh lành thanh cao”. Nhờ đó, Ni bộ Bắc Tông tập hợp được nhiều vị Ni đảm trách tốt nhiều lĩnh vực khác nhau. Hoạt động tích cực trên lĩnh vực hoàng pháp, có thể kể đến Ni trưởng Huyền Học, Huyền Huệ,... Nổi trội về hoạt động hành chánh là Ni trưởng Như Hoa, Ni trưởng Như Huệ,... Thông hiểu Giới Luật, phải nhắc đến Sư bà Thanh Lương. Về từ thiện, không thể không nhắc tên Sư bà Thể Yến, Sư bà Viên Minh,... Hoạt động y tế tích cực là Ni sư Như Ấn, Như Tâm,... Sôi nổi ở mảng văn nghệ có Ni sư Như Tín, Như Chiếu,... Rành rẽ khoa nghi lễ là Ni sư Phước Hiên. Đặc biệt, Ni sư Trí Hải, một vị Ni tài đức song toàn và nổi tiếng thời đó, cũng được Sư trưởng Như Thanh mời tham gia Ni bộ, giúp cho hoạt động dịch thuật và giảng dạy. Ở đây, với tư cách là Vụ trưởng Ni bộ, Ni trưởng Như Thanh luôn tìm cách bảo vệ, ủng hộ các vị Ni tài được phát huy sở trường của mình đóng góp cho Ni bộ, không để tài năng của họ mai một, thụt lùi¹. Cũng nhờ đó mà Ni bộ Bắc Tông gặt hái thành quả trên các lĩnh vực ngoại giao, văn hóa, giáo dục, nghi lễ, từ thiện xã hội, thậm chí cả văn học, báo chí,...

Thứ ba, Ni bộ Bắc Tông luôn ưu tiên, coi trọng công tác đào tạo Ni tài, chủ trương đào tạo gắn liền với sử dụng hiệu quả thông qua phân công, bố trí chư Ni tham gia các công việc do Ni bộ đảm trách

¹ Ni sư Thích nữ Như Tâm (2019), “Nghĩ về di sản Sư trưởng Như Thanh”, in trong: NS. TS. Thích nữ Như Nguyệt (Chủ biên), *Di sản Sư trưởng Như Thanh kế thừa - phát triển Ni giới Việt Nam*, Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh, tr.275-276.

nhằm phát huy tối đa năng lực của Nī giới để phụng sự đạo pháp và dân tộc. *Kỷ yếu Đại hội Nī bộ Bắc Tông năm 1972* cho biết, ở miền Nam Việt Nam có bốn Phật học Nī viện đào tạo cấp học Trung đẳng chuyên khoa: Phật học Nī viện Từ Nghiêm, Phật học Nī viện Dược Sư, Phật học Nī viện Diệu Quang, Phật học Nī viện Diệu Đức. Tổng số Nī sinh theo học là 335 vị, bao gồm cả cấp sơ cấp¹. Ngoài ra, nhận thấy nhu cầu trang bị kiến thức ngoại điển là cần thiết, Sư trưởng Như Thanh mong muốn đào tạo cho Nī sinh tuổi trẻ cả ngoại điển lẫn nội điển trong một chương trình sơ cấp. Sau khi tốt nghiệp, Nī sinh vững chắc cả hai chương trình nội điển và ngoại điển². Đây là bước tiến vượt bậc trong lĩnh vực giáo dục Nī giới. Ngoài ra, đã có nhiều vị Nī học tại Đại học Vạn Hạnh, chủ yếu là chuyên khoa Phật học. Với tinh thần phụng sự xã hội, sau khi tốt nghiệp sơ cấp và trung cấp Phật học, để hỗ trợ cộng đồng tốt, Nī bộ Bắc Tông ủng hộ, tạo điều kiện cho chư Nī tham gia các khóa đào tạo dục nhi, các khóa học cán sự xã hội, lớp đào tạo cán sự y tế. Sau khi hoàn thành, Nī bộ bố trí về các cơ sở cô ký nhi viện và cơ quan công tác xã hội trực thuộc các tự viện Nī nhằm giúp đỡ người dân địa phương. Nhờ đó mà hoạt động từ thiện xã hội của Nī bộ ngày một mở rộng, phong phú và đa dạng, sôi nổi và thiết thực, giúp đỡ cộng đồng hữu hiệu bằng tính bài bản, chuyên nghiệp, không chỉ ở khía cạnh vật chất mà còn tinh thần. Điều này cho thấy tầm nhìn mang tính chiến lược và quyết liệt, sáng suốt của các thế hệ lãnh đạo Nī bộ Bắc Tông.

Kết luận

Bài viết phân tích ba bài học kinh nghiệm quý báu được đúc kết từ thực tiễn tổ chức và hoạt động của Nī bộ Bắc Tông vốn tồn tại trong bối cảnh đầy biến động, xáo trộn của miền Nam Việt Nam trước năm 1975. Ba bài học kinh nghiệm này góp phần tạo nên những giá trị và di sản quý báu của Nī bộ Bắc Tông mà Nī giới ngày nay cần kế thừa, phát huy nhằm tiếp tục dẫn thân, phụng sự đạo pháp và dân tộc trong tình hình hội nhập, phát triển của đất nước. Thiết nghĩ, mỗi giai

¹ *Kỷ yếu Đại hội Nī bộ Bắc Tông năm 1972*, tr.4-5.

² *Kỷ yếu Đại hội Nī bộ Bắc Tông năm 1972*, tr.31.

đoạn lịch sử có đặc điểm và yêu cầu riêng, nên những bài học kinh nghiệm này cần được vận dụng một cách linh hoạt, phù hợp thực tiễn kế hoạch, mục tiêu và các hoạt động của Phân ban Ni giới Trung ương hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Tỳ-kheo-ni Như Đức (2009), *Lược sử Ni giới Bắc Tông Việt Nam*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
2. *Kỷ yếu Đại hội Ni bộ Bắc Tông năm 1972*.
3. Dương Hoàng Lộc (2020), *Nữ giới Phật giáo Việt Nam những tiếp cận*, Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.
4. Ni sư Thích nữ Như Tâm (2019), “Nghĩ về di sản Sư trưởng Như Thanh”, in trong: NS. TS. Thích nữ Như Nguyệt (Chủ biên), *Di sản Sư trưởng Như Thanh kế thừa - phát triển Ni giới Việt Nam*, Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh, tr.275-276.

TRI ÂN BẬC TIỀN BỒI

Thích nữ Như Vạn

Hôm nay, chư Ni chúng con xin được ngược dòng thời gian cảm niệm ân đức của chư tiền bối Ni đã tài bồi, trực tiếp hoặc gián tiếp đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước thương dân mà vẫn giữ vững giềng mối phước đức, trí tuệ, từ tâm, hạt giống từ tánh Phật. Chư Ni chúng con xin được tiếp nhận những kinh nghiệm, những bài học quý báu, những thân hành giáo huấn, những sự tu tập đáng khắc ghi. Dù lấy cây bút thời gian chấm vào biển đại dương rồi viết trên trang giấy không gian, cũng không thể tả xiết tấm lòng kính ngưỡng của chúng con.

Quý Ngài đã truyền tải, cho chúng con bước vào khoảng khắc của vô vi, đưa từ sự trở về Lý, nói rõ Nhân để chúng con thấu Quả mà tha thiết thực hành, để được lợi ích an lạc, hạnh phúc, giải thoát cho chính chúng con.

Kinh Pháp Hoa, phẩm Phổ Hiền khuyến phát thứ hai mươi tám đã từng dạy thiện nam tín nữ: “một là được các Đức Phật hộ niệm; hai là trồng các cội công đức; ba là vào trong chánh định; bốn là phát lòng cứu tất cả chúng sanh”¹.

Tổ Quy Sơn dạy: “Nội cần khắc niệm chi công, ngoại hoàng bất tránh chi đức”. Nghĩa là, trong siêng năng về công phu khắc

¹ HT. Thích Trí Tịnh (Dịch, 2012), *Kinh Diệu Pháp Liên Hoa*, phẩm Phổ Hiền khuyến phát thứ 28, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr.570.

niệm, ngoài thì bủa ra đức tánh hòa bình, xa hẳn trần tục, kỳ vọng giải thoát¹.

Trong xã hội hiện đại ngày nay, từ kinh tế, văn hóa cho đến học thuật đều phát triển, trong đó tinh thần và vật chất tạo thành yếu tố cốt yếu để biến thành kết quả thù thắng. Cũng như hạt giống của một loại cây phải có đủ nước và chất dinh dưỡng trong đất mà ánh sáng mặt trời đóng một vai trò quan trọng là điều kiện cần thiết; tương tự, Phật tánh là một hạt giống tốt sẵn có trong tâm trí, là tối thắng thiện căn mà chúng con được chư Tôn đức Ni tạo đủ điều kiện để khai mở bằng “tự tính thiện căn, công đức thiện căn, tịnh giới thiện căn và trụ tín thiện căn”, nhìn rõ con người chính mình để noi gương bậc Trưởng thượng Ni, góp phần cho sự phát triển của Ni giới.

Năm 1989-1991, chư Ni Vĩnh Long chúng con được học nội trú tại Trường Cơ bản Phật học tỉnh Vĩnh Long, thuộc Trà Vinh. Cố Ni trưởng thượng Bửu hạ Phát làm việc miệt mài, nhưng mỗi tối vẫn tụng kinh cùng đại chúng. Khi lên lớp, Người lại là giảng sư, ân cần chỉ dạy. Ngoài xã hội, các ban, ngành thị xã Trà Vinh đều rất nể phục. Lúc Ni trưởng có bệnh duyên, ngày Chủ nhật, chúng con tập trung bên Ni trưởng, Người luôn nhắc nhở, răn dạy. Trong đó, chúng con tâm đắc nhất câu: “Vọng tình dị tập, chánh đạo nan văn. Các con phải cố gắng huân tu gieo những hạt giống Chánh pháp, theo Giới Luật không rời, vì vọng tình rất dễ tập nhiễm, chánh đạo rất khó được nghe, các con phải quý trọng những giờ phút học tập, tiến tu trong từng sát-na không xao lãng.”

Chúng con cũng được học sự kiên trì, dũng lực từ Ni trưởng thượng Như hạ Như ở Ni viện Thiện Hòa, Bà Rịa - Vũng Tàu. Ni trưởng làm cho chúng con vốn yếu đuối, rụt rè, đã rút ra nhiều kinh nghiệm. Nhờ được rèn luyện ở Ni viện Thiện Hòa, hôm nay chúng con mới thấy rõ, dù bản thân chỉ như viên gạch nhỏ, cũng phải đóng góp xây dựng Giáo hội, góp phần cùng sự phát triển của Ni giới.

¹ HT. Thích Thanh Từ (2010), *Quy Sơn cảnh sách giảng giải*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr.25.

Đến Thành phố Hồ Chí Minh phồn hoa đô hội, chúng con ấn tượng hình bóng thân thương đáng kính của Ni trưởng thượng Như hạ Bồn, chùa Kim Sơn. Ngài đã rèn luyện bao thế hệ Ni trẻ. Còn nhớ, Ni trưởng luôn nhắc nhở: “Chúng tử khởi hiện hành, và hiện hành sanh chuẩn tử. Dòng tâm thức chúng ta luôn phải biết quý trọng, phải biết chọn lọc những gì cần gieo vào tâm thức và những gì không nên gieo. Và nền tảng vững chắc là mười nhân lành nhất định. Các con không nên rời để xây dựng một Ni giới có lợi ích trong Ni đoàn.”

Và khi về phụng sự tại đất Vĩnh Long thân yêu, chúng con được tiếp cận nhị vị: Ni trưởng thượng Trí hạ Tiên và Ni trưởng thượng Hải hạ Nghĩa, dù tuổi cao nhưng đức trọng, văn thơ lưu loát, đến nơi nào cũng có thơ lưu dấu. Cho đến giờ phút này, từng thời kinh câu văn của các Ni trưởng vẫn rõ ràng, thanh thoát, khiến hàng hậu học chúng con một đời ghi tạc.

Trên lời Phật Tổ dạy, kể đến bậc Trưởng thượng trao truyền, chúng con lấy đó làm kim chỉ nam ứng dụng vào đời sống thực tế. Chúng con vô cùng tri ân Quý Ni trưởng đã mở thông tâm ý cho đàn Ni giới từ tâm hy sinh, không quản ngại giáo dưỡng, dạy dỗ thế hệ tương lai của quý Ngài. Những việc làm của chúng con hiện tại, như phát quà từ thiện, làm nhà, xây cầu, làm đường,... tất cả là để xây dựng niềm tin Thiện tín phát tâm. Mỗi Ni giới chúng con cũng xây dựng tự thân trên nền tảng Giới Luật - tùy phương tiện giao lưu nhưng không quá sa đà theo thế tục, luôn nhớ tất cả việc làm hôm nay là đã xây dựng trên tinh thần đạo pháp, phước đức và trí tuệ. Có phước đức, có vật chất, có trí tuệ, mới đột phá vươn mình theo cùng với xã hội hiện đại, hòa nhập mà không mất phẩm chất của một Ni giới, hòa nhập đồng hành nhằm hóa độ chúng sanh, hòa nhập đồng hành để tạo những nhân duyên thù thắng.

Ni trẻ không nên rời đoàn thể. Vì bao thế hệ trước đã rút ra kinh nghiệm rằng: “Tăng ly chúng Tăng tàn”. Là học chúng, tùy duyên mà chúng ta ở, tùy phước được đến nơi nào thì chúng ta tu tập nơi đó. Các bậc trưởng thượng, nuôi dưỡng mà không cần đáp trả, cơm ngày ba bữa mà không đặt điều kiện, chỉ muốn chúng ta nên người, trở

thành người nữ tu hữu ích cho Giáo hội và xã hội. Công ơn của các bậc tiền bối, không bao giờ chúng ta có thể trả hết được!

Trưởng lão Ni kệ có đoạn: “Ước mong Chánh pháp tồn tại lâu dài trên cõi đời này. Ước mong toàn bộ chúng sanh tôn kính Chánh pháp. Ước mong trời đổ cơn mưa hồng ân xuống cõi trần đúng lúc đúng nơi. Ước mong Chánh pháp này trở thành phương tiện dẫn đến tịch tịnh Niết Bàn”¹.

Kết luận

Ngày nay, Ni giới Việt Nam xuất gia, tu học và hoằng pháp, được Giáo hội Phật giáo Việt Nam quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi phát triển. Sự ra đời của Phân ban Ni giới Trung ương thuộc Ban Tăng sự Trung ương đã chứng minh cho vị trí quan trọng hiện tại của Ni giới như lời Thế Tôn dạy: “Nữ giới có một chỗ đứng danh dự ngang hàng với nam giới về phương diện phẩm hạnh và khả năng thành đạt mục tiêu Niết-bàn giải thoát”:

Dâu là người nữ

Dâu là người nam

Cũng một cỗ xe ấy

Sẽ đưa vào cõi Niết-bàn².

Chúng con nguyện noi theo gương sáng của Thánh Tổ Đại Ái Đạo và quý Ni trưởng Phân ban Ni giới Trung ương, Phân ban Ni giới các tỉnh thành.

Kính nguyện đại lễ thành công viên mãn.

¹ Tỳ khưu Siêu Minh (Dịch, 2008), *Chú giải Trưởng lão Ni kệ*, Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh, tr.662.

² *Đại Tạng Kinh Việt Nam*, Kinh Tương Ưng Bộ 1, tr.45.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Đại Tạng Kinh Việt Nam*, Kinh Tương Ưng Bộ 1.
2. Tỳ khưu Siêu Minh (Dịch, 2008), *Chú giải Trường lão Ni kệ*, Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.
3. HT. Thích Trí Tịnh (Dịch, 2012), *Kinh Diệu Pháp Liên Hoa*, Phẩm Phổ Hiền khuyến phát thứ 28, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
4. HT. Thích Thanh Từ (2010), *Quy Sơn cảnh sách giảng giải*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.

NI TRƯỞNG THƯỢNG GIÁC HẠ NHẪN VÀ SỰ NGHIỆP “TRỒNG NGƯỜI”

NT. Như Dung

Vốn là một bậc thầy mô phạm của nhiều thế hệ Ni lưu suốt những năm tháng dài tại thế, Ni trưởng thượng Giác hạ Nhẫn (1919-2003) được biết đến như một ngôi sao sáng của Ni bộ Bắc Tông giữa thế kỷ XX. Sinh trưởng trong một gia đình tâm anh lễ giáo, cha mẹ một lòng thâm tín Tam Bảo, lại có bốn chị em đồng nguyện xuất gia, Ni trưởng đã thuận duyên khoác lên mình lý tưởng hộ trì Chánh pháp, vô cầu của một người con gái họ Thích. Tấm gương mẫu mực, đức độ ấy đến nay đã 20 năm gửi vào những trang sử ngắn, thế nhưng còn đó biết bao nhiêu bài học mà môn nhơn, đệ tử và Ni lưu hậu bối cần phải tạc dạ, ghi lòng. Phủ phục trước đức hạnh cao vời của chư Ni tiền bối Phật giáo Việt Nam, chúng con xin được kiên thành đánh lễ và được gói ghém những bài học của Thầy như một chút gia sản mà chúng con trân quý, kính gửi đến toàn thể chư Tôn đức Ni, pháp lữ xa gần.

Trước hết, phải nói đến *nỗ lực cống hiến cho Giáo hội*, cho Ni chúng cũng như nỗ lực trùng tu (3 lần) Sắc tứ Huệ Lâm - ngôi chùa cổ nhất quận 8 mang nhiều dấu ấn của nữ giới Phật giáo, được vua Thành Thái gia ân sắc phong và cũng là ngôi chùa sắc tứ cuối cùng tại vùng đất Sài Gòn - Gia Định¹. Lý tưởng vị tha, quên mình vì đạo của Ni trưởng là một bức thông điệp về sự hành đạo đầy lẫn xả mà Ni giới hậu bối cần học tập. Nhất là vào thời điểm biến cố Phật giáo 1963,

¹ Nguyễn Hữu Lộc (2021), “Chùa Sắc tứ Huệ Lâm - Một di sản văn hóa của Ni giới Thành phố Hồ Chí Minh”, *Đặc san Hoa Đàm*, số 90, tháng 3/2021, tr.67.

giữa lúc các phong trào đấu tranh ở miền Nam đang nổi dậy để đòi lại sự tự do cho Phật giáo, Ni trưởng đưa Ni chúng tập trung về chùa Từ Nghiêm và Xá Lợi để phản đối Đạo dụ số 10 mang tính kỳ thị tôn giáo của Ngô Đình Diệm. Đồng thời kêu gọi chư Ni khắp các tỉnh miền Tây về Sài Gòn chung lo Phật sự với Giáo hội Tăng già Nam Việt. Năm 1964, Ni trưởng thường trú tại Tổ đình Từ Nghiêm, chung lo Phật sự cùng Sư trưởng Như Thanh và quý Sư bà trong Ban Quản trị. Trước đó, năm 1957, Ni trưởng được Hòa thượng Thiện Hòa tấn phong với chức vụ “Chưởng Bộ Tịch” Ban Quản trị Ni chúng Nam Việt niên khóa thứ nhất.

Kể đến chính là những *nỗ lực được ghi nhận trên con đường học đạo và hoạt động giáo dục* của cố Ni trưởng¹. Xuất gia vào thời điểm còn đây khó khăn và điều kiện tu học của Ni giới còn nhiều hạn chế, thế nhưng Ni trưởng không ngừng theo đuổi con đường học vấn và dành nhiều tâm huyết cho sự nghiệp giáo dục, đào tạo Ni lưu tài đức. Sau những năm tháng được dự học ở chùa Phước Huệ, Vĩnh Bửu, Viên Giác (Bến Tre), Sắc tứ Tân Hòa tự², Dục Sư và cả các lớp Sơ Trung Phật học đường Nam Việt ở Từ Nghiêm, kể từ năm 1957, Ni trưởng đã cùng một số huynh đệ mở các lớp Sơ đẳng Phật học tại Quan Âm tu viện (Bình Đức - Mỹ Tho); chùa Giác Thiên (Vĩnh Long). Và chính cố Ni trưởng cũng không nằm ngoài vai trò Giáo thọ.

Các lớp học mãn khóa, chuyển cấp cũng có sự chứng minh, chấm thi của chư Tôn đức Tăng Phật học đường Nam Việt. Các lớp này đã đào tạo, hun đúc cho một số Ni tài đến từ các tỉnh Nam Bộ, trong đó có Cần Thơ³. Hàng đệ tử đích truyền, thế độ, cầu pháp và y chỉ của Ni trưởng cũng có rất nhiều vị ưu tú như Ni trưởng Như Chơn, Ni trưởng Tắc Vân, Tắc Thịnh, Tắc Bốn, Tắc Tuyết (Thành phố Hồ Chí

¹ Ban Giáo dục Tăng Ni Trung ương (2012), *Hội thảo khoa học Giáo dục Phật giáo - Định hướng & Phát triển, đổi điều trần trở về Ni trẻ và giáo dục Phật giáo trong thời đại mới*, lưu hành nội bộ, tr.190.

² Tỳ-kheo-ni Như Đức (Biên soạn, 2009), *Lược sử Ni giới Bắc Tông Việt Nam*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr.60.

³ Tỳ-kheo-ni Thích Như Nguyệt (Viên Minh) (Biên soạn, 2022), *Hành trạng chư Ni Việt Nam*, tập 1, Nxb. Phụ nữ, Hà Nội, tr.229.

Minh), Ni trưởng Như Hương (Đồng Nai), Ni trưởng Như Bình (Tiền Giang), Ni trưởng Như Minh (Hà Tiên), Ni trưởng Hải Minh (Sóc Trăng)... Đó cũng chính là trái ngọt trong sự nghiệp giáo dưỡng Ni lưu của Ni trưởng thượng Giác hạ Nhẫn.

Trong thời gian cộng sự cùng quý Sư bà trong Ni bộ Bắc Tông, Ni trưởng thường xuất hiện với cương vị là Thư ký Ni bộ, Giám học Phật học Ni viện Từ Nghiêm. Tháng 2 năm 1993, Ni trưởng lại tiếp tục sứ mạng giáo dục với việc mở lớp Sơ cấp Phật học tại chùa Sắc tứ Huệ Lâm. Lần mở lớp này, Ni trưởng đã xin phép để chư Ni các tỉnh, các miền về nội trú và miễn phí ăn học. Sau đó lại tiếp tục khai mở Phật học Ni viện lớp Sơ đẳng tại chùa Giác Thiên. Bên cạnh hoài bão đào tạo Tăng Ni trẻ, Ni trưởng còn quan tâm đào tạo Mẫu giáo Sơ cấp và Ký Nhi viện. Tâm nguyện giáo dục của Ni trưởng đúng như ý nghĩa được lấy trong tên chùa. Đó cũng chính là lý do Người tham dự trọn khóa tu nghiệp Quản trị Học đường và Tâm lý giáo dục¹. Cùng với tâm nguyện đó, Ni trưởng đã từng được ghi nhận là “một thành viên nhiệt tình đóng góp, ủng hộ cho công tác giáo dục, đào tạo Tăng tài các khóa I, II, III, và IV của Học viện Phật giáo Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh hơn 10 năm”².

Điều đáng nói hơn ở Ni trưởng chính là *tấm gương hiếu học*. Trong điều văn tưởng niệm Ni trưởng, đức Pháp chủ Đệ tứ đương kim đạo hiệu Thích Trí Quảng từng kể lại: “Khi Hòa thượng Thích Minh Châu mở Đại học Vạn Hạnh, Ni trưởng đã đăng ký theo học Phân khoa Phật học đầu tiên, tôi hỏi Ni trưởng rằng việc học đã nhiều, tuổi đã lớn mà còn đi học làm gì. Ni trưởng vui vẻ trả lời: Tôi học để làm cái gương cho Ni chúng”³. Tấm gương ấy chính là một bài học thân giáo

¹ Tlđđ, tr.16.

² Thượng tọa Thích Đạt Đạo (2004), “Điều văn của Học viện Phật giáo Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh”, in trong Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Ban Trị sự Thành hội Phật giáo Việt Nam Thành phố Hồ Chí Minh cùng môn đồ pháp quyến thực hiện, *Tưởng niệm Cố Ni trưởng Thượng giác hạ Nhẫn - Viện chủ Sắc tứ Huệ Lâm tự (1919-2003)*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr.46.

³ HT. Thích Trí Quảng (2004), “Điều văn của HT. Thích Trí Quảng”, in trong: *Tưởng niệm Cố Ni trưởng Thượng giác hạ Nhẫn - Viện chủ Sắc tứ Huệ Lâm tự (1919-2003)*, Sđđ, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr.35.

quý giá đối với chư Ni ngày nay. Nó không chỉ khẳng định tinh thần cầu học của chư Tôn túc Ni tiền bối, những khát khao của quý Ngài mà còn là sự kỳ vọng vào một tiền đồ tươi sáng của Ni giới. Ở đó, ý thức giáo dục tự thân của Ni trưởng đã nói lên một con người luôn sống vì cái đẹp, cái hay chung của đoàn thể. Bên cạnh đó, Ni trưởng cũng thường xuyên dạy chúng đệ tử biết kiệm phước và giữ giới hạnh.

Hôm nay, gọi nhắc lại tấm gương của Ni trưởng trong dịp lễ tưởng niệm này, chúng con muốn gửi gắm kỳ vọng vào Ni chúng hiện thời trong việc xây dựng diện mạo trí thức trẻ nơi Ni giới. Nếu việc học là vô bổ thì quý Ngài đã không dùi mài thật lâu trên các giảng đường đại học. (Đó là chưa kể, bấy giờ, Ni trưởng đã hơn 40 tuổi mà vẫn hoan hỷ làm một Ni sinh duy nhất trong bốn mươi Tăng sinh). Ý chí, nỗ lực, tâm huyết của Ni trưởng vẫn còn đó. Chúng ta cần làm gì để truyền thừa, duy trì hạt giống phước tuệ, huyết mạch của Ni lưu? Đây là vấn đề được bàn thảo khá nhiều trong các cuộc giao lưu Ni giới thường niên giữa các tỉnh/ thành nhân dịp Lễ tưởng niệm đức Thánh Tổ Ni Đại Ái Đạo. Thế nhưng, thực tế, ở các tỉnh/ thành vùng sâu vùng xa lại chưa thực sự được thúc đẩy.

May mắn, sự nghiệp, tôn chỉ của Thầy đã được chư Tôn đức Ni pháp tử, môn đệ vâng giữ, kế thừa. Tại Sắc tứ Huệ Lâm, Ni trưởng Như Trí, đương kim trụ trì, cũng tiếp tục duy trì sứ mạng giáo dục (từ 1993) với các lớp học cho Ni chúng, vun bồi nên nhiều thế hệ Ni lưu tiếp bước con đường truyền đăng tục diệt. Ni trưởng Như Như hết lòng đào tạo bao nhiêu thế hệ Ni chúng Trung cấp, Cao đẳng, trên dưới hơn 10 khóa. Ni trưởng Huệ Hương miệt mài với đoàn thể Ni giới suốt mấy chục năm qua; đồng hành trong các quỹ học bổng, Câu lạc bộ vì Hoàng Sa, Trường Sa, cấp học bổng cho các cháu dân tộc thiểu số được đến trường, các cháu vùng biển đảo gặp nhiều khó khăn,... Công lao đó đã được Nguyên Phó Chủ tịch nước Trương Mỹ Hoa ghi nhận kể từ năm 1955, khi Ni trưởng đại diện Phật giáo phi chính phủ tham gia Hội nghị Liên hợp quốc lần thứ 4 tại Bắc kinh về vấn đề phụ nữ.

Hôm nay, trở về dưới bầu không khí sum vầy của Ni giới khắp cả nước tại Cần Thơ, con cũng nhận thấy rằng mảnh đất này có một chiếc nôi giáo dục rất lớn. Đó là sự xuất hiện và phát triển của Học viện Phật giáo Nam Tông Khmer - một trong bốn học viện lớn nhất cả nước. Bên cạnh đó là các trường, lớp Sơ - Trung cấp Phật học đang được duy trì dưới sự lãnh đạo của chư Tôn đức Tăng Ni trong Giáo hội. Hơn nữa, mảnh đất này cũng từng có rất nhiều bậc lãnh đạo Ni đã từng cống hiến cho sự nghiệp “trồng người”, nhất là sự nghiệp đào tạo Ni giới. Trong đó có thể kể đến Sư bà Bửu Trí, Sư bà Bửu Thanh (chùa Thiên Quang), Sư bà Hồng Tích - Diệu Kim (chùa Bảo An)¹. Đặc biệt, có Ni trưởng Thích nữ Diệu Ngộ (chùa Quan Âm) - môn đệ của cố Ni trưởng Giác Nhẫn từng là một bậc lãnh đạo của Phân ban Ni giới thành phố Cần Thơ, rất quan tâm đến nhu cầu học Phật của Ni giới tinh nhà.

Bài học sau cùng và quan trọng nhất ở Ni trưởng thượng Giác hạ Nhẫn chính là *sự hành trì, tu học pháp môn căn bản để liễu thoát sanh tử*. Điều đó có thể thấy qua việc Ni trưởng hành trì niệm Phật và lưu lại nhiều xá lợi cho Ni chúng tu học. Đức Đệ tứ Pháp chủ cũng từng tán thán công hạnh này và tin tưởng “hàng hậu học kế thừa tinh thần tu học sâu sắc của Ni trưởng, sẽ nỗ lực hơn và thực hiện được nhiều việc tốt cho đời, đẹp cho đạo để làm rạng danh Ni giới Việt Nam”². Nhờ di sản tinh thần của Ni trưởng để lại, niềm tin, lý tưởng tu học được nhân đôi trong lòng chư Ni môn đồ đệ tử. Kết quả này không chỉ minh chứng cho niềm tin vào pháp môn mà còn minh chứng sống động cho khả năng giải thoát của nữ giới. Ngày nay, nhiều đạo tràng Tịnh Độ lớn mạnh đã được chư môn đệ của cố Ni trưởng khai mở cho tín chúng tu học như tại Huệ Lâm Sắc tứ, Ni viện Thiện Hòa (Bà Rịa - Vũng Tàu), chùa Long Vân (Đồng Nai)... Các đạo tràng quy tụ hàng trăm, hàng ngàn hành giả tu học và đem lại nhiều lợi ích lớn cho cộng đồng pháp lữ.

¹ Tỳ-kheo-ni Như Đức (Biên soạn, 2009), Sdd, tr.45.

² HT. Thích Trí Quảng (2004), Tlđđ, tr.35.

Kết luận

Có thể nói, hơn 60 năm hoằng hóa đạo màu, Ni trưởng thượng Giác hạ Nhẫn là tấm gương tiêu biểu về sự nghiệp giáo dục của Ni giới. Tàng cây cổ thụ ấy đã sản sinh, nuôi dưỡng nhiều thế hệ Ni tài cho Giáo hội. Ni đoàn trên mảnh đất miền Nam được lớn mạnh cũng nhờ không ít công hạnh của Người. Hôm nay, giữa lòng “Tây Đô” mỹ miều, hậu tấn xin tưởng niệm đến ân đức những bậc tông lâm thạch trụ của Ni giới đã một thời khơi dậy sứ mạng và bản hoài của Ni lưu.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Giáo dục Tăng Ni Trung ương (2012), *Hội thảo khoa học Giáo dục Phật giáo - Định hướng & Phát triển, đôi điều trăn trở về Ni trẻ và giáo dục Phật giáo trong thời đại mới*, Lưu hành nội bộ.
2. Thượng tọa Thích Đạt Đạo (2004), “Điều văn của Học viện Phật giáo Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh”, trong *Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Ban Trị sự Thành hội Phật giáo Việt Nam Thành phố Hồ Chí Minh cùng môn đồ pháp quyến thực hiện, Tưởng niệm Cố Ni trưởng Thượng giác hạ Nhẫn - Viện chủ Sắc tứ Huệ Lâm tự (1919-2003)*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
3. Tỳ-kheo-ni Như Đức (Biên soạn, 2009), *Lược sử Ni giới Bắc Tông Việt Nam*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
4. Nguyễn Hữu Lộc (2021), “Chùa Sắc tứ Huệ Lâm - Một di sản văn hóa của Ni giới Thành phố Hồ Chí Minh”, *Đặc san Hoa Đàm*, số 90, tháng 3/2021.
5. Tỳ-kheo-ni Thích Như Nguyệt (Viên Minh) (Biên soạn, 2022), *Hành trạng chư Ni Việt Nam*, tập 1, Nxb. Phụ nữ, Hà Nội.

6. HT. Thích Trí Quảng (2004), “Điều văn của HT. Thích Trí Quảng”, trong Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Ban Trị sự Thành hội Phật giáo Việt Nam Thành phố Hồ Chí Minh cùng môn đồ pháp quyến thực hiện, *Tưởng niệm Cố Ni trưởng Thượng giác hạ Nhẫn - Viện chủ Sắc tứ Huệ Lâm tự (1919-2003)*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.

NI TRƯỞNG DIỆU KHÔNG VÀ MỘT ĐỜI BÁT KÍNH THỊ Y

Đồng Hiếu - Nguyễn Trần Trung

Ni trưởng Thích nữ Diệu Không là một trong những bậc danh Ni thời hiện đại của Phật giáo Việt Nam. Tuy xuất thân từ gia đình danh gia vọng tộc, nhưng Sư trưởng đã một lòng xả tục cầu chơn, xuất gia đầu Phật, hành Bồ-tát đạo. Trọn một đời tu hành thanh tịnh, thân giáo trang nghiêm, giữ vững tông phong đạo nhà Di Mâu: “Bát kính thị y”, Ni trưởng đã hiện thân làm một ngọn đèn đăng rạng ngời, làm nơi quy xứ cho những con thuyền còn lênh đênh giữa biển đời đau khổ. Mặc dù tham gia và hộ trì hầu hết các Phật sự về hoằng pháp, giáo dục, kiến thiết tự viện, xây dựng Phật học đường cũng như công tác từ thiện xã hội..., Ni trưởng vẫn giữ hạnh nguyện “Sự thành tất thối” của một hành giả tu pháp Không tâm, tự tại vô ngại. Bài viết này xin thuật lại những giai thoại về cuộc đời học đạo, tu đạo và hành đạo của Ni trưởng với tấm lòng tôn kính vô biên, như một nén trầm thom của xứ Xuân Kinh Thuận Hóa kính dâng lên cúng dường nhân ngày húy nhật của Thánh Tổ Kiều Đàm Di Mâu.

1. Bát kính thị y

Chúng con được nghe kể lại rằng, những năm 1960, Ôn Lăng Nghiêm (Đại lão Hòa thượng Thích Huyền Tôn) thường xuyên đi từ Quảng Ngãi ra Huế để hầu quý Ôn bàn chuyện lãnh đạo phong trào bình đẳng tôn giáo trong Pháp nạn 1963. Trong lúc đi tản bộ trên cầu Trường Tiền, đứng ở giữa cầu, Ôn thấy có hai Sư cô từ dưới dốc đầu cầu đi bộ lên. Mặc dù còn cách xa gần một trăm mét nhưng hai Sư cô đã đứng trang nghiêm, chấp tay cúi đầu. Bước đến gần, Ôn hỏi: “Tại

sao còn cách xa như vậy mà hai Sư cô đã đứng chấp tay rồi, sao không lại gần rồi chào cho khỏe?”. Một trong hai Sư cô mỉm cười “tinh nghịch” (theo lời kể của Ôn Lăng Nghiêm) rồi thưa rằng: “Dạ bạch Ôn, tụi con mà không giữ Bát kinh như rứa, lỡ đến tai Ôn Giám luật thì tụi con chết ạ!”. Ôn Lăng Nghiêm mới cười và giả giọng xứ Huế mà dạy rằng: “Ui chao, đúng là Bát kinh xứ Huế cộ khác hí!”. Ôn Giám luật ở đây là cố Đại lão Hòa thượng Thích Mật Hiển, một trong những vị Luật sư nổi tiếng nghiêm khắc ở miền Trung.

Một trong những ngọn liên đăng kỳ vĩ ở miền Trung là cố Sư bà Thích nữ Diệu Không (thường được gọi là Sư bà Tuần). Là con cháu Trúc Lâm Đại Thánh, ai cũng biết Sư bà Tuần xuất thân từ một gia đình trâm anh thế phiệt, ái nữ của Khánh Mỹ Quận công, một trong “tứ trụ” ở triều đình Phú Xuân cuối thời Nguyễn. Sư bà có nhân duyên thù thắng với Tam Bảo, từ bé đã quy y với Quốc sư Thanh Đức - Tâm Khoan, được Tổ ban cho pháp danh Trừng Hảo. Năm 27 tuổi, nhân duyên hội đủ, Người phát tâm thọ nhận giới Sa-di-ni từ Tổ sư Trừng Thành - Giác Tiên, nhưng vì phải thường xuyên đại diện cho Hội An Nam Phật học giao tế với người Pháp nên Sư bà được đặc cách để tóc, mang hình tướng của người tại gia. Sau mười hai năm trì giới Sa-di-ni, năm 1944, Sư bà được truyền tam đàn Cụ túc giới tại giới đàn Thuyền Tôn do Đức Đệ Nhị Tăng Thống làm hòa thượng đường đầu. Kể từ đó, Sư bà dẫn thân vào Bồ-tát đạo, kiến lập Ni viện, tiếp dẫn Ni lưu, hoằng dương Chánh pháp, lợi lạc nhân quần. Công hạnh của Sư bà, không giấy mực nào bày tỏ cho hết được.

Quý Ôn kể lại rằng, khi còn là cư sĩ, Sư bà đã là giáo thọ ở các Phật học đường. Lúc đó, để tiện cho việc di chuyển giữa các Phật học đường và các chùa để vừa học vừa dạy, Sư bà có sử dụng xe ô-tô. Thấy vậy, Ôn Trúc Lâm mới dạy rằng: “Bà ngồi xe ô-tô mà học, chứ không phải là đi học!” Nghe Ôn dạy vậy, Sư bà liền bỏ xe mà đi bộ, mang toi cá từ chùa Khai Ân - Châu Ê về Trúc Lâm học *Cảnh Sách*, rồi về Từ Đàm truyền đạt lại cho đại chúng; buổi tối Sư bà tụng *Kinh Hoa Nghiêm* chữ Hán, sáng hôm sau lại lên Châu Ê. Giữa núi rừng hoang

vu, đường đi khó khăn là thế, Sư bà vẫn giữ chí nguyện cầu đạo mãnh liệt của mình.

Trọn một đời hành trì Bát Kinh Pháp, chắc có lẽ Sư bà đã tuân phụng theo lời giáo huấn của Đức Quốc sư Thập Tháp (Đại lão Hòa thượng Thích Phước Huệ) rằng: “Trong thời mạt pháp, hãy tìm thiện tri thức nơi người nào không hủy báng Tăng và biết hộ trì Chánh pháp”. Sư bà Trí Hải, đệ tử thượng túc của Sư bà Diệu Không kể lại rằng, suốt 40 năm theo Thầy học đạo, chưa bao giờ người nghe Sư bà nói lỗi của Tăng già nhị bộ. Mỗi khi có ai đó nhắc lỗi hoặc bình phẩm một vị Tăng Ni nào đó, Sư bà liền quở: “Tăng là bất khả tư nghị. Mình chưa biết ai ra rằng cả, đừng vội phẩm bình mà mang tội. Cái tâm thị phi là tâm ma. Chị muốn làm ma hay làm Phật?”.

2. Tôn kính Thầy Tổ

Sư bà có hạnh nguyện tiếp dẫn Ni lưu nên Người nuôi chúng rất đông. Đi đến đâu Sư bà cũng tìm người tu, dẫn về Hồng Ân cho nhập chúng. Chùa Hồng Ân do Sư bà khai kiến, nhưng Sư bà thành tâm cầu thỉnh Sư bà Viên Minh về làm trú trì, để Sư bà có thời gian làm Phật sự và nhiếp chúng tại Kiều Đàm. Từ đó, chúng Hồng Ân có hai vị Thầy, tên gọi thân thương dành cho Sư bà Diệu Không là Sư bà Tuần, và Sư bà Viên Minh là Sư bà Hồng. Mỗi lần nhớ Hồng Ân, Sư bà - là pháp muội của Ôn Trúc Lâm - thường xin quá giang xe của Ôn Trúc Lâm, từ Từ Đàm về trên núi để thăm chùa, thăm chúng. Mỗi lần về chùa, Sư bà không về Hồng Ân ngay mà lưu lại Trúc Lâm nửa ngày để lễ Tổ, hầu sư huynh. Sư bà sai thị giả mang com bánh, nước cam từ Hồng Ân sang cúng Tổ ở Trúc Lâm, rồi sau đó thời com gạo thì cùng với Ôn Trúc Lâm dùng trà, đàm đạo, đến giờ công phu chiều mới nhờ thị giả dìu về Hồng Ân. Thân sư tôi hay kể rằng: “Là bậc trượng Ni, Sư bà rất cứng rắn, tâm tánh lưu xuất tính đại hùng đại lực, tâm chí cương trực, nói được làm được nên quý Ôn rất nể vì. Ai khuyên nhủ chi Sư bà cũng không nghe, nhưng Ôn Trúc Lâm dạy chi là Sư bà nghe đó, nhất mực tuân ý, dù Sư bà lớn tuổi hơn Ôn!”. Khi nhận người xuất gia, Sư bà đều đáp y dẫn đệ tử đi bộ từ Hồng Ân

sang Trúc Lâm để cầu Ôn Trúc Lâm thọ ký, ban pháp danh, pháp tự. Cũng ít ai biết rằng Ôn và Sư bà là hai bức bình phong lớn che chở chư Tăng, chư Ni trong Giáo hội Thừa Thiên trước những thăng trầm thế sự và vượt qua bao biến cố của thời cuộc. Ngày Ôn Trúc Lâm viên tịch, Sư bà dù đã tuổi cao sức yếu, vẫn nhờ thị giả dìu từ Hồng Ân sang Trúc Lâm, ngũ thể đầu địa đánh lễ giác linh Ôn, vì biết rằng chính Sư bà và Giáo hội Thừa Thiên đã mất đi một trụ cột, lâu nay vẫn giữ gìn gìn giữ mối của tông lâm.

3. Hạnh nguyện cúng dường

Sư bà Diệu Không có hạnh cung kính và ưa thích cúng dường chư Tăng. Có lần, thấy một chú tiểu ngồi ở gốc cây trong sân Tổ đình Trúc Lâm sau giờ học, Sư bà đã lấy tịnh tài xếp lại cẩn thận rồi mang đến xin cúng dường. Chú tiểu quay mặt đi và nói: “Cúng dường không như pháp nên tôi không nhận!”. Sư bà vội đi lấy một cái đĩa và để tịnh tài lên, thưa bạch rõ ràng. Bấy giờ, chú tiểu mới nhẹ nhàng đặt tay lên đĩa tịnh tài và bảo rằng: “Cúng dường như pháp, tôi xin thọ nhận”. Chú tiểu ấy, không ai khác mà chính là Đại lão Hòa thượng Thích Thiện Siêu, một bậc tông lâm mô phạm của Phật giáo Việt Nam sau này. Mẫu chuyện tuy nhỏ, nhưng cho thấy tấm lòng cung kính của Sư bà với chư Tăng, dù chỉ là một chú tiểu còn để chòm.

Còn nhớ, mỗi lần chùa Hồng Ân có thực phẩm rau nấm do quý Phật tử cúng dường, Sư bà lại nói quý Sư nấu cháo nấm và gói bánh nậm cúng dường quý Ôn lớn. Hạnh nguyện tốt đẹp thể hiện tinh thần kính Phật trọng Tăng đó của quý Sư bà, mãi cho đến hiện tại vẫn được quý Sư cô tiếp nối. Đợt nọ, Huế vào mùa nấm tràn, Sư bà sai quý Sư cô nấu cháo, nấm tràn và bánh nậm gói trong lá đơn mang sang cúng dường Cổ Tây Thiên (Đại lão Hòa thượng Thích Giác Nguyên) - lúc này đã hơn trăm tuổi, tai lãng mắt mờ, được chú Thanh theo hầu, làm thị giả.

Cả cuộc đời Sư bà phụng Phật sự Tăng, từ lúc là cư sĩ tại gia cho đến khi đã trở thành một bậc Trưởng lão Hòa thượng Ni tôn kính. Sư

bà cũng là người tham gia can thiệp với Tòa Khâm sứ Pháp, yêu cầu trả tự do cho Ôn Linh Mục (Đại lão Hòa thượng Thích Đôn Hậu), khi Ngài bị giặc Pháp giam cầm và bắt tự đào huyệt chôn mình. Sư bà một đời bát kinh thị y, cung kính thừa hành Phật sự mà quý Ôn giao phó, không có chuyện chỉ có lợi cho đạo mà Sư bà từ nan. Khi tuổi đã cao, Sư bà an dưỡng trong lieu nhưng luôn quan tâm đến tiền đồ của Phật Pháp. Khi nghe tin quý Ôn ở Huế phải vào miền Nam giảng dạy tại các trường Phật học, Sư bà còn phát nguyện muốn mua một chiếc máy bay riêng chỉ để cúng dường quý Ôn Giảng sư có phương tiện di chuyển đi đi về về. Một việc làm không thể thực hiện ở thời điểm đó, và kể cả cho đến bây giờ, nhưng đã thể hiện được tâm chí hộ Pháp hộ Tăng đồng mãnh của Sư bà. Trước lúc về Phật hai tháng, Sư bà còn hoan hỷ phát tâm cúng dường chùa Hồng Đức để chư Tăng và Giáo hội sử dụng làm cơ sở đào tạo Tăng tài, mà nay chính là Học viện Phật giáo Việt Nam tại Huế (cơ sở dành cho chư Ni). Với một cuộc đời tu hành thật đẹp và sáng ngời đạo hạnh, Sư bà đã dự tri thời chí, an nhiên thân thần viên tịch vào mùa thu năm Đinh Sửu (1997).

4. Sự thành tất thối

Đối với Phật sự kiến thiết tự viện làm nơi tiếp dẫn hậu lai, hay mở trường lớp diễn dương Phật pháp, đào tạo Tăng Ni tài đức, Sư bà đặc biệt quan tâm và một lòng hộ trì trong suốt cuộc đời hành đạo của mình. Xin đơn cử một số Phật sự tiêu biểu sau đây:

- Ôn Hương Sơn (Đại lão Hòa thượng Thích Trí Hữu) đã ban cho Sư Quảng Quý và Sư Diệu Trí một mảnh đất để làm tịnh thất tu hành. Khoảng cuối những năm 1950, Sư bà đã vận động Hòa thượng và hai Sư nhường lại mảnh đất này để kiến tạo Phật học Ni viện Từ Nghiêm, làm trụ sở cho Ni bộ miền Nam lúc bấy giờ, đồng thời cũng là nơi đào tạo chư Ni tài đức để ra hoằng pháp độ đời.

- Sư bà cùng Ôn Phó Tăng Thống (Đại lão Hòa thượng Thích Thiện Hòa) đã khuyến hóa Cụ bà Nguyễn Hữu Pha hỷ cúng cơ sở để thành lập Phật học Ni viện Dược Sư.

- Sư bà cùng Ôn Già Lam (Đại lão Hòa thượng Thích Trí Thủ) cùng Ôn Mai Thôn (húy thượng Nhất hạ Hạnh) đã vận động cơ sở và tài chính để xây dựng Trường Thanh niên phụng sự xã hội.

- Dưới sự chứng minh của Đức đệ Nhất Tăng thống Tuồng Vân (Đại lão Hòa thượng Thích Tịnh Khiết), Sư bà đã hộ trì Ôn Vạn Hạnh (Đại lão Hòa thượng Thích Minh Châu) khai kiến Viện Đại học Vạn Hạnh. Sau ngày đất nước giải phóng, Sư bà lại đứng lên vận động tạo mãi mảnh đất ở đường Nguyễn Kiệm để làm cơ sở xây dựng Đại học Vạn Hạnh lần thứ hai, nay là cơ sở 1 của Học viện Phật giáo Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Sư bà luôn ngoại hộ tài chính cho Tăng Ni tông học tại các cơ sở Phật học viện. Mãi đến sau này khi Sư bà viên tịch, chư Tăng đến thăm viếng mới chia sẻ lại nhân duyên được Sư bà bảo trợ cho việc học hành.

Sư bà tham gia rất nhiều Phật sự trọng đại, tuy nhiên, một điều đặc biệt là khi Phật sự được thành tựu, công việc đã viên mãn, Sư bà lại thoái lui, không dự phần tên tuổi. Mật hạnh này có được là nhờ Sư bà hành trì câu pháp ngữ “Sự thành tất thối” do Bốn sư Hòa thượng thượng Giác hạ Tiên trao cho, là pháp hành tiêu biểu của người tu không tâm trên con đường hành Bồ-tát đạo.

5. Những giai thoại về cuộc đời hành đạo của Sư bà

5.1. Tái sinh kỳ diệu

Năm 1978, sau một cơn bệnh, Sư bà đã dứt hơi thở và được chư Tăng vây quanh tiếp dẫn, nhưng khi thời kinh hộ niệm vừa chấm dứt, Sư Bảo Châu không kìm được xúc động đã ôm lấy Sư bà, khóc thét lên. Nhiệm màu thay, Sư bà đã tỉnh dậy và khỏe mạnh sống thêm mười chín năm nữa. Từ đấy về sau, Sư bà luôn dạy rằng: “Khi đã thấy nước Phật trang nghiêm, tôi xem cõi đời này chỉ là giả hợp”. Trọn vẹn chín mươi ba năm tuổi với năm mươi ba hành trì giới pháp, Sư bà là một bậc kỳ túc Trưởng lão Ni trong rừng Thiên Việt Nam, là bậc Thầy dẫn đầu của Ni bộ Bắc Tông và chư Ni bản tỉnh. Trong cuộc

đời hành hóa của mình, Sư bà đã để lại thật nhiều giai thoại cho chốn thiền môn, mà môn phái Trúc Lâm Huế, diễn phái Hồng Ân vẫn còn lưu lại muôn đời, vừa là niềm vui thiền vị chốn không môn, vừa là bài học thân giáo cho những ai đang tìm về nẻo giác.

5.2. Ngã dốc Cầu Lim

Thuở đó, Đạo tràng Tịnh Nghiệp tại Tổ đình Tây Thiên sinh hoạt rất hưng thịnh. Tăng chúng trang nghiêm, thanh tịnh, Phật tử tín kính nhất tâm. Cứ mỗi lần chúng nhập khóa tu, Sư bà được Cố Tây Thiên thỉnh mời về chùa để giảng kinh. Mấy chục năm qua nhưng tiếng thom vẫn còn, các vị Phật tử lão thành đã ngoại cửu tuần vẫn còn kể lại từng câu Sư bà giảng Kinh Kim Cang với lòng kính mộ sâu sắc. Cũng trong những lần giảng kinh này, Sư bà còn lưu lại một câu chuyện vui, làm nụ cười Di Lặc chốn cửa Thiền. Trong chúng của Sư bà chỉ có điệu Lan là cao nhất, được Sư bà chọn để làm “tài xế” đưa đón và hầu Sư bà mỗi khi người đi thuyết giảng tại Tây Thiên. Chiều hôm ấy, khi Sư bà giảng xong thì trời đã nhá nhem, điệu Lan dắt xe lên dốc cầu Lim, Sư bà thông thả bộ hành theo sau. Lên đến đỉnh dốc, Sư bà đưa tay nhẹ vén tà áo dài ngồi lên бага xe, điệu Lan cũng lập cập ngồi trên yên xe để cho xe xỏ dốc. Bỗng ụp một tiếng, xe bị cắt bánh trước, Sư bà ngã lăn trên sườn dốc, điệu Lan thì bị hất văng vào bụi rậm, ngã khóc hu hu. Sư bà quở nhẹ: “Tâm ý đem đi chợ Đông Ba mô rồi mà bất thần cú rứa con ơi!”. Điệu Lan sợ xanh mặt, thế nào về chùa cũng bị các Sư lớn quở và quỳ hương là chắc cú rồi. Đêm hôm đó Sư bà đau nhức, thị giả vào hầu thấy những vết bầm lớn trên người Sư bà bèn bạch hỏi, Sư bà dạy: “Ta bị ngã dưới phòng tắm Kiều Đàm, không can chi mô!”. Rứa là điệu Lan thoát tội, được Sư bà bênh, nên đêm ấy nhẹ nhàng yên giấc. Nhưng đến kỳ phát lộ sám hối bố-tát giữa tháng, điệu Lan thành tâm sám hối trước chúng và được quý Sư lớn đồng hoan hỷ, tuy hơi ngỡ ngàng. Điệu Lan của ngày xưa đó nay đã là Ni trưởng Thích nữ Tịnh Liên, trú trì một ngôi tịnh thất sát bên cạnh bảo tháp của Sư bà.

5.3. Lời nguyện tái sinh nữ thân (Theo lời kể của Trưởng lão Hòa thượng Thích Chơn Thiện)

Một hôm, tại Tịnh thất của Ban In ấn Đại Tạng Kinh Việt Nam, Sư bà thưa với Ôn Chơn Thiện rằng: “Cái thân nữ khổ cực lắm”.

Ôn Chơn Thiện đáp lời: “Vậy là Sư bà sẽ không trở lại đời với thân nữ nữa hay rằng?”

Sư bà bạch: “Với thân nữ chớ!”

Ôn lại hỏi: “Sao Sư bà lại muốn đi vào cái khổ cực?”

Sư bà nói, thật quả quyết: “Phải đi vào chỗ khổ mà độ họ chớ!”

Ôn cười: “Vậy là kiếp khác, tui lại có dịp xin Sư bà hộ trì gạo, tiền cho chư Tăng nữa rồi!”

Sư bà chỉ mỉm cười... Ôn mới nghĩ thầm trong bụng rằng: “Ôi! Sư bà từ bi làm sao!”

6. Thương đệ tử

Sư bà tiếp độ chư Ni rất đông, bên ngoài thì thị hiện tâm thái nghiêm nghị cương trực để nhiếp chúng, nhưng bên trong lại từ bi thương xót, luôn có tâm nguyện nâng đỡ chư vị đệ tử tiến đạo nghiêm thân. Có một lần vào ngày vía Đức Phật A-di-đà, Sư bà lúc này đang tịnh dưỡng, bỗng nói lớn: “Ui chao oi, Đức Phật A-di-đà đẹp oi là đẹp. Bạch Ngài, Ngài cho con về Cực lạc đi, ở đây mấy cô này ăn hiếp con quá. Con qua đó nghỉ một ít lâu rồi con trở lại, Ngài ạ. Con không trốn luôn đâu. Ngài cho con về!” Ni sư Diệu Ý, lúc bấy giờ là thị giả hầu cận mới thưa rằng: “Bạch Sư bà, Sư bà tố con với Đức A-di-đà như vậy, lỡ mai một Ngài không cho con lên Cực lạc thì sao. Sư bà phải thưa lại mới được.” Sư bà bèn bấm bạch lại: “Dạ bạch Ngài, tuy nói rủa chớ mấy vị nó cũng dễ thương, biết chịu khó.” Các vị thị giả sung sướng cười vang.

Khi đệ tử có bệnh duyên, dù đang còn trong chúng hay đã ra nhận trú trì, Sư bà đều lo thầy lo thuốc để chạy chữa. Sư bà thường ân cần nhắn nhủ: “Bằng mọi cách nói Cô nó phải lo trị bệnh, nếu cần mổ thì

cứ mổ, tốn kém bao nhiêu Sư bà lo...” hay: “Tui thành tâm cầu nguyện Tam Bảo gia hộ cho Cô nó khỏi bệnh, đừng để Cô nó chết sớm mà tội. Tui thương Cô nó có hạnh tu.”

Đối với những Ni sư đã xuất chúng đi làm Phật sự hay nhận chùa riêng, vẫn luôn mong ước được về gần gũi để hầu Sư bà thì Người lại dạy rằng: “Mấy chị cố gắng học, cố gắng tu, bất cứ ở đâu mà làm việc cho đại chúng, làm việc lợi ích cho chúng sanh, đó là gần gũi với thầy.”

7. Pháp ngữ của Sư bà

- Sư bà hầu như không bao giờ quan tâm đến việc ăn, mặc, ở của đệ tử như một vị Thầy bình thường. Trái lại, Sư bà thường dạy rằng: “Phải tự túc, đừng ỷ lại mà tốn phước. Hãy lo tu đi, mọi sự sẽ có Phật lo đầy đủ, không thiếu chi, dù là một chai dầu gió, Phật cũng lo cho mình. Tôi để là để cái phước đức lâu dài lại cho quý vị, chứ không để tài vật. Ai tu hành xứng đáng, tự khắc hưởng cái phước ấy. Dù đi đâu, ở đâu, ai nghe đệ tử Sư bà Diệu Không, họ cũng thương. Không có gì cả mới khỏe, đi đâu cần gì có nấy. Chứ nếu mấy chị xách theo bốn vali đồ đạc thì ai cúng làm gì”.

- Đối với quý Ni sư đệ tử đã nhận chùa riêng và phát nguyện độ chúng, Sư bà căn dặn: “Khi độ chúng phải có tâm từ bi, vì người ngày nay ít nhẫn nhục, bị đối xử nặng là chúng bỏ về tạo nghiệp, tội cho chúng.”

- Có người ngoại quốc đến hỏi sao Thầy không ra lãnh đạo tranh đấu cho nữ quyền như ở phương Tây, Thầy đáp: “Ở Á Đông chúng tôi, nữ quyền đã có từ thời Đức Phật. Trong gia đình, vị trí người phụ nữ rất quan trọng trong việc nuôi dạy con cái, nên được gọi là nội tướng. Gia đình là giềng mối của quốc gia xã hội. Các nước phương Tây đã đánh mất cách phân công hợp lý ấy, nên đạo đức suy đồi, cương thường đảo lộn. Văn hóa phong tục Việt Nam rất đẹp nhờ ảnh hưởng đạo Phật. Phương Tây theo cá nhân chủ nghĩa sùng thượng vật chất, nên dù cha mẹ đến nhà con cái mà không nói trước cũng không có cái ăn nơi ở, vì mỗi người có phần ăn riêng, phòng riêng.

Nhưng ở Việt Nam, với ngôi nhà ba gian hai chái, ai đến ở lại cũng được. Lúc đang ăn có khách đến, chỉ cần thêm chén đĩa.”

- Đối với Phật tử tại gia, Thầy đã cứu bao nhiêu gia đình tan nát, chỉ cho họ con đường sáng khi gặp bế tắc. Có bà Phật tử đến than phiền chồng theo vợ bé, Thầy dạy: “Về mặc áo rộng lạy cảm ơn bà vợ bé ba lạy chứ khó gì. Bà có rước giùm ông chồng chị đi chỗ khác, thì chị mới đến chùa học Phật được chứ. Phải biết lợi dụng cảnh chồng bỏ, con bất hiếu để mà giải thoát chứ. Nếu ân ái theo nhau hoài, hết chồng đến con, hết con đến cháu, chắt, chít... thì đời nào mới ra khỏi biển khổ.”

Kết luận

Hai mươi sáu năm kể từ ngày Sư bà rời chốn Hóa thành trở về Bảo sở, ngọn liên đăng về đạo hạnh trang nghiêm và ôn hóa độ của Sư bà vẫn còn soi sáng giữa miền thùy dương cát trắng miền Trung. Mật hạnh của Sư bà thật bất khả lượng, bất khả thuyết tận, bất khả tư nghì. Chúng con là hàng con cháu của Tổ đình Trúc Lâm Đại Thánh nơi Xuân Kinh, ra đời và biết đến đạo màu khi Sư bà đã về Phật. Giờ đây, chúng con chỉ biết lần giờ từng trang thiền sử thơm đượm trầm hương của núi rừng Thuận Hóa, nghe lại những giai thoại đượm mùi thiền vị về cuộc đời học đạo, tu đạo và hành đạo của Sư bà, lấy đó làm pháp nhũ để nuôi lớn hạt giống Bồ-đề trong tâm tư này. Hôm nay con mạo muội viết ra đây những giai thoại về cuộc đời Sư bà để cúng dường quý Ngài Tăng già nhị bộ, để là một nụ trầm thơm dâng lên Tổ đức cao vòi. Con thành tâm nguyện cầu Đức Phật Đương Lai Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến từ bi gia hộ cho Phật pháp được trường tồn nơi thế gian này, con cầu mong Nhị bộ Đại Tăng mãi mãi thường trụ nơi thế gian, mãi mãi là những ngọn liên đăng làm quy xứ cho muôn vạn ức chúng sanh quay về nương tựa tu tập để lìa khổ được vui.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Ngân, Hồ Đắc Hoài (2009), *Đường thiền sen nở*, Nxb. Lao động, Hà Nội.
2. Nhiều tác giả (2017), *Ái Đạo Dư Hương - Tưởng niệm 20 năm Ni trưởng Thích Nữ Diệu Không viên tịch (1997- 2017)*, Nxb. Thuận Hóa, Huế.
3. Tỉnh hội Phật giáo Thừa Thiên - Huế (1997), *Kỷ yếu tang lễ Ni trưởng Thích Nữ Diệu Không*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.

CÔNG CHÚA HUYỀN TRẦN: HAI SỨ MỆNH ĐẠO VÀ ĐỜI

TS. Nguyễn Thị Quế Hương - TS. Nguyễn Ngọc Quỳnh

Trần Huyền Trân (1287-1340) là con gái út của Vua Trần Nhân Tông (1258 - 1308) - vị hoàng đế thứ ba của nhà Trần, sơ Tổ Thiền phái/Phật giáo Trúc Lâm của Phật giáo Việt Nam - với Hoàng hậu Khâm Từ Bảo Thánh. Từ nhỏ, Huyền Trân Công chúa đã rất xinh đẹp, nết na, dịu dàng và ham học hỏi. Do đó, Huyền Trân được vua cha và Thái hậu Tuyên Từ rất mực yêu thương, nhất là sau khi mẹ Huyền Trân mất. Cuộc đời của Huyền Trân như một câu chuyện huyền thoại. Người con gái xinh đẹp, kiêu sa, dịu dàng, thông minh, tài trí ấy đã quyết đoán tiếp nhận sứ mệnh lớn lao với đất nước mà vua cha giao phó. Và sau khi xuất gia với pháp danh Hương Tràng, Ni sư lại tiếp tục hoàn thành sứ mệnh hoàng dương Đạo pháp. Công lao to lớn của Huyền Trân thật đáng trân trọng.

1. Vài nét về cuộc đời Công chúa Huyền Trân

Tháng 3 năm 1293, Vua Trần Nhân Tông nhường ngôi cho con, lui về phủ Thiên Trường làm Thái Thượng hoàng. Sử chép: “Mùa xuân, tháng 3, ngày mồng 9, vua nhường ngôi cho Hoàng thái tử Thuyên. [Hoàng thái tử Thuyên] lên ngôi hoàng đế, đổi niên hiệu là Hưng Long năm thứ 1, đại xá, tự xưng là Anh Hoàng, tôn Thượng hoàng làm Hiến Nghiêu Quang Thánh Thái Thượng Hoàng đế, tôn Bảo Thánh Hoàng hậu làm Khâm Từ Bảo Thánh Hoàng Thái hậu... Mùa thu, tháng 9, ngày 13, Khâm Từ Bảo Thánh Hoàng Thái hậu băng ở Lỗ Giang, phủ Long Hưng, tạm quàn ở cung Long Hưng”¹. Thái hậu

¹ Lê Văn Hưu, Phan Phu Tiên, Ngô Sĩ Liên,... (1993), *Đại Việt sử ký toàn thư*, Viện Khoa học xã hội Việt Nam dịch, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, bản pdf, tr.203.

Khâm Từ (mẹ của Huyền Trân) mất khi nàng mới sáu tuổi. Từ đó, Huyền Trân được Thái hậu Tuyên Từ (chính là Công chúa Đạo Hoàng, thứ nữ của Trần Hưng Đạo, em ruột của Khâm Từ) nuôi dạy. Do Thái hậu Tuyên Từ không có con nên Huyền Trân được bà hết mực yêu thương, chăm sóc tận tình.

Năm 1299, Thượng hoàng Nhân Tông chính thức xuất gia. Ngài lên núi Yên Tử, lập am Ngọa Vân, tinh cần tu 12 hạnh Đầu đà, lấy tự hiệu là Trúc Lâm Đại Sĩ. Sử chép: “Mùa thu, tháng 7, xây am Ngự Dược trên núi Yên Tử. Tháng 8, Thượng hoàng từ phủ Thiên Trường lại xuất gia vào núi Yên Tử tu khổ hạnh”¹. Từ đây mà khai sáng ra Phật giáo Trúc Lâm Yên Tử - một thiền phái mang đậm phong cách văn hóa tư tưởng Việt Nam. Ngài trở thành vị Tổ đầu tiên của phái thiền này.

Thực hiện lời hứa của vua cha khi Ngài vân du Chiêm Thành, mặc dù vừa mới đôi mươi, Huyền Trân Công chúa đã nhận sứ mệnh với quốc gia, lên đường sang Chiêm làm Hoàng hậu Paramesvari vào tháng 6 năm 1306, đổi lại cho nước Đại Việt châu Ô và châu Lý (Ri) do Chế Mân dâng làm sính lễ. Tuy nhiên, cuộc đời của công chúa không được trọn vẹn; chỉ sau gần một năm (11 tháng) kết hôn, Vua Chế Mân qua đời. Từ đó, cuộc đời của công chúa lênh đênh trước đầu sóng, ngọn gió. Tuy nhiên, công lao to lớn của Huyền Trân Công chúa trong việc bang giao Việt - Chiêm vẫn còn được sử sách khắc ghi.

Sau bao sóng gió trở về, năm 1308, lại tiếp tục chứng kiến vua cha ra đi, Huyền Trân quyết chí tu hành, với pháp danh Hương Tràng. Theo sử sách kể lại, Huyền Trân đi tu tại núi Trâu Sơn, tức Vũ Ninh², nay thuộc Bắc Ninh, đến năm 1311 thì về tu ở chùa Nộn Sơn (Quảng Nghiêm tự) trên núi Hồ (thuộc xã Hồ Sơn, huyện Thiên Bản, trấn Sơn

¹ Lê Văn Hưu,... (1993), Sđd, tr.209.

² Quốc sử quán triều Nguyễn (2006), *Đại Nam nhất thống chí*, tập 4, Nxb. Thuận Hóa, Huế, tr.87-88, viết: “Núi Trâu Sơn: có tên nữa là núi Vũ Ninh, ở cách huyện Quế Dương (nay là huyện Quế Võ) 12 dặm về phía đông. Trên núi có miếu tương truyền từ thời Hùng Vương. Bên cạnh núi có đền thờ Tiên cô, lại có hai đền thờ Triệu Vũ Đế và Triệu Việt Vương”.

Nam, nay là xã Liên Minh, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định). Để nhớ công lao to lớn của Huyền Trân, người dân Nam Định và các vùng lân cận như Thái Bình, Hưng Yên cùng với nhiều nơi khác quanh vùng biển miền Trung như Huế (núi Ngũ Phong), Quảng Trị,... đều lập đền, miếu thờ Huyền Trân. Gần đây, năm 2017, Đà Nẵng đã tổ chức hội đua thuyền nhằm tái hiện cảnh cứu công chúa để tưởng nhớ công ơn của Người đã vì nước Đại Việt mà hy sinh tuổi thanh xuân.

2. Hai sứ mệnh Đạo và Đời

2.1. Công chúa Huyền Trân và sứ mệnh mở mang bờ cõi

Từ tháng 3 đến tháng 11 năm 1301¹, Vua Trần Nhân Tông sang thăm đất Chiêm Thành theo lời mời của Vua Chế Mân. Trong khoảng thời gian 9 tháng đó, cùng với việc đàm đạo về Phật pháp với Hòa thượng Du Già của nước Chiêm, Vua Nhân Tông còn hứa gả con gái cho Vua Chế Mân để đổi lại sự hòa bình cho muôn dân hai nước, đồng thời, thu hồi được hai châu Ô - Lý (Rí) mà không phải chiến tranh, kết tình hòa hiếu, cùng nhau chống giặc phương Bắc. Đặc biệt, Vua Nhân Tông sau thời gian quan sát, đã rất thán phục tài, đức vẹn toàn, tấm lòng thương dân, ưa chuộng hòa hiếu của Vua Chế Mân, vì vậy mà đồng ý gả công chúa cho Chế Mân mặc dù ông đã có tới hai hoàng hậu (trong đó một hoàng hậu đã mất). Dù không bị ép buộc, nhưng Công chúa Huyền Trân mới 19 tuổi đã hiểu được quốc gia đại sự, đồng ý gánh vác sứ mệnh to lớn này.

Thượng hoàng rất vui mừng khi Công chúa Huyền Trân thuận tình vâng theo sự sắp đặt của mình. Trong một khoảng thời gian ngắn, công chúa vừa phải gấp rút học về phong tục, tập quán, ngôn ngữ, nghệ thuật,... của nước Chiêm, vừa phải am tường văn hóa, văn minh Đại Việt. Sau hai năm, công chúa và đoàn tùy tùng đã thông thạo cách nói và viết của người Chiêm, cũng như những phong tục tập quán cơ bản. Đó cũng là lúc đoàn phái bộ của Chiêm Thành sang cầu hôn. Vậy là đã đến thời điểm ly biệt. Bước chân lên thuyền theo

¹ Lê Văn Hưu... (1993), Sđd, tr.215.

chồng về xứ người, cũng là lúc Huyền Trân bước chân vào lịch sử nước nhà.

Truyện xưa kể lại, khi Chế Mân đến địa đầu của Chiêm quốc để đón Công chúa Huyền Trân (theo lời đề nghị của nàng), công chúa và đoàn tùy tùng đã trình diễn những điệu múa của người Chiêm, giao tiếp bằng tiếng Champa. Nhà vua đã phải thảng thốt trước vẻ đẹp kiều diễm, đáng đi uyển chuyển, nhẹ nhàng của công chúa. Từ lúc đó, Vua Chế Mân thường gọi công chúa là *đóa bạch trà kiều diễm của ta*¹. Điều đó chứng tỏ, Vua Chế Mân rất sủng ái Huyền Trân. Vua Chế Mân đã phong nàng làm Hoàng hậu, tên hiệu là Paramecvari. Điều này hoàn toàn đi ngược lại điển chế của Chiêm quốc. Trong khi đó, với Huyền Trân, đem được hai châu Ô - Lý về cho Đại Việt, đem ấm no, hạnh phúc đến cho người dân hai nước, là điều thiêng liêng, cao cả.

Tại kinh đô Chà Bàn, công chúa đã có những ngày tháng sống trong hạnh phúc ngọt ngào và không quên trách nhiệm của Hoàng hậu đối với con dân Chiêm Thành. Nhưng chỉ 11 tháng sau, Vua Chế Mân mất, Huyền Trân phải xa lìa con thơ, vượt muôn trùng khơi về lại cố hương, rồi tiếp tục chứng kiến cái chết của vua cha. Nàng tìm đến nơi cửa Phật, giấu đi cõi lòng đau thương.

2.2. Ni sư Hương Tràng với đạo pháp - dân tộc

Sau một loạt biến cố, năm 1309, Huyền Trân lên chùa Vũ Ninh, trên núi Trâu (Trâu Sơn), huyện Quế Dương, trấn Kinh Bắc (nay là huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh). Dưới sự giảng dạy của Quốc sư Bảo Phác, Huyền Trân đã thọ Bồ-tát giới với pháp danh Hương Tràng². Cuối năm 1311, Ni sư Hương Tràng và thị nữ Phương Dung về làng Hồ Sơn lập am tu hành, sau này là chùa Nộm Sơn (Hồ Sơn) ở huyện Thiên Bản, trấn Nam Sơn, nay là thôn Hồ Sơn, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định. Thời điểm đó, tại làng Tiền, xã Tam Thanh có ngôi chùa

¹ Hoàng Quốc Hải (2010), *Huyền Trân Công chúa*, Tiểu thuyết lịch sử, Nxb. Phụ nữ, Hà Nội, tr.292.

² Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Nam Định, *Chùa Hồ Sơn - đền Huyền Trân xưa và nay*. Bản lưu hành nội bộ, không rõ năm xuất bản, tr.10.

nhỏ là An Lạc viên do Ni sư Tĩnh Quang/Quốc thành lập và trụ trì (Đây chính là Công chúa Trần Thụy Bảo, cô của Vua Trần Nhân Tông và là bà của Công chúa Huyền Trân). Sau này, hai bà cháu thường xuyên qua lại đàm đạo Phật pháp và hướng dẫn người dân khai hoang lập ấp, cày cấy, chăm lo đời sống người dân.

Trong thời gian trụ trì chùa Hồ Sơn, Ni sư Hương Tràng luôn tận tụy, chăm lo đạo pháp, dạy bảo người dân biết trồng cấy lúa theo phong tục của người Chiêm. Đồng thời, nhờ hiểu biết về y học, Ni sư đã bốc thuốc chữa bệnh, khuyên người dân học Phật tu thân, tích đức, làm thiện. Trong 30 năm tu hành tại chùa Hồ Sơn, Ni sư và thị nữ Phương Dung vẫn thường đi về quê cha đất tổ để chăm lo hương khói và dạy dân trồng cấy lúa Chiêm. Ni sư cũng đã mua đất cho 36 làng xã, riêng làng Giành được chia 28 mẫu - ngày nay, người dân làng Giành, xã An Ninh, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình gọi là ruộng Vàng. Để tưởng nhớ công ơn của Ni sư và thị nữ đã dạy dân cày cấy và đan giành (do thị nữ Phương Dung học được từ khi còn ở đất Chiêm Thành) để quấy gánh, dân làng đã dựng ngôi chùa Cả gần bờ sông Thái Sư để thờ phụng, dân làng Giành lập ngôi đền Giành¹ thờ Huyền Trân (như một vị Thành hoàng bảo hộ) và thị nữ Phương Dung. Hiện tại, trong đền có một sắc phong của triều Nguyễn vào năm 1917, cho Huyền Trân là *Dực Bảo trung Hưng Linh Phò chi thần* và thị nữ Phương Dung lên bậc *Thượng Đẳng thần*².

Sau khi Ni sư Hương Tràng viên tịch, để tưởng nhớ công đức, người dân tổ chức lễ cúng rất trang trọng vào ngày mùng 9 tháng Giêng - ngày kỵ của công chúa tại đền Mẫu, cạnh chùa Hồ Sơn. Hiện nay, tại chùa Hồ Sơn vẫn lưu giữ 27 tượng thờ, 27 đồ thờ quý hiếm như: tượng nhị vị Công chúa Huyền Trân - Thụy Bảo, bốn đạo sắc phong của các triều đại phong kiến, cụ thể: Bản sắc phong của Vua Duy Tân ban cho Công chúa Thụy Bảo ngày mùng 8 tháng 6 nhuận, niên hiệu Duy Tân thứ 5 là *Trinh Uyển Dực Bảo Trung Hưng Tôn thần*; bản sắc phong của vua Khải Định ban cho Công chúa Huyền Trân là

¹ Đền Mẫu làng Giành là di tích cấp tỉnh thuộc huyện Quỳnh Phụ, Thái Bình.

² Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Nam Định, Tlđđ, tr.43.

Trinh Uyển Dục Bảo Trung Hưng Tôn thần, ngày 18 tháng 3, niên hiệu Khải Định thứ 2; bản sắc phong của vua Khải Định ban cho Công chúa Thụy Bảo là *Trai Tịnh Trung Đẳng thần*, ngày 25 tháng 7, niên hiệu Khải Định thứ 9 và bản sắc phong của Vua Khải Định ban cho Công chúa Huyền Trân là *Trai Tịnh Trung Đẳng thần*, ngày 25 tháng 7, niên hiệu Khải Định thứ 9¹.

Ngày 22/01/2020, Chủ tịch UBND tỉnh Nam Định đã phê duyệt quyết định cho phép chùa Hồ Sơn được trùng tu theo quy hoạch tổng thể gồm các hạng mục: Tam bảo, Tổ đường, Tổ Ni đường, nhà Mẫu, đền Huyền Trân, vườn Tháp, với tổng dự kiến kinh phí lên tới 40 tỷ đồng. Việc trùng tu, tôn tạo chùa Hồ Sơn không chỉ đáp ứng nguyện vọng của Phật tử mà còn góp phần lưu giữ và phát huy giá trị văn hóa dân tộc, giá trị đạo đức, nhân văn của tín ngưỡng thờ Mẫu, thờ Thành hoàng, tổ tiên của Việt Nam.

Để tỏ lòng tri ân người con đất Việt với những công lao to lớn cho đất nước, từ năm 2007, tại tỉnh Thừa Thiên - Huế đã xây dựng đền thờ Công chúa Huyền Trân và tổ chức lễ hội vào ngày mùng 9 tháng Giêng hằng năm. Lễ hội thu hút được nhiều người dân trong vùng và lân cận đến kính nhớ bà, cầu mong bà tiếp tục hộ quốc an dân.

Kết luận

Có thể thấy, cuộc đời Huyền Trân Công chúa với hai sứ mệnh trên vai - tận trung, hiếu nghĩa với dân, với nước và vẹn tròn lòng mộ đạo nơi cửa Phật - đã để lại những giá trị nhân văn sâu sắc và giá trị đạo đức Phật giáo cho thế hệ mai sau. Công chúa đã hy sinh cả tuổi thanh xuân để góp phần mở mang bờ cõi, rồi sau đó lại tiếp tục hoàng dương đạo pháp cho đến khi trở về với tổ tiên. Trải qua hơn 700 năm nhưng giá trị về tinh thần yêu nước, lòng nhân ái, độ lượng, từ bi của Bà vẫn còn nguyên và là ngọn đuốc sáng chói cho thế hệ mai sau dõi theo. Việc kế thừa và phát huy tinh thần yêu nước, lòng khoan dung, độ lượng của Huyền Trân Công chúa là rất cần thiết trong xã hội hiện

¹ Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Nam Định, Tlđđ, tr.24-27; 38-41.

đại, góp phần vào công cuộc xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân, nêu cao tinh thần yêu nước, gìn giữ truyền thống uống nước nhớ nguồn của người dân từ xưa đến nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hoàng Quốc Hải (2010), *Huyền Trân công chúa*, Tiểu thuyết lịch sử, Nxb. Phụ nữ, Hà Nội.
2. Lê Văn Hưu, Phan Phu Tiên, Ngô Sĩ Liên... (1993), *Đại Việt sử ký toàn thư*, Viện Khoa học xã hội Việt Nam dịch, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
3. Quốc sử quán triều Nguyễn (2006), *Đại Nam nhất thống chí*, tập 4, Nxb. Thuận Hóa, Huế.
4. Dương Phước Thu (2017), “Huyền Trân Công chúa gia thế, sự nghiệp và di sản”,
<https://trungtamhuyentran.thuathienhue.gov.vn>,
truy cập ngày 3/11/2022.
5. Quang Viện (2017), “Đặng cả nắng mưa”,
<https://baothaibinh.com.vn/tin-tuc/39/59892/dung-ca-n-ng-mua>,
truy cập ngày 3/11/2022.

LÝ TƯỜNG GIẢI THOÁT CỦA CHƯ NI TRẺ TRONG GIAI ĐOẠN HỘI NHẬP VÀ PHÁT TRIỂN

TKN. Thích nữ Tịnh Nghiêm

Cuộc sống sẽ không có ý nghĩa nếu con người không xác định được lý tưởng sống. Chính lý tưởng sống là ngọn đèn chỉ lối, là kim chỉ nam đưa con người hướng đến cái đích cuối cùng trong cuộc đời mình.

Thái tử Sĩ Đạt Ta đã chọn một lối đi riêng, không tầm cầu, không chấp thủ, không hưởng thụ,... Đó chính là lý tưởng giải thoát. Bằng sự kiên định, Ngài đã đạt được mục tiêu và thành tựu Đạo quả. Lý tưởng đó đã soi sáng và dẫn lối cho những ai muốn sống cuộc đời giác ngộ giải thoát, chấm dứt khổ đau. Chư Tổ và bao thế hệ tiền bối đã đi và đã đến, không phải ngẫu nhiên mà đạt được, điều đó phải được đánh đổi bởi sự đồng mãnh quyết tâm, một sự kiên định không gì lay chuyển.

Ngày nay, trong xu thế hội nhập toàn cầu, sự phát triển như vũ bão của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 vừa là cơ hội nhưng cũng kèm theo những thách thức cho nhân loại nói chung và người xuất gia nói riêng, nhất là người xuất gia trẻ tuổi. Bài viết này, phần nào giúp chư Ni trẻ định hướng mục tiêu cao cả mình đã đi, đang đi và sẽ đến: “Sự giác ngộ, giải thoát cho tự thân và tha nhân”.

1. Đức Phật: Người uơm mầm lý tưởng giải thoát cho nhân loại

Lý tưởng giải thoát được hiểu là mục tiêu cao cả và duy nhất của những người muốn hướng đến và quyết tâm đạt được một đời sống tâm linh không còn đau khổ, không bị phiền não trói buộc, tự tại

trước mọi dục lạc của trần gian, dù trong hoàn cảnh nào cũng giữ tâm an nhiên, thanh tịnh, tỉnh thức. Nếu lý tưởng không được soi sáng bởi tuệ giác giải thoát thì cho dù nhân loại có đời sống vật chất thù thắng như chư thiên, rốt cuộc, tất cả chúng sanh vẫn chìm trong bóng tối vô minh, mãi luân chuyển trong sanh tử khổ đau không lối thoát. Bởi vì tất cả đều mê lầm, không nhận ra sự thật của các pháp, mạng người chỉ trong hơi thở mà lầm tưởng cả trăm năm, tiền tài, sắc đẹp, danh vọng, quyền thế vô thường chóng vánh mà cứ ngỡ là thật có, thường còn.

Vì lòng bi mẫn, ngay trần gian này, Đức Phật đã thị hiện ở đời, từ bỏ ngai vị, quay lưng với cuộc sống vương giả, vượt thành xuất gia, đi tìm chân lý. Trung thành với lý tưởng, kiên định trong ý chí, cuối cùng, Ngài đã chứng ngộ và vén lên bức màn vô minh, chỉ cho chúng sanh nhận ra chân tánh, thấy rõ tướng thật của vạn pháp, ý thức được sự hình thành của vòng luân hồi vô tận, đâu là nguyên nhân dẫn đến khổ đau. Ngài đã dạy về phương pháp diệt tận nguồn gốc của sanh tử, đi đến chân trời giải thoát, an nhiên, tự tại. Lý tưởng giải thoát được uơm mầm từ đây.

2. Lý tưởng giải thoát của Đức Thánh Tổ Ni và chư Ni tiền bối qua các thời đại

Từ địa vị của một bậc mẫu nghi thiên hạ, Hoàng hậu Ma Ha Ba Xà Ba Đề cùng năm trăm công nương trong hoàng tộc đã vì lý tưởng giải thoát mà khước từ đời sống nhung lụa đài các, tự tay cạo tóc, mặc áo nhuộm, đi chân trần, bộ hành hơn hai trăm cây số, lội suối trèo đèo, đầm sương dãi nắng đi đến tinh xá, chỉ để cầu Phật cho xuất gia, sống đời Phạm hạnh. Dù đôi chân rướm máu, thân hình gầy guộc, y phục lấm lem, các vị vẫn kiên định với lý tưởng cầu giải thoát. Khi đã được Đức Phật chấp nhận cho xuất gia và thành lập Ni đoàn, Tỳ-kheo-ni Đại Ái Đạo đã thể hiện sự kiệt xuất trong vai trò lãnh đạo Ni giới. Dù đảm nhiệm trách vụ lãnh đạo Ni đoàn hay làm nhiều Phật sự có ích cho nhân quần xã hội, lý tưởng giải thoát vẫn được Tỳ-kheo-ni Đại Ái Đạo và Giáo đoàn Ni đặt làm mục tiêu hàng

đầu. Do thế, sau khi lĩnh hội giáo pháp từ Đức Thế Tôn, các Ngài đã nỗ lực quán chiếu và đều chứng Thánh quả, tự tại giải thoát giữa hai bờ sanh tử.

Tiếp nối dòng giống Kiều Đàm, nữ giới trên khắp năm châu đã đi theo lý tưởng giải thoát. Trên mảnh đất Việt Nam thân yêu, từ thuở Hai Bà Trưng phát cờ khởi nghĩa chống giặc ngoại xâm phương Bắc, đã có Công chúa Bát Nàn, Công chúa Phù Vương, chẳng ngại thân nữ nhi yếu đuối thiết tha với lý tưởng giành lại độc lập, tự do cho Tổ quốc, xông pha tiền tuyến cùng với Trưng Nữ Vương đánh đuổi giặc ngoại xâm. Thắng trận, các nàng từ bỏ vinh hoa phú quý, lui về sống đời tu sĩ với lý tưởng giải thoát cao đẹp. Đi theo lý tưởng ấy, còn có Công chúa Chiêu Dung, nữ tướng Vĩnh Huy và Phương Dung Công chúa,... Sau khi Hai Bà Trưng tuấn tiết vì thua trận, các nàng đã gác lại chuyện thế gian, tìm về cửa đạo, an vui trong Chánh pháp giải thoát.

Dưới triều Lý Thánh Tông, Công chúa Lý Ngọc Kiều sau cái chết của phu quân đã ngộ lẽ vô thường, đi theo lý tưởng giải thoát, cầu xuất gia với thiền sư Chân Không - vị Tổ thứ 16 của dòng thiền Tỳ Ni Đa Lưu Chi, được ban Pháp hiệu là Diệu Nhân. Một đời nỗ lực tu tập, liễu ngộ Chánh pháp, đạt được lý thiền, thừa hành Phật sự, phổ hóa chúng sinh, Ni sư Diệu Nhân được Tổ trao truyền, kế vị làm Tổ thứ 17 của dòng thiền đang thịnh hành thời bấy giờ.

Đời Trần có Ni sư Hương Tràng, tức Huyền Trân Công chúa và Ni sư Hương Nghiêm từ già lâu son, địa vị cao quý, bước theo con đường giác ngộ của Phật Tổ, mở lớp dạy học, tiếp độ Ni lưu, truyền bá Chánh pháp, chữa bệnh, cứu tế dân nghèo. Chính với hành trạng như vậy nên từ triều Lê đến nhà Tây Sơn, rồi các triều vua Nguyễn, Ni sư đều có sắc phong. Ni sư Từ Quán, con quan nhà Trần, nêu cao lý tưởng giải thoát, xuất gia học đạo, tuệ giải tinh thông, danh tiếng lẫy lừng, đạo tục xa gần đều kính mộ, là bậc Tôn sư của Ni chúng cả nước, tên tuổi ngang hàng với các bậc cao Tăng, được vua Trần Nghệ Tông (1370-1372) ban hiệu Huệ Thông Đại sư.

Thời chúa Trịnh Tráng có Ni sư Diệu Viên (vốn là Quận chúa Trịnh Thị Ngọc Trúc, hoàng hậu của Vua Lê Thần Tông) và con gái là Công chúa Lê Thị Ngọc Duyên, pháp hiệu Diệu Tuệ, tiếp nối lý tưởng giải thoát, góp phần làm Phật pháp được hưng long.

Những triều đại kế tiếp cho đến thế kỷ XX và những thập niên đầu thế kỷ XXI đều có các bậc danh Ni tiêu biểu, tài đức song toàn, hạnh giải kiêm ưu như Ni sư Diệu Chân, Ni sư Hải Bình, Ni sư Diên Trường, Ni trưởng Đàm Thái, Ni trưởng Đàm Soạn, Ni trưởng Đàm Thu, Sư cụ Diệu Tịnh, Sư bà Diệu Tấn, Sư trưởng Như Thanh, Sư bà Liễu Tánh, Sư bà Diệu Không, Ni trưởng Huỳnh Liên, Sư bà Huyền Huệ, Sư bà Huyền Học, Ni trưởng Trí Hải,... Không phải ngẫu nhiên mà hành trạng của Quý Sư trưởng được lưu danh trên trang sử vàng của Ni giới Việt Nam. Quý Ngài đã vượt qua bao chông gai thử thách, nhất là xã hội Việt Nam thời kỳ còn mang nặng tư tưởng trọng nam khinh nữ, việc học việc tu đầy vất vả, gian nan nhưng với lý tưởng giải thoát, Quý Sư trưởng đã nỗ lực công phu, nâng tầm, cùng với Đại Tăng góp phần chấn hưng ngôi nhà Phật pháp và thành lập Ni bộ, xây dựng Ni đoàn vững mạnh đến ngày nay. Hiện tại có Quý Ni trưởng giới hạnh thanh cao, là những bậc thạch trụ tông lâm, đã và đang lãnh đạo chư Ni cả nước, như Ni trưởng Tịnh Nguyên, Ni trưởng Tân Liên, Ni trưởng Huệ Hương, Ni trưởng Như Như, Ni trưởng Nhật Khương,... Dù niên đã cao, sức khỏe hạn chế nhưng vì tiền đồ của Phật pháp, vì tương lai của chư Ni trẻ hay vì lý tưởng giải thoát mà Quý Ngài chẳng ngại xả thân.

3. Chư Ni trẻ thời hội nhập và lý tưởng giải thoát

Trong thời kỳ hội nhập, phát triển, chư Ni trẻ có rất nhiều cơ hội và cả những thách thức trên con đường tu tập, dẫn thân phụng hành Phật sự.

3.1. Về cơ hội

Thời nay, nam và nữ đã bình đẳng. Giáo hội đã tạo điều kiện và khuyến khích chư Ni trẻ tham gia các chương trình Phật học từ Sơ cấp đến Tiến sĩ, hầu trang bị những kiến thức cần và đủ để phục vụ

cho việc hoàn bị tự thân và công tác hoằng dương Chánh pháp. Song song với việc theo các cấp học của Phật giáo, chư Ni trẻ cũng tranh thủ đạt thêm các văn bằng cử nhân, thạc sĩ, tiến sĩ của thế học trong và ngoài nước nhằm nâng cao kiến thức, từ đó hỗ trợ việc quảng bá Phật pháp đến mọi tầng lớp nhân dân trong thời đại tri thức con người đã đạt tới đỉnh cao. Thêm vào đó, chư Ni trẻ còn được tham gia các khóa bồi dưỡng - đào tạo của Trung ương Giáo hội tổ chức về các lĩnh vực chuyên môn như: giáo dục, hoằng pháp, hướng dẫn Phật tử, thông tin truyền thông, nghiệp vụ hành chánh, nghiệp vụ trụ trì,... Sau khi được đào tạo, chư Ni trẻ đã được Giáo hội tạo điều kiện cho đem tài năng và sức trẻ phụng sự Đạo pháp - Dân tộc, qua việc được tham gia các ban ngành của Giáo hội, nhất là trong công tác giáo dục; đôi khi chư Ni còn được phép chia sẻ kiến thức với cả Tăng lẫn Ni. Đây là ân huệ dành cho Ni giới nhưng cũng là điều chư Ni trẻ cần phải cẩn trọng trong việc giữ gìn Bát Kinh Pháp đối với Đại Tăng. Bên cạnh đó, chư Ni trẻ còn được Giáo hội hay Phân ban Ni giới thuộc Ban Tăng sự cho phép tham dự và phục vụ các Đại lễ quan trọng của Phật giáo như: Đại lễ Phật Đản, Đại lễ Tường niệm Đức Thánh Tổ Ni Đại Ái Đạo và chư Ni tiền bối hữu công Việt Nam, Đại lễ Kỷ niệm 35 năm ngày thành lập Giáo hội Phật Giáo Việt Nam,... hoặc tham dự nhiều hội thảo khoa học trong và ngoài nước,... Nhờ vậy, chư Ni trẻ có dịp được chiêm ngưỡng và lắng nghe những công hạnh cao quý, vĩ đại của các Ngài, từ đó noi theo tu tập,... Đây là cơ hội cho chư Ni trẻ được uơm mầm lý tưởng giải thoát, khẳng định hướng đi mình đã chọn và đang dẫn thân.

3.2. Về thách thức

Bên cạnh những thuận lợi, còn có không ít thách thức luôn chờ đón và sẵn sàng nhấn chìm những đệ tử Phật không quyết tâm theo đuổi lý tưởng giải thoát, không kiên định với mục tiêu mà mình đã chọn.

Điều đầu tiên phải nói đến là bối cảnh xã hội ngày nay, mỗi gia đình chỉ có một đến hai con, dù hoàn cảnh thế nào thì cha mẹ cũng vẫn nuông chiều con cái hết mực và sẵn sàng dang rộng vòng tay đón

con về. Vì vậy, nhiều tự viện chỉ có một thầy một trò, đôi lúc thấy đệ tử sa đà trong danh lợi cũng không dám rầy dạy; điều này ảnh hưởng rất lớn đến lý tưởng giải thoát của chư Ni trẻ.

Lại nữa, trong xu thế con người chạy theo văn bằng, kiến thức để bắt kịp với sự phát triển của xã hội, người xuất gia trẻ thời nay thường không đủ duyên để được ở cạnh vị Thầy Bổn sư. Phật chế định, với đệ tử mới xuất gia, phải có 5 năm ròng chuyên Giới Luật. Nhưng hiện nay, trong khoảng thời gian đó, người xuất gia cũng phải đăng ký dự học ở các trường Phật học, do đó, những thói quen phàm phu, tâm tánh đời thường chưa được Thầy tổ gột rửa, khuôn vàng thước ngọc của Giới pháp chưa được uốn nắn. Hệ quả là, khi lên các cấp học cao thì tri thức và phẩm hạnh không được cân bằng, lý tưởng giải thoát, mục tiêu duy nhất của người xuất gia khó mà đạt được.

Điều đáng nói hơn nữa là những thành tựu vĩ đại của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 hiện nay khiến cho tất cả đều được hiện đại hóa. Mọi nhu cầu về vật chất của con người cũng theo đó mà được đáp ứng tốt hơn. Đây là một yếu tố quan trọng tác động, làm nhiều vị Ni trẻ dao động trước dục lạc hấp dẫn của thế gian.

Bên cạnh đó, bối cảnh hội nhập và phát triển cũng có sự tác động nhất định đến chư Ni trẻ, ở cả mặt tích cực và tiêu cực. Về mặt tích cực, mọi kiến thức cần tiếp cận để học tập, nghiên cứu, về cơ bản đều có trên Internet; việc quảng bá để Phật pháp lan tỏa khắp toàn cầu cũng dễ dàng hơn do có thể đưa các bài giảng, các hoạt động Phật sự lợi Đạo ích đời lên các nền tảng Youtube, Facebook... Đây là những giá trị mà khoa học kỹ thuật hiện đại đem lại. Tuy nhiên, việc sử dụng các thiết bị điện tử cũng khiến chư Ni dễ dàng truy cập các trang mạng có nội dung trái với Phật pháp; do vậy có thể làm ảnh hưởng tới toàn bộ quá trình tu tập. Đây là vấn đề nhức nhối làm các bậc Tôn túc lãnh đạo Giáo hội cùng Quý Ni trưởng lãnh đạo Phân ban Ni giới phải trăn trở, ưu tư. Trong các phiên họp cũng như các hội thảo chuyên đề do Giáo hội tổ chức, vấn đề này thường xuyên

được đề cập đến; cũng có nhiều giải pháp được đưa ra nhưng hiệu quả chưa cao. Theo người viết bài này:

Trước hết, các bậc Thầy Ni (đặc biệt là những Thầy Ni trẻ) hội đủ hai pháp nhiếp thủ, luôn quan tâm, ân cần giáo dưỡng, nhắc nhở đệ tử, nhất là chư Ni trẻ, phải chuyên tâm hướng về mục tiêu mình đã chọn.

Tiếp theo, chư Ni trẻ phải tự khẳng định:

- Tại sao mình chọn con đường xuất gia? Xuất gia với mục đích gì?
- Dù là căn lành hay vì một lý do nào đó được xuất gia, dù vì lý tưởng giải thoát hay không phải, nhưng khi tiếp cận Chánh pháp, hiểu được giá trị của mục đích xuất gia, thiết nghĩ chư Ni trẻ cần phấn đấu để kiên định với lý tưởng, đấu hoàn cảnh thế nào cũng không lay chuyển.
- Nhận định con đường xuất gia học Phật mà mình chọn là đúng.
- Ý thức được bốn phận của người xuất gia đệ tử Phật.
- Nỗ lực học tập Kinh, Luật, Luận và tinh tấn tu tập Giới - Định - Tuệ (Văn, Tư, Tu - Tam huệ).
- Cảm nhận nguồn chân hạnh phúc khi thực hành Giáo pháp.
- Nhận thức rõ tướng thật của các Pháp để không mê lầm, chạy theo dục lạc trần gian. Thấu rõ nỗi khổ niềm đau của chúng sanh mà phát tâm Bồ-đề.
- Thường xuyên nhớ đến bốn trọng ân và nghĩ tới việc phải đền trả.
- Không sống và làm việc theo bản năng mà luôn lấy gương sáng của Phật Tổ, Thánh Tổ, chư Ni tiền bối để soi sáng, trau dồi phẩm hạnh, giới đức, phát huy nguồn năng lực sống từ tu tập Giới - Định - Tuệ, chứ không đơn thuần là kiến thức.
- Tự soi sáng như lời Phật đã dạy: “Hãy tự thấp đuốc lên mà đi”.
- Trọn vẹn với niềm tin: Ni giới cũng có khả năng chứng đắc Đạo quả như Đại Tăng.

Kết luận

Chư Ni trẻ là thế hệ kế thừa. Nếu tu đúng, có định hướng rõ ràng, sẽ là bậc lương đồng cho Phật pháp, làm cho Tăng đoàn vững mạnh, Phật pháp được quang huy, nhân sinh được lợi lạc. Chư Ni trẻ nếu tu sai, không định hướng, sẽ dẫn đến tự thân đọa lạc và là yếu tố cho sự cơ hiềm, phá vỡ niềm tin của tín đồ Phật tử, từ đó Phật pháp bị lu mờ, chúng sanh không được an ổn.

Trước xu hướng toàn cầu hóa, đất nước trong giai đoạn hội nhập và phát triển, chư Ni trẻ phải định hướng rõ ràng mục tiêu lý tưởng giải thoát của mình; dù làm gì, ở đâu, lúc nào, “LÝ TUỒNG GIẢI THOÁT” cũng là mục tiêu quan trọng nhất, cao nhất so với tất cả. Chư Ni trẻ có thể biến thách thức thành cơ hội để phục vụ việc tu học và hành đạo. Những thách thức được xem như các trang sức, làm đẹp thêm phẩm hạnh của con người giải thoát và sẵn sàng dẫn thân phụng sự Đạo pháp, phục vụ nhân sinh.

Trong Thiền Lâm Bửu Huấn, Hòa thượng Viên Thông đã dạy: “Phàm người ở chốn tông lâm tự mình không duy trì lấy đạo đức ở nội tâm lại nương cậy vào quyền thế ở bên ngoài, một mai thế lực đó mất đi, đều không tránh khỏi cái họa khuynh đảo.”

Ngài Edward Gibbon nói: “Mọi người đều hấp thụ được hai thứ giáo dục. Một thứ là do người khác tạo ra, còn một thứ quan trọng hơn nhiều là do chính mình tự tạo cho mình”¹.

Qua những lời dạy trên, chư Ni trẻ hãy suy nghiệm và chọn cho mình một cách sống để không cô phụ tánh linh và chí nguyện xuất gia, ngõ hầu làm xương minh Phật pháp, mới mong đền trả bốn ân, cứu giúp các loài hàm thức.

¹ Từ điển danh ngôn Đông Tây, tr.208.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. NT. Nhật Khương (Chủ biên, 2023), *Ni giới Bình Phước - Sự dẫn thân và truyền trì Chánh pháp*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
2. Kỷ yếu Hội thảo khoa học *Nữ Phật tử với Phật giáo Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
3. “Lý tưởng sống”, <http://timviec365.vn>.
4. *Nữ giới Phật giáo Việt Nam: Truyền thống và hiện đại*, Nxb. Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.
5. Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, Trung tâm Nghiên cứu Nữ giới Phật giáo (2020), *Ni giới Thành phố Hồ Chí Minh - Tiềm năng, Hội nhập, Phát triển*, Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.

ĐỜI SỐNG TU HỌC VÀ HÀNH ĐẠO CỦA CHƯ NI TRẺ NGÀY NAY

NS. Thích Đàm Quy

Đức Phật xuất hiện ở đời đã 2.567 năm; cũng gần như chừng đó thời gian, bánh xe Phật pháp xoay chuyển trên khắp hành tinh này. Đến nay, ở đất nước Việt Nam ta, Tăng Ni tín đồ theo Phật giáo trải khắp từ Bắc vào Nam, đã và đang quy hướng một lòng trong ánh từ bi trí tuệ của Đức Phật. Ngài đã hoằng truyền Chính pháp và để lại cho nhân loại một kho tàng triết lý, một ánh sáng tuyệt vời, một đời sống Phạm hạnh, thanh tịnh nhịp nhàng. Tuy rằng sự thịnh suy của mỗi thời đại khác nhau nhưng những giá trị tốt đẹp của Phật pháp vẫn trường tồn. Thế hệ Ni trẻ ngày nay phải giữ vững ngọn đuốc trí tuệ, đem ánh sáng chân lý hòa nhập vào từng con tim, nhịp thở của nhân loại.

Những vị Ni trẻ ngày nay có đầy đủ nhân duyên và phước báu được sinh vào thời đại hòa bình và phát triển. Với tính chất năng động, sáng tạo của giới trẻ, họ có lợi thế tiếp cận nhanh nhất với thông tin, truyền thông. Họ lại được các bậc Hòa thượng, Thượng tọa, Đại đức Tăng trong Giáo hội lân mẫn cho tòng Tăng an cư ở nơi có danh Tăng tu hành cẩn thận, lại được các quý Ni trưởng, Ni sư cho đi thị giả tu tập trong ba tháng cấm túc an cư hành trì lễ bái. Họ được sư phụ cùng huynh đệ giáo dục từ nhỏ trong thiền gia, biết hiếu nghĩa, ngoan ngoãn, hiền lành, biết cung kính bậc trên, biết khiêm cung người dưới, được tham gia các cấp đào tạo trong và ngoài Giáo hội, trong nước và quốc tế, có đầy đủ các phương tiện nghiên cứu về khoa học kỹ thuật, công nghệ máy móc tiện nghi... Cho nên, Ni trẻ

cần phải làm chủ được bản thân, ý thức tu và học rõ ràng, lấy tấm gương của Thầy tổ và các bậc Trưởng lão, Hòa thượng, Ni trưởng, Ni sư Tổ đình ra mà soi rọi, rồi nương theo đó tu hành. Phải biết đem sở học của mình mà sáng tạo, cống hiến, làm trang nghiêm cho Giáo hội, làm trong sạch cho huynh đệ trong thiền môn, mang lại tiếng thơm cho Sư trưởng, giúp đời, giúp đạo thật tốt.

Ni trẻ ngày nay thông thạo kỹ thuật, thông tin nhanh nhạy, đồng thời cũng giữ được nề nếp gia giáo, thiền môn chuẩn mực, trọng đạo lý và trách nhiệm, có thể thực sự dẫn thân vào con đường phụng sự, đem học vấn của mình làm hành trang phục vụ cùng với Sư, Ni sư trong Giáo hội, làm từ thiện, mở đường trường trạm, cầu cống, giúp đỡ cho người nghèo đồng bào dân tộc, hẻo lánh, trẻ mồ côi lang thang, nông thôn nghèo đói... Ngoài ra, còn giúp các chùa mở khóa tu mùa hè, các đạo tràng mở lớp giáo lý, niệm Phật an lạc,... Đặc biệt, Ni trẻ phải nắm bắt được xu thế phát triển của xã hội rồi tìm cách hướng dẫn mọi người hiểu biết giác ngộ và giải thoát. Chư Ni trẻ ngày nay không thể dùng những lời hoa mỹ như “tu tâm” hay “học để biết” mà biện minh cho thái độ ngênh ngang, ích kỷ, hẹp hòi. Phải vì nghĩa vụ cao cả, luôn đoàn kết một lòng, làm cho bản thân và Giáo hội thật trang nghiêm, thanh tịnh, lan tỏa Phật pháp sâu rộng đến với đồng bào các dân tộc, công nhân, viên chức, các thanh thiếu niên nhi đồng, bà con Phật tử và cả những người ngoại đạo,...

Sẽ thật thất vọng và hổ thẹn khi có một số Ni trẻ, do trẻ người non dạ, đạo đức tu hành còn non kém nên si mê lầm lạc, chạy theo danh lợi. Giữa chốn phồn hoa đô thị, cuộc sống tu hành của tu sĩ trẻ chịu nhiều tác động. Họ thích sống tự do. Những thứ vật chất xa hoa như vi tính, điện thoại, đồng hồ thông minh, ô tô, xe máy loại sang... cám dỗ, làm cho nhiều Ni trẻ mãi mê lên mạng mua sắm, giao lưu kêu gọi tiến cúng, từ thiện, dựng chùa..., từ đó gây ra nhiều vấn nạn nhức nhối khiến Giáo hội phải quan tâm, Sư trưởng buồn phiền, huynh đệ bị cười chê, gia đình nghĩ ngợi, xã hội chê trách. Những vị đó thích tự do sống trong thế giới ảo mộng, tham danh lợi, tự buông thả bản thân, ăn chơi thỏa thích, không biết dừng lại, phạm lỗi với thiền môn,

phạm tội với xã hội, để rồi khi ngã xuống mới nhận ra rằng thân chưa đứng vững, chân chưa đủ cứng mà đã đòi “đập đá, vá trời”. Khi ngoảnh đầu nhìn lại, hối hận về những sai lầm thì ôi thôi con đường mình đi đã quá xa rồi, không còn quay lại được nữa. Thật là đáng thương cho một kiếp tu hành lầm đường lạc lối.

Kết luận

Trong đời sống tu tập hiện nay của Ni trẻ, nếu chúng ta không có chỗ dựa tinh thần vững chắc từ giáo lý của Đức Phật và những lời dạy dỗ ân cần hằng ngày của Thầy tổ, sự bao dung, bao bọc, hướng dẫn của chư huynh đệ, sự tạo điều kiện của Giáo hội, sự hỗ trợ vật chất và tinh thần của gia đình, xã hội, Phật tử thì chúng ta không thể lớn lên mà tu tập trưởng thành được. Do đó, Ni trẻ chúng ta hôm nay, xin mượn bài viết này, ngàn lần biết ơn và tạ ơn tứ trọng ân trong muôn một.

HÀNH TRÌNH VƯỢT QUA THỬ THÁCH CỦA NGƯỜI XUẤT GIA TRẺ HIỆN NAY

SC. ThS. Thích nữ Hòa Nhã

Giới trẻ nói chung đều có những ước mơ, hoài bão, mong muốn phát triển bản thân, tạo ra nhiều giá trị và đóng góp cho sự phát triển của xã hội, cộng đồng. Vượt lên trên những ước mơ, hoài bão của giới trẻ bình thường, ước mơ và hoài bão của người xuất gia trẻ là dẫn thân vào con đường tu tập, hoằng pháp lợi sanh, mang lại giá trị lợi ích cho đời, dẫn dắt chúng sanh trên con đường tu giác ngộ và giải thoát. Sự dẫn thân này là kết quả của một ý chí mạnh mẽ và sự hy sinh lớn, bởi người xuất gia phải từ bỏ mọi thứ, từ của cải, tiền bạc, danh vọng, đến gia đình để chọn cho mình một con đường riêng. Đó là một sự đánh đổi rất lớn, như Đức Phật đã từ bỏ ngai vàng, địa vị, gia đình, sự sung túc, giàu có của đế vương để sống đời khổ hạnh, thiếu thốn của người tu hành.

Mặc dù có ý chí vô cùng mạnh mẽ với những ước mơ, hoài bão lớn, nhưng trên con đường tu tập và dẫn thân phụng sự nhân sinh, người tu sĩ trẻ thời hiện đại phải đối mặt với nhiều trở ngại, trong đó có sự tác động của công nghệ số. Bài viết tập trung phân tích các ước mơ, hoài bão, những rào cản, cũng như cách thức vượt qua rào cản trên con đường tu tập của người xuất gia trẻ.

1. Lý tưởng của người xuất gia trẻ

Người xuất gia trẻ có một lý tưởng rõ ràng là học tập, nắm bắt nguyên lý của đạo Phật về giải thoát, thực hành để được giải thoát, và giúp đỡ mọi người cùng thực hành đạo giải thoát. Lý tưởng ấy thật trong sáng, lành mạnh, chân chánh. Nhưng hiện nay, thực tế cho

thấy xã hội càng văn minh, phát triển, nhu cầu hưởng thụ của con người càng cao. Đồng tiền và của cải, vật chất chi phối mọi mặt đời sống con người, ảnh hưởng rất mạnh đến tu sĩ. Việc nhiều tu sĩ bị vật chất cám dỗ, dẫn đến suy thoái, biến chất, buộc phải ra khỏi Giáo hội gần đây đã nói lên điều đó.

Xuất gia không có nghĩa là lẩn tránh xã hội. Cần nhớ rằng, chúng ta tiếp cận xã hội để học hỏi, phát huy mặt tích cực của mình chứ không phải để bám víu vào những pháp thế gian phàm tình. Nếu không khéo giữ gìn tâm nguyện và lý tưởng ban đầu, chúng ta rất dễ bị lung lạc, sa ngã.

Nếu cuộc sống đời thường có đa phương diện hấp dẫn con người, thì giáo lý của đạo Phật cũng có đa pháp môn để ứng phó, đối trị một cách thích hợp và hiệu quả. Đó chính là sự ly tham, ly bất thiện, luôn quán chiếu cuộc đời là vô thường, có không, hợp ly, tụ tán...; tất cả đều do nhân - duyên - quả mà có. Hiểu như vậy, chúng ta mới dễ dàng xa lìa các pháp, không bị buồn đau nhiều hại, không bị luật vô thường chi phối. Người xuất gia cần “như lý tác ý” và thường giữ một niệm “xả”, lấy đó làm hành trang cho lý tưởng giải thoát của mình. Người trẻ năng động càng cần khép mình trong Giới Luật để trau dồi Phạm hạnh. Người xuất gia phải luôn gắn mình trong một trọng trách vì Phật pháp, vì trách nhiệm “hoằng pháp vi gia vụ, lợi sanh vi bổn hoài” để nhắc nhở bản thân luôn tỉnh giác, chánh niệm trong mọi hành vi, lời nói và ý tưởng sao cho phù hợp với Chánh pháp. Điều quan trọng đối với chư Ni trẻ ngày nay là không nên xem thường việc giao tiếp xã hội, và cũng không ỷ lại một số kiến thức đã học, mà phải “phản quang tự kỷ” để biết rằng mình chưa đủ năng lực, tâm tu chưa vững, cần hướng vào nội tâm và tu tập phát triển tâm linh nhằm nuôi dưỡng, hun đúc cho lý tưởng giải thoát ngày càng kiên cố, vững vàng hơn.

Các bậc tiền bối thường nhắc nhở rằng: “Khi nào chưa chứng đắc quả A-la-hán thì đừng tin nơi chính mình.” Chúng ta cần hết sức khéo léo khi tiếp xúc với đời, nương theo sự hòa hợp trong Chánh pháp mà sống ở đời, lấy đó làm lý tưởng, làm tiêu chuẩn tuyệt đối.

Cần nương theo Kinh, Luật, Luận để tu tập hành trì, chuyển hóa, cải tạo đời sống, diệt trừ những pháp hạ liệt, uế nhiễm, để tâm linh được phát triển thăng hoa về đạo đức, tự thanh lọc cho mình, ngày càng an lạc, thanh tịnh và giải thoát.

Tóm lại, đạo Phật xưa cũng như nay, không mất đi giá trị hướng dẫn giác ngộ giải thoát cho mọi người. Thế, nên, người tu sĩ trẻ cần luôn sống trong Chánh pháp, không ngừng phấn đấu để hoàn thiện tự thân và thành tựu lý tưởng.

2. Vai trò và trách nhiệm của người xuất gia trẻ hiện nay

Đức Phật xuất hiện ở đời, hướng dẫn con người giải thoát khỏi mọi đau khổ và đạt đến hạnh phúc thực sự. Nếu một người mong muốn trong tâm luôn có Phật, thì mỗi giây mỗi phút, người đó phải luôn chánh niệm tỉnh giác, khi ấy Phật sẽ ở trong tâm.

Ngoài việc xiển dương Phật pháp đến số đông, tu sĩ Phật giáo cần phải tham gia và đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng văn hóa sống lành mạnh. Thiền sư D.T. Suzuki nói: “Ngày nay, chùa chiền Phật giáo là những trường học, bệnh viện, phòng khám bệnh, trại mồ côi, nơi nương tựa của những người già, và tu sĩ là những vị giáo viên, y tá, bác sĩ, kỹ sư, người quản lý nhà trọ miễn phí, những người trồng trọt, những nhà thám hiểm ở vùng hoang dã... Khi cộng đồng đang trong giai đoạn tiến triển ban sơ, những người đệ tử Phật là những nhà lãnh đạo trong mỗi chiều hướng, và chính quyền tự nhiên khuyến khích hoạt động của họ”¹. Ngài Ajahn Tiradhammo Thera thì khẳng định: Một người đệ tử Phật, đối với tôi không chỉ là người nào đó đơn thuần nằm lòng những thể thức đúng đắn hoặc phải mặc đồng phục cần có, mà còn là người sống một đời hành thiện trên tinh thần đúng với lẽ phải. Đây là toàn bộ mục đích tối thượng về lời dạy của Đức Phật. Một nhà hoạt động xã hội khi ấy là người

¹ D.T. Suzuki (2000), *Essay in Zen Buddhism*, Quyển III, New Delhi: Munshiram Manoharlal Publishers Pvt. Ltd, p.369.

luôn sống với trí tuệ và lòng từ trong khung cảnh xã hội; học tập để chia sẻ kho tàng tâm linh vị tha với tất cả chúng sanh¹.

Theo quan điểm này, vai trò của người tu sĩ Phật giáo lý tưởng trong thời đại mới sẽ được thể hiện qua hai phương diện: đạo đức và xã hội. Trong đó, phương diện đạo đức, đề cập đến nhu cầu tu tập và phát triển đạo đức cá nhân; phương diện xã hội, đề cập đến tinh thần lợi tha khi tham gia xã hội của người tu sĩ, như: chủ động, tích cực tham gia giải quyết các vấn đề về môi trường sinh thái, bệnh dịch, nghèo đói, bất bình đẳng, nạn đói và nghèo khổ.

3. Trách nhiệm hoằng pháp của tu sĩ trẻ và vấn đề hội nhập hoằng pháp trong thời đại 4.0

3.1. Lý tưởng hoằng pháp

Hoằng pháp mang mục tiêu làm cho lợi ích chúng sanh. Hoằng pháp không chỉ mang ý nghĩa giới hạn trong việc truyền đạo, không phải vì muốn thu phục nhiều tín đồ và lòng sùng kính, mà mục đích chính là làm sao cho mọi người có thể hiểu và ứng dụng Phật pháp vào đời sống, để kết thúc khổ đau, có được sự bình an, hạnh phúc.

Hoằng pháp là lý tưởng then chốt, quan trọng của Giáo hội Phật giáo Việt Nam trong hiện tại và tương lai. Để Chánh pháp được lan rộng, chúng sanh thừa hưởng được vị đề hồ của Phật pháp, chắc chắn phải nhờ đến sứ giả của Như Lai hoằng truyền. Đây chính là nghĩa vụ của Tăng sĩ. Bất luận ở thời đại nào, Tăng sĩ, nhà hoằng pháp cũng phải thích nghi và hòa cùng nhịp sống của nhân loại thời kỳ đó, “tùy duyên bất biến, bất biến tùy duyên”. Trong thời đại ngày nay, vị hoằng pháp cần có một nếp sống mới, lối suy nghĩ mới, tâm nhìn mới để hội nhập vào đời. Cần am hiểu về cuộc sống hiện tại của tuổi trẻ, để theo kịp xu hướng. Tùy duyên bất biến theo nghĩa hòa nhập hồng trần mà không bị bụi trần chi phối.

¹ Ken Jones (1989), *The Social Face of Buddhism: An Approach to Political and Social Activism*, London: Wisdom Publication, p.16.

Thời đại ngày nay, thông tin bùng nổ do sự phát triển mạnh mẽ của khoa học kỹ thuật và công nghệ. Theo đó, việc dạy và học của Phật giáo cũng thuận tiện hơn rất nhiều. Mỗi vị hoàng pháp phải biết giữ gìn hình ảnh của bản thân qua việc huân tu giới, định, tuệ, sử dụng ngôn từ hòa nhã, chuẩn mực khi giao tiếp trên Internet. Cùng chung tay với xã hội, tạo không gian mạng lành mạnh, hướng thiện, đẩy lùi tệ nạn mê tín dị đoan, những sai lệch về Chánh pháp của những người đi không đúng đường; giúp những người sử dụng mạng biết quan tâm đến sức khỏe, dành thời gian hợp lý cho công việc, gia đình và xã hội.

Người hoàng pháp thời hiện đại cần phải đặt mục tiêu phụng sự chúng sanh, mang giáo pháp của Đức Phật đến với mọi tầng lớp nhân dân, giúp họ vui bớt nỗi khổ niềm đau bằng con đường bố thí một cách toàn hảo: tài vật, không sợ hãi, chân lý Phật được chuyển tải qua văn hóa, truyền thông, giáo dục, mà đặc biệt là thuyết pháp, giảng kinh... Đó là những điều kiện cần để việc hoàng pháp được thành tựu và hiệu quả.

Trong *Kinh Tăng Chi*, Đức Phật dạy, người giảng pháp cần phải có và thông hiểu năm phạm sự (dhammadesakadhamma):

- Thuyết tuần tự thứ lớp, có nghĩa là từ thấp lên cao.
- Thuyết y cứ theo pháp môn và kinh điển.
- Thuyết vì lòng từ bi, muốn cho người khác được lợi ích.
- Thuyết không vì lợi lộc, không muốn được lợi hay được đền đáp.
- Thuyết không đưng chạm mình và người khác, không cố ý châm chích, khen mình chê người.

Người giảng pháp nếu thiếu một trong năm yêu cầu này, xem như lý tưởng hoàng pháp không hoàn hảo. Cần ghi nhớ rằng, thuyết pháp không phải là dịp để thể hiện khả năng hùng biện của mình, và cũng không nên mượn diễn đàn Phật pháp để thể hiện tri kiến tô bồi chủ nghĩa cá nhân. Người hoàng pháp là một hành giả đã trải nghiệm

giáo lý của Đức Thế Tôn, và đang đem sự bình an, hạnh phúc đến với mọi người.

3.2. Hội nhập hoằng pháp trong thời đại 4.0

Trong thời đại 4.0, việc hội nhập hoằng pháp được thực hiện thông qua nội điển và ngoại điển. Người hoằng pháp cần lấy Tam tạng giáo điển Phật giáo làm pháp môn phương tiện, lấy chơn lý Tứ Diệu Đế, pháp Duyên sinh chỉ bày quan điểm Phật giáo để tu tập vô lượng pháp môn công đức an lạc, giải thoát. Đức Phật dạy: “ai thấy Duyên sinh là thấy Pháp, ai thấy Pháp là thấy Phật, ai thấy Phật thì có thể tu thành Phật”. Phải dùng những phương cách tiện dụng để chuyển tải Phật pháp đến với mọi người, mọi giới, mọi giai tầng xã hội, để họ có thể học hiểu Phật pháp, tin sâu nhân quả, trân trọng bốn pháp Tứ Diệu Đế, dùng Tứ nhiếp pháp đem đạo vào đời. Người hoằng pháp đem tinh thần Tứ vô lượng tâm, Tứ hoằng thệ nguyện độ tận chúng sanh. Thiết nghĩ, ngày nay, khi những khủng hoảng xã hội đang là vấn đề nhức nhối, thì dùng từ bi, trí tuệ của Phật giáo để xây dựng an vui hạnh phúc - hòa bình hữu nghị - tồn tại lâu dài, đó mới thật sự là đạo đức, là văn minh, tiên tiến.

Giảng sư cần có thái độ nghiêm túc và chuẩn bị kỹ bài trước khi thuyết giảng vì hiện nay, nơi nào cũng có thu hình, thu âm, công nghệ truyền hình trực tiếp (Live stream) trên các trang mạng xã hội... Nếu không chuẩn bị kỹ, khi đang giảng trực tuyến, chẳng may sơ suất thì sẽ không có cơ hội thu hồi. Ngày nay, có nhiều kẻ xấu lợi dụng danh nghĩa Phật giáo và tu sĩ, thực hiện ý đồ xuyên tạc và trục lợi: lập Website, Facebook Phật giáo để xuyên tạc, rao giảng giáo lý trái với tư tưởng kinh điển, phát tán/đăng tải hình ảnh những người giả danh thầy tu thiếu oai nghi đạo hạnh... Bên cạnh đó, một số đơn vị, tổ chức, cá nhân cũng lợi dụng danh nghĩa nhà Phật lập các trang web từ thiện để kêu gọi quyên góp, ủng hộ, giúp đỡ những người có hoàn cảnh khó khăn, nhưng thực chất là làm lợi riêng cho mình, gây mất niềm tin, ảnh hưởng nghiêm trọng đến uy tín của Phật giáo.

Việc sử dụng mạng xã hội khá phổ biến hiện nay. Tăng Ni trẻ cũng tham gia mạng xã hội rất nhiều và đa số mang tinh thần truyền tải Phật pháp, triết lý giác ngộ, giải thoát cao thượng của Đức Phật và con đường tu tập, hướng thiện đến cho mọi người, phục vụ công tác hoằng pháp lợi sanh trong thời hiện đại. Với những tu sĩ đã định hình nhân cách tu tập tốt, mạng xã hội trở thành phương tiện hữu ích trong sự nghiệp hoằng pháp, giúp họ trau dồi thêm tri thức nội điển cũng như ngoại điển¹. Tuy nhiên, đứng trước biến chuyển nhanh chóng của công nghệ thông tin, một số Tăng Ni sinh trẻ chưa có đủ kinh nghiệm để thích ứng đúng với vai trò tu sĩ. Công cụ tìm kiếm quyền lực “Google” giúp họ có thể lĩnh hội nhanh chóng các nội dung phục vụ cho nhu cầu học tập, nghiên cứu, phần nào đó làm nảy sinh tâm lý ỷ lại, hạn chế quá trình tư duy, tiếp thu từ sự tìm tòi, nghiên cứu. Hơn thế nữa, số ít chưa ý thức được tác hại của việc sử dụng Internet thái quá, do không kiểm soát được lực cản, đã đăng tải một số hình ảnh phản cảm của tu sĩ, gây ảnh hưởng đến uy tín của Giáo hội, gây mất niềm tin trong cộng đồng.

Để tránh được sự mê hoặc của công nghệ, cần áp dụng một số biện pháp như: Nâng cao ý thức của người tu sĩ trong các trường đào tạo và sự hướng dẫn của các vị tiền bối; nâng cao ý thức của người xuất gia, uốn mình trong nếp sống thiền môn, quy củ, thực hành theo lời Phật dạy, tìm cho mình một bậc minh sư và những pháp môn tu tập chuẩn mực, thu rút lực cản và kiểm thúc oai nghi. Cần phải thực hành tâm linh để nâng cao năng lực nội tại của mỗi cá nhân. Cụ thể, thực hành những phương pháp thiền tập nhằm giúp hành giả quay về bên trong, đi sâu vào bản chất để nhận diện, chuyển hóa và thăng hoa tâm thức.

Kết luận

Để có thể vượt qua các rào cản trên con đường tu tập và giải thoát theo gương Đức Phật, người xuất gia trẻ cần nắm vững những

¹ Thích Pháp Đăng (2019), *Tăng Ni trẻ với việc sử dụng mạng xã hội thời đại công nghệ số*, Cơ sở dữ liệu số hóa Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

nguyên lý đạo đức căn bản của người tu hành, tập trung trong việc thực hành Giới - Định - Tuệ, có đầy đủ giới đức trang nghiêm thanh tịnh và an lạc giải thoát. Như trong Luật, Đức Phật đã dạy:

Lòng Tăng trong sáng tựa trăng rằm

Hồng trần nhẹ gánh chơi ba cõi

Mỗi niệm tùy duyên độ chúng sanh.

Một tâm hồn thanh tịnh, tự tại, trong sáng mới có thể dẫn thân hoằng pháp lợi lạc chúng sanh, làm tốt đời đẹp đạo trên tinh thần vô ngã vị tha.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Thích Pháp Đăng (2019), *Tăng Ni trẻ với việc sử dụng mạng xã hội thời đại công nghệ số*, Cơ sở dữ liệu số hóa Giáo hội Phật giáo Việt Nam.
2. Ken Jones (1989), *The Social Face of Buddhism: An Approach to Political and Social Activism*, London: Wisdom Publication.
3. D.T. Suzuki (2000), *Essay in Zen Buddhism*, quyển III, New Delhi: Munshiram Manoharlal Publishers Pvt. Ltd.

PHẦN 2

**NI GIỚI CẦN THƠ VƯƠN MÌNH CÙNG
GIỚI ĐỨC - TÂM ĐỨC - TUỆ ĐỨC**

KÍNH TẶNG PHÂN BAN Nİ GIỚI THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Bài 1:

Kính gởi lời chào chị em ta.
Vững bước tiến lên chó ngại mà
Nữ giới nêu cao gương “Bác Ái”
Thuyền từ rộng mở hạnh “Tù Hòa”
Xây nền “Ni Bộ” Cần Thơ tiến
Dựng phái “Đàm Di” hiệp một nhà
Giáo hội Việt Nam Ni chúng bộ.
Cần Thơ hương ngát khắp gần xa.

Vĩnh Long, ngày 19 tháng 3 năm 2023

Ni trưởng Thích nữ Trí Tiên

Bài 2:

Đành rằng thân huyễn phận nữ thoa
Tâm thức Nữ, Nam há khác à!
Đức độ nghiêm minh tròn phẩm cách
Hạnh lành cao quý vẹn thiên gia
Thích-ca từ phụ gương cao cả.
Di Mẫu Kiều Đàm tự độ tha
Nương ánh đạo vàng soi sáu nẻo.
Bến bờ giác ngộ tại lòng ta.

Vĩnh Long, ngày 20 tháng 3 năm 2023

Ni trưởng Thích nữ Trí Tiên

CẦN THƠ - CHIẾC NÔI MỞ LỐI

NT. Như Như

Xưa và nay, dòng lịch sử đã nhiều lần đổi thay đáng vè, nhưng
hồn non nước vẫn muôn đời góp gió theo mây:

Cần Thơ gạo trắng nước trong

Ai đi đến đó lòng không muốn về

Đã âm vang qua rừng cây kẽ lá, đẹp ngút ngàn người dân miền
sông nước Cần Thơ. Mười ba tỉnh miền Tây luôn ngẩng cao đầu bên
cạnh người chị xứ Tây Đô. Thế nên, mọi sự quy nguồn, đêm sâu đầu
mãi vương sầu với trăng, em dù lạc lối sao băng, mười hai tỉnh bạn
cùng Cần Thơ nguyện nối sông bi từ.

Vâng! Phải là thế mới xứng danh đàn chị, thành phố lớn của miền
Tây vậy gọi nhân tình, cao thâm chia sẻ trọn lòng, cho đạo đời đồng
quy bến đỗ.

Cần Thơ ơi! Chư Ni thân thương quá, nét đẹp tâm hồn người con
Phật hăng ca ngợi Đức Thế Tôn:

Hưng không khả lượng phong khả kế'

Ngô năng thuyết tận Phật công đức...

để rộng lối tìm về bản lai diện mục.

Mừng lễ hội Tổ Ni, là tình lam tâm huyết để mỗi miền huynh đệ
kết ngàn hoa diệu thể, cùng lắng nghe sinh hoạt mọi miền, những
vướng mắc:

Gừng cay muối mặn ta gần nhau hơn

Thành phố Cần Thơ đang dần đầu mười ba tỉnh miền Tây dấu ái. Đương nhiên và trên hết, Phật sự nào chư Ni cũng nỗ lực và ghi nhớ lời Tổ dạy:

Thật thế lý địa bất thọ nhất trần

Vạn hạnh môn trung bất xả nhất pháp

có như thế mới vẹn toàn sứ mạng đem đạo vào đời.

Đứng về mặt khách quan, ở một thành phố lớn, công dân và Phật tử Cần Thơ nói chung sở hữu nhiều ưu thế, từ thượng tầng kiến trúc đến hạ tầng cơ sở mà các tỉnh thành khác hằng mơ ước.

Cần Thơ xưa đã đẹp, bây giờ càng xa hoa, hoành tráng hơn. Chư Ni ơi, hãy tinh tấn lên để ngàn đời bụi phong trần không phủ lấp lối đi và tâm tư khái quát, khơi nguồn dòng suối thanh lương, không
TẮT NGUỒN KHÔ PHẬT - NHẬT TĂNG ĐOÀN.

Kỷ niệm ngày giỗ Tổ Ni và hoài niệm các bậc Ân sư tiền bối hữu công là dấu ấn vàng son đọng đầy trách nhiệm, những dấu chân không mỏi cho chư Ni cả nước vạn lòng bên cạnh Giáo hội, bậc đàn anh thay Phật tuyên dương Giáo pháp rộng độ quần sanh:

Đường con đi theo chân xưa đã vạch

Dòng suối Kiều Đàm mãi gìn giữ sạch trong

là ý thức tuyệt vời cho mưa mãi vương mang tình đất, uơm mầm Bát Kinh Pháp reo ca trong nắng ấm. Từ đó con chim bản thể muôn phương bay về!

Từng phút giây đan mầm cho lý tưởng “Phục vụ chúng sanh là cúng dường chư Phật”, chư Ni thành phố Cần Thơ phải thấy mình là bậc đàn chị, có rất nhiều năng lượng lan tỏa tâm từ đến dòng sông Cửu Long, một con sông đẹp nhất hoàn cầu, luôn đem nguồn sống vật chất bồi phù sa cho ruộng đồng cây lúa của mười chín triệu dân miền Tây, bao trùm cả nước ấm no bao tử hạt trời.

“Một con én không làm nên mùa xuân”, cần từng bàn tay nối kết, giữ sức mạnh Ni đoàn, chư Ni Cần Thơ luôn đậm đà câu tục ngữ:

“Mãnh hổ nan địch quần hồ” là yếu điểm trau dồi Giới Luật một bờ đê vững chắc, là thuyền bè, là cầu bắc qua bến bờ giải thoát.

Biết nuôi dưỡng tính cầu toàn:

Không thuyền chìm, không sang sông

Không tàu mây cũng muôn ngàn bến sương

có như thế mới xứng danh là chư Ni vùng đất ruộng đồng cò bay thẳng cánh!

Chúc thành công!

CÔNG HẠNH CỦA CHƯ VỊ TIỀN BỒI NI HỆ PHÁI KHẮT SĨ CẦN THƠ, HẬU GIANG, SÓC TRĂNG

NT. Thích nữ Huệ Liên

Giải thoát là mục tiêu tối thượng của người xuất gia. Những người có lý tưởng giải thoát giống nhau ở lối sống tránh xa vật chất, danh vọng, tôn trọng và lắng nghe nỗi đau của mọi người như nỗi đau của chính mình. Họ hiểu và thương tha nhân trọn vẹn. Tinh thần Phật giáo được chư vị đem vào đời, dùng từ bi và sự quán chiếu sâu sắc để có thể: “Nghiêng vai gánh đạo vào đời/ Cho đời đẹp đạo ta người cùng tu” (Ni trưởng Huỳnh Liên).

Với lối sống giản dị, an tịnh và mật hạnh ở các tự viện, chư vị tiền bối luôn tỏa sáng Phạm hạnh và giới đức, nhất mực tôn trọng Bát Kinh Pháp, khiêm hạ, cung kính các bậc Sư trưởng. Mặc dù hiện tại, nhiều vị trong số này đã xả báo thân về cõi Phật, nhưng gia tài tu tập Giới - Định - Tuệ, hạnh nguyện từ bi độ đời, hương giải thoát và đức hạnh tu hành, trước những thăng trầm của thời cuộc lẫn nhiệt tâm hết lòng phụng sự cho đạo pháp và dân tộc, sẽ mãi là những tấm gương, bài học quý báu, làm mẫu mực cho Ni giới hiện tại noi theo.

Ở thành phố Cần Thơ, Ni giới chúng con xin được cung tuyên công hạnh tỏa sáng của chư vị Ni trưởng:

1. Ni trưởng Thích nữ Ngoạt Liên (1924-2019), quê quán ở quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ, trụ trì Tổ đình Ngọc Phương, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ni trưởng là người có công góp sức xây dựng Tịnh xá Ngọc Liên, quận Ninh Kiều - thành phố Cần Thơ, Tịnh xá Ngọc Chương - thành

phố Vị Thanh, Tịnh xá Ngọc Vinh - thành phố Trà Vinh... Ni trưởng từng kề vai sát cánh với đệ nhất cố Ni trưởng Huỳnh Liên tham gia đấu tranh đòi quyền độc lập, tự do cho đất nước trước năm 1975.

Suốt cuộc đời, Ni trưởng luôn giữ ý chí thanh cao, nỗ lực phụng sự đạo pháp. Phong cách sống giản dị, thanh bần. Chiếc y đắp tụng kinh lễ Phật hằng ngày được dùng suốt 20 năm, nay đã sờn mỏng mà Người không thay cái mới. Phòng ốc và vật dụng tiêu xài của Người đơn giản, gọn gàng, không cầu kỳ, sang trọng. Như chính lời Ni trưởng Huỳnh Liên đã viết:

*Xả phú cầu bần quen cảnh khó,
Lập thân hành đạo ngược dòng đời.
Kính trời đâu đội tấm màn trời,
Mến đất thân kề manh chiếu đất.*

Mỗi khi nhắc về Ni trưởng, chúng ta lại nhớ đến hình ảnh của một bậc chân tu, nghiêm trì Giới Luật, luôn tinh tấn hướng đến giải thoát. Dù đảm đang nhiều nhiệm vụ của Giáo hội và xã hội, Ni trưởng không bao giờ vắng mặt trong những ngày Bế-tát, hay những buổi tụng kinh với đại chúng.

Chính mật hạnh của Người đã làm tỏa sáng đạo hạnh và giới đức, làm mục tiêu tối thượng trên bước đường giải thoát. Đạo hạnh của bậc chân tu không chỉ đạt được sự giác ngộ giải thoát cho bản thân mà còn có thể lan tỏa đến người khác, giúp mọi người vững niềm tin vào ngôi Tam bảo.

2. Ni trưởng Thích nữ Đông Liên (1931-1991), trụ trì Tịnh xá Ngọc Viên, thành phố Cần Thơ.

Thuở xưa, Ni trưởng cầu thọ giáo pháp với Ni trưởng Tạng Liên, sau đó Y chỉ với Ni trưởng Thanh Liên. Ni trưởng rất tinh cần tu tập, thích tham khảo sách Kinh, tinh chuyên tụng *Kinh Pháp Hoa*. Tiếng tụng kinh của Ni trưởng đầy truyền cảm và thuyết phục.

Năm 1977, sau khi nước nhà thống nhất, Ni trưởng về trụ trì Tịnh xá Ngọc Viên - tỉnh Hậu Giang (nay là thành phố Cần Thơ). Nơi đây, Ni trưởng đã vì tiền đồ Phật pháp, vì sự hưng thịnh của dân tộc mà kề vai sát cánh với Giáo hội trong các Phật sự và tham gia nhiều công tác xã hội, góp phần làm giàu đẹp quê hương, bảo vệ và xiển dương Chánh pháp. Vì vậy, Ni trưởng đã được Giáo hội và xã hội giao nhiều trọng trách.

3. Ni trưởng Thích nữ Giới Liên (1931-2014)

Năm 1961, Ni trưởng đã xin xuống tóc xuất gia tại Tịnh xá Ngọc Vinh, thị xã Trà Vinh, trên chính mảnh đất quê hương, nơi Ni trưởng được sinh ra và lớn lên. Sau khi xuất gia, thọ giới và tu học tại Tổ đình Ngọc Phương một thời gian, Ni trưởng dốc hết tâm lực, đạo lực để lo cho Đạo pháp, hoàn thành trọng trách mà Giáo hội giao phó, góp phần quan trọng vào sự phát triển của đạo Phật Khất sĩ Việt Nam.

Năm 1975, Ni trưởng được Hệ phái bổ nhiệm về trụ trì Tịnh xá Ngọc Liên - thành phố Cần Thơ. Tịnh xá Ngọc Liên lúc bấy giờ còn nhiều ao vũng, nhưng Ni trưởng đã cùng Ni chúng lấp dần, cải tạo mặt bằng cho các sinh hoạt Phật sự. Đây cũng là thời điểm kinh tế đất nước gặp nhiều khó khăn. Ni trưởng đã cùng với Ni chúng trong Tịnh xá làm lụng vất vả, trồng rau, làm bánh mứt, kết mền, áo gối,..., một phần để cải thiện đời sống, một phần dành dụm, chắt chiu, mong ngày nào đó có thể khởi công trùng tu Đạo tràng (vì ngôi Chánh điện lúc bấy giờ đã xuống cấp), một phần dành cứu tế những người nghèo khó, ủng hộ các chương trình phúc lợi xã hội do Mặt trận Tổ quốc và các phong trào đoàn thể phát động.

Song song với việc hướng dẫn Ni chúng tu học, Ni trưởng còn dìu dắt, dạy dỗ rất nhiều cư sĩ, nhất là thế hệ trẻ, bước lên thuyền giác ngộ, xuất gia tu học. Ngoài ra, Ni trưởng còn đỡ đầu làm Y chỉ sư cho các Ni sinh trẻ. Trong số này, có các vị đã thành tựu được nhiều đóng góp cao quý, là những Ni sư tiêu biểu của Ni giới Khất sĩ trong lòng Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

Thời gian từ năm 1990, để hỗ trợ phong trào sinh viên nghèo hiếu học, Ni trưởng đã cho nhiều sinh viên tạm trú trong Tịnh xá và hỗ trợ ăn uống, phần nào giúp các em hoàn tất việc học, phục vụ xã hội. Quả đúng là:

Người đời hữu tử hữu sinh

Sống cho xứng phận, thác dành tiếng thơm.

4. Ni trưởng Thích nữ Diệu Liên (1953-2022), quê quán tại quận Thốt Nốt, trụ trì Tịnh xá Ngọc Châu, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

Năm 1962, lúc vừa tròn 10 tuổi, Ni trưởng được cha mẹ cho thể phát xuất gia với Ni trưởng Khâm Liên tại Tịnh xá Ngọc Liên, thành phố Cần Thơ. Ni trưởng Khâm Liên lúc bấy giờ đang trụ trì Tịnh xá Ngọc Khánh - Sóc Trăng, là một vị Ni trưởng đạo cao đức trọng. Một thời gian sau, do bệnh duyên, Ni trưởng Khâm Liên lui về tịnh tu chứ không đi hành đạo như trước.

Năm 1969, Ni trưởng Diệu Liên cầu pháp với Ni trưởng Diệu Liên - trụ trì Tịnh xá Ngọc Hòa, quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi thọ tam đàn giới pháp, Ni trưởng được Thầy cho đi học giáo lý, học tiếng Pāli, Hán văn tại Phật học viện Vạn Hạnh do Hòa thượng Thích Minh Châu, Hòa thượng Thích Chơn Thiện giảng dạy, học lớp bồi dưỡng giảng sư, lớp tổng hợp văn chương do các giáo sư tài giỏi truyền thụ.

Năm 1982, Ni trưởng được Thầy cho về trụ trì Tịnh xá Ngọc Châu - Ô Môn. Bước khởi đầu gian nan, vất vả, lúc bấy giờ tịnh xá đơn sơ, cơ sở vật chất nghèo nàn, thiếu thốn, nhưng với tinh thần năng nổ, không ngại khó khăn, cùng sự góp sức của các thiện nam tín nữ, ít lâu sau, ngôi Tam Bảo được xây dựng khang trang, Phật tử về tu tập ngày càng đông đảo.

Từ năm 2002 đến 2022, Ni trưởng được suy cử vào Phó Ban Trị sự Phật giáo tỉnh Cần Thơ và thành phố Cần Thơ suốt 4 nhiệm kỳ. Từ

năm 2012-2017, Người là Phó Phân ban Ni giới thành phố Cần Thơ. Năm 2012, Người nhận được Giáo chỉ tấn phong Ni trưởng.

Giữa đạo pháp và dân tộc, Ni trưởng luôn giữ vững tinh thần “đoàn kết hòa hợp - tốt đạo đẹp đời”, sống giản dị, gần gũi với mọi người, tạo nhiều công đức phúc lợi cho Phật pháp và nhân sanh, luôn là tấm gương sáng cho hậu thế noi theo.

70 năm hiện hữu cõi đời, 61 năm vui đường giải thoát, Ni trưởng đã thể hiện trọn vẹn tâm hồn xả kỷ lợi tha, đức hạnh từ ái bao dung của một vị Bồ-tát giữa đời thường, lưu lại tấm gương sáng soi cho đàn hậu học trên bước đường tiến tu giải thoát.

5. Ni trưởng Thích nữ Trí Liên (1940-2021), trụ trì Tịnh xá Ngọc Trung Ni và Tịnh xá Ngọc Hạnh, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

Từ khi xuất gia học đạo, Ni trưởng buông bỏ mọi thế sự trần ai, không màng danh lợi, chỉ chuyên tâm học đạo, mong giải thoát trọn vẹn một kiếp này. Ni trưởng thường quán chiếu sự vô thường như lời một thiền sư đã dạy: “Nhon gian phú quý hoa gian lộ, Thế thượng công danh thủy thượng âu” (Nghĩa là: Sự sang giàu trên cõi đời này chẳng khác nào sương móc trên đầu ngọn cỏ, còn công danh sự nghiệp ở thế gian không khác gì bọt nổi trên mặt nước).

Ni trưởng thường nhắc nhở đệ tử: “Nghĩ đến sự sống chết không dùng này, có thể không khiến cho lòng ón lạnh sao? Vì vậy, phải nhất tâm hướng thượng, dũng mãnh tinh tấn tu hành, không để một phút một giây lãng phí, ra khỏi tam giới, liễu thoát sanh tử, đâu có rảnh công phu để đi mơ ước hay chán ghét người khác?”

Ni trưởng cho rằng, sau khi xuất gia, nhất định phải ra khỏi nhà phiền não, phải cắt đứt mọi sự trói buộc ân tình cuộc đời; đó mới thật sự là xuất gia. Xuất gia trước khi xuất gia thì dễ, xuất gia sau khi xuất gia mới khó.

Ni trưởng tuy không tham gia Ban Trị sự Phật giáo, nhưng luôn tích cực ủng hộ, đóng góp cho Phật pháp và xã hội. Ni trưởng luôn

giữ gìn đạo hạnh, sống thanh bần, giản dị, nêu cao hạnh nguyện giải thoát của người xuất gia, một lòng vì đạo cho đến ngày viên tịch.

6. Ni sư Thích nữ Thúy Liên (1950-1995), trụ trì Tịnh xá Ngọc Quang, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

Năm 1968, nhờ thấm nhuần lời Phật dạy qua những lần được nghe giảng kinh thuyết pháp, cùng hạnh nguyện muốn thoát khỏi nhà tam giới, Ni sư được gia đình đưa đi xuất gia dưới sự chứng minh của Trưởng lão Hòa thượng Giác Như, cùng chư Tăng Tịnh xá Ngọc Giang - Long Xuyên.

Sau khi xuất gia, Ni sư Thúy Liên được quý Ni trưởng dẫn đi hành đạo khắp nơi, sống đời khất sĩ du phương.

“Một bát com ngàn nhà, thân đi muôn dặm xa,

Mắt xanh xem người thế, mây trắng hỏi đường qua”.

Với lý tưởng trên cầu Phật đạo, dưới độ chúng sanh và để đền đáp công ơn Thầy tổ, Ni sư ngày ngày tinh tấn hành thiền, nghiêm trì giới đức - tâm đức - tuệ đức của bậc xuất gia giải thoát, phát huy tinh thần “Nối truyền Thích-ca Chánh pháp” đến muôn người.

Năm 1980, sau Chiến tranh biên giới, theo lời dạy của Thầy là Sư bà Liên Liên, Ni sư đã tiếp dẫn và dạy dỗ Ni chúng, xây dựng lại hai ngôi đạo tràng: Tịnh xá Ngọc Mai - Núi Đất, Tịnh xá Ngọc Quang - Thốt Nốt.

Cả một đời vì sự nghiệp hoằng pháp lợi sanh, Ni sư đã hết lòng bồi đắp, dựng xây để đạo tràng Ngọc Quang hôm nay được tô điểm thêm những bông hoa giải thoát thật xinh đẹp, gây dựng nền móng vững chắc cho thế hệ mai sau tiếp bước trên con đường tiến tu học Phật, phụng sự Đạo pháp và mang đến lợi lạc cho cuộc đời.

7. Ni trưởng Thích nữ Quế Liên (1926-1990), trụ trì Tịnh xá Ngọc Hiệp, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

Là vị Ni trưởng có nhân duyên xuất gia từ thời Tổ sư Minh Đăng Quang, đạo hạnh của Ni trưởng luôn được chư vị đồng tu hết lời

ngợi khen và kính phục. Nhắc đến Ni trưởng Quế Liên, chúng con luôn nhớ đến dung mạo từ hòa của Người, với đạo phong đỉnh đặc, cốt cách uy nghi. Không chỉ vang danh là bậc chân tu nghiêm trì Giới Luật, Người còn có công hạnh cao cả, suốt cuộc đời tu tập dẫn thân phụng sự cho đạo pháp và chúng sanh.

8. Ni trưởng Thích nữ Hưng Liên (1931-2016), trụ trì Tịnh xá Ngọc Khánh, tỉnh Sóc Trăng.

Ni trưởng có tướng mạo uy nghiêm, nụ cười hoan hỷ. Từ khi được hệ phái cử về trụ trì Tịnh xá Ngọc Khánh, Ni trưởng tích cực tham gia các công tác Phật sự, công tác mặt trận, đóng góp công sức cho Giáo hội và xã hội nhiều nhiệm kỳ. Với những nhiệm vụ và chức vụ được Giáo hội giao phó, Ni trưởng luôn hoàn thành xuất sắc. Dù tuổi đã cao nhưng tinh thần phụng sự của Ni trưởng không hề mệt mỏi, không ngại gian lao, không từ khó nhọc. Đến khi bệnh duyên, Ni trưởng mới dừng bước nghỉ ngơi.

Nhắc đến chư vị Ni trưởng tiền bối như nhắc đến những bài kinh thiêng luôn được đời sau xưng tụng. Đó là những bài học sống động về thân, khẩu và ý giáo của nhà Phật, chắc chắn sẽ được hàng hậu học nhắc nhớ lâu dài, đồng thời là những nét son, tô đậm thêm vẻ đẹp giá trị tinh thần truyền thống của Ni giới Việt Nam.

Hiện tại, trong hàng Ni giới đã và đang tham gia các công tác Phật sự của Giáo hội tại thành phố Cần Thơ, có Ni trưởng Thích nữ Diệu Ngộ, trụ trì chùa Quan Âm, nguyên Trưởng Phân ban Ni giới thành phố Cần Thơ nhiều nhiệm kỳ. Lúc còn đương nhiệm, với đức độ hiền hòa, dung nghi đỉnh đặc, cử chỉ từ tốn, Ni trưởng đã đem tất cả tâm đức và tuệ đức của mình để dìu dắt Ni giới thành phố Cần Thơ cùng chung tay góp sức xây dựng vững chắc ngôi nhà Phật pháp.

Kết luận

Thời gian, giống như một quyển sách, công hạnh của chư vị tiền bối dù đã trải qua bao năm tháng, nay nhẹ nhàng lật lại, các chữ trong sách tuy đã ngả vàng, nhưng vẫn khiến lòng người thốn thức.

Ngày tháng thoi đưa, cuộc đời như giấc mộng. Giữa gặp gỡ và ly biệt, buồn vui tan hợp của cuộc đời, những bước chân vội vàng, hối hả không níu được thời gian, chẳng giữ được gì, ngoài những ký ức tươi đẹp, khoảnh khắc đáng nhớ. Mỗi một chút đến đến đi đi đó, đều là món quà tuyệt vời của tạo hóa.

Điều may mắn là chư vị tiền bối chưa từng cô phụ thời gian, cũng chưa từng cô phụ bản thân mình. Với năm tháng vĩnh hằng mà nói, chúng ta chẳng qua chỉ là một hạt bụi nhỏ nhoi không đáng kể. Vậy nên, sống sao cho đến lúc ra đi, ta thanh thản mỉm cười trong khi mọi người đều bật khóc.

Nam mô Bốn sư Thích-ca Mâu-ni Phật.

NI GIỚI KHẤT SĨ BÊN TRANG SỬ PHẬT GIÁO “TÂY ĐÔ”

NS. TS. Thích nữ Như Nguyệt (Huê Lâm)

Xuất phát từ một tôn giáo nội sinh, Ni giới Khất sĩ được biết đến là một bộ phận không ngừng tu học theo tôn chỉ “Nổi truyền Thích-ca Chánh pháp” do đức Tổ sư Minh Đăng Quang khởi xướng. Hơn 70 năm đạo Phật Khất sĩ hình thành và phát triển, bộ phận Ni giới vẫn luôn thực hiện bản hoài ấy trên khắp các vùng miền, lãnh thổ Việt Nam. Trong tiến trình hoằng hóa, độ sanh ấy, Cần Thơ đã lưu dấu nhiều đóng góp to lớn từ chư Ni đến hệ phái Khất sĩ.

1. Sơ lược về sự ra đời, phát triển của Ni giới Khất sĩ Cần Thơ

Nhìn lại chặng đường hơn 40 năm Phật giáo Cần Thơ đồng hành và phát triển, Ni giới Khất sĩ đã góp phần gánh vác trên vai những sứ mạng chung của người con Phật và nỗ lực thực hiện vai trò riêng của một hành giả Khất sĩ. Khởi dậy bước chân hành đạo cho Ni giới bấy giờ tại non nước Cần Thơ, không ai hơn là đức Tổ sư Minh Đăng Quang và bậc lãnh đạo Ni - Đệ nhất Ni giới Hệ phái Khất sĩ - Ni trưởng Thích nữ Huỳnh Liên. Mảnh đất Ninh Kiều, Cần Thơ chính là nơi ghi lại dấu chân lịch sử của bậc Tổ sư, bậc tôn Ni của Hệ phái. Tịnh xá Ngọc Liên cũng chính là trú xứ mở đầu (1947) được Tổ khởi công xây dựng và truyền lại cho Ni trưởng Đệ nhất. Từ đây, một nền móng Ni giới được thiết lập, khởi dậy con đường hóa đạo cho hàng hàng, lớp lớp chư Ni Khất sĩ.

Nối tiếp đạo hạnh của Đệ nhất Ni trưởng, Ni trưởng Giới Liên, Ni trưởng Điều Liên, Ni trưởng Tánh Liên đã tiếp tục gây dựng, tiếp quản các Tịnh xá Ngọc Liên, Ngọc Châu (1948) và Ngọc Viên (1949). Ba trú xứ này có bề dày lịch sử tương đương nhau. Tuy nhiên, cách

đó một thời gian dài sau những biến cố Phật giáo (1963), chư Ni Khất sĩ mới trở lại mảnh đất Tây Đô để tiếp tục hoằng hóa. Đơn cử như Ni sư Kiên Liên với Tịnh xá Ngọc Thủy, Ni trưởng Diệu Liên với Tịnh xá Ngọc Trung (Ni), Ni sư Hỷ Liên với Tịnh xá Ngọc Nhân, Sư cô Thúy Liên với Tịnh xá Ngọc Quang... và nhiều thế hệ Ni truyền thừa các cơ sở. Tính đến nay, Ni chúng Khất sĩ đã có 27 ngôi Tịnh xá với 92 vị Ni lưu trú trên khắp địa bàn¹.

Theo thống kê, số lượng các Tịnh xá hiện có tại thành phố Cần Thơ như sau:

SỐ LƯỢNG TỊNH XÁ CỦA NI CHÚNG KHẤT SĨ Ở CẦN THƠ					
STT	TỊNH XÁ	NGƯỜI SÁNG LẬP	NĂM SÁNG LẬP	CÁC ĐỜI TRỤ TRÌ	ĐỊA CHỈ
1	Tịnh xá Ngọc Liên	Tổ sư Minh Đăng Quang truyền lại cho NT. Huỳnh Liên	1947	NT. Giới Liên	Ninh Kiều, Cần Thơ
2	Tịnh xá Ngọc Châu	Tổ sư Minh Đăng Quang	1948	1982, NT. Diệu Liên trụ trì TX. Ngọc Châu ²	Quận Ô Môn, Cần Thơ
3	Tịnh xá Ngọc Viên	NT. Tánh Liên	1949	- NS. Đồng Liên (1977) - NS. Hiếu Liên NS. Bình Liên	Cái Khế, Cần Thơ

¹ Thông tin được cập nhật từ Ban Thư ký Phân ban Ni giới Cần Thơ.

² *Tiểu sử Ni trưởng Thích nữ Diệu Liên*, tài liệu do chư Ni TX. Ngọc Châu cung cấp.

4	Tịnh xá Ngọc Hiệp	Tổ sư Minh Đăng Quang	1950	NT. Nghiêm Liên	Ấp Châu Thành, thị trấn Phụng Hiệp, Cần Thơ
5	Tịnh xá Ngọc Thủy	NS. Kiên Liên	25/11/ 1963	Ngôi Tịnh xá trải qua 4 đời truyền thừa: - NS. Kiên Liên (trụ trì từ 1963- 1970) - NS. Phẩm Liên (tiếp quản 2 năm) - NT. Ấn Liên (trụ trì từ 1972-2022) - SC. Thiện Liên (từ 2023)	Bình Thủy, Cần Thơ
6	Tịnh xá Ngọc Trung (Ni)	NT. Diệu Liên	1963	NS. Lý Liên	Thốt Nốt, Cần Thơ
7	Tịnh xá Ngọc Chương	NT. Ngoạt Liên	1965	- NT. Ngoạt Liên -NS. Kiệm Liên	Thị xã Vị Thanh, Hậu Giang

8	Tịnh xá Ngọc Duyên	NS. Toàn Liên	1965	NS. Toàn Liên	Thốt Nốt, Cần Thơ
9	Tịnh xá Ngọc Ân	NT. Hân Liên	1996	- NT. Hân Liên - NT. Mãnh Liên	Phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ
10	Tịnh xá Ngọc Hoa ¹	ĐĐ. Thích Giác Hoa	1969	SC. Sơn Liên (1997)	Phường Bình Thủy, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ
11	Tịnh xá Pháp Như		Thành lập năm 1972, trùng tu năm 1999		Cái Răng, Cần Thơ
12	Tịnh xá Ngọc Nhân	NS. Hỷ Liên	1979	SC. Tấn Liên (2017)	Ninh Kiều, Cần Thơ
13	Tịnh xá Ngọc Quang	SC. Thúy Liên	1980	NS. Huệ Liên	Thốt Nốt, Cần Thơ
14	Tịnh xá Hoa Nghiêm	NS. Cảnh Liên	1980	NS. Cảnh Liên	Phường Hưng Lợi, thành phố Cần Thơ

¹ <https://quocluongct.blogspot.com/2013/10/nhung-ngoi-chua-o-binh-thuy-tiep-theo.html>.

15	Tịnh xá Ngọc Hung	NS. Niệm Liên	1983	NS. Viên Liên (2022)	Phường Thuận Hưng, Thốt Nốt, Cần Thơ
16	Tịnh xá Ngọc Đăng	NS. Đăng Liên	1984	NS. Đăng Liên	Phường An Hòa, Ninh Kiều, Cần Thơ
17	Tịnh xá Ngọc Hạnh	NS. Trí Liên	1990	NS. Trí Liên	Thuận An, Thốt Nốt, Cần Thơ
18	Tịnh xá Ngọc Thủy			Sáng lập và trụ trì: NS. Sĩ Liên	Thị trấn Cờ Đỏ, huyện Ô Môn, Cần Thơ
19	Tịnh xá Ngọc Hòa				Phường Cái Khế, Ninh Kiều, Cần Thơ
20	Tịnh xá Ngọc An	NS. Mỹ Liên	Chính thức lên Tịnh xá năm 2019	- NS. Mỹ Liên - NS. An Liên	Phường An Khánh, Ninh Kiều, Cần Thơ
21	Tịnh xá Ngọc Ngôn				Ninh Kiều, Cần Thơ
22	Tịnh xá Ngọc Huệ				

23	Tịnh xá Ngọc Pháp				Lê Bình, Cái Răng, Cần Thơ
24	Tịnh xá Ngọc Đạt				Phường Tân Hưng, huyện Ô Môn, Cần Thơ
25	Tịnh xá Ngọc Sơn				Thới Thuận, Thốt Nốt, Cần Thơ
26	Đạo tràng Ngọc Phước				Phường Trường Lạc, quận Ô Môn, Cần Thơ
27	Tịnh thất Ngọc Như				Phường Cái Khế, Ninh Kiều, Cần Thơ
28	Tịnh thất Ngọc Linh			NS. Linh Liên	Phường Cái Khế, Ninh Kiều, Cần Thơ
29	Tịnh thất Ngọc Thanh		2023	NS. Thanh Liên	Phường Cái Khế, Ninh Kiều, Cần Thơ
30	Tịnh thất Ngọc Sĩ				Ninh Kiều, Cần Thơ

Nguồn: Tác giả tổng hợp

Trong 30 cơ sở này thì có 25 Tịnh xá chính thức với 70 vị; 01 điểm sinh hoạt tập trung là Đạo tràng Ngọc Phước; 04 tịnh thất Ngọc Sĩ, Ngọc Như, Ngọc Linh, Ngọc Thanh đang xin thành lập điểm sinh hoạt tập trung. Tổng số chúng là 92 vị.

Mặc dù số lượng cơ sở tự viện và Ni chúng còn khá khiêm tốn so với hệ phái Bắc Tông nhưng những đóng góp của chư Ni Khất sĩ luôn mang lại màu sắc tươi mới cho mảnh đất non nước nổi tiếng của Nam Bộ. Có gần 10 ngôi Tịnh xá xuất hiện trước lịch sử thành lập Giáo hội Phật giáo thành phố Cần Thơ. Sự gắn bó đó cũng chính là một minh chứng nói lên sự đồng lòng, đồng hành của Ni giới Hệ phái Khất sĩ với Phật giáo tỉnh nhà.

2. Ni giới Khất sĩ Cần Thơ: Những đóng góp cho xã hội và Giáo hội

Về phương diện đóng góp cho dân tộc, Ni trưởng Giới Liên, Ni trưởng Diệu Liên chính là những tấm gương tiêu biểu, từng theo chân Ni trưởng Huỳnh Liên và Ni chúng Ngọc Phương “xuống đường, biểu tình đòi hòa bình, độc lập cho dân tộc, đòi thả tù binh chính trị, sinh viên học sinh; đồng thời tiếp tế lương thực, thuốc men cho các cơ sở hoạt động cách mạng”¹. Về sau, hai Ni trưởng còn tham gia nhiều nhiệm kỳ với chức danh Ủy viên Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Cần Thơ, được Nhà nước tặng nhiều kỷ niệm chương, bằng khen người có công với cách mạng.

Riêng về phương diện đóng góp cho Giáo hội, chư Ni Khất sĩ tham gia ngày càng nhiều vào các ban ngành. Trong tổ chức Phật giáo thuộc 9 quận, huyện, từng có sự đóng góp của cố Ni trưởng Giới Liên (Giáo phẩm Ni giới Hệ phái Khất sĩ, Phó Trưởng Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam thành phố Cần Thơ, Chứng minh Phân ban Ni giới thành phố Cần Thơ), Ni trưởng Diệu Liên (Nguyên Phó Trưởng ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam thành phố Cần Thơ, Nguyên Phó Phân ban Ni giới Giáo hội Phật giáo Việt Nam thành phố Cần Thơ, Nguyên Phó Trưởng ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt

¹ <https://nigioivietnam.vn/ni-truong-gioi-lien/>

Nam quận Ô Môn), Ni trưởng Ấn Liên, Ni trưởng Mãnh Liên (đồng Chứng minh Phân ban Ni giới Giáo hội Phật giáo Việt Nam thành phố Cần Thơ)¹; Ni sư Đồng Liên (Phó Ban đại diện Phật giáo thành phố Cần Thơ)... Tiếp đó, nhiệm kỳ 2017-2022, có Ni trưởng Điều Liên (Phó Trưởng ban Trị sự), Ni sư Tài Liên (Phó Thư ký), Ni sư Lan Liên, Ni sư Hiếu Liên (đồng Ủy viên Ban Trị sự)².

Đặc biệt, chư Ni Khất sĩ đã tham gia gánh vác nhiều Phật sự cho Ni giới, nhất là trong chặng đường thành lập Phân ban Đặc trách Ni giới (20/6/2013 - nhiệm kỳ 2012-2017). Tròn 10 năm kể từ ngày thành lập, chư Tôn túc Ni trong Hệ phái đã và đang đảm đương các vị trí nhân sự đặc lực. Ở nhiệm kỳ đầu tiên của Phân ban đã có 3/8 vị đến từ Ni chúng Khất sĩ, gồm: Ni trưởng Giới Liên, Ni trưởng Dắc Liên, Ni trưởng Ấn Liên³. Những ngọn cờ tiên phong này đã tiếp thêm động lực cho chư Ni hậu tấn được phát triển hơn, đóng góp nhiều lĩnh vực hơn cho Phật giáo cũng như Ni giới tinh nhà.

Bên cạnh những đóng góp cho Giáo hội, chư Ni Khất sĩ rất tích cực trong hoạt động từ thiện xã hội như tham gia cứu trợ lũ lụt, giúp đồng bào nghèo, người già, người neo đơn, trẻ nghèo thất học, ủng hộ nạn nhân nhiễm chất độc màu da cam (Dioxin),... Trong đó, tỉnh xá Ngọc Quang được biết đến là trú xứ có nhiều hoạt động sôi nổi, quan tâm người già neo đơn, người nghèo lang thang, trẻ em mồ côi, bà con nghèo vùng cao (người dân tộc C'Ho, Churu, Chill, Tày và Nùng) có hoàn cảnh khó khăn (thôn Bokaban, xã Tu-tra, huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng) và hàng nghìn suất ăn, phần quà cho bệnh nhân tại Trung tâm Điều trị tâm thần Tân Định (thuộc tỉnh Bình Dương), Trung tâm Bảo trợ xã hội (quận Ô Môn), các viện dưỡng lão, các bệnh viện,... Đặc biệt, tổ chức chương trình phát quà truyền thống cho bà con ở làng mù Vĩnh Châu - Sóc Trăng (địa điểm tập trung tại tỉnh xá Ngọc Châu Như). Những hoạt động này không chỉ

¹ <https://nigioikhatsi.net/le-hoi/tp.can-tho:-tinh-xa-ngoc-thuy-trang-nghiem-to-chuc-le-dang-y-ca-sa-va-le-huy-ky-co-su-ba-kien-lien.html>.

² <https://phatgiao.org.vn/danh-sach-nhan-su-bts-ghpgvn-can-tho-nhiem-ky-ix-2017-2022-d27377.html>

³ <https://giacngo.vn/ra-mat-phan-ban-ni-gioi-phat-giao-tpcan-tho-post22095.html>.

mang tinh thần hoằng pháp, sẻ chia của người con Phật mà còn tạo nên sợi dây gắn kết, tương trợ sự hành đạo của chư Ni trong Hệ phái. Với những dấu ấn đó, tịnh xá Ngọc Quang được biết đến là ngôi tịnh thất đẹp ở Thốt Nốt hiện nay.

Về mặt tu tập, chư Ni thường tổ chức các khóa thiền Tứ Niệm xứ, khóa tu truyền thống Ni giới Khất sĩ,... Các lễ hội thường niên như Phật Đản, Vu Lan, Dâng y ca-sa, Cổ Phật khất thực... diễn ra sôi nổi. Bên cạnh đó, chư Ni cũng tổ chức nhiều khóa tu “Một ngày an lạc”, “Bát quan trai giới” cho hàng cư sĩ với các chủ đề như “Bước chân tĩnh lặng” và các khóa tu mùa hè cho sinh viên, đoàn sinh Gia đình Phật tử.

Riêng nói về đời sống tu học của Ni chúng Khất sĩ trên địa bàn, phần lớn chư Ni được tạo điều kiện để tham gia học tập tại các trường Sơ - Trung - Cử nhân Phật học. Con đường giáo dục cũng được chư Tiên bối quan tâm và hỗ trợ. Ngay từ thời Hậu Giang chưa sáp nhập lại với Cần Thơ, Ni sư Đồng Liên đã tham gia làm Ủy viên Kiểm soát Trường Cơ bản Phật học, Hậu Giang¹. Kế thừa trụ trì, Sư cô Huệ Liên đã tiếp tục con đường của người đi trước, chăm lo đào tạo Tăng tài; đồng thời, gửi Ni chúng tham gia tu học tại các trường như Trung cấp Phật học ở Vĩnh Long. Bên cạnh đó, còn có Ni trưởng Diệu Liên cũng từng là một trong những thành viên thuộc Ban Bảo trợ các khóa học của trường Sơ cấp, Trung cấp Phật học thành phố Cần Thơ.

Đặc biệt, hằng năm, chư Ni còn mở khóa học luật Tỳ-kheo-ni cho Ni chúng trực thuộc Giáo đoàn 1 về tham học. Chư Tôn túc giáo phẩm Ni trong Hệ phái còn đảm nhiệm nhiều cương vị tôn chứng Tăng già tại các Đàn giới, Phó Thiền chủ các khóa An cư Kiết hạ do Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam thành phố Cần Thơ tổ chức như Ni trưởng Diệu Liên, Ni trưởng Ân Liên... Sự trưởng dưỡng này không chỉ góp phần làm cho Đạo pháp ngày càng hưng thịnh, xã hội

¹ Tỳ-kheo-ni Thích Như Nguyệt (Viên Minh) (2022), *Hành trạng chư Ni Việt Nam*, tập 1, Nxb. Phụ nữ, Hà Nội, tr.323.

ngày càng văn minh mà còn góp phần vào việc phổ biến Chánh pháp, phát triển trí tuệ, giới hạnh cho hành giả Khất sĩ.

Nhìn chung, tinh thần yêu nước, mến đạo của chư Ni Khất sĩ đã thể hiện trong toàn bộ hoạt động phụng sự cho đạo pháp và dân tộc. Mặc dù vẫn còn một số tồn đọng, chưa được phát huy, thế nhưng với số lượng cơ sở và thành phần nhân sự khá khiêm tốn, chư Ni Hệ phái vẫn mang lại một bộ mặt đại diện tiêu biểu của Ni giới Khất sĩ Việt Nam trên nhiều phương diện. Trong đó chất chứa nhiều truyền thống cao quý, nhiều hình ảnh cao đẹp vốn được duy trì trong chiếc nôi của Ni giới Khất sĩ.

Dựa trên những tiền đề được chư Tiền bối tạo dựng, chư Ni Hệ phái đã và đang tiếp tục sứ mệnh lan tỏa thông điệp chung của đạo Phật Khất sĩ và Ni giới Khất sĩ Việt Nam. Trên mảnh đất non nước Cần Thơ hữu tình, những ngôi tịnh xá bát giác là một cánh tay nối dài để ngọn đuốc Chánh pháp của Tổ sư được lan rộng khắp các tỉnh miền Tây Nam Bộ. Điều này không chỉ nói lên thành tựu trong sự nghiệp canh tân Ni giới của Ni trưởng Huỳnh Liên tại Cần Thơ mà còn thể hiện sự truyền thừa khéo léo của Ni chúng Khất sĩ sau thời Tổ Sư vắng bóng. Những đóa sen của Ni trưởng Huỳnh Liên giáo dưỡng đã được mọc khắp các vùng miền, nhất là miền Tây Nam Bộ. Tất nhiên, điều đó càng tô đẹp thêm cho một xứ sở được mệnh danh là “Tây Đô”.

Hy vọng, Tọa đàm Ni giới lần này là cơ hội để chư Ni Hệ phái quan tâm hơn đến những tiền đề lịch sử mà chư Tôn túc Ni tiền bối trong Hệ phái đã gây dựng, đồng thời tiếp nối ánh sáng đó để lan tỏa những thông điệp cao đẹp trong Ni đoàn. Với những điều kiện của Ni giới Khất sĩ đang có, quan tâm đến sự phát triển đời sống tu học, đẩy mạnh công tác giáo dục, học thuật trong đội ngũ Ni giới là điều vô cùng cần thiết. Bên cạnh đó, rất cần chư Ni trong Hệ phái quan tâm đến việc bảo tồn, lưu trữ những di sản được Nhà nước công nhận cho chư Ni Khất sĩ để chư Ni hậu bối được noi gương công hạnh của quý Ngài.

Tóm lại, sự xuất hiện của chư Ni cùng các Tịnh xá trong dòng chảy lịch sử Phật giáo Cần Thơ là một bước ngoặt đáng kể, thể hiện sự phát triển của Hệ phái Khất sĩ nói riêng và sự phát triển của Ni giới Phật giáo nói chung. Trong tiến trình du nhập và phát triển đó, chư Ni Khất sĩ đã hòa vào nét văn hóa độc đáo của miền Tây Nam Bộ, đem lại một màu sắc tươi mới, không chỉ về văn hóa, lễ nghi mà còn cả những nhu cầu nương tựa tinh thần cho quần chúng Phật tử.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Giáo hội Phật giáo Việt Nam (2017), *Danh sách nhân sự BTS GHPGVN Cần Thơ nhiệm kỳ IX (2017-2022)*,
<https://phatgiao.org.vn/danh-sach-nhan-su-bts-ghpgvn-can-tho-nhiem-ky-ix-2017-2022-d27377.html>.
2. Tỳ-kheo-ni Thích Như Nguyệt (Viên Minh) (2022), *Hành trạng chư Ni Việt Nam*, tập 1, Nxb. Phụ nữ, Hà Nội.
3. “Những ngôi chùa ở Bình Thủy” (2013),
<https://quocluongct.blogspot.com/2013/10/nhung-ngoi-chua-o-binh-thuy-tiep-theo.html>.
4. “Ni trưởng Giới Liên” (2020),
<https://nigioivietnam.vn/ni-truong-gioi-lien/>.
5. “Ra mắt Phân ban Ni giới Phật giáo TP. Cần Thơ” (2013),
<https://giacngo.vn/ra-mat-phan-ban-ni-gioi-phat-giao-tpcan-tho-post22095.html>.
6. *Tiểu sử Ni trưởng Thích nữ Diệu Liên*, tài liệu do chư Ni Tịnh xá Ngọc Châu cung cấp.
7. “Tịnh xá Ngọc Thủy trang nghiêm tổ chức lễ dâng y Ca-sa và lễ hỷ kỵ cố Sư bà Kiên Liên”,
<https://nigioikhatsi.net/le-hoi/tp.can-tho:-tinh-xa-ngoc-thuy-trang-nghiem-to-chuc-le-dang-y-ca-sa-va-le-huy-ky-co-su-ba-kien-lien.html>.

NI TRƯỞNG DŨNG LIÊN:

TINH THẦN PHỤNG SỰ ĐẠO PHÁP VÀ DÂN TỘC

NS. TS. Thích nữ Thuận Liên

Đạo Phật Khất sĩ hiện hữu ở Việt Nam đã trên dưới 80 năm. Suốt khoảng thời gian ấy, Đức Tổ sư Minh Đăng Quang và Tăng chúng của Ngài đã trải qua bao thăng trầm biến chuyển, nhưng chí nguyện “Nối truyền Thích-ca Chánh pháp” và tinh thần phụng sự Đạo pháp - Dân tộc vẫn mãi kiên định. Bằng đường lối “Tam y nhất bát”, với nếp sống giải thoát thanh bần, cùng sự kế thừa và phát huy những giá trị tinh túy của hai hệ thống Nam truyền và Bắc truyền Phật giáo, đạo Phật Khất sĩ đã có bước chuyển mình và ảnh hưởng sâu rộng đến mọi tầng lớp nhân dân trong xã hội, đồng thời góp phần không nhỏ trong công cuộc chấn hưng Phật giáo, bảo vệ và xây dựng Tổ quốc Việt Nam trong thời chiến cũng như thời bình. Điển hình là Ni trưởng Dũng Liên - vị Ni lưu Thích tử, đã có nhiều cống hiến cho đạo và đời, xứng danh là tấm gương tiêu biểu làm rạng ngời Phật giáo Việt Nam cũng như Khất sĩ Việt Nam.

1. Cuộc đời và công hạnh của Ni trưởng Dũng Liên

Ni trưởng Dũng Liên thuộc Hệ phái Khất sĩ Việt Nam, là đệ tử của Ni trưởng Thanh Liên và Ni trưởng Tạng Liên, thế danh Đàm Thị Sa, sinh năm 1931 (Tân Mùi) tại huyện Long Đức, thị xã Trà Vinh, tỉnh Cửu Long. Vốn xuất thân trong gia đình Nho học, nhưng Ni trưởng rất có lòng kính tin Tam bảo, mến mộ Phật pháp nhờ sống trong tình thương bao dung và giáo dục kỷ cương của song thân là cụ ông Đàm Văn Tần và cụ bà Trần Thị Dậu.

Sớm nhận thức sự uyên thâm của Phật pháp, giác ngộ cảnh trần là huyền mộng nên Ni trưởng quyết chí tầm sư học đạo. Duyên lành nhiều kiếp hội đủ, đúng thời lộc trở hoa khai, Ni trưởng quyết từ biệt song thân, phát nguyện xuất gia theo Chánh pháp Phật Đà vào năm Giáp Ngọ (1954), khi vừa tròn 23 tuổi. Đầu tiên, Ni trưởng cầu thọ giáo pháp với Ni trưởng Tạng Liên, sau đó Y chỉ với Ni trưởng Thanh Liên. Với ý thức trách nhiệm của người xuất gia và hiểu biết nhiều điều lợi ích của sự xuất gia tu học, tâm Bồ-đề của Người ngày một tăng trưởng.

Sau một năm tập sự, tinh tấn trau dồi phẩm hạnh và hoàn thiện tự thân đúng theo khuôn phép của vị nữ xuất gia trẻ tuổi, Người được Ni trưởng Tạng Liên truyền giao Giới pháp Sa-di-ni. Năm Mậu Tuất (1958), Bốn sư biết người học trò này có thể là vị truyền thừa mạng mạch Phật pháp nên đã cho đăng đàn thọ Đại giới. Kể từ đây, Ni trưởng đã được đầy đủ giới pháp - chính thức dự vào hàng Ni lưu Thích tử, như chim bằng chấp cánh bay lượn muôn phương, tùy duyên hóa độ. Với trọng trách truyền thừa Chánh pháp Như Lai đem đạo vào đời, nỗ lực phục vụ chúng sanh, triển khai tuệ giác, đoạn diệt sanh y, Ni trưởng nỗ lực cần tu, trau dồi giới đức, ngộ hầu hằng say phục vụ theo hoài bão của cố Ni trưởng Huỳnh Liên:

Nguyện xin hiến trọn đời mình,

Cho nguồn đạo pháp, cho tình quê hương¹.

Kể từ ngày xuất gia nhập đạo, Ni trưởng nguyện nối gót Thầy tổ tu tập, hầu cận và học hỏi giáo lý Phật Đà, từng bước trau dồi giới đức, tăng trưởng đạo tâm, vuông tròn phẩm hạnh để làm hành trang hoằng dương Chánh pháp, phụng sự Đạo pháp và Dân tộc.

2. Ni trưởng Đồng Liên: Tinh thần phụng sự Phật pháp - đưa đạo vào đời

Vạn vật trong vũ trụ đều do duyên sinh duyên hợp, phụ thuộc và tương trợ lẫn nhau để sanh tồn. Cũng vậy, tất cả các mối quan hệ

¹ Ni trưởng Huỳnh Liên (2011), *Đóa sen thiêng*, Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.

giữa người với người, giữa người với xã hội, giữa thiên nhiên với thiên nhiên,... cũng phải phụ thuộc và tương trợ lẫn nhau. Do đó, trong quá trình hoằng pháp lợi sanh, Đức Phật không ngừng khuyến tấn đệ tử, rằng trong lúc nỗ lực tịnh hóa thân tâm và đem việc tu tập để hoàn thiện bản thân, đồng thời cũng nên hòa nhập với xã hội, khiến cho những hữu tình khác đồng giác ngộ như mình. Đây chính là quan niệm “tự lợi lợi tha, tự giác giác tha” mà Phật giáo đã đề cập trong *Kinh Tập A-hàm*: “Cái này có, nên cái kia có; cái này sanh, nên cái kia sanh; cái này không, nên cái kia không; cái này diệt, nên cái kia diệt”¹.

Đức Phật từng dạy rằng, tất cả các đại dương đều có một vị mặn như nhau, và tất cả các giáo lý của Ngài cũng chỉ có một vị duy nhất, đó là vị giải thoát. Mục đích cứu cánh của đạo Phật là sự giải thoát. Thế nên, là một tín đồ Phật giáo, làm sao có thể áp dụng giáo pháp của Đức Phật vào đời để cuộc sống ngày càng an vui, hạnh phúc là điều thiết thực nhất. Nương theo lời dạy của Đức Phật, Ni trưởng Đồng Liên với tinh thần phụng sự đạo pháp, ngoài việc chú trọng tinh thần xuất thế giải thoát cá nhân, thông qua việc nghiêm trì Giới Luật và tu hành thực tiễn của tự thân, còn lấy tinh thần nhập thế và lý tưởng giải thoát cho tha nhân làm hoài bão. Một đời tu học và hành đạo, Ni trưởng đã không ngừng thích ứng với sự tiến bộ của thời đại và phát triển tư tưởng của nhân loại, dùng đại bi tâm phổ độ chúng sanh, tận lực đem đạo vào đời để giải thoát cho nhân loại.

Ni trưởng cho rằng, là người tu hành theo đạo Phật, không nên chỉ mưu cầu hạnh phúc cho bản thân mà phải đặt tha nhân lên hàng đầu để tùy thuận giáo hóa. Phải lấy phương năng nhập thế để thành tựu công đức xuất thế, lấy hạnh nguyện quảng độ để giáo hóa chúng sanh và trang nghiêm thế giới thì mới đạt được sự thành tựu viên mãn. Và lại, đã là nhà sư Khất sĩ, thì phải dứt lòng tư kỷ ngã ái, đem giác ngộ cá nhân kết hợp với giác ngộ tha nhân, đem giáo pháp của Đức Phật truyền bá khắp nhân gian mà không phân biệt chủng tộc,

¹ *Đại Chánh tạng*, Kinh Tập A-hàm, tập 2, số 99, quyển 10, tr.67.

màu da, pháp phái. Thế nên, năm 1958, theo gót Ni trưởng Huỳnh Liên¹ và đoàn du tăng Khất sĩ, Ni trưởng Đồng Liên đã hội đủ phước duyên lên thuyền Giáo hội Ni giới vân du khắp các tỉnh thành, quận huyện Nam - Trung đất Việt, xiển dương giáo lý Phật Đà, thiết lập đạo tràng để ánh sáng Phật pháp được rạng chiếu khắp nơi.

Trước ngày đất nước giải phóng, với hạnh giải thoát để dứt trừ bản ngã, không chấp cảnh chấp người, Ni trưởng được Giáo hội Ni giới Hệ phái Khất sĩ bổ xứ hành đạo luân chuyển các miền Tịnh xá với thời gian ba tháng hoặc sáu tháng một lần, nhằm tạo điều kiện hành đạo rộng khắp. Sau thời gian du hóa, Ni trưởng lần lượt trụ trì Tịnh xá Ngọc Cảnh - Đà Lạt, Tịnh xá Ngọc Thành - Long Thành, Tịnh xá Ngọc Trước - Bến Tre, Tịnh xá Ngọc Khánh - Long Khánh, Tịnh xá Ngọc Thuận - Vĩnh Long, Tịnh xá Ngọc Khánh - Sóc Trăng.

Sau khi đất nước hoàn toàn thống nhất, giang sơn nối liền một dải, cũng từ đây, Ni trưởng đã dừng chân tại Tịnh xá Ngọc Viên - Cần Thơ (năm Đinh Tỵ - 1977) để hoằng pháp lợi sanh, theo bước chân Tổ Thầy tùy hành Phật sự tại nhân gian, giữ nếp du Tăng Khất sĩ thanh bần và trở thành bậc Tôn sư khả kính của tứ chúng. Ngài nguyện rằng:

Đời Khất Sĩ bước lữ hành không nghỉ,

Gót Tổ Thầy chưa nổi, nghỉ sao đành,

Vì trên thân ta khoác mảnh y vàng,

Đèn chơn lý, ta quyết chong tỏ rạng².

Cuộc đời Ni trưởng luôn dẫn thân vì Đạo pháp, vì sự nghiệp đem đạo vào đời để giác ngộ cho nhân sanh. Tại Tịnh xá Ngọc Viên - Cần Thơ, nơi lưu dấu một thời hành đạo, cảm hóa bá tánh cư gia quanh vùng, Ni trưởng đã vì tiền đồ Phật pháp, kề vai sát cánh cùng chư Tôn đức trong Giáo hội, gánh vác nhiều công tác Phật sự, như:

¹ Ni trưởng Đệ nhất trưởng Ni giới Hệ phái Khất sĩ.

² Sdd.

- Phó Ban Đại diện Phật giáo Cần Thơ.
- Ủy viên Thủ quỹ Ban Trị sự Phật giáo - Hậu Giang.
- Ủy viên Kiểm soát Trường Cơ bản Phật học - Hậu Giang.

Tiếp nối Tổ Thầy, với khoảng thời gian gần 40 năm hoằng pháp lợi sanh, Ni trưởng đã thừa hành Phật sự tại địa phương rất cần mẫn, phát triển ngôi Tam bảo Tịnh xá Ngọc Viên trở nên khang trang hưng thịnh. Bằng đạo hạnh và đức độ cảm hóa của mình, Ni trưởng đã tiếp độ nhiều chúng đệ tử xuất gia, quy y Tam bảo cho hàng ngàn cư sĩ tại gia, dìu dắt chúng sinh tiếp độ Ni chúng, tín đồ trung kiên quy hướng bên Người hằng theo Chánh pháp. Quan trọng hơn, Ni trưởng đã chứng minh kiến lập và trùng tu nhiều đạo tràng Tịnh xá: Ngọc Cảnh - Đà Lạt, Ngọc Thành - Long Thành, Ngọc Trước - Bến Tre,... Suốt lộ trình hành đạo độ sanh, trải qua bao thế cuộc thăng trầm, Ni trưởng vẫn một dạ sắt son, phụ lực Tổ Thầy xương minh Phật pháp, quyết giữ gìn ngôi nhà Phật pháp mãi trường tồn ở thế gian. Đặc biệt, khi đất nước thống nhất, tinh thần yêu đạo và viên dung khế lý, khế cơ chưa bao giờ dừng nghỉ. Ni trưởng đã nối chí nguyện của cố Ni trưởng Huỳnh Liên, với chủ trương:

Tu có học mới rạng ngời Chánh pháp,

Học có tu mới lợi Đạo, ích đời¹.

Quả thật, chính sự được học được tu là mục tiêu tối hậu của những con người hướng đến giải thoát khổ đau. Không phải ngẫu nhiên Ni trưởng đảm nhiệm trọng trách Kiểm soát Trường Cơ bản Phật học - Hậu Giang, ủng hộ việc đào tạo Tăng tài Trường Cơ bản Phật học và xúc tiến chư Ni đi phổ cập kiến thức văn hóa, tất cả là vì lý tưởng cao đẹp của người xuất gia học Phật, lấy trí tuệ làm sự nghiệp lợi sanh.

¹ Ni giới Hệ phái Khất sĩ (1994), *Kỷ yếu Ni trưởng Huỳnh Liên*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh, tr.13.

3. Ni trưởng Đồng Liên: Tinh thần cống hiến cho dân tộc

Từ xưa đến nay, Phật giáo Việt Nam luôn đồng hành cùng dân tộc trong tiến trình dựng nước và giữ nước. Tiếp nối Chánh pháp Thích-ca là khát vọng của một Ni lưu Thích tử. Chính vì vậy, chí nguyện dẫn thân phụng sự xã hội của Ni trưởng ngày càng chín muồi. Người linh hoạt vận dụng tinh thần yêu nước đi đôi với việc phụng đạo pháp một cách thiện xảo, tất cả cũng vì hạnh phúc cho số đông, vì lợi ích và an lạc cho nhân loại như Đức Phật từng dạy.

Ngoài việc bản thân tự mình khai mở tuệ giác, Ni trưởng còn linh hoạt chuyển hóa nguồn tuệ giác thành chất liệu từ bi, đóng góp tinh tài tịnh vật vào quỹ Từ thiện xã hội của Phật giáo Cần Thơ cũng như Hội Chữ thập đỏ của quận nhà để cứu trợ đồng bào bị lũ lụt thiên tai và nuôi trẻ mồ côi. Mỗi tháng, vào ngày mùng một và ngày rằm, Ni trưởng đều nấu cơm chay, phát miễn phí cho người nghèo và sinh viên ở địa phương. Ngoài công tác từ thiện xã hội, Ni trưởng còn tham gia các hoạt động như: Ủy viên Mặt trận Tổ quốc thành phố Cần Thơ, Ủy viên Mặt trận Tổ quốc phường Cái Khế. Vì sự hưng thịnh của đất nước và góp phần làm giàu đẹp quê hương, Ni trưởng còn kề vai sát cánh cùng các cấp chính quyền và Ban Tôn giáo tỉnh để hoàn thành mọi công tác nhằm thực hiện phương châm “Đạo pháp - Dân tộc - Chủ nghĩa xã hội”.

Ni trưởng Đồng Liên là người có chí xuất trần thoát tục, nhưng bản thân cũng là một thành viên của xã hội, nên Người chưa bao giờ tạo ra sự cách biệt với xã hội hiện thực. Có lý tưởng viễn ly thế gian, nhưng không có nghĩa là Ni trưởng muốn rời khỏi cuộc sống thế gian; trái lại, Người luôn kiên định tinh thần nhập thế, tùy thuận và siêu việt. Vì rằng, việc cống hiến cho quốc gia, đối với Phật giáo cũng là báo đáp một trong tứ trọng ân¹.

¹ Tứ trọng ân của Phật giáo gồm: ân cha mẹ, ân sư trưởng, ân quốc gia và ân đàn-việt.

4. Ni trưởng Đông Liên: Giá trị kế thừa

Kế tục sự nghiệp hoằng truyền Chánh pháp của Tổ Thầy, chư Tôn giáo phẩm thuộc Ni giới Hệ phái Khất sĩ đã không quản gian lao, không từ khó nhọc, nỗ lực tinh tấn tu tập và dẫn thân hành đạo. Trong đó, không thể không kể đến tinh thần phụng sự của cố Ni trưởng Đông Liên, vị Giáo phẩm Ni đã được cố Ni trưởng Huỳnh Liên ủy thác lãnh đạo và hướng dẫn dìu dắt chúng sanh.

Trong quá trình tu tập và hành đạo, Ni trưởng đã cống hiến hết tâm lực, trí lực cho Đạo pháp và Dân tộc. Những gì Ni trưởng đã tạo dựng luôn được thế hệ Ni giới kế thừa và phát triển, tiếp tục sứ mệnh tiếp dẫn hậu lai, báo Phật ân đức. Dù phải trải qua bao gian nan, thử thách trong buổi đầu nổi gót Tổ Thầy du phương hành đạo, nhưng chí nguyện phụng sự cao cả của Ni trưởng vẫn luôn kiên định. Người là một bậc Ni lưu mô phạm; một nhà lãnh đạo thông thái, nhân hậu và đầy lòng bao dung. Dù ở vai trò, lĩnh vực nào, Ni trưởng cũng luôn nhiệt tâm phụng sự và cống hiến. Tâm nguyện và hạnh nguyện này quả thật mang tầm vóc rất lớn, do đó sức ảnh hưởng của Ni trưởng đã lan tỏa đến các tầng lớp trí thức trong xã hội đương thời. Người là tấm gương sáng cho hàng hậu học, cho những ai hữu duyên được thân cận diện kiến noi theo tu tập.

Ngoài việc làm tốt sứ mạng truyền thừa chí nguyện của Tổ Thầy, Ni trưởng còn dẫn thân cống hiến cho sự phát triển của Giáo hội Phật giáo Việt Nam, xây dựng ngôi nhà chung Phật giáo ngày càng bền vững. Tất cả đều nhờ vào đức hy sinh quên mình cho sự nghiệp tiếp Tăng độ chúng. Với đạo tâm kiên cố, ý chí vững bền, Người đã khêu sáng ngọn đèn chon lý bằng tất cả tâm lực, trí lực và nguyện lực.

Nhìn lại chặng đường cống hiến cho Đạo pháp và phụng sự cho nhân sanh của Ni trưởng Đông Liên, mới thấy trong suốt cuộc đời xuất gia tu học và hành đạo, Người luôn xả kỷ vị tha, thể hiện bằng những hành động thiết thực để độ đời giúp người.

Kết luận

Ni trưởng Đồng Liên là người đã dành trọn cuộc đời để phụng sự Đạo pháp và dân tộc. Người là tấm gương chuẩn mực, là tài sản vô giá cho các thế hệ Ni giới Phật giáo kế thừa noi theo; là bậc Ni lưu bằng cả Giới đức, Tâm đức và Tuệ đức đóng góp cho quá trình phát triển Hệ phái Khất sĩ nói riêng và Phật giáo Việt Nam nói chung. Đây chính là sự kế thừa từ nguồn mạch tâm linh của Đức Phật, chư Tổ và các bậc thầy khả kính, đã được tiếp tục truyền trao đến thế hệ mai sau. Nhân Lễ tưởng niệm Đức Thánh Tổ Ni Đại Ái Đạo, thiết nghĩ, là một Ni lưu Thích tử, ngoài việc tưởng nhớ và cung kính thì không gì thiết thực hơn bằng sự nỗ lực tu tập, noi theo gương hạnh xả ly và chí nguyện phụng sự cao cả mà chư vị tiền bối đã dày công cống hiến cho đạo pháp và phụng sự nhân sinh khi sanh tiền. Đây cũng chính là tài sản tinh thần vô cùng quý giá mà Ni trưởng Đồng Liên đã lưu lại cho Ni giới đến ngày hôm nay, đồng thời làm rạng danh cho con gái dòng họ Thích và cho cả ngôi nhà Phật giáo Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Đại Chánh tạng*, Kinh Tạng A-hàm, tập 2, số 99, quyển 10, tr.67.
2. Ni trưởng Huỳnh Liên (2011), *Đóa sen thiêng*, Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.
3. Ni giới Hệ phái Khất sĩ (1994), *Kỷ yếu Ni trưởng Huỳnh Liên*, Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.
4. HT. TS. Thích Trí Quảng, HT. TS. Thích Giác Toàn, TS. Nguyễn Quốc Tuấn (Đồng chủ biên, 2016), *Hệ phái Khất sĩ: Quá trình hình thành, phát triển và hội nhập*, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội.

HẠNH NGUYỆN NI TRƯỞNG DIỆU KIM

Thích nữ Trung Tâm

Nữ giới Phật giáo Việt Nam nói riêng, Phật giáo thế giới nói chung luôn tri ân Thánh Tổ Ni Kiều Đàm Di - người phụ nữ đầu tiên mở ra con đường Thánh quả cho nữ giới.

Trong xã hội Ấn Độ cổ đại, sự phân biệt giai cấp, giới tính diễn ra nặng nề; người nữ dường như chỉ biết sống cam chịu theo những tập tục, định kiến trọng nam khinh nữ. Đức Phật đã hiện thân giữa cõi đời, vận chuyển bánh xe pháp đi khắp nơi. Ngài đã nêu lên quan điểm không kỳ thị, phân biệt giới tính. Người nữ không chỉ trở thành cận sự nữ hộ trì Phật pháp, tu tập thực hành giáo lý mà còn được xuất gia trở thành Tỳ-kheo-ni. Giáo đoàn Ni được thành lập, song hành cùng giáo đoàn Tăng. *Kinh Nikàya* đã ghi lại tên tuổi rất nhiều vị Tỳ-kheo-ni, sau thời gian tu tập theo lời Phật dạy, lần lượt chứng thánh quả, chứng minh trí tuệ, năng lực người nữ không thua kém người nam. Cuộc đời tu chứng của chư vị thánh Ni, nhất là Thánh Tổ Ni Pajapati Gotami, mãi là bài học vô giá, thiết thực cho thế hệ sau.

Trải qua bao thế hệ, những người con gái chân yếu tay mềm của Đức Như Lai, với ý chí thượng sĩ, hạnh nguyện hoằng pháp, đã đóng góp rất nhiều cho Phật giáo và đời sống.

Mỗi một vùng, miền trên đất nước Việt Nam đều có một vị thể lịch sử, văn hóa đặc thù; Phật giáo đem đạo vào đời cũng mang âm hưởng riêng của mỗi nơi. Tại Cần Thơ - một trong năm thành phố trực thuộc trung ương, nổi tiếng sầm uất và phát triển nhất vùng Đồng bằng sông Cửu Long, Phật giáo rất phát triển và đầy tiềm năng với sự hoạt động tích cực của nhiều vị Ni trẻ. Nhắc đến Cần Thơ là

nhắc đến những ngôi chùa đẹp nổi tiếng cổ xưa, kiến trúc độc đáo, mang nhiều đặc điểm văn hóa tâm linh. Trong đó, Tổ đình Bảo An ở quận Ninh Kiều được hình thành từ năm 1909, đã trở thành nơi dạy giáo lý cho chư Ni từ sớm, do Ni trưởng Diệu Kim đảm trách.

1. Sơ lược bối cảnh lịch sử

Lịch sử Phật giáo Việt Nam đồng hành cùng dân tộc và Ni giới Phật giáo cũng vậy. Năm 1930, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, từng bước lãnh đạo cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc. Trong bối cảnh ấy, Phật giáo cũng có nhiều khởi sắc, chuyển mình quan trọng. Những bậc Ni tài xuất hiện ở cả ba miền Bắc - Trung - Nam. Trong không khí chấn hưng Phật giáo sôi nổi, các trường hạ, các lớp Phật học gia giáo được Ni giới đẩy mạnh.

Trong một khoảng thời gian ngắn, Ni giới miền Nam đã thành lập nên hệ thống giáo dục rộng khắp. Đây là nền móng ban đầu để hình thành các cơ sở quy mô lớn sau này. Đầu tiên phải kể đến Trường Ni Giác Hoa ở Bạc Liêu - ngôi trường gia giáo do Tỳ-kheo-ni Hằng Nga¹ (Diệu Ngọc) mở tại chùa Giác Hoa năm 1927, “vốn là ngôi chùa Ni đầu tiên ở miền Nam do cô xây dựng”. Sư bà cũng là một trong những vị đầu tiên phát động xây dựng lớp gia giáo, đáp ứng điều kiện tu học của Ni chúng.

Với tâm huyết phụng sự nhằm khôi phục Phật giáo, quý Sư bà đã dẫn thân vào sự nghiệp đào tạo Ni tài. Tiêu biểu trên lĩnh vực giáo dục ở giai đoạn cận đại có Sư bà Diệu Tịnh (1910-1942), Sư bà Diệu Tấn (1910-1947) đã sáng lập Ni trường Kim Sơn. Hòa trong không khí ấy, lần lượt các trường Ni ra đời như Trường Ni Tân Hòa, Trường Ni Vạn An, Linh Phước,... Trong bối cảnh đó, lớp gia giáo tại chùa Bảo An được thành lập, do Sư bà Hồng Tích - Diệu Kim (nguyên cố vấn Ni bộ Bắc Tông) đảm nhận.

¹ HT. TS. Thích Thanh Quyết - NT. Thích Đàm Nghiêm (Đồng chủ biên), *Nữ Phật tử với Phật giáo Việt Nam*; PGS. TS. Nguyễn Hồng Dương (2022), *Ni giới và tổ chức Ni giới trong mạng mạch Phật giáo Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr.174.

2. Thân thế Sư bà Diệu Kim

Quý Sư bà đã từng theo học tại Trường Ni Giác Hoa - trường Ni đầu tiên ở miền Nam. Nơi đây đã đào tạo ra những bậc Ni tài kiệt xuất, ấp ủ chí nguyện mở lớp gia giáo và giảng dạy tại bốn tự. Sự nghiệp giáo dục Ni tài có lẽ là tâm huyết cháy bỏng của các bậc danh Ni tài đức lỗi lạc trong thời điểm bấy giờ, điển hình như Sư bà Diệu Kim.

Sư bà vốn xuất gia với Hòa thượng Như Hiển - Chí Thiền tại chùa Phi Lai ở Châu Đốc. Hòa thượng đã đặt pháp tự cho Sư bà là Hồng Tích, pháp danh Diệu Kim (còn được gọi là Sư bà Bửu Kim).

Sau thời gian ươm mầm sự nghiệp giáo dục tại Trường Ni Giác Hoa, Sư bà bắt đầu đi thuyết giảng từ năm 1932, khi ấy mới hai mươi bốn tuổi, “như vậy được coi là Ni tài sáng giá”¹. Vào năm 1935, tại tuần lễ chay ở huyện Cầu Kè, Sư bà đã được Quý Hòa thượng đề cử là một trong bảy vị pháp sư thuyết pháp trong bảy ngày nhằm tăng thêm khí thế của phong trào chấn hưng Phật giáo. “Tờ báo *Lục Tỉnh Tân Văn* xuất bản năm 1935 không tiếc lời khen ngợi: Sư cô Bửu Kim là nhân tài Phật giáo, từng làm việc xã hội, đội mào hiệp chương thuyết pháp”².

Năm 1937, Sư bà Diệu Kim được Tổ Khánh Anh đề cử trụ trì chùa Thiên Phước ở Tân An (nay là tỉnh Long An). Ở đây, Sư bà không ngừng giảng dạy *Kinh Pháp Hoa* với chức vụ thiền chủ kiêm pháp sư giảng dạy ba tháng hạ.

Năm 1938, Sư bà về trụ trì chùa Giác Hoàng ở Tham Tướng, Cần Thơ. Tại đây, với lòng nhiệt huyết, Sư bà cũng mở trường gia giáo giảng dạy cho Ni chúng, Phật tử.

¹ Trí Không (2012), *Vĩnh Long Phật giáo sử lược*, Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh, tr.569.

² Thích nữ Từ Thảo (Biên soạn, 2016), *Lược sử Ni giới và hành trạng chư Ni Phật giáo Việt Nam*, Nxb. Văn hóa văn nghệ Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh, tr.101.

Năm 1939, Sư bà được thỉnh mời về trú trì chùa Quan Âm, Sa Đéc. Sư bà đã trùng hưng ngôi cổ tự rất trang nghiêm. Đường như nơi nào có bước chân vân du thì nơi ấy đều thấm nhuần công hạnh và hạnh nguyện của Ngài, đạo pháp cũng từ đó hưng thịnh.

Năm 1940, sau khi giao lại cho đệ tử trông coi những ngôi già lam trên, Sư bà được thỉnh mời về trụ trì chùa Bảo An ở Cần Thơ¹. Tại điểm dừng chân cuối cùng này, Sư bà đã thực hiện lợi tha không mệt mỏi, thế độ xuất gia cho hàng trăm Ni chúng. Rất nhiều bậc pháp khí của Phật giáo cũng từ đây mà tham gia lãnh đạo trong Giáo hội Ni giới khắp miền Nam như Ni trưởng Trí Thuần (trụ trì chùa Dược Sư), Ni trưởng Trí Hòa (giám thị Ni viện Dược sư, Ủy viên Thành hội Phật giáo Thành phố Hồ Chí Minh), Ni trưởng Trí Phát (Giám đốc Cô nhi viện Diệu Quang, Ban Giảng huấn Ni viện Từ Nghiêm), Ni trưởng Trí Nguyễn (chùa Phổ Đức, Mỹ Tho), Ni trưởng Trí Định (giáo thọ Ni viện Dược Sư), Ni trưởng Trí Thông (kiểm soát viên Ni bộ Nam Việt), Ni trưởng Trí Hải (quản chúng Ni viện Từ Nghiêm)²,... Hoạt động của Ni trưởng trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo đã đạt được những kết quả đáng trân trọng. Lớp gia giáo chùa Bảo An đã trở thành một trong 12 trường gia giáo, lớp học Phật được mở tại bốn tự trong thời kỳ khởi nguyên (1920-1956) ở miền Nam. Chùa như chứng tích lịch sử khắc ghi một giai đoạn hoằng đạo của một bậc Ni lưu kiệt xuất. Sư bà mãi là tấm gương, là động lực để hàng Ni giới bước ra khỏi hình hài người nữ nhỏ bé, cống hiến sức mình vào sự thịnh suy đạo Phật. Với sự cảm phục sâu sắc, hàng hậu tấn chúng con nguyện noi gương chư vị Sư bà, phấn đấu tu tập và thực hành hạnh lợi tha.

¹ *Tiểu sử cố Sư trưởng Thích nữ Diệu Kim Viện chủ Tổ đình Bảo An và Lược sử Tổ Đình Bảo An - Cần Thơ* (2013), Nxb. Hồng Đức, Hà Nội, tr.27.

² *Tỳ-kheo-ni Như Đức* (Biên soạn, 2009), *Lược sử Ni giới Bắc Tông Việt Nam*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr.67.

Năm 1958, Sư bà giữ chức Cố vấn tối cao Ni bộ Nam Việt¹. Vào năm 1976, một ngôi sao đã vụt tắt, Ni trưởng xả bỏ báo thân, 68 tuổi đời, 52 tuổi đạo.

Kết luận

Ngược dòng thời gian, Phật giáo đã đồng hành cùng dân tộc qua các trang sử. Chư Tôn đức Tăng Ni tiền bối đã tạo nên những nét vàng son. Đặc biệt ở Cần Thơ, chí nguyện hoằng truyền Phật pháp và tinh thần nhập thế cao cả của Sư bà thượng Diệu hạ Kim đã để lại cho hậu bối niềm cảm phục sâu sắc. Sư bà mãi là tấm gương cho hàng hậu học Ni lưu noi theo. Chính những hạnh nguyện của Ni sư đã chứng minh cho khả năng phi thường và dũng khí của người nữ trên con đường phụng sự.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. PGS. TS. Nguyễn Hồng Dương (2022), *Ni giới và tổ chức Ni giới trong mạng mạch Phật giáo Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
2. Tỳ-kheo-ni Như Đức (Biên soạn, 2009), *Lược sử Ni giới Bắc Tông Việt Nam*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
3. Trí Không (2012), *Vĩnh Long Phật giáo sử lược*, Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.
4. Thích nữ Từ Thảo (Biên soạn, 2016), *Lược sử Ni giới và hành trạng chư Ni Phật giáo Việt Nam*, Nxb. Văn hóa văn nghệ Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.
5. *Tiểu sử cố Sư trưởng Thích nữ Diệu Kim Viện chủ Tổ đình Bảo An và Lược sử Tổ Đình Bảo An - Cần Thơ* (2013), Nxb. Hồng Đức, Hà Nội.

¹ Tỳ-kheo-ni Như Đức (2009), Sdd, tr.66.

CUỘC ĐỜI VÀ CÔNG HẠNH CỦA CỐ NI SƯ THÍCH NỮ TÂM NIỆM

CHÙA BỬU TRÌ - THÀNH PHỐ CẦN THƠ

TKN. Thích Viên Hòa

Chùa Bửu Trì, tọa lạc tại thành phố Cần Thơ, là một ngôi chùa nổi tiếng với việc cứu mang, nuôi dạy trẻ mồ côi. Cố Ni sư Thích nữ Tâm Niệm, trong suốt quá trình trụ trì chùa Bửu Trì, đã mang lại một màu sắc mới cho Phật giáo Cần Thơ nói chung và Tam bảo Bửu Trì nói riêng. Hoạt động của Ni sư Tâm Niệm là những điều mà chúng ta cần học tập, kế thừa và phát triển.

1. Sơ lược tiểu sử cố Ni sư Thích nữ Tâm Niệm

Cố Ni sư Thích nữ Tâm Niệm (thế danh là Trần Thị Kim Kết), sinh ra và lớn lên trong một gia đình thuần nông ở rạch Bàu Gòn, ấp Láng Hầm B, vùng đất Hậu Giang¹. Bố mẹ Ni sư có 6 anh chị em và Ni sư là người con út trong gia đình, vì thế mà Người nhận được tình yêu thương và sự quan tâm chăm sóc của tất cả các anh chị em. Hạt bồ-đề được ươm mầm từ thuở bé. Hằng ngày, Người được ngoại và mẹ dẫn đi chùa, lễ Phật, gần gũi với Tam bảo. Đến năm 1976 (19 tuổi), sau khi kết thúc chương trình phổ thông, Người đã xuống tóc xuất gia. Kể từ đây, cuộc đời của Ni sư gắn liền với những hạnh nguyện của một vị Bồ-tát, mang ánh sáng của tình thương đến với những con người đang đau khổ.

Trong suốt thời gian làm tiểu, các thời khóa hằng ngày được Ni sư thực hành nghiêm mật với tinh thần cầu học rất cao. Người rất ham

¹ Hậu Giang cũ (gồm ba tỉnh Sóc Trăng, Cần Thơ, Hậu Giang bây giờ).

học hỏi, thường tìm đọc sách về Phật học và thế học. Ni sư thường được Sư bà khen ngợi. Sư bà đã cho phép Ni sư lên Sài Gòn, tiếp tục theo học chương trình Phật học ở các cấp cao hơn. Năm 1983, Ni sư theo học chương trình Cử nhân Phật học, tại Trường Cao cấp Phật học Vạn Hạnh, nay là Học viện Phật giáo Việt Nam Thành phố Hồ Chí Minh. Ni sư là Học viên Khóa I của Trường Cao cấp Phật học. Cũng trong khóa học này, nhiều vị là bạn với Ni sư đã và đang đảm trách những vị trí quan trọng trong Giáo hội. Ni sư cũng là vị Ni đầu tiên ở thành phố Cần Thơ tốt nghiệp chương trình Cử nhân Phật học từ sau năm 1975.

Sau khi kết thúc chương trình Cử nhân Phật học vào năm 1988, Ni sư được nhiều vị Giáo thọ định hướng nên đi du học và học thêm ở những bậc cao hơn. Tuy nhiên, với hạnh nguyện cứu khổ ban vui của hiện thân một vị Bồ-tát, biết ngôi chùa Bửu Trì ở quê hương còn nhiều khó khăn và người dân nơi đây cũng tha thiết cần có một vị Tu sĩ về làm điểm tựa tinh thần, Người đã nhận lời thỉnh cầu, về xây dựng ngôi nhà tâm linh.

Kể từ ngày về hướng dẫn quần chúng nhân dân tu tập tại chùa Bửu Trì, Ni sư nhận được sự quan tâm của các cấp lãnh đạo, chính quyền, ban ngành, Giáo hội tại địa phương. Ngoài ra, nhiều vị Giáo thọ tại Học viện và quý thầy cô tại Thành phố Hồ Chí Minh, sau khi biết tin Ni sư về vùng đất Cần Thơ để hoằng hóa, đã thường xuyên tổ chức các chuyến từ thiện, viếng thăm chùa Bửu Trì. Đây cũng là một phước duyên mà Ni sư có được trong quá trình thực hành hạnh nguyện Bồ-tát.

Với những hạnh nguyện ấy, Bửu Trì từ một ngôi chùa lá, phải chịu cảnh ngập lụt và nước dột ngay cả trên bàn thờ Phật vào những ngày mưa, đã được trùng tu. Ngôi Tam bảo ngày càng trang nghiêm tổ hảo, trở thành nơi nuôi dạy hàng trăm trẻ mồ côi và người già. Ngoài ra, Ni sư còn tham gia nhiều hoạt động trong Giáo hội, giảng dạy, tổ chức các khóa tu cho tín đồ, may pháp phục tu sĩ... Tất cả những việc làm của Ni sư đều vì lợi ích của quần chúng nhân dân.

Tháng 7 năm 2016, năm Ni sư vừa tròn 60 tuổi, với 35 hạ lạc, hạnh nguyện đã viên mãn, trong một lần chăm sóc các em nhỏ tại chùa, Ni sư đã bỏ báo thân, để lại niềm thương tiếc cho hàng ngàn tín đồ quần chúng nhân dân. Tuy xác thân không còn nơi trần thế, nhưng Người vẫn để lại minh chứng về hạnh nguyện tu tập và tâm hạnh Bồ-tát với 36 viên xá-lợi. Đây chính là bài giảng thân giáo mà Người để lại cho hàng hậu học chúng con.

2. Hạnh nguyện Bồ-tát của cố Ni sư Thích nữ Tâm Niệm

2.1. Tham gia công tác Giáo hội

Kể từ năm 1988, sau khi hoàn thành chương trình Cử nhân Phật học tại Sài Gòn, Ni sư đã về chùa Bửu Trì. Kể từ đây, Ni sư nỗ lực thực hiện tất cả những hạnh nguyện của mình. Được sự chấp thuận của Giáo hội, Ni sư đã tham gia nhiều vị trí, khởi đầu với tư cách là Ủy viên Ban Trị sự. Với đức tính cần mẫn, chịu lắng nghe và học hỏi kinh nghiệm của những vị đi trước, Ni sư nhận được sự tin tưởng của Quý Ngài trong Ban Trị sự. Nhiều công tác Phật sự được tin tưởng giao phó cho Ni sư. Những đức hạnh của Ni sư càng làm cho mọi người tin vào khả năng của Người.

Đến kỳ Đại hội Phật giáo lần thứ IV (1997-2002), Ni sư được bầu làm Chánh Thư ký Văn phòng Ban Trị sự Phật giáo Cần Thơ. Được sự tin tưởng của chư Tôn đức Ban Trị sự, Ni sư tiếp tục công việc trong nhiệm kỳ V-VI. Cùng với những hoạt động trong Giáo hội, từ khóa I-II, Ni sư tham gia giảng dạy tại Trường Trung cấp Phật học Cần Thơ. Ni sư cũng đã đến học tập kinh nghiệm giảng dạy và hoằng pháp từ những vị chư Tôn đức trong và ngoài tỉnh. Nhờ đó, hằng năm tại chùa Bửu Trì, những vị Giáo thọ từ nhiều nơi trong và ngoài nước thường đến hỗ trợ công tác hoằng pháp.

Những việc làm của Ni sư đối với Giáo hội và quần chúng nhân dân, các cấp chính quyền tại Cần Thơ là tiền đề để Ni sư tham gia Hội đồng nhân dân các khóa, Ủy viên Ban Chấp hành Hội Chữ thập đỏ thành phố Cần Thơ... Từ việc tham gia công tác Giáo hội và Nhà

nước, Ni sư có thêm kinh nghiệm và điều kiện để hỗ trợ công tác tu học của Tăng Ni, tín đồ Phật tử tại địa phương.

Mặc dù trong thời gian đó, công việc tại chùa khá bận rộn, nhưng Ni sư vẫn cố gắng. Người thường dạy chúng tôi rằng: “Cuộc đời tu của mình, giúp gì được cho chúng sanh thì cố gắng hết mình để giúp họ, một miếng cơm, một gói mì thôi cũng đủ ấm lòng. Người tu mình cần học theo hạnh của những vị tiền bối đi trước, chỉ cần mang lại lợi ích cho chúng sanh là mình làm hết”. Ni sư cũng thường nhắc chúng tôi rằng: “Cuộc đời tu của mình, ăn cơm của tín thí, mặc áo của tín thí, thì cần phải tu sao cho xứng đáng với sự tin tưởng của tín thí dành cho chúng ta.”

Chính vì những hạnh nguyện đó, tất cả các công tác của Giáo hội, Nhà nước và tại ngôi chùa Bửu Trì, Ni sư đều hoàn thành viên mãn. Có thể nói rằng, Ni sư đã hoàn thành sứ mạng một người đệ tử của Đức Như Lai: “Hành Như Lai sứ, tác Như Lai sự”.

2.2. Đào tạo Tăng Ni đệ tử tu học

Những ngày đầu tiên về ngôi chùa Bửu Trì, tại địa phương không có nhiều người xuất gia như bây giờ, và chùa chỉ có một mình Ni sư quán xuyến. Chư vị Tổ sư từng dạy: “Phật pháp xương mình do Tăng già hoằng hóa/ Thiền môn hưng thịnh nhờ đàn-việt phát tâm”. Việc quan trọng để Phật pháp được trường tồn chính là phải đào tạo được những người kế tục vừa có tài vừa có đức. Ni sư đã trải qua những năm tháng khó khăn, gian khổ. Những ngày đầu đến với cửa đạo, tập sự xuất gia, chùa không có đủ thức ăn, Ni sư phải làm nhang để bán kiếm tiền, trồng thêm lúa, hoa màu trong những liếp đất của chùa. Sau khi học xong chương trình Cử nhân Phật học, Ni sư về chùa Bửu Trì này, vẫn là một ngôi chùa lụp xụp, thiếu thốn mọi mặt. Chính vì đã từng trải những khó khăn như vậy, nên Ni sư rất thương Ni chúng, quan tâm tận tình từ bữa ăn đến giấc ngủ.

Ni sư không chỉ độ cho Ni chúng mà còn dẫn dắt, gửi gắm Tăng xuất gia tại những ngôi chùa trong và ngoài tỉnh. Ni sư thường xuyên hỏi thăm tình hình tu tập, học hành của các vị Tăng, Ni trẻ. Điểm đặc

biệt khiến mọi người rất quý trọng Ni sư đó là tinh thần giữ gìn Bát Kinh Pháp. Một vị Tăng cho dù mới xuất gia, Ni sư cũng tôn kính, xá chào, không có cử chỉ hay lời nói nào vượt quá giới hạn. Hiện nay, Ni sư cũng đã độ hơn 10 vị Tăng Ni xuất gia. Ngoài ra, còn nhiều vị Ni tôn kính Ni sư làm Sư phụ Y chỉ. Ni sư đã thực hiện tròn bốn phận và trách nhiệm của một vị Sư trưởng dẫn đường cho lớp đệ tử kế thừa, tiếp nối.

2.3. Xây dựng cơ sở nuôi dưỡng trẻ mồ côi

Nhân duyên đưa Người trở thành điểm tựa cho hàng trăm em bé bị bỏ rơi chính là do địa thế chùa Bửu Trì. Khi còn sinh thời, chúng con vẫn được Ni sư kể cho nghe rằng: “Chùa Bửu Trì nằm ngay cạnh kênh Rạch Ngỗng, nên hay có những đứa trẻ bị bỏ rơi ở bờ kênh, khi người dân phát hiện ra thì đứa bé thường đã mất. Mỗi lần hay tin có đứa bé bị bỏ rơi ở bờ kênh, ta lại đến tụng biển kinh siêu độ cho các bé. Có thể chính nhân duyên đó mà sau này, người ta không bỏ các bé ở bờ kênh nữa. Thay vì thế, họ bỏ ở cổng chùa Bửu Trì. Do vậy, hầu hết các bé đều được phát hiện kịp thời và được nuôi dạy thành người.”

Khi ấy, thường 4 đến 5 giờ sáng, sau thời khóa công phu khuya, Ni sư ra mở cổng thì thấy có trẻ bị bỏ rơi trước cổng chùa. Có thời điểm chỉ cách vài ngày lại có một trẻ bị bỏ rơi. Thấy vậy, Ni sư thường đưa vào chùa, chăm sóc bé, rồi gọi chính quyền địa phương đến, lập biên bản và thông báo tại địa phương để tìm người thân. Sau một thời gian mà không có người thân đến nhận, Ni sư sẽ làm giấy khai sanh cho bé, trở thành người đỡ đầu về mặt pháp luật, giấy tờ. Từ đó, ngôi chùa Bửu Trì được nhiều người truyền nhau là chùa mồ côi. Ni sư không chỉ nhận nuôi trẻ mồ côi, cơ nhỡ mà còn hỗ trợ những người già yếu, không nơi nương tựa. Ni sư rất ân cần, nhẹ nhàng trong việc chăm sóc người lớn tuổi.

Ni sư không chỉ như người mẹ, người thầy mà còn như bầu trời mơ ước của các bé. Có những khi, bé không đủ đồ mặc, Ni sư thức cả

đêm để may quần áo. Ni sư chăm lo cho các bé một cách tận tình, chu đáo, từ miếng ăn, cái mặc, nề nếp sinh hoạt cho đến hướng dẫn học tập, cho các bé đến trường. Chính vì thế, hiện nay, nhiều bé đã được đi học đại học, cao đẳng, trung cấp, có bạn thì được đi làm ở một số công ty lớn như Công ty Dược Hậu Giang, một số bạn lên Thành phố Hồ Chí Minh làm việc. Hằng năm, các bạn này thường quay lại ngôi nhà Bửu Trì để tưởng nhớ công ơn dưỡng dạy của Ni sư.

Mỗi buổi sáng, Ni sư thường đến xem các bé sinh hoạt như thế nào, có thiếu thốn vật dụng gì không, có cháu nào bị bệnh hay cảm sốt không. Có khi, đêm tối mà có cháu sốt cao, đích thân Ni sư đưa các cháu đến bệnh viện. Ni sư thương yêu các bé như người mẹ thương những đứa con mình mang nặng đẻ đau.

Tấm lòng của Ni sư lo cho trẻ mồ côi vô bờ bến, không gì có thể so sánh được. Nhớ những ngày đầu về, Bửu Trì là ngôi chùa xưa tường gạch vôi có một vài nơi lún nứt, mái lợp ngói âm dương, nền chùa lát gạch tàu ẩm thấp, sân ngập úng nước... Trong điều kiện cơ sở vật chất như vậy, nhưng với tấm lòng từ bi, tâm hạnh Bồ-tát, nhìn những đứa bé đỏ hỏn bị bỏ trước cửa chùa, Ni sư thương xót mà nuôi dưỡng, có tiền thì mua sữa, không có sữa thì vắt nước cháo pha đường cho bú. Khi ấy, kênh Rạch Ngõng còn um tùm, vắng vẻ. Có những bà mẹ trẻ mang thai tự tử, dân chúng cứu được gởi vào chùa, Ni sư lại cưu mang cả mẹ lẫn con đến ngày sinh nở, rồi khi sinh xong, bà mẹ trẻ gởi lại con, Ni sư cũng nhận nuôi, không từ chối.

Dần dần, Ni sư xây dựng thêm phòng ốc để có không gian sinh hoạt cho các bé. Thời gian đầu, đường sá chưa mở, người dân lấn chiếm đất chùa, xây nhà cửa... Từ khi Nhà nước sửa sang đường đi lối lại, xây cầu, phóng lộ, lại càng xảy ra nhiều việc như lấn chiếm đất chùa trái phép... Ni sư cũng đã có những buổi nói chuyện, hòa giải cùng chính quyền và người dân nơi đây. Cho nên mới nói, nếu không có tâm hạnh tốt thì không thể thành tựu một ngôi chùa khang trang như ngày hôm nay.

Mặc dù vậy, cơ sở nuôi trẻ mồ côi ở chùa Bửu Trì cũng có những giai đoạn rất khó khăn, mang tai tiếng. Khi ấy, Ni sư thường nói: “Mình làm việc bằng cái tâm, nuôi dạy trẻ cũng bằng cái tâm của người xuất gia. Do vậy, không cần lo lắng về những chuyện của thế gian, mình chỉ cần làm việc tốt và không hổ thẹn với lòng mình là được.” Cũng nhờ phước báu, nhân duyên và hạnh nguyện của Ni sư mà những khó khăn ấy dần vượt qua. Có những thời điểm, chùa Bửu Trì nuôi dạy hơn 200 trẻ mồ côi. Hiện nay, vẫn còn khoảng 70 trẻ mồ côi đang sinh hoạt tại chùa. Có thể nói, một trong những chí hướng quan trọng nhất cuộc đời Ni sư chính là nuôi dạy trẻ cơ nhỡ, mồ côi, không nơi nương tựa.

2.4. Tổ chức khóa tu cho tín đồ

Hoàng dương Phật pháp là việc làm của người con Phật. Sau khi về trụ trì, Ni sư đã làm phát triển rực rỡ ngôi chùa Bửu Trì, từ một ngôi chùa lá trở thành một điểm đến tu tập tâm linh của quần chúng nhân dân trong và ngoài địa phương.

Nơi đây có những khóa tu được tổ chức hằng tuần, hằng tháng. Ni sư tổ chức ngày tu Bát quan trai giới, mỗi tháng 2 lần. Đây là khóa tu thường xuyên và định kỳ dành cho Phật tử tại gia. Để Phật tử biết đến đạo Phật và nền tảng giáo lý Phật giáo, trong khóa tu Bát quan trai giới, Ni sư đã thỉnh mời những vị giảng sư trong và ngoài tỉnh đến chia sẻ Phật pháp. Thường có khoảng 100 người tham gia khóa tu. Tuy nhiên, những buổi giảng, pháp thoại của những vị giảng sư nổi tiếng, số lượng tín đồ tham gia có thể lên đến hàng ngàn người. Trong khóa tu Bát quan trai giới, Ni sư thường cho Phật tử niệm Phật, nghe giảng và học giáo lý. Từ đó, ngày tu trở nên bổ ích, được nhiều người ủng hộ và thực hành theo.

Không chỉ có khóa tu Bát quan trai giới, Ni sư còn long trọng tổ chức chương trình phóng sanh mỗi tháng một lần và vào những ngày lễ lớn trong năm. Đây là việc làm hướng con người đến tinh thần từ bi, biết yêu thương muôn loài của đạo Phật.

Ni sư cũng tổ chức các lớp học giáo lý, thỉnh mời những vị Giáo thọ về chùa để hướng dẫn, giảng dạy. Mỗi lần có giảng sư về, Ni sư đều lắng nghe chăm chú. Sau giờ giảng ấy, Ni sư thường ngồi nói chuyện với giảng sư, cùng nhau chia sẻ kinh nghiệm cũng như những điều cần khắc phục trong quá trình đi giảng, hoằng dương Phật pháp.

Như vậy, Ni sư vừa tổ chức cho tín đồ học tập, lắng nghe để hiểu biết giáo lý đạo Phật, vừa hướng dẫn tu tập cho tín đồ trong địa phương. Đây chính là công tác hoằng dương Phật pháp mà chư Tổ truyền lại cho hậu thế: “Mang lại an lạc cho chư thiên và loài người”.

2.5. Hoạt động từ thiện, mở phòng thuốc tại chùa

Mặc dù chùa Bửu Trì còn nhiều khó khăn, thiếu thốn về kinh phí, nhưng hằng năm, Ni sư đều tổ chức những chuyến đi từ thiện. Xây cầu cũng là một việc làm thường xuyên của Ni sư. Vùng đất Nam Bộ có nhiều sông rạch, do vậy, cần phải có cầu bắc qua để tiết kiệm thời gian đi lại của người dân. Nhận thấy tầm quan trọng ấy, Ni sư thường xuyên tổ chức những buổi quyên góp, ủng hộ tiền xây dựng cầu, đường sá.

Có những năm, miền Trung bị lũ lụt, Ni sư cùng một số vị trong tỉnh và một số chùa ở thành phố, tổ chức nhiều chuyến đi cứu trợ. Với tấm lòng cao cả ấy, Ni sư nhận được sự ủng hộ nhiệt tình của bà con, tín đồ ở trong và ngoài nước.

Hằng năm, vào những ngày lễ lớn, Ni sư thường tổ chức phát gạo tại chùa cho bà con thuộc diện khó khăn trong khu vực. Nhiều người cho rằng đây là việc làm bình thường, nhưng đối với một vị trụ trì mà chùa còn thiếu thốn, hằng ngày phải lo cho nhiều trẻ mồ côi và người già, thì đây quả thật là một việc làm cao cả, một cố gắng phi thường của người có tấm lòng Bồ-tát.

Ngoài việc từ thiện, Ni sư còn mở phòng thuốc nam tại chùa. Người bệnh đến, có khi được bốc thuốc và khám bệnh miễn phí. Nhiều thầy thuốc trong khu vực, biết chùa có phòng thuốc nam, cũng thường mang đến những cây thuốc quý, để bổ sung nguồn thuốc cho

chùa. Có những khi, Ni sư cùng Phật tử và một số thầy thuốc nam đi hái thuốc, đem về cắt, phơi..., để khi người dân đến sẽ có những vị thuốc cần thiết.

Kết luận

Có thể thấy rằng, Ni sư không e ngại bất kỳ một việc làm nào, miễn là có lợi ích cho nhân dân. Mặc dù cuộc sống thời hiện đại đã khắt khe hơn, nhưng ở những vùng khó khăn như khu vực chùa Bửu Trì, rất cần hạnh nguyện của những người xuất trần thượng sĩ. Hạnh nguyện của cố Ni sư Thích nữ Tâm Niệm là gương sáng cho hàng hậu học noi theo, học hỏi và thực hành. Một con đường hoằng dương Phật pháp trong thời hiện đại đã được Ni sư xây dựng, bằng toàn bộ tâm huyết của một tu sĩ. Chính vì thế, chúng ta cần kế thừa những giá trị ấy trên hành trình đem đạo vào đời.

Nam mô Bửu Trì đường thượng, Từ Lâm Tế Gia Phổ Tứ Thập Tam Thế, thượng Hải hạ Thông, tự Tâm Niệm Ni sư Giác linh thù từ chúng giám.

SỰ DẪN THÂN CỦA NỮ GIỚI PHẬT GIÁO: NGHIÊN CỨU TRƯỜNG HỢP NI TRƯỞNG DIỆU NGỘ (CẦN THƠ)

TS. Bùi Thị Thủy

Phật giáo Việt Nam là một trường hợp đặc biệt của Phật giáo thế giới trên con đường hoàng pháp, gắn bó và phát triển cùng dân tộc. Trải qua lịch sử hơn hai nghìn năm dựng nước và giữ nước, Phật giáo đã có những đóng góp lớn cho đất nước để giữ vững độc lập và phát triển nước nhà. Nữ giới Phật giáo Việt Nam có những thế mạnh riêng, đóng góp vào sự nghiệp chung ấy. Ni trưởng Diệu Ngộ, trên hành trình tu học, trụ thế và xây dựng Giáo đoàn Ni giới Cần Thơ cũng như góp phần phát triển Giáo hội Phật giáo miền Nam là minh chứng thuyết phục cho đặc điểm này của Ni giới Việt Nam trong thời hiện đại.

1. Sự hòa hợp người nữ tu sĩ¹ và chiến sĩ thực chất là quá trình dẫn thân - đặc điểm riêng biệt của Phật giáo Việt Nam nói chung và nữ giới Phật giáo Việt Nam nói riêng

Gắn đạo với đời, Phật pháp bất ly thế gian - đó chính là phương châm của Phật giáo. Trải qua một quá trình khảo cứu, quan sát Phật giáo Việt Nam, Thiền sư Nhất Hạnh đã tổng kết và khẳng định: “Đạo Bụt có một nền tảng nhân bản vững chắc, giúp ta biết sống có trách nhiệm, có từ bi với chính mình và mọi loài xung quanh. Người Phật

¹ Nữ tu sĩ là danh từ chung chỉ những người nữ thực hiện theo tiếng gọi của tâm thức tôn giáo, tạm rời cuộc sống của con người bình thường, dẫn thân vào con đường Đạo (có thể là Phật giáo, Kitô giáo...) và thực hiện những sứ mệnh, chức trách nhất định. Trong Phật giáo, chúng ta thường thấy họ được gọi là các Tỷ Khưu Ni, các Ni...; trong Kitô giáo, họ là các sơ, các dì,... Và vì vậy, chức sắc của tôn giáo là nữ, trong quá trình “tu” - hành thì gọi chung là nữ tu sĩ. Trong bài biết này, “nữ tu sĩ” là nhắc đến Ni giới của Phật giáo.

tử - con của Bụt - là người biết bảo vệ môi sinh. Chúng ta có đủ khả năng và thẩm quyền để quyết định vận mệnh của hành tinh chúng ta. Nếu chúng ta ý thức được tình trạng hiện tại, chúng ta sẽ thay đổi được chính tâm thức của mình và tâm thức cộng đồng”¹. Quả vậy, mặc dù được nảy sinh từ chính “hiện thực”, do tồn tại xã hội mà làm cho Phật giáo hình thành và phát triển, song, ở những không gian và thời gian khác nhau, Phật giáo đã từng bước thể hiện vai trò của mình đối với cá nhân - người Phật tử, và đối với xã hội - trên bình diện Phật giáo và đời sống xã hội.

Trong chiều kích Phật giáo - người Phật tử và Phật giáo với xã hội, sự dẫn thân của “Người Phật tử” như một mệnh lệnh thúc đẩy góp phần tạo ra những chuyển biến tích cực tới đời sống của con người. Ngay từ thuở bắt đầu, Phật Tổ thuyết pháp là để cứu khổ cứu nạn, vạch ra con đường đi đến giải thoát cho con người. Không đi vào cuộc sống, không đến bên từng kiếp người thì Phật pháp sao có thể định hướng cá nhân tự làm cho bản tâm trở nên tĩnh tại, tỏ rạng mà vươn tới giải thoát. Mục đích của đạo Phật là diệt khổ, là giải thoát. Thực hiện nhiệm vụ dân tộc, gắn hoạt động hoằng pháp với độc lập dân tộc được coi là nét đặc sắc nhất trong hoạt động của Phật giáo Việt Nam thế kỷ XX nói chung, Phật giáo miền Nam nói riêng.

Cần khẳng định là, trong kháng chiến chống Pháp cũng như kháng chiến chống Mỹ, tuy sự dẫn thân của Phật giáo Việt Nam được thể hiện có chỗ giống và khác nhau về hình thức và biện pháp đấu tranh, nhưng đều hướng đến mục tiêu là vừa đóng góp cho phong trào cách mạng như những người dân có trách nhiệm với đất nước, vừa thực hiện vai trò người tu đạo của Đức Phật là hoằng dương Chánh pháp. Đây cũng chính là sự thể hiện tinh thần “tùy thời tùy quốc độ” của giáo lý nhà Phật. Sự thành lập Tổng hội Phật giáo Việt Nam (1951), Giáo hội Tăng già Việt Nam (1952), Giáo hội Phật giáo Việt Nam thống nhất (1964)... chính là những khẳng định chắc chắn cho lập luận này. Hoạt động tham gia xây dựng cách mạng và hoạt

¹ Thích Nhất Hạnh (1965), *Hướng đi của Đạo Bụt cho hòa bình và môi sinh*, tr.16.

động hoằng dương Phật pháp luôn song hành, hỗ trợ lẫn nhau. Đạo Phật đã trở thành điểm tựa, bến đỗ và nơi gieo mầm, phát triển của tinh thần yêu nước, lòng tự hào dân tộc của nhân dân.

Sự quyết liệt của các tín đồ Phật tử trong hoạt động đấu tranh cho những mục tiêu đó chính là góp phần khẳng định thể chính nghĩa trong cuộc cách mạng kháng chiến tại miền Nam Việt Nam, lên án tội ác chiến tranh của những người cầm quyền tại Hoa Kỳ. Trải qua những tháng năm thăng trầm của lịch sử dân tộc và Phật giáo, “hễ khi nào dân tộc và Đạo pháp bị tai ương và nhục nhằn của lịch sử, thì khi đó liền có những người con thân yêu của dân tộc và Đạo pháp tự nguyện hiến dâng trọn vẹn đời mình cho sự nghiệp tồn vong của dân tộc và Đạo pháp”¹, bởi một điều dễ hiểu:

Cửa Từ Bi tựa cửa chiến hào

Vì tu sĩ cũng là chiến sĩ

Những đóng góp của họ hòa trong nỗ lực của toàn dân để làm nên thắng lợi Tổng khởi nghĩa tháng 8 năm 1945, và hơn thế nữa, đến ngày đất nước thống nhất (1975). Vì thế “có thể nhận xét rằng, dù sao Phật tử đã đến với Cách mạng tháng Tám thắng lợi và thanh thân hơn như chính bản thân Phật giáo vốn có truyền thống gắn bó với dân tộc”³.

Sở dĩ chúng tôi đưa ra khẳng định và tìm những dẫn chứng cho nội dung này, không có nghĩa tinh thần nhập thế hay dẫn thân của Phật giáo Việt Nam chỉ ở khía cạnh đồng hành cùng nhiệm vụ lớn của dân tộc, nhưng có thể thấy đó là hoạt động đặc trưng nhất, như một dấu hiệu cho sự lý giải vì sao người Việt Nam chọn Phật giáo và

¹ Huệ Quảng (1973), “Chào mừng người chiến sĩ Hòa Bình”, Đặc san *Đuốc Thiêng Hòa Bình*, Phật học Viện Hải Đức - Nha Trang, tr.26.

² DV (1973), “Quê hương ta ngời sáng (viết đề tưởng niệm Sa-di Thích Viên Đạo tự thiêu cầu nguyện Hòa bình Dân tộc)”, Đặc san *Đuốc Thiêng Hòa Bình*, Phật Học Viện Hải Đức - Nha Trang, tr.19.

³ Đỗ Quang Hưng (2005), *Vấn đề tôn giáo trong cách mạng: Lý luận và thực tiễn*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.284.

ở một khía cạnh khác, ta cũng thấy Phật giáo đã chọn được một mảnh đất màu mỡ để bám rễ sâu trong lòng dân tộc.

2. Ni trưởng Diệu Ngộ - tấm gương “dấn thân” vì sự phát triển của Phật giáo Cần Thơ

2.1. Những hoạt động và đóng góp của Ni giới Cần Thơ đối với xã hội

Phân ban Ni giới Cần Thơ được thành lập cách đây hơn một thập kỷ, dù thời gian chưa dài so với sự tồn tại của Phật giáo trên thế giới cũng như sự xuất hiện gần 2.000 năm của Phật giáo tại Việt Nam, song Phân ban Ni giới Cần Thơ¹ đã và đang nỗ lực, cố gắng từng bước nâng cao, cải thiện đời sống nhân dân tại Cần Thơ, góp phần làm cho Phật giáo gắn chặt hơn với mảnh đất nơi này.

Những năm qua, Phật giáo Cần Thơ đã có đóng góp lớn cho nhân dân địa phương trên nhiều phương diện, đặc biệt ở hoạt động từ thiện. Theo thống kê, số tiền từ thiện nhiệm kỳ 2012-2017 là hơn 84 tỷ đồng². Năm 2018: 23.154.120.000 đồng. Năm 2019: 30.260.875.000 đồng; Tết Nguyên đán năm 2020, Ni giới Cần Thơ đã trao tặng 14.038 phần quà, số tiền là 6.456.520.000 đồng. Đầu năm 2020, xây dựng 05 căn nhà cho người nghèo tại địa bàn xã Thới Xuân, huyện Cờ Đỏ (địa bàn có đông người Khmer sinh sống) với số tiền 250.000.000 đồng. Ủng hộ phòng, chống dịch Covid-19 là 1.777.350.000 đồng (trong đó, Phật giáo Nam Tông Khmer ủng hộ 520.000.000 đồng), phát 56.350 khẩu trang, 3.550 chai nước rửa tay. Ủng hộ người dân Bến Tre bị ảnh hưởng, xâm nhập mặn là 249.100.000 đồng. Theo thống kê của Ủy

¹ Thành phần nhân sự gồm chứng minh Phân ban có 8 vị Ni trưởng (Ni trưởng Thích nữ Diệu Mạnh, Thích nữ Huệ Giác, Thích nữ Huệ Tịnh, Thích nữ Giới Liên, Thích nữ Dắc Liên, Thích nữ Như Ngộ, Thích nữ Huệ Nghiêm và Thích nữ Ân Liên đảm trách). Phân ban có 24 vị (trong đó có 12 Ni sư, 12 Sư cô) do Ni sư Thích nữ Diệu Ngộ làm Trưởng phân ban kiêm chuyên trách giám luật (Theo: Quyết định số 113/QĐ/BTS của Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam thành phố Cần Thơ do Hòa thượng Đào Như, Trưởng Ban Trị sự ký ngày 15/6/2013 về việc công nhận thành phần nhân sự Phân ban đặc trách Ni giới Cần Thơ thuộc Ban Tăng sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam thành phố Cần Thơ nhiệm kỳ 2012-2017).

² Văn kiện Đại hội Đại biểu Giáo hội Phật giáo Việt Nam thành phố Cần Thơ lần thứ VIII, nhiệm kỳ 2012-2017.

ban Mặt trận Thành phố thì Phật giáo Cần Thơ tham gia phòng, chống dịch Covid-19 là với 74.350 khẩu trang, 3.560 chai nước rửa tay, 14 tấn gạo, 1.686 thùng mì, 6.600 bình nước lọc và 3.500 phần quà cho hộ nghèo, bán vé số, lao động thất nghiệp với tổng số tiền 1.863.491.000 đồng¹.

Theo Báo cáo Tổng kết công tác Phật sự của Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam thành phố Cần Thơ năm 2018, 2019 và 2020, thì số tiền làm từ thiện 6 tháng đầu năm 2020 là 14.589.153.000 đồng. Riêng tháng 7, tháng 8 và tháng 9 năm 2020 là 5.832.107.000 đồng. Ủng hộ, cứu giúp đồng bào miền Trung bị thiên tai, lũ lụt: 2.800 phần quà, hơn 2 tỷ đồng (đợt 1 vào ngày 24/10/2020); trong tháng 11 năm 2020, Ban Từ thiện xã hội Phật giáo thành phố Cần Thơ tiếp tục tổ chức đoàn đi cứu trợ tại Gia Lai (phát 1.000 phần quà; 700.000 đồng/phần).

Số liệu thống kê từ năm 2018 đến năm 2022, tổng số tiền quyên góp và ủng hộ cho các hoạt động của Phật giáo Cần Thơ là hơn 84 tỷ đồng (bằng 5 năm 2012-2017). Số liệu này cho thấy hoạt động xã hội hóa của Phật giáo ở Cần Thơ tăng khá nhanh hằng năm. Ngoài số liệu được thống kê chính thức nêu trên, vẫn còn nhiều tự viện, Tăng Ni thực hiện rất nhiều hoạt động xã hội hóa nhưng không hoặc chưa cung cấp thông tin².

Ngoài ra, một trong những hoạt động hướng đến cộng đồng của Phật giáo được đánh giá cao là nhiều cơ sở tự viện Phật giáo Cần Thơ mở phòng khám Đông y để cấp phát thuốc, chữa bệnh miễn phí cho người nghèo, cho sinh viên ở trọ, phát học bổng, tổ chức các lớp dạy văn hóa, ủng hộ xây nhà...

¹ “Các tôn giáo ở thành phố Cần Thơ tích cực tham gia phòng, chống dịch Covid-19” (16/4/2020), <https://www.mattrancan tho.vn/cac-ton-giao-o-thanh-pho-can-tho-tich-cuc-tham-gia-phong-chong-dich-covid-19>.

² “Phát huy nguồn lực của Phật giáo Việt Nam TP Cần Thơ trong hoạt động xã hội hóa” (02/01/2021), <https://bantongiao.cantho.gov.vn/common/baiviet/idbv/575>.

2.2. Ni trưởng Diệu Ngộ - người hoạt động không mệt mỏi cho sự thống nhất và phát triển của Phật giáo Việt Nam và Phật giáo Cần Thơ

Ni trưởng Diệu Ngộ sinh năm 1948, tên tục là Võ Thị Hương, quê quán xã Thuận Hưng, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang. Ngài xuất gia năm 1967 tại chùa Giác Thiên, tỉnh Vĩnh Long. Đến năm 1971, Ngài đi học đạo tại chùa Từ Thuyền, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Ni trưởng được bổ nhiệm làm trụ trì chùa Quan Âm vào tháng 4 năm 1975 do Giáo hội tỉnh Phong - Dinh bổ nhiệm. Ngài tham gia Giáo hội Phật giáo Việt Nam thành phố Cần Thơ từ năm 1976 cho đến nay.

Cuộc đời hoạt động, dẫn thân cho Phật pháp của Ni trưởng Diệu Ngộ như một cơ duyên với động lực chính là lòng yêu nước, tinh thần tự hào dân tộc mà có lẽ, một suy nghĩ đơn thuần đó là nước còn thì nhà còn, nước còn thì Phật giáo Việt Nam còn, nước thống nhất thì Phật giáo Việt Nam mới có thể thống nhất. Vì vậy, ngay sau những ngày đầu đất nước thống nhất, dù còn nhiều khó khăn, Ni trưởng Diệu Ngộ đã nhanh chóng tham gia các hoạt động của Giáo hội, kết nối các hoạt động của Ban Liên lạc Phật giáo yêu nước năm 1976 để thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Ni trưởng là người tiên phong trong các hoạt động gắn kết để đi đến thống nhất một Giáo hội Phật giáo Việt Nam duy nhất từ năm 1981 cho đến nay. Chúng tôi cho rằng, ngoài mong muốn về sự thống nhất Phật giáo, sâu thẳm bên trong mong muốn của Giáo hội Phật giáo và của Ni trưởng Diệu Ngộ lúc bấy giờ là hiện thực thống nhất đất nước, toàn vẹn lãnh thổ trên tất cả các phương diện: chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa, trong đó có tôn giáo. Đất nước thống nhất thì không thể có hai Giáo hội Phật giáo. Vì vậy, những hoạt động để hướng tới thành lập một Giáo hội Phật giáo Việt Nam thống nhất, duy nhất là khát vọng chân chính, thể hiện tinh thần yêu nước, độc lập dân tộc. Cho nên, chúng tôi đánh giá rất cao sự đóng góp của Ni trưởng Diệu Ngộ khi làm thành viên trong Ban Liên lạc Thống nhất Phật giáo.

Khi thực hiện những điều này, có lẽ Ni trưởng Diệu Ngộ đã thấm nhuần triết lý từ bi cũng như sứ mệnh của Phật giáo trong lịch sử. Những xung đột, căng thẳng về chính trị, xã hội như những phép thử, đồng thời cũng là cơ hội để Phật giáo phát huy ưu thế nổi trội về tinh thần Từ - Bi - Hỷ - Xả, đúng như nhận định của Thượng tọa Thích Nhật Từ: “Trong bối cảnh của những xung đột và bất hạnh lan rộng dẫn đến các vấn nạn và khủng hoảng phức tạp, Phật giáo với di sản phong phú về sự độ lượng, bất bạo động, từ bi, hóa giải hận thù có thể đóng góp to lớn, gây cảm hứng với thông điệp từ bi của Phật, sự hòa bình và hòa hợp trên thế giới ngày nay”¹.

Là một người con Phật, hơn nữa, trong tình hình biến động mới của đất nước, việc Ni trưởng Diệu Ngộ dẫn thân, đó là sự hưởng ứng lời hiệu triệu của Đức Giáo chủ, của sự phát triển Phật giáo nước nhà. Ni trưởng luôn nhắc nhở bản thân cũng như giáo dục cho Ni chúng và học trò về trách nhiệm bản thân: “Là một trụ trì, tôi khuyên bảo các Phật tử phải là một công dân tốt, sống tốt đời đẹp đạo, làm theo pháp luật của Nhà nước”².

Người nữ tu sĩ Phật giáo - chiến sĩ ấy, ngay khi đất nước bước vào thời kỳ xây dựng và phát triển đã nhanh chóng, tích cực tham gia các hoạt động của địa phương nhằm mang giáo lý nhà Phật với tinh thần Từ - Bi đến muôn nhà. Với đức hạnh của mình, Ni trưởng đã trở thành Đại biểu Hội đồng nhân dân khóa IX đến khóa XI (2014-2021). Ni trưởng có nhiều thành tích được các cơ quan nhà nước công nhận: 01 Huân chương Vì sự nghiệp đại đoàn kết dân tộc do Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tặng (năm 1998), 01 Bằng khen của UBND thành phố Cần Thơ; 06 Bằng khen của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Cần Thơ; 14 Bằng tuyên dương Công đức của Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam thành phố Cần Thơ; 01 Bằng khen và 03 Giấy khen của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc quận Ninh Kiều; 12 Giấy khen của UBND phường,... Từ những thành tích này, ta

¹ Thích Nhật Từ, Thích Đức Thiện (Chủ biên, 2019), *Cách tiếp cận của Phật giáo về tiêu thụ có trách nhiệm, phát triển bền vững*, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội, tr.11.

² Phỏng vấn của tác giả.

thấy, Ni trưởng Diệu Ngộ tham gia tất cả các hoạt động xã hội. Ni trưởng đã gắn các hoạt động của Phật giáo với hoạt động xã hội, xem sự dẫn thân với các hoạt động xã hội như một “mệnh lệnh” của đức tin vào Phật pháp và hơn thế nữa, xem đó là tôn chỉ, mục đích của người tu hành. Người nữ Phật tử ngày hôm nay là sự kế thừa giá trị 2.000 năm lịch sử Phật giáo du nhập, bén gốc rễ, đồng hành cùng vận mệnh dân tộc. Đây chính là sợi chỉ đỏ xuyên suốt, là nét đặc sắc của Phật giáo nước ta, như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: “Phật giáo Việt Nam với dân tộc như hình với bóng, tuy hai mà một”¹.

Hiện nay, dù Ni trưởng Diệu Ngộ không còn làm Trưởng ban Ni giới Cần Thơ (sau năm 2022), nhưng với một tinh thần hướng tới cộng đồng, hướng đến sự phát triển của Ni giới Cần Thơ, đặc biệt của nữ giới Phật giáo Cần Thơ nói riêng, Phật giáo Cần Thơ nói chung, Ni trưởng vẫn không ngừng suy nghĩ và tìm cách khắc phục những thiếu thốn trong việc tổ chức các hoạt động Phật giáo ở đây cho người dân. Theo Ni trưởng, Ni chúng Cần Thơ thiếu chỗ, thiếu phương tiện để tu tập, hành trì như kinh sách, thiết bị đa phương tiện, đặc biệt là không gian sinh hoạt - chùa còn hạn chế về diện tích, không gian so với nhu cầu hiện tại. Vì vậy, Ni trưởng luôn đau đầu tâm tình để có được nơi sinh hoạt cho Ni chúng.

Khi trao đổi với Ni trưởng, chúng tôi nhận thấy, mặc dù là người có lịch sử cống hiến mạnh mẽ cho Ni giới Cần Thơ nói riêng, Phật giáo Cần Thơ nói chung nhưng Ngài lại vô cùng giản dị và khiêm tốn. Đánh giá các hoạt động của Ni giới Cần Thơ cũng như Phật giáo Cần Thơ, Ngài cho rằng, hoạt động của Ni giới vẫn chưa thật mạnh mẽ, chưa thường xuyên và cần phát huy hơn tính tự chủ. Đánh giá mức độ hoạt động của Phân ban Ni giới Cần Thơ, Ni trưởng cho rằng mới chỉ đạt ở mức trung bình - đức tính trung thực, thẳng thắn và cầu tiến.

¹ Thích Đức Nghiệp (1995), *Hồ Chủ tịch, một biểu trưng nhân bản Việt Nam, trong đạo Phật Việt Nam*, Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh, tr.321.

Khi tiếp xúc và trò chuyện, chúng tôi thấy Ni trưởng rất gần gũi, thông tuệ và minh mẫn, khi có thể nhớ lại những chi tiết rất nhỏ từ rất lâu, như sự kiện xuất gia, sự kiện xây chùa, hoạt động cách mạng của Ni trưởng và những hoạt động khác của Phật giáo Cần Thơ. Có lẽ, đó cũng là một trong những động lực để tạo nên thế mạnh của Phật giáo tại đây, khi mà có rất nhiều hiện tượng tôn giáo, cả mới và truyền thống, đều đang tìm những cách tiếp cận khác nhau để chinh phục - thu hút các tín đồ Phật tử về với tôn giáo mình.

Kết luận

Ni trưởng Diệu Ngộ - một người con gái Phật ưu tú bằng xương bằng thịt, với những câu chuyện có thật, những việc làm và hành trạng được ghi nhận bởi Giáo hội Phật giáo Cần Thơ, Giáo hội Phật giáo Việt Nam và các cấp chính quyền địa phương, Trung ương, là nguồn cảm hứng, tấm gương giáo dục cho thế hệ Ni sư trẻ hiện nay tiếp tục mang thân - tâm - tuệ - từ cống hiến nhiều hơn nữa cho Phật giáo nước nhà. Thông qua sự đóng góp đó, văn hóa Phật giáo càng lan tỏa sâu rộng trong đời sống của mỗi người dân Việt Nam.

Tiếp nối câu chuyện với Ni trưởng Diệu Ngộ, Ngài có nhắc đến một trong những tấm gương Ni giới Cần Thơ đang tiếp tục làm đẹp cho Phật giáo cũng như làm đẹp cho cuộc đời, đó là trường hợp Sư cô Từ Tâm - đang hàng ngày, hàng giờ giúp đỡ những người mắc bệnh hiểm nghèo vượt qua nguy hiểm. Những việc làm thầm lặng của những người con gái Đức Phật ở Cần Thơ cũng như ở khắp nơi trên thế giới này đã và đang tạo ra những giá trị đẹp đẽ trong cuộc đời, mang giá trị Từ - Bi lan tỏa để cùng xây dựng xã hội hài hòa, hạnh phúc và phát triển bền vững.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. DV (1973), “Quê hương ta ngời sáng (viết để tưởng niệm Sa-di Thích Viên Đạo tự thiêu cầu nguyện Hòa bình Dân tộc)”, Đặc san *Đuốc Thiêng Hòa Bình*, Phật Học Viện Hải Đức - Nha Trang, tr.19.
2. Thích Nhất Hạnh (1965), *Hướng đi của Đạo Phật cho hòa bình và môi sinh*.
3. Đỗ Quang Hưng (2005), *Vấn đề tôn giáo trong cách mạng: Lý luận và thực tiễn*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
4. Thích Đức Nghiệp (1995), *Hồ Chủ tịch, một biểu trưng nhân bản Việt Nam*, trong *Đạo Phật Việt Nam*, Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.
5. Huệ Quảng (1973), “Chào mừng người chiến sĩ Hòa Bình”, Đặc san *Đuốc Thiêng Hòa Bình*, Phật học Viện Hải Đức - Nha Trang.
6. Thích Nhật Từ, Thích Đức Thiện (Chủ biên, 2019), *Cách tiếp cận của Phật giáo về tiêu thụ có trách nhiệm, phát triển bền vững*, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội.

TIẾP BƯỚC TIỀN NHÂN - PHÁT HUY CHÁNH PHÁP TẠI CHÙA THIÊN QUANG, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

NS. TS. Thích nữ Huệ Hiếu

Thiên Quang là một ngôi chùa Bắc Tông nổi tiếng ở Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ. Chùa được xây dựng từ năm 1933, đến nay đã có lịch sử hơn 90 năm. Năm 2007, chùa Thiên Quang được trùng tu và có kiến trúc giữ nguyên đến nay. Trụ trì đầu tiên của chùa là Ni trưởng Thích nữ Huệ Nghiêm, người đã có nhiều đóng góp cho việc xây dựng và phát triển chùa, để lại di sản lớn cho hậu thế. Dưới thời trụ trì của Ni trưởng Huệ Nghiêm, chùa Thiên Quang đã đóng góp nhiều cho sự hình thành và phát triển của Ni bộ Bắc Tông cũng như hoạt động cách mạng của Việt Nam trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ. Hiện nay, dưới sự trụ trì của Sư cô Thích nữ Nghiêm Thật, đệ tử của Ni trưởng Huệ Nghiêm, chùa Thiên Quang đã tiếp bước tiền nhân, phát huy Chánh pháp, có nhiều hoạt động Phật sự đóng góp cho Phật giáo Cần Thơ nói riêng, xã hội nói chung.

1. Chùa Thiên Quang - ngôi chùa Bắc Tông nổi tiếng ở thành phố Cần Thơ

Chùa Thiên Quang tọa lạc tại số 132/96, đường Hùng Vương, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ. Chùa được khởi công xây dựng năm 1933, đến nay đã có hơn 90 năm lịch sử, chứng kiến và đồng hành cùng những thăng trầm của đất nước qua hai cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, cũng như thời kỳ tái thiết đất nước sau ngày giải phóng. Nổi tiếng là một ngôi chùa Bắc Tông uy nghiêm tại Cần Thơ, chùa Thiên Quang không chỉ mang đến không gian tâm linh mà còn gây ấn tượng bởi kiến trúc đẹp mắt.

Năm 2007, chùa Thiên Quang dưới sự trụ trì của Ni trưởng Huệ Nghiêm đã tiến hành đại trùng tu và đến năm 2010 thì khánh thành. Hiện nay, Sư cô Nghiêm Thật, đệ tử của Ni trưởng Huệ Nghiêm, là trụ trì.

Chùa Thiên Quang có kiến trúc theo lối Phật giáo cổ điển, vừa tráng lệ vừa đẹp mắt. Tọa lạc giữa thành phố Cần Thơ nhộn nhịp nhưng ngôi chùa vẫn toát lên vẻ đẹp yên bình và linh thiêng nhờ sự kết hợp hài hòa giữa kiến trúc cổ điển của Phật giáo và vẻ đẹp của thiên nhiên. Chùa tọa lạc ven một kênh nước lớn, giúp mang lại vẻ thoáng đãng, mát mẻ quanh năm. Diện tích rộng lớn của chùa được dành để trồng nhiều cây xanh, tạo nên một không gian yên bình, gần gũi với thiên nhiên.

Điểm nhấn trong kiến trúc chùa có thể kể đến tượng Quan Âm lớn trước sân chùa, cổng chùa, Chánh điện và vườn thượng uyển. Trước sân chùa, tượng Phật Quan Âm đứng sừng sững, kèm theo hồ sen nhỏ ở dưới chân, tạo nên một không gian tĩnh tế và thanh nhã. Cổng chùa được trang trí màu đỏ gạch và vàng, xây dựng theo kiến trúc tam quan (3 cửa); cửa Từ Bi ở bên trái và cửa Trí Tuệ ở bên phải được trang trí bằng câu đối chữ Việt và Hán cùng với hình tượng bánh xe Pháp Luân. Bên trong chùa, Chánh điện có mái ngói âm dương và điêu khắc hình tượng lưỡng long tranh châu, có tượng Phật A-di-đà lớn đứng ở giữa với tượng Phật tư thế “duy ngã độc tôn” và các tượng khác. “Vườn thượng uyển” có tiểu cảnh với non bộ, tượng Phật Di-lặc, tượng Phật nằm và tiểu cảnh thờ Quan Thế Âm Bồ-tát. Đằng sau Chánh điện có một con đường nhỏ dẫn đến các tiểu cảnh khác nhau như Đức Phật ra đời và Thái tử Tất Đạt Đa cắt tóc tu hành¹.

Về đẹp kiến trúc cũng như không gian linh thiêng của chùa Thiên Quang khiến nơi đây trở thành điểm đến không chỉ của Phật tử mà còn của du khách gần xa ghé thăm Cần Thơ.

¹ “Chùa Thiên Quang (Ninh Kiều - Cần Thơ)”, <https://chonhieng.com/dia-diem/chua-thien-quang-ninh-kieu-can-tho/>

2. Tiếp bước tiền nhân

Nếu như thiên nhiên và kiến trúc có thể mang đến vẻ đẹp bên ngoài cho ngôi chùa Thiên Quang, thì chính nguồn năng lượng linh thiêng của các thế hệ tiền bối đã mang lại vẻ đẹp nội tâm sâu sắc cho ngôi chùa¹. Qua tiếp xúc với Sư cô Nghiêm Thật, trụ trì Thiên Quang hiện nay, chúng tôi biết rõ hơn về truyền thống quý báu của ngôi chùa. Nơi đây từng là căn cứ cách mạng, nuôi dưỡng nhiều chiến sĩ cách mạng của đất nước thời kỳ chống Pháp và chống Mỹ; đồng thời, đây cũng là nơi in dấu của các bậc Ni trưởng từng đóng góp tích cực cho sự hình thành và phát triển của Ni bộ Bắc Tông - tiền thân của Phân ban Ni giới Phật giáo Việt Nam. Đó là các Sư bà (Ni trưởng) Bửu Thanh, Bửu Trí, Ni trưởng Huệ Nghiêm. Các Sư bà là những bậc Trưởng lão Ni sống cuộc đời thanh lương, tinh tấn với lý tưởng giải thoát, đã cống hiến trọn đời cho đạo pháp và dân tộc. Hiện nay, chùa Thiên Quang còn lưu giữ những bức ảnh Sư bà Bửu Trí, Bửu Thanh chụp cùng với Sư trưởng Như Thanh và các bậc Tôn túc Ni của Ni bộ Bắc Tông.

Theo giấy xác nhận của Thiếu tá Quân đội nhân dân Việt Nam Lâm Thị Phấn, cư ngụ tại phường An Cư, thành phố Cần Thơ, người từng công tác Địch báo nội thành những năm 1946-1976, hai Sư bà trụ trì chùa Thiên Quang khi đó được giao nhiệm vụ làm “hộp thư sống”, đi liên lạc ở nội thành Cần Thơ và từ Cần Thơ lên Sài Gòn, từ Sài Gòn về Cần Thơ. Trong thời gian này, các cuộc họp của tổ Địch báo thường được tổ chức ở sau vườn chùa, và hai Sư bà là người canh gác, bảo vệ để cuộc họp diễn ra an toàn. Hai Sư bà đã “rất nhiệt tình, tận tâm”, “tận tụy đóng góp cho cách mạng”, hoàn thành chu đáo, toàn vẹn các công tác tổ chức được giao².

Theo giấy xác nhận thành tích của ông Nguyễn Văn Khâm, cư ngụ tại xã Tân Quới, huyện Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long, người từng hoạt

¹ Theo lời kể của Sư cô Nghiêm Thật, ngày trước có con Quy, cứ ngày 14 Âm lịch hằng tháng có sám hối là ông cụp cụp đi vô, sám hối xong ông cụp cụp đi ra. Vì vậy mà người ta đồn nhau rằng chùa Thiên Quang là chốn linh thiêng.

² Giấy xác nhận được cung cấp bởi Sư cô Nghiêm Thật, trụ trì chùa Thiên Quang.

động vùng tại thị xã Cần Thơ những năm 1947-1952 trên các cương vị khác nhau - Chỉ huy phó “Công an xung phong” Thành bộ Cần Thơ (1947), Trưởng ban Trinh sát Công an thị xã Cần Thơ (1949), Trưởng Công an thị xã Cần Thơ (1950-1952) - thì hai Sư bà Bửu Trí (Đồng Thị Quế) và Bửu Thanh (Vương Thị Quế) đã luôn ủng hộ “Ban Công tác Thành” và “Đội Trinh sát” rất chu đáo về “yếm quân, lương thực, bánh trái và canh gác”¹.

Theo bác Nguyễn Thị Kim Thanh (pháp danh Diệu Thiện)², một Phật tử sống gần chùa Thiên Quang và hay qua chùa làm công quả, nấu cúng vào các dịp lễ và ngày rằm, thì chùa Thiên Quang là chốn linh thiêng có các Sư bà được nhiều người mến mộ, là nơi nuôi giấu các chiến sĩ cách mạng. Chùa từng nuôi khoảng 20 vị hoạt động cách mạng thời chiến tranh nhưng do tính chất của hoạt động phải giữ bí mật nên bác Thanh cũng không biết nhiều thông tin.

Mặc dù còn hạn chế về thông tin, nhưng với nguồn tư liệu hữu hạn mà tác giả tiếp cận được, có thể khẳng định: Chùa Thiên Quang là nơi lưu giữ truyền thống của Phật giáo Bắc Tông, nơi có đóng góp tích cực cho đất nước qua hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, nơi cần nhận được sự quan tâm của Nhà nước và Giáo hội để tiếp tục kế bước tiền nhân, phát huy Chánh pháp.

3. Phát huy Chánh pháp

Đến chùa Thiên Quang, mỗi người đều có thể cảm nhận nguồn năng lượng tích cực ở nơi đây nhờ có sự tiếp nối tiền nhân, phát huy Chánh pháp của thế hệ Ni hôm nay. Hiện nay, Sư cô Nghiêm Thật, đệ tử của Ni trưởng Huệ Nghiêm, được giao trụ trì chùa Thiên Quang. Được biết, Sư cô xuất gia năm 14 tuổi (1992) với Sư phụ Huệ Nghiêm. Theo lời kể của Sư cô thì Sư phụ và bà nội là hai chị em cô cậu ruột. Khi lên thăm bà nội, Sư cô được Sư phụ dắt ra Đồng Nai (Thường Chiếu) làm thị giả. Khi ra ngoài đó, lúc chiều tối, nghe tiếng Đại hồng chung đánh lên, thấy người ta đi tu nhiều quá thì thích.

¹ Giấy xác nhận được cung cấp bởi Sư cô Nghiêm Thật, trụ trì chùa Thiên Quang.

² Phỏng vấn bác Nguyễn Thị Kim Thanh tại chùa Thiên Quang ngày 2/1/2024.

Đến ngày rằm tháng Hai, chùa thông báo ai xuất gia thì đăng ký, quý Sư cô ở chùa bảo: “Con đi xuất gia luôn đi!” Nghe vậy mà Sư cô đi luôn, lúc đó Sư cô chỉ nghĩ: “Đi tu thì lớn lên không phải lấy chồng, không phải lo cho chồng con.” Thế là trước khi đi chùa thì còn tóc mà khi về thì không còn nữa.

Cũng theo lời kể của Sư cô Nghiêm Thật, nhờ đi tu nên Sư cô mới được học lại (trước đó Sư cô đã nghỉ học từ lớp 5). Sau khi đi tu, Sư cô học lại lớp 5 đến hết lớp 12. Sau đó, Sư cô đi học Trung cấp Phật học 4 năm ở Tiền Giang, rồi 3 năm Cao đẳng Phật học ở Bạc Liêu, tiếp đến 4 năm lên Sài Gòn học Cao cấp giảng sư khóa 5, 2 năm cuối học tại Học viện Phật giáo Việt Nam - Khoa Đào tạo từ xa. Trong 4 năm, Sư cô đã tốt nghiệp cả hai lớp cao cấp giảng sư và đào tạo từ xa. Sau khi học xong, Sư cô về giúp Sư phụ xây dựng chùa; đến năm 2020 thì Sư phụ viên tịch.

Từ khi tiếp nhận trụ trì chùa Thiên Quang, Sư cô nỗ lực gánh vác các công việc tại chùa. Sư cô cũng có phần lo lắng vì cảm thấy trọng trách hơi nặng mà mình còn nhỏ. Tuy nhiên, đến thăm chùa, ngắm nhìn không gian, cảnh vật và cảm nhận không khí tâm linh toát ra nơi đây, có thể nói, Sư cô Nghiêm Thật đã tiếp bước tiền nhân, phát huy Chánh pháp rất tốt.

Điểm nhấn trong hoạt động của chùa Thiên Quang hiện nay, theo cảm nhận của người viết, là các khóa tu được mở hằng tháng cho sinh viên và thanh thiếu niên. Chùa ở gần trường đại học nên các em sinh viên tham dự khóa tu rất đông, mỗi khóa tầm 200 sinh viên. Ngày càng có nhiều sinh viên, thanh thiếu niên đến chùa quy y, mỗi lần quy y có khi lên tới mấy trăm em, tuổi đời từ mười mấy.

Chùa mong muốn có thể xây giảng đường để tổ chức các lớp học giáo lý cho sinh viên, thanh thiếu niên, Phật tử và chỗ nghỉ ngơi cho Phật tử. Người viết mong rằng, Nhà nước, Giáo hội và Phật tử xa gần quan tâm để Chùa sớm thực hiện được ý nguyện của mình.

Việc mở các khóa tu dành cho thanh thiếu niên, sinh viên chùa Thiên Quang có ý nghĩa to lớn trong phát huy Chánh pháp, bởi vì:

Thanh thiếu niên có vai trò quan trọng trong sự nghiệp xây dựng, đổi mới và bảo vệ đất nước. Muốn việc học tập, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức cho thanh thiếu niên được tốt thì cần phải có môi trường lành mạnh chung của toàn xã hội, trong đó các tổ chức tôn giáo cũng cần chia sẻ trách nhiệm xã hội.

Ngay sau khi thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam năm 1981, Ban Hướng dẫn Phật tử đã ra đời. Tại Đại hội lần thứ V, Ban Hướng dẫn Phật tử Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam chính thức được thành lập. Sau đó, hầu hết các tỉnh thành trên cả nước đều có Phân ban Hướng dẫn Phật tử, tạo thành một hệ thống tổ chức chặt chẽ, hoạt động thống nhất từ Trung ương đến địa phương. Hiện nay, tình trạng thanh, thiếu niên phạm tội đang có dấu hiệu gia tăng, như: thanh thiếu niên bỏ học sớm, thiếu sự quản lý của gia đình, trộm cắp, gây mất trật tự xã hội. Trong bối cảnh đó, các khóa tu tại chùa Thiên Quang hướng dẫn Phật tử thanh thiếu niên và sinh viên có ý nghĩa quan trọng trong việc bồi dưỡng thế hệ kế cận của đất nước, giúp phát huy tốt vai trò của Phật giáo trong nâng cao đời sống tinh thần của xã hội.

Kết luận

Chùa Thiên Quang - Ninh Kiều, Cần Thơ, một ngôi chùa Bắc Tông nổi tiếng đã tiếp bước tiền nhân, phát huy Chánh pháp. Hơn 90 năm hình thành và phát triển, chùa đã trải qua những thăng trầm cùng với lịch sử đất nước. Trong thời chiến tranh, chùa từng là căn cứ cách mạng, nuôi dưỡng chiến sĩ cách mạng. Các bậc Sư bà tiền bối của chùa như Ni trưởng Huệ Nghiêm, Ni trưởng Bửu Lý, Bửu Thanh cũng hoạt động, đóng góp cho sự phát triển của Ni bộ Bắc Tông. Hiện nay, dưới sự trụ trì của Sư cô Nghiêm Thật, chùa Thiên Quang đã tiếp tục mạch nguồn linh thiêng của Phật giáo nơi đây, thu hút đông đảo Phật tử Cần Thơ cũng như các nơi khác. Đặc biệt, các khóa tu được chùa tổ chức thường xuyên với sự tham gia tích cực của nhiều sinh viên, thanh thiếu niên thành phố Cần Thơ đã góp phần bồi dưỡng đạo hạnh cho thế hệ tương lai của đất nước.

Từ nghiên cứu trên, có thể khẳng định: *Thứ nhất*, chùa Thiên Quang là một ngôi chùa Bắc Tông nổi tiếng ở thành phố Cần Thơ; *thứ hai*, chùa Thiên Quang lưu giữ truyền thống tốt đẹp của Phật giáo dân tộc: hòa cùng dòng chảy cách mạng của đất nước, làm căn cứ cách mạng trong những năm kháng chiến chống pháp và chống Mỹ, đóng góp tích cực cho hoạt động của Ni bộ Bắc Tông; và *thứ ba*, chùa Thiên Quang hôm nay đã kế thừa được truyền thống tốt đẹp của những thế hệ Ni hậu bối, phát triển ngày càng khang trang và Chánh pháp được duy trì, vun bồi ngày một vững mạnh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. “Chùa Thiên Quang (Ninh Kiều - Cần Thơ)”, <https://chonthieng.com/dia-diem/chua-thien-quang-ninh-kieu-can-tho>.
2. Giấy xác nhận của bà Lâm Thị Phấn, ngụ tại phường An Cư, thành phố Cần Thơ.
3. Giấy xác nhận của ông Nguyễn Văn Khâm, ngụ tại xã Tân Quới, huyện Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long.
4. Phỏng vấn bác Nguyễn Thị Kim Thanh, Phật tử chùa Thiên Quang, ngày 2/1/2024.
5. Phỏng vấn Sư cô Nghiêm Thật, trụ trì chùa Thiên Quang, ngày 2/1/2024.

ĐẠO TRÀNG TRÚC LÂM VIÊN PHƯỚC TẠI CHÙA VI PHƯỚC: NÉT NỔI BẬT CỦA PHẬT GIÁO TỈNH CẦN THƠ

TKN. Như An, Như Tín

*Cần Thơ gạo trắng nước trong
Ai đi đến đó lòng không muốn về.*

Câu ca dao trên đã nói lên vẻ đẹp và sự lôi cuốn của Cần Thơ đối với mỗi du khách ghé thăm nơi đây. Nhưng Cần Thơ không chỉ có “gạo trắng nước trong”, Cần Thơ còn có vẻ đẹp của đời sống văn hóa tinh thần phong phú, là một trung tâm của Phật giáo ở miền Tây Nam Bộ, nơi có Thiền viện Trúc Lâm Phương Nam, nơi đăng cai Đại lễ Giỗ Tổ Kiều Đàm Di năm 2024.

Chùa Vi Phước tại quận Thốt Nốt là một trong năm ngôi chùa theo trường phái Trúc Lâm ở thành phố Cần Thơ. Ni sư trụ trì Thích nữ Chơn Như là người luôn canh cánh việc đưa Phật pháp đến với các tầng lớp nhân dân, giúp họ hiểu, ứng dụng được giáo lý vào đời sống để bớt khổ.

1. Giới thiệu về Cần Thơ và Phật giáo Cần Thơ

Nằm bên bờ sông Hậu, là một trong năm thành phố trực thuộc Trung ương của Việt Nam (cùng với Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh), Cần Thơ cũng là thành phố sầm uất và phát triển nhất ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long, là trung tâm kinh tế, văn hóa, xã hội và thương mại của cả vùng. Cần Thơ còn được biết đến với tên gọi không chính thức là Tây Đô, nghĩa là “thành phố lớn của miền Tây”. “Người đẹp Tây Đô” là một bộ phim truyền hình nổi

tiếng cũng gắn với hình ảnh một Cần Thơ anh hùng thời kháng chiến chống Pháp.

Cần Thơ được xem là trung tâm tín ngưỡng, tôn giáo của khu vực Đồng bằng sông Cửu Long. Theo số liệu thống kê năm 2022 của Ban Tôn giáo Cần Thơ, thành phố Cần Thơ có 13 tôn giáo với 27 tổ chức tôn giáo được Nhà nước công nhận và cấp đăng ký hoạt động, có 287 cơ sở thờ tự, 76 trụ sở hành chính đạo, 79 địa điểm hợp pháp của các tôn giáo, 30 cơ sở tôn giáo hợp pháp khác, 25 cơ sở thờ tự và địa điểm sinh hoạt tôn giáo chưa hợp pháp, có 526 chức sắc, 1.921 chức việc, 509.937 tín đồ các tôn giáo, chiếm tỷ lệ 40% dân số của thành phố¹.

Về Phật giáo, theo báo cáo tại Đại hội đại biểu Giáo hội Phật giáo Việt Nam thành phố Cần Thơ lần thứ X, nhiệm kỳ 2022-2027, thành phố Cần Thơ hiện có 165 cơ sở tự viện, trong đó có 02 cơ sở được xếp hạng di tích cấp quốc gia, 01 di tích cấp thành phố và 02 điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung. Về số lượng Tăng Ni Phật giáo, hiện nay Cần Thơ có 667 vị². Cần Thơ nổi tiếng với Học viện Phật giáo Nam Tông Khmer, Thiền viện Trúc Lâm Phương Nam, có các trường Sơ cấp, Trung cấp, Cao đẳng Phật học. Học viện Phật giáo Nam Tông Khmer là một trong bốn học viện Phật giáo lớn nhất của Việt Nam, được Chính phủ, Ban Tôn giáo Chính phủ cho phép thành lập năm 2006. Đây là nơi đào tạo Tăng sinh Khmer, sư sãi Phật giáo Nam Tông Khmer các tỉnh thành Nam Bộ. Từ khi thành lập đến nay, Học viện Phật giáo Nam Tông Khmer đã có nhiều đóng góp trong lĩnh vực Phật học.

Phật giáo Cần Thơ đã và đang phát huy các giá trị để góp phần vào sự phát triển thành phố ngày càng văn minh, hiện đại, xứng

¹ “Cần Thơ: Phát huy giá trị tín ngưỡng tôn giáo trong đời sống xã hội” (03/4/2023), <http://mattran.org.vn/dan-toc-ton-giao/can-tho-phat-huy-gia-tri-tin-nguong-ton-giao-trong-doi-song-xa-hoi-49857.html>

² “Ban Trị sự GHPGVN TP Cần Thơ long trọng tổ chức Đại hội Đại biểu Giáo hội Phật giáo Việt Nam TP. Cần Thơ lần thứ X, nhiệm kỳ 2022-2027”, <https://www.mattrancanθο.vn/ban-tri-su-ghpgvn-tp-can-tho-long-trong-to-chuc-dai-hoi-dai-bieu-giao-hoi-phat-giao-viet-nam-tp-can-tho-lan-thu-x-nhiem-ky-2022-2027>

đáng là trung tâm kinh tế, văn hóa - tôn giáo, chính trị - xã hội vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

2. Chùa Vi Phước

Vi Phước là ngôi chùa theo trường phái Trúc Lâm, tọa lạc tại khu vực Thạnh Phước 1, phường Thạnh Hóa, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ. Hiện nay, thành phố Cần Thơ có 5 chùa Ni tu học theo thiền phái Trúc Lâm, đó là: Vi Phước, Tân Phước, Đức Quang (quận Thốt Nốt), Liễu Thành (huyện Vĩnh Thạnh), Phước An (quận Bình Thủy).

Theo thông tin tư liệu lưu giữ tại chùa Vi Phước, chùa được khởi nguyên vào năm 1941; hai Phật tử là ông Lê Văn Vịnh (pháp danh Nguyên Tâm) và bà Vi Thị Nhứt (pháp danh Diệu Thanh) phát tâm dựng chùa bằng vật liệu cây gỗ, mái ngói và thỉnh quý Sư cô ở chùa Phước Huệ - Sa Đéc (Đồng Tháp) về trụ trì. Sau đó, do chiến tranh nên quý Sư cô phải trở lại Sa Đéc và giao lại cho Phật tử trông coi từ năm 1945 đến 1959. Năm 1960, ông Lê Văn Hiến - con của ông Lê Văn Vịnh, muốn nơi đây trở thành điểm sinh hoạt tín ngưỡng của bà con Phật tử gần xa, nên đã hiến cúng ngôi tự viện này cho Giáo hội.

Năm 1972, Thượng tọa Thích Tuệ Mật về điều hành các công tác Phật sự và chính thức làm trụ trì đến năm 1993 thì viên tịch. Năm 1995, theo yêu cầu của Phật tử địa phương, Sư cô Thích nữ Chơn Như là đệ tử của Ni sư Thích nữ Như Đức ở Thiền viện Viên Chiếu, Long Thành, Đồng Nai, được đưa về Cần Thơ và giao nhiệm vụ trụ trì chùa Vi Phước từ đó đến nay.

Từ khi nhận nhiệm vụ, Sư cô Chơn Như cùng quý Sư cô và đồng bào Phật tử địa phương tu bổ tự viện, kiến tạo lại cảnh quan chùa, đưa các hoạt động đi vào nề nếp. Nhưng thời gian biến hoại theo luật vô thường, ngôi chùa ngày càng xuống cấp.

Năm 2001, được sự phát tâm ủng hộ của Phật tử gần xa, chùa được khởi công đại trùng tu xây dựng mới ngôi Chánh điện, Nhà Tổ, Cổng Tam Quan và một số công trình phụ với lối kiến trúc kết hợp nét đẹp hài hòa chùa cổ mái cong, góc đao cao vót, nằm trên

tổng diện tích hơn 8.000m², xung quanh cây cối xanh tươi thoáng mát, trông toàn cảnh như hoa sen đang nở. Ngày 20/02/2004, lễ khánh thành ngôi tự viện mới được cử hành trọng thể với sự chứng minh của Hòa thượng Đắc Pháp, Hòa thượng Đào Như, Hòa thượng Huệ Tài.

Điểm nhấn trong hoạt động ở chùa Vi Phước là các đạo tràng hướng dẫn Phật tử tu học, thực hành lời dạy của Đức Phật. Ngoài ra, chùa còn làm những công tác lợi đời ích đạo, như giúp đỡ, tặng quà bà con nghèo, cất nhà tình thương, xây cầu giao thông nông thôn, cấp học bổng cho sinh viên, học sinh nghèo hiếu học (quỹ khuyến học),... Chùa Vi Phước đã vận động các nhà hảo tâm thành lập Chi hội Quỹ Khuyến học chùa Vi Phước năm 2004, mỗi năm cấp hơn 200 suất học bổng cho các em từ tiểu học, trung học, phổ thông cho đến bậc đại học. Chính những suất học bổng này đã nuôi lớn và cổ vũ tinh thần, ý chí cho biết bao thế hệ học sinh, sinh viên ăn học nên người, trở thành những công dân có ích cho xã hội, rồi lại quay về cùng Ni sư trụ trì tiếp tục tạo cơ hội cho các thế hệ kế cận có hoàn cảnh khó khăn được tiếp tục con đường tìm kiếm tri thức.

3. Đạo tràng Trúc Lâm Viên Phước

Để đáp ứng nhu cầu tu học, cũng như góp phần vào sự phát triển ngôi nhà Chánh pháp của Đức Thế Tôn, tháng 3/2004, Sư cô Chơn Như mở đạo tràng Bát Quan Trai cho Phật tử gần xa về tu học, trưởng dưỡng đạo tâm, sinh hoạt mỗi tháng hai kỳ, mang tên là Đạo tràng Trúc Lâm Viên Phước. Đạo tràng được duy trì, hoạt động từ đó đến nay, chính là nét nổi bật của chùa Vi Phước nói riêng, Phật giáo Cần Thơ nói chung. Ni sư Chơn Như là người khơi mạch nguồn, cũng là người lưu giữ và phát triển mạch nguồn Đạo tràng ngày càng lớn mạnh, đóng góp nhiều cho Phật giáo Cần Thơ.

Năm 2010, chùa Vi Phước được Ban Trị sự Thành hội Phật giáo Cần Thơ chọn làm trường hạ cho 60 vị Ni về tu học. Năm 2015, chùa tổ chức khóa tu mùa hè cho thanh thiếu niên, có hơn 300 em tham dự.

Hiện nay, ở Đạo tràng Trúc Lâm Viên Phước, mỗi tuần đều có khóa tu “Tịnh niệm” vào ngày Chủ nhật, thu hút hơn 200 tín đồ thuộc mọi lứa tuổi về tu học thường xuyên. Thời khóa bắt đầu lúc 7 giờ 30 phút sáng, bằng thời tụng sám hối sáu căn, tọa thiền, nghe pháp thoại và thọ trai.

Chùa Vi Phước quan tâm mở các khóa tu cho từng lứa tuổi khác nhau nhằm gia tăng niềm kính tín đối với Phật pháp ở tất cả các thế hệ. Cứ ba tháng, chùa lại có khóa tu “Sống tỉnh thức” dành cho Phật tử trung niên và lão niên chuyên tu thiền. Bên cạnh đó, nhận thấy tầm quan trọng của hoạt động hướng dẫn Phật tử đối với giới trẻ, thế hệ thanh thiếu niên - những mầm non của đất nước và của Phật pháp, chùa Vi Phước còn thường xuyên tổ chức khóa tu mùa hè “Ươm mầm giác ngộ” cho các em ở độ tuổi từ 10 đến 25; mỗi lần tổ chức đều thu hút khoảng hơn 600 em tham gia. Vào dịp Trung thu, Thiền viện Vi Phước đã tổ chức đêm Trung thu nhằm tạo một sân chơi lành mạnh và bổ ích để các em. Tiêu biểu như đêm Trung thu với chủ đề “Trăng vàng tuổi thơ” diễn ra vào chiều tối ngày 29/9/2023 (ngày 15 tháng 8 năm Quý Mão) với sự tham gia của hơn 300 em học sinh, sinh viên, thanh thiếu niên Phật tử. Vào dịp này, các em nhỏ có thể đến chùa vui chơi, sinh hoạt, tham gia các trò chơi dân gian, qua đó góp phần vẽ vào ký ức các em những kỷ niệm đẹp, khó quên khi được tham dự, sinh hoạt trung thu ở chùa. Việc chú ý tu dưỡng vun bồi cho thế hệ trẻ có nghĩa là chùa đang tiếp bước tiền nhân duy trì và phát huy Chánh pháp trong tương lai.

Kết luận

Có thể nói, Cần Thơ là trung tâm kinh tế, văn hóa - xã hội và thương mại, cũng là trung tâm Phật giáo ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Chùa Vi Phước là một trong những chùa Ni thuộc thiền phái Trúc Lâm có nhiều đóng góp nổi bật cho Phật giáo tỉnh nhà, thể hiện ở các hoạt động từ thiện, khuyến học, đặc biệt là ở các khóa tu của Đạo tràng Trúc Lâm Viên Phước. Ni sư Chơn Như, trụ trì chùa Vi

Phước chính là người lưu giữ ngọn lửa ấm áp, dòng nước mát lành của Phật pháp tại chùa.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. “Ban Trị sự GHPGVN TP Cần Thơ long trọng tổ chức Đại hội Đại biểu Giáo hội Phật giáo Việt Nam TP. Cần Thơ lần thứ X, nhiệm kỳ 2022-2027”,
<https://www.mattrancantho.vn/ban-tri-su-ghpgvn-tp-can-tho-long-trong-to-chuc-dai-hoi-dai-bieu-giao-hoi-phat-giao-viet-nam-tp-can-tho-lan-thu-x-nhiem-ky-2022-2027>.
2. “Cần Thơ: Phát huy giá trị tín ngưỡng tôn giáo trong đời sống xã hội” (03/04/2023), <http://mattran.org.vn/dan-toc-ton-giao/can-tho-phat-huy-gia-tri-tin-nguong-ton-giao-trong-doi-song-xa-hoi-49857.html>.
3. Phòng vấn Ni sư Chơn Như, trụ trì chùa Vi Phước ngày 02/01/2024.

NI GIỚI GIỮA ĐỜI THƯỜNG

TS. Lê Thị Hằng Nga

Có lẽ trong chúng ta, không có ai chưa từng mắc bệnh bao giờ, dù là nam giới hay nữ giới, dù là người tu hay người đời, dù là người lớn tuổi hay trẻ tuổi. Đức Phật đã từng nói, bệnh là một trong tám nỗi khổ triền miên của con người. Bệnh khổ là một thực tế ở đời và Tăng đoàn cũng cần có y sĩ bên cạnh để trị bệnh. Ngay từ thời Đức Phật đã luôn có một vị y sĩ nổi tiếng lo việc chữa trị cho Tăng đoàn, dù đời sống của họ rất lành mạnh. Điều đó cho thấy, mặc dù luôn chú trọng chữa trị “tâm bệnh” nhưng không vì thế mà Đức Phật bỏ qua “thân bệnh”¹.

Vì vậy, những đóng góp thầm lặng của Ni sư Từ Tâm - trụ trì chùa Phước An, thành phố Cần Thơ trong gần 25 năm qua với công tác chữa trị “thân bệnh” miễn phí cho người nghèo là việc làm có ý nghĩa cao đẹp, góp phần xây dựng cộng đồng, xã hội khỏe mạnh, nhân ái, văn minh. Có thể nói, Phòng Chẩn trị Y học cổ truyền do Ni sư Từ Tâm (Lương y Đặng Thị Kim Hải) - trụ trì chùa Phước An làm chủ nhiệm, là mô hình mẫu của một cơ sở khám bệnh theo đúng tinh thần “Lương y như từ mẫu”. Bài viết này góp phần làm tỏa sáng những đóng góp thầm lặng mà cao quý đó. Thông qua công tác khám chữa bệnh hoàn toàn miễn phí của mình, Ni sư Từ Tâm đã chứng minh “Phật Pháp bất ly thế gian tác”, qua đó cho thấy rõ hơn xu hướng

¹ Lê Thị Hằng Nga (2020), “Ni giới Thành phố Hồ Chí Minh trong công tác khám chữa bệnh”, trong sách *Ni giới Thành phố Hồ Chí Minh: Tiềm năng - Hội nhập phát triển*, Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh, tr.202.

nhập thể¹ của Ni giới tinh Cần Thơ nói riêng, Ni giới Phật giáo Việt Nam nói chung hiện nay.

1. Phòng Chẩn trị Y học cổ truyền chùa Phước An

Hiện nay, chùa Phước An được coi là một trong những nơi gìn giữ giá trị văn hóa tâm linh của tỉnh Cần Thơ², một trung tâm văn hóa - kinh tế của Đồng bằng sông Cửu Long, nổi tiếng với miệt vườn xanh tươi, văn hóa chợ nổi đặc sắc, cuộc sống bình dị, chân chất của người Nam Bộ. Cần Thơ cũng là nơi đăng cai tổ chức Đại lễ giỗ Thánh Tổ Kiều Đàm Di năm 2024. Ni sư Từ Tâm - trụ trì chùa Phước An, được coi là người lưu giữ những giá trị văn hóa tâm linh ấy. Tại Cần Thơ, quốc lộ 91B là tuyến đường còn khá thưa thớt nhà cửa nhưng ngôi chùa Phước An tọa lạc ở vị trí này thì luôn nhộn nhịp, đông đúc, bởi nơi đây không những là điểm đến tâm linh mà còn là nơi khám chữa bệnh cho người nghèo. Bệnh nhân đến Phòng Chẩn trị Y học cổ truyền (từ đây xin được gọi là Phòng khám) chủ yếu là người Cần Thơ nhưng bên cạnh đó còn có người dân từ khắp nơi như: Thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương, Mỹ Tho, Cà Mau, Châu Đốc, Nha Trang, Huế... Họ tìm đến Ni sư Từ Tâm với mong ước được chữa lành bệnh tật.

Trên cả nước đã có nhiều mô hình khám chữa bệnh từ thiện cấp thuốc miễn phí tại các cơ sở y tế công lập, hội Chữ thập đỏ, các Tuệ Tĩnh đường... nhưng khi đến thăm Phòng khám do chính Ni sư Từ Tâm đảm nhận, tận mắt chứng kiến, chúng ta mới thấy nhiều việc làm thật sự mới lạ và kỳ diệu.

¹ Khái niệm “nhập thể” trong Phật giáo được hiểu là Phật giáo đi vào cuộc đời, là nhân gian Phật giáo, Phật giáo hiện hữu trong cuộc sống thường nhật của con người, giúp đỡ, hỗ trợ giải quyết những vấn đề khó khăn mà con người gặp phải trong thực tế cuộc sống, trên tinh thần tốt đời đẹp đạo. Tinh thần nhập thể của Ni giới Phật giáo Việt hiện nay được tiếp nối và phát triển từ truyền thống nhập thể của Phật giáo trong lịch sử.

² “Chùa Phước An Cần Thơ - nơi khám bệnh đông y miễn phí cho người nghèo”, <https://thamhiemmekong.com/thong-tin-du-lich-mien-tay/chua-phuoc-can-tho-noi-kham-benh-dong-y-mien-phi-cho-nguoi-ngheo.html>.

Bắt đầu hoạt động từ năm 1995, được Sở Y tế thành phố Cần Thơ cấp Giấy phép hành nghề từ tháng 11 năm 2014 khám chữa bệnh đa khoa về y học cổ truyền, tổ chức khám bệnh từ thiện cấp thuốc miễn phí, đến nay, cơ sở vật chất của Phòng khám ngày càng khang trang, hoàn thiện. Phòng khám có đầy đủ cơ sở vật chất và các thiết bị kỹ thuật cơ bản để phục vụ cho việc khám, điều trị bệnh như: phòng chờ thoáng mát, rộng rãi, có chỗ cho bà con nghỉ ngơi, có bàn khám bệnh tổng quát, bàn khám chuyên khoa xương khớp, gan, có máy đo huyết áp, máy test đường huyết cho bệnh nhân khi cần... Tại Phòng khám có khán thờ Hải Thượng Lãn Ông¹. Ni sư cho biết mình đọc nhiều sách của Hải Thượng Lãn Ông, thường dùng phương thang của Ngài và chỉ gia giảm cho phù hợp với từng trường hợp. Các bệnh đặc trị cũng sử dụng bài thuốc của Hải Thượng Lãn Ông.

Phòng khám có 162 nhân lực, do Lương y - Ni sư Từ Tâm làm Chủ nhiệm, y sĩ y học cổ truyền Trần Thị Hiền làm Phó Chủ nhiệm và 42 nhân viên phục vụ. Các nhân viên đều được học tập chuyên môn theo đúng vị trí nhiệm vụ được phân công, có bốn đội thiện nguyện phụ trách việc trồng vài mẫu dược liệu cũng như sưu tầm, thu mua dược liệu². Phòng khám sử dụng 100% thuốc nam; nguồn dược liệu được khai thác tại địa phương và thu mua từ các tỉnh lân cận. Ni sư Từ Tâm chia sẻ: “Người Việt chúng ta chết trên đồng thuốc mà không biết. Có rất nhiều cây thuốc quý xung quanh ta mà ta không biết, rất đáng tiếc”³. “Chữa bệnh bằng Đông y đã được ông cha ta sử dụng từ hàng mấy ngàn năm nay. Nhưng không phải ai muốn cũng làm được”⁴.

¹ Hải Thượng Lãn Ông - tên thật Lê Hữu Trác, là danh y có cống hiến to lớn cho nền y học dân tộc, được coi là ông tổ của ngành y học cổ truyền Việt Nam. Ông còn là một nhà văn, nhà thơ, nhà tư tưởng lớn của thời đại. Ông sinh ngày 10/11/1724 tại trấn Hải Dương, mất ngày 18/3/1791 tại huyện Hương Sơn, trấn Nghệ An (nay thuộc Hà Tĩnh).

² “Tám gương sáng từ chùa Phước An” (28/08/2021), https://moh.gov.vn/hoat-dong-cua-dia-phuong/-/asset_publisher/gHbla8vOQDuS/content/tam-guong-sang-tu-chua-phuoc-an.

³ Tác giả phỏng vấn Ni sư Từ Tâm tại chùa Phước An, ngày 2/1/2024.

⁴ “Tám gương sáng từ chùa Phước An” (28/08/2021), Tlđđ.

Với tinh thần tận tâm chăm sóc người bệnh, với kiến thức chuyên môn và kinh nghiệm của Ni sư Từ Tâm và các thầy thuốc ở đây, chùa Phước An đã trở thành nơi đặt niềm tin của rất nhiều người bệnh. Hằng năm, chùa cử các thầy thuốc đi học tập, tập huấn bổ sung kiến thức do Hội Đông y Cần Thơ và Sở Y tế Cần Thơ tổ chức. Mỗi ngày có khoảng 300-350 bệnh nhân đến lấy thuốc và điều trị. Trước đây, mỗi ngày có 400-500 người đến khám nhưng lượng thuốc không đủ phân phối nên Phòng khám phải giới hạn số lượng, mỗi ngày chỉ nhận tối đa 350 bệnh nhân. Qua thống kê kết quả điều trị các loại bệnh hằng năm, tỷ lệ khỏi và ổn định chiếm 70%; tỷ lệ đỡ khoảng 20%; tỷ lệ không đỡ khoảng 8%; tỷ lệ không theo dõi được khoảng 2%. Riêng các chứng bệnh về gan, mật (viêm gan A, B, C; gan nhiễm mỡ, men gan cao; xơ gan; xơ gan cổ chướng...), tỷ lệ chiếm khoảng 25-30% tổng số bệnh nhân, kết quả điều trị rất khả quan¹. Thống kê trong năm 2017 cho biết, Phòng khám đã khám cho hơn 70.000 lượt bệnh nhân, cấp miễn phí hơn 800.000 thang thuốc, trị giá gần 4 tỷ đồng. Điều đáng nói, đây là mô hình khám chữa bệnh miễn phí 100% trong suốt quá trình điều trị, với tất cả các loại bệnh. Ni sư Từ Tâm cho biết, nếu tính từ lúc làm Phòng khám cho đến nay thì đã có hàng trăm ngàn bệnh nhân hết bệnh. Có những bệnh hiểm nghèo như ung thư vòm hầu, bệnh nhân đến đây chữa trị và đã bình phục, đi xét nghiệm kết quả không còn tế bào ung thư nữa. Thời gian điều trị khoảng 6 tháng.

Để đảm bảo nguồn thuốc phân phát cho một lượng bệnh nhân lớn mỗi ngày, Phòng khám phải nhờ đến bốn đội tình nguyện viên, khoảng 120 anh em chuyên sưu tầm thuốc từ các nơi, có khi đi tận Phú Quốc để lấy cây cao đẳng, cây chân chim... Chùa có hai xe tải chở thuốc đường bộ và một ghe 25 tấn chở thuốc bằng đường sông. Chi phí để duy trì Phòng khám rất lớn nhưng “nhờ có tấm lòng mà duy trì được”². Đó là tấm lòng của những Phật tử, mạnh thường quân, bà con khắp nơi hỗ trợ, cơ quan chính quyền các cấp ủng hộ, và nhất là tấm lòng Bồ-tát của Ni sư trụ trì - Ni sư Từ Tâm.

¹ “Tấm gương sáng từ chùa Phước An” (28/08/2021), Tlđđ.

² Chia sẻ của Ni sư Từ Tâm với tác giả tại chùa Phước An ngày 2/1/2024.

2. Ni sư Từ Tâm: Người giữ lửa cho Phòng Chẩn trị Y học cổ truyền chùa Phước An

Để duy trì Phòng khám ở chùa Phước An suốt gần 25 năm qua, bên cạnh đóng góp của các mạnh thường quân và Phật tử, thì Ni sư Thích nữ Từ Tâm - trụ trì chùa Phước An, chính là người “giữ lửa” cho hoạt động nơi đây.

Ni sư Từ Tâm, thế danh Đặng Thị Kim Hải, sinh năm 1957, là người con thứ tư trong một gia đình 10 anh chị em tại tỉnh Cần Thơ. Từ nhỏ, Ni sư đã thích cùng chúng bạn đi chùa, nghe pháp. Khoảng năm 30 tuổi, sau lần nghe Hòa thượng Thanh Từ giảng pháp, Ni sư phát nguyện đi tu để chuyển nghiệp. Câu nói của Hòa thượng được Ni sư coi là kim chỉ nam cho con đường tu tập, đó là: “Con ở ngoài đời lao đao như vậy, đến lúc bị bệnh có nắm cục vàng to bằng người con cũng không đổi được bệnh của con.” Ni sư nghĩ, làm thầy thuốc có thể chuyển nghiệp, nên Ni sư phát nguyện đi học Đại học Y Dược để về làm thầy thuốc. Mặc dù gia đình phản đối gay gắt nhưng Ni sư vẫn quyết chí đi tu. Ni sư cho rằng: “Nếu mình ở nhà thì cả đời chỉ phục vụ gia đình thôi, có hiếu lắm là lo được cho cha mẹ đến trăm tuổi. Nhưng đi tu mình mới có thể lo cho khắp chúng sanh được. Mình không dám phát nguyện lớn như những vị Bồ-tát đâu, nhưng “ai trong tầm mắt mình thấy, ai trong tầm tai mình nghe”, mình có thể giúp được cái gì thì mình giúp cái đấy”¹.

Quả thực, công đức tu hành đã giúp Ni sư chuyển nghiệp của bản thân trong đời này, từ một người ốm yếu, từng phải mổ xẻ 10 lần đến một người có sức khỏe tốt và có thể chăm sóc, chữa bệnh cho hàng trăm nghìn người. Hơn nữa, còn giúp chuyển hóa tư tưởng của người cha vốn khó tính và nghiêm khắc, từ một người phản đối gay gắt việc Ni sư đi tu và nói rằng “con hãy bước qua xác ba rồi hãy đi tu” đến một người ủng hộ việc Ni sư xuất gia với câu nói “con chọn đi tu là đúng”.

¹ Phỏng vấn Ni sư Từ Tâm tại chùa Phước An ngày 2/1/2024.

Bằng giọng nói hiền từ, ấm áp, Ni sư chia sẻ: “Bắt đầu năm 1995 tới giờ, hơn 20 năm rồi, lúc ấy còn trẻ, chùa nằm ở Trà Nóc, ước nguyện của Ni sư đi tu là làm sao để mình có thể độ khắp chúng sanh, mình biết mình đi tu thì không thể thành Phật liền, mình còn nghiệp nhiều, làm sao để chuyển nghiệp trong đời này, không đợi khi thành Phật mới chuyển nghiệp. Ni sư đã phát nguyện dành 6 năm đi học ở Khoa Đông y của Đại học Y Dược Cần Thơ. Ngay sau khi ra trường, Ni sư đã mở phòng thuốc khám bệnh cứu người cho đến bây giờ”¹.

Ni sư chia sẻ: “Thấy bà con đi khám và điều trị ở bệnh viện tốn nhiều chi phí, đặc biệt có một số bệnh mãn tính cần kết hợp Đông - Tây y mới hiệu quả, cùng với nhận thức rằng việc từ thiện hốt thuốc cho bà con có ý nghĩa, giúp đỡ được nhiều người nên tôi đã quyết định đi học Đông y ở Đại học Y Dược 6 năm để lấy thêm kiến thức và hoàn thiện các thủ tục để mở phòng thuốc và gắn bó đến nay”².

Điều đặc biệt là Ni sư khám bệnh cho tất cả mọi người bằng tâm Phật, đúng như cái tên (pháp danh) của Ni sư - Từ Tâm và hoàn toàn miễn phí. Ni sư chia sẻ: “Mình làm từ thiện hoàn toàn, không để cái thùng cúng dường (hòm công đức), bởi để cái thùng (hòm công đức) đó bệnh nhân sẽ ngại, nhờ hòm đó có bệnh nhân không có tiền rồi không dám khám thì tội nghiệp cho người ta. Mà đa số ở nông thôn, Ni sư thấy người ta nghèo khổ lắm, trị bệnh bên Đông y là bệnh mãn tính rồi, người ta trị bên Tây y hết tiền, hết bạc không khỏi rồi, qua bên Đông y mình lại lấy tiền nữa, họ chịu sao nổi”³.

Ngoài khám chữa bệnh miễn phí cho người dân, Ni sư còn rất tích cực trong công tác từ thiện: vận động xây dựng nhà ở cho hộ nghèo trên địa bàn quận Bình Thủy. Mỗi năm, Ni sư vận động xây dựng 3-4 căn nhà Đại đoàn kết; tặng hàng chục suất học bổng, xe đạp cho học sinh. Từ năm 2019 đến nay, Ni sư nhận nuôi dưỡng suốt đời 6 cụ già

¹ Phỏng vấn Ni sư Từ Tâm tại chùa Phước An ngày 2/1/2024.

² “Ni sư trụ trì chùa Phước An 23 năm khám bệnh miễn phí”, <https://hoadatviet.phunuvietnam.vn/ni-su-tru-tri-chua-phuoc-an-23-nam-kham-chua-benh-mien-phi-20230521223303856.htm>.

³ Chia sẻ của Ni sư với tác giả tại chùa Phước An ngày 2/1/2024.

neo đơn trên địa bàn quận. Hằng tháng, Ni sư trao cho mỗi cụ 500.000 đồng tiền mặt; vào các dịp lễ, Tết, Ngày Quốc tế Người cao tuổi thì tặng thêm mền, quần áo, sữa. Ni sư còn tham gia tốt mô hình 1+1 của ngành giáo dục quận, nhận đỡ đầu 3 học sinh có hoàn cảnh khó khăn. Hằng tháng, Ni sư tặng mỗi em 1 triệu đồng, 10 kg gạo. Ngoài ra, Ni sư còn tặng xe đạp, hỗ trợ các em có điều kiện đến trường, tiếp tục phấn đấu học tập tốt; tặng quà cho người dân bị bão lũ ở miền Trung; tặng quà cho những người bị bệnh phong...¹.

Tuy nhiên, là một lương y tâm huyết, trách nhiệm, lo nỗi lo của người bệnh, đau nỗi đau của người bệnh, Ni sư cố gắng thu xếp để đi từ thiện vào các ngày thứ Sáu, thứ Bảy và Chủ nhật, để không phải đóng cửa Phòng khám ngày nào. Ni sư chia sẻ, “Công việc bận lắm, Phật tử ở Mỹ về mời đi chơi còn không dám đi. Mùa tết này bệnh dữ lắm luôn, bỏ người ta một cái rồi thuốc đâu người ta uống”². Ni sư chỉ có một mong muốn, đó là “làm sao cho có sức khỏe để làm được giúp cho dân nhiều hơn. Giờ lớn tuổi rồi, thứ nhất mong làm sao cho có sức khỏe, cho đầu óc mình minh mẫn để khám chữa được tốt, được chính xác, để phục vụ chúng sanh, để đền ơn chư Phật.” Thật cảm động và trân quý trước tấm lòng của một bậc Ni sư “lương y như từ mẫu”.

3. Một vài suy nghĩ thay lời kết

Nhiều người nói rằng, Phòng khám của Ni sư Từ Tâm đặc biệt hơn những phòng khám khác vì nơi đây chứa chan tình người³. Ni sư là bậc tu trì có gương mặt hiền từ, giọng nói ấm áp và ánh mắt lấp lánh yêu thương, luôn hỏi han bệnh tình và gia cảnh của từng bệnh nhân. Ai khó khăn, Ni sư lại gom góp quà, gạo gửi tặng và động viên sống nghị lực hơn. Ni sư bộc bạch, “Có nào khổ hơn bằng bệnh, bệnh mà nghèo nữa lại càng khổ”⁴. “Giúp đỡ, trị bệnh cho bà con dứt bệnh

¹ “Tấm lòng của Sư cô Thích nữ Từ Tâm”, <https://baocantho.com.vn/tam-long-cua-su-co-thich-nu-tu-tam-a136659.html>.

² Chia sẻ của Ni sư với tác giả tại chùa Phước An ngày 2/1/2024.

³ “Phòng Khám bệnh từ thiện chùa Phước An” (2017), <https://binhthuy.cantho.gov.vn>.

⁴ “Phòng Khám bệnh từ thiện chùa Phước An” (2017), Tlđđ.

để hết cái khổ ở thân. Bà con đã hết bệnh thì gia đình mới yên ấm được. Một gia đình mà có một người bệnh thì gia đình đó như có thêm gánh nặng, cuộc sống trở nên khó khăn hơn”¹. Đúng là Thầy thuốc Từ Tâm, người chẳng những lo lắng chữa trị “thân bệnh” mà còn nâng đỡ tinh thần của những người ốm yếu.

Mỗi bệnh nhân là một hoàn cảnh nhưng ai đến Phòng khám của Ni sư Từ Tâm cũng cảm thấy an tâm, được chia sẻ bởi sự ấm áp, từ bi của Phật pháp, sự ân cần, trách nhiệm của người thầy thuốc. Có nhiều bệnh nhân đã đi nhiều cơ sở y tế, uống nhiều thuốc tưởng chừng không thể khỏi nhưng khi được điều trị bằng thuốc nam, bệnh tình đã thuyên giảm. Anh Thái Nhất, quê ở huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau, bị viêm khớp nhiều năm, chữa trị khắp nơi nhưng không khỏi, khi tìm đến Phòng khám chùa Phước An chữa trị, đã chia sẻ: “Đến Phòng khám, được Ni sư bắt mạch, bốc thuốc nam cho uống khoảng 1 tháng, thấy bệnh viêm khớp của bản thân thuyên giảm thấy rõ, khoảng 90%”².

Những việc làm của Ni sư Từ Tâm và Phòng khám chùa Phước An suốt gần 25 năm qua thấm đẫm lòng nhân ái cao cả, “chữa bệnh cứu người” theo đúng tinh thần “lương y như từ mẫu” (lương y kiêm từ mẫu), là tấm gương sáng trong Hội Đông y Việt Nam.

Bệnh tật là điều mà hầu như không ai tránh khỏi. Với người nghèo khó thì mắc bệnh lại càng là gánh nặng lớn hơn khi không có tiền điều trị. Việc làm từ thiện của Phòng khám chùa Phước An đã đem lại bao hy vọng cho bệnh nhân, gia đình, xã hội và cộng đồng. Những việc làm của Ni sư Từ Tâm tuy không thể giải quyết tất cả mọi khó khăn của xã hội, không thể chữa tất cả bệnh tật cho mọi người, nhưng ở một chừng mực nhất định, đã góp phần đáng kể vào việc chia sẻ với nhóm yếu thế để họ có thể vượt qua thời khắc khó khăn, có cuộc sống khỏe mạnh, an lành, qua đó góp phần tích cực thực hiện công tác an sinh xã hội của thành phố.

¹ “Phòng Khám bệnh từ thiện chùa Phước An” (2017), Tlđđ.

² “Phòng Khám bệnh từ thiện chùa Phước An” (2017), Tlđđ.

Câu chuyện về Phòng khám của Ni sư Từ Tâm chùa Phước An cho thấy hình ảnh Ni giới Cần Thơ nhập thế, dẫn thân, sẵn sàng làm những việc khó với tinh thần “kia trọng phu ta đây cũng thế”, bằng một tấm lòng từ bi, nhân ái bao la, giúp làm lan tỏa tinh thần và giáo lý Phật giáo ở địa phương, một điều mà ngay cả chư Tăng không phải ai cũng làm được.

Hiện nay, trong thế giới hiện đại, xuất hiện nhiều căn bệnh mới, lạ mà y học chưa có phương pháp chữa trị. Ở Việt Nam, chăm sóc sức khỏe người dân là một trong những vấn đề nóng được nhiều người quan tâm. Tình trạng quá tải, dịch vụ chăm sóc không đạt yêu cầu diễn ra khắp nơi. Bên cạnh đó, y đức của người thầy thuốc cũng là những vấn đề lớn mà ngành y tế đang phải đối mặt. Trong bối cảnh đó, những đóng góp của Ni sư Từ Tâm - chùa Phước An, thành phố Cần Thơ như một viên ngọc chiếu sáng bầu trời còn u ám.

Câu chuyện khám chữa bệnh miễn phí của Phòng khám Đông y chùa Phước An đã chứng minh tính nhập thế, dẫn thân phụng sự của Ni giới Cần Thơ, đồng thời khẳng định những giá trị bất biến của Phật giáo như từ bi, trí tuệ, lòng nhân ái, sự trầm ẩn... giúp những người con gái của Đức Phật vượt qua mọi khó khăn, thử thách để chữa lành bệnh cho những con người khốn khó. Tôi nghĩ thông qua những bậc Ni như Ni sư Từ Tâm, Phật giáo đã đi vào cuộc đời. Câu chuyện chính là một bài thuyết pháp sống động truyền cảm hứng cho các thế hệ chư Ni và Phật tử hiện tại và tương lai.

Xin cầu nguyện Ni sư Từ Tâm được dồi dào sức khỏe, tiếp tục viết thêm câu chuyện đẹp và ấm áp tình người trong hành trình dẫn thân phụng sự nhân sinh. Cầu nguyện ngôi chùa Phước An luôn nhận được đầy đủ sự hỗ trợ cúng dường để việc xây dựng ngôi chùa nhanh hoàn tất¹, công tác khám chữa bệnh cho người

¹ Khi đến thăm chùa Phước An, tác giả được biết chùa hiện nay vẫn chưa có phòng khách. Ni sư chia sẻ: “Khi về đây chỉ nghĩ đến việc phải làm phòng thuốc, phải có chỗ khám bệnh ngay, không người ta tới thì làm sao”. Vì vậy mà Ni sư không nghĩ đến việc làm phòng khách. Khi có nhiều khách ghé thăm, trong đó, nhiều lãnh đạo Trung ương đến Cần Thơ cũng muốn thăm chùa, như ông Trần Thanh Mẫn - Chủ

nghèo của Phòng khám ngày càng phát triển, đem lại lợi lạc cho khắp nhân gian.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. “Chùa Phước An Cần Thơ - nơi khám bệnh đông y miễn phí cho người nghèo”, <https://thamhiemmekong.com/thong-tin-du-lich-mien-tay/chua-phuoc-can-tho-noi-kham-benh-dong-y-mien-phi-cho-nguoi-ngheo.html>
2. Lê Thị Hằng Nga (2020), “Ni giới Thành phố Hồ Chí Minh trong công tác khám chữa bệnh”, trong sách *Ni giới Thành phố Hồ Chí Minh: Tiềm năng - Hội nhập phát triển*, Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.
3. “Ni sư trụ trì chùa Phước An 23 năm khám chữa bệnh miễn phí”, <https://hoadatviet.phunuvietnam.vn/ni-su-tru-tri-chua-phuoc-an-23-nam-kham-chua-benh-mien-phi-20230521223303856.htm>
4. “Phòng Khám bệnh từ thiện chùa Phước An” (2017), <https://binhthuy.cantho.gov.vn>
5. Phòng văn Ni sư Từ Tâm - trụ trì chùa Phước An, thành phố Cần Thơ, ngày 2/1/2024.
6. “Tấm gương sáng từ chùa Phước An” (28/08/2021), https://moh.gov.vn/hoat-dong-cua-dia-phuong/-/asset_publisher/gHbla8vOQDuS/content/tam-guong-sang-tu-chua-phuoc-an.
7. “Tấm lòng của Sư cô Thích nữ Từ Tâm”, <https://baocantho.com.vn/tam-long-cua-su-co-thich-nu-tu-tam-a136659.html>.

tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, bà Đặng Thị Ngọc Thịnh - Phó Chủ tịch nước, nhận thấy sự bất cập của việc không có nơi tiếp khách, Ni sư mới tính đến kế hoạch xây dựng phòng khách.

MỘT SỐ THÀNH TỰU CỦA NI GIỚI THIỀN PHÁI TRÚC LÂM TẠI THÀNH PHỐ CẦN THƠ

NS. Thích nữ Chơn Như

Năm Kỷ Hợi (1289), Vua Trần Nhân Tông từ phủ Thiên Trường lên núi Yên Tử xuất gia tu hành, lấy đạo hiệu Hương Vân Đại Đầu Đà, đánh dấu sự ra đời của Thiền phái Trúc Lâm. Hơn 700 năm qua, với bao biến cố thăng trầm của thời cuộc, Thiền phái Trúc Lâm đã tự khẳng định mình là dòng thiền mang đậm dấu ấn văn hóa Đại Việt, tiêu biểu là tư tưởng nhập thế “hòa quang đồng trần”. Bài viết thuật lại một số thành tựu của Ni giới Thiền phái Trúc Lâm tại thành phố Cần Thơ trong các lĩnh vực như tu tập, hoằng pháp, từ thiện - xã hội,... Với tấm lòng tôn kính vô biên, bài viết như nén trầm thom nơi miền đất Tây Đô thân thương, nghĩa tình, thành kính dâng lên cúng dường ngày húy nhật Đức Thánh Tổ Đại Ái Đạo Kiều Đàm Di Mẫu.

1. Tổng quan về tinh thần của Thiền phái Trúc Lâm Việt Nam và Ni giới Thiền phái Trúc Lâm tại thành phố Cần Thơ

Đạo Thiền tông đuốc tuệ mấy ngàn năm

Ân sư truyền pháp biết chơn tâm

Chỉ thẳng Như Lai luôn sẵn có

Rõ ràng thường biết thật diệu thâm

Thiền phái Trúc Lâm mang đậm tinh thần nhập thế, đạo không tách khỏi đời. Điều đó cho thấy đạo Phật không phải là đạo yếm thế, mà muốn tìm con đường giác ngộ ở ngay trong chính thế gian này. Với tinh thần Bồ-tát đạo, người con Phật phải dẫn thân vào cuộc

sống, đồng hành với chúng sanh, vui với niềm vui của đất nước, đau với nỗi đau của dân tộc, nhưng khi thanh bình thì vẫn trở về với cuộc sống tu hành thoát tục.

Từ ngày Ban Trị sự Phật giáo thành phố Cần Thơ thành lập đến nay, với phương châm hành đạo “Tốt đời, đẹp đạo”, Ni giới thành phố Cần Thơ nói chung và Ni giới Thiền phái Trúc Lâm nói riêng luôn phát huy tinh thần “yêu nước, phụng đạo, giúp đời, hộ quốc, an dân”, không ngừng nỗ lực tu dưỡng trí tuệ, đạo đức, thực hiện nghĩa vụ công dân, khắc phục những hạn chế trong việc đạo, việc đời để nâng cao tinh thần “lục hòa” trong Phật giáo.

Hiện thành phố Cần Thơ có 5 chùa Ni tu học theo Thiền phái Trúc Lâm, đó là: chùa Vi Phước (quận Thốt Nốt), Tân Phước (quận Thốt Nốt), Đức Quang (quận Thốt Nốt), Liễu Thành (huyện Vĩnh Thạnh), Phước An (quận Bình Thủy). Ni chúng tu tập đa số là những vị trẻ, năng lượng tích cực dồi dào, tinh thần dấn thân phụng sự đạo pháp và dân tộc rất cao. Ở mỗi tự viện đều có khoảng không gian cây xanh thoáng mát, sạch đẹp và trang nghiêm, là địa điểm tâm linh lý tưởng cho Phật tử, tín đồ khắp nơi trở về quy ngưỡng và chiêm bái mỗi dịp rằm vía.

2. Ni giới Thiền phái Trúc Lâm tại thành phố Cần Thơ: Những đóng góp tích cực cho Phật giáo cả nước

2.1. Tổ chức khóa tu, đáp ứng như cầu tu học cho mọi giới

Nhận thấy tầm quan trọng của việc hoằng pháp đối với người đệ tử xuất gia, các tự viện luôn tích cực tổ chức các khóa tu cho Phật tử. Ở Đạo tràng Trúc Lâm Viên Phước và Trúc Lâm Bảo An, mỗi tuần đều có khóa tu “Tịnh niệm” vào ngày Chủ nhật, thu hút hơn 200 lượt tín đồ thuộc mọi lứa tuổi về tu học thường xuyên. Thời khóa bắt đầu vào lúc 7 giờ 30 phút sáng, bằng thời tụng Sám hối Sáu Căn, tọa thiền, nghe pháp thoại và thọ trai.

Cứ ba tháng lại có khóa tu “Sống tỉnh thức” dành cho Phật tử trung niên và lão niên chuyên tu thiền, nhằm gia tăng niềm kính tin

đối với Tam bảo, giúp chuyển hóa những nỗi khổ niềm đau nơi đời, biến cuộc sống thực tại thành “Cực lạc tại nhân gian”.

Nhận thấy tầm quan trọng của thanh thiếu niên Phật tử - những mầm non của Phật pháp, rường cột của nước nhà, cứ vào hè, ở một số nơi như chùa Vi Phước lại tổ chức khóa tu mùa hè “Ươm mầm giác ngộ” cho các em ở độ tuổi 10-25; mỗi lần tổ chức đều thu hút hơn 600 em tham gia. Việc vun đắp, tạo sân chơi lành mạnh cho giới trẻ cũng có nghĩa là đạo Phật đã biết đầu tư cho tương lai. Đây chính là thế hệ sẽ tiếp nối, duy trì và phát huy tôn giáo truyền thống gắn bó với dân tộc hơn 2.000 năm qua.

2.2. Mở Tuệ Tĩnh đường, phòng khám chữa bệnh miễn phí

Để đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh, góp phần vào việc chăm lo sức khỏe cộng đồng, nhất là tâm nguyện “vừa chữa thân bệnh vừa chữa tâm bệnh”, Ni giới luôn hết sức mình chăm lo cho đời sống của bà con Phật tử, thiện tín không phân thân sơ. Phòng khám chữa bệnh miễn phí trong Ni giới Thiên phái tiêu biểu là chùa Phước An của Ni sư Thích nữ Từ Tâm.

Với phương châm “Nam dược trị Nam nhân”, nhiều năm qua, phòng khám bệnh miễn phí chùa Phước An đã đạt được nhiều mục tiêu đề ra và có những kết quả đáng khích lệ, góp phần vào thành quả chung của Phật giáo thành phố trong sự nghiệp chăm sóc sức khỏe nhân dân.

2.3. Cấp học bổng, khuyến khích học tập cho học sinh, sinh viên

Chủ tịch Hồ Chí Minh, vị cha già kính yêu của dân tộc, từng nói: “Vì lợi ích mười năm trồng cây. Vì lợi ích trăm năm trồng người”. Ni chúng Thiên phái Trúc Lâm cũng luôn canh cánh về thế hệ tương lai, mầm xanh của đất nước. Chùa Vi Phước đã cố gắng vận động nhà hảo tâm, mạnh thường quân thành lập Chi hội Khuyến học chùa Vi Phước (2004), mỗi năm cấp hơn 200 suất học bổng, tiếp sức học tập cho các em từ tiểu học, trung học, phổ thông cho đến cấp đại học. Chính những suất học bổng này đã nuôi lớn biết bao thế hệ học sinh,

sinh viên ăn học nên người, thành nhân chi mỹ rồi quay lại, cùng Ni sư trụ trì tiếp tục tạo cơ hội cho đàn em kế cận có hoàn cảnh khó khăn được tiếp tục con đường đi tìm tri thức.

2.4. Xây cầu, bồi lộ, thực hiện công tác an sinh xã hội

Phát huy truyền thống gần bó, đồng hành cùng dân tộc, với phương châm “nhập thế giúp đời”, Ni giới Thiền phái Trúc Lâm tại Cần Thơ luôn tham gia tích cực vào các hoạt động nhân đạo, từ thiện, xã hội. Trong đợt dịch Covid-19 vừa qua, Ni giới Thiền phái Trúc Lâm đã ủng hộ hàng ngàn tấn rau củ, hàng trăm thùng mì nghĩa tình, gửi về bà con vùng tâm dịch, các bệnh viện dã chiến trong và ngoài thành phố.

Mỗi năm đều có những chuyến đi đến vùng sâu vùng xa, vùng biên giới, vừa mang đồ ăn thức uống vừa mang ánh sáng Phật pháp đến gần hơn với bà con vùng quê. Những tuyến đường giao thông thông thoáng, những cây cầu bê tông kiên cố thay cho những chiếc cầu ván tạm bợ là thành quả mà Ni giới, Phật tử và nhân dân trong vùng xây đắp với tâm nguyện góp phần cho quê hương thêm giàu đẹp.

2.5. Tích cực tham gia bảo vệ môi trường, bảo vệ Tổ quốc, hội nhập với các truyền thống Phật giáo trong và ngoài khu vực

Nêu cao tinh thần “hộ quốc an dân” của Phật giáo, nhằm phát huy những giá trị nhân văn tốt đẹp của dân tộc, Ni giới Thiền phái Trúc Lâm luôn tích cực, tự giác bảo vệ môi trường, trồng nhiều cây xanh, tái tạo mảng xanh tự nhiên trong khuôn viên cơ sở tôn giáo; tích cực tuân thủ pháp luật mà Nhà nước đã đề ra, vận động tín đồ bài trừ mê tín dị đoan, tuân thủ giao thông, làm ăn chân chính “lợi đạo ích đời”; đề cao nhân quyền, bảo vệ trẻ em trước nạn bạo lực học đường; lồng ghép những buổi hướng dẫn nghề nghiệp, hướng dẫn giới tính trong các khóa tu có giới trẻ tham gia.

Năm 2023, đại diện Ni giới Thiền phái Trúc Lâm tại thành phố Cần Thơ đã cùng Ni giới cả nước tham dự hội nghị Sakyadhita về

“Người nữ tu sĩ Phật giáo” trên toàn thế giới được tổ chức tại Hàn Quốc. Tại Hội nghị, Ni giới Thiền phái Trúc Lâm đã có bài giới thiệu về cách hành thiền đặc trưng của Việt Nam, qua đó khẳng định quyền “bình đẳng” cho nữ giới Phật giáo có năng lực và tâm huyết được hoạt động vì hòa bình và công bằng xã hội.

Kết luận

Với lý tưởng “phục vụ chúng sanh là thiết thực cúng dường chư Phật”, Ni giới Phật giáo thành phố Cần Thơ nói chung và Ni giới Thiền phái Trúc Lâm nơi đây nói riêng luôn thực hiện tốt tinh thần “cứu khổ ban vui” của nhà Phật. Nhiều năm qua, Ni giới Thiền phái Trúc Lâm đã đạt được những thành tựu đáng trân trọng. Nhiều tổ chức và cá nhân thuộc Thiền phái đã nhận được bằng tuyên dương công đức của các cấp Giáo hội, nhiều bằng khen của các cấp chính quyền, đoàn thể, ban ngành từ Trung ương đến địa phương, như: Bằng tuyên dương Công đức cao quý từ Hòa thượng Chủ tịch Hội đồng Trị sự về hoàn thành tốt công tác Phật sự nhiệm kỳ 2017-2022, Bằng khen của Trung ương Hội Khuyến học Việt Nam năm 2022, kỷ niệm chương của Bộ Công an về sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc,... Đó là kết quả từ sự tinh tấn tu tập, luôn lấy “giới đức, tâm đức, tuệ đức” làm kim chỉ nam cho sự hành trì hướng đến đời sống giác ngộ, giải thoát bằng tinh thần dẫn thân “phụng sự tha nhân” của toàn thể Ni chúng Thiền phái. Tất cả đều vì mục tiêu chung: làm cho Phật giáo Việt Nam phát triển vững bền trong lòng dân tộc, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp “hộ quốc an dân”, “xiển dương Phật pháp” trong ngôi nhà chung Phật giáo Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Thích Nhất Hạnh (1968), *Đạo Phật hiện đại hóa*, Nxb. Lá Bối, Sài Gòn.
2. Nguyễn Lang (1992), *Việt Nam Phật giáo sử luận*, Nxb. Văn hóa, Hà Nội.
3. Trần Hồng Liên (2010), *Tìm hiểu chức năng xã hội của Phật giáo Việt Nam*, Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.
4. “Phật giáo Cần Thơ phát triển năng động, đồng hành cùng dân tộc và đất nước”, <https://giacngo.vn/phat-giao-can-tho-phat-trien-nang-dong-dong-hanh-cung-dan-toc-va-dat-nuoc-post61074.html>.
5. “Sơ tổ Thiền phái Trúc Lâm Việt Nam Trần Nhân Tông” (28/12/2017), <https://giacngo.vn/so-to-thien-phai-truc-lam-viet-nam-tran-nhan-tong-post41757.html>.
6. “Thiền phái Trúc Lâm tại Hội nghị Sakyadhita”, <https://dacsanhoadam.vn/thien-phai-truc-lam-tai-hoi-nghi-sakyadhita>.
7. “Thiền phái Trúc Lâm trong bức tranh Phật giáo Việt Nam” (26/12/2019), <https://giacngo.vn/thien-phai-truc-lam-trong-buc-tranh-phat-giao-viet-nam-post49887.html>.
8. “Thiền Trúc Lâm Yên Tử - Dòng Thiền Việt Nam” (17/09/2204), <https://giacngo.vn/thien-truc-lam-yen-tu-dong-thien-viet-nam-post27245.html>.
9. Thích Nhật Từ - Thích Đức Thiện (2021), *Giáo hội Phật giáo Việt Nam và hoạt động an sinh xã hội*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
10. Thích Thanh Từ (1992), *Phật giáo với dân tộc*, Thành hội Phật giáo Thành phố Hồ Chí Minh xuất bản.
11. Thích Thanh Từ (1992), *Thiền tông Việt Nam cuối thế kỷ XX*, Thành hội Phật giáo Thành phố Hồ Chí Minh xuất bản.

TINH THẦN NHẬP THỂ CỦA NI GIỚI CẦN THO

TRONG XÃ HỘI ĐƯƠNG ĐẠI

TKN. Tâm Liên

Phật giáo đã hòa quyện trong nền văn hóa, trở thành mạch sống của dân tộc, vì thế giữa đạo và đời không thể tách rời nhau. Trong nhiều giai đoạn thăng trầm của lịch sử, Phật giáo đều có vai trò và đóng góp tích cực cho xã hội. Đạo Phật hướng đến mục tiêu giác ngộ giải thoát, và tự giác - giác tha được xem là một hành trình mà mỗi hành giả phải thực hiện.

Để nối tiếp truyền thống xuất gia tu học hành đạo của các vị Trưởng lão Ni tiền bối, chư Ni (Cần Tho) đã không ngừng thúc liễm thân tâm trau dồi giới đức hoằng pháp độ sanh. Ni giới hiện nay luôn dẫn thân trong mọi lĩnh vực của cuộc sống. Với lòng từ bi lân mẫn, mong muốn mọi người đều giác ngộ như mình, chư Ni đã đem giáo lý Phật Đà truyền bá vào đời sống, từ đây mở ra con đường nhập thế.

1. Tinh thần nhập thế trong Phật giáo

Phật pháp tại thế gian

Bất ly thế gian giác

Ly thế mịch bồ đề

Do như câu thơ giác¹

Theo Thiền sư Nhất Hạnh, “đem đạo Phật đi vào cuộc đời có nghĩa là thể hiện những nguyên lý đạo Phật trong sự sống, thể hiện

¹ HT. Tuyên Hóa, *Kinh Lục Tổ Pháp Bảo Đàn*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.

bằng những phương thức phù hợp với thực trạng của cuộc đời để biến cải cuộc đời theo chiều hướng thiện, mỹ. Chừng nào sinh lực của đạo Phật trông thấy dào dạt trong mọi hình thức của sự sống, chừng đó ta mới có thể nói được rằng đạo Phật thật sự đang hiện hữu trong cuộc đời”¹. Phải thực hành lời dạy của Đức Phật trong cuộc sống hằng ngày, đó mới là tinh thần dẫn thân của đạo Phật.

Giáo lý của Như Lai tùy theo căn cơ của chúng sanh mà cứu độ, nên sau khi chứng đạo dưới cội Bồ-đề, Đức Phật khuyên đệ tử: “Này các Tỳ-kheo, hãy lên đường thuyết pháp, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư Thiên và loài người, mỗi thầy hãy đi về một hướng”². Đức Phật giáo hóa chúng sanh bằng thân giáo. Ngài và đệ tử đã đi khắp nước Ấn Độ hoằng pháp độ sanh. Tổ Quy Sơn cũng từng dạy: “Phàm là người xuất gia, thì phải cất bước vượt lên trên cao, tâm hình khác tục, kế thừa và hưng thịnh dòng Thánh (Phật, nhiếp phục ma quân, nhằm báo đáp bốn ân, cứu giúp ba cõi”³. Qua đây thể hiện tinh thần nhập thế của người xuất gia nhằm đền đáp bốn ân, cứu khổ ba đường.

Thời Phật còn tại thế, sau khi nghe Đức Thế Tôn thuyết pháp rằng mọi người đều bình đẳng về giác ngộ giải thoát, bà Ma-ha Ba-xà-ba-đề cùng 500 cung nữ ở thành Ca-tỳ-la-vệ xin được theo Đức Phật, xuất gia làm Tỳ-kheo-ni. Thế Tôn đã cho Ni giới gia nhập Tăng đoàn và truyền cho chư Ni thực hành *Bát Kinh Pháp* như là điều kiện tiên quyết để “trang nghiêm tự thân”. Đức Phật đã giáo hóa tất cả chúng sanh với tinh thần bình đẳng tuyệt đối, thu nhận đệ tử đủ mọi giai cấp, thành phần trong xã hội và mọi lứa tuổi. Từ đó, Ni đoàn được thành lập dưới sự lãnh đạo của Thánh tổ Kiều Đàm Di Đại Ái Đạo, có rất nhiều vị Ni nổi bật, chứng quả giải thoát. Ngài cũng là người soi

¹ Thiền sư Thích Nhất Hạnh (1964), *Đạo Phật đi vào cuộc đời*, Nxb. Lá Bối, Sài Gòn.

² Đại tạng Kinh Việt Nam (2000), *Tương Ưng I*, Chương 4: Tương Ưng Ác Ma, phẩm Thứ nhất, Kinh Bấy sập 2, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, Thành phố Hồ Chí Minh.

³ Thích Hành Trụ (1970), *Quy Sơn Cảnh Sách*, Nxb. Sen vàng.

đường cho Ni giới tu tập. Trải qua những thăng trầm biến thiên của lịch sử, Ni giới Việt Nam ngày càng phát triển. Theo Ni trưởng Thích nữ Nhật Khương, hiện cả nước có gần 7.000 ngôi tự viện Ni và hơn 25.000 chư Ni¹.

Có thể thấy, Phật giáo hoạt động trên rất nhiều lĩnh vực nhằm đáp ứng nhu cầu của xã hội đương thời. Trong thời đại hội nhập, xã hội phát triển, cách thức truyền thông theo đó mà phát triển, và Phật giáo cũng chuyển mình để tiến xa hơn, hội nhập thời đại mới.

2. Tinh thần nhập thế của Ni giới Cần Thơ

Để nối tiếp truyền thống xuất gia tu học hành đạo của các bậc Trưởng lão Ni tiền bối, chư Ni thời cận đại đã không ngừng thúc liễm thân tâm trau dồi giới đức hoằng pháp độ sanh. Ni giới Việt Nam hiện nay luôn dẫn thân trong mọi lĩnh vực của cuộc sống, từ việc xây dựng, trùng tu tôn tạo chùa chiền, tịnh xá, cho đến làm từ thiện xã hội, xây nhà tình thương, xây cầu..., chăm lo các vấn đề an sinh xã hội. Sự ra đời của Ni bộ Việt Nam đã đánh dấu và khẳng định vai trò của Ni giới trong xã hội: “Đường đạo có khác chi ở đường đời, nếu ở đường đời, nam giới rất cần có nữ giới tiếp tay trong sự sinh tồn cạnh tranh, thì trong đường đạo chư Tăng ắt cũng cần có chư Ni hiệp lực trong cuộc hoằng dương Chánh pháp và nhất là về mặt từ thiện xã hội... Ngoài đời, mọi mặt đã thay đổi, trong giới xuất gia tự nhiên phải theo trào lưu mà đổi thay. Chư Tăng đang tận tâm đốt đuốc soi đường, thì chư Ni, cũng tùy khả năng mình, tích cực tham gia, cố gắng sao cho đạo pháp càng hưng thịnh”². Qua đó cho ta thấy rõ hơn về tinh thần dẫn thân của người con Phật nói chung và tinh thần nhập thế của chư Ni nói riêng.

Khi nói đến tinh thần nhập thế của Ni giới Việt Nam, chúng ta không thể không nhắc đến những vị tiền bối Ni đầu thế kỷ XX như

¹ Xuân Tùng (2023), “Ni giới Giáo hội Phật giáo Việt Nam thực hiện tốt đời, đẹp đạo”, <https://dangcongsan.vn/tu-tuong-van-hoa/ni-gioi-giao-hoi-phat-giao-viet-nam-thuc-hien-tot-doi-dep-dao-650350.html>.

² Đại hội Ni bộ Nam Việt (1957), Bài diễn văn của Hội Phật học Nam Việt.

Sư bà Diệu Tịnh, Sư bà Diệu Không, Sư trưởng Như Thanh - người khởi đầu cho sự hình thành và phát triển của Ni giới Việt Nam, đến nay, chư Ni đã xây dựng được Giáo đoàn lên đến hàng vạn người. Hệ phái Khất sĩ cũng ghi dấu công tích của Ni trưởng Huỳnh Liên, Ni trưởng Bạch Liên, Ni trưởng Tạng Liên... Ni trưởng Huỳnh Liên là người thành lập hệ phái Khất sĩ, là tấm gương nhập thế độ sanh, góp phần vào công cuộc thống nhất, hòa bình cho đất nước và độc lập cho dân tộc.

Tinh thần nhập thế của Ni giới thể hiện trên rất nhiều phương diện mà trước hết phải nói đến lĩnh vực giáo dục. Hiện nay, giáo dục Phật giáo khá phát triển với sự hình thành các trường Phật học ở nhiều nơi. Ở Việt Nam hiện có bốn Học viện Phật giáo (Thành phố Hồ Chí Minh, Huế, Hà Nội, Cần Thơ) và có rất nhiều trường cao đẳng, trung cấp, sơ cấp Phật học ở các tỉnh thành... Hầu như số lượng Ni sinh nhiều hơn Tăng sinh. Điển hình như Học viện Phật giáo Việt Nam ở Thành phố Hồ Chí Minh, khóa XVIII (năm học 2023-2024) có 277 vị, trong đó có 80 Tăng và 197 Ni sinh. Trường Trung cấp Phật học Cần Thơ đặt tại chùa Phước Long do Ni trưởng thượng Như hạ Tâm trụ trì, là nơi nuôi dưỡng Ni tu học. Đây cũng là ngôi chùa mở nhiều khóa an cư kiết hạ cho chư Ni, với đức độ và tấm lòng từ bi thương lo cho mọi người. Nơi đây đã mở được nhiều lớp giáo lý cho Phật tử trở về tu học rất đông. Ngoài ra, chùa còn có những hoạt động về từ thiện xã hội tích cực... Qua đó cho thấy đóng góp của Ni giới với nền giáo dục Phật giáo Việt Nam.

Với Phật giáo, từ thiện xã hội là minh chứng cho lòng từ bi và tinh thần nhập thế. Từ thiện xã hội được thể hiện qua những hoạt động cụ thể để cứu giúp những mảnh đời khổ hạnh. Sự chia sẻ làm con người xích lại gần nhau, nuôi lớn lòng từ bi và thể hiện lòng lân mẫn, tình yêu thương của con người. Trong đợt dịch Covid-19 vừa qua, Phân ban Ni giới Trung ương nói chung, Phân ban Ni giới Cần Thơ nói riêng đã trao tặng bệnh viện dã chiến trang thiết bị y tế - găng tay y tế hoặc đồ sát khuẩn; hỗ trợ về lương thực, thực phẩm, quà nhu yếu phẩm đến những gia đình khó khăn đang cách ly. Ngoài ra, còn có

những vị Ni cỡi áo cà sa, khoác blouse xông pha nơi tuyến đầu chống dịch tại các bệnh viện dã chiến “tâm dịch”, thể hiện tinh thần từ bi dẫn thân của người con gái Đức Phật, đóng góp vào công cuộc phòng chống dịch Covid-19.

Gần đây, ngày 30/09/2023, Phái đoàn Ban Từ thiện Xã hội và Phân ban Ni giới thành phố Cần Thơ đã đến xã Pờ Tó, huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai trao quà cho bà con, tổng giá trị trên 75 triệu đồng. Chùa Vi Phước ở Thốt Nốt - Cần Thơ, do Ni sư Chơn Như trụ trì, có những hoạt động về giáo dục, từ thiện xã hội..., nổi bật là việc mở các khóa tu Chủ nhật hằng tuần, khóa tu mùa hè, hội trại cho các em sinh viên có cơ hội tiếp cận giáo lý nhà Phật. Mới đây, khóa tu mùa hè chủ đề “Uơm mầm giác ngộ” tổ chức từ ngày 13-16/7/2023, đã thu hút được 500 em sinh viên, giúp các em kết nối yêu thương và thay đổi nhận thức, nhằm định hướng về tương lai, gieo hạt giống bồ-đề và uơm mầm tuệ giác. Ngoài ra, còn có các hoạt động cấp học bổng cho học sinh, sinh viên, phát quà Trung thu cho các em nhỏ... Đây cũng là ngôi chùa được Phân ban Ni giới thành phố Cần Thơ mở lớp Luật cho chư Ni khóa đầu tiên vào năm 2016-2019 (khoảng 60 vị). Hiện nay, lớp Luật Ni được dời về chùa Bảo An ở quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ; khóa học từ tháng 3/2023 đến hết tháng 3/2025 với khoảng 50 vị Ni.

Còn có chùa mở các phòng khám bắt mạch trị bệnh theo phương thức Đông y, như chùa Phước An tọa lạc tại Thới Hưng, phường Thới An Đông, quận Bình Thủy. Ni sư trụ trì thượng Tỳ hạ Tâm là một lương y. Mỗi ngày có khoảng 300 người đến đây lấy thuốc và điều trị. Theo thống kê, trong năm 2017, phòng thuốc đã khám cho hơn 70.000 lượt bệnh nhân, cấp phát miễn phí hơn 800.000 thang thuốc, trị giá gần 4 tỷ đồng. Đây là mô hình khám chữa bệnh miễn phí 100% trong toàn bộ quá trình điều trị, với tất cả các loại bệnh¹. Ni sư còn vận động Phật tử, mạnh thường quân tổ chức đi thăm, tặng gạo, nhu yếu phẩm, mừng mền cho người dân nghèo ở tận miền Trung. Trong các

¹ Nguyễn Đình Thục (2021), “Tâm gương sáng từ chùa Phước An”, <https://suckhoedoisong.vn/tam-guong-sang-tu-chua-phuoc-an-169210827164933612.htm>.

ngày lễ, ngày Tết cổ truyền dân tộc, nhà chùa tổ chức hỗ trợ lương thực, thực phẩm cho bà con nghèo tại địa phương, giúp tập, sách, quần áo, dụng cụ học tập cho những học sinh nghèo có hoàn cảnh khó khăn. Nhà chùa còn tổ chức nuôi heo đất để gây quỹ khuyến học, xây nhà, xây dựng cầu, đường giao thông, ủng hộ công tác xóa đói giảm nghèo, xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở. Mỗi năm, tổng trị giá công tác từ thiện của chùa Phước An là hơn 2,5 tỷ đồng. Năm 2018, chùa đã hình thành tổ may từ thiện với 25 máy may, trong đó các thành viên đều là lao động nghèo. Chùa còn tạo điều kiện cho 30 em khuyết tật gia công thảm lót sàn nhà, giúp các em có thêm thu nhập. Sau khi thạo nghề, các em cung cấp nguyên liệu miễn phí và được giới thiệu việc làm ổn định tại địa phương¹. Qua đó thấy được tấm lòng vị tha với tinh thần nhập thế của Ni sư, đem lại lợi ích thiết thực cho mọi người xung quanh, mang cảm giác có nơi nương tựa về tâm linh một cách vững chãi.

Bên cạnh đó, thành phố Cần Thơ còn có ngôi chùa Ni cũng mang tinh thần nhập thế cứu khổ ban vui cho các em nhỏ mồ côi, đó là chùa Bửu Trì, tọa lạc tại số 67, đường Mậu Thân, phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều. Chùa bắt đầu nuôi trẻ mồ côi từ năm 2009. Theo chia sẻ của Sư cô Quảng Trí - trụ trì chùa hiện nay: Để tiếp nối tâm nguyện và sứ mệnh của cố Ni sư Tâm Niệm (viên tịch năm 2016), chùa vẫn tiếp tục nuôi dạy trẻ mồ côi, chăm lo cho các em có nơi nương tựa. Năm 2023, chùa có khoảng trên 60 trẻ. Ngoài việc nuôi dạy trẻ, chư Ni chùa Bửu Trì còn vận động các mạnh thường quân hằng tháng phát gạo cho những hộ nghèo lân cận, cũng như triển khai các hoạt động về an sinh xã hội.

Số liệu thống kê công tác từ thiện của Phân ban Ni giới thành phố Cần Thơ nhiệm kỳ 2017-2022 cho biết, có 72 cơ sở tự viện Ni đã góp phần trong công tác từ thiện xã hội với tổng số tiền trên 49 tỷ đồng. Có thể nói, chư Ni trong Phân ban Ni giới Phật giáo Cần Thơ luôn đề cao hoạt động này, nhằm góp phần chia sẻ khó khăn với những

¹ Tam Anh (2019), “Ám áp tình người tại chùa Phước An”, <https://phatgiao.org.vn/am-ap-tinh-nguoi-tai-chua-phuoc-an-can-tho-d34341.html>.

mảnh đời neo đơn bất hạnh trong xã hội. Như Lai đã dạy rằng: “Phụng sự chúng sinh tức là cúng dường chư Phật”. Đây là phương châm nhập thế cơ bản của đạo Phật. Giá trị an vui lợi lạc của chúng sinh được nâng tầm đến chỗ cao quý nhất để dâng lên Đức Phật và các bậc giác ngộ. Thông qua lời dạy của Ngài, con người phụng sự con người, mang lại lợi lạc và hạnh phúc cho nhân gian.

Kết luận

Như đã nói, đạo Phật hướng đến mục tiêu giác ngộ giải thoát, và tự giác, giác tha được xem là một hành trình cho mỗi hành giả phải thực hiện. Với lòng từ bi lân mẫn, mong muốn mọi người đều giác ngộ như mình, chư Tăng đã đem giáo lý Phật Đà truyền bá vào đời sống, từ đây mở ra con đường nhập thế. Hoạt động của Ni lưu kế từ khi hình thành từ thời Đức Phật đến nay, chính là để bày tỏ tấm lòng tri ân và báo ân của toàn thể Ni giới đối với Thánh Tổ, chư Ni tiền bối hữu công trong việc duy trì Giới Luật để mạng mạch Phật pháp được tồn tại lâu dài.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Tam Anh (2019), “Ấm áp tình người tại chùa Phước An”, <https://phatgiai.org.vn/am-ap-tinh-nguoi-tai-chua-phuoc-an-can-tho-d34341.html>.
2. Đại hội Ni bộ Nam Việt (1957), Bài diễn văn của Hội Phật học Nam Việt.
3. Đại Tạng Kinh Việt Nam (2000), *Tương Ưng I*, Chương 4: Tương Ưng Ác Ma, phẩm Thứ nhất, Kinh Bấy sập 2, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, Thành phố Hồ Chí Minh.
4. Thiền sư Thích Nhất Hạnh (1964), *Đạo Phật đi vào cuộc đời*, Nxb. Lá Bối, Sài Gòn.
5. HT. Tuyên Hóa, *Kinh Lục Tổ Pháp Bảo Đàn*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.

6. Nguyễn Đình Thục (2021), “Tắm gương sáng từ chùa Phước An”, <https://suckhoedoisong.vn/tam-guong-sang-tu-chua-phuoc-an-169210827164933612.htm>.
7. Thích Hành Trụ (1970), *Quy Sơn Cảnh Sách*, Nxb. Sen vàng.

NI LƯU GIỚI ĐỨC - TÂM ĐỨC - TUỆ ĐỨC

NS. Thích nữ Đức Hạnh

Mùi hương hoa quý tiết ra

Khó bề ngược gió bay xa khắp cùng

Mùi hương giới hạnh thơm lành

Mặc dù ngược gió bay cùng bốn phương

Thật vậy! Nhắc đến Ni giới, chúng ta nhớ tới sự khơi nguồn mở lối của bậc Thánh Tổ Ni Đại Ái Đạo. Đã trải qua mấy nghìn năm lịch sử, dòng chảy của từ bi và trí tuệ vẫn được nối tiếp, đi đến nơi nào cũng lưu dấu những bến bờ an lạc.

Giờ đây, hình ảnh Thánh Tổ Ni Kiều Đàm Di, vì lòng tha thiết tự xuống tóc đắp y, cùng 500 thể nữ đầu trần đi bộ từ Ca-tỳ-la-vệ, trải qua nhiều gian khổ đến Xá-vệ thỉnh cầu Thế Tôn cho phép được xuất gia đã hiện về một cách mạnh mẽ. Hàng Ni giới chúng con cảm nhận được một cách sâu sắc rằng, sức mạnh của các Ngài là tâm nguyện tha thiết tu hành, tinh thần mạnh mẽ, thái độ dứt khoát, nguyện theo con đường giác ngộ của Phật, lấy giới đức làm gốc, tâm đức làm thọ mạng và tuệ đức làm sự nghiệp.

1. Giới đức

Trong *Kinh Di giáo*, Đức Thế Tôn dạy rằng: “Này các Tỳ-kheo, sau khi Ta diệt độ, các ông phải tôn trọng, quý kính Ba-la-đề-mộc-xoa như đêm tối gặp ánh sáng, như người nghèo gặp của báu. Phải biết pháp này là thầy của các ông, dù Ta có trụ ở đời Ta cũng không khác pháp này vậy.” Vì giới pháp là căn bản chính thuận dòng giải thoát. Nhân giới này mà sanh ra thiền định, trí tuệ, diệt khổ.

Thiền sư Pháp Loa cũng dạy: Trong 24 giờ, ngoài dứt các duyên tâm không loạn động, nên cảnh đến vẫn an nhàn, mắt không vì sắc mà chạy theo, thức không vì cảnh mà phân biệt. Trong ngoài không giao thiệp gọi là ngăn dừng, tuy gọi là ngăn dừng nhưng chẳng phải ngăn dừng. Giữ giới như thế sẽ thấu tốt đến cái chân ngã.

Còn đây là lời dạy của Hòa thượng Trúc Lâm: Quy sáu căn về chơn tâm là Giới; Thân và tâm có mặt ngay đây là Định; Thấy nghe thường biết rõ ràng mà không một niệm là Tuệ.

2. Tâm đức

Trong *Kinh Đại bát Niết-bàn*, Đức Phật đã nói: Nếu chúng ta không tu tâm, hằng ngày không quán sát được những tâm lăng xăng của mình, niệm niệm không dừng, không yên như khi vượn, dễ đưa đến các nghiệp bất thiện. Cho nên, Đức Phật ra đời chỉ với mục đích duy nhất, đem lại ánh sáng trí tuệ cho chúng ta để gạn lọc những phiền não nghiệp chướng trần lao ở mỗi con người. Những nghiệp chướng trần lao đó không phải ở nghiệp chướng bên ngoài mà nó nằm trong tâm thức của chúng ta, để huấn luyện tâm thức phải quán chiếu thật sâu, khi tâm khởi liền biết. Đó là tu tâm. Quán tâm là phương pháp lớn nhất. Dù cho chúng ta học tập đến đâu, mà tâm không định tĩnh, thì cũng không đạt được lợi ích gì. “Đất tâm nếu yên, mặt trời trí tuệ tự chiếu, tâm địa nhược thông, tuệ nhật tự chiếu”.

3. Tuệ đức

Trí tuệ là cái thấy thuần khiết vượt ra khỏi những phân biệt của con người, rõ bản chất thật của các pháp, cho thấy chúng ta là một thực tại vô ngã. Thế nên, người tu huệ là người có đại thể lực đẩy lùi phiền não, hướng đến giác ngộ giải thoát viên mãn, luôn lấy trí tuệ làm sự nghiệp.

Thánh Tổ Ni Đại Ái Đạo và các bậc Trưởng lão Ni đã vâng lời chỉ giáo của Đức Thế Tôn, tinh tấn hành đạo trong niềm tin kiên cố, Giới đức - Tuệ đức - Tâm đức đã vẹn toàn. Gương sáng của Ngài nhắc nhở Ni giới lấy Giới - Định - Tuệ làm nền tảng vững chắc trên lộ trình tu

học, từ đó đem ánh sáng Chánh pháp lan tỏa khắp muôn nơi, giúp mọi người vượt thoát khổ đau, được an vui hạnh phúc. Ngài là tấm gương sáng cho Ni lưu hậu thế vươn lên trên bước đường cầu đạo giải thoát.

Dòng mạch lưu ấy vẫn tiếp nối mãi cho đến ngày nay. Ni giới thành phố Cần Thơ cũng có những bậc Trưởng lão Ni sống cuộc đời thanh lương, tinh tấn với lý tưởng giải thoát, đã cống hiến cuộc đời mình cho đạo pháp và dân tộc. Vâng theo sự chỉ giáo của đại Tăng và Giáo hội, nhiều bậc Trưởng lão Ni cùng chung vai gánh vác sự nghiệp hoằng dương Chánh pháp, tiếp dẫn hậu lai, thực hiện công tác an sinh xã hội... nhằm đem lại lợi lạc cho tất cả mọi người. Điển hình như:

- Ni trưởng thượng Bửu hạ Thanh (1906-1972), trụ trì chùa Thiên Quang.

- Ni trưởng thượng Diệu hạ Kim (1908-1976), khai sơn chùa Bảo An.

- Ni trưởng thượng Trí hạ Thanh (1925-2003), trụ trì chùa Bảo An.

- Ni trưởng thượng Như hạ Ngô, khai sơn chùa Liễu Thành.

- Ni trưởng thượng Điều hạ Liên, trụ trì Tịnh xá Ngọc Châu.

Có thể nói, Giới đức - Tâm đức - Tuệ đức thể hiện qua oai nghi, phẩm hạnh, phẩm đức của chúng ta. Tất cả những điều đó là chất liệu của sự tu hành: “Muốn làm đẹp cái bên ngoài, hãy làm đẹp cái bên trong lòng mình, nó sẽ biểu hiện ra những cái sáng ngời”.

Bên cạnh đó, trước làn sóng công nghệ thông tin của thời đại 4.0, các mạng xã hội phát triển mạnh, người tu nếu không khéo, sẽ dễ bị thế gian hóa. Cho nên, muốn thành tựu sự nghiệp “sứ giả Như Lai”, cần xây dựng nền tảng thâm sâu kiên cố dựa trên ba tiêu chí: Giới - Định - Tuệ. Dù chúng ta tài giỏi đến đâu, một khi rời bỏ Giới - Định - Tuệ thì vận mạng cũng không bảo đảm.

Vì thế, những người đệ tử Phật được nhắc đến:

Như bông hoa tươi đẹp

Có sắc lại thêm hương

Cũng vậy, lời khéo nói

Có làm, có kết quả¹.

Kết luận

Là đàn hậu học Ni giới, chúng con cùng nhau nỗ lực học tập hành trì, nguyện noi theo gương sáng của Thánh Tổ Ni và các bậc tiền bối để ánh đuốc Phật pháp luôn tỏa sáng khắp muôn nơi qua Giới đức - Tâm đức - Tuệ đức, xứng đáng đứng trong hàng Ni lưu Thích nữ thời hiện đại.

¹ Trích *Kinh Pháp Cú*, phẩm Hoa, 52.

HOÀNG PHÁP TRÊN VÙNG ĐẤT ĐA TÔN GIÁO

NS. Thích Hương Nhũ

1. Sơ lược sự hình thành vùng đất Cần Thơ

Cần Thơ - Tây Đô đã xuất hiện trong quá trình hình thành vùng châu thổ sông Cửu Long từ trước Công nguyên. Vào thế kỷ XIII, nhận định về nơi này, Châu Đạt Quan ghi nhận: “Nhìn lên bờ, chúng tôi thấy toàn là cây mây cao vút, cổ thụ, cát vàng, lau sậy trắng, thoáng qua không dễ gì biết được lối vào. Thế nên các thủy thủ cho rằng rất khó mà tìm đúng cửa sông”¹. Qua đó cho biết, gần ngàn năm trước, Cần Thơ từng là rừng rậm, lau sậy hoang vu bạt ngàn.

Đến thế kỷ XVI - XVII, lưu dân các nơi tới khai khẩn, mở ra một tiến trình lịch sử mới cho vùng đất Tây Đô². “Lõm đất” Cần Thơ được khai phá có phần muộn màng hơn Đồng Nai và Hà Tiên. Năm 1735, Mạc Thiên Tích (con của Tổng trấn Mạc Cửu) đẩy mạnh công cuộc khai mở thêm vùng đất hữu ngạn sông Hậu. Năm 1739, ông lập thêm bốn vùng đất mới gồm: Long Xuyên (Cà Mau), Kiên Giang (Rạch Giá), Trấn Giang (Cần Thơ), Trấn Di (Bắc Bạc Liêu) để sáp nhập vào đất Hà Tiên³. Với vị trí chiến lược đặc biệt, năm 1753, Mạc Thiên Tích cùng với đại thần Nguyễn Cư Trinh đã xây dựng Trấn Giang phát triển về mọi mặt: quân sự, kinh tế, thương mại, văn hóa, xứng đáng trở thành hậu cứ vững chắc cho Hà Tiên đối phó với

¹ Châu Đạt Quan, “Chân Lạp phong thổ ký”, Lê Hương (dịch), <https://www.academia.edu>, truy cập ngày 28/01/2024.

² Châu Đạt Quan, Sđd.

³ Trịnh Hoài Đức, “Gia Định thành thông chí”, <https://vi.wikipedia.org/wiki/>, truy cập ngày 28/01/2024.

những cuộc quấy phá thường xuyên của quân Xiêm và quân Chân Lạp trong thập niên 70 của thế kỷ XVIII¹.

Như vậy, Cần Thơ có mặt trên dư đồ Việt Nam từ năm 1739 với tên gọi Trấn Giang². Từ khoảng năm 1876, khi tên sông Cần Thơ được người Pháp lấy để đặt tên cho hạt Cần Thơ rồi sau đó là tỉnh Cần Thơ, đô thị Trấn Giang đổi thành Cần Thơ và dần phát triển thành một đô thị hàng đầu của cả Tây Nam Bộ³. Người dân đến đây bình yên lập nghiệp, phát triển. Theo dòng lịch sử, Cần Thơ từng là thành phố trực thuộc tỉnh Hậu Giang, rồi trực thuộc tỉnh Cần Thơ. Đến năm 2003, Cần Thơ chính thức là một thành phố trực thuộc Trung ương có diện tích tự nhiên là 138.959,99ha và dân số hiện tại là 1.112.121 người⁴. Với hoàn cảnh địa lý, lịch sử, kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội phát triển, ảnh hưởng đến cả vùng Tây Nam Bộ nên qua nhiều thời kỳ, mọi người đều tâm đắc gọi vùng đất này là Tây Đô.

2. Cần Thơ - vùng đất đa tôn giáo

2.1. Các yếu tố làm nên sự đa dạng trong văn hóa - tín ngưỡng

Nhiều nghiên cứu đã chỉ ra, Tây Nam Bộ là nơi khai sinh ra khá nhiều tôn giáo bản địa, tập trung trong khoảng thời gian từ nửa cuối thế kỷ XIX đến nửa đầu thế kỷ XX⁵. Tựu trung một số nguyên nhân sau:

Về không gian: Như đã trình bày ở trên, Nam Bộ - vùng đất mới với một môi trường sống đa dạng đây bí ẩn giữa sông nước mênh mông, không bị chi phối bởi văn hóa và tôn giáo truyền thống.

Về con người: Cư dân vùng Tây Nam Bộ nói chung là dân tứ xứ, thuộc nhiều tầng lớp, đa dạng và phức tạp, không thuần nhất, không gắn kết, không có hệ tư tưởng chủ đạo chi phối.

¹ “Lịch sử hình thành vùng đất Cần Thơ”,

<https://diachicantho688791958.wordpress.com/>, truy cập ngày 28/01/2024.

² GS. TSKH. Trần Ngọc Thêm (Chủ biên, 2022), *Văn hóa người Việt vùng Tây Nam Bộ*, Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh, tr.186.

³ GS. TSKH. Trần Ngọc Thêm (2022), Sdd, tr.188.

⁴ <https://vi.wikipedia.org/wiki/>, truy cập ngày 28/01/ 2024.

⁵ GS. TSKH. Trần Ngọc Thêm (2022), Sdd, tr.229.

Về tính cách: Cư dân vùng Tây Nam Bộ thời đó sống thoải mái, dễ chấp nhận cái mới trong tinh thần tự do; tính cách mạnh mẽ, hướng ngoại nên cũng có điều kiện thuận lợi hơn trong việc sáng tạo cái mới.

Về cuộc sống: Người Tây Nam Bộ vốn yêu thích tự do nhưng phải sống dưới sự cai quản của triều đình phong kiến, đặc biệt là sự cai trị của thực dân Pháp nên tất yếu hình thành tinh thần phản kháng. Đây chính là tiền đề cho sự tiếp nhận hay hình thành nhiều tôn giáo khác nhau.

Trong bối cảnh ấy, vùng đất Tây Nam Bộ đã khai sinh hàng loạt tôn giáo - tín ngưỡng mới như đạo Bửu Sơn Kỳ Hương, đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa, Phật giáo Hòa Hảo, đạo Phật Khất sĩ Việt Nam, hiện tượng các Ông Đạo... Những tôn giáo - tín ngưỡng này thường được người Nam Bộ gọi là “những tôn giáo cứu thế”¹. Cần Thơ - vùng đất trù phú hàng đầu của miền Tây, trung tâm khu vực Đồng bằng sông Cửu Long - cũng mang sắc thái đa dạng của các tôn giáo.

2.2. Các tôn giáo tại Cần Thơ

Vùng đất này từ lâu đã tập trung nhiều dân tộc sinh sống như Kinh, Khmer, Hoa, Chăm, góp phần tạo nên sự đa dạng về bản sắc văn hóa và tín ngưỡng - tâm linh. Đặc biệt, những công trình tín ngưỡng - tâm linh của cộng đồng người Hoa và Khmer luôn tạo nên sự độc đáo riêng. Đồng hành với đời sống của người dân đi mở đất, tôn giáo đầu tiên đến với Cần Thơ chính là Phật giáo. Chính những biến động khổ đau do vô thường sinh diệt trong kiếp nhân sinh khiến con người dễ dàng đón nhận Giáo pháp của Như Lai từ khoảng 300 năm trước.

Nhận thức rõ hoàng pháp là trách nhiệm cao cả, những người mang sứ mệnh hoàng dương Phật pháp tại Cần Thơ đã khế lý khế cơ vượt qua nhiều khó khăn, gian nan và thử thách để Phật giáo tồn tại,

¹ Sdd, tr.230.

phát triển, xứng tầm một tôn giáo có uy tín và tầm ảnh hưởng tại vùng Tây Nam Bộ. Điển hình là Pothisomron - ngôi chùa Khmer cổ nhất nổi tiếng tại Ô Môn - Cần Thơ. Với lịch sử hình thành 300 năm, chùa Pothisomron chính là cái nôi của Phật giáo Nam Tông Cần Thơ. Ngôi chùa là minh chứng cho sự xuất hiện từ lâu đời của Phật giáo nơi đây (thế kỷ XVIII). Nhiều ngôi chùa thuộc Phật giáo Đại thừa cũng có từ 100-200 năm tuổi như chùa Long Quang (gần 200 năm tuổi), chùa Phước An (hơn 230 năm tuổi), Thới Long Cổ tự, chùa Quang Xuân (180 năm tuổi), Hội Linh Cổ tự (110 năm tuổi), chùa Hiệp Minh (110 năm tuổi).

Do những yếu tố đề cập ở phần trên, vào khoảng gần 100 năm sau này, Cần Thơ đã xuất hiện thêm 12 tôn giáo nữa. Số liệu thống kê đầu năm 2024, thành phố Cần Thơ hiện có 13 tôn giáo với 27 tổ chức tôn giáo được Nhà nước công nhận và cấp đăng ký hoạt động, có 287 cơ sở thờ tự, 76 trụ sở hành chính đạo, 79 địa điểm hợp pháp của các tôn giáo, 30 cơ sở tôn giáo hợp pháp khác, 25 cơ sở thờ tự và địa điểm sinh hoạt tôn giáo chưa hợp pháp, 526 chức sắc, 1.921 chức việc, 509.937 tín đồ các tôn giáo, chiếm tỷ lệ 40% dân số của thành phố¹. Ngoài ra, còn có các cơ sở đào tạo chức sắc tôn giáo như Đại Chứng viện Thánh Quý, Học viện Phật giáo Nam Tông Khmer, Trường Sơ cấp, Trung cấp, Cao đẳng Phật học.

Được biết, đông tín đồ nhất là Phật giáo Hòa Hảo với 245.390 người, Phật giáo: 193.636 người, Công giáo: 119.942 người, đạo Cao Đài: 33.821 người, đạo Tin Lành: 6.055 người, đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa: 1.440 người. Còn lại, các tôn giáo khác như Tịnh Độ Cư sĩ Phật hội Việt Nam có 709 người, Hồi giáo: 138 người, Bửu Sơn Kỳ Hương: 123 người, Baha'i giáo: 59 người. Ngoài ra, còn có các tín hữu Minh Sư Đạo, Minh Lý Đạo, Bà La Môn giáo².

¹ Lê Hùng, “Cần Thơ phát huy giá trị tín ngưỡng tôn giáo trong đời sống xã hội”, <http://mattran.org.vn/dan-toc-ton-giao/can-tho-phat-huy-gia-tri-tin-nguong-ton-giao-trong-doi-song-xa-hoi-49857.html>, truy cập ngày 29/01/2024.

² Tổng cục Thống kê Việt Nam năm 2019.

2.3. Phật giáo tại Cần Thơ

Theo Hòa thượng Đào Như, Cần Thơ hiện có 167 cơ sở tự viện và điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung với số lượng là 667 Tăng Ni, 12 chùa Nam Tông Khmer với hơn 130 sư sãi¹.

3. Hoằng pháp ở Cần Thơ

Phật giáo Cần Thơ đã trải qua nhiều thử thách. Để có thể tồn tại và phát triển cùng với các tôn giáo bản địa, Tăng Ni Phật giáo Cần Thơ đã hoằng dương Chánh pháp theo tinh thần kế lý kế cơ mà Đức Phật truyền dạy.

3.1. Phật giáo là một tôn giáo khoan dung

Đạo Phật là đạo giải thoát nhưng phải thông qua các công hạnh Bồ-tát thì mới có thể đạt đến quả vị vô thượng Bồ-đề. Phật giáo chủ trương hòa hợp với các nền văn hóa và sử dụng những ưu điểm của tôn giáo bạn để truyền bá đạo Phật.

Thời Đức Phật còn tại thế, Ngài từng dạy đệ tử cung kính cúng dường bình đẳng đối với Sa-môn, Bà-la-môn của các tôn giáo khác. Ngài khuyên một vị vua trị quốc nên cung kính, tôn trọng các nơi thờ tự, quý thần giống như việc hiếu kính đối cha mẹ, sư trưởng². *Kinh Trường A-hàm* đề cập đến một người trước đây từng cúng dường ngoại đạo Ni-kiền từ; sau khi được Phật giáo hóa, ông ta không muốn cho những người thầy ngoại đạo cũ của mình vào nhà và không cúng dường các vị nữa. Biết được điều đó, Đức Phật khuyến khích vị cư sĩ này tiếp tục cúng dường như trước, và giáo hóa rằng: “Này cư sĩ! Ta không nói như vậy: Nên cúng dường ta, chớ cúng dường người khác, nên cúng dường đệ tử ta, không nên cúng dường đệ tử người khác. Này cư sĩ! Tùy tâm hoan hỷ cúng dường tất cả mọi người. Này cư sĩ!

¹ Như Danh (2022), “Phật giáo Cần Thơ phát triển năng động, đồng hành cùng dân tộc và đất nước”, <https://giacngo.vn/phat-giao-can-tho-phat-trien-nang-dong-dong-hanh-cung-dan-toc-va-dat-nuoc-post61074.html>.

² *Kinh Trường A-hàm*, tập II: Kinh Du Hành, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr.86.

Các vị Ni-kiền tử ấy, gia đình các vị từng cung kính lâu nay, nếu họ đến, hãy cúng dường tùy theo khả năng của các vị”¹.

Tinh thần ấy rất phù hợp với truyền thống bao dung, hòa hợp của người Việt Nam, trong đó có người dân Cần Thơ. Vì vậy ở Cần Thơ, chúng ta thấy có chùa Nam Nhã (hơn 130 năm) mang sắc thái tam giáo đồng nguyên; chùa Ông Vàm Dầu Sáu thờ Quan Công - mang nét đặc trưng tín ngưỡng của cộng đồng người Hoa.

3.2. Phật giáo mang sức sống mãnh liệt thể hiện qua tinh thần giao lưu và tiếp biến văn hóa

Phật giáo được du nhập vào Việt Nam từ đầu Công nguyên. Trong quá trình giao lưu và tiếp biến văn hóa, dân tộc Việt Nam với tinh thần khoan dung tôn giáo đã hình thành quan hệ “Tam giáo đồng nguyên” (Phật - Nho - Đạo) trong đời sống xã hội. Theo nghiên cứu của TS. Nguyễn Thị Mỹ Hạnh, khác với nhiều nước phương Tây, Việt Nam không có sự thống trị độc tôn của bất kỳ tôn giáo nào trong suốt chiều dài lịch sử. Mặc dù Nho - Phật - Đạo được truyền bá vào Việt Nam ở những thời điểm khác nhau nhưng chúng vẫn cùng tồn tại và phát triển bên nhau, chung sống hòa bình với nhau và với các tín ngưỡng bản địa vốn có². Hơn nữa, trước khi hình thành Thiền phái Trúc Lâm mang đặc sắc Phật giáo Việt Nam vào thời Trần, đã có những môn phái Thiền được du nhập từ Ấn Độ và Trung Quốc. Đó là các giáo phái như: Tỳ-ni-đa-lưu-chi, Vô ngôn thông và Thảo đường³.

Từ những yếu tố trên, có thể nhận thấy, lịch sử Phật giáo là hành trình của những trang sử từ bi, trí tuệ, thể hiện sự hòa nhập, thích ứng, khoan dung, kiên trì, nhẫn nại vượt qua khó khăn, thử thách để Giáo pháp của Đức Phật đến mọi miền Tổ quốc thân yêu. Điều này

¹ *Kinh Trung A Hàm* (1992), tập III: Kinh Ưu Ba Ly, phẩm Đại, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, Thành phố Hồ Chí Minh, 1992, tr.188.

² Nguyễn Thị Mỹ Hạnh (2022), “Hiện tượng tam giáo đồng nguyên thời Trần nhìn từ nguồn gốc và những phương diện biểu hiện”, <https://vansudia.net/hien-tuong-tam-giao-dong-nguyen-thoi-tran/>.

³ TS. Nguyễn Thị Thanh Thủy, “Tinh thần nhập thế của Phật giáo Việt Nam từ quá khứ đến hiện đại”, Tạp chí *Văn hóa*, số 418.

cũng được thể hiện rất rõ khi đạo Phật đến với vùng đất Cần Thơ, hòa nhập với người dân bản địa rồi đồng hành phát triển với các tôn giáo bạn suốt hơn 300 năm qua.

Người viết tham luận có nhân duyên nhiều lần về với các khóa tu của Thiền viện Vi Phước - Thốt Nốt - Cần Thơ theo lời mời của Ni sư Chơn Như. Từ nhân duyên đó, tôi được tiếp xúc với rất nhiều Phật tử nơi đây. Phần lớn họ là tín đồ Phật giáo Hòa Hảo nhưng về chùa nghe pháp tu tập và công quả, không có sự phân biệt. Có lẽ do tính chất bao dung khoáng đạt của người Nam Bộ, lại thêm sự vận dụng khéo lý khéo cơ của Ni sư trụ trì và quý Ni sư tại đây mà tín đồ Phật giáo, Phật giáo Hòa Hảo và một số đạo giáo khác nữa đều tụ hội về tu tập như huynh đệ một nhà, tự nhiên và thuần khiết. Ni sư Chơn Như cho biết, không riêng gì Thiền viện Vi Phước mà số đông quần chúng đi chùa, thiền viện, tự viện tại Cần Thơ đều được quý Sư, quý Thầy hướng dẫn sống trong tinh thần “lục hòa” tôn giáo như vậy. Rất hiếm khi xảy ra tình trạng tín hữu đạo này có thành kiến với tín hữu tôn giáo kia. Trong tinh thần giao hảo đó, có không ít tín đồ Phật giáo Hòa Hảo phát nguyện quy y Tam bảo và cho con cháu tu theo Phật giáo với chí nguyện xuất gia cầu đạo giải thoát.

4. Hoàng dương Chánh pháp vì lợi ích nhân sinh và hòa bình thịnh trị của đất nước, dân tộc

Phật pháp được hoàng truyền làm lợi lạc quần sanh suốt 45 năm thời Đức Phật còn tại thế. Sau khi Đức Thế Tôn diệt độ, các vị đại đệ tử tiếp tục sứ mạng hoàng truyền Chánh pháp trên khắp cõi Ấn Độ. Khoảng 200 năm sau khi Phật nhập Niết-bàn, Vua Ashoka đã đưa Phật giáo ra khỏi biên giới Ấn Độ, đến các quốc gia lân cận. Đến nay thì Phật giáo đã hiện hữu trên toàn thế giới.

Sự hình thành và phát triển của Phật giáo luôn gắn liền với sự nghiệp hoàng pháp ứng dụng khéo lý khéo cơ một cách vi diệu với mục đích đem lại an vui và hạnh phúc cho tất cả chúng sanh. Ngay từ thời Đức Phật còn tại thế cho đến ngày nay, hoàng pháp không phải vì muốn thu phục nhiều tín đồ và càng không phải để tôn sùng chủ

nghĩa cá nhân, mà mục đích chính là lan tỏa lời dạy của Đức Phật đến muôn nơi, giúp mọi người tùy duyên ứng dụng Phật pháp vào đời sống để chuyển hóa nỗi khổ niềm đau, cao cả hơn nữa là giác ngộ và giải thoát. Với lòng từ bi vô hạn, Đức Phật đã sách tấn những đệ tử ưu tú của mình: “Này các Tỷ kheo, hãy du hành vì hạnh phúc cho quần chúng, vì an lạc cho quần chúng, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc, cho chư Thiên và loài người. Chớ có đi hai người một nơi. Này các Tỷ kheo, hãy thuyết pháp, sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có nghĩa, có văn. Hãy tuyên thuyết Phạm hạnh hoàn toàn viên mãn, thanh tịnh”¹.

Việc hoằng truyền giáo pháp không chỉ với mục đích cứu khổ ban vui mà còn có một sứ mạng cao cả nữa, đó chính là hộ quốc an dân. Đức Phật dạy: “Này các Tỷ kheo, ngay cả một vị Chuyển luân Thánh vương, một đấng pháp vương chơn chánh, cũng không cai trị vương quốc mình mà không có quốc sư phụ tá”. Khi nghe Ngài nói như vậy, một Tỷ kheo đã bạch Thế Tôn: “Bạch Thế Tôn, nhưng ai là vị quốc sư phụ tá cho vị Chuyển luân Thánh vương, một đấng pháp vương chơn chánh?” Thế Tôn đáp: “Này các Tỷ kheo, đó là Chánh pháp, Chánh pháp chính là quy luật của mọi hành xử chân chính”². Như vậy, hoằng pháp là một nhu cầu bức thiết cho sự an lạc trong đời sống nhân loại và trực tiếp ảnh hưởng đến sự an bình, thịnh trị của đất nước, vì Phật pháp chính là Chánh pháp.

Kết luận

Phật giáo Cần Thơ luôn đồng hành cùng sự phát triển của đất nước, là thành viên trong ngôi nhà đại đoàn kết tôn giáo và dân tộc. Phật giáo Cần Thơ đã phát huy những đức tính từ bi - trí tuệ của người con Phật trong nếp sống tu tập và phổ cập Chánh pháp. Không có khó khăn, thử thách nào cản được bước chân hoằng pháp của các nhà sư. Bằng sự thâm hiểu giáo lý, chứng ngộ đạo pháp, với sự nhẫn

¹ *Tương Ưng Bộ Kinh I* (2014), Chương IV: Tương Ưng Ác Ma, phẩm I, Kinh Bấy sập, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr.128.

² *Trường Bộ Kinh* (2013), Bài kinh 26: Kinh Chuyển luân Thánh vương Sư tử hống, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr.527.

nại, lòng kiên trì và tâm từ bi vô hạn, cuối cùng, ánh sáng Phật Đà luôn tỏa rạng trên đất Cần Thơ - một vùng đất mà sau này nhiều hiện tượng tôn giáo khác cũng chọn để khởi đầu và lan tỏa.

Mặc dù phần lớn Ni giới Cần Thơ không đăng đàn thuyết pháp nhưng chư vị đã hoằng pháp bằng sự hy sinh, đức kiên trì nhẫn nại, đức hạnh khiêm cung... thể hiện qua nhiều Phật sự làm tốt đạo đẹp đời như kiến tạo, trùng tu, xây dựng đạo tràng, từ thiện xã hội, tổ chức khóa tu tập dành cho các lứa tuổi, tiếp cận với quần chúng nhân dân bằng tấm lòng hòa hợp bao dung. Nhờ vậy, Phật giáo Cần Thơ nói chung, Ni giới Cần Thơ nói riêng, đã góp phần làm ổn định và phát triển Phật giáo trong ngôi nhà đại đoàn kết tôn giáo và dân tộc ở vùng Tây Đô này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Như Danh (2022), “Phật giáo Cần Thơ phát triển năng động, đồng hành cùng dân tộc và đất nước”, <https://giacngo.vn/phat-giao-can-tho-phat-trien-nang-dong-dong-hanh-cung-dan-toc-va-dat-nuoc-post61074.html>.
2. Trịnh Hoài Đức, “Gia Định thành thông chí”, <https://vi.wikipedia.org/wiki/>, truy cập ngày 28/01/2024.
3. Nguyễn Thị Mỹ Hạnh (2022), “Hiện tượng tam giáo đồng nguyên thời Trần nhìn từ nguồn gốc và những phương diện biểu hiện”, <https://vansudia.net/hien-tuong-tam-giao-dong-nguyen-thoi-tran/>.
4. Lê Hùng, “Cần Thơ phát huy giá trị tín ngưỡng tôn giáo trong đời sống xã hội”, <http://mattran.org.vn/dan-toc-ton-giao-can-tho-phat-huy-gia-tri-tin-nguong-ton-giao-trong-doi-song-xa-hoi-49857.html>, truy cập ngày 29/01/2024.
5. *Kinh Trung A Hàm* (1992), tập III: Kinh Ưu Ba Ly, phẩm Đại, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, Thành phố Hồ Chí Minh.

6. *Kinh Trường A-hàm*, tập II: Kinh Du Hành, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
7. “Lịch sử hình thành vùng đất Cần Tho”,
<https://diachicantho688791958.wordpress.com/>.
8. Châu Đạt Quan, “Chân Lạp phong thổ ký”, Lê Hương (dịch), <https://www.academia.edu>, truy cập ngày 28/01/2024.
9. GS. TSKH. Trần Ngọc Thêm (Chủ biên, 2022), *Văn hóa người Việt vùng Tây Nam Bộ*, Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.
10. TS. Nguyễn Thị Thanh Thủy, “Tinh thần nhập thế của Phật giáo Việt Nam từ quá khứ đến hiện đại”, Tạp chí *Văn hóa*, số 418.
11. *Trường Bộ Kinh* (2013), Bài kinh 26: Kinh Chuyển luân Thánh vương Sư tử hống, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
12. *Tương Ưng Bộ Kinh I* (2014), Chương IV: Tương Ưng Ác Ma, phẩm I, Kinh Bấy sập, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.

PHẦN 3

GIỚI LUẬT: KHUÔN VÀNG THƯỚC NGỌC CỦA NI LƯU

TÂM QUAN TRỌNG CỦA GIỚI LUẬT ĐỐI VỚI CHƯ NI

NS. TS. Thích Diệu Tâm

Việc giữ gìn và thực thi nghiêm túc luật lệ chung là nền tảng thiết yếu để hình thành nên những giá trị tốt đẹp, mang lại lợi ích thiết thực cho từng cá nhân và hướng đến xây dựng tập thể phát triển vững mạnh, tốt đẹp. Cũng như vậy, Giới Luật chính là mạng mạch cốt tủy của Phật giáo. Đức Phật chế định ra Giới Luật để làm nền tảng pháp lý, giúp răn đe những Tỳ-kheo phạm lỗi, và là “hàng rào phòng hộ” đối với người chưa phạm lỗi, giúp người hành trì không bị xâm hại bởi cái ác, bất thiện pháp, đồng thời là nền tảng đưa đến định và tuệ giải thoát. Giới Luật được xem như nền móng và cột trụ giúp giữ vững ngôi nhà Chính pháp. Do vậy, đệ tử Phật, dù tại gia hay xuất gia, luôn xem việc tuân thủ, giữ gìn Giới Luật là điều thiết yếu của tu học, vì lợi ích của tự thân và sự phát triển của Phật pháp mai sau.

Nguyên tắc là như vậy. Nhưng trong thực tế phát triển của xã hội hiện đại, việc hành trì Giới Luật của đệ tử Phật nói chung, chư Ni nói riêng, có đạt được như vậy? Bài viết bàn về việc hành trì Giới Luật ở một bộ phận Ni trẻ ngày nay.

1. Thực trạng hành trì Giới Luật của các Ni trẻ

Kinh tế - xã hội phát triển; các Ni trẻ thay đổi nhiều trong lối sống, cách ứng xử và xa dần phương thức hành trì truyền thống. Họ được thừa hưởng những thành quả của đời sống hiện đại và sự phát triển của khoa học kỹ thuật, đồng thời cũng được kế thừa một gia tài Phật giáo đồ sộ, vững mạnh như hệ thống chùa chiền, tự viện, những công trình nghiên cứu và dịch thuật của các bậc Tôn túc đi trước. Đó vừa là

điều kiện thuận lợi, vừa là rào cản trong việc tu tập của các Ni trẻ. Bởi vì, khi tài vật hưng thịnh thì lậu hoặc dễ phát sinh; các dục cũng giống như chút mật ngọt trên lưỡi dao, sinh tâm ham muốn có thể gây tổn thương cho mình và cho người. Đức Phật thường dạy chúng đệ tử nên “muốn ít”, “biết đủ” và luôn hài lòng với những gì mình có. Bởi vì: “Cách sống thiếu dục, tri túc không có nghĩa là sống hèn hạ, an phận, thiếu hiểu biết, thiếu nỗ lực vươn đến sự phát triển, trái lại, đó là cách sống sáng suốt và cao thượng, hạn chế lòng vị kỷ, sống hài hòa với thiên nhiên, không làm tổn hại môi trường, vì nhận biết được những gì nên khai thác và khai thác đến mức độ nào, những gì cần bảo vệ để cho con em thế hệ kế tiếp của chúng ta khai thác”¹. Đây cũng là cách rèn luyện nội tâm trở nên mạnh mẽ để chống lại chính sự tham lam, ích kỷ của tự thân, đồng thời là cách phát triển lòng từ bi, sự biết ơn đối với những người xung quanh.

Một bộ phận Ni trẻ ngày nay có tâm lý sống phụ thuộc, ích kỷ, ỷ lại, đi đến những nơi không nên đến, làm những việc thế tục mà một tu sĩ Phật giáo lẽ ra không nên tham gia, vô tình trở thành cái có để ngoại đạo chống phá đạo Phật. Nguyên nhân một phần do các Ni trẻ được sinh ra, nuôi dưỡng, đào tạo trong môi trường hội nhập kinh tế, văn hóa và xã hội, nên họ có suy nghĩ phóng khoáng và mở rộng hơn so với các thế hệ trước. Vì lẽ đó, khi được đưa vào khuôn phép của Giới Luật, họ thấy khó hòa nhập, phát sinh cảm giác ngột ngạt và muốn thoát ra khỏi “hàng rào” ấy.

Hơn nữa, các Ni trẻ chưa được trang bị đầy đủ kiến thức Phật học, chưa có nhiều trải nghiệm, hành trì và chưa có sự chứng ngộ, nên khi có điều kiện tiếp xúc với thế giới bên ngoài bằng nhiều phương tiện khác nhau, họ dễ mất phương hướng, dễ bị lôi kéo ra ngoài vùng an toàn của Giới Luật. Không chỉ bị cuốn ngược trở lại với vòng xoáy thế tục, một số khác còn “thế tục hóa” nếp sống thiền môn, mặc dù vẫn duy trì hình thức của một tu sĩ Phật giáo. Vấn đề mấu chốt ở đây

¹ HT. Thích Trí Quảng (2008), *Phật giáo nhập thế và phát triển*, quyển 1, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.

chính là việc các Ni trẻ chưa hiểu rõ tầm quan trọng của Giới Luật đối với đời tu học của một tu sĩ. Một số Ni trẻ cũng chưa coi trọng việc học và thực hành Giới Luật nghiêm túc. Vì vậy, khi gặp ngoại duyên, họ dễ dàng đánh mất chính kiến, lãng quên những giới điều đã học.

Thực tế, ngày càng có nhiều Ni trẻ vi phạm Giới Luật, cư xử và hành động giống thế tục. Chúng ta có thể dễ dàng tìm thấy tin bài liên quan đến hiện tượng này đăng tải trên các mặt báo hay các trang mạng xã hội. Tuy nhiên, đó chỉ là một bộ phận nhỏ. Phần lớn chư Ni trẻ vẫn có chính kiến, hiểu được giá trị của Giới Luật và cố gắng phát huy, nhờ vậy mà đạt thành quả trong tu học.

2. Những ngộ nhận về Giới Luật ở Ni trẻ

Xã hội càng phát triển thì đời sống vật chất càng cải thiện, những cám dỗ của dục lạc thế gian cũng tăng theo cấp số nhân. Các Ni trẻ dù muốn hay không vẫn phải hòa vào nhịp sống thời đại, bị quay cuồng trong vòng xoáy của đạo và đời. Trong bối cảnh ấy, một số Ni trẻ cho rằng Giới Luật do Phật chế định không còn phù hợp và cần phải thay đổi. Ví như vài năm gần đây, một số Ni ở Đài Loan xin bãi bỏ Bát Kinh Pháp. Họ cho rằng đó là sản phẩm của tư tưởng trọng nam khinh nữ, là một sự chèn ép Ni giới, trong khi xã hội hiện đại tôn trọng sự bình quyền. Bát Kinh Pháp là những giới điều làm cho Ni giới bị tụt hậu, không thể đứng ngang hàng với chư Tăng. Thực chất, những suy nghĩ “tân tiến” đó, một phần do ảnh hưởng của văn hóa, xã hội; nhưng lý do chính là họ quá khắt khe và có ác cảm với hai từ “Giới - Luật”, chưa có cái nhìn thấu đáo về giới điều. Thực chất, giới điều chỉ là phương tiện thiện xảo giúp bảo vệ người tu sĩ, đồng thời có chức năng làm bàn đạp cho hành giả bước đến gần hơn con đường giải thoát, giác ngộ.

Các Ni trẻ ngày nay đang “sống trong lòng thế tục”, dù là những người phát tâm xuất gia, tu theo Phật đạo và tự chấp nhận nếp mình trong nếp sống thiền môn. Cuộc sống hiện đại có quá nhiều tác động khiến cho các Ni trẻ có sự so sánh giữa Tăng và tục. Mặt khác, như

Đức Phật từng nói, các dục lạc thường được tìm thấy nơi tuổi trẻ¹. Ni trẻ là những người mới bước chân vào con đường tìm cầu chân lý nên còn non kém trong việc tu học, chưa có đủ nhận thức về giáo lý và cũng chưa có sự hành trì Giới Luật nghiêm mật khi đối diện với sự hấp dẫn của những dục lạc bên ngoài.

3. Vai trò của Giới Luật

3.1. Giới là cội gốc của mọi điều lành

Giới Luật là nền tảng đạo đức, là nơi thành tựu mọi thiện pháp. Người đệ tử Phật muốn đạt đến mục đích tối hậu, trước tiên phải xác định được mục tiêu chính của việc tu tập. Dù hành giả thực hành pháp môn nào thì cũng không nằm ngoài mục tiêu tránh xa những điều bất thiện, cố gắng làm hạnh thiện lành, giữ cho tâm ý luôn trong sạch, thanh tịnh, dứt trừ tham, sân, si, phiền não trong tâm và đoạn tận các dục lạc thế gian. Đức Phật ví các dục như đầu rắn, nếu muốn bắt rắn thì phải nắm lấy cái đầu, nếu nắm sai (vào thân hoặc đuôi rắn) thì chẳng những không bắt được rắn, phí sức uổng công, vui ít khổ nhiều, phiền não nhiều mà còn gây nguy hiểm cho bản thân².

Cũng như vậy, để đạt được an lạc và trí tuệ, hành giả cần phải lấy Giới Luật làm nền tảng, xem đó như chìa khóa để mở cánh cửa giải thoát, là bậc thang thứ nhất để tiến bước trên lộ trình “Tam vô lậu học”. Vì Giới như ngọn đèn sáng, có khả năng xua tan bóng tối trong đêm dài vô minh. Giới như gương báu soi khắp cả pháp giới mà ở đó có những nơi dù cho ánh sáng của mặt trời, mặt trăng cũng không thể soi tới. Giới như viên ma-ni bảo châu, loại ngọc sáng và quý giá nhất trên đời được ban đến những người nghèo cùng khổ³. Giới cũng được xem như mảnh đất tốt tươi, màu mỡ mà ở đó hạt giống nào có thể mang lại lợi ích cho quần sinh đều có thể sinh trưởng tốt tươi,

¹ HT. Thích Minh Châu (Dịch, 1996), *Kinh Tăng Chi Bộ II*, Chương V, phẩm Súc mạnh hữu học, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, Thành phố Hồ Chí Minh, tr.311.

² HT. Thích Minh Châu (Dịch, 2012), *Kinh Trung Bộ I*, Kinh số 22: Kinh Ví Dụ Con Rắn, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.

³ HT. Thích Trí Tịnh (Dịch, 2002), *Kinh Phạm Võng*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.

mang lại hương thơm, quả ngọt cho đời. Chính nơi ấy, người trì Giới cũng đã tự đạt được 5 điều lợi ích lớn, đó là: tiền của dồi dào do sống không phóng dật; tiếng tốt đồn xa; đi vào hội chúng không bối rối, sợ hãi; khi mạng chung tâm không loạn; khi mạng chung được sinh vào cõi an lành¹.

Người xuất gia phải xem Giới Luật như là mạng sống, dù phạm lỗi nhỏ cũng làm tổn giảm thiện căn, hưởng chi những lỗi thuộc vào giới cốt lõi, những trọng giới không thể sửa đổi và không thể sám hối được như Ba-la-di, Tăng-già-bà-thi-sa và Bất định giới. Nếu Tỳ-kheo phạm một trong những giới trên thì chính là xa rời con đường thiện hạnh, tự đập đổ ngôi nhà thiện pháp, giống như cây dừa, cây cau chỉ có một ngọn duy nhất, nếu bị chặt đứt đầu thì không thể tiếp tục sống và không thể sống lại được, lại ví như người bị què chân không thể đi được, cũng như xe vào đường hẻm lo mất chốt, gãy trục vậy².

3.2. Tăng trưởng Bồ-đề tâm

“Bồ-đề tâm” chính là tâm thiết tha, khát khao sự giác ngộ giải thoát tối thượng. Người có tâm Bồ-đề kiên cố là người có năng lượng mạnh mẽ, một lòng mong muốn vượt thoát khỏi sự mê mờ của màn sương vô minh. Năng lượng ấy sinh khởi từ việc tự mình chiêm nghiệm, thực hành và kết quả đạt được chính là sự an lạc từng ngày trong quá trình tu tập.

Tuy nhiên, các Ni trẻ là những người sơ phát tâm, vẫn còn là những “cây non” chưa đủ cành lá và gốc rễ để có thể chống lại những tác động của ngoại cảnh, cũng chưa trang bị đủ năng lực và sự kiên cố của tâm thức để chống đỡ lại những hấp dẫn của lợi dưỡng bên ngoài, chưa thể đương đầu với những chúng ma phiền não dẫn đến việc để thoái thất Bồ-đề tâm khi gặp biến cố. Do vậy, Tỳ-kheo-ni trẻ cần phải nương vào Giới Luật, lấy đó làm vũ khí sắc bén để tự bảo vệ

¹ HT. Thích Minh Châu (Dịch, 1991), *Kinh Trường Bộ I*, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, Thành phố Hồ Chí Minh.

² HT. Thích Chơn Thiện (Dịch, 1998), *Tỳ-kheo-ni Giới Bản*, Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.

mình, không bị các dục và triền cái khuyến dụ. Giới Luật cũng giống như một chiếc neo, khi con thuyền được thả neo, có một điểm trụ thì dù bị sóng xô hay gió đẩy theo hướng nào, nó vẫn cố định và xoay vòng tại một điểm. Cho nên:

Bậc trí an trú Giới

Tu tập Tâm và Tuệ

Nhiệt tâm và thận trọng

Tỳ khiêu ấy thoát trần¹.

Người giữ Giới trong sạch, không có sự hủy phạm, sai sót, sẽ sinh ra nhiều công đức lành. Như trong *Kinh Hoa Nghiêm* nói: “Giới Luật chính là mẹ sinh ra các công đức”, và từ đó sẽ càng sinh khởi niềm tin nơi Giáo pháp bằng chính sự chứng ngộ của mình.

3.3. Kiểm thúc oai nghi bằng việc trì Giới

Người xuất gia có hai việc lớn cần phải luôn tự mình kiểm thúc, đó chính là “thân và tâm”, trong đó “thân” là những hình thức, tướng trạng, những biểu hiện có thể thấy được bên ngoài. “Tu thân” chính là tự mình ý thức trong việc đi, đứng, nằm, ngồi, ăn, uống, ngủ, nghỉ sao cho thật nghiêm trang, tác phong, lời nói phải thật nhu nhuyến, nhẹ nhàng. Tuy nhiên, đây không phải là một việc đơn giản. Dù người xuất gia đã chọn lối sống rời xa gia đình, sống không gia đình, nhưng các Ni trẻ vẫn phải sinh hoạt và va chạm với đời sống thế tục, vì nhiệm vụ của các Ni trẻ là mang Chính pháp trực tiếp truyền đạt, lan tỏa đến nhân gian. Tu sĩ là những hình mẫu lý tưởng của đạo đức, phép tắc, lễ nghi, là bậc thầy mô phạm cho tín đồ Phật tử noi theo và phát khởi tín tâm vào Giáo pháp. Muốn được như vậy, các Ni trẻ cần phải nương theo Giới Luật, “sống với đời sống của Giới Luật”, không xa rời Giới Luật, dùng Giới Luật như món trang sức đẹp để, tự trang nghiêm bản thân mình.

¹ HT. Thích Minh Châu (Dịch, 1991), *Kinh Tương Ưng I*, Thiên Có Kệ, Chương I - Tương Ưng Chư Thiên III, phẩm Kiểm (S.1,13), Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Phương hướng phát huy vai trò của Giới Luật trong xã hội hiện đại

Đức Phật đã xác quyết với ngài Mục Kiền Liên rằng: Niết-bàn là có thật và có con đường đưa hành giả đến được Niết-bàn. Đức Phật chỉ là người chỉ đường. Ngài đã dùng các phương tiện để giáo huấn, tuy nhiên, có thể đạt được cứu cánh, Niết-bàn hay không, còn tùy thuộc vào sự hành trì của từng người. Đức Thế Tôn ghi nhận những sở hành ấy chính là cứu cánh đưa đến Lộ tận¹.

Theo như lời dạy trên của Đức Phật, là người tiếp bước sự nghiệp của chư Phật, chư Tổ, các Ni trẻ cần phải có nhiều nỗ lực và quyết tâm hơn trong việc tu học. Cần phải xác quyết rằng dù thời đại có khác nhau, dù xã hội đã thay đổi, nhưng Giới Luật không bao giờ “lỗi thời”. Đây luôn là nền tảng hướng hành giả đến lối sống đạo đức, là ngọn đuốc soi sáng vượt không gian và thời gian cho những ai đang trên con đường hoàn thiện nhân cách và tiến hóa tâm linh.

Hiểu được tầm quan trọng của Giới Luật, các Ni trẻ nên tự lập trình cho mình con đường hành trì phù hợp với bản thân, thường xuyên đọc tụng Giới, kèm theo đó là sự tư duy và áp dụng ngay trong đời sống thực tiễn, “Hãy sống đầy đủ Giới, đầy đủ Giới bốn, được chế ngự với sự chế ngự của Giới bốn. Hãy sống đầy đủ Uy nghi chính hạnh, thấy sợ hãi trong các lỗi nhỏ nhất, chấp nhận và học tập trong các Học pháp”². Nên thực hành các Học giới ngay sau khi được học, đừng xem thường các lỗi nhỏ vì đó có thể trở thành tập tính không tốt cho việc tu tập. Và rằng: “không có gì gọi là lỗi lầm nhỏ mọn cả, ngay đến những lỗi nhỏ nhất cũng phải được người trí điều phục”³.

¹ Thích Nguyên Hùng (Biên soạn, 2014), *Tổng Quan Bốn Bộ A Hàm - Toát yếu kinh Trung A Hàm*, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội.

² HT. Thích Minh Châu (Dịch, 1996), *Kinh Tăng Chi Bộ 1*, Chương IV, Bốn Pháp II, Phẩm Hành, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, Thành phố Hồ Chí Minh.

³ HT. Thích Minh Châu (Dịch, 2015), *Kinh Tiểu Bộ*, Tập 5, Chương Mười một bài kệ, Hà Nội.

Siêng năng học tập và hành trì lời Phật dạy với sự tư duy, Thiền định và Trí tuệ, không bị dẫn dụ và chạy theo những tài vật thế gian. Về điều này, Đức Phật đã khuyến dạy các đệ tử rằng: “Này các Tỷ khiêu, hãy là người thừa tự Pháp của ta, đừng là người thừa tự Tài vật”¹. Tăng sĩ Phật giáo là những người đã phát nguyện sống đời Phạm hạnh, rời xa gia đình, sống không gia đình để được thành tựu tâm linh nên cần phải hiểu sự tạm bợ của các sắc tướng bên ngoài. Đệ tử Phật chân chính là người có thể “thấy Pháp” của Phật. Những ai thấy được Pháp Tứ đế và Duyên khởi thì người ấy đã thấy Đức Phật. Ngược lại, nếu không thấy được Pháp Duyên khởi thì “chúng sinh hiện tại bị rối loạn như một tổ kén, rối ren như một ống chỉ, giống như cỏ cây và lau sậy, không thể nào ra khỏi khổ xứ, ác thú, đọa xứ, sinh tử”².

Kết luận

Tóm lại, Giới Luật giữ vai trò then chốt trong quá trình tu học của tu sĩ Phật giáo. Các Ni trẻ là những người vẫn còn vọng động và quay cuồng theo tự ngã, thân và tâm dễ bị nhiễm ô theo sự cám dỗ của dục lạc. Chính vì vậy, Giới Luật giữ vai trò như sợi dây neo giúp con thuyền tâm thức có nơi bám trụ, đồng thời Giới Luật còn giúp mang lại sự bình ổn và bền vững, không bị dao động trước những thay đổi, biến cố trong cuộc đời. Ví như người không có vết thương nào, lại cẩn thận và khéo phòng hộ thì chất độc không cách nào xâm nhập và làm hại cơ thể được. Người trì Giới cũng như vậy, nhờ nương theo Giới Luật mà sinh ra các môn Thiền định và Trí tuệ diệt khổ, các Pháp lành cũng được sinh ra từ việc giữ Giới³.

¹ HT. Thích Minh Châu (Dịch, 2012), *Kinh Trung Bộ 1* - Kinh Thừa Tự Pháp, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.

² HT Thích Minh Châu (Dịch, 1991), *Kinh Trường Bộ 1*, Kinh số 15 - Kinh Đại Duyên, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, Thành phố Hồ Chí Minh.

³ Đoàn Trung Còn, Nguyễn Minh Tiến (Dịch, 2010), *Kinh Di Giáo*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. HT. Thích Minh Châu (Dịch, 1991), *Kinh Trường Bộ 1*, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, Thành phố Hồ Chí Minh.
2. HT. Thích Minh Châu (Dịch, 1991), *Kinh Tương Ưng 1*, Thiên Có Kệ, Chương I - Tương Ưng Chư Thiên III, Phẩm Kiêm (S.1,13), Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, Thành phố Hồ Chí Minh.
3. HT. Thích Minh Châu (Dịch, 1996), *Kinh Tăng Chi Bộ 1*, Chương IV, Bốn Pháp II, Phẩm Hành, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, Thành phố Hồ Chí Minh.
4. HT. Thích Minh Châu (Dịch, 1996), *Kinh Tăng Chi Bộ II*, Chương V - Phẩm Sức Mạnh Hữu Học, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, Thành phố Hồ Chí Minh.
5. HT. Thích Minh Châu (Dịch, 2012), *Kinh Trung Bộ 1*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
6. HT. Thích Minh Châu (Dịch, 2015), *Kinh Tiểu Bộ*, Tập 5, Chương Mười một bài kệ, Hà Nội.
7. Đoàn Trung Còn, Nguyễn Minh Tiến (Dịch, 2010), *Kinh Di Giáo*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
8. Thích Nguyên Hùng (Biên soạn, 2014), *Tổng quan bốn bộ A Hàm - Toát yếu kinh Trung A Hàm*, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội.
9. HT. Thích Trí Quảng (2008), *Phật giáo nhập thế và phát triển*, Quyển 1, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
10. HT. Thích Chơn Thiện (Dịch, 1998), *Tỳ-kheo-ni Giới Bốn*, Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.
11. HT. Thích Trí Tịnh (Dịch, 2002), *Kinh Phạm Võng*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.

ĐỨC PHẬT BAN HÀNH PHÁP VÀ LUẬT ĐỂ GIÁO DỤC NI GIỚI

NS. Thích nữ Diệu Nghĩa

Về việc xác định chính xác thời điểm hình thành Ni đoàn, cho đến nay, vẫn chưa có sự đồng nhất giữa các nguồn tư liệu hiện còn. Nhưng những yếu tố tiền đề cần thiết dẫn đến sự hình thành Ni đoàn - đánh dấu việc Thế Tôn đồng ý cho Ni giới được tham gia Giáo hội Tăng già - thì không có gì phải bàn cãi.

1. Bát Kinh Pháp: Duyên khởi và hàm ý

1.1. Duyên khởi

Phát tâm tìm cầu Chánh pháp, muốn được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, sống trong Pháp luật của Đức Phật, đó là chí nguyện kiên cường của Di Mẫu Kiều Đàm cùng 500 thể nữ dòng họ Thích-ca. Sau khi đã từ chối nhiều lần để thử thách họ, cuối cùng, Đức Phật cũng đồng ý cho Bà và 500 thể nữ xuất gia với điều kiện là suốt đời họ phải tuân thủ tám pháp cung kính từng phục chư Tăng mà Ngài đặt ra. Tám pháp đó được biết đến với tên gọi Bát Kinh Pháp. Tám pháp này, ví như phòng chống nước lũ, khéo đắp sửa đê điều, không để nó rỉ chảy¹.

Đức Kiều Đàm Di và 500 thể nữ đều hoan hỷ chấp thuận như tiếp nhận được vòng hoa trang sức, rồi kể từ đó, Tăng đoàn có đầy đủ hai bộ Tăng già và phát triển cho đến ngày hôm nay. Nội dung của Bát Kinh Pháp như sau:

¹ Tỳ-kheo Minh Như (Dịch, 2005), *Kinh Đại Ái Đạo Tỳ-kheo-ni*, Viện Cao đẳng Phật học Huệ Nghiêm, tr.17.

(1) Dù Tỳ-kheo-ni đã 100 tuổi hạ, khi gặp Tỳ-kheo mới thọ giới vẫn phải ân cần tiếp rước, cung kính tôn trọng, đứng lên lễ bái.

(2) Tỳ-kheo-ni không được mắng chửi, quở trách, phi báng Tỳ-kheo.

(3) Tỳ-kheo-ni không được cử tội Tỳ-kheo.

(4) Thức-xoa-ma-na khi học giới xong phải đến bên Tỳ-kheo cầu xin thọ Cụ túc giới.

(5) Khi Tỳ-kheo-ni phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa thì phải đối trước hai bộ Tăng để hành pháp ý hi (Ma-na-đỏa) trong vòng 15 ngày.

(6) Tỳ-kheo-ni mỗi nửa tháng phải đến Tỳ-kheo để xin dạy bảo.

(7) Tỳ-kheo-ni không được An cư Kiết hạ nơi không có Tỳ-kheo ở.

(8) Tỳ-kheo-ni Kiết hạ An cư xong, phải đến bên Tỳ-kheo, cầu xin chỉ rõ về ba sự thấy, nghe và nghĩ.

1.2. Hàm ý

Thời Đức Phật còn tại thế, xã hội Ấn Độ phân tầng giai cấp rất sâu sắc. Bị áp đặt bởi luật Manus vốn đã được chấp nhận từ lâu đời, người phụ nữ bị cấm đoán và coi thường đủ điều, không có quyền tự quyết, mất cả sự tự do, mọi việc hoàn toàn phụ thuộc vào nam giới. Cho nên, dù là hàng Tăng lữ, vẫn có thể còn mang định kiến.

Đức Phật nhìn thấy điều đó nên Ngài chế ra Bát Kinh Pháp để chuyển hóa tâm tưởng của chư Tăng. Các thầy thấy rằng nữ giới có bình đẳng với chư Tăng là bình đẳng về phần tâm linh, bình đẳng trên cương vị Phật tánh và bình đẳng trên phương diện giác ngộ giải thoát, chứ không bình đẳng về chức năng, quyền hạn thân ngũ uẩn vật lý này. Đức Thế Tôn thiết lập quy chế Bát Kinh Pháp, tạo mối hòa hảo tốt đẹp trong Tăng đoàn để cùng nhau phát triển Giáo hội Tăng già. Ví như trong một gia đình hạnh phúc, cha mẹ nhân từ, con cái hòa thuận thì người anh trai có trách nhiệm giáo huấn, bảo hộ em gái mình.

Liên hệ đến những điều Đức Phật chế định, ta thấy:

“Cứ mỗi nửa tháng phải đến xin chư Tăng dạy bảo”, nghĩa là người anh cả phải quan tâm đến em gái của mình.

“Tỳ-kheo-ni không được mắng chửi, cử tội Tỳ-kheo”, cũng như bốn phận người em gái không được vô phép, hỗn hào, phải tôn trọng anh trai.

“Không được An cư Kiết hạ nơi không có Tỳ-kheo ở”, thể hiện tinh thần trách nhiệm bảo hộ của người anh cả.

“Tỳ-kheo-ni sau 3 tháng An cư Kiết hạ thì phải đến chỗ Tỳ-kheo cầu xin chỉ rõ về ba sự thấy, nghe, và nghĩ”. Đây là tinh thần trách nhiệm giáo huấn của người anh.

Như vậy, Bát Kinh Pháp giúp cho Ni giới có cái tâm và cái tầm nhìn về Đức Phật. Pháp luật của Ngài ban hành là tạo cho Ni đoàn có niềm tin vững mạnh, có sự khích lệ bảo hộ của cộng đồng Tăng già.

2. Đức Phật hóa giải nghi vấn trong Tăng đoàn và ngoại đạo

Lúc bấy giờ, khi Đức Phật cho phép nữ giới xuất gia, đồng thời thành lập Ni đoàn, thì Tôn giả Ananda và du sĩ ngoại đạo Vacchagotta đã có một số chất vấn như sau:

* Tôn giả Ananda hỏi:

- Bạch Thế Tôn, liệu nữ nhon sau khi xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình có thể chứng được các quả vị hay không?

Đức Phật đã nói:

- Sau khi xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, trong pháp và luật do Như Lai thuyết giảng, nữ nhân có thể chứng được Dự Lưu quả, Nhất Lai quả, Bất Lai quả hay A La Hán quả¹.

* Du sĩ ngoại đạo Vacchagotta hỏi Đức Phật:

- Thưa ngài Cù Đàm, ngoài các Tỳ-kheo Tăng, liệu có một Tỳ-kheo-ni nào đã đoạn trừ các lậu hoặc chứng đạt thắng trí ngay trong hiện tại không?

Đức Phật trả lời:

¹ HT. Thích Minh Châu (Dịch, 1998), *Kinh Tăng Chi Bộ*, tập III, phẩm Gotami, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, Thành phố Hồ Chí Minh, tr.114.

- Không phải chỉ một trăm, hai trăm, ba trăm, bốn trăm, năm trăm mà còn nhiều hơn thế nữa là những Tỳ-kheo-ni đệ tử của ta, đã đoạn trừ các lậu hoặc, với thượng trí tự mình chứng ngộ, chứng đạt và an trú ngay trong hiện tại, vô lậu tâm giải thoát và tuệ giải thoát¹.

3. Những thành quả của Ni đoàn khi sống trong Pháp luật của Đức Phật

Sau khi nữ giới được Đức Phật cho phép xuất gia và gia nhập Tăng đoàn, Ni đoàn phát triển nhanh chóng, thật sự lớn mạnh, nhiều Tỳ-kheo-ni hạ thủ công phu để tiến đức nghiêm thân, đạt kết quả hết sức khả quan. Điển hình là 72 vị trong Trưởng lão Ni kệ đắc quả A-la-hán, một số vị tiêu biểu đã được Đức Thế Tôn xác nhận lúc Ngài ở Tịnh xá Kỳ Viên.

(1) Nữ Tôn giả kinh nghiệm đệ nhất và lãnh đạo Ni đoàn, Māhāpajāpati Gotami.

(2) Nữ Tôn giả Khema, Trí tuệ tối thắng.

(3) Nữ Tôn giả Uppalavanna (Liên Hoa Sắc), Thần thông tối thắng.

(4) Nữ Tôn giả Patācārā (Bảo hộ nữ nhân), Trì luật tối thắng.

(5) Nữ Tôn giả Dhammānā, Thuyết pháp tối thắng.

(6) Nữ Tôn giả Nandā, Thiền định tối thắng.

(7) Nữ Tôn giả Sonā, Tinh tấn tối thắng.

(8) Nữ Tôn giả Sakulā, Thiên nhãn tối thắng.

(9) Nữ Tôn giả Bhaddā Kundalakesā, Lĩnh hội ý pháp tối thắng.

(10) Nữ Tôn giả Bhaddā Kapilānī, Nhớ đến các thời quá khứ tối thắng.

(11) Nữ Tôn giả Bhaddā Kaccānā, Chứng đạt đại thắng trí tối thắng.

(12) Nữ Tôn giả Kisāgotami, Khổ hạnh tối thắng.

4. Đức Phật kết giới để thống nhiếp Ni đoàn

Đại Ái Đạo Kiều Đàm Di cung kính tiếp nhận Bát Kinh Pháp và Đức Thế Tôn còn trao thêm 10 giới Sa-di-ni. Nhờ tài lãnh đạo, huấn luyện khéo léo của Tổ Kiều Đàm, Ni đoàn phát triển nhanh chóng,

¹ HT. Thích Minh Châu (Dịch, 1998), *Trung Bộ Kinh*, tập II, Đại Kinh Vacchagotta, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, Thành phố Hồ Chí Minh, tr.236.

thật sự lớn mạnh nhưng trong chúng lại sinh ra những hiện tượng vi phạm nguyên tắc sống, làm cản trở lộ trình giác ngộ giải thoát. Vì vậy, Đức Phật đã chế định thêm nhiều Giới Luật cho Ni giới để phòng vệ thân tâm, không rơi vào điều xấu ác, làm tổn giảm đạo đức. Kết quả là Tỳ-kheo-ni phải giữ 348 giới.

Giới Luật của Đức Phật thiết lập gồm đủ hai yếu tố: *Pháp luật* và *Đạo đức*. Đó chính là những điều kiện cần và đủ để duy trì dòng lưu chuyển mạng mạch Phật pháp. Từ nền tảng Giới Luật, thông qua Tam vô lậu học (Giới - Định - Tuệ) mà kiện toàn nhân cách đến Thánh hạnh. Tu tập pháp môn căn bản này là loại trừ được phiền não Tham, Sân, Si, Ái dục, thân tâm thanh tịnh, mọi hành động sáng suốt, có trí tuệ chỉ đạo. Đồng thời tư duy, quán chiếu ngay tự thân tâm, dứt sạch vô minh, phát triển Thánh trí tối thắng, đạt đến sự Giác ngộ giải thoát ngay trong thế gian này. Do đó, trong *Kinh Niết-bàn*, Đức Phật dạy: “Muốn thấy được Phật tánh thì phải thọ trì Giới Luật, do Giới mà hiển bày được Phật tánh và thành Phật.” Về mặt tổ chức, Ni đoàn phải có kỷ cương, kỷ luật, tức là nhờ Giới Luật mới có trật tự, không có sự bất bình, đưa đến vừa ý nên tâm có hỷ lạc, định tĩnh, và trí tuệ bừng sáng mới chán 5 trần (sắc, thanh, hương, vị, xúc), lìa cảm thọ, dứt tội lỗi, có giải thoát, chứng đắc quả tâm cao thượng (Niết-bàn).

Giới có bốn loại căn bản là Giới Pháp, Giới Thể, Giới Hạnh và Giới Tướng. Giới có năng lực đoạn trừ các điều ác, thành tựu mọi việc lành, tu hành sẽ được Chánh định và Giải thoát, chứng quả Bồ-đề Vô thượng. Thực tập Giới Luật thì hiểu rõ điều nào nên làm để được hạnh phúc, an lạc, điều nào nên tránh để tránh khỏi khổ đau. Bài kệ trong *Kinh Pháp Cú* thể hiện rõ tinh thần Giới Luật:

Đừng làm các việc ác

Hãy làm các việc lành

Giữ tâm ý trong sạch

Đó là lời Phật dạy.

Giới Luật và Trí Tuệ có liên quan mật thiết với nhau. Người có trí tuệ tất nhiên nghiêm trì Giới Luật; ngược lại, người trì Luật nghiêm túc chắc chắn là do Trí tuệ. Giới hạnh và Trí tuệ là điều tối thắng trên đời, nên *Kinh Chứng Đức*, Thế Tôn nói rằng: “Nơi nào có Giới Luật thì nơi đó có Trí Tuệ, nơi nào có Trí Tuệ thì nơi đó có Giới Luật”¹.

Giới Luật có công năng duy trì mạng mạch Phật pháp bền vững. Cho nên, trước khi Đức Thế Tôn nhập Niết-bàn, Ngài còn di giáo: “Sau khi Như Lai diệt độ, các người hãy lấy Giới Luật làm thầy, Giới Luật còn là Phật pháp còn.”

Kết luận

Nhận xét một cách khách quan, Đức Phật chấp nhận cho nữ giới xuất gia, thành lập Ni đoàn, đồng thời được gia nhập vào đoàn thể Tăng già, vì nữ giới cũng có khả tính đặc Thánh trí quả từ Tu-đà-hoàn đến A-la-hán quả, nhưng phải được giáo dục bằng Pháp và Luật mà Đức Phật đã chế định. Vậy, Bát Kinh Pháp và Giới Luật là kỷ cương, kỷ luật mà Ni giới phải thực hiện nghiêm túc suốt hành trình tu học để hoàn thiện tự thân và đạt Thánh quả Vô thượng Bồ-đề, Niết-bàn tịch tịnh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. HT. Thích Minh Châu (Dịch, 1991), *Kinh trường A-hàm*, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, Thành phố Hồ Chí Minh.
2. HT. Thích Minh Châu (Dịch, 1998), *Kinh Tăng Chi Bộ*, tập III, phẩm Gotami, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, Thành phố Hồ Chí Minh.

¹ HT. Thích Minh Châu (Dịch, 1991), *Kinh trường A-hàm*, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, Thành phố Hồ Chí Minh, tr.99.

3. HT. Thích Minh Châu (Dịch, 1998), *Trung Bộ Kinh*, tập II, Đại Kinh Vacchagotta, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, Thành phố Hồ Chí Minh.
4. Tỳ-kheo Minh Như (Dịch, 2005), *Kinh Đại Ái Đạo Tỳ-kheo-ni*, Viện Cao đẳng Phật học Huệ Nghiêm.

ĐỨC THẾ TÔN TỪ CHỐI CHO NGƯỜI NỮ XUẤT GIA: ĐÔI ĐIỀU LUẬN BÀN

Thích nữ Dung Từ

Tư tưởng trọng nam khinh nữ là vấn đề của nhiều thời đại. Vào thời Đức Phật, vấn đề này càng khắt khe. Giáo pháp mà Đức Thế Tôn tuyên thuyết nhằm giúp chúng sanh vượt thoát khổ đau, đến bờ giải thoát, trên tinh thần từ bi và bình đẳng. Thế nhưng việc xuất gia của người nữ, ban đầu lại bị Đức Phật từ chối. Sự việc này đã được ghi trong *Kinh A-hàm* và *Nikaya*. Vì sao lại có việc này? Chúng ta hãy cùng suy ngẫm để hiểu rõ vấn đề!

1. Câu chuyện cầu pháp của Mahàpajàpatì Gotamì

Mahàpajàpatì Gotamì, phiên âm Hán là Ma Ha Ba Xà Ba Đề, nghĩa là Đại Ái Đạo Kiều Đàm Di (rất yêu đạo), là dì ruột, cũng là kế mẫu của Thái tử Siddhatta. Sau khi Hoàng hậu Mahà Mayà hạ sinh Thái tử được bảy ngày thì qua đời, bà Mahàpajàpatì trực tiếp nuôi dạy Thái tử khôn lớn. Thái tử trưởng thành và quyết chí xuất gia, tìm cầu chân lý giải thoát. Sau ngày thành đạo, Đức Phật trở về thăm quê hương Kapilavatthu theo lời thỉnh cầu của Vua Suddhodana - cha Ngài. Ngài trở về cung điện thuyết pháp cho vua và hoàng tộc; sau khi lãnh thọ Chánh pháp của Đức Thế Tôn, bà Mahàpajàpatì Gotamì chứng sơ quả nhập lưu¹.

¹ Tỳ-kheo Minh Huệ (Dịch, 2019), *Đại Phật sử*, tập 3, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội, tr.84.

Vua Suddhodana nhập Niết-bàn sau khi chứng đắc quả vị A-la-hán. Khi ấy, Di mẫu Mahàpajàpatì Gotamì đến thỉnh cầu Đức Thế Tôn cho người nữ xuất gia, gia nhập Tăng đoàn, thực hành đời sống Phạm hạnh. Bà đã ba lần thỉnh cầu nhưng Đức Thế Tôn đều từ chối. “Bà khổ sở, buồn rầu, mặt đầm đìa nước mắt, trong khi khóc lóc, đã đành lễ Đức Thế Tôn rồi rời đi”¹.

Sau đó, Đức Thế Tôn tiếp tục du hành đến Vesali, Ngài trú ở Mahāvana, giảng đường Kūṭāgāra. Với tấm lòng quyết tâm cầu pháp, bà Mahàpajàpatì Gotamì đã tự cạo tóc, khoác y phục màu Ca-sa, cùng với nhiều nữ nhân dòng Sakya đi bộ hướng về thành Vesali. “Bà Mahàpajàpatì Gotamì với hai chân sưng vù, thân hình phủ đầy bụi bặm, khổ sở, buồn rầu, mặt đầm đìa nước mắt, đang khóc lóc, đứng ở ngoài cổng ra vào”². Tôn giả Ānanda nhìn thấy bà Mahàpajàpatì Gotamì và đoàn nữ nhân dòng họ Sakya như vậy, rất thương cảm cho tấm lòng chí thành cầu pháp. Tôn giả giúp họ đến thỉnh cầu Đức Thế Tôn. Ba lần Tôn giả thưa thỉnh đều bị Thế Tôn từ chối. Cuối cùng, Tôn giả Ānanda bạch Phật rằng người nữ có thể chứng ngộ pháp của Đức Thế Tôn sau khi xuất gia, thực hành đời sống Phạm hạnh, đồng thời kể lại công ơn nuôi dưỡng Ngài khi tấm bé. Sau lần ấy, Đức Thế Tôn đồng ý cho Di mẫu Mahàpajàpatì Gotamì xuất gia với điều kiện phải tuân hành Bát Kinh Pháp. Sau đó, Tôn giả Ānanda tuyên lại lời dạy của Đức Thế Tôn; bà Mahàpajàpatì Gotamì đồng ý nhận lãnh Bát Kinh Pháp bằng niềm vui sướng và hạnh phúc tột cùng. Bát Kinh Pháp được bà ví như tràng hoa nghiêm sức thêm vẻ đẹp cho người nữ xuất gia. Từ đây, bà được chính thức xuất gia và Ni đoàn được thành lập. Đức Thế Tôn giao trọng trách quản lý Ni chúng cho Tỳ-kheo Mahàpajàpatì Gotamì.

¹ Tỳ-kheo Incdacanda (Dịch, 2014), *Tiểu phẩm 2*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr.341-342. (Sự kiện này cũng được ghi nhận trong *Trung A-hàm*, tập 2, kinh số 116 - Kinh Cù-Đàm-Di, do Tuệ Sỹ dịch và chú, Nxb. Phương Đông, 2013; Kinh Nikaya thuộc Tăng Chi bộ kinh, tập 2, chương Tám pháp - VI, phẩm Gotamī do HT. Thích Minh Châu dịch, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, 2018).

² Tỳ-kheo Incdacanda (Dịch, 2014), *Sđđ*, tr.342.

2. Những vấn đề xoay quanh câu chuyện xuất gia của Di mẫu Mahàpajàpatì Gotamì

Như chúng ta biết, Đức Thế Tôn từng khẳng định người nữ có thể chứng ngộ quả vị giác ngộ như nam giới. Thế thì tại sao khi di mẫu Mahàpajàpatì Gotamì đến thỉnh cầu được xuất gia, thực hành đạo giải thoát, Ngài lại từ chối? Cả khi Tôn giả Ānanda thay bà Mahàpajàpatì Gotamì vào thỉnh cầu, Ngài cũng từ chối? Để rồi mãi đến lúc Tôn giả kể ra công ơn nuôi dưỡng Ngài lúc bé, Thế Tôn mới đồng ý cho bà Mahàpajàpatì Gotamì được xuất gia với điều kiện phải tuân giữ Bát Kinh Pháp?

Đức Thế Tôn là bậc toàn giác, là Thầy của trời người, thế thì tình thần hiểu đạo lẽ nào Ngài không biết, còn phải đợi Tôn giả Ānanda nhắc nhở? Nếu vì sự nhắc nhở của Tôn giả Ānanda mà Đức Thế Tôn đồng ý cho bà Mahàpajàpatì Gotamì xuất gia thì phải chăng có sự thiên vị tình cảm cá nhân? Theo lý giải của Thượng tọa Thích Hạnh Bình, cuộc nói chuyện giữa Thế Tôn và Tôn giả Ānanda là bàn về vấn đề: “Nên chăng cho người nữ xuất gia với điều kiện đời sống định cư?”¹. Sự lý giải này hoàn toàn hợp lý bởi vào thời Đức Phật, chư Tăng sống đời du cư, ở trong rừng, ngủ dưới gốc cây; lối sống này thực tế không phù hợp với người nữ. Hơn nữa, xã hội đương thời không xem trọng nữ nhân. Chưa kể, khi nữ giới gia nhập Tăng đoàn, Tăng Ni cùng tu tập, gây nên sự bất cập trong sinh hoạt, tạo điều kiện cho ngoại đạo và người trong xã hội bàn luận, đánh giá tiêu cực.

Đồng ý cho người nữ gia nhập Tăng đoàn tu tập theo Chánh pháp nhưng Đức Phật tuyên bố, việc người nữ xuất gia sẽ làm Chánh pháp giảm đi năm trăm năm. Nhận định này được ghi trong Kinh Tăng Chi Bộ 2, phẩm Gotamì; Luật tạng Pali, Tiểu phẩm, chương Tỳ-kheo-ni; và Kinh Trung A-hàm số 116, Kinh Cù-đàm-di. Nếu thực sự việc người nữ xuất gia sẽ làm Chánh pháp giảm đi năm trăm năm mà Đức Phật vẫn đồng ý, thì điều đó nói lên tấm lòng đại từ bi của Đức Phật. Ngài

¹ Thích Hạnh Bình (2014), *Nghiên cứu về năm việc của Đại Thiên*, Nxb. Phương Đông, Thành phố Hồ Chí Minh, tr.85.

thực sự thương cảm cho thân phận người phụ nữ, chấp nhận để Phật pháp suy giảm nhằm độ thoát họ.

Trong một bài pháp khác, Đức Thế Tôn đã nói về nguyên nhân Chánh pháp suy giảm như sau: “Này Kimbila, sau khi Như Lai nhập diệt, các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, cư sĩ nam, cư sĩ nữ, sống không tôn trọng, không vâng lời bậc Đạo Sư; sống không tôn trọng, không vâng lời Pháp; sống không tôn trọng, không vâng lời chúng Tăng; sống không tôn trọng, không vâng lời học Pháp; sống không tôn trọng, không vâng lời lẫn nhau. Do nhân này, do duyên này, này Kimbila, sau khi Như Lai nhập diệt, diệu pháp không được an trú lâu dài”¹. Như vậy, trong hai quan điểm về nguyên nhân suy giảm của Chánh pháp nói trên thì đâu mới là quan điểm của Đức Phật?

Một sự kiện khác, Đức Thế Tôn khẳng định khả năng chứng ngộ của người nữ. Nếu Tăng đoàn Tỳ-kheo có những bậc thượng thủ như Tôn giả Sāripta là vị Trí tuệ đệ nhất, Tôn giả Moggallāna là vị Thần thông đệ nhất, Tôn giả Upali là vị Trì luật đệ nhất... thì Ni đoàn cũng có các Tỳ-kheo-ni như Khemā, Uppalavannā, Patācārā,...² được Thế Tôn tán thán là những thượng thủ trí tuệ và thần thông. Trong giáo pháp của Phật, khả năng của người nữ không thua kém người nam trên phương diện tu tập, thực hành. Thế nhưng trong *Kinh Tăng Chi* lại viết: “không thể có được một phụ nữ có thể là bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác..., một phụ nữ có thể là vị Chuyển Luân Thánh Vương, sự kiện này không thể xảy ra”³. Như vậy, khẳng định người nữ không thể chứng đắc và người nữ xuất gia trong pháp của Phật sẽ làm suy giảm Chánh pháp, đây có phải là quan điểm của Đức Phật? Rõ ràng, có nhiều mâu thuẫn trong lời dạy của Đức Thế Tôn liên quan đến vấn đề nữ giới!

¹ HT. Thích Minh Châu (Dịch, 2018), *Kinh Tăng Chi Bộ*, tập I, phẩm Kimbila, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr.823.

² HT. Thích Minh Châu (Dịch, 2018), *Kinh Tăng Chi Bộ*, tập I, phẩm Người tối thắng, Sđd, tr.61.

³ HT. Thích Minh Châu (Dịch, 2018), *Kinh Tăng Chi Bộ*, tập I, phẩm Không thể có được, Sđd, tr.65.

Tại Ấn Độ, luật định Bà-la-môn giáo ghi rõ: “Tất cả phụ nữ cấm không được nghe kinh Veda và họ không có cơ hội xuất gia đi tu”¹. Như vậy, người nữ thật sự không thể chứng ngộ? Hay đó là quan niệm cố chấp còn tồn tại trong tư duy của một số đệ tử Phật trong Tăng đoàn. Người nữ xuất gia và tu chứng đã được Thế Tôn khẳng định, thế thì tại sao Tôn giả Maha Kassapa lại kết tội Tôn giả Ananda về việc “nỗ lực cho sự xuất gia của phụ nữ trong pháp và luật đã được Đức Như Lai công bố”² trong lần kết tập kinh điển lần thứ nhất sau khi Thế Tôn nhập Niết-bàn? Thượng tọa Thích Hạnh Bình đã dẫn ra mười điều Tôn giả Maha Kassapa kết tội Tôn giả Ananda khi thuyết phục Thế Tôn cho người nữ xuất gia trong đoàn thể Tăng gia³. Như vậy, phải chăng quan điểm của Tôn giả Maha Kassapa khác với quan điểm của Đức Thế Tôn?

Chúng tôi cho rằng, có thể những quan điểm kỳ thị nữ giới xuất hiện trong kinh điển là được thêm vào sau này. Lịch sử kết tập kinh điển cho biết, kinh điển được ghi chép lại bằng văn bản lần đầu tiên sau khi Phật nhập diệt khoảng 300 năm, cho nên, hoàn toàn có khả năng quan điểm của Thế Tôn đã bị pha tạp bởi quan điểm cố hữu của một số đệ tử. Qua đó có thể nhận định, Đức Thế Tôn không có bất kỳ quan điểm nào phân biệt đối xử hay xem thường người nữ. Những quan điểm trái ngược, có xu hướng kỳ thị hay phân biệt giới đó là quan điểm cá nhân của một số người trong Tăng đoàn. Đó cũng là một trong những nguyên nhân dẫn đến các Bộ phái Phật giáo Thượng Tọa bộ không có Ni đoàn Tỳ-kheo.

3. Nhận định

Tuân hành Bát Kinh Pháp như một sự ràng buộc đối với người nữ xuất gia, phải chăng Đức Phật chưa hoàn toàn rõ ràng trong bình đẳng giai cấp, phân biệt đối xử giữa nam và nữ? Ví như một bờ đê ngăn không cho nước chảy tràn qua hai bên bờ, Bát Kinh Pháp cũng

¹ Đăng Thanh Hằng (Dịch, 2011), *Ấn Độ giáo nhập môn*, Nxb. Thời đại, Hà Nội, tr.113.

² Tỳ-kheo Incadacanda dịch (2014), *Sđd*, tr.406.

³ Thích Hạnh Bình (2014), *Sđd*, tr.87.

thế. Ni đoàn thời điểm ấy gồm những người xuất thân là nữ nhân hoàng tộc, trong khi đó Tăng đoàn có đủ mọi thành phần trong xã hội, thậm chí, có cả những người trước đây từng hầu cận các công nương hoàng gia. Cho nên, Thế Tôn chế định Bát Kinh Pháp là phương tiện giúp chư Ni tăng trưởng lòng tôn kính đối với chư Tăng, tạo cung cách cư xử đúng mực, tránh sự gièm pha của ngoại đạo. Mặt khác, Bát Kinh Pháp còn thể hiện tinh thần bình đẳng và quan điểm xóa bỏ giai cấp của Thế Tôn. Trước một vị Tăng dù có xuất thân hạ tiện trong xã hội, vị Ni xuất thân từ dòng dõi cao quý vẫn phải tôn trọng và cung kính theo đúng pháp, không có bất cứ sự phân biệt nào trong Tăng đoàn. Thế Tôn thành đạo, người theo Ngài tu học ngày càng đông, Giới Luật được đặt ra nhằm ổn định đời sống tu tập, bảo vệ Phạm hạnh cho Tăng chúng. Trong kinh ghi nhận sự việc có một Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni cư xử quá thân cận đã bị Thế Tôn quở trách¹. Tuy bề ngoài có vẻ khắt khe với Ni chúng nhưng mục đích của Thế Tôn nhằm tạo nên sự kính tin nơi xã hội và ngoại đạo. Hơn nữa, Bát Kinh Pháp giúp Tỳ-kheo-ni học hạnh khiêm cung, lễ độ, cư xử có trước - sau, trên - dưới.

Trước khi Thế Tôn nhập Niết-bàn, Tôn giả Ananda đã thưa hỏi Ngài về cách cư xử với người nữ, và Đức Thế Tôn dạy như sau: Chớ có thấy, chớ có nói chuyện, thời có nói chuyện phải “An trú niệm”². Cụ thể hơn, Thế Tôn đã dạy: “Này các Tỳ-kheo, đối với những người chỉ là mẹ, hãy an trú tâm người mẹ. Đối với những người chỉ là chị, hãy an trú tâm người chị. Đối với những người con gái, hãy an trú tâm người con gái”³. Đây là pháp quán khiến một Tỳ-kheo trẻ tuổi không còn ý niệm tham muốn dục vọng. Không phải là cách trốn chạy hay xem người nữ như một mối nguy hại, Chánh niệm tỉnh giác là phương pháp đối trị sự tham dục. Thế Tôn chưa bao giờ có thái độ lánh xa người nữ. Chính sự an trú trong chánh niệm và khéo quán sát

¹ HT. Thích Minh Châu (Dịch, 2017), *Kinh Trung Bộ*, tập I, phẩm Ví dụ cái cưa, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr.163.

² *Kinh Trường Bộ*, Kinh Đại bát Niết Bàn.

³ *Kinh Tương Ưng*, tập II, phẩm Gia chủ, tr.200-201.

các hệ lụy của sự tham ái dục lạc giúp cho các Tỳ-kheo giữ được Phạm hạnh thanh tịnh trọn đời.

Như vậy, việc ban đầu Đức Phật từ chối cho người nữ gia nhập Tăng đoàn thể hiện tinh thần từ bi vô lượng của Ngài. Từ chối nhằm giúp tăng trưởng lòng kiên định, khiến Ni chúng trân trọng đời sống tu hành, giữ phẩm hạnh và tuân thủ giới pháp. Nếu chúng đệ tử trong Tăng đoàn biết sống trong Phạm hạnh, lấy Giới làm khuôn phép cư xử, tu tập và đối đãi với nhau thì Chánh pháp được thường trụ, tạo nên sự tín kính của xã hội và ngoại đạo. Cho nên, Bát Kinh Pháp không phải là sợi dây ràng buộc hay hạ thấp người Ni mà đó là tràng hoa, là khuôn phép, là hương thơm nghiêm sức cho giới hạnh của Tỳ-kheo-ni.

Kết luận

Triết lý và tư tưởng của đạo Phật đã mở ra một bước ngoặt lớn trong lịch sử nhân loại bằng tinh thần từ bi, bình đẳng và trí tuệ, xóa bỏ những chủ thuyết lệch lạc đưa con người đi sâu vào sự ràng buộc và đau khổ. Đối với nữ giới, Đức Phật có quan điểm hết sức cởi mở, trên tinh thần tôn trọng và đề cao phẩm hạnh. Dù là nam hay nữ, thuộc bất kỳ tầng lớp nào trong xã hội, nếu hoàn thiện nhân cách thì vẫn được coi là những con người cao quý trong xã hội. Để xứng đáng với sự thương tưởng của Đức Thế Tôn, chư Ni, nhất là chư Ni trẻ, cần phải cố gắng, nỗ lực tu tập, sống trong pháp và luật, cống hiến nhiều hơn cho sự hưng thịnh giáo pháp, xứng đáng là những người con gái mang dòng họ Thích.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Thích Hạnh Bình (2014), *Nghiên cứu về năm việc của Đại Thiên*, Nxb. Phương Đông, Thành phố Hồ Chí Minh.
2. HT. Thích Minh Châu (Dịch, 2017), *Kinh Trung Bộ*, tập I, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.

3. HT. Thích Minh Châu (Dịch, 2018), *Kinh Tăng Chi Bộ*, tập I, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
4. Đặng Thanh Hằng (Dịch, 2011), *Ấn Độ giáo nhập môn*, Nxb. Thời đại, Hà Nội.
5. Tỳ-kheo Minh Huệ (Dịch, 2019), *Đại Phật sử*, tập 3, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội.
6. Tỳ-kheo Incdacanda (Dịch, 2014), *Tiểu phẩm 2*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.

VAI TRÒ VÀ Ý NGHĨA CỦA BÁT KÍNH PHÁP ĐỐI VỚI NỮ GIỚI NGÀY NAY

NT. Thích Đàm Lan

Thời Đức Phật tại thế, vai trò và vị thế của người phụ nữ bị đánh giá thấp. Người nữ không được xuất gia để tu tập. Họ cũng không được tham gia các hoạt động cộng đồng, nghi lễ tôn giáo như nam giới. Nữ giới còn bị xem là nguồn gốc của tội lỗi và các ác nghiệp. Những quan điểm và tư tưởng tiêu cực này đã tồn tại, ăn sâu vào tư tưởng của mọi tầng lớp xã hội Ấn Độ cổ đại. Tuy nhiên, Đức Phật đã nói: Người nữ có thể đạt đến mức tiến bộ tuyệt đỉnh, trí tuệ thâm sâu, dẫn tới Niết-bàn. Ngài chế định ra Bát Kinh Pháp để người nữ nương theo đó tu tập, đồng thời chấp thuận cho thành lập Ni đoàn. Sự kiện này đã gây chấn động lớn trong giới tôn giáo thời bấy giờ vì nó đối đầu trực tiếp với tín niệm tiêu cực quen thuộc về phụ nữ và là sự đổi mới phi thường, góp phần giải phóng phụ nữ, đặt vị trí của họ ngang hàng với nam giới. Hơn 25 thế kỷ trôi qua, mặc dù nhiều tôn giáo đã phát triển cực thịnh, nhưng vẫn chưa có thêm một tôn giáo nào thành lập giáo hội cho nữ tu sĩ. Và cho đến nay, tinh thần Bát Kinh Pháp vẫn tiếp tục hiện hữu, phát triển. Vậy, Bát Kinh Pháp ra đời trong hoàn cảnh nào? Có tác động như thế nào đến Ni giới Việt Nam? Ni giới thời nay nên nhận thức và thể hiện tinh thần Bát Kinh Pháp như thế nào? Bài viết tập trung tìm lời đáp cho các câu hỏi trên.

1. Sự kiện thành lập Ni đoàn và Bát Kinh Pháp

1.1. Sự kiện thành lập Ni đoàn

Ở Ấn Độ cổ đại, vị trí, vai trò của người phụ nữ bị xem thường. *Kinh Vệ-đà* cho rằng: “Người nữ là nguồn gốc của mọi sự rắc rối cho chính đấng sanh thành tạo ra và họ chỉ là kẻ sinh con cho cha mẹ

chồng...". Còn Kỳ Na giáo thì quan niệm: "Người phụ nữ là ngọn đèn chiếu sáng con đường dẫn đến cánh cửa địa ngục"¹. Theo tục lệ Sati, người vợ phải bị thiêu sống để đi theo người chồng đã chết... Những quan niệm tiêu cực về phụ nữ kể trên đã ăn sâu vào tôn giáo và tư tưởng của mọi người. Tôn giáo và các giáo phái đương thời không đồng tình cho người nữ xuất gia.

Khi Vua Suddhodana (Tịnh Phạn) băng hà, bà Mahà Pajàpati Gotami (Ma Ha Ba Xà Ba Đề - Kiều Đàm Di) nhằm chán sự giả tạm của kiếp phù du, quyết định xin nương tựa đời sống xuất gia giải thoát. Chuyện kể rằng khi Đức Phật về lại kinh thành Kapilavattu (Ca Tỳ La Vệ) để giảng hòa một cuộc tranh chấp dữ dội và nghiệt ngã về quyền sử dụng nước của dòng sông Rohini giữa hai dân tộc Sakyan và Koliyan, sau khi xong việc, như thường lệ, Đức Phật thuyết giảng giáo pháp, và sau lần thuyết pháp đó, một số đồng người Sakyan xin gia nhập giáo hội Tỳ-kheo. Các bà vợ của những vị ấy, do bà Mahà Pajàpati Gotami dẫn đầu, đến gặp Đức Phật xin được xuất gia: "Bạch Đức Thế Tôn, thật là một đại hạnh cho nữ giới nếu hàng phụ nữ chúng con được chấp nhận gia nhập vào Tăng đoàn để khép mình trong khuôn khổ của giáo pháp và Giới Luật mà Ngài công bố." Đức Phật không sẵn sàng khích lệ thỉnh nguyện của bà Gotami và trả lời: "Đủ rồi, này Gotami, Như Lai không thể làm vừa lòng bà và chấp nhận như vậy." Lần thứ hai và thứ ba thỉnh cầu, bà Gotami vẫn bị từ chối. Lần thứ tư, bà Gotami cùng với 500 người nữ dòng họ Xá Di đi bộ 150 dặm đến Vesali (Phệ Xá Ly), mình mẩy lấm lem, bụi bặm, y phục tả toạc, chân sưng vù, đau nhức, tiếp tục thỉnh cầu Đức Thế Tôn. Tại đây, ba lần kiên nhẫn nhờ Tôn giả A-nan tha thiết trình bày nguyện vọng của mình nhưng Đức Phật vẫn một mực chối từ. Cuối cùng, với sự nài nỉ bền bỉ của Tôn giả A-nan, sự biết ơn đối với Di mẫu Gotami và đặc biệt là gợi mở khả năng người nữ có thể đạt đến mức tiến bộ tuyệt đỉnh, thâm sâu dẫn tới Niết-bàn nên Đức Phật đã thuận lòng.

¹ Viên Trí (2009), *Án Độ Phật giáo sử luận*, Nxb. Phương Đông, Thành phố Hồ Chí Minh, tr.133-134.

Với trí tuệ nhìn xa, hiểu rộng, Đức Thế Tôn có thể thấy những hiểm họa và khuyết điểm không thể tránh trong việc điều hành song song hai giới Tăng già cùng một lúc. Do đó, Ngài ban hành Bát Kinh Pháp¹ cho Ni đoàn nhằm giữ gìn và bảo vệ cả hai giới Tăng già.

Tôn giả A-nan trao truyền lại tám điều giới pháp ấy cho bà Mahà Pajàpati Gotami và Ni đoàn. Bà vui mừng khôn xiết, hoan hỷ lãnh thọ và nguyện kính giữ trọn đời không vi phạm. Từ đây, Ni đoàn chính thức được thành lập dưới sự lãnh đạo của bà Gotami. Sau đó, mọi tầng lớp trong xã hội đến gia nhập Giáo hội. Sự nỗ lực tiến tới mục tiêu giải thoát hoàn toàn của các bà đã để lại trong văn học Phật giáo những trang vẻ vang, chói lọi bằng những Thánh thi của chư Tỳ-kheo-ni².

1.2. Tại sao cần có Bát Kinh Pháp?

Việc thành lập Ni đoàn cùng với sự chế định ra Bát Kinh Pháp thể hiện tư tưởng giải phóng phụ nữ và tâm nguyện phát triển Phật pháp của Đức Thế Tôn. Tại sao Ngài lại do dự trước năm lần bảy lượt thỉnh cầu? Tại sao Ngài chấp nhận cho người nữ vào giáo pháp và quyết định thành lập Ni đoàn? Tại sao Ngài lại đưa ra Bát Kinh Pháp trước khi cho phép Ni đoàn thành lập?

Trước hết, Ngài còn do dự việc cho người nữ vào giáo pháp vì Ngài thấy trước, trên con đường tiến bộ của họ đầy sự hiểm nguy, thách thức và có thể ảnh hưởng đến sự tồn vinh Phật pháp. Nếu người nữ xuất gia, sẽ cần có một đời sống ổn định cho Ni giới và điều đó khiến đời sống vô gia cư, tu tập vốn có của Tăng đoàn thay đổi. Hơn nữa, lúc ấy, Đức Phật vừa phải đối diện với phản ứng của xã hội, vừa phải đối diện với sự phản đối trong chính giáo đoàn của

¹ Bát Kinh Pháp gồm 8 điều sau đây: 1) Ni đánh lễ Tăng bất chấp hạ; 2) Ni không được trách nặng lời Tăng bất kể trường hợp nào; 3) Ni không được ngăn Tăng xét tội thuyết giới, tụng tụng hay nói lỗi Tăng; 4) Thọ Cụ túc phải thông qua hai bộ Tăng: Tỳ-kheo-ni và Tỳ-kheo; 5) Nếu Tỳ-kheo-ni phạm Tăng tàn, phải đến trước hai bộ thực hành pháp ý hỷ nửa tháng; 6) Nửa tháng phải đến xin Tăng chỉ dạy; 7) An cư nơi có Tỳ-kheo; 8) An cư xong phải đến Tăng cầu ba sự tứ: thấy, nghe và nghĩ.

² Minh Thông (2009), “Bát kinh pháp”,

<https://giacngo.vn/bat-kinh-phap-post6935.html>, truy cập ngày 5/10/2023.

Ngài¹. Vì Tăng đoàn của Đức Phật có đầy đủ các thành phần trong xã hội; hơn thế nữa, họ là những người thừa hưởng truyền thống kỹ thi phụ nữ của Ấn Độ từ trước. Do vậy, với cái nhìn sâu xa, Đức Thế Tôn đã để thời gian minh chứng cho sự thành tâm cầu đạo xuất gia của nữ giới. Đồng thời, Đức Phật khước từ là để chờ đợi sự chấp nhận của đại đa số người dân trong xã hội và trong giáo đoàn của Ngài chứ không phải như nhiều người nhận định rằng Đức Phật miễn cưỡng cho nữ giới xuất gia, càng không có sự kỳ thị hay bất bình đẳng nào dành cho nữ giới ở đây cả.

Tiếp đến, Ngài chấp nhận cho người nữ vào giáo pháp và quyết định thành lập Ni đoàn là vì Ngài có tầm nhìn thông tuệ, phi thường, thấu hiểu tiềm năng sâu ẩn và khả năng hoàn mãn, cao thâm của nữ giới, tạo điều kiện cho họ vượt lên ngang hàng với nam giới, đưa họ từ địa vị thấp kém và nhục nhã nhất trong xã hội lên hàng danh dự này. Đức Thế Tôn chỉ rõ: *Tất cả chúng sinh đều có Phật tính và có khả tính giác ngộ*. Đây là nền tảng vững chắc về thực tính bình đẳng và tinh thần bình đẳng của Phật giáo, là kim chỉ nam để Đức Phật cư xử với tất cả chúng sinh nói chung và nữ giới nói riêng. Quyết định này đã gây chấn động trong giới tôn giáo bấy giờ và là sự đổi mới phi thường vì góp phần giải phóng phụ nữ, và là tiền đề cho sự bình đẳng giới hiện nay.

Cuối cùng, Đức Thế Tôn đưa ra Bát Kinh Pháp trước khi cho phép Ni đoàn thành lập là vì Ngài nhận thức rằng: Mỗi loại chúng sinh có căn cơ, tư chất, nghiệp chướng khác nhau, tùy theo những đối tượng khác nhau ấy mà có phương pháp giáo hóa thích hợp, cốt sao lợi ích và hiệu quả nhất trên tiến trình hướng đến giác ngộ và giải thoát. Giới nữ có những đặc điểm riêng, khác với nam giới. Bản tính nhẹ dạ, yếu mềm dễ khiến người nữ rơi vào tội lỗi, bị khuyến dụ đi trên con đường kém đạo đức. Ngài vạch rõ thách thức này nhằm giúp phụ nữ nhận thấy những khó khăn, trở ngại và khuyến khích họ thận trọng

¹ Bằng chứng là sau khi Đức Phật nhập diệt, trong lần kết tập Kinh điển đầu tiên, Tôn giả Ca-diếp đã kết tội A-nan phạm Đột-kiết-la. Trong đó, tội thứ năm là xin cho nữ giới xuất gia.

canh phòng các cuộc tấn công của khát vọng và cám dỗ. Ngài chỉ ra rằng, sự thành lập giáo hội Ni ở giai đoạn sơ khai cũng tiềm ẩn một vài yếu tố hiểm nguy, và nếu không có phương sách dự phòng, trong tương lai có thể xảy ra những bất trắc khó lường. Vì thế, Ngài ban hành tám điều giới để bảo vệ, giữ chư Ni trong vị trí thích hợp với tâm tính người nữ, phù hợp với điều kiện văn hóa, tư tưởng, phản ứng của xã hội Ấn Độ cũng như ngay trong Tăng đoàn thời bấy giờ. Mục đích cuối cùng là giúp nữ giới tiêu trừ ngã chấp, đạt đến vô ngã và là tiền đề để hình thành, phát triển Ni đoàn, tạo điều kiện phát triển đồng thời cả hai giáo hội Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni.

Hơn nữa, Bát Kinh Pháp không chỉ là những điều răn của Đức Phật dành cho Ni mà còn cho cả Tăng nữa. Trong thuyết Duyên khởi, Đức Thế Tôn dạy: “Cái này có thì cái kia có, cái này sinh thì cái kia sinh”. Việc thành lập giáo hội Tỳ-kheo-ni sẽ góp phần củng cố giáo hội Tỳ-kheo. Việc Tỳ-kheo-ni thực hành, đánh lễ theo Bát Kinh Pháp sẽ tạo điều kiện cho Tỳ-kheo tiếp tục tu tập, loại trừ ngã chấp để đạt được vô ngã và Niết-bàn. “Vị nam khất sĩ dù hạ lạc lớn, khi thấy một vị nữ khất sĩ chấp tay chào, cũng chấp tay chào trở lại, dù vị nữ khất sĩ này còn nhỏ tuổi. Vị nữ khất sĩ này tuy nhỏ tuổi nhưng cũng đại diện cho Giáo đoàn Tỳ-kheo-ni, một đối tác của Giáo đoàn Nam Khất Sĩ trong suốt quá trình lịch sử đạo Phật từ khởi nguyên cho đến tương lai”¹. Cũng chính tám điều giới này đã hỗ trợ trạng thái điều hòa và thuận thảo, đem lại tình giao hảo thích nghi giữa Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni.

Vì vậy, Bát Kinh Pháp là linh hồn của Ni đoàn, không thể không bảo trọng. Trong Luật Tứ Phần - Tỳ-kheo-ni ghi: “Như vậy đó A-nan! Ta nay đã nói Tám Kinh Pháp suốt đời tôn trọng không được trái phạm, nếu người nữ nào thực hành được thì tức là được thọ giới. Cũng ví như có người muốn qua dòng nước lớn, phải bắc cầu mà đi

¹ Thích Nhất Hạnh (2010), “Bát Kinh pháp”, <https://thuvienhoasen.org/a2817/bat-kinh-phap-thich-nhat-hanh>, truy cập ngày 7/10/2023.

qua”. Không có Bát Kinh Pháp thì chắc chắn Ni đoàn không hình thành và cũng không có ai là thật tính Tỳ-kheo-ni¹.

2. Sự phát triển của Ni giới Việt Nam

Trong lịch sử Ni giới Việt Nam có nhiều tấm gương sư Ni đã thực hành tốt Bát Kinh Pháp, tiến tới giải thoát và Niết-bàn, tạo ra những mốc son chói lọi trên hành trình phát triển Phật giáo nước nhà. Đây chính là minh chứng về năng lực, trí tuệ, khả năng đạt ngộ và chứng quả của các vị Ni Việt Nam ưu tú.

Ngay từ khi được truyền bá vào Việt Nam, Ni giới đã xuất hiện song song với Tăng đoàn. Sau cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng (thập niên 40 sau Công nguyên), một số nữ tướng đã “xuống tóc” đi tu như Công chúa Bát Nàn, Thiều Hoa, Vĩnh Huy và Phương Dung. Qua các triều đại, Ni giới Việt Nam liên tục phát triển; sự ra đời của các Ni viện trong cả nước gắn với tên tuổi của các Ni sư hữu công tiền bối. Điển hình như Ni sư Diệu Nhân (1041-1113) thời Lý, có thể đứng ngang hàng với các thiền sư nổi tiếng thời Đinh, Lê, Lý, Trần. Ni sư đã tu hành đắc pháp, được giới Phật giáo thời bấy giờ tôn kính là bậc Tôn túc kiệt xuất. Ni sư là người nữ đầu tiên ở Việt Nam được tôn vinh là Tổ sư thiền. Trí, đức cao dày của Ni sư Diệu Nhân góp phần tích cực vào phát triển Phật pháp, là tấm gương mãi mãi cho hàng hậu học, nhất là Ni giới. Trong nữ lưu Phật giáo thời Lý, cùng với các vị xuất gia còn có các nữ Phật tử tại gia cũng làm rạng danh Phật giáo và dân tộc, điển hình như Linh Nhân Hoàng Thái hậu (Nguyên phi Ý Lan, 1044-1117)².

Đến thời Trần, Ni giới còn phát triển hơn. Điển hình là Ni sư Tuệ Thông, thực hành khổ hạnh, trì giới chuyên cần, thông tuệ, được vua Trần Nghệ Tông (1370-1373) ban hiệu cao quý là “Tuệ Thông Đại Sư”. Cũng ở thời Trần, lịch sử Ni giới còn ghi mãi công đức của Ni sư

¹ Minh Thông (2009), Tlđđ.

² Bùi Hữu Dược (2019), “Ni giới Việt Nam cùng Phật giáo trong dòng chảy lịch sử”, <https://phatgiaio.org.vn/ni-gioi-viet-nam-cung-phat-giao-trong-dong-chay-lich-su-d37923.html>.

Hương Tràng, tức Huyền Trân Công chúa (1287-1340). Từ một công chúa trở thành Ni sư, Huyền Trân không chỉ tu hành mà còn luôn quan tâm đến nỗi đau nhân thế, đặc biệt là dân nghèo và trẻ thơ. Công đức ấy được dân chúng trong vùng ghi tạc; khi bà mất được nhân dân lập đền thờ, tôn là Thần Mẫu. Ở các thời đại tiếp theo, lịch sử có lúc thăng trầm, nhưng gương của Ni sư về năng lực, trí tuệ, khả năng đạt ngộ và chứng quả thời nào cũng có.

Ở thời đại Hồ Chí Minh, tại miền Bắc, các vị Ni sư tích cực tham gia phong trào kháng chiến và xây dựng đất nước. Ở miền Nam, nhiều Ni sư đã đóng góp cho sự hưng khởi phong trào tu tập của Ni giới như Ni sư Diệu Ngọc (1885-1952), Ni sư Diệu Tịnh (1910-1942). Các bậc Trưởng lão của Ni giới Việt Nam do tu hành cẩn trọng, trì giới nghiêm mật, nên xứng đáng là chư Ni gương mẫu. Điển hình là Ni trưởng Đàm Thu, Đàm Soạn, Đàm Hữu, Đàm Tín, Đàm Xương, Ni trưởng Huỳnh Liên, Ni trưởng Bạch Liên, Sư trưởng Như Thanh, Ni trưởng Giác Nhẫn, Ni trưởng Trí Hải. Đặc biệt, Ni trưởng Hải Triều Âm (1920-2013) là bậc hiền đức trưởng thượng trong hàng Ni giới đương đại, suốt đời cẩn trọng gìn giữ Bát Kinh Pháp không chút lơ là, có công đức không nhỏ trong việc hoằng dương Chính pháp, được cả Tăng, Ni kính quý.

Tháng 11/1981, Giáo hội Phật giáo Việt Nam được thành lập. Tăng, Ni Phật giáo Việt Nam dù theo tông phái, hệ phái nào cũng tập hợp trong một tổ chức thống nhất. Điều này thể hiện sự bình đẳng giữa Tăng và Ni, và là điều kiện để Ni giới vươn lên. Trên cơ sở gia tăng về số lượng và vai trò của Ni giới, theo nguyện vọng của Ni chúng, Giáo hội Phật giáo Việt Nam (nhiệm kỳ VI) đã có Nghị quyết số 362/NQ/HĐTS ngày 22/8/2008 về thành lập Ban Đặc trách Ni giới (nay là Phân ban Ni giới) thuộc Ban Tăng sự Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam và các địa phương. Đến nay, cả nước có khoảng 50 phân ban Ni giới. Số lượng chư Ni tăng hơn 25 ngàn người, và có khoảng hơn 5.000 tự viện do chư Ni trụ trì trên cả nước. Kể từ ngày thành lập Ban Đặc trách, hoạt động của Ni giới Việt Nam được triển khai toàn diện và khởi sắc.

Thực hành Bát Kinh Pháp, Nĩ giới Việt Nam đã phát triển vững mạnh cả về lượng và chất, có nhiều đóng góp cho sự phát triển của Giáo hội Phật giáo Việt Nam nói riêng, Phật pháp và xã hội nói chung. Trước hết, *Nĩ giới đã góp phần thực hiện bình đẳng giới theo mục tiêu Thiên niên kỷ của Liên hợp quốc*. Sự bình đẳng này thể hiện trước tiên với Tăng giới trong Giáo hội. Phân ban Nĩ giới được thành lập từ Trung ương tới các địa phương. Giáo phẩm chư Nĩ được công nhận tương đương với giáo phẩm chư Tăng. Các chùa Nĩ được duy trì và phát triển. Việc tu học của Nĩ giới hòa chung với các cơ sở, bậc học của Giáo hội Phật giáo Trung ương và địa phương. Nĩ giới đã tham gia nhiều trọng trách quan trọng trong Giáo hội Phật giáo Việt Nam và các tổ chức chính trị xã hội. Nhiều vị Nĩ trở thành đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố, quận, huyện và xã, phường. Phân ban Nĩ giới cùng Giáo hội Phật giáo Việt Nam thực hiện tốt các hoạt động đối ngoại như tham gia Hội nghị Nữ giới Phật giáo Thế giới ở Việt Nam và các nước, góp phần nâng cao vị thế phụ nữ Việt Nam trước bạn bè quốc tế. Các Phân ban Nĩ giới đã cùng các Nĩ đoàn, phối hợp chặt chẽ với Hội Phụ nữ các cấp thực hiện tốt các hoạt động bình đẳng giới.

Tiếp đến, *Nĩ giới Việt Nam đã đóng góp tích cực cho sự tiến bộ xã hội nói chung và phát triển phụ nữ nói riêng thông qua các hoạt động thiện nguyện* như: nuôi dưỡng trẻ mồ côi, hỗ trợ người già neo đơn, trao tặng lương thực, thực phẩm, nhu yếu phẩm cho người dân trong đợt dịch Covid-19, thiên tai bão lũ, hỗ trợ bệnh nhi hiếm nghèo, xây nhà tình thương, trao “quỹ vì người nghèo”, “vì biển đảo quê hương”, và hàng trăm đơn vị máu. Ở thời kỳ dịch bệnh Covid-19 hoành hành (2020-2022), nhiều Nĩ sư gấp áo cà sa, xông pha vào tuyến dịch tại các bệnh viện dã chiến, coi cứu người là điều quan trọng nhất. Nhiều vị Nĩ không quản khó khăn, trèo đèo lội suối đến các vùng khó khăn, vùng sâu, vùng xa, vùng bị thiên tai bão lũ để hỗ trợ lương thực - thực phẩm, nhu yếu phẩm cho đồng bào.

Nĩ giới Việt Nam còn thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường, góp phần giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu đến đời sống và xã hội. Thấm

nhuần lời dạy của Đức Thế Tôn: “Các pháp tùy thuộc vào nhau mà sinh khởi, hủy hoại thiên nhiên đồng nghĩa với hủy hoại môi trường sống của con người”, Ni giới Việt Nam đã truyền bá tư tưởng yêu thương, bảo vệ muôn loài chúng sinh và môi trường cho Phật tử và đại chúng, giáo dục tình yêu thiên nhiên và bảo vệ môi trường cho hàng nghìn học sinh phổ thông tham dự trại hè tại các Ni viện trong cả nước, hỗ trợ hàng tỷ đồng phục hồi môi trường ở các vùng bị thiên tai, lũ lụt.

Hơn nữa, Ni giới Việt Nam còn tham gia đóng góp xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc bằng việc xây dựng và phát triển, kết nối cộng đồng theo phương châm hài hòa và bình đẳng, khơi dậy và phát huy tinh thần khoan dung, dân chủ, yêu nước thương nòi, cùng chung tay xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân, tạo sự đồng thuận trong xã hội qua phương châm “sống tốt đời, đẹp đạo”. Ni giới Việt Nam luôn đồng hành cùng chính quyền và nhân dân cả nước, là cầu nối, là nơi hướng về của Ni sư Việt Nam ở nước ngoài, chung tay xây dựng quê hương, đất nước.

Sự phát triển kể trên của Ni giới Việt Nam bắt nguồn từ sự thực hành căn trọng theo tinh thần Bát Kinh Pháp. Điều này đã xóa nhòa khoảng cách giữa Tăng và Ni. Ni giới Việt Nam tiếp tục dẫn thân, thực hành Phật pháp, gắn đạo pháp đồng hành cùng dân tộc vì sự tiến bộ xã hội.

3. Bát Kinh Pháp trong thời đại ngày nay

Sự thành công của Ni giới Việt Nam bắt nguồn từ việc chư Ni đã tuân thủ và làm đúng những điều răn dạy của Đức Thế Tôn trong Bát Kinh Pháp. Cho đến nay, *Bát Kinh Pháp vẫn luôn là khuôn vàng thước ngọc cho Ni đoàn*.

Tuy nhiên, vẫn có một số ý kiến còn hoài nghi, cho rằng tám điều giới trong Bát Kinh Pháp đã lỗi thời, không đáng được cung kính trong thời đại ngày nay. Điều này không đúng! Chúng ta không thể đứng trên góc nhìn, tiêu chí của xã hội hiện đại mà phê phán Đức Phật không bình đẳng! Cần nhớ rằng, tinh thần cốt yếu của Bát Kinh

Pháp là không chỉ giúp nữ giới tiêu trừ ngã chấp để đạt đến vô ngã mà còn phát triển đồng thời cả giáo hội Tỳ-kheo và Ni đoàn. Nếu các Tỳ-kheo-ni cùng suy nghĩ rằng, tất cả mọi khổ đau đều do tâm chấp ngã mà ra thì Bát Kinh Pháp giúp họ dẹp bỏ cái ngã không thật ấy. Nếu họ chân thật tu hành, hướng tới vô ngã, giác ngộ, giải thoát thì Bát Kinh Pháp không phải là trở ngại hay lỗi thời! Đức Thế Tôn đã mở ra cuộc cách mạng cho người nữ thoát khỏi sự áp bức và kỳ thị. Thế nên, không có lý do gì để nghi ngờ hay phân vân về Bát Kinh Pháp! Nếu còn hoài nghi thì không khác nào phủ định những gì Đức Phật đã làm vì người nữ; và như thế thì tự chúng ta đã biến mình thành kẻ vong ân. Cả nam và nữ đều có khả năng thành tựu Chính pháp nhưng không phải vì thế mà bỏ qua những khác biệt về tâm lý và thể chất của mỗi giới.

Nếu có ai còn chút nghi ngờ nào như trên thì hãy nghĩ rằng: Là một Tăng sĩ Phật giáo có học, hiểu và hành pháp, phải ý thức được, công phu của tự thân là chế ngự ngã si, ngã mạn và ngã ái, không nên kiêu hãnh trước sự kính trọng của Ni giới dành cho mà phải coi đó là điều kiện để tu hành và đạt được vô ngã. Dù là Ni sư, Tăng hay Phật tử có học, hiểu và hành pháp, cũng nên ý thức rằng: mình phải biết ơn cuộc đời này, pháp giới này, thiên nhiên cây cỏ này, phải tỏ sự kính trọng đối với tất cả, hướng nữa là đối với Tăng già, đối với các Tăng sĩ trẻ. Đây là điều tốt đẹp cần làm, giống như một phụ nữ cần trang điểm cho vẻ đẹp tự thân, một vẻ đẹp của văn hóa và Phạm hạnh. Nghi ngờ Bát Kinh Pháp chỉ là sự rối loạn của tư duy, rồi sẽ dẫn đến sự rối loạn của thái độ sống. Điều này chắc hẳn sẽ không đem lại an lạc và hạnh phúc cho số đông¹.

Trong *Cánh Đức Truyền Đăng Lục*, chư Tổ dạy: “Y kinh giải nghĩa, tam thế Phật oan; Ly kinh nhất tự, tức đồng ma thuyết”, có nghĩa là: Nếu y cứ, chấp chặt nơi văn tự thì oan cho ba đời Đức Phật, mà xa rời kinh điển thì ma chướng dẫn đường. Cho nên, lời dạy của Đức Thế Tôn phải được ứng dụng uyển chuyển để phù hợp với xu thế phát

¹ Minh Chính (2020), “Sự kiện Ni giới nhận lãnh thêm Bát Kinh Pháp”, <https://phatgiao.org.vn/su-kien-ni-gioi-nhan-lanh-them-bat-kinh-phap-d41926.html>.

triển của thời đại và xã hội, để đạo pháp luôn sống trong lòng dân tộc và đồng hành cùng với dân tộc. Vì thế, tinh thần Bát Kinh Pháp không hoàn toàn bó khung trong câu chữ của tám điều quy định mà lớn hơn là, hàm ý sâu xa và thông tuệ của Đức Thế Tôn về sự bình đẳng, phát triển Ni giới, giải phóng con người và thúc đẩy sự tiến bộ xã hội.

Trước hết, *Bát Kinh Pháp* vẫn là tiền đề quan trọng để tồn tại và phát triển Ni giới và cả Tăng đoàn, Ni đoàn. Không có Bát Kinh Pháp thì không có Ni đoàn. Không có Bát Kinh Pháp, chắc chắn không có việc người nữ được xuất gia, không có sự thành lập Ni đoàn, và giáo đoàn của Đức Phật cũng không hội đủ bốn bộ chúng: Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di. Sự hình thành Ni đoàn là điều kiện cho Tăng đoàn phát triển.

Kế đến, *Bát Kinh Pháp* tiếp tục là ngọn đuốc sáng dẫn đường về sự bình đẳng, nhất là bình đẳng giới - một mục tiêu của Thiên nhiên kỳ mà Liên hợp quốc theo đuổi. Như đã phân tích ở trên, Đức Thế Tôn thấy rõ, tất cả chúng sinh đều có Phật tính và có khả tính giác ngộ. Đây chính là nền tảng vững chắc nhất về thực tính bình đẳng và tinh thần bình đẳng của Phật giáo, là kim chỉ nam để Đức Phật cư xử với tất cả chúng sinh và nữ giới nói riêng. Hơn nữa, tư tưởng này không chỉ giới hạn ở sự bình đẳng nam - nữ mà còn là bình đẳng các giai cấp và muôn loài chúng sinh. Từ đó, có ý thức tôn trọng, giữ gìn và bảo vệ môi trường.

Hơn nữa, *tinh thần Bát Kinh Pháp* ngày nay đòi hỏi chư Ni tiếp tục tu tập đạo pháp, xây dựng hội chúng vững mạnh để tiếp tục cống hiến nhiều hơn cho đạo pháp và dân tộc, đáp ứng được những đòi hỏi và thách thức trong bối cảnh phát triển mới của xã hội. Ni đoàn chỉ có thể mạnh trên cơ sở có chư Ni nắm vững và thực hành đúng Phật pháp. Để đạt được điều đó, *Bát Kinh Pháp* tiếp tục giúp chư Ni tiêu trừ ngã chấp và đạt đến vô ngã, Niết-bàn.

Kết luận

Với *Bát Kinh Pháp*, Đức Thế Tôn đã mở ra cuộc cách mạng về sự bình đẳng, tạo điều kiện để phát triển cả Tăng đoàn và Ni đoàn. Ngài

phủ nhận sự bất công và phân biệt giai cấp, lấy sự bình đẳng mà đối đãi, giúp người phụ nữ có quyền sống, quyền làm chủ bản thân, tu tập và giải thoát. Sự giải thoát không liên quan đến thân phận là nam hay nữ. Đây chính là cuộc cách mạng tư tưởng vĩ đại nhất của Đức Thế Tôn, góp phần giải phóng và phát triển phụ nữ. Nhờ có Bát Kinh Pháp mà Ni đoàn được hình thành, cả Tăng đoàn và Ni đoàn cùng phát triển. Cho đến nay, Bát Kinh Pháp vẫn là khuôn vàng thước ngọc trong Ni đoàn để tồn tại và phát triển. Trong bối cảnh mới, tinh thần Bát Kinh Pháp không chỉ bó khung trong câu chữ của tám điều quy định mà lớn hơn là hàm ý sâu xa và thông tuệ của Đức Thế Tôn về sự bình đẳng, phát triển Ni giới, giải phóng con người và thúc đẩy xã hội tiến bộ. Vì vậy, cần hiểu và thực hành Bát Kinh Pháp cho đúng trong hoàn cảnh mới hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Minh Chính (2020), “Sự kiện Ni giới nhận lãnh thêm Bát Kinh Pháp”, <https://phatgiaio.org.vn/su-kien-ni-gioi-nhan-lanh-them-bat-kinh-phap-d41926.html>.
2. Bùi Hữu Dược (2019), “Ni giới Việt Nam cùng Phật giáo trong dòng chảy lịch sử”, <https://phatgiaio.org.vn/ni-gioi-viet-nam-cung-phat-giao-trong-dong-chay-lich-su-d37923.html>.
3. Thích Nhất Hạnh (2010), “Bát Kinh pháp”, <https://thuvienhoasen.org/a2817/bat-kinh-phap-thich-nhat-hanh>, truy cập ngày 7/10/2023.
4. Minh Thông (2009), “Bát kinh pháp”, <https://giacngo.vn/bat-kinh-phap-post6935.html>, truy cập ngày 5/10/2023.
5. Viên Trí (2009), *Ấn Độ Phật giáo sử luận*, Nxb. Phương Đông, Thành phố Hồ Chí Minh.

VẤN ĐỀ “BÁT KINH PHÁP” TRONG THỜI ĐẠI NGÀY NAY

NT. Thích nữ Diệu Cảnh

Trong xã hội văn minh hiện đại, cùng với sự phát triển mạnh mẽ của khoa học kỹ thuật, công nghệ thông tin, thì xu hướng xã hội vận động kêu gọi nam nữ bình quyền cũng đã xuất hiện trên dưới một thế kỷ. Phong trào này ảnh hưởng sâu rộng đến nhiều tầng lớp trong xã hội, kể cả Ni giới Phật giáo trên toàn thế giới. Một trong những vấn đề tồn nhiều bút mực nhất là Bát Kinh Pháp - bản kinh nói về sự thiết lập Ni đoàn.

Bát Kinh Pháp được tìm thấy trong Kinh tạng (Tăng Chi, kinh Mahāpajāpati Gotamī) và Luật tạng của Phật giáo hệ Pāli, lên văn bản vào khoảng thế kỷ thứ nhất trước Công nguyên. Trong Hán tạng, bài kinh tương đương là Cù-đàm-di (Trung A-hàm, số 116). Các truyền thống Phật giáo căn cứ vào nguồn tài liệu này để xác định rằng chính bà Ma-ha Ba-xà-ba-đề, kế mẫu của Đức Phật, là người đại diện xin Phật cho nữ giới xuất gia.

Với tâm từ bi vô lượng, tạo nhân duyên thuận lợi cho nữ giới được xuất gia tu học giáo pháp của bậc Hiền thánh trong xã hội trọng nam khinh nữ, phân chia giai cấp quý tiện nặng nề, Đức Phật đã chế Bát Kinh Pháp (Tám pháp cung kính dành cho người nữ xuất gia). Tóm lược như sau:

- (1) Tỳ-kheo-ni phải cầu thọ giới Cụ túc nơi Tỳ-kheo.
- (2) Tỳ-kheo-ni cứ mỗi nửa tháng phải đến thọ giáo nơi Tỳ-kheo.
- (3) Nếu nơi trụ xứ không có Tỳ-kheo thì Tỳ-kheo-ni không được thọ hạ an cư.

(4) Tỳ-kheo-ni sau khi thọ hạ an cư phải đối trước hai bộ chúng thỉnh cầu chỉ rõ về ba sự kiện: thấy, nghe và nghĩ.

(5) Nếu Tỳ-kheo không cho phép thừa hỏi thì Tỳ-kheo-ni không được thừa hỏi.

(6) Tỳ-kheo-ni không được nói điều trái phạm của Tỳ-kheo.

(7) Tỳ-kheo-ni nếu phạm Tăng-già-bà-thi-sa thì phải đối trước hai bộ chúng hành Ma-na-đỏa (pháp Ý hỷ) trong thời gian nửa tháng.

(8) Tỳ-kheo-ni dù đã thọ giới Cụ túc lâu đến một trăm năm, nhưng trước Tỳ-kheo mới thọ giới Cụ túc cũng vẫn phải khiêm cung cúi đầu làm lễ.

Có thể thấy, nếu đọc và suy nghĩ một cách hời hợt tám điều cung kính mà Đức Phật dạy cho những người nữ thật tâm mong muốn xuất gia, đúng là dễ có cảm giác trọng nam khinh nữ, nhất là theo cách nhìn của người hiện đại ngày nay. Thiết nghĩ, cần trao đổi lại một số điểm cốt lõi của Bát Kinh Pháp!

1. Bát Kinh Pháp có phải là bất bình đẳng?

Như chúng ta đã biết, bình đẳng là một vấn đề lớn của nhân loại, được rất nhiều người quan tâm nghiên cứu. Nhưng từ xưa đến nay, chưa có ai thiết lập được cơ sở lý luận vững chắc cho tinh thần bình đẳng, cũng như chưa có ai thật sự thực thi tinh thần bình đẳng một cách trọn vẹn. Hơn nữa, các khía cạnh của bình đẳng mà họ quan tâm là sự bình đẳng giữa các quốc gia - dân tộc, giữa các chủng tộc, giữa người và người, bình đẳng về giới tính... Hầu hết các quan điểm này thường phiến diện và không tốt ráo. Khi Đức Phật ra đời, Ngài đã mang lại triết lý về tinh thần bình đẳng thật sự cho nhân loại.

Theo *Từ điển Phật học Huệ Quang*: “Bình đẳng là ngang bằng đồng đều, không cao thấp, cạn sâu. Chỉ tất cả hiện tượng đều cùng một tính: Không tính, Duy thức tính hay Chân như tính,... Đối với chúng sinh cũng phải xem đồng đẳng, không cao thấp, oán thân, đáng được thương xót ngang nhau và có đủ Phật tính như nhau, đây gọi là

chúng sinh bình đẳng.” Theo lời Phật dạy trong *Kinh Phạm Võng*, *Kinh Niết-bàn*... thì “Tất cả chúng sinh đều có Phật tính và đều có khả năng thành Phật. Ta là Phật đã thành, tất cả chúng sinh là Phật sẽ thành.” Đây là lời tuyên bố chắc thật, xuất phát từ tuệ giác tối thượng, mang tính nhân văn với ý nghĩa cao nhất của Đức Thế Tôn về giá trị chân thật của tất cả chúng sinh nói chung, con người nói riêng.

Con người thật trong mỗi người, Phật tính thanh tịnh của mỗi chúng sinh là như nhau; đây chính là cơ sở lý luận vững chắc nhất cho sự bình đẳng tuyệt đối không chỉ giữa người và người, mà còn giữa mọi loài chúng sinh với nhau. Đây cũng là một đóng góp vô giá của triết lý Phật giáo cho văn hóa nhân loại. Theo đó, mối quan hệ giữa người và người là quan hệ tuyệt đối bình đẳng, không có người cao thượng hay hèn hạ vì phân biệt giai cấp, không có tôn ti vì phân biệt nam nữ. Cao thượng hay hèn hạ là do hành vi, suy nghĩ của con người chứ không do giai cấp. Tư tưởng bình đẳng trong đạo Phật dạy con người phá bỏ sự phân chia giai cấp. Điều này thể hiện rõ ràng trong kinh điển, và chính Đức Phật đã hiện thực hóa triết lý này trong việc độ người xuất gia và sinh hoạt trong Tăng đoàn. Khi ấy, bất kể ai, dù ở vào hạng nào, dù đó là ngoại đạo, ác nhơn, tà kiến, bần tiện, ngu dốt..., nếu biết tin tưởng theo lời Phật dạy mà nỗ lực hành trì thì đều được giác ngộ giải thoát. Từ những vị Tỳ-kheo thượng túc đệ tử Phật tu hành đắc quả như Tôn giả Xá-lợi-phất, Tôn giả Mục-kiền-liên...; Tỳ-kheo-ni như Ma-ha Ba-xà-ba-đê, Liên Hoa Sắc...; thậm chí đến như Đề-bà-đạt-đa có ác tâm hại Phật, Thái tử A-xà-thế giết cha hại mẹ, chàng Vô Nãi nghe lời ngoại đạo giết người lấy đủ 100 ngón tay, nàng Ma-đăng-già hại Ngài A-nan..., cuối cùng đều được Phật độ và được chứng quả giải thoát.

Tinh thần bình đẳng của Đức Phật được kế thừa và phát huy ở các bậc Thiên sư, Tổ sư, cao Tăng Việt Nam như: Khương Tăng Hội, Mậu Bác, Pháp Hiền, Cảm Thành, Viên Chiếu, Mãn Giác, Ni sư Phương Dung, Ni sư Thiều Hoa, Ni sư Diệu Nhân... Tuệ Trung Thượng sĩ đã triệt ngộ, sống trọn vẹn với con người thật nên mới khẳng định rằng:

“Cũng nét mày ngang đường mũi dọc/ Phật với chúng sinh mặt khác nào”¹. Cái nhìn thấu triệt thực tướng của vạn pháp vượt không gian, thời gian này là cơ sở vững chắc, mang tính nhân văn với ý nghĩa cao nhất, siêu việt thời đại về sự bình đẳng tuyệt đối không chỉ giữa người và người mà còn giữa mọi chúng sinh với Phật, Trời, Thần, Thánh. Ý nghĩa lớn về triết lý bình đẳng do Đức Phật giác ngộ là một giá trị tinh thần vô cùng cần thiết mà con người trong thời đại văn minh cần phải suy ngẫm.

2. Giá trị bình đẳng của Bát Kinh Pháp

Từ xưa đến nay, đã có nhiều tranh luận, bàn cãi về các phương diện, góc độ, và đặc biệt là việc Bát Kinh Pháp có phải do Đức Phật chế ra hay không. Ở đây, tác giả chỉ nói về tinh thần bình đẳng của Bát Kinh Pháp.

Vì sao Đức Phật cho nữ giới xuất gia? Bởi Ngài thấy rõ, tất cả chúng sinh đều có Phật tính và có khả năng giác ngộ. Đây chính là nền tảng vững chắc nhất về thực tính bình đẳng và tinh thần bình đẳng của Phật giáo, là kim chỉ nam để Đức Phật cư xử với tất cả chúng sinh nói chung và nữ giới nói riêng.

Khế lý - khế cơ rất quan trọng trong việc giảng pháp. Mỗi loại chúng sinh, mỗi người có căn cơ, tư chất, nghiệp chướng khác nhau, Đức Phật tùy theo từng đối tượng mà có phương pháp giáo hóa thích hợp, cốt sao lợi ích và hiệu quả nhất trên tiến trình hướng đến giác ngộ, giải thoát. Bát Kinh Pháp và những Giới Luật dành cho Ni giới vẫn không ngoài mục đích ấy.

Tinh thần cốt yếu của Bát Kinh Pháp chính là giúp nữ giới phát triển hạnh khiêm cung, nhẫn nại, tiêu trừ ngã chấp, đạt đến cảnh giới vô ngã vô ưu. Trong ý nghĩa này, tâm đã vô ngã thì không tướng hữu ngã nào có thể chướng ngại. Nếu các vị Tỳ-kheo-ni đều suy nghĩ như thật rằng, tất cả mọi khổ đau đều do tâm chấp ngã mà ra, thì Bát Kinh

¹ Đoàn Thị Thu Vân, *Thơ thiền Lý Trần*, tr.225.

Pháp sẽ giúp ta dẹp bỏ cái ngã không thật ấy. Nếu ta chân thật tu hành, hướng tới vô ngã giác ngộ giải thoát thì Bát Kinh Pháp đâu có trở ngại gì!

Từ xưa đến nay, các bậc tòng lâm thạch trụ, nữ lưu hào kiệt, hiền đức trưởng thượng trong hàng Ni giới có công đức lớn trong việc hoằng dương Chánh pháp, được cả Tăng Ni kính quý. Bản thân tác giả đến nay cũng đã trải qua nhiều thăng trầm biến động của thời cuộc, nhưng vẫn nguyện suốt đời cung kính, cẩn trọng gìn giữ và khuyên dạy đồ chúng đệ tử tuân thủ Bát Kinh Pháp không chút lơ là, nói chi đến việc dám bác bỏ.

Tác giả thiết nghĩ, đối với những người có tâm cống cao ngã mạn, chấp ngã, chấp pháp, có tâm phân biệt, tà kiến thì Bát Kinh Pháp đang trở ngại cho ngã chấp của họ; họ sẽ thấy Bát Kinh Pháp là không thật bình đẳng, không do Phật chế.

Kết luận

Hiện nay, nhiều người quan tâm đến vấn đề Bát Kinh Pháp của Phật giáo, cả trong đạo lẫn ngoài đời, nguyện mong những bậc thạch trụ tòng lâm, cao Tăng thạc đức quan tâm đến vấn đề này với sự thận trọng tối đa, dùng Tam pháp ấn, Tứ tất đàn, Tứ y, Duyên khởi pháp chiếu soi để nhận diện rõ bản chất chân thật của Bát Kinh Pháp. Có như vậy mới xây dựng được tinh thần hòa hợp Tăng - Ni như pháp, đồng tâm hợp lực, góp phần hoằng dương Chánh pháp của Đức Thế Tôn trong thời đại khoa học - kỹ thuật phát triển mạnh mẽ, vật chất lên ngôi, nhưng đạo đức đi xuống, lòng người bất an ngày nay.

BÁT KINH PHÁP QUA GÓC NHÌN TRÍ TUỆ BÁT NHÃ

ThS. Thích nữ Diệu Tâm

Nói đến quá trình phát triển của Phật giáo là nói đến sự tương tác giữa Phật giáo với tư tưởng, văn hóa, phong tục tập quán... Sự tiếp biến Phật giáo về mặt thời gian, không gian, có thể xem là yếu tố quan trọng góp phần thách thức Phật giáo trước con người và thời đại. Với sự phát triển đa chiều, đa bình diện, Phật giáo vẫn tồn tại, đứng vững trước nhiều thăng trầm, biến cố lịch sử. Sở dĩ Phật giáo có thể tồn tại và phát triển cho đến tận ngày nay là nhờ vào triết lý *Duyên sinh vô ngã* vốn không có ở bất kỳ một nền văn hóa giáo dục nào được thiết lập theo hướng tư duy hữu ngã trước đó. Nghĩa là đạo Phật chủ trương tùy theo căn cơ, tùy theo trình độ của từng đối tượng, tùy theo từng lúc, từng thời mà có phương thức, kỹ năng trao truyền giáo pháp thích ứng.

Thời đại ngày nay, xã hội công bằng - thế giới văn minh. Con người phát triển, Phật giáo phát triển. Thời đại bình quyền, nam nữ bình đẳng trên mọi phương diện. Nếu như thời Đức Phật, thân phận người phụ nữ thấp kém, không có địa vị xã hội, không nghề nghiệp, quanh năm chỉ biết việc bếp núc và chăm sóc gia đình thì ngày nay, phụ nữ nói chung, những người con gái Đức Phật nói riêng có đủ năng lực độc lập trong công việc cũng như trong cuộc sống tu tập. Như vậy, câu hỏi đặt ra ở đây là, liệu Bát Kinh Pháp có còn phù hợp với thời đại này hay không? Có nhiều cách nhìn khác nhau về Bát Kinh Pháp. Ở bài viết này, chúng ta chỉ tìm hiểu Bát Kinh Pháp qua góc nhìn của trí tuệ Bát nhã.

1. Lợi ích của việc thọ trì Bát Kinh Pháp

Trong *Kinh Xà Dụ*, Đức Phật nói người biết cách sử dụng pháp giống như người biết cách bắt rắn; phải biết quán sát bằng trí tuệ¹. Bát Kinh Pháp cũng vậy. Đức Phật khi đồng ý cho thành lập Ni đoàn đã đưa ra điều kiện phải tuân thủ Bát Kinh Pháp. Theo *Kinh Tương Ưng* thì nguyên do là Đức Phật thấy được căn tánh gốc rễ khổ đau của người nữ: “Này các Tỳ-kheo, người đàn bà, vào buổi sáng, ở nhà với tâm bị xan tham ám ảnh, vào buổi trưa, ở nhà với tâm bị tật đố ám ảnh, vào buổi chiều, ở nhà với tâm bị dục tham (kàmarāgam) ám ảnh. Này các Tỳ-kheo, đầy đủ ba pháp này, người đàn bà phần lớn sau khi thân hoại mạng chung sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục”². Với căn tánh của người nữ như vậy, Bát Kinh Pháp sẽ là liều thuốc diệt trừ “tâm bị xan tham, tâm bị tật đố, tâm bị tham dục”.

Vì sao điều đầu tiên của Bát Kinh Pháp quy định: “Tỳ-kheo-ni đầu trăm tuổi hạ, thấy vị Tỳ-kheo mới thọ giới cũng phải đứng tiếp đón, lễ bái và trái tòa mời Tỳ-kheo ngồi”? Bởi vì Niết-bàn không dung chứa ngã chấp. Nên biết rằng, hễ hữu ngã là luân hồi mà vô ngã là Niết-bàn. Người Ni nên thọ trì Bát Kinh Pháp là để diệt đi bản ngã, nhờ vậy mà bát Niết-bàn.

2. Góc nhìn của trí tuệ Bát nhã về Bát Kinh Pháp

Trí tuệ “có đặc tính thâm nhập Chính pháp y như là Chính pháp, nó có tác dụng tiêu trừ bóng tối vô minh vốn bao phủ bản chất của pháp. Nó tự biểu hiện không bị lừa dối. Bởi có câu: Người nào tập trung thì biết, thấy điều chính nó như thật là gì”³. Như vậy, trí tuệ là mục tiêu mà mọi hành giả đều hướng đến.

¹ HT. Thích Minh Châu (Dịch, 2016), *Kinh Trung bộ*, tập 1, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr.177.

² HT. Thích Minh Châu (Dịch, 2016), *Kinh Tương Ưng*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr.304.

³ Thích Quảng Độ (Dịch, 2012), *Đại thừa Phật giáo tư tưởng luận*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr.91.

Đạo Phật là một con đường thực nghiệm. Mỗi người phải tự đi bằng chính sự tu tập của mình, tự rút ra kinh nghiệm cá nhân, chỉ có giá trị cho chính mình, như lời Như Lai nói: “Các con phải tự mình nỗ lực. Các đấng Như Lai chỉ là bậc dẫn đường. Thực hành thiền định cho thường. Thoát vòng kiềm tỏa Ma vương buộc ràng”¹. Đức Phật nói, Ngài chỉ là người dẫn đường. Ngài đã đưa ra rất nhiều phương pháp tu tập. Do vậy, ai muốn có trí tuệ thì phải tu tập thiền định và Đức Phật là một minh chứng xác thực. Có rất nhiều pháp môn, tùy theo căn cơ của mỗi người mà tự chọn cho mình pháp môn để hành trì, nhưng cho dù phương pháp nào thì mục đích cuối cùng vẫn là đạt được “trí tuệ” giải thoát. Dù là người xuất gia mà chưa đạt được trí tuệ thì vẫn khổ như thường và cũng không nhận diện được đúng bản chất Bát Kinh Pháp. Như vậy, xuyên suốt quá trình tu học, trí tuệ đóng vai trò quan trọng. Trí tuệ là ngọn đuốc soi sáng cho hành giả trên lộ trình tìm cầu giải thoát.

Đại thừa Phật giáo lấy “Trí tuệ Bát nhã” để thâm nhập vào triết lý uyên thâm, sâu thẳm của *Tánh không*. “Tánh không” hàm ý rằng vạn vật đều không thật có, không có thực thể, không có tự tánh riêng, tất cả các pháp dù là vật chất hay tinh thần cũng chỉ là nhân duyên giả hợp.

Như đã đề cập, để thấu đạt được Tánh không, cần phải có trí tuệ. Trong Kinh Bát Đại Nhân Giác, Đức Phật dạy chư Bồ-tát “Duy tuệ thị nghiệp”, nghĩa là lấy việc đạt đến tuệ giác làm sự nghiệp đích thực của đời mình, chỉ có trí tuệ (Pana) mới là phương tiện duy nhất đưa chúng sanh đến bờ giải thoát Niết-bàn. Do vậy, trí tuệ chiếm vị trí then chốt trong lời dạy của Đức Phật. Bồ-tát Quán Tự Tại đạt trí tuệ, sau khi hiểu được thực tướng của ngũ uẩn là “Không” thì vượt thoát khổ ách, chứng đắc giải thoát.

Đến đây chúng ta thấy, Bát Kinh Pháp qua góc nhìn của trí tuệ Bát nhã vượt thoát nhị nguyên, Bát Kinh Pháp không thể nào hiểu thấu

¹ HT. Thích Minh Châu (Dịch, 2014), *Kinh Pháp cú*, Kệ 276, Công ty Cổ phần Văn hóa thiện tri thức xuất bản.

bằng lý luận. Muốn hiểu Bát Kinh Pháp của Đức Phật, cần phải hiểu hai khía cạnh của sự thật tương đối và sự thật tuyệt đối. Sự thật tuyệt đối là “Tánh không”, là cái không thể nghĩ bàn, không thể nắm bắt bằng những khả năng thông thường của trí thức, mà chỉ thấu hiểu được bằng trực giác, thực nghiệm. *Đại thừa tư tưởng luận* đã khẳng định tầm quan trọng của giáo lý Bát nhã: “Tất cả kinh giáo đều ẩn tàng diệu lý Bát nhã. Tất cả chư Phật đều nhân viên thành Diệu Trí Bát nhã nơi đời mà chứng thành Phật đạo. Cho nên, nói Bát nhã là mẹ chư Phật”¹. Mọi sự vật, sự việc đều quy về Tánh không, mọi thứ đều trở về không. Bởi vì tuyệt đỉnh cuối cùng trong Bát nhã tâm kinh là “Vô trí diệc vô đắc”, nghĩa là không có trí tuệ mà cũng không có chứng đắc. Trí tuệ Bát nhã đạt được khi và chỉ khi tâm chúng ta không còn bất kỳ khái niệm nào, cho dù đó là thiện, hễ còn khái niệm thì còn dính mắc, đây chính là đỉnh điểm của trí tuệ Bát nhã. Với những vị hành giả đã chứng đắc, đã đạt được trí tuệ Bát nhã thì đối với Bát Kinh Pháp, có thực hành hay không đều không vương mắc, tự do tự tại giống như bốn câu thơ của thiền sư Minh Châu Hương Hải.

Nhận quá trường không

Ảnh trầm hàn thủy

Nhận vô lưu tích chi ý

*Thủy vô lưu ảnh chi tâm*².

Như vậy, đối với những người con gái Đức Phật thời nay, cần lãnh thọ và thực hành đúng theo Bát Kinh Pháp cho đến khi đạt được trí tuệ Bát nhã, đạt được giác ngộ. Khi đó, chúng ta sẽ xem Bát Kinh Pháp như là chiếc bè để qua sông, không còn dính mắc. Lúc này, tự nhiên chúng ta cảm nhận được thực tướng của Bát Kinh Pháp giống như lời Đức Phật dạy trong *Kinh Kim Cang*: “Ngã thuyết pháp như phiệt dụ giả” (Pháp ta nói ra dụ như chiếc bè).

¹ Thích Huệ Đăng (2011), *Đại thừa tư tưởng luận*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr.158.

² Lê Mạnh Thát (2000), *Toàn tập Minh Châu Hương Hải*, Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh, tr.33.

3. Ni trẻ góp phần bảo vệ Bát Kinh Pháp

Ngày nay, chúng con - những người có đầy đủ phước duyên được thừa hưởng gia tài vô giá từ Đức Thế Tôn, thừa hưởng Bát Kinh Pháp, xem Bát Kinh Pháp như đồ trang sức, liều thuốc trị bệnh dành riêng cho Ni giới. Bát Kinh Pháp đã được Kiều Đàm Di mẫu trân trọng, cung kính lãnh nạp thọ trì. Hàng hậu học chúng con nguyện tiếp bước hạnh nguyện của Tổ Ni, tiếp bước chí nguyện người xuất gia vượt tới phương trời cao rộng, tiếp nối một cách rạng rỡ dòng con gái của Đức Phật, không ngoài mục đích báo đáp bốn ân, cứu vớt ba cõi.

Để làm tròn trách nhiệm giữ gìn và phát triển Phật pháp, trước tiên, chúng ta cần tu tập và học thật nhiều. Ni trẻ ngày nay có đủ duyên lành được đến trường học cùng với chư Tăng, đôi khi còn xem chư Tăng như bạn cùng lớp, học giỏi hơn chư Tăng một ít lại sanh tâm ngã mạn, thiếu tôn trọng. Những hành động, thái độ đó sẽ làm hẹp dần con đường vào Niết-bàn của chúng ta. Vì thế, với chư Ni trẻ, việc hành trì Bát Kinh Pháp là cần thiết. Nếu kính trọng chư Tăng như người anh, người cha, người chú, người ông thì chúng ta sẽ không sanh tâm ngã mạn, cũng không sanh tâm yêu mến chiếm hữu. Ngược lại, chúng ta còn nhận được sự bảo vệ từ chư Tăng. Mỗi người Ni trẻ tự thân hành trì Bát Kinh Pháp là góp phần trang nghiêm Ni đoàn nói riêng, Phật giáo nói chung.

Hằng năm, ngày mùng 8 tháng Hai Âm lịch trở thành ngày truyền thống của Ni giới tưởng niệm Kiều Đàm Di mẫu. Đây là dịp để Ni giới ngồi với nhau, ôn lại những hạnh nguyện của Tổ Ni. Thiết nghĩ, đó cũng là hành động duy trì và bảo vệ Bát Kinh Pháp.

Kết luận

Mỗi hành giả cần phải nỗ lực trong quá trình tu học để đạt được trí tuệ vì trí tuệ là phương tiện cứu cánh trên con đường giác ngộ giải thoát. Trí tuệ giúp chúng ta nhìn thực tướng mọi sự vật đều là *vô thường, khổ, vô ngã*. Có trí tuệ giúp chúng ta chọn hướng đi đúng cho

mình trên lộ trình tìm cầu giải thoát. Trí tuệ là chìa khóa mở kho tàng giáo pháp của Đức Thế Tôn.

Là con gái dòng họ Thích, chúng ta hãy cố gắng tinh tấn tu tập để đạt được trí tuệ. Trí tuệ sẽ giúp chúng ta nhận diện được diệu ý ẩn tàng trong Bát Kinh Pháp, khi đó chúng ta sẽ không còn thấy bị áp đặt hay hạn chế từ Bát Kinh Pháp. Ngược lại, chúng ta nhìn thấy cái hay, cái tốt của Bát Kinh Pháp. Khi hiểu rồi, tự nhiên chúng ta sẽ trân quý Bát Kinh Pháp như Kiều Đàm Di mẫu trân quý.

Là một người Ni trẻ trong thời hiện đại, chúng con nguyện ba nghiệp tinh tấn tu tập theo lời Phật dạy, theo gót chân Kiều Đàm Di mẫu, thọ trì trọn đời Bát Kinh Pháp, tự trang nghiêm bản thân, góp phần trang nghiêm Phật giáo.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. HT. Thích Minh Châu (Dịch, 2014), *Kinh Pháp Cú*, Kệ 276, Công ty Cổ phần Văn hóa thiện tri thức xuất bản.
2. HT. Thích Minh Châu (Dịch, 2016), *Kinh Trung Bộ*, tập 1, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
3. HT. Thích Minh Châu (Dịch, 2016), *Kinh Tương Ưng*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
4. Thích Huệ Đăng (2011), *Đại thừa tư tưởng luận*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
5. Thích Quảng Độ (Dịch, 2012), *Đại thừa Phật giáo tư tưởng luận*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
6. Lê Mạnh Thát (2000), *Toàn tập Minh Châu Hương Hải*, Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.

“BÁT KÍNH PHÁP” CÓ PHẢI LÀ KHUÔN VÀNG THƯỚC NGỌC ĐỐI VỚI NI GIỚI THỜI HỘI NHẬP?

TKN. Thích Khánh Giác

Suốt 45 năm thuyết pháp độ sanh, Đức Phật đã để lại một kho tàng kinh điển vô giá. Ngoài những di sản quý báu ấy, Ngài còn lưu lại dấu ấn vô cùng trọng đại cho lịch sử nhân loại. Đó là bãi bỏ chế độ giai cấp và giải phóng phụ nữ khỏi đời sống nô lệ. Hơn thế nữa, việc thành lập Ni đoàn là một cuộc cách mạng vĩ đại chưa từng xảy ra; từ đây, người nữ chính thức được tham dự vào đời sống xuất gia. Đức Phật đã làm một cuộc cách mạng tư tưởng và giải phóng nữ giới bằng cách tuyên bố: “Người nữ có thể đạt đến chỗ giác ngộ tâm linh, thành tựu trí tuệ thâm sâu dẫn đến Niết-bàn”.

Khi Ni đoàn được thành lập, Đức Phật chưa chế định Giới Luật, hàng Tỳ-kheo-ni chỉ nương nơi Bát Kinh Pháp, lấy đó làm Giới Luật để hành trì tu tập. Từ đó, mở đầu cho sự hình thành giáo đoàn Ni. Kiều Đàm Di mẫu là vị Tỳ-kheo-ni đầu tiên trong Tăng đoàn, cũng là vị Ni trưởng đầu tiên trong lịch sử Phật giáo.

1. Vị trí người phụ nữ trong xã hội thời bấy giờ và quan điểm của Đức Phật về nữ giới

Như chúng ta đã biết, trong xã hội Ấn Độ thời Đức Phật, nữ giới có địa vị thấp kém, vai trò của họ không được ghi nhận đúng mực. Người phụ nữ chỉ như thân tâm gửi, cả cuộc đời chỉ phục tùng mệnh lệnh, không được đi học, không được tế lễ, không được học Thánh điển Vệ-đà... Họ còn bị coi là nguồn gốc của tội lỗi và các ác nghiệp. Phái Ni Kiên Tử cho rằng: “Người phụ nữ là ngọn đèn chiếu sáng

con đường dẫn đến cánh cửa địa ngục”¹. Còn theo tục lệ Sati: “Phụ nữ, khi còn bé phải theo cha, còn trẻ theo chồng, chồng chết phải theo con. Phụ nữ không được sống độc lập”². Thậm chí, họ còn bị tước quyền sống khi chồng qua đời.

Trái ngược hẳn với tư tưởng đó, Đức Phật cho rằng nơi người nữ vốn tiềm ẩn nhiều đức tính tốt đẹp như: thông minh, nhẫn nhục, ôn hòa, bao dung.... Thế nên, khi thấy Vua Pasenadi phiền muộn vì Hoàng hậu Malika vừa hạ sanh công chúa, Đức Phật liền khuyên răn: “Này nhân chủ ở đời, có một số thiếu nữ, có thể tốt đẹp hơn, so sánh với con trai, có trí tuệ giới đức, khiến nhạc mẫu thán phục. Rồi sanh được con trai, là anh hùng quốc chủ, người con trai như vậy, của người vợ hiền đức, thật xứng đáng là đạo sư. Giáo giới cho toàn quốc”³. Đức Phật đã cho quần chúng thấy rằng phụ nữ là mẹ của đàn ông. Không ai xứng đáng cho ta kính mộ, tôn sùng bằng mẹ. Sinh ra một người con gái trí tuệ hiền đức có thể tốt hơn con trai. Lời dạy của Đức Thế Tôn đã làm rung động xã hội Ấn Độ, vang vọng khắp thế giới. Đến ngày nay vẫn còn nguyên giá trị, nhất là đối với các quốc gia còn mang nặng tư tưởng trọng nam khinh nữ.

Tư tưởng bình đẳng được Đức Phật đặt lên làm nền tảng giải thoát giác ngộ. Ngài luôn đề cao phẩm hạnh và khả năng thành tựu Thánh quả của phái nữ. Ngài đánh giá một con người tốt hay xấu, hữu dụng hay vô dụng không dựa trên địa vị, giới tính hay giai cấp mà dựa trên nghiệp lực của chính cá nhân ấy, “không có giai cấp nào trong nước mắt cùng mặn, trong dòng máu cùng đỏ và cho dù nam hay nữ, giàu sang hay nghèo hèn, địa vị cao hay thấp... tất cả có khả năng tu tập và giải thoát giác ngộ trong giáo pháp của Như Lai”⁴. Dù ở phương diện xã hội hay về khả năng tu tập giải thoát, quan điểm của Đức Phật đối với nữ giới rất khoáng đạt.

¹ Viên Trí (2009), *Ấn Độ Phật giáo sử luận*, Nxb. Phương Đông, Thành phố Hồ Chí Minh, tr.133-134.

² Thích Giác Dũng (2004), *Phật Việt Nam dân tộc Việt Nam*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr.34.

³ HT. Thích Minh Châu (Dịch, 1993), *Kinh Tương Ưng Bộ*, Phẩm Thứ hai, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, tr.194.

⁴ Thích Minh Châu (Dịch, 2005), *Tăng Chi Bộ Kinh*, tập III, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.

2. Nguyên do Đức Phật không đồng ý cho nữ giới xuất gia

Đức Phật ba lần từ chối ước nguyện xin xuất gia của bà Mahapajapati Gotami, không phải vì cho rằng phụ nữ thấp kém, không đủ tư cách gia nhập giáo đoàn, mà bởi các lý do như sau:

Đức Phật muốn thăm dò ý kiến và phản ứng của Tăng đoàn cũng như xã hội bấy giờ, vì người nữ xuất gia là một việc làm trái ngược với truyền thống của Ấn Độ, tính đến thời điểm ấy. Nếu Đức Phật cho phép người nữ xuất gia ngay, sẽ có dư luận cho rằng Đức Phật vì thiên vị hoàng tộc mà để người nữ xuất gia. Hơn nữa, điều này có thể tạo cơ hội cho sự công kích của các thế lực ngoại đạo, và cả sự phản đối trong chính giáo đoàn của Ngài. Vì Tăng đoàn thời ấy có đủ các thành phần trong xã hội; hơn thế, họ cũng bị tác động bởi tư tưởng kỳ thị người nữ đã có từ lâu đời. Dù không nói ra nhưng những thành kiến về việc người nữ xuất gia luôn tồn tại trong giáo đoàn. Bằng chứng là khi Đức Thế Tôn nhập diệt, trong lần kết tập kinh điển lần thứ nhất, Tôn giả Ca Diếp đã kết tội A-nan phạm tội Đột Kiết La, trong đó có giới thứ năm là xin cho người nữ xuất gia.

Bên cạnh đó, Tăng đoàn thời ấy sống “cuộc sống vô gia cư, chủ yếu họ sống trong rừng núi dưới gốc cây, di chuyển liên tục từ nơi này đến nơi khác, chỉ phù hợp với đời sống của người nam”. Đây cũng là lý do mà nhiều lần Đức Thế Tôn không đồng ý cho đoàn của hoàng hậu xuất gia.

Mặt khác, Đức Phật nhận biết được tâm lý kiêu căng cố hữu của người nữ - mặt trái của bản năng làm mẹ, ưa bảo bọc và tự cho mình quan trọng. Bà Mahaprajapati khi ấy là đương kim hoàng hậu, lại là người chăm sóc Thái tử từ từ sơ sinh cho đến lúc trưởng thành; với những đặc điểm ấy, bà có đủ lý do để kiêu căng, ngã mạn khi bước vào hàng ngũ xuất gia.

Đồng thời, Đức Thế Tôn cũng muốn thử sức chịu đựng, ý chí, sự kham nhẫn của người phụ nữ. Tuy Đức Phật đề cao phẩm hạnh và khả năng thành tựu đạo quả của nữ giới, song Ngài nhận thấy nữ giới có những khuyết điểm nhất định như: rất trọng tình cảm, yếu

mềm nên dễ rơi vào cạm bẫy của dục vọng. Mà dục vọng là nguyên nhân gây chướng đạo.

Đức Phật vạch rõ các yếu kém, khuyết điểm của người phụ nữ không phải để chế nhạo hay khinh thường, mà Ngài hướng đến mục tiêu cao quý, đó là giúp họ nhận định được những khó khăn, trở ngại cho nỗ lực thành tựu mục tiêu và khuyến khích họ thận trọng với những cuộc tấn công của khát vọng, các cuộc đột kích của cảm dố.

Cho nên, có thể nói, không có chuyện Đức Phật miễn cưỡng cho nữ giới xuất gia, càng không có sự kỳ thị hay bất bình đẳng nào dành cho nữ giới ở đây cả.

3. Tầm quan trọng của Bát Kinh Pháp đối với Ni đoàn

Bát Kinh Pháp, nghe qua tưởng chừng là một sự áp đặt với chư Ni, đề cao chư Tăng, song nếu tư duy nghiêm túc và sâu sắc, sẽ thấy được giá trị và tầm quan trọng đối với chư Ni. Việc chế định tám điều cung kính để nữ giới được xuất gia trong bối cảnh xã hội phân chia giai cấp thời bấy giờ là một việc làm đầy trí tuệ và sáng suốt.

Thứ nhất, tất cả mọi người đều bình đẳng trước luật nhân quả và chân lý giải thoát, như Đức Phật dạy “không có giai cấp trong nước mắt cùng mặn, trong máu cùng đỏ và cho dù là nam hay nữ, giàu sang hay nghèo hèn, địa vị thấp hay cao... tất cả đều có khả năng tu tập giải thoát giác ngộ trong giáo pháp của Như Lai”. Đó là sự tiến bộ trong xã hội Ấn Độ thời Đức Phật còn tại thế.

Thứ hai, nghĩ đến việc giữ gìn an toàn cho người nữ xuất gia bằng việc tạo cho họ sự chuẩn bị về tư tưởng, tâm lý và tinh thần chịu đựng để vượt qua những thử thách.

Thứ ba, người nữ dùng Bát Kinh Pháp làm hành trang, là thước đo để dứt trừ tam độc. Đối với người tự giác, tự nguyện trên lộ trình giải thoát thì Bát Kinh Pháp là điều tối cần thiết, không phải là sự lệ thuộc, bị xem thường hay nặng nhọc, mặc cảm.

Thứ tư, Bát Kinh Pháp được chế định tưởng chừng chỉ dành cho Ni giới, nhưng nghĩ cho sâu sắc thì đó cũng là điều khuyến tấn Tăng.

Bởi Nĩ tòng Tăng, Tăng có trang nghiêm giữ giới, có tinh tấn, hiểu biết thì Nĩ mới phủ phục nương theo. Cho nên nói, Bát Kinh Pháp được chế ra cho Nĩ nhưng thực chất là mỗi ràng buộc liên đới với Tăng, là sự phản chiếu giúp Tăng không ngừng tu học để thật sự mãn tuệ trước Nĩ¹.

Tóm lại, Bát Kinh Pháp là phương tiện giúp người nữ xuất gia, đi đến đạo quả, là phương tiện bảo hộ Nĩ đoàn, giữ gìn sự đoàn kết, thanh tịnh và hòa hợp cho đoàn thể đệ tử xuất gia của Ngài, là nấc thang đầu tiên dẫn đến địa vị cao thượng trong bối cảnh đặc biệt của xã hội Ấn Độ bấy giờ. Chính nhờ Bát Kinh Pháp mà Di mẫu Mahapajapati Gotami cùng 500 thể nữ hoàng tộc thành tựu bản thể Tỳ-kheo-ni. Tỳ-kheo-ni chính thức trở thành một trong bốn chúng trong giáo đoàn của Đức Phật, sống đời sống thanh tịnh, hòa hợp, chứng đắc quả vị A-la-hán.

Như vậy, Bát Kinh Pháp được lập ra không phải vì trọng nam khinh nữ mà đó là luật pháp để bảo vệ nữ giới. Trong bối cảnh lịch sử lúc ấy, Bát Kinh Pháp đóng vai trò rất quan trọng, giúp cho xã hội có cái nhìn mới về phụ nữ. Họ được giải phóng khỏi những định kiến cổ hủ, chính thức dự vào hàng ngũ Tăng đoàn. Quá trình tu tập chứng đắc của người nữ cho thấy họ không thua gì nam giới.

4. Bát Kinh Pháp trong thời hội nhập

Trong xã hội ngày nay, người nữ được ngang hàng với nam giới. Trong Phật giáo cũng vậy, có nhiều vị Nĩ tài đức song toàn đã đóng góp rất nhiều cho Giáo hội trong công cuộc xây dựng, duy trì và phát triển ngôi nhà Chánh pháp. Sự phát triển và truyền lưu của Phật giáo Việt Nam luôn có hình bóng của Nĩ giới.

Tuy cơ duyên và hạnh nguyện của mỗi đệ tử khác nhau nhưng đã là Thích tử Như Lai, tất cả đều có chung hạt giống Phật, đi chung con đường Phật, hành chung đại hạnh Phật. Để tiếp bước tiền nhân, phát

¹ Bùi Hữu Đức (2019), “Sự cần thiết của Bát Kinh Pháp”, <https://phatgiao.org.vn/su-can-thiet-cua-bat-kinh-phap-d37307.html>.

huy Chánh pháp, nổi thanh dòng Ni lưu, luôn làm cho Phật pháp được xương minh, tồn tại trên nhân gian, hành giả phải “vong kỷ vị tha”, tâm luôn nghĩ cho chúng sanh, không tư lợi. Bên cạnh đó, Giới Luật phải tinh nghiêm, đạo hạnh thanh thoát, tự tại, xả bỏ mọi thú vui trần tục, luôn luôn mang tâm niệm hoài bão “phục vụ chúng sanh là cúng dường chư Phật”. Qua đó, giúp kế thừa và phát triển những truyền thống tốt đẹp mà các bậc tiền nhân đã dày công vun bồi.

Từ thời Đức Phật, chư vị Thánh Ni đã thành tựu đạo quả nhờ vào Bát Kinh Pháp: Tỳ-kheo-ni Đại Ái Đạo - Trí tuệ đệ nhất, Tỳ-kheo-ni Thúc ma - Thần thông đệ nhất, Cơ Lợi Xá Kiều Đàm Di - Thiên nhân đệ nhất, Ban Đầu Lan Xà Na - Trì luật đệ nhất... Ngày nay, nhìn lại những bậc Trưởng lão Ni Việt Nam, những người làm nên sự nghiệp vẻ vang, xây dựng tiền đồ Phật pháp, trở thành rường cột cho hậu lai, đều là hàng thượng thủ tôn thờ Bát Kinh Pháp. Như: cố Ni trưởng Hải Triều Âm, cố Ni trưởng Như Hoa, cố Sư trưởng Như Thanh... Hình ảnh của những bậc đại Ni luôn sống mãi trong lòng Ni giới, đó là nhờ vào tinh thần của Bát Kinh Pháp. Dù trải qua thời đại nào, đức hạnh của quý Ngài vẫn không mai một, không bị lãng quên mà luôn tỏa sáng trên bầu trời vô ngã vị tha.

Thiết nghĩ, chư Ni trẻ phải tâm nguyện suốt đời vâng theo đại Tăng, Đức Thánh Tổ Ni Đại Ái Đạo, chư Tôn Trưởng lão Ni tiền bối hữu công Phật giáo Việt Nam; nguyện noi gương quý Ngài nỗ lực tu học, tôn kính và vâng giữ Bát Kinh Pháp, góp phần trang nghiêm Giáo hội, hết lòng phụng sự đạo pháp và dân tộc, làm tròn bốn phận của người con gái Như Lai tự giác, giác tha, giác hạnh viên mãn.

Kết luận

Lịch sử có thể vận hành, xã hội có khác đi, nhưng Bát Kinh Pháp vẫn mang một giá trị tối thượng. Chính nhờ Bát Kinh Pháp, giáo đoàn Tỳ-kheo-ni được thành lập và tồn tại cho đến ngày nay. Bát Kinh Pháp là yếu tố quyết định sự hình thành giới thể thanh tịnh của Tỳ-kheo-ni khi lãnh thọ giới pháp, để trở thành một hành giả đi trên lộ trình giải thoát, giác ngộ. Bát Kinh Pháp là chiếc bóng, là linh hồn

của Ni giới. Vì thế, Tỳ-kheo-ni cần phải vâng giữ Bát Kinh Pháp như giữ tròn con mắt, gạt bỏ những tư kiến để tô điểm cho ngôi nhà Phật pháp ngày càng tươi đẹp. Tinh thần ấy như làn hương thơm tỏa khắp muôn phương, thấm thấu vào cuộc đời, chói sáng qua từng thế hệ mà vẫn vẹn nguyên vai trò quan trọng đối với Ni đoàn, không thể tùy tiện lược bỏ. Có như vậy Phật pháp mới mong được chói sáng và trường lưu mãi mãi ở đời.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. HT. Thích Minh Châu (Dịch, 1993), *Kinh Tương Ưng Bộ*, phẩm Thứ hai, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, Thành phố Hồ Chí Minh.
2. Thích Minh Châu (Dịch, 2005), *Tăng Chi Bộ Kinh*, tập III, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
3. Thích Giác Dũng (2004), *Phật Việt Nam dân tộc Việt Nam*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
4. Bùi Hữu Được (2019), “Sự cần thiết của Bát Kinh Pháp”, <https://phatgiaio.org.vn/su-can-thiet-cua-bat-kinh-phap-d37307.html>.
5. Viên Trí (2009), *Ấn Độ Phật giáo sử luận*, Nxb. Phương Đông, Thành phố Hồ Chí Minh.

BÁT KINH PHÁP - PHỤC SỨC ĐẸP NHẤT CỦA NI GIỚI

Thích nữ Thông Hạnh

Sở dĩ biển thấp nên trăm sông mới đổ về, biển chưa từng chê nước nên biển ngày một rộng, núi không chê đá nên núi thêm cao. Cũng vậy, phàm là con người thì giá trị lớn nhất là ở nơi đạo đức. Đức tính khiêm hạ sẽ làm nên một con người vĩ đại. Dù thời đại nào, con người nào, ở vị trí nào thì khiêm hạ vẫn luôn giữ được giá trị của nó. Muốn thực hành được sự khiêm hạ, đòi hỏi người đó phải rèn luyện bản thân qua những khuôn phép, lễ lối, Giới Luật. Ngày nay, thế giới đang bước vào thế kỷ XXI, bên cạnh sự phát triển về đời sống vật chất, còn kéo theo những khủng hoảng về môi trường, đạo đức, văn hóa - tín ngưỡng, đặc biệt là sự bất bình đẳng giới tính đã tồn tại từ lâu... Trong lịch sử, nhiều nước thuộc khu vực Trung Đông, châu Á, châu Phi, Nam Mỹ từng xem nữ giới như món hàng trao đổi, buôn bán. Đó là tiền đề làm nảy sinh tư tưởng đấu tranh đòi quyền bình đẳng giữa nam và nữ. Mặc dù về cơ bản, giá trị của người nữ không thua kém người nam nhưng xét trên thực tế, nữ giới vẫn còn những hạn chế. Điều này được Đức Phật chỉ rõ qua Bát Kinh Pháp.

Trong Bát Kinh Pháp, điều đầu tiên có thể xem là thuộc về tư tưởng giáo lý, bảy điều còn lại thuộc về cách tổ chức Tăng già trong mối quan hệ giữa Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni. Giá trị chân chính của một tôn giáo nằm ở hệ thống giáo lý và Giới Luật, nhưng công năng thật sự của hệ thống này chỉ có thể thể hiện qua tổ chức của nó. Cho nên, bảy điều sau luôn phụ trợ cho điều thứ nhất và Bát Kinh Pháp không những cần thiết cho Ni giới mà còn cho cả những người sống theo giáo lý của Đức Phật.

1. Duyên khởi sự ra đời của Ni đoàn

Theo Edward. J. Thomas¹, Giáo hội Ni được thành lập vào khoảng năm thứ 5 sau ngày Đức Thế Tôn thành đạo. Sau đó một năm, bắt đầu chế định một số Giới Luật nhưng phần lớn được hình thành rõ nét và cụ thể vào năm thứ 10. Để hiểu rõ hơn duyên khởi sự thành lập của Ni đoàn, chúng ta cùng trao đổi lại một số vấn đề sau:

Đầu tiên, quay trở lại thời Đức Phật, trong xã hội Ấn Độ cổ đại, vị trí người phụ nữ còn thấp kém, vai trò của họ trong gia đình và xã hội không được ghi nhận. Trong tôn giáo và các giáo phái đương thời không cho người nữ xuất gia tu tập, tham gia các nghi lễ tôn giáo và hoạt động cộng đồng như nam giới. Thậm chí, có những quan điểm cho rằng phụ nữ là nguồn gốc của tội lỗi, sai lầm và ác nghiệp. Những quan niệm đó đã tồn tại và ăn sâu vào tôn giáo, tư tưởng của mọi người. Do đó, không phải Đức Phật không cho phép người nữ xuất gia, gia nhập Tăng đoàn mà chính xã hội và con người Ấn Độ lúc bấy giờ là rào cản lớn.

Từ những rào cản đó nên khi Di mẫu Ma-ha Ba-xà-ba-đề xin xuất gia, được sống đời Phạm hạnh theo hội chúng Tăng già, Đức Phật đã không đồng ý ngay. Mãi khi Di mẫu cùng với 500 thế nữ dòng họ Sakya tự phải bỏ tóc mình, đi chân trần, khoác trang phục thô sơ, tiếp tục hành trình dài đến đánh lễ Đức Phật để cầu xin cho nữ giới gia nhập Tăng đoàn, rồi cùng với lời thưa thỉnh của Tôn giả A-nan, Đức Thế Tôn mới đưa ra tám quy tắc, nếu mọi người đồng ý tuân theo thì được phép xuất gia, dự vào hàng Tăng chúng. Tám quy tắc ấy chính là tám điều học đầu tiên dành cho Ni giới, là điều kiện, nền tảng cơ bản để nữ lưu bước chân vào cánh cửa Phạm hạnh, sống đời giải thoát. Tám điều này được gọi là Bát Kinh Pháp, tám phép tôn kính của Tỳ-kheo-ni đối với Tỳ-kheo. Kể từ đó, Ni đoàn được thành lập.

Phải hiểu rằng, việc chế định ra Bát Kinh Pháp, vốn dĩ không mang ý nghĩa phân biệt, kỳ thị nữ giới mà là cánh cửa mở ra hướng

¹ Theo: Edward. J. Thomas, *The Life of the Buddha as Legend and History*.

xuất thế cho nữ giới, đảm bảo giá trị Phạm hạnh của đoàn thể Tăng già cũng như duy trì Phật pháp lâu dài. Về nguyên nhân ràng buộc Ni giới vào Bát Kinh Pháp, Đức Phật đã nói: “Này A-nan, ví như một người vì nghĩ đến tương lai, xây dựng bờ đê cho một hồ nước lớn để nước không thể chảy qua; cũng vậy này A-nan, vì nghĩ đến tương lai, Ta ban hành Bát Kinh Pháp này cho các Tỳ-kheo-ni cho đến trọn đời không được vượt qua”¹.

Ngoài ra, Đức Phật còn thấy được bản tính của người nữ thất thường, do đó phải khéo léo mới có thể độ được cho họ. Đức Phật dạy rằng: “Vì phụ nữ thì cái thói bốc đồng làm cho tâm tính khó giữ duy nhất, thích thú chốc lát, ý xấu lại nổi lên, y như bong bóng nước cái nổi cái mất, không có nhất định nên phải khéo quán sát mới có thể độ cho Ni”². Với trí tuệ siêu việt, Đức Phật có thể thấy những hiểm họa và khuyết điểm không thể tránh trong tâm tính người nữ như vậy, cho nên khi điều hành song song Tăng đoàn và Ni đoàn cùng một lúc, Đức Phật đã đưa ra tám điều quy định cho Tỳ-kheo-ni nhằm giữ gìn và bảo vệ tương lai của Giáo hội. Đây cũng là lý do Đức Phật dạy: “Một Tỳ-kheo-ni dầu có trăm tuổi hạ, khi gặp thầy Tỳ-kheo mới thọ Cụ túc giới cũng phải chào hỏi, đánh lễ và thực hành tất cả các bốn phận thích nghi đối với vị Tỳ-kheo.” Thực tế, không có Tăng nào mới thọ giới mà cầu mong sự đánh lễ của một vị Ni lớn nhưng đó là phép hành xử khiêm cung, là trang sức đạo đức tô điểm thêm cho sự lịch nhã của Ni giới cần phải có trong quá trình hành trì tu tập. Mặc dù cho người nữ xuất gia là lưu xuất từ trí tuệ và lòng từ bi, Đức Phật cũng đã lường trước những trở ngại mà xã hội lúc đó đem đến. Họ đã phần nộ trước đòi sống Phạm hạnh của Ni giới, khi đắp y ca-sa, ôm bình bát đi khất thực trên khắp các nẻo đường. Để làm dịu đi phản ứng bất mãn, hài hòa với phong tục truyền thống và điều luật 143 của Luật Manu, Đức Phật đã tùy cơ chế ra Bát Kinh Pháp như một giao ước để người nữ hành trì theo. Đó cũng là bình phong, là thành lũy tốt nhất bảo vệ nữ giới, bởi nhờ thực hiện Bát Kinh Pháp,

¹ Tăng Chi VIII.51, Kinh Mahàpajàpati Gotami.

² Trí Quang (dịch) (2009), *Luật Tiểu*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr.175.

họ luôn có sự bảo hộ của chư Tăng. Có thể nói, Đức Phật được xem là người cách tân xã hội đầu tiên, đưa nữ giới lên một tầm cao mới, chưa có tiền lệ với bất kỳ tôn giáo hay học thuyết nào trên thế giới.

2. Công năng của Bát Kinh Pháp

Trên thực tế, có một số quan điểm muốn bác bỏ Bát Kinh Pháp vì cho rằng Bát Kinh Pháp không còn phù hợp với thời đại ngày nay. Bát Kinh Pháp không bình đẳng với Ni giới, Tăng sẽ dựa vào đó để áp đặt lên Ni, làm cho Ni giới đã thiết thòi lại càng thiết thòi hơn. Cần phải hiểu rằng, Đức Phật là bậc đại giác, đã đoạn tận hết thủy lậu hoặc thì không thể có sự kỳ thị đối với Tỳ-kheo-ni. Kể cả sau này Bát Kinh Pháp được kết tập lại bởi Tôn giả A-nan và Ưu-ba-li thì các Ngài cũng đã đoạn tận hết lậu hoặc, do vậy, không thể có sự thêm bớt hay tuyên thuyết sai lời ý của Đức Phật.

Sự nghi ngờ khởi lên từ vọng niệm. Người phụ nữ thời nay có thể làm chủ mọi vấn đề trong đời sống, có thể gánh vác mọi công việc từ gia đình ra ngoài xã hội. Thậm chí, nhiều người còn tuyên bố không cần đàn ông, không cần chồng vì bản thân họ có thể làm được mọi việc để lo cho con cái, gia đình. Người xuất gia ở một số nước như Đài Loan đã không duy trì Bát Kinh Pháp một cách triệt để, vì vậy, khi tiếp xúc với văn hóa tôn giáo khác, họ khởi lên suy nghĩ rằng tôi phải giống họ, phải làm được như họ, không cần tuân theo những Giới Luật dù đó là Giới Luật Đức Phật chế ra, thậm chí còn cho rằng Bát Kinh Pháp không phải là Đức Phật chế. Có người đi theo khuynh hướng cực đoan, “nâng bản ngã” của mình lên, để rồi quên đi mục đích lý tưởng của người xuất gia là phải đạt đến sự vô ngã. Họ cứ loay hoay tìm kiếm một hệ tư tưởng mới lạ, phù hợp với tiêu chí và đem lại quyền lợi cho mình. Thiết nghĩ, bác bỏ Bát Kinh Pháp không phải là điều Ni giới nên làm.

Đức Phật dạy: “Các Tỳ-kheo không nên ban hành những luật lệ không thích hợp và không bãi bỏ những luật lệ đã được ban hành bởi

Tăng đoàn”¹. Giới Luật được ví như châu báu nhưng bỏ châu báu, chạy theo tư tưởng thế tục để nâng bản ngã mình lên thì cần phải thận trọng. Hơn nữa, đức Sơ Tổ Kiêu-đàm-di đã đắc pháp, không phải là tác bạch Yết-ma giới Tỳ-kheo-ni mà đắc pháp bằng Bát Kinh Pháp. Ngay chính lúc Di mẫu thành tâm quỳ xuống, đón nhận Bát Kinh Pháp một cách cung kính và hoan hỷ cùng với lòng phát nguyện hành trì, vâng giữ Bát Kinh Pháp cho đến trọn đời, từ giây phút thiêng liêng đó, Ni đoàn đã được thành lập. Qua đó để thấy rằng, chúng ta xuất gia tu hành là đặt đạo lên trên chứ không phải đặt bản ngã. Chính lúc Di mẫu quỳ xuống, lắng đọng hết những cấu uế trần tục, đạt sự vô ngã thì lập tức chứng quả. Do vậy, chỉ cần có niềm tin bất hoại đối với Tăng, với Giới Luật, nỗ lực chuyên cần thì nữ giới cũng có thể chứng đắc như Tăng, không khác! Thành tựu được Bát Kinh Pháp mới thành tựu được bản thể của Tỳ-kheo-ni, nếu bỏ thì bản thể Tỳ-kheo-ni sẽ bị ảnh hưởng. Do vậy, Bát Kinh Pháp được ví như được liệu trị bệnh nghiệp cho người nữ, nâng thiện căn phước đức của người nữ lên ngang tầm với người nam để tu hành, từ đó chứng được quả vị A-la-hán là quả vị bình đẳng giữa Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni.

Còn đối với chư Tăng, khi chư Ni thực hành Bát Kinh Pháp thì không tỏ lòng kiêu ngạo. Chư Ni sẽ được tăng thêm phước nhờ vào sự khiêm hạ cung kính, không hề mất quyền lợi trong tổ chức giáo hội và không mất phẩm chất đức hạnh vốn có của mỗi người. Hơn nữa, Bát Kinh Pháp diệt trừ sự kiêu mạn, giữ khoảng cách vừa đủ khi được chư Tăng dạy dỗ. Đối với Tăng, chư Ni luôn là người con, người em nên luôn che chở Ni; cho nên, càng thực hành và tôn trọng Bát Kinh Pháp thì chư Ni càng được nhiều lợi ích trên tiến trình tu học, đạt đến sự giải thoát. Nhất là đối với lớp Ni trẻ hiện nay, cần phải nương theo Bát Kinh Pháp, Giới Luật để rèn luyện lời nói, hành động của mình luôn ở trong khuôn khổ của Thánh hiền. Như Sư bà

¹ Thích Thái Hòa (2017), *Niềm tin bất hoại đối với Thánh giới*, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội, tr.36.

Hải Triều Âm, là sao khuê của Ni giới, một đời khiêm cung, chưa bao giờ dám đội mũ Quan Âm, chưa bao giờ dám quên Bát Kinh Pháp, luôn đội Bát Kinh Pháp lên đỉnh đầu, thấy Tăng dù mới thọ Sa-di cũng cung kính vái lạy.

Kết luận

Thiết nghĩ, sinh ra được làm người là khó, nay được xuất gia lại càng khó hơn. Được xuất gia, được nhận những lời chỉ dạy của đức Bổn sư và những người đi trước thì lại càng thêm phước báu. Những gương sáng rừng thiền, những vị Ni đã luôn hành trì Bát Kinh Pháp - đức hạnh của các Ngài vẫn còn đó, cho nên, dù sống thời đại nào cũng không quên nguồn gốc lưu xuất của mình.

Khẳng định rằng những gì Đức Phật dạy và chư Tổ gìn giữ là không sai, cho nên Bát Kinh Pháp chính là tấm chắn bảo vệ chư Ni trên bước đường học và hành đạo. Bát Kinh Pháp: “là pháp được ái mộ, ưa thích, đáng được làm gương để bắt chước”¹, nhờ đó mà những ai thực hành sẽ đạt được lợi ích “làm cho sáng chói trú xứ mà vị Thánh đệ tử sống, ở trú xứ nào vị ấy sống sẽ giúp được rất nhiều người”². Cho nên, được trở thành Tỳ-kheo-ni sống đời sống Tăng già, xứng đáng là “con gái Đức Phật” thì nên tu tập Giới - Định - Tuệ, hành trì đúng Bát Kinh Pháp. Cứ hành đạo một cách minh nhiên thì mọi phước đức sẽ tự đến, để không cô phụ lòng từ bi của Đức Phật đã chấp nhận cái cách cho nữ giới trong xã hội lúc bấy giờ. Điều cần làm là chư Ni cần có niềm tin kiên định với những pháp chư vị Tổ sư đã hành trì, như Đức Phật đã dạy người nữ cần phải tăng trưởng năm điều: “Tăng trưởng về lòng tin, tăng trưởng về giới hạnh, tăng trưởng về nghe nhiều, tăng trưởng về thí xả, tăng trưởng về trí tuệ. Nay các Tỳ-kheo, được tăng trưởng với năm sự tăng trưởng này, nay

¹ Thích Minh Châu (1996), *Tăng Chi Bộ Kinh II*, Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh, tr.733.

² Sđd, tr.735.

các Tỳ-kheo, một nữ Thánh đệ tử được tăng trưởng trong Thánh tăng trưởng”¹.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Thích Minh Châu (Dịch, 1991), *Kinh Tương Ưng 4*, Thiên Sáu Xứ, Chương III: Tương Ưng nữ nhân, phần I: Phẩm Trung Lược, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, Thành phố Hồ Chí Minh.
2. Thích Minh Châu (Dịch, 1996), *Tăng Chi Bộ Kinh II*, Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.
3. Thích Thái Hòa (2017), *Niềm tin bất hoại đối với Thánh giới*, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội.
4. Trí Quang (Dịch, 2009), *Luật Tiểu*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
5. Edward. J. Thomas, *The Life of the Buddha as Legen and History*.

¹ Thích Minh Châu (Dịch, 1991), *Kinh Tương Ưng 4*, thiên Sáu Xứ, chương III: Tương Ưng nữ nhân, Phần I: Phẩm Trung Lược, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, Thành phố Hồ Chí Minh, tr.703.

NI GIỚI THỜI HIỆN ĐẠI ĐỐI VỚI VẤN ĐỀ BÁT KINH PHÁP

ThS. NCS. Thích nữ Lê Thảo

Bát Kinh Pháp được Đức Phật chế định nhân sự kiện Cù-đàm-di cùng 500 vương phi dòng tộc thiết tha khẩn cầu xin được xuất gia. Giáo sử đã ghi lại chi tiết sự kiện này. Theo đó, điều kiện để người nữ xuất gia là phải phụng trì Bát Kinh Pháp. Ý nghĩa và giá trị của Bát Kinh Pháp vô cùng to lớn. Tuy nhiên, có quan điểm cho rằng, Đức Phật muốn chèn ép người nữ nên mới chế ra tám điều răn giới này, áp dụng cho Ni đoàn. Có quan điểm nói Bát Kinh Pháp không phải do Đức Phật chế mà do một số chư Tăng muốn áp đặt người nữ. Cũng có quan điểm cho rằng, trong thời hiện đại, nam nữ đã bình quyền, vậy nên, cần xóa bỏ Bát Kinh Pháp... Vậy Bát Kinh Pháp có phải là khuôn vàng thước ngọc hay không? Đây là vấn đề rất quan trọng chúng ta cần tìm hiểu.

1. Ý nghĩa và giá trị của Bát Kinh Pháp đối với Ni đoàn

Mới nhìn vào Bát Kinh Pháp, có thể có người sẽ cho rằng Phật không thương tưởng nữ nhân, nhưng nếu xem xét từng pháp trong tám điều này thì lại không thấy như thế. Theo người viết, Phật ưu tiên người nữ và thương người nữ nhiều hơn, vì đó là những người chân yếu tay mềm. Cụ thể:

(1) Tỳ-kheo-ni phải cầu thọ giới Cụ túc nơi Tỳ-kheo

Để hiểu vấn đề này, cần nhìn lại bối cảnh xã hội Ấn Độ thời điểm đó với sự phân chia thành bốn giai cấp: Giai cấp Bà-la-môn 'Brahmana', chủ trương việc nghi lễ tôn giáo; Giai cấp Sát-đế-lợi 'Ksatriya', là vua quan, nắm quyền thống trị; Giai cấp Tỳ-xá 'Vaisya',

là giai cấp bình dân, nông, công, thương; Giai cấp Thủ-đà-la 'Sudra', là giai cấp tiện dân, đòi đòi làm nô lệ. Trong đó, địa vị người nữ chỉ được coi tương đương đẳng cấp thứ tư. Cho nên, nếu tiếp độ nữ giới lúc này là chưa hợp thời. Hơn nữa, bà Cù-đàm-di và các thế nữ đi cùng khi đó là những người có địa vị trong hoàng tộc, vì vậy dễ sinh tính cao ngạo, tự kiêu, cậy quyền thế... Đức Phật muốn ngăn ngừa tâm tự ngã đó nên Ngài yêu cầu người nữ phải tuân giữ Bát Kinh Pháp thì mới được xuất gia.

(2) Tỳ-kheo-ni cứ mỗi nửa tháng phải đến thọ giáo nơi Tỳ-kheo

Phật cho rằng tất cả chúng sanh đều có Phật tánh như nhau nhưng tính tình người nữ lại mau vui, không vững chí, nhanh chán, tự cao. Thế nên cứ nửa tháng người nữ phải đến thọ giáo Tỳ-kheo, nghe lời giáo huấn. Mặt khác, làm như vậy, người nam cũng được tôn vinh, dẫn đến không phản đối chuyện thu nhận nữ nhân xuất gia tu học trong Pháp Luật của Như Lai nữa.

(3) Nếu nơi trụ xứ không có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni không được thọ hạ an cư

Giới này cho chúng ta thấy rõ Phật rất thương phái nữ. Bởi lẽ, xã hội Ấn Độ lúc bấy giờ rất phức tạp, hiểm họa luôn rình rập người nữ và trẻ em. Nếu Tỳ-kheo-ni ở nơi không người thì sẽ rất nguy hiểm, do vậy không được hạ an cư nơi trú xứ không có Tỳ-kheo.

(4) Tỳ-kheo-ni sau khi thọ hạ an cư phải đối trước hai bộ chúng thỉnh cầu rõ về ba sự: thấy, nghe và nghĩ

Đây là phương pháp phát lồ sám hối rất tốt cho người tu học Phật pháp. Đức Phật đặt ra giới này là muốn người nữ bỏ đi tính cao ngạo, hoàn thiện bản thân hơn trong ba tháng an cư mùa mưa.

(5) Nếu Tỳ-kheo không cho phép Tỳ-kheo-ni thưa hỏi thì Tỳ-kheo-ni không được thưa hỏi về Kinh, Luật và A-tỳ-đàm. Nếu cho phép hỏi thì mới hỏi về Kinh, Luật và A-tỳ-đàm

Giới này, có lẽ Phật sợ người nữ hỏi về Kinh, Luật và A-tỳ-đàm, sẽ biết về những điều Tỳ-kheo chê bai, dẫn đến bất hòa trong Tăng đoàn. Việc cho người nữ xuất gia là một đột phá lúc bấy giờ. Với việc

đặt ra giới này, có lẽ Phật cũng muốn Tỳ-kheo yên tâm là người nữ sẽ không bắt bẻ mình, vì vậy mà không phản đối việc cho người nữ gia nhập Tăng đoàn.

(6) Tỳ-kheo-ni không được nói điều trái phạm của Tỳ-kheo, nhưng Tỳ-kheo được quyền nói điều trái phạm của Tỳ-kheo-ni

Giới này, nghe qua có vẻ bất bình đẳng nhưng thật ra không phải vậy. Theo người viết, có lẽ người nữ hay nói nhiều, nói dai, nói dài, dễ làm cho Tỳ-kheo khó chịu, dẫn đến phản ứng. Vì vậy, Đức Phật muốn đề phòng trước. Qua đó cho thấy sự lo lắng rất chu đáo của bậc Đạo sư.

(7) Tỳ-kheo-ni nếu phạm Tăng-già-bà-thi-sa¹ thì đôi trước hai bộ chúng hành bất mạn² trong vòng mười lăm ngày

Với giới này, có lẽ Phật muốn cả hai bộ chúng cùng xem xét, như thế sẽ công bằng cho người nữ. Mặt khác, Tỳ-kheo cũng sẽ cảm thấy mình là người quan trọng, có tiếng nói. Và như thế thì ngay thời điểm đó, Tỳ-kheo sẽ không có ý kiến gì khi Đức Phật cho người nữ tu theo pháp luật của Ngài.

(8) Tỳ-kheo-ni dù có thọ Cụ túc giới lâu đến một trăm năm, nhưng trước Tỳ-kheo mới thọ giới Cụ túc vẫn phải khiêm cung cúi đầu làm lễ, cung kính chấp tay thưa hỏi

Đặt ra giới này, có lẽ Phật muốn người nữ phải khiêm cung trước Tỳ-kheo, như vậy sẽ dẹp bỏ được tính ngã mạn.

Qua đó, chúng ta thấy, Đức Phật chế ra Bát Kính Pháp không phải vì không thương người nữ, mà muốn bảo hộ người nữ khỏi sự phản đối của Tăng đoàn. Đồng thời qua đó trang bị cho người nữ một pháp tu, đó là biết khiêm hạ, bỏ đi cái ta, cái ngã của bản thân để hoàn thiện hơn. Cho nên, nếu chúng ta có nhận định sai lệch về Bát

¹ Tăng-già-bà-thi-sa (S. sanghadisesa, P. garudhamma ajjhapannaya): phạm trọng cấm.

² Hành bất mạn. Tứ phần: hành ma-na-đỏa. Pī: ubhatasanghe pakkhamanattam caritabbam, hành manatta trước hai bộ Tăng.

Kinh Pháp thì cuộc đời tu học đang đi lạc đường, vì còn chấp ngã chấp ta. Theo nhận định của người viết, Bát Kinh Pháp là điều kiện tiên quyết thiết yếu, là phương tiện thiện xảo để Đức Phật đưa người nữ lên vị trí cao hơn, bình đẳng với nam giới. Đồng thời, xem tám pháp này như Giới Luật mà Ni giới cần phải hành trì rất ráo. Hàng Ni lưu Thích nữ cần phải trân quý, giữ gìn như chuỗi anh lạc để trang nghiêm pháp thân, như tràng hoa đẹp có sắc lại thêm hương giúp cho Ni giới được tốt đẹp và an toàn hơn trong quá trình tu tập. Đó là chính là sự bình đẳng, không phân chia chủng tộc, giới tính.

2. Ni giới thời hiện đại nghĩ gì về Bát Kinh Pháp?

Chuyện kể rằng, Cù-đàm-di xuất gia tu học trong Chánh pháp của Như Lai, sau một thời gian đã trở thành Đại Tỳ-kheo-ni khả kính. Đồng thời cũng có các Trưởng lão Thượng tôn Tỳ-kheo-ni danh tiếng nhưng lại phải kính lễ những Tỳ-kheo nhỏ, dẫn đến nảy sinh bất mãn. Vì thế, họ đến gặp A-nan cúi đầu hành lễ, đề nghị Tôn giả xin Phật bỏ đi giới thứ tám. Nhưng Phật không cho bỏ bất kỳ giới nào trong Bát Kinh Pháp, bởi theo Người, nếu bỏ một trong tám điều, cũng giống như xây nhà, xây hàng rào, có cửa, có chốt cửa, có đầy đủ mọi thứ nhưng lại không có ổ khóa để khóa cửa, như vậy ăn trộm có thể vào nhà, lấy hết của quý đi. Nhờ rào cản của Giới Luật Tỳ-kheo-ni mà Cù-đàm-di Đại Ái và năm trăm Tỳ-kheo-ni chứng Thánh quả A-la-hán. Chính vì vậy, dù là ở thời xưa hay thời hiện đại, cũng không nên bác bỏ Tám Kinh Pháp. Chúng ta không nên dựa vào quan niệm nam nữ bình quyền mà bỏ đi Tám Kinh Pháp, vì đó là phương tiện, là thuyền bè để đưa người qua biển khổ sông mê.

Trong thời đại ngày nay, người nữ được xem trọng, đã có thể tham gia mọi hoạt động trong xã hội. Đặc biệt là hiện nay, Việt Nam có những vị Ni tài đức song toàn được làm việc trong Giáo hội, đứng lớp giảng dạy..., cùng với chư Tăng xây dựng ngôi nhà Phật pháp ngày càng hưng thịnh.

Đức Phật đã chứng ngộ Chánh pháp nên Ngài không phân biệt nam hay nữ, giàu hay nghèo, giỏi hay dở... mà chỉ quan tâm xem ai có

nhân duyên với Phật để hóa độ, như trong *Kinh Pháp Hoa* nói: “Vì một sự nhân duyên lớn, khai thị chúng sanh, ngộ nhập Phật tri kiến”¹. Đức Phật luôn thương chúng sanh như “con đò” nên Ngài không ngại khó khăn, vất vả, từ bỏ quyền quý, vinh hoa, xuất gia tìm đạo. Ngài đi giáo hóa khắp nơi, rải tâm từ đến tất cả mọi loài, khiến chúng sanh được nhiều lợi ích an vui. Từ kẻ sang người hèn, kẻ ác độc, đến người hốt phân, Ngài đều hóa độ thì hỏi sao Phật lại không tiếp độ người nữ xuất gia chứ! Đây chính là thâm ân rất lớn Đức Phật đã ưu ái dành cho người nữ. Nhờ Bát Kinh Pháp mà người nữ được bước lên địa vị cao hơn, thoát khỏi kiếp chim lồng cá chậu, hầu hạ nam giới. Đặc biệt, họ được gia nhập Tăng đoàn, xuất gia tu hành, giải thoát khổ đau, gia nhập dòng thánh... Chính vì vậy, theo người viết, Bát Kinh Pháp này không thể bỏ. Nếu ai xem trọng mà thực hành thì sẽ được nhiều lợi lạc.

Kết luận

Tóm lại, nếu không có Bát Kinh Pháp thì Ni đoàn sẽ không được thành lập và tồn tại đến ngày nay. Bát Kinh Pháp chính là bậc thềm đầu tiên đưa người nữ đến địa vị ngang hàng với nam giới và được gia nhập Tăng đoàn tu tập giải thoát. Nếu không có Bát Kinh Pháp, người nữ không bao giờ thoát kiếp làm nô lệ cho nam giới, xã hội sẽ không tôn kính và xem là vị Phật tương lai. Đức Phật đã mở ra con đường tươi sáng cho phái nữ, đưa người nữ ra khỏi khổ đau, không còn bị trói buộc bởi những định kiến sai lầm, cổ hủ. Đó là ân đức rất lớn Đức Phật đã ban tặng cho hàng nữ nhân. Chính vì vậy, Ni giới thời đại hiện nay phải nhớ ơn sâu dày của Đức Phật, giữ gìn, phụng trì Bát Kinh Pháp. Cần xem đó là pháp môn tu tập làm cho những người nữ tự hoàn thiện bản thân, bỏ đi tính tự cao, khiêm cung trước mọi người, cho dù người đó có nhỏ hơn mình. Đây là cơ hội phát huy khả năng vốn có của người nữ, để rồi có nhiều vị cũng chứng quả A-la-hán như Tỳ-kheo Tăng.

¹ Trí Tịnh (Dịch, 2009), *Kinh Pháp Hoa*, phẩm Phương tiện, Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh, tr.66.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Thích Giác Dũng (2004), *Phật Việt Nam dân tộc Việt Nam*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
2. Thích Chơn Thiện (2000), *Tăng già thời Đức Phật*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
3. Trí Tịnh (Dịch, 2009), *Kinh Pháp Hoa*, phẩm Phương tiện, Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.
4. Thích Viên Trí (2009), *Ấn Độ Phật giáo sử luận*, Nxb. Phương Đông, Thành phố Hồ Chí Minh.

PHẦN 4

NI GIỚI VỚI SỰ PHÁT TRIỂN CỦA PHẬT GIÁO

PHẬT GIÁO VÀ VẤN ĐỀ GIÁO DỤC NI GIỚI TRẺ

NS. Thích nữ Từ Thảo

Là lực lượng kế cận, “tiềm năng”, Ni giới trẻ cần được quan tâm, đào tạo và sử dụng hợp lý nhằm tận dụng nguồn nhân lực dồi dào, đầy nhiệt huyết và năng động này. Kể từ sau phong trào chấn hưng Phật giáo do cố Hòa thượng thượng Khánh hạ Hòa khởi xướng năm 1929-1931, chư Ni đã được tham gia học tập ở các trường lớp dạy về gia giáo, giáo lý Phật học. Bước ngoặt đánh dấu sự thành công về phương diện tổ chức của Ni giới chính là việc thành lập Ni chúng bộ tăng Nam Việt của Giáo hội Tăng già Nam Việt vào năm 1954. Dưới sự dẫn dắt của cố Sư trưởng thượng Như hạ Thanh, hoạt động của Ni chúng Nam Việt đã đạt những kết quả tích cực, nhất là về phương diện giáo dục, đào tạo và hoằng pháp. Cố Sư trưởng còn có công xây dựng nhiều Ni viện và Ni trường để đào tạo Ni chúng, mở ra một kỷ nguyên mới cho nền giáo dục Ni giới.

1. Phật giáo luôn song hành với giáo dục

Giáo dục là hình thức học tập theo kiến thức, kỹ năng, được trao truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác thông qua giảng dạy, đào tạo, hay nghiên cứu. Giáo dục là con đường không thể thiếu đối với người tu sĩ Phật giáo. Giáo dục Tăng Ni là giáo dục hướng đến nội tại, lấy đạo đức và trí tuệ làm mục tiêu của hướng đi cho mỗi cá nhân.

Sau khi thành đạo, trong 45 năm liền, Đức Thế Tôn chuyển bánh xe pháp, cứu vớt chúng sanh trong vùng Ấn Độ bao la. Ngài là vị

giảng sư đầu tiên làm công tác giáo dục Phật giáo một cách xuất sắc. Với tâm nguyện hoằng hóa, Ngài đã liên tục di chuyển từ nước này sang nước khác, từ nước Ca-tỳ-la-vệ ở cực Bắc, dưới chân núi Tuyết, qua nước Câu-diêm-di ở phương Tây, đến nước Ba-la-nại ở phương Nam...

Nền giáo dục Phật giáo chú trọng hai tiêu chí: bên cạnh việc thông thạo kinh văn và nghiên cứu giáo điển từ các vị giáo thọ sư có trình độ nhất định thì việc thực tập cần được song hành thông qua lời dạy cũng như kinh nghiệm tu tập của các bậc minh sư. Mục tiêu của giáo dục Phật giáo là “Giúp con người phát triển đạo đức, lòng khoan dung và lòng từ ái, từ đó thực hành kiến thức Phật pháp trong cuộc sống hàng ngày”¹.

Đây là những tính chất đặc thù trong tinh thần giáo dục Phật giáo, nhằm tạo nên một nền giáo dục toàn diện, sáng tạo và phù hợp. Giáo dục Phật giáo là để tạo nên một con người tự do, có đạo đức, có trí tuệ, sống có lý tưởng, suy nghĩ hợp lý, thích ứng được với bối cảnh xã hội. Giáo dục Phật giáo cũng được hiểu là một quá trình trưởng thành, tùy thuộc vào sự nỗ lực của mỗi người. Tự trang bị bằng vũ khí Văn - Tư - Tu tiến vào khu rừng Giới - Định - Tuệ, nền giáo dục Phật giáo từ trên hai mươi lăm thế kỷ vẫn xoay quanh trục ba yếu tố này, hòa quyện nhau, nâng đỡ nhau, cùng phát triển.

2. Thực trạng giáo dục Ni giới trẻ hiện nay

Bước vào kỷ nguyên hiện đại, chư Ni trẻ được Thầy tổ tạo điều kiện cho đi học tại các trường thế tục cũng như các lớp sơ cấp, trung cấp, cao cấp Phật học..., để mở mang kiến thức và tiếp thu những tinh hoa hội tụ các nền văn hóa Phật giáo. Nhiều học Ni còn được đi du học ở các nước như Ấn Độ, Miến Điện, Thái Lan, Nhật Bản, Đài Loan, v.v... nhằm phục vụ nền giáo dục Phật giáo nước nhà sau khi hoàn thành chương trình học.

¹ Thượng tọa Thích Nguyên Thành, Phó Viện trưởng Học viện Phật giáo Việt Nam tại Huế.

2.1. Thành tựu

Với sự phát triển lớn mạnh ấy, Hòa thượng Viện trưởng Học viện Phật giáo Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh nhận định rằng: “ngày nay, số lượng chư Ni ở Việt Nam đông hơn chư Tăng, trong đó có nhiều vị tốt nghiệp học vị thạc sĩ, tiến sĩ. Vì vậy, thiết nghĩ chư Ni có thể tham gia vào mọi lĩnh vực hoạt động...”¹. Với một thể hệ Ni chúng trẻ, là những vị có nhiệt huyết, tài năng, trí tuệ, sáng tạo, Ni giới Việt Nam đã có những thành tựu tiêu biểu như sau:

Hội nhập mạnh mẽ, khẳng định vị thế của Ni giới Việt Nam ở cộng đồng quốc tế

Hội nghị Sakyadhita lần thứ 11 đã diễn ra long trọng, tiếp đón 320 đại biểu từ 40 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới. Đây là một thành công cũng như vinh dự lớn cho Ni giới nói riêng, Phật giáo Việt Nam nói chung trong lần đăng cai đầu tiên. Hội nghị được đánh giá rất cao về công tác tổ chức, đã nâng tầm ảnh hưởng và vị thế của Ni giới Việt Nam, đánh dấu một bước phát triển rất có giá trị và ý nghĩa về giao lưu quốc tế².

Tại Lễ Trao giải thưởng Nữ giới Phật giáo xuất sắc thế giới (OWBA) do Hiệp hội Tỳ-kheo-ni Phật giáo thế giới tổ chức, nhằm tôn vinh những tấm gương điển hình Nữ giới Phật giáo trên toàn cầu, Ban Tổ chức đã trao giải cho 10 chư Tôn đức Ni Việt Nam. Sự kiện này đã làm tỏa sáng hình ảnh Ni giới Việt Nam trước cộng đồng Phật giáo quốc tế, đồng thời ghi nhận những đóng góp thầm lặng cho đạo pháp và dân tộc của mỗi người.

¹ Toàn văn báo cáo tổng kết hoạt động Phật sự nhiệm kỳ VIII (2017-2022) của Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

² Phân ban Ni giới Thành phố Hồ Chí Minh (2016), “Ni giới ở Thành phố Hồ Chí Minh: Những thành tựu nổi bật trong giao lưu quốc tế hiện nay”. In trong: Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam - Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, *Giáo hội Phật giáo Việt Nam 35 năm hình thành và phát triển*, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội, tr.628-629.

Mở lớp đại học sư phạm mầm non cho Ni sinh

Lớp học này hoạt động từ năm 2014 đến 2022, dưới sự điều hành của Ni trưởng Thích nữ Tịnh Nguyên. Về mục đích của lớp học, theo lời Trưởng Phân ban Ni giới Trung ương: “Những Sư cô sau khi tốt nghiệp có thể phục vụ giảng dạy cho các lớp học do Phật giáo quản lý... Dù còn ít ỏi ở một số tỉnh, thành nhưng trong nỗ lực của Phân ban Ni giới Trung ương, sắp tới chúng tôi sẽ vận động các Phân ban Ni giới thuộc Phật giáo 42 tỉnh, thành; nơi nào có điều kiện thì xây dựng trường mầm non, trường mẫu giáo để tiếp nhận các Sư cô tốt nghiệp giáo dục mầm non về giảng dạy, tạo môi trường tốt cho các sư cô phụng sự xã hội”¹. Thiết nghĩ, đây là một bước đi đúng đắn, hướng đến tính chuyên nghiệp, sự gia tăng năng lực hết sức cần thiết để hoạt động từ thiện xã hội của Ni giới đáp ứng những yêu cầu đã và đang đặt ra của xã hội Việt Nam đương đại.

Mở các lớp học tình thương, lớp Phật học trong và ngoài nước do Ni giới đảm nhiệm

Lớp trung cấp và gia giáo, các khóa luật Phật học dành cho Ni giới ngày càng được các vị lãnh đạo quan tâm và khuyến khích mở,... Kết quả nhận được là sự tham cầu học hỏi đầy nhiệt huyết của chư Ni trẻ với một thái độ nghiêm túc đầu tư cho việc học và nghiên cứu. Bên cạnh việc nâng cao trình độ và nhận thức, Ni giới trẻ còn dần thân lợi sanh qua việc tích cực thành lập các mái ấm, lớp học tình thương. Các Ni viện ở nước ngoài cũng thành lập những lớp học Việt ngữ nhằm dạy tiếng Việt cho người Việt, thông qua đó truyền tải lời dạy của Đức Phật đến đồng bào Phật tử Việt Nam nơi xứ người.

Những đóng góp quý báu trên đã phần nào khẳng định được nỗ lực hoàn thành sứ mệnh trong sự nghiệp hành Như Lai xứ, tác Như Lai sự của Ni giới ngày nay.

¹ Báo Giác Ngộ, ngày 30/12/2016.

2.2. Hạn chế

Tăng về số lượng nhưng chưa hoàn toàn chất lượng

Với đường lối giáo dục mở rộng, điều kiện sinh hoạt dễ dàng, không khí học tập sôi nổi, Ni chúng được theo học các trường lớp từ sơ cấp đến tiến sĩ. Từ khi thực hiện giáo dục bình đẳng cho Tăng và Ni, số lượng Ni sinh bao giờ cũng vượt trội. Tuy nhiên, có một tỷ lệ nhất định bỏ học giữa chừng, học xong không định hình được sẽ làm gì, kiến thức thiếu chắc chắn... Đây là một vấn đề đáng quan tâm.

Bị ngoại cảnh tác động, lạm dụng công nghệ số dẫn đến “thế tục hóa”

Ý thức học Phật chưa cao, bản lĩnh tu tập chưa vững nên Ni trẻ dễ bị ngoại cảnh tác động. Nhiều bậc Ni trưởng mang nỗi ưu tư khi thấy Ni trẻ vượt khỏi tầm tay của mình. Triết gia Jean Jacques Rousseau¹ từng nói: “Khoa học kỹ thuật làm băng hoại thuần phong mỹ tục và đạo đức tâm linh”. Ni giới trẻ ngày nay bị hấp dẫn bởi những thành tựu tin học, lang thang mãi trên xa lộ thông tin mà không chịu khám phá nơi nội tâm của chính mình, từ đó con người trở nên xơ cứng, cộc cằn, máy móc.

Biết nhiều nhưng không hiểu mấy

Quá chú trọng việc thâm nạp kiến thức mà không có thời gian trải nghiệm những điều mình học được, đây là một thực trạng đáng báo động hiện nay. Với lợi thế là “trẻ”, nhiệt huyết, năng động và tiếp thu nhanh, Ni trẻ có khả năng tiếp thu và ghi nhận kiến thức rất tốt, có thể nói đọc lều lều, trình bày lưu loát nhưng không hiểu gì, thậm chí chỉ nói suông chứ không thực hành. Nên nhớ lời răn của chư Tổ: “Học không tu thì mãi chỉ là cái đũa đựng sách”; cũng có nghĩa, nếu chỉ “học gạo” thì sẽ không toát lên được năng lượng của một bậc xuất trần.

¹ Jean Jacques Rousseau (1712-1788): nhà triết học chính trị, âm nhạc, giáo dục, văn học lỗi lạc thế kỷ XVIII.

3. Một số giải pháp nâng cao hiệu quả giáo dục Ni giới trẻ

Thừa kế những giá trị mà các bậc tiền bối đã gây dựng trong quá khứ, Ni giới trẻ đã tinh cần phát triển để đem lại những thành tựu trên. Quy luật biến chuyển luôn hiện hữu; chúng ta phải luôn luôn tiếp thu, thay đổi để không nằm ngoài khế lý, khế cơ và khế thời. Cho nên, để khắc phục những hạn chế còn tồn đọng, người viết xin phép đưa ra một số giải pháp như sau:

Hoàn thành vai trò của một vị Thầy

Việc giảng dạy cho các đệ tử chưa bao giờ dễ dàng, khi có một số người hiểu nhưng không mang ra thực hành; một số khác không hiểu gì và cũng không cố gắng tìm hiểu, chỉ thích làm những việc mà Thầy không dạy bảo... Nỗi khổ tâm của người Thầy là như thế.

Song song với việc mở mang trí tuệ, người học trò phải tiếp nối được nếp sống đạo hạnh của chư Phật, chư Tổ và Thầy, thể hiện tinh thần kế thừa chân chính. Do vậy, người Thầy phải truyền dạy qua cả thân giáo, khẩu giáo và ý giáo. Dưới sự dẫn dắt của người Thầy, càng nhiều không gian tự thân khai ngộ và khai sáng; đứng trên lập trường của người làm trò, không chỉ phụng hành mỹ đức “nhất nhật vi sư, chung thân vi phụ” (một ngày làm thầy, suốt đời làm cha), mà đặc biệt trong thiền môn còn thường nhận được sự chỉ bảo từng câu từng chữ, thì huệ mạng hồi sinh, nhân sinh đổi mới.

Hướng dẫn, giúp học Ni trẻ có định hướng đúng đắn

Phát Bồ-đề tâm là căn bản của việc học Phật. Cửa chính yếu để nhập đạo thì sự phát tâm đứng đầu, việc khẩn cấp để tu hành thì sự lập nguyện đứng trước. Nguyện lập thì chúng sanh độ nổi, tâm phát thì Phật đạo thành được¹.

Lấy Văn - Tư - Tu làm nền móng, tránh trường hợp học Ni mơ hồ, hoang mang trên lộ trình đang theo học. Khi học Pháp, mới chỉ là Văn tuệ (lý thuyết) chỉ dẫn, sau đó chúng ta cần Tư duy (Tư tuệ) để

¹ Thích Trí Quang (Dịch, 2011), *Khuyến Phát Bồ Đề Tâm Văn*, Nxb. Phương Đông, Thành phố Hồ Chí Minh, tr.13.

nhận diện ra đâu là đúng pháp, đâu là tà pháp. Cuối cùng mới áp dụng pháp vào thực tiễn (Tu tuệ), tránh nhầm lẫn cho rằng không cần học nhiều, phải tập trung tu tập là chính, mặc dù nếu không có Văn tuệ thì làm sao mà Tư và Tu tuệ đúng được. Khi đã trạch pháp chính xác thì ta mới dẫn thân phụng sự, lan tỏa giúp người khác đi theo con đường đúng đắn.

Học Ni trẻ cần tâm tâm niệm niệm nghĩ nhớ đến tâm hình và sứ mạng của bản thân để không bị “thế tục hóa”, không để những cảm dỗ thấp kém của xã hội lôi kéo, chạy theo hư vọng mà quên mất giới thân đã thọ, huệ mạng đang hành.

Quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi cho đội ngũ Ni tài

Hiện nay, số lượng Ni chúng tham gia các lớp học từ sơ cấp cho đến tiến sĩ Phật học trong và ngoài nước rất đông nhưng khi hoàn thành chương trình học, thì số lượng trở về phục vụ Giáo hội lại khá khiêm tốn. Lãnh đạo Ni giới cần quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi, trọng dụng các Ni tài mạnh dạn phục vụ, tham gia giảng dạy ở các trường sơ, cao - trung Phật học.

Ở các học viện Phật giáo, Tăng, Ni sinh trước khi tốt nghiệp phải có thời gian thực hành ở các chùa vùng xa, biên giới, hải đảo hay tham gia các hoạt động, phong trào dài hạn liên quan đến lĩnh vực theo học, một mặt nhằm phục vụ chúng sanh, mặt khác có môi trường cọ sát với thực tế, để sau này ra làm Phật sự có khả năng tùy thuận tốt. Điển hình về công tác sư phạm, ở các trường mầm non, mẫu giáo, cũng như các lớp học tình thương cấp một, hai và ba trực thuộc tự viện, người đứng đầu cần biết rõ các vị học Ni có kỹ năng sư phạm để mời về giảng dạy hoặc tạo điều kiện thuận lợi khi các vị học Ni bày tỏ nguyện vọng muốn giảng dạy.

Kết luận

Nhìn lại những chặng đường giáo dục Ni giới từ buổi đầu thành lập giáo đoàn Ni cho đến nay, có thể thấy, các bậc tiền nhân đã vượt qua biết bao thử thách để đạt mục đích xây dựng - đào tạo nhiều thế

hệ Ni vừa có học, vừa có hạnh, kiện toàn nhân cách của một tu sĩ. Thế hệ Ni trẻ ngày nay, thừa hưởng truyền thống tinh thần của các bậc tiền bối, phải càng nỗ lực hơn nữa trong việc tu học cũng như phụng sự đạo đời, mới mong xứng đáng là những người con Phật. Đây là điều kiện quan trọng và trở thành nền tảng giúp chư Ni đi đến mục tiêu giác ngộ trọn vẹn như Đức Phật đã tuyên bố trong ý nghĩa bình đẳng, không phân biệt giới tính. Ngoài ra, nhờ vậy mà Ni giới có cơ hội dẫn thân, nỗ lực nâng cao kiến thức để phụng sự đạo pháp và dân tộc trong tình hình mới của đất nước. Những đặc điểm này chắc chắn sẽ được Ni giới Việt Nam phát huy hơn nữa trong thời gian tới, bởi vì điều này hoàn toàn phù hợp với nhu cầu và nguyện vọng chính đáng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Báo *Giác Ngộ*, ngày 30/12/2016.
2. Phân ban Ni giới Thành phố Hồ Chí Minh (2016), “Ni giới ở Thành phố Hồ Chí Minh: Những thành tựu nổi bật trong giao lưu quốc tế hiện nay”. In trong: Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam - Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, *Giáo hội Phật giáo Việt Nam 35 năm hình thành và phát triển*, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội.
3. Thích Trí Quang (Dịch, 2011), *Khuyến Phát Bồ Đề Tâm Văn*, Nxb. Phương Đông, Thành phố Hồ Chí Minh.

GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC ĐỐI VỚI Nİ GIỚI TRÉ GIAI ĐOẠN SƠ CƠ

SC. TS. Nguyễn Thanh

Phật pháp có xương mình hay không, Nı giới có được coi trọng hay không, một phần tùy thuộc vào chất lượng tu tập và đào tạo thế hệ tương lai. Trong đó, giữ vai trò quan trọng là hoạt động giáo dục ở giai đoạn đầu xuất gia, tức là giáo dục sơ cơ¹ theo lối gia giáo “thầy dạy trò”. Đây là giai đoạn xây dựng đạo đức căn bản để người đệ tử có những bước tiến vững chãi trên con đường đã chọn. Việc đào tạo có thành tựu hay không còn tùy thuộc vào sự khéo léo dẫn dắt của người thầy. Đồng thời, điều kiện tu học của đệ tử cũng là yếu tố khá quan trọng. Một người thầy mẫu mực, tận tâm, đầy lòng từ, thương chúng đệ tử như con; cộng thêm đệ tử hiếu thuận, cung kính, nhiệt tâm, chân thành tu tập, cả hai tác thành, tạo sinh ra người kế thừa rạng ngời tông tổ. Nı giới không thể không lưu tâm đến vấn đề này. Đây là điều kiện quan trọng để khẳng định giá trị của người nữ trong sự nghiệp xây dựng từ bi và trí tuệ ở thế gian.

1. Hiểu đúng nghĩa hai chữ “đạo đức”

1.1. Đạo đức theo ý nghĩa thiên môn

Trong thiên môn, đạo đức bước đầu của người mới xuất gia được đánh giá qua sự cung kính lễ phép, cử chỉ, oai nghi.

Khi vừa vào chùa, được Thầy cho học hai thời công phu, bốn bộ luật tiểu. Ngoài điều kiện này, Bốn sư còn chỉ dạy thêm các vấn đề

¹ Giai đoạn tập sự xuất gia khi vừa mới vào chùa.

trong luật không chế định. Ngày nay, những tác động của nhịp sống hiện đại đang xâm nhập vào thiền môn, ảnh hưởng đến tu tập. Người Thầy cần cần nhắc những oai nghi từ cách đi đứng, ngồi, ăn, ngủ, nghỉ..., kể cả việc tiếp xúc, sử dụng công nghệ hiện đại..., mỗi việc đều phải tận tình chỉ dạy.

Ngoài ra, những việc thường nhật như nấu cơm, rửa bát, rửa rau, quét dọn, hương đăng, lau nhà, giặt giũ, xông phoi... cũng phải chỉ bày. Một người xuất gia không thể làm cầu thả, lấy lệ cho qua việc. Thế nên, làm Thầy, không được để “kẻ hậu bối quên mất cội rễ, lại vì việc tham cầu ăn mặc mà vào chùa, không cày ruộng, không dệt vải, thấy lợi dưỡng là dễ, không thờ vua chúa, cha mẹ, miễn việc phụng dịch được an nhàn, giả danh mục, trộm thể duyên, lấy việc đấu tranh làm Phật sự”¹.

1.2. Đạo đức là nền tảng Giới Luật

Khi một người có đạo đức căn bản, đây chính là nền tảng vững chắc để họ tuân thủ Giới Luật một cách trọn vẹn. Một người biết khép mình theo Giới Luật, vâng lời Thầy chỉ dạy, người ấy dễ đi vào ngôi nhà Chánh pháp. Bản thân họ có niềm tin nơi Thầy, đồng thời có niềm tin với Thánh giới. Họ ý thức được giới giúp “đình chỉ các ác và thực hành các thiện”². Điều này được xác định rõ trong *Câu xá luận*: “Luật nghi có khả năng phòng hộ, có khả năng diệt trừ liên tục các ác giới”³. Họ được nuôi lớn bằng niềm tin thanh tịnh. Từ đó, niềm tin đối với Tam bảo được xây dựng vững chắc. Đây là điều kiện để đem đến sự an vui trong đời sống Phạm hạnh.

Khi đã sống trong niềm hỷ lạc bởi giới trong sạch thì những cử chỉ, oai nghi, tác phong của vị ấy sẽ toát lên nét đẹp chuẩn mực của một bậc Thanh văn đúng nghĩa.

¹ *Linh Sơn Pháp Bảo Đại tạng kinh*, tập 178, Bộ Chư Tông 18: “Truy Môn Cảnh Huấn”, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc xuất bản, tr.779.

² HT. Thích Thái Hòa (2017), *Niềm tin bất hoại với Thánh giới*, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội, tr.22.

³ 《阿毘達磨俱舍論》卷14, 大正藏. T29, no. 1558, p.72b10-11. Nguyên văn: 能遮能滅惡戒相續故名律儀.

1.3. Đạo đức được đánh giá qua tác phong oai nghi

Truyện kể rằng, thời Phật còn tại thế, chàng thanh niên Xá-lợi-phất khát khao tìm ra con đường giải thoát. Lúc đó, cậu không tìm được một bậc đạo sư như ý. Một hôm, trên đường vân du tìm thầy học đạo, nhìn thấy Assaji (Mã Thắng), một trong năm đệ tử đầu tiên của Đức Phật, với dáng vẻ thanh thoát, oai nghi đỉnh đặc, sáu căn tĩnh lặng, Xá-lợi-phất lập tức rung động châu thân. Cậu hoàn toàn bị chinh phục bởi dáng vẻ thoát tục, thanh cao ấy¹. Điều này cho thấy, giá trị của việc rèn luyện oai nghi thông qua nội tâm đem đến giá trị thật tuyệt vời.

Ngay khi mới vào chùa, tịnh nữ khao khát xuất gia. Điều quan trọng, người Thầy phải nhìn nhận, phát triển hạt giống khát khao ấy, rèn luyện căn nhắc, chỉ bảo để uốn nắn. Sau này lớn lên, dù sống nơi đâu, oai nghi bước đầu này sẽ đi theo suốt cuộc đời của vị Ni trẻ. Đồng thời, tác phong ấy sẽ được truyền tiếp cho thế hệ tương lai.

2. Trách nhiệm của người Thầy khi nhận đệ tử

2.1. Đào tạo có nền tảng

Đào tạo có nền tảng là điều kiện quan trọng để một người học trò có những bước đi vững chãi trên con đường tu tập. Nền tảng ở đây được hiểu là dạy dỗ có thứ lớp, không vượt bậc, không theo cảm hứng. Tránh trường hợp nhận đệ tử cạo tóc rồi đưa vào trường Phật học, giao hết trách nhiệm đào tạo cho nhà trường. Đây là một sai lầm trong việc thiết lập mối quan hệ thầy - trò.

Thông thường, có hai hướng đào tạo. Một là, Thầy truyền dạy cho trò, không thông qua các trường Phật học; tức chỉ dạy những nếp sống căn bản của chốn thiền môn, những điều Giới Luật theo cấp bậc giới phẩm, những luật nghi mà một Tỳ-kheo-ni nên biết, các thời khóa hành trì, phương pháp tu tập theo tông phong... Hai là, Thầy

¹ H.W. Schumann (2000), *Đức Phật lịch sử*, Trần Phương Lan dịch, Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh, tr.224.

dạy những nếp sống hành trì căn bản của thiền môn. Sau đó, cho học ở trường Phật học các cấp. Cả hai cách đào tạo này, đều phải lấy Giới Luật làm chuẩn mực đạo đức. Mặc dù người xuất gia chú trọng về Từ Bi và Trí Tuệ nhưng hai trụ cột này phải được xây dựng trên chuẩn mực đạo đức và Giới Luật Phật giáo.

2.2. Đề cao “chất”, không đặt nặng “lượng”

Hiện nay, theo thực tế xã hội, mỗi gia đình thường chỉ có một hoặc hai con. Vì vậy, người xuất gia ngày càng ít, dẫn đến ở các chùa, chúng đệ tử cũng giảm đi. Điều này làm cho thiền môn dần vắng chúng Tăng. Tuy nhiên, không vì thế mà ảnh hưởng đến chất lượng thu nhận và đào tạo. Chỉ cần người Thầy có tâm, có trách nhiệm thì trong điều kiện nào cũng sẽ nuôi dạy tốt. Một người làm Thầy không cầu về “lượng” mà phải trọng về “chất”. Vì số lượng đông mà chúng ta không dạy dỗ thì làm hư hoại cá nhân ấy và ảnh hưởng đến uy tín Tăng đoàn. Về sau họ sẽ là người phá hoại Phật pháp.

Thời đại nào cũng chú trọng việc giáo dục con cái. Vì rằng, “Dưỡng bất giáo, phụ chi quá; giáo bất nghiêm, sư chi họa” (nuôi mà không dạy là lỗi của cha mẹ, dạy mà không nghiêm là lỗi của Thầy). Người thế gian còn thế, huống chi người xuất thế gian? Con đường làm Phật, làm Tổ không dễ dàng chút nào. Nếu chúng ta không giáo dục nghiêm túc, hoặc không đến nơi đến chốn, thì người đệ tử sau này sao có thể làm thầy thiên hạ được? Tiền đồ Phật pháp cũng sẽ bị hủy hoại trong tay họ.

Thế nên, ngay từ đầu, phải xây dựng cho họ nền tảng đạo đức, tư cách làm người tu sĩ. Đồng thời, gợi mở cho họ hoài bão đối với sự nghiệp giải thoát. Có ước mơ và lý tưởng, họ sẽ nỗ lực. Chính đây là chất xúc tác, tạo nhiệt huyết giúp họ vươn lên chân trời cao rộng. Khi có lý tưởng sống rõ ràng, có ước nguyện, chúng ta sẽ nỗ lực để đạt được mục đích ấy. Vì “nhiệm vụ duy nhất của mỗi con người chúng ta là thực hiện con đường mình đã chọn. Khi bạn quyết chí muốn

điều gì thì cả vũ trụ sẽ tác động để giúp bạn đạt được điều ấy”¹. Vì rằng, ước nguyện ấy không hề hão huyền. Chư Phật, chư Tổ đã đi trước và thành tựu con đường ấy một cách tuyệt vời. Bản thân chúng ta cũng tiếp bước theo con đường ấy, có căn cứ, có phương pháp chứ không hề sống ảo.

Vậy, muốn cho họ hiểu rằng, người xuất gia là phải đặt chân đến phương trời cao rộng, nổi dãi dòng giống Thánh², thì người Thầy cần gọi mở để học trò hiểu giá trị cao quý của người tu là ở chỗ nào, tránh trường hợp bỏ cái huyền thế tục, vào chùa lại chạy theo danh lợi hư huyền của người xuất gia.

2.3. Vì lòng từ bi

Khi độ đệ tử, người làm Thầy phải ý thức rõ trách nhiệm và vai trò của mình. Thâu nhận một tịnh nữ với ý nghĩ vì lòng từ bi khi thấy hạt giống Bồ-đề được nảy mầm trong thế gian, người Thầy cần trân trọng nhân duyên lành và quý trọng hạt giống Bồ-đề ấy, không làm cho hạt giống Bồ-đề bị hư hoại. Quý trọng hạt giống không có nghĩa là nuông chiều đệ tử mà phải làm sao để nuôi lớn Thánh chủng trong đệ tử. Có như vậy Phật pháp mới được lưu truyền ở thế gian.

Người Thầy thu nhận đệ tử không phải vì chùa thiếu người, không vì cầu danh văn lợi dưỡng, càng không vì phục vụ cho việc kinh doanh lợi nhuận mà là vì tiền đồ Phật pháp, vì truyền đăng tục diệm.

Và lại, từ thời Phật, “mọi khả năng về trí tuệ, về thiên định, về Giới Luật... và cả về sự thông minh, khéo léo trong tương quan ứng xử...” thì các Thánh Ni đệ tử “không hề thua nam giới”³. Thời nay, nữ giới cũng có những khả năng và tính chất ấy. Quan trọng là không làm hư hoại, lụi tàn hạt giống Thánh trong họ mà thôi.

¹ Paulo Coelho (2019), *Nhà giả kim*, Lê Chu Cầu dịch, Nxb. Văn học, Hà Nội, tr.40.

² Linh Hựu Thiên sư, *Cảnh sách Văn*.

³ Minh Đức Triều Tâm Ảnh (2012), *Con gái đức Phật*, Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh, tr.6.

2.4. Vì tiền đồ Phật pháp

Được thọ hưởng ân đức của Phật, của các bậc Tổ sư, các vị tiền bối đã hy sinh, duy trì, giữ gìn để Phật pháp còn đến ngày nay; do vậy, chúng ta không thể quên trách nhiệm của một người con Phật. Việc chính yếu là duy trì mạng mạch Phật pháp tồn tại trên thế gian, để đem lại lợi ích cho đời này và đời sau. Mà muốn làm được việc ấy, không gì hơn là đào tạo thế hệ tương lai. Cũng có nghĩa, ngay hiện tại, chúng ta phải có trách nhiệm đào tạo người tiếp nối. Bởi đệ tử chính là sự tiếp nối, là hình bóng của người thầy và cũng chính là sự truyền thừa, kế tục mạng mạch Chánh pháp. Đào tạo có nền tảng, có căn bản, đúng ý nghĩa, vừa có hình thức, vừa có nội dung. Hình thức là có rèn luyện, có học tập, có oai nghi đỉnh đạc. Nội dung là có nội hàm tu tập sâu sắc. Như thế, chúng ta uốn nắn những con người vừa có chất, vừa có lượng, xứng đáng để ghé vai vào gánh trách nhiệm duy trì và hoằng dương Phật pháp ở đời.

3. Điều kiện người đệ tử cần có

3.1. Có tâm cầu học và tâm tính ổn định

Để đào tạo người, Thầy phải có trách nhiệm, đệ tử phải có tâm, đủ hai điều kiện này thì mới thành tựu. Người nữ tính khí thất thường. Cho nên, muốn truyền trao, phải chọn người có tâm tính ổn định. Trong giới Sa-di-ni dạy: “Dĩ nữ nhân từ thái nan bảo, duyệt tại tu du, phục sinh ác ý”¹. Điều này đòi hỏi người Thầy cần phải cẩn trọng trong việc quyết định thu nhận và giáo dục giai đoạn đầu.

3.2. Có tâm hy sinh và chịu khó

Tâm ban sơ của người mới xuất gia luôn đồng mãnh, siêng năng, chịu khó, dễ dàng vượt qua mọi khó khăn. Chúng ta thường nói “nhất niên Phật tại tiền”, chính là ý nghĩa này. Tâm đồng mãnh, hy sinh, chịu khó cũng là một trong những điều kiện rèn luyện đạo đức

¹ Sa-di-ni Luật nghi yếu lược, Thượng thiên Giới Luật môn.

của người xuất gia. Người xuất gia mà không có đức tính ấy thì khó thành tựu được.

3.3. Thấy được giá trị của con đường xuất gia

Năm đức của Sa-di-ni là điều kiện cần đủ của một người xuất gia. Nhưng quan trọng hơn vẫn là giúp họ thấy được giá trị thực sự và lý tưởng của người xuất gia. Khi thấy được giá trị của con đường đã chọn thì tự bản thân họ sẽ bước đi một cách vững chãi và an vui. Nếu tu tập mà không có sự an vui thì không thể tồn tại trong ngôi nhà Phật pháp. Cho nên, thấy được giá trị và có lý tưởng rõ ràng, đó là lực đẩy giúp họ thăng tiến trên bước đường tu học.

3.4. Có tâm hiếu thuận và cung kính

Muốn biết một người có đạo đức, phẩm hạnh hay không, chỉ cần nhìn vào sự hiếu thuận và cung kính của họ đối với các bậc trưởng bối, đặc biệt là đối với Thầy. Bởi lẽ, lòng biết ơn là điều kiện cần thiết để đánh giá phẩm chất của một con người. Thầy là người có ân nghĩa giáo dục, hướng dẫn bản thân, nếu không có lòng hiếu thuận, sự niệm ân thì không thể giáo dục được. Một người xuất gia mà không có lòng biết ơn thì không xứng đáng để dựa vào Tăng chúng. Cho nên, đây là điều kiện không thể thiếu. Người làm thầy, ngay từ giai đoạn đầu rèn luyện đệ tử, không thể không lưu tâm đến vấn đề này.

4. Điều kiện thành tựu tác phong đạo đức đối với Ni giới trẻ

Nói đến tác phong đạo đức là nói đến oai nghi, cử chỉ của một người xuất gia. Nét đẹp của người xuất gia chính là oai nghi đẹp.

4.1. Thân giáo của người thầy

Những gì người Thầy làm, từ hành động, cử chỉ, lời nói, đều phải chuẩn mực. Bởi đó là bài pháp thiết thực nhất, là hình ảnh tuyệt vời để đệ tử học tập và kính ngưỡng. Đệ tử như một bản sao của người Thầy. Giá trị của thân giáo cao hơn khẩu giáo. Thầy là bậc “thị phạm” để cho đệ tử noi theo.

4.2. Sự tận tâm hướng dẫn của người thầy

Một người thầy đúng nghĩa, phải có chất liệu của tình yêu thương trong việc nuôi dưỡng, dạy dỗ chúng đệ tử. Trong *Ưu-bà-tắc giới kinh*, phẩm Thâu phục đệ tử, khi Thiện Sanh hỏi Đức Phật về phương pháp thu phục đệ tử, Ngài dạy: “Bồ-tát nên dùng pháp Tứ nhiếp thâu phục, làm cho họ xa rời điều ác, tăng trưởng pháp lành. Một lòng dạy dỗ, xem họ như đứa con một của mình, mà không cầu sự trả ơn, không vì tiếng tăm, không vì lợi dưỡng, cũng không cầu sự vui cho chính mình”.

Người Thầy phải “khéo biết căn tính của đệ tử là lợi căn, trung căn hay độn căn. Dạy đệ tử độn căn làm cho họ sinh lòng tin đối với Phật pháp; đối với kẻ trung căn, dạy dỗ làm cho họ thuần thực đối với kẻ lợi căn, dạy dỗ làm cho họ được giải thoát”. Qua đó cho thấy việc làm Thầy dạy dỗ đệ tử thật không đơn giản như chúng ta nghĩ. Tuy nhiên, cũng cần tránh trường hợp “thủy thái thanh tắc vô ngư”, nước quá trong thì cá không sống được.

Yết-ma yếu chỉ nói: “Làm bậc thầy thâu nhận đệ tử mà không biết giáo dục là một trọng tội”¹.

Kinh Thiện Sinh ghi rõ: “Với người Thầy, cần thực hiện những điều cơ bản để sẵn sóc, dạy bảo đệ tử, như: 1. Tùy thuận pháp mà huấn luyện, 2. Dạy những điều chưa biết, 3. Giải nghĩa rành rõ những điều trò hỏi, 4. Chỉ cho những bạn lành, 5. Dạy hết những điều mình biết không lẫn tiếc”².

Khi Phật còn tại thế, trí tuệ như Ngài Xá-lợi-phất mà một năm cũng chỉ được phép thâu nhận hai đệ tử. Điều này cho thấy, giáo dục một người đệ tử là trách nhiệm rất nặng nề. Ở thế gian, cha mẹ nuôi dạy một, hai người con đã khó rồi, huống gì nuôi dạy, uốn nắn một người xuất thế, đào tạo người làm thầy trong thiên hạ. Cho nên, sự nghiệp “trồng người” vẫn là điều kiện tiên quyết để xây dựng thế hệ

¹ HT. Trí Thủ (Giảng thuật, 2006), *Yết ma yếu chỉ*, Ban Tu thư Phật học Viện Cao đẳng Phật học Hải Đức, tr.82.

² 《長阿含經》卷11善生經第十二, 大正藏, T01, no.1, p.71c22-26.

kế thừa dòng giống bậc Thánh. Họ chính là những người Thầy trong tương lai để thay thế người Thầy hôm nay. Vì vậy, sự tận tâm, cẩn trọng của người Thầy chính là xây dựng niềm tin cho đệ tử hướng về lý tưởng giải thoát và duy trì mạng mạch Phật pháp trên thế gian.

4.3. Sự kiên trì tu tập của người đệ tử

Kinh dạy, làm được thân người là khó, sáu căn đầy đủ là khó, được gặp Phật pháp là khó, xuất gia tu học là khó. Người đệ tử đã phát tâm xuất gia, vậy là họ có duyên lành với Phật pháp. Tuy nhiên, không phải ai xuất gia cũng có thể trở thành bậc pháp khí, có đủ tư chất gánh vác trách nhiệm mà Thầy tổ truyền trao. Cho nên, cổ đức dạy, “dụng nhân như dụng mộc”. Có nghĩa là chúng ta tùy căn cơ đệ tử mà hướng dẫn thích hợp, với điều kiện người đệ tử phải biết vâng lời và có niềm tin với Thầy. Ngược lại, người Thầy cũng phải xứng đáng để đệ tử tin tưởng giao phó cuộc đời của họ. Trong *Kinh Thiện Sanh*, Đức Phật dạy: “Đệ tử cung phụng Sư trưởng có năm việc: 1. Hầu hạ cung cấp điều cần, 2. Kính lễ cúng dường, 3. Tôn trọng quý mến, 4. Thầy có dạy bảo điều gì không trái nghịch, 5. Thầy có dạy bảo điều gì nhớ kỹ không quên. Kẻ làm đệ tử cần phải thờ kính Sư trưởng với năm điều ấy”¹. Người đệ tử biết hiếu thuận cũng có nghĩa là người có phẩm chất đạo đức, có thể rèn luyện.

5. Đạo đức Ni giới trẻ đối với sự phát triển của Ni giới

5.1. Giá trị người xuất gia được đánh giá qua phẩm chất đạo đức

Sự thành tựu của người thế tục được đánh giá dựa trên năm dục. Người xuất thế thì ngược lại. Sự thành tựu của người xuất gia được đánh giá qua phẩm hạnh đạo đức. Dù thành tựu về học thức và địa vị nhưng phẩm hạnh đạo đức thiếu kém, thì đó chỉ là thành tựu trên mặt thế gian. Cho nên, người Thầy có trách nhiệm hướng dẫn đệ tử đi đúng theo tiêu chuẩn của người xuất thế. Khi họ vừa vào chùa phát tâm xuất gia, người Thầy phải cho họ biết giá trị của người xuất gia không phải là vì cơm áo mà là sống đời thanh cao, rèn luyện thân

¹ Sdd, p.71c17-21.

tâm, chịu khó tu tập để đưa đến an tịnh nội tâm, thành tựu phẩm chất đạo đức chuẩn mực, xứng đáng dự vào hàng chúng Trung Tôn. Thế nên, người đệ tử có thành tựu sự nghiệp tu học hay không còn tùy thuộc rất lớn từ người Thầy.

5.2. Đạo đức là nền tảng cho sự phát triển Ni giới

Một gia đình hưng thịnh khi con cái được giáo dục tốt, biết hiếu thuận, kính trên nhường dưới. Đất nước thịnh vượng khi vua tôi hòa thuận, kính trọng lẫn nhau. Ngôi nhà Phật pháp muốn hưng thịnh cửu trụ ở thế gian thì thế hệ trẻ phải được giáo dục, rèn luyện tốt. Vậy thì hôm nay, chúng ta ngồi đây, với vai trò là những nhà giáo dục, không thể bỏ qua cơ hội tạo nên một thế hệ tương lai tốt đẹp. Muốn xây dựng thành tựu, đòi hỏi mỗi cá nhân phải trau dồi tự thân, từ hình thức cho đến nội dung. Nền tảng để xây dựng thế hệ tương lai chính là đạo đức. Cụ thể hơn, đó là Giới Luật, cộng với sự gia tâm tu tập của bản thân. Người hướng dẫn phải giúp kẻ học Phật giai đoạn sơ cơ chế tác được năng lượng bình an của tự thân, sự nhiệt huyết trên con đường mình đã chọn. Đào tạo ra những con người siêng tu, thật học, có tâm hy sinh, biết nghĩ đến tiền đồ Phật pháp thì đó là điều kiện để hạt giống Thánh nẩy mầm ở thế gian.

Kết luận

Xây dựng thế hệ tương lai là điều mà hai mươi lăm thế kỷ qua chư vị Tổ sư đã làm. Hôm nay, chúng ta là người kế thừa, cũng không ngoài nhiệm vụ ấy. Muốn đào tạo người, trước hết, phải tự rèn luyện chính mình. Mỗi cá nhân hoàn thiện tự thân chính là điều kiện để đoàn thể tốt đẹp.

Trên đây chúng ta đã bàn qua về điều kiện xây dựng thế hệ tương lai trong giai đoạn sơ cơ, còn gọi là giai đoạn gia giáo, thầy dạy trò. Chính đây là điều kiện cần thiết và là nền tảng cơ bản để người tu tập có những bước tiến tiếp theo vững chãi. Ni giới có tầm ảnh hưởng hay không, tùy thuộc vào một phần giáo dục trong giai đoạn này. Người đóng vai trò quan trọng trong giai đoạn này chính là người

thầy Bổn sư. Đã là Thầy thì phải tận tâm, tận lực vì một ngôi nhà Phật pháp được xương minh, đem lại lợi lạc cho quần sanh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Minh Đức Triều Tâm Ảnh (2012), *Con gái đức Phật*, Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.
2. HT. Thích Thái Hòa (2017), *Niềm tin bất hoại với Thánh giới*, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội.
3. Linh Hựu Thiền sư, *Cảnh sách Văn*.
4. *Linh Sơn Pháp Bảo Đại tạng kinh*, tập 178, Bộ Chư Tông 18: “Truy Môn Cảnh Huấn”, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đà Bắc xuất bản.
5. Paulo Coelho (2019), *Nhà giả kim*, Lê Chu Cầu dịch, Nxb. Văn học, Hà Nội.
6. *Sa-di-ni Luật nghi yếu lược*, Thượng thiên Giới Luật môn.
7. H. W. Schumann (2000), *Đức Phật lịch sử*, Trần Phương Lan dịch, Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.
8. HT. Trí Thủ (Giảng thuật, 2006), *Yết ma yếu chỉ*, Ban Tu thư Phật học Viện Cao đẳng Phật học Hải Đức.
9. 長阿含經》卷11善生經第十二, 大正藏, T01, no.1, p.71c22-26
10. 阿毘達磨俱舍論》卷14, 大正藏. T29, no. 1558, p.72b10-11.

MÔ PHỎNG MẪU HÌNH GIÁO THỌ NI THÔNG QUA KINH TẠNG PĀLI

NS. TS. Thích nữ Diệu Hiếu

Con người có thể học từ người khác theo nhiều cách khác nhau, trong đó có cách thức nhìn xem người khác làm gì. Trong tiếng Pāli, khái niệm này được gọi là *ditṭhānugati*. Với khái niệm này, Đức Phật đề cập nhiều đến vai trò của người Thầy, Giáo thọ và Giảng sư trong việc đào tạo các thế hệ tu sĩ trẻ hay Ni chúng trẻ. Trong các kinh điển Pāli, Đức Phật thường xuyên nhấn mạnh tầm quan trọng của việc học từ người khác, bắt chước hành vi của người khác, đặc biệt là những người có ảnh hưởng như bố mẹ, giáo viên, người thầy, giáo thọ và bạn bè. “Học và làm theo” không chỉ là một cách học hiệu quả mà còn là một phần của quá trình hình thành tính cách và phẩm chất ở mỗi người.

Bài này, người viết muốn nhấn mạnh vai trò của Giáo thọ Ni trong việc đào tạo Ni chúng trẻ tài đức trong tương lai. Người Thầy không chỉ truyền đạt kiến thức mà còn là những tấm gương lý tưởng cho các Ni cô. Bằng cách làm mẫu cho các hành vi đạo đức và tư duy tích cực, Giáo thọ Ni có thể ảnh hưởng sâu sắc đến sự phát triển của các Ni trẻ, giúp họ trở thành những người có phẩm hạnh cao quý, kiến thức thâm sâu, đóng góp tích cực cho Giáo hội và xã hội. Tóm lại, *ditṭhānugati* không chỉ là một phần quan trọng của quá trình học hỏi ở con người mà còn là một phần không thể thiếu trong quá trình đào tạo và hướng dẫn của người Thầy đối với các Ni trẻ.

1. Bảy yếu tố ảnh hưởng nhiều đến người khác

- (1) Phẩm chất đáng yêu (*Piyo*)
- (2) Phẩm chất đáng kính (*Garū*)
- (3) Đáng noi gương (*Bhāvanīyo*)
- (4) Là người hay khuyên bảo (*Vattā*)
- (5) Là người kham nhẫn lời nói (*Vacanakkhamo*)
- (6) Là người nói lời thâm sâu (*Gambhīraṇca katham kattā*)
- (7) Không xúi giục điều phi lý (*No ca aṭṭhāne niyojane*).

2. Ý nghĩa của *Diṭṭhānugati*

Thuật ngữ *diṭṭhānugati* có thể hiểu theo hai cách chính:

2.1. Diễn giải theo nghĩa đen

Về mặt từ nguyên, *diṭṭha* có nghĩa là “đã thấy” và *anugati* có nghĩa là “theo sau”. Do đó, *diṭṭhānugati*, hiểu theo nghĩa đen thì đồng nghĩa với “bắt chước những gì mình thấy”. Cụ thể hơn, *anu* biểu thị “theo sau” và *gati* đề cập đến “hành vi”. Vì vậy, thuật ngữ này ngụ ý việc bắt chước hoặc học theo hành vi của người khác, đặc biệt là những người gần gũi như bố mẹ, giáo viên, người thầy, bạn bè, và những người khác. Mọi người thường bắt chước hành vi của những người xung quanh, đặc biệt là những người có ảnh hưởng đến họ.

2.2. Diễn giải thay thế

Trong phân tích thứ hai, *diṭṭhi* chỉ “quan điểm” và *anugati* vẫn có nghĩa là “bắt chước” hoặc “theo sau”. Do đó, *diṭṭhānugati* có thể được hiểu như “bắt chước quan điểm” của những người cùng tồn tại với chúng ta, như giáo viên hoặc bạn bè. Điều này ngụ ý rằng mỗi người có thể áp dụng các quan điểm hoặc niềm tin của những người mà họ gần gũi.

Tóm lại, *diṭṭhānugati* bao gồm cả việc bắt chước những hành vi chúng ta quan sát được và chấp nhận quan điểm của những người mà chúng ta gắn bó chặt chẽ.

Có hai loại hành vi có thể quan sát được, đó là hành động bằng lời nói và hành động cơ thể. Học trò và những người trẻ tuổi thường học hỏi bằng cách quan sát hành động nói và hành động cơ thể. Hành động nói liên quan đến những gì chúng ta nói ra, bao gồm cả từ ngữ và cách diễn đạt ý kiến. Trong khi đó, hành động cơ thể liên quan đến những gì chúng ta làm, bao gồm động tác, biểu hiện khuôn mặt và cử chỉ cơ thể. Cả hai loại hành vi này đều có ảnh hưởng lớn đến cách chúng ta tương tác và giao tiếp với nhau. Việc học hỏi thông qua quan sát giúp học trò và người trẻ hiểu được cách thức hoạt động của xã hội và học được cách thích ứng - phản ứng trong các tình huống khác nhau. Điều này cho thấy tầm quan trọng của việc cung cấp môi trường học tập tích cực và mẫu mực tích cực để hướng dẫn hành vi cho học trò và tu sĩ trẻ.

3. Ý nghĩa *Dīṭṭhānugati* trong các bài kinh Pāli

Giáo thọ (người hướng dẫn) đóng vai trò quan trọng nhất trong việc đào tạo học trò. Học trò cũng học từ Giáo thọ bằng cách nhìn những gì họ nói và hành động. Trong *Sutta Jīṇa*¹, Đức Phật đề cập đến một số phẩm chất mà một Giáo thọ nên thực hành và phát triển. Điều này là vì lợi ích của bản thân và cho lợi ích của thế hệ tương lai. Đức Phật nhấn mạnh có hai lý do để tuân theo lời dạy của Ngài. Đầu tiên, để sống hạnh phúc và bình an trong cuộc sống này. Thứ hai, để trở thành một tấm gương cho thế hệ tiếp theo hoặc thế hệ tương lai.

“Người thầy” (Giáo thọ) không chỉ là người truyền đạt kiến thức mà còn là người nêu gương lý tưởng. Bằng cách thực hành các phẩm chất tốt và có tâm hồn biết ơn, họ không chỉ ảnh hưởng đến cuộc sống của học trò ngày hôm nay mà còn tác động sâu sắc đến tương lai của xã hội thông qua việc truyền đạt các giá trị văn hóa, đạo đức, trí tuệ. Do đó, vai trò của Giáo thọ không chỉ đơn thuần là truyền đạt kiến thức mà còn là tạo dựng và lan tỏa những giá trị tích cực cho thế hệ tương lai.

¹ Jīṇa Sutta, Saṃyuttanikāya I, 405.

Chính vì *diṭṭhānugati* mà Đức Phật luôn nhấn mạnh việc kết giao với người tốt và tránh xa những người bạn xấu. Trong *Sutta Mitta*¹, Đức Phật nói rằng con người thường bắt chước hành vi của Thầy và bạn bè. Trong Sutta này, Đức Phật nhấn mạnh rằng nền tảng của đạo đức là thực hiện nghĩa vụ (*vatta*) và tuân thủ quy tắc đào tạo (*sekhiya*). Nếu một người không thực hiện nghĩa vụ đối với Thầy, với cộng đồng, bạn bè thì không thể mong đợi tuân thủ quy tắc đào tạo (*sekhiya*) về đạo đức, phẩm hạnh và cách sống, các oai nghi đi ra ngoài của tu viện, giao tiếp với người khác.

Diṭṭhānugati thường áp dụng cho các nhóm hoặc cộng đồng, vì trong hoàn cảnh bình thường, mọi người thường làm những gì người khác làm. Trong *Parisavagga* của *Āṅguttaranikāya*², Đức Phật phân biệt hai hội: hội chúng xấu và hội chúng tốt. Hội chúng xấu gồm các tu sĩ Ni thích phê phán, sao lãng, không thích đời sống viễn ly, và thiếu sự tu dưỡng về Giới - Định - Tuệ. Những người theo họ bắt chước hành vi này sẽ trở thành những người không tốt cho bản thân và ảnh hưởng không tốt đến Ni đoàn. Ngược lại, hội chúng tốt bao gồm các tu sĩ nữ nhiệt tâm với sự phát triển Giới - Định - Tuệ, tạo ra một gương sáng tích cực cho người khác. Đức Phật nhấn mạnh sự ưu việt của hội chúng tốt, làm nổi bật tầm quan trọng của việc lãnh đạo mẫu mực trong nuôi dưỡng sự phát triển tinh thần của Ni chúng.

Trong *Kinh Saṅkhavā*³, Đức Phật khuyên không nên khen ngợi bừa bãi vị nào đó trước đại chúng. Cần cân nhắc cẩn thận khi khen ngợi các cá nhân, vì những người khác có thể tìm cách bắt chước hành vi được khen ngợi. Vì vậy, lời khen chỉ nên được đưa ra vào những thời điểm thích hợp và dành cho những người xứng đáng. Hướng dẫn này nhằm mục đích ngăn chặn những ảnh hưởng tiêu cực và duy trì hành vi đạo đức trong cộng đồng, đảm bảo sự phát triển tinh thần và hạnh phúc cho tất cả các học viên.

¹ Mitta Sutta, *Āṅguttaranikāya* III, 422.

² Parisavagga, *Āṅguttaranikāya* I, 70.

³ Saṅkhavā Sutta *Āṅguttaranikāya* I, 238.

Trong *Kinh Tatiyanāgatabhaya*¹, Đức Phật cảnh báo về năm mối nguy hiểm trong tương lai chưa phát sinh nhưng sẽ xuất hiện sau. Những nguy hiểm này liên quan đến những Giáo thọ Ni thiếu sự phát triển trong việc rèn luyện đạo đức giới hạnh, tu dưỡng tâm và phát triển trí tuệ. Một tu sĩ như vậy không thể hướng dẫn người khác. Sự thiếu sót này dẫn đến việc đào tạo sai lầm từ những giáo lý sai lầm. Những nguy hiểm bao gồm việc các vị tu sĩ lệ thuộc mà không có sự hướng dẫn đúng đắn, rơi vào những ý tưởng đen tối trong khi thảo luận, thích những lời dạy hời hợt hơn những lời dạy sâu sắc, và những vị Giáo thọ Ni nêu gương lỏng lẻo, khiến người khác lạc lối. Các Giáo thọ Ni được khuyến khích lường trước và giảm thiểu những nguy hiểm này bằng cách nỗ lực phát triển toàn diện và tránh việc truyền bá những giáo lý sai lạc. Văn bản nhấn mạnh tầm quan trọng của việc cảnh giác và các biện pháp chủ động để duy trì tính toàn vẹn của việc huấn luyện và giảng dạy tâm linh.

Các cá nhân thường chấp nhận niềm tin và quan điểm của những người mà họ ngưỡng mộ hoặc cảm thấy tích cực đối với họ². Xu hướng tự nhiên của con người là bị ảnh hưởng bởi ý kiến và quan điểm của những cá nhân mà họ tôn trọng hoặc yêu mến. Hiện tượng này bắt nguồn từ các nguyên tắc tâm lý như ảnh hưởng và liên kết xã hội. Khi ai đó tôn trọng hoặc thích người khác, họ có thể tìm kiếm sự xác nhận từ người đó một cách có ý thức hoặc tiềm thức. Kết quả là, họ có thể điều chỉnh niềm tin và thái độ của mình với niềm tin và thái độ của cá nhân được ngưỡng mộ để cảm thấy được chấp nhận hoặc có giá trị trong nhóm xã hội.

Hơn nữa, các cá nhân cũng có thể coi những nhân vật được ngưỡng mộ như hình mẫu để học hỏi hoặc là người cố vấn, và do đó cố gắng noi theo hành vi và quan điểm của họ. Xu hướng giữ quan điểm tương tự như những cá nhân được tôn trọng cũng có thể xuất phát từ mong muốn gắn kết và hòa hợp xã hội. Mọi người thường tìm cách duy trì mối quan hệ tích cực với người khác và việc điều

¹ Tatiyaanāgatabhaya Sutta, Aṅguttaranikāya III, 106.

² Dīghanikāya I, p.111; Majjhimanikāya I, 20.

chính niềm tin với những người họ ngưỡng mộ có thể đóng vai trò như một phương tiện gắn kết trong vòng kết nối xã hội và cộng đồng.

Vì vậy, điều quan trọng đối với những cá nhân đóng vai trò Giáo thọ là phải có quan điểm đúng đắn dựa trên lời dạy của Đức Phật cũng như những hiểu biết sâu sắc về Phật pháp và ứng dụng vào xã hội. Bằng cách này, họ có thể truyền đạt quan điểm đúng đắn cho học trò và đệ tử.

Những điều mà Giáo thọ nhấn mạnh có thể ảnh hưởng lớn đến học trò và cách họ hướng dẫn đệ tử trong tương lai. Những thực hành nào mà Giáo thọ nhấn mạnh tại chùa hoặc với các đệ tử và học trò? Mỗi Giáo thọ có thể nhấn mạnh nhiều hơn vào việc học Phật pháp, kinh kệ, thiền tập, làm từ thiện, thực hành đạo đức, v.v... Giáo thọ có thể đóng vai trò quan trọng không chỉ trong việc cải thiện hành vi bên ngoài như cách chúng ta nói và những gì chúng ta làm mà còn trong việc nuôi dưỡng những phẩm chất bên trong như lòng từ bi và trí tuệ.

Kết luận

Tóm lại, Giáo thọ đóng vai trò quan trọng trong việc hướng dẫn học trò và đệ tử. Họ không chỉ truyền đạt kiến thức mà còn là mẫu gương lý tưởng. Bằng cách thực hành các phẩm chất tốt và biết ơn, họ ảnh hưởng đến cuộc sống của học trò ngày nay và tương lai thông qua việc truyền đạt giá trị kiến thức Phật học, tu tập, phẩm chất, văn hóa, đạo đức, trí tuệ. Vì *dīṭṭhānugati*, Đức Phật nhấn mạnh việc kết giao với người tốt và tránh xa những người xấu. Trong đào tạo tu viện, sự kết nối với những người có đạo đức cao là chìa khóa để phát triển tinh thần. Để đảm bảo việc huấn luyện hiệu quả, các vị thầy Giáo thọ cần tập trung vào việc thực hiện đúng đắn nghĩa vụ của mình và truyền dạy các quy tắc đạo đức một cách chặt chẽ. Họ cũng cần thể hiện sự mẫu mực trong việc thực hiện các thực hành tâm linh và tạo điều kiện để học sinh và đệ tử có thể học hỏi, phát triển. Bằng cách này, người Giáo thọ Ni

có thể giữ vững và lan tỏa giáo lý chân chính của Đức Phật cho thế hệ tương lai. Đây cũng là cách làm phát triển Ni chúng tài đức để hoằng truyền Chánh pháp cứu trụ thế gian.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Dīghanikāya I, p.111; Majjhimanikāya I, 20.
2. Jīṇa Sutta, Saṃyuttanikāya I, 405.
3. Mitta Sutta, Aṅguttaranikāya III, 422.
4. Parisavagga, Aṅguttaranikāya I, 70.
5. Saṅkhavā Sutta Aṅguttaranikāya I, 238.
6. Tatiyaanāgatabhaya Sutta, Aṅguttaranikāya III, 106.

GIÁO DỤC VÀ VĂN HÓA TRONG ĐỜI SỐNG PHẬT GIÁO

SC. TS. Thích nữ Trí Liên

Người thế gian học để có kiến thức, trí tuệ, nhằm phát triển sự nghiệp, tạo dựng địa vị, tiền, tài, danh vọng, của cải,... cho bản thân, gia đình, xã hội hay đất nước. Ở một phương diện nào đó, những mục đích ấy ẩn chứa tham, sân và si, vì vậy khiến con người dễ mắc sai lầm, gây ác tà kiến. Nếu không được học giáo lý giải thoát của nhà Phật thì chúng sanh chỉ mãi quanh quẩn trong khổ đau. Tứ Thánh đế, Tứ Niệm xứ, Tứ Chánh cần, Năm Căn, Bát Chánh đạo, Vô thường, Vô ngã, Thập nhị Nhân duyên, các pháp Ba-la-mật..., toàn bộ giáo lý Phật giáo đều là trí tuệ để cắt đứt mọi phiền não, tham, sân, si.

Giáo dục và văn hóa trong chánh kiến là khi bị người khác chửi mà không chửi lại, im lặng khi nóng giận, im lặng khi người khác không quý trọng lời nói của mình, im lặng vì muốn lắng nghe người khác nói, vì không muốn phiền não, tranh thắng thua, hiểu các pháp vô thường, vô ngã..., không “sống trái Giới Luật”, không thái chất độc, làm khổ những người khác. “Giới hạnh đầy đủ” đưa đến an lạc, “thiền định” được trí tuệ thoát khổ. Phật dạy “phần nộ với người đồng Phạm hạnh,... tâm hoang vu chưa được đoạn tận”¹, người học Phật có trí tuệ đúng là không tư duy tà ác, nói lời tà ác, hành động tà ác hay nuôi mạng sống tà ác, tinh tấn trong Chánh pháp, chánh niệm nếu tâm biết giải thoát, an trú, tĩnh lặng, tha thứ cho kẻ làm khổ mình, buông bỏ những cảm dỗ của tham, sân, si và tâm đi vào chánh định. Văn hóa thể hiện trong lời nói từ ái, hành động đạo đức và tâm

¹ Thích Minh Châu (Dịch, 2003), *Kinh Tăng Chi*, tập IV, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, Thành phố Hồ Chí Minh, tr.257.

ý thanh tịnh, không gây khổ đau cho người khác. Với Chánh pháp sẽ chứng đạt hạnh phúc, an lạc và Niết-bàn.

Giáo dục và văn hóa trong tinh thức của Tăng đoàn, dù cuộc sống không như ý muốn nhưng vị ấy an trú trong Giới Luật để ngăn cấm tội ác, mọi điều hủy diệt cuộc sống đều không phải là Chánh pháp, lấy của không cho, tà dâm, lời ác,... Phật giáo quan niệm, bỏ tà ác sẽ được thanh tịnh, bình an và giải thoát. Thiền định là sự tĩnh lặng, kiểm soát tham, sân và si. Tinh thức được khi tâm sân hận biết mình có sân hận và ngược lại. Thiền trong đi, đứng,... an trú và chánh niệm làm chủ thân, thọ, tâm và pháp. Với văn hóa, đạt được là kết quả an lạc, không ai có thể giải thoát nếu họ không tu thiền định. Trí tuệ là kiến thức rõ biết nguyên nhân và kết quả “thiện và biết gốc bất thiện”, loại bỏ vô minh. Văn hóa là trí tuệ không tì vết, người không có khả năng an lạc thì không thể dạy cho người khác an lạc; kém tu trong Giới, Định và Tuệ là thiếu giáo dục và văn hóa của Phật giáo.

Giáo dục tốt nhưng thực hành hạnh kiểm kém văn hóa thì xa đạo giải thoát. Phật dạy: “Sa-môn, đạo Niết-bàn”. Được học tập và đào tạo - giáo dục tốt trong giáo lý giải thoát của Phật giáo nhưng tâm hướng tham, sân, si, danh, lợi, địa vị,... Không được như mong muốn liền sanh tâm phiền giận. Không có nội dung tu hành giải thoát, người học Phật không đạt trí tuệ để ứng dụng được từ, bi, hỷ, xả, tạo tội ác làm khổ đến người khác; đó là thể hiện của người không có văn hóa, không lợi ích trong Chánh pháp. “Người không học giáo pháp như người mù. Nhưng người đã học mà không hành chẳng khác nào một thư viện”¹.

Giáo dục và văn hóa chưa tốt dẫn đến dễ mắc sai lầm. Phật dạy, tấm vải tinh khiết và tươi sáng, khi nhuộm màu sẽ được nhuộm sắc và đẹp đẽ, cũng như bậc trí biết an trú trong Giới, Định và Tuệ, vị ấy như tấm vải tinh khiết, thanh tịnh và giải thoát. Giáo dục và văn hóa chưa tốt thì cách hành xử dễ nhiễm xấu ác. Hạnh kiểm kém thanh

¹ Narada Maha There (2013), *Đức Phật và Phật Pháp*, Phạm Kim Khánh dịch, Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh, tr.8.

tịnh và thiếu giáo lý, tuyên truyền kiến thức sai lệch sẽ làm mất uy tín trong Tăng đoàn. Các nhà giáo dục Phật giáo quản lý, truyền dạy kiến thức và phát triển tu tập truyền thống tại các cơ sở tu học và thuyết giảng Chánh pháp trên các phương tiện truyền thông. Giáo dục và văn hóa tốt sẽ thành tựu trí tuệ giải thoát, tránh cấu uế của tham, sân, si, hống hách, đố kỵ,... chấm dứt khổ. Người xuất gia là bậc tri thức đủ bản chất giác ngộ, diệt tham, sân, si, biết “sống một mình” diệt bản ngã khi có người không trân trọng và “Bậc chân nhân sinh ra trong gia đình nào, đem lại lợi ích, hạnh phúc, an lạc cho nhiều người,...”, giải quyết các vấn đề đạo đức xã hội, cuộc sống, chiến tranh, nghề nghiệp..., hoằng pháp với trí tuệ sâu xa, từ bi vô lượng, bồ-đề tâm kiên cố, đem hạnh phúc đến cho chúng sanh.

Giáo dục và văn hóa cho Phật tử tại gia dạy quy y Tam bảo và học “Ngũ giới” như là cấm sát sanh, cấm trộm cắp, cấm tà dâm,... diệt trừ được tham, sân, si. Người Phật tử học Phật có được kiến thức Giới, Định, Tuệ, trong đời sống không phạm những sai lầm, tránh tạo ác nghiệp thì tâm trong sạch và bình yên, không tai hại “người thế tục được an ổn” là hạnh phúc cho xã hội.

Khi giáo dục và văn hóa trong đời sống Phật giáo được quan tâm, chú trọng trình bày giáo lý sẽ giúp người học Phật thêm niềm tin, nỗ lực thực hành thiện pháp, chánh niệm thân, khẩu và ý để tránh xa mọi nguy hiểm khổ, chứng đạt thiền định và trí tuệ. Phật giáo đã phát triển và được thực hành rộng rãi trên thế giới; ở một số nước, Phật giáo đã trở thành quốc giáo.

Nói đến giáo dục và văn hóa trong đời sống Phật giáo là nói đến việc đào tạo kiến thức giải thoát trực tiếp trong Tam Tạng Kinh, chuyển hóa khổ đau và vô minh trở thành trí tuệ mạnh mẽ, trong sáng, thanh tịnh, giải thoát và Niết-bàn. Giáo lý giải thoát của Phật giáo Nguyên thủy truyền thống và Phật giáo Đại thừa là cây pháp bảo vĩ đại hoàn hảo từ gốc đến ngọn, cùng chung mục đích, không chỉ giúp cá nhân đạt được giải thoát mà còn mang lại lợi ích cho toàn xã hội, thế giới hòa bình và người tu học Phật được an lạc.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Thích Minh Châu (Dịch, 1991), *Kinh Trường Bộ*, tập I, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
2. Thích Minh Châu (Dịch, 1992), *Kinh Trung Bộ*, tập I, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, Thành phố Hồ Chí Minh.
3. Thích Minh Châu (Dịch, 1996), *Kinh Tăng Chi*, tập II, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, Thành phố Hồ Chí Minh.
4. Thích Minh Châu (Dịch, 1998), *Kinh Tăng Nhất A-Hàm*, tập III. Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, Thành phố Hồ Chí Minh.
5. Thích Minh Châu (Dịch, 2002), *Kinh Tạp A-Hàm*, tập I, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
6. Thích Minh Châu (Dịch, 2002), *Kinh Tương Ưng*, tập IV, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
7. Hộ Pháp (2007), *Nền tảng Phật giáo (quyển III)*, *Hành Giới (Sīllacāra)*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
8. Narada Maha There (2013), *Đức Phật và Phật Pháp*, Phạm Kim Khánh dịch, Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.

GIÁO DỤC VÀ VĂN HÓA TRONG PHẬT GIÁO - SỰ GẮN KẾT QUA VAI TRÒ CỦA NI GIỚI VIỆT NAM

TS. Phạm Thị Thanh Huyền

Quá trình phát triển của Giáo hội Phật giáo Việt Nam từ khi được thành lập vào năm 1981 gắn với vai trò quan trọng của đoàn thể Ni giới. Giới Ni sư Phật giáo Việt Nam luôn cố gắng hoàn thiện bản thân trong công tác giáo dục và phát triển văn hóa Phật giáo. Dưới ánh sáng tâm linh của Đức Phật, ngày nay, chính chư Ni đã xây dựng và làm nên nhiều thành tựu to lớn trong công tác giáo dục và văn hóa, kế thừa truyền thống của các Ni sư tiền bối trong suốt tiến trình lâu dài, trường tồn của lịch sử dân tộc và Phật giáo Việt Nam.

1. Ni giới với sự phát triển của giáo dục trong Phật giáo

“Giáo dục yếu kém thì Phật giáo dễ suy vi, giáo dục được chú ý đúng mực thì Phật giáo hưng thịnh”¹. Hiểu được ý nghĩa của giáo dục, Ni giới ở Việt Nam luôn cố gắng thực hiện các nhiệm vụ quan trọng, góp phần vào sự phát triển của công tác giáo dục trong Phật giáo với nhiều thành tựu to lớn. Những thành tựu đó được thể hiện đa dạng trên nhiều phương diện và gắn với những bối cảnh lịch sử khác nhau của dân tộc.

Lịch sử Phật giáo xưa nay luôn đồng hành cùng dân tộc, những trang sử Ni giới cũng không tách rời lịch sử đất nước. Không những thế, trải qua các triều đại như Lý, Trần, Lê, Nguyễn, đã xuất hiện rất

¹ SC. Thích nữ Liên Hiền, “Một số đóng góp của Ni giới trong nền Phật giáo Việt Nam thế kỷ XX”, <https://tapchivanhoaphatgiao.com/luu-tru/17317>, truy cập ngày 01/9/2023.

nhiều vị Trưởng lão Ni nghiên cứu Phật pháp uyên thâm, nghiêm trì Giới Luật, hành thiền đắc định được môn đồ học chúng rất kính mộ.

Truyền thống của các bậc danh Ni và nữ Phật tử tiền bối như Ni sư Diệu Nhân (1041-1113), Ý Lan (1044-1117) và các bậc Ni sư thời cận - hiện đại như Ni sư Diệu Ngọc (1885-1952), Ni sư Diệu Tịnh (1910-1942), Sư trưởng Như Thanh (1911-1999), Ni trưởng Giác Nhân (1919-2003), Ni trưởng Huỳnh Liên, Ni trưởng Bạch Liên; Ni trưởng Trí Hải (1938-2003)... Ni sư Huệ Từ (chùa Giác Tâm - Thành phố Hồ Chí Minh), Ni sư Như Đức (thiền viện Viên Chiếu - Long Thành), Ni sư Như Như (Tu viện Đại Tông Lâm - Bà Rịa Vũng Tàu), Ni trưởng Huệ Giác (Quan Âm Tu viện - Biên Hòa)... luôn được giới nữ Phật tử học tập, phát huy, được xem là tấm gương trong việc học tập, trau dồi hạnh tuệ, việc hành xử thể gian hằng ngày, giáo dưỡng con cháu gìn giữ nếp nhà, công quả kinh kệ chăm lo chùa cảnh.

Trước năm 1975, Ni giới Việt Nam đã quan tâm đến tiền đồ đạo pháp, chú trọng vấn đề giáo dục Ni chúng như mở các Phật học Viện, Ni trường (bao gồm các lớp gia giáo). Tại miền Bắc, các Ni viện lần lượt được hình thành như chùa Viên Minh, Ni viện Bồ Đề, Ni viện Vân Hồ, ngoài ra còn một số chùa Ni được tổ chức như một Ni viện. Tại miền Trung, năm 1928, Ni viện Diệu Viên được thành lập; năm 1932, Ni viện Diệu Đức tiếp tục được thành lập. Từ năm 1934 trở đi, nơi đây đã quy tụ được hàng trăm Ni sinh từ các miền của đất nước về tham học.

Ngoài ra, các Ni viện còn hỗ trợ tích cực, lãnh đạo Ni chúng đấu tranh vì độc lập dân tộc. Tại miền Nam, năm 1927, lớp học Gia giáo đầu tiên của Ni chúng miền Nam được tổ chức. Đến năm 1936, Ni trưởng Diệu Tịnh mở lớp học tại chùa Hải Ấn (Bà Quẹo). Từ năm 1936, Ni viện Dược Sư được hình thành, đến năm 1954 đã trở thành Ni viện rất quy mô. Năm 1946, thành lập lớp Gia giáo cho Ni chúng tại chùa Phước Huệ (Sa Đéc). Năm 1946, thành lập Ni viện Tăng Già tại chùa Chánh Giác (quận 4). Năm 1950, mở lớp học Ni tại chùa Từ Quang (Sa Đéc)...

Nhìn chung, Ni giới Việt Nam trước ngày đất nước thống nhất (1975) đã góp phần không nhỏ vào sự phát triển và mở rộng của giáo dục Phật giáo. Cơ sở đào tạo Ni chúng được mở rộng, chương trình giáo dục cụ thể theo đẳng cấp từ sơ đẳng, trung đẳng, trung đẳng chuyên khoa, cao đẳng, cho đến đại học và cao học. Trên cơ sở đó, giáo dục giúp Ni chúng trở thành những tu sĩ Phật giáo chân chính, học để am tường lời dạy của Phật và vận dụng vào cuộc sống của mình cũng như với mọi người xung quanh, nhằm làm cho con người hướng đến chỗ hiền thiện hơn. Cùng với đó, giáo dục còn đào tạo nên nhiều vị Tôn túc Ni hiện nay thuộc hàng giáo phẩm, lãnh đạo Ni giới Việt Nam trong và ngoài nước.

Khi nước nhà mới thống nhất, trong giai đoạn từ 1975-1981, Phật giáo nói chung và Ni giới nói riêng đã phấn đấu, chung sức chung lòng cùng toàn dân chia sẻ những khó khăn của đất nước trong bối cảnh vừa kết thúc chiến tranh. Phần lớn các trường Phật học, Ni trường hay Ni viện đều có chung tư duy, việc học là cần thiết, nhưng xây dựng đất nước càng quan trọng hơn. Do đó, các học Tăng, học Ni tạm thời xếp bút nghiên, đèn sách để tham gia lao động sản xuất, xây dựng đất nước theo lời dạy của Tổ Bách Trượng “Nhất nhật bất tác, nhất nhật bất thực”.

Năm 1981, Giáo hội Phật giáo Việt Nam ra đời, tích cực đẩy mạnh hoạt động giáo dục Tăng Ni; từ đây, đã có rất nhiều thay đổi trong quản lý và tạo điều kiện thuận lợi cho người xuất gia, dù là Tăng hay Ni đều được đào tạo chính quy như nhau. Cùng với đó, việc đào tạo đội ngũ Ni giới trẻ đóng vai trò quan trọng trong chiến lược hoàng pháp lâu dài của Phật giáo, đồng thời đóng góp thiết thực vào sự nghiệp giáo dục nguồn nhân lực tương lai cho đất nước. Giáo dục và đào tạo Ni giới trẻ kế thừa mạng mạch Phật pháp là trách nhiệm chung của chư Tăng Ni và quý Phật tử.

Ni giới phối hợp với các trường đại học, các tổ chức, chuyên gia tổ chức các hội thảo như: Hội nghị Ni giới Phật giáo thế giới (2009), Hội thảo khoa học quốc gia “Ni giới Phật giáo Việt Nam - Truyền thống và hiện đại” (2016), Hội thảo khoa học “Di sản Sư trưởng Như Thanh - Kế thừa, phát triển Ni giới Việt Nam” (2019), Hội thảo khoa học

“Nữ Phật tử với Phật giáo và lễ tưởng niệm 906 năm ngày Ni sư Diệu Nhân cùng chư vị tiền bối viên tịch” (2019). Ngoài ra, chư Ni cũng tích cực tham gia soạn thảo nội dung, đóng góp ý kiến trong hội thảo của các đơn vị, của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam.

Trong xây dựng nơi tu tập, chư Ni đầu tư tâm sức tôn tạo chùa tháp, thành lập các cơ sở thờ tự trang nghiêm, tạo thêm điều kiện, không gian, sức mạnh... cho việc hoằng pháp lợi sinh khởi sắc, hội nhập với thời đại mới. Không chỉ là nơi sinh hoạt tâm linh của Phật tử, truyền bá Phật pháp, nơi thân tâm thanh tịnh, nhắc nhở con người từ bi, xóa bỏ tham - sân - si, những ngôi chùa Ni còn được vun vén, chăm chút, tạo cảm giác gần gũi cho Phật tử, khách thập phương đến chùa như sự trở về với những người mẹ, người chị trong gia đình.

Hiện nay, số lượng chư Ni ở Việt Nam đông hơn chư Tăng. Trong đó, có nhiều vị tốt nghiệp học vị thạc sĩ, tiến sĩ, nhiều vị đi học ở nước ngoài, có hiểu biết sâu rộng, thông thạo ngoại ngữ, am tường thế sự, nhiều vị tham gia giảng dạy tại các trường cao - trung cấp Phật học, góp phần quan trọng phát triển đạo pháp.

Những thành quả của giáo dục Phật giáo đối với Ni giới còn được thể hiện qua các hoạt động quốc tế, dù là ở trong hay ngoài lãnh thổ Việt Nam. Từ đó khẳng định năng lực, phẩm chất, vị thế của Ni giới Việt Nam, đồng thời quảng bá hình ảnh một quốc gia rất coi trọng việc thực hiện mục tiêu bình đẳng giới, giới thiệu hình ảnh và đất nước con người Việt Nam đến với cộng đồng quốc tế. Điều đó được khẳng định qua ba lần đại lễ Vesak được tổ chức tại Việt Nam, và đặc biệt là Hội nghị Ni giới, do Phân ban Đặc trách Ni giới thuộc Ban Tăng sự Trung ương đứng ra tổ chức với chủ đề “Nữ giới Phật giáo lỗi lạc” (năm 2009-2010).

2. Ni giới với sự phát triển văn hóa trong Phật giáo

Văn hóa Phật giáo là một phạm trù rộng lớn, bao quát trên nhiều lĩnh vực: pháp phục, ngôn ngữ, di sản, kiến trúc... Đồng thời, văn hóa Phật giáo luôn gắn liền với tiến trình phát triển của nền văn hóa Việt Nam. Vì thế, để nền văn hóa Phật giáo Việt Nam phát triển bền vững

thì yếu tố then chốt chính là phải nâng cao tri thức văn hóa, đồng thời đào tạo đội ngũ Ni - Tăng tài năng.

Chính từ những thành tựu của giáo dục qua từng thời kỳ lịch sử khác nhau, Ni giới đã góp phần không nhỏ vào sự phát triển của văn hóa trong Phật giáo với lý tưởng nhân văn, bác ái, vị tha và hướng thiện. Đội ngũ Ni sư luôn ý thức được nhiệm vụ xây dựng, phát triển một nền văn hóa Phật giáo mang đậm tính dân tộc và phù hợp với từng yêu cầu khác nhau của dân tộc.

Với tinh thần “nhập thế”, “đạo pháp và dân tộc”, “tốt đời, đẹp đạo”, Ni giới đã góp phần làm phong phú thêm sự đa dạng và hài hòa của Văn hóa Phật giáo.

Phật giáo Việt Nam từ thế kỷ đầu du nhập, cũng xuất hiện những bậc nữ lưu kiệt xuất. Trong các yếu nhân của cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng (40-43), có những người là Phật tử, tu nữ và nữ tín đồ như: Công chúa Bát Nàn, Thiều Hoa... Tham gia công cuộc đấu tranh giành độc lập cho đất nước, đến khi rời quân ngũ, họ lại trở về chùa, tiếp tục nếp sống tu hành cao quý.

Đặc biệt, thời Lý Thánh Tông, có Ni sư Diệu Nhân là một vị thiền sư tinh nghiêm Giới Luật, hành thiền được chính định. Thời Trần, khoảng giữa thế kỷ XIV, có Ni sư Tuệ Thông, tu trên núi Thanh Lương, hành khổ hạnh, trì giới chuyên cần, tuệ giải thông suốt. Thời vua Lê - chúa Trịnh, thế kỷ XVII, có Ni sư Diệu Đăng, Ni sư Diệu Tín xuất thân danh gia quý tộc, vì giác ngộ lẽ vô thường nên từ bỏ phú quý, tìm về Yên Tử xuất gia tu tập.

Những vị Ni sư thời cổ - trung đại đã góp phần gắn văn hóa Phật giáo với tư tưởng đại đoàn kết, thống nhất dân tộc. Văn hóa Phật giáo đi vào đời sống nhân dân, góp phần xây dựng nên nền tảng đạo đức xã hội, triết lý nhân sinh, là nguồn cảm hứng cho văn chương, nghệ thuật, kiến trúc, điêu khắc. Đồng thời, đó là chất keo gắn kết cộng đồng, đoàn kết dân tộc và trở thành hệ tư tưởng của văn hóa Việt Nam, không thể lẫn lộn với đặc trưng văn hóa Phật giáo của các nước khác.

Trong thời kỳ cận hiện đại, Việt Nam từng có Sư bà Diệu Không, Sư bà Như Chí, Sư trưởng Như Thanh, Ni sư Huỳnh Liên, Ni sư Bạch Liên... một thời vang danh trong Ni giới. Hay như, Ni sư Trí Hải có trình độ Phật học uyên thâm, đóng góp cho nền văn học Việt Nam nhiều dịch phẩm như *Con đường thoát khổ*, *Câu chuyện của dòng sông*... Ni giới Phật giáo luôn nỗ lực không ngừng, đồng lòng chung sức làm đẹp cho đạo, làm tốt cho đời.

Tiếp nối tấm gương đi trước với những giá trị văn hóa, đạo đức truyền thừa thâm thấu sâu trong Ni giới Việt Nam các thời đại, thế hệ Ni giới hiện nay là những người sống theo đạo đức tu hành, nghiêm trì Giới Luật, giữ gìn đạo hạnh và là tấm gương sáng cho Phật tử noi theo. Cuộc sống thanh bạch, vì cộng đồng, vì người nghèo, người bệnh... của các Ni sư là nguồn cảm hóa cho mọi người hướng thiện, góp phần phát triển văn hóa Phật giáo trong giai đoạn mới.

Các kỳ Đại hội Ni giới Việt Nam được tổ chức đều đặn nhấn mạnh đến việc chấn chỉnh đội ngũ Ni sư sống theo kỷ cương luật Phật và luật pháp của Nhà nước. Hoạt động của Ni giới góp phần làm sáng tỏ hơn vai trò của nữ giới Phật giáo trong xã hội hiện thực; mặt khác, những hoạt động này hướng đến mục đích củng cố, xây dựng, chăm lo, đào tạo, chấn chỉnh, truyền dạy Giới Luật cho Ni sư nhằm đưa họ vào khuôn khổ để sống tốt đời, đẹp đạo.

Trong xã hội ngày nay, Ni giới phần nào đã được trang bị kiến thức đầy đủ để hội nhập vào sự phát triển của thời đại. Tuy nhiên, những mặt trái của thời đại thông tin là không thể tránh khỏi. Trong bối cảnh ấy, Ni giới nỗ lực gìn giữ những giá trị tốt đẹp của văn hóa Phật giáo, gắn đạo với đời, đề cao quan điểm nhập thế hành đạo. Đội ngũ Ni sư đem tất cả tâm huyết phụng sự chúng sinh. Ni giới phải xem việc gắn đạo với đời như một lẽ tất yếu trong đạo hạnh của mình, bởi: “dù xây chín bậc phù đồ, không bằng làm phúc cứu cho một người”.

Trong bối cảnh phát triển của công nghệ thông tin, truyền thông hiện đại và mạng xã hội, các chư Ni nhanh chóng tìm hiểu, tiếp thu,

thay đổi hình thức truyền giảng cho phù hợp, dễ tiếp cận. Nội dung truyền bá đến chúng sinh không chỉ gói gọn trong các vấn đề của kinh sách mà được kết hợp với những vấn đề trong gia đình, xã hội, môi trường sống... Những hoạt động mà chư Ni đang thực hiện là sự kế thừa của lịch sử, đồng thời đáp ứng đòi hỏi của bối cảnh hiện đại, thể hiện tinh thần “nhập thế” của Phật giáo.

Với tư tưởng “Phật pháp bất ly thế gian giác”, Ni giới đã hướng dẫn Phật tử sống tri túc và có trách nhiệm với bản thân, gia đình, và cộng đồng xã hội, ứng xử với nhau trên tinh thần từ - bi - hỷ - xả, làm tròn bốn phận của Phật tử với đạo pháp và nghĩa vụ của công dân với đất nước. Phật giáo lưu chuyển trong mạch sống của dân tộc Việt Nam hàng nghìn năm, chư Ni trong lịch sử đã truyền bá Chánh pháp bằng những phương pháp uyển chuyển, dung dị, gần gũi, giúp giáo lý nhà Phật in sâu vào đời sống và tư tưởng người Việt.

Ngày nay, tín đồ Phật giáo thuộc nhiều thành phần, nghề nghiệp, hoàn cảnh khác nhau trong xã hội nên việc định hướng, dẫn dắt, hướng dẫn tu tập cần sự vận dụng phương tiện khéo léo, phù hợp. Trong các đạo tràng thánh pháp, đa số là người bình dân, đội ngũ Ni sư đã chú ý ứng dụng giáo pháp thuyết giảng phù hợp, cụ thể, quan tâm hướng dẫn họ tu tập hành xử đúng Chánh pháp, không để xảy ra mê tín dị đoan, thực hành sai lệch.

Nhiều vị Ni trưởng, chân Ni đã mạnh dạn thuyết giảng về một số hành vi chưa đúng với giáo lý của Phật giáo, nhắc nhở các tín đồ nữ chỉ chú trọng lễ lạy, dâng sao giải hạn, cầu tài lộc, bình an và sức khỏe, đốt nhiều vàng mã... mà không hiểu được giáo lý, ý nghĩa của Phật pháp. Do đó, việc nâng cao nhận thức đúng đắn giáo lý Phật giáo luôn là vấn đề quan trọng được Ni giới quan tâm, dẫn dắt.

Không chỉ truyền giảng, thuyết pháp, trong hoạt động của các Ni còn lồng ghép nội dung giúp tín đồ nhận thức các hiện tượng, mối quan hệ, những biến chuyển của xã hội một cách đúng đắn, khách quan để từ đó hiểu đúng và xem việc chấp hành pháp luật như là một chuẩn mực về đạo đức xã hội, là trách nhiệm của mỗi cá nhân.

Ngoài ra, thông qua các nghi lễ được Nĩ sư thực hành cho người dân (cầu an đầu năm, nghi lễ hằng thuận,..), văn hóa Phật giáo lại có điều kiện thâm thấu sâu hơn, chuyển tải những giá trị tốt đẹp, lối sống lành mạnh, nếp sống chan hòa.

Kết luận

Những thành quả trên cho thấy Nĩ giới Việt Nam hiện nay đã nối tiếp truyền thống và phát huy những cái mới, cái hay, cái đẹp để được thành tựu và phát triển hơn nữa, xứng đáng là nữ lưu họ Thích. Mặc dù còn một số hạn chế theo thiếu kiến cá nhân, nhìn chung, Nĩ giới Việt Nam đã góp phần làm cho Giáo hội Phật giáo Việt Nam ngày càng phát triển, trang nghiêm, vững mạnh. Thành tựu của Nĩ giới trong lĩnh vực giáo dục và văn hóa góp phần giúp Giáo hội Phật giáo Việt Nam thực hiện đường hướng hòa hợp, trường dưỡng đạo tâm, trang nghiêm Giáo hội, nhất là đóng góp công sức cho đạo pháp và dân tộc trong thời kỳ đất nước hội nhập và phát triển.

Khi đánh giá về vai trò của Nĩ giới trong lịch sử dân tộc, Hòa thượng Thích Thanh Nhiễu đã tự hào nói: “Vai trò của nữ giới nói chung và đoàn thể Nĩ giới Phật giáo nói riêng chính là một mạch nguồn mang Chính pháp đến xua đi những khổ đau, bất hạnh, lan tỏa hạnh phúc, vinh quang cho đời, cho xã hội và non sông Việt Nam. Có thể thấy, Nĩ giới đóng vai trò quan trọng không chỉ với Phật giáo mà còn đối với toàn thể sự phát triển chung của lịch sử đất nước”¹.

Trên con đường phát triển, Phật giáo Việt Nam nói chung và Nĩ giới nói riêng đã nỗ lực vượt qua các rào cản, phát huy năng lực vốn có để chung tay với Giáo hội phát triển các hoạt động giáo dục, văn hóa... Nĩ giới tham gia các hoạt động với số lượng khá đông, có khởi sắc đáng mừng, tuy nhiên vẫn còn một số lý do làm giới hạn sự học tập, sự dẫn thân của chư Nĩ trẻ trong các công tác giáo dục, văn hóa. Do vậy, cần phát huy hơn nữa vai trò của Nĩ giới trong thời đại hiện nay, theo tinh thần của Ban Tôn giáo Chính phủ: Mong

¹ SC. Thích nữ Liên Hiền, Tlđđ.

rằng trên bước đường phát triển tiếp theo của Phật giáo sẽ có những cái nhìn đúng hơn để phát huy nhận thức trong sáng và năng lực làm lợi ích cho đời, làm đẹp cho đạo, không luận là hàng nữ lưu hay nam giới, bất kể là người xuất gia hay tại gia. Có như vậy, Giáo hội Phật giáo Việt Nam vừa thể hiện được chân lý bình đẳng của Đức Phật dạy, vừa góp phần xây dựng thế giới Ta bà được an vui và phát triển bền vững.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Thành Công (2018), “Tự hào Ni giới Việt Nam với giải thưởng Nữ giới Phật giáo xuất sắc thế giới”, <https://phathocviennguyenthieu.vn/tin-ngoai-nuoc-13/tu-hao-ni-gioi-viet-nam-voi-giai-thuong-nugioi-phat-giao-xuat-sac-the-gioi-7.html>, truy cập ngày 01/9/2023.
2. TS. Võ Văn Dũng (2016), “Phát huy vai trò của Ni giới trong xã hội”, Tạp chí *Nghiên cứu Phật học*, Hà Nội.
3. SC. Thích nữ Liên Hiền, “Một số đóng góp của Ni giới trong nền Phật giáo Việt Nam thế kỷ XX”, <https://tapchivanhoaphatgiao.com/luu-tru/17317>, truy cập ngày 01/9/2023.
4. Đỗ Hoa (2022), “Ni giới góp phần thúc đẩy sự phát triển của Giáo hội Phật giáo Việt Nam”, <https://phatgiao.org.vn/ni-gioi-gop-phan-thuc-day-su-phat-trien-cua-giao-hoi-phat-giao-viet-nam-d70169.html#>, truy cập ngày 01/9/2023.
5. TS. Bùi Thị Hòa (2019), *Ni giới Việt Nam nối mạch truyền thống, thực hiện chân lý bình đẳng, dẫn thân làm lợi cho đạo, làm đẹp cho đời*, Hội thảo Nữ Phật tử Phật giáo Việt Nam, Hà Nội.

VĂN HÓA SỬ DỤNG MẠNG XÃ HỘI CỦA NI GIỚI TRẺ HIỆN NAY

SC. Thích nữ Tịnh Minh

Những năm gần đây, sự phát triển mạnh mẽ của khoa học - công nghệ, sự xuất hiện ngày càng nhiều các trang mạng xã hội đã và đang ảnh hưởng rất lớn (cả tích cực và tiêu cực) đến mọi hoạt động và sinh hoạt của con người, nhất là giới trẻ, trong đó có Ni giới. Cuộc sống, học tập và sinh hoạt hằng ngày của Ni giới trẻ hiện nay đều bị ảnh hưởng bởi việc sử dụng mạng xã hội.

Đặc điểm nổi trội của các trang mạng xã hội là thông tin nhanh, nhiều, nhưng bị trộn lẫn giữa thông tin tốt với thông tin xấu, thiếu tính định hướng, không ai phải chịu trách nhiệm, không ai kiểm chứng. Nhiều thông tin hàm chứa nội dung xấu độc như phim ảnh có nội dung không lành mạnh, lối sống trụy lạc, kích động bạo lực, khiêu khích chiến tranh, chia rẽ đoàn kết vùng miền, dân tộc, tôn giáo...

Tính hấp dẫn, lôi cuốn của các trang mạng xã hội rất dễ làm cho người tham gia bị sa đà vào “biển thông tin” hỗn loạn đó, làm cho người trẻ nói chung và Ni giới trẻ nói riêng sao nhãng việc học hành, giảm tương tác trong đời sống lục hòa cộng trụ, tinh thần uể oải, sa sút, đắm chìm vào thế giới ảo ở ngay giữa đời thực. Đây chính là tác nhân làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe, tâm sinh lý và việc hình thành, phát triển nhân cách, lối sống tốt đẹp của con người.

1. Thói quen sử dụng mạng xã hội của Ni giới trẻ hiện nay

Có thể nói, với nhiều ứng dụng tiện ích khác nhau, các trang mạng xã hội đã đáp ứng được gần như đầy đủ các mục đích, nhu cầu của Ni giới trẻ như: sử dụng mạng xã hội vào hoạt động học tập (cập nhật thông tin, tìm kiếm tài liệu), tăng cường sự tương tác với bốn tự và gia đình, sử dụng mạng xã hội vào phát triển quan hệ bạn bè và các hoạt động ngoại khóa. Việc đăng ký tham gia một nền tảng xã hội nào đó khá đơn giản và dễ dàng cho hầu hết các đối tượng người dùng như: miễn phí thành viên, có thể truy cập bất cứ khi nào và ở đâu, chỉ cần có kết nối Internet... là lý do khiến cho mạng xã hội ngày càng thu hút Tăng Ni trẻ, không chỉ ở các thành phố, đô thị mà cả những vùng nông thôn, miền núi. Trong bối cảnh đó, vấn đề văn hóa ứng xử trên mạng xã hội rất cần được quan tâm.

Mạng xã hội cho thấy sự “chuyển động” rất khác của Ni giới trẻ trong thời đại số hóa. Nhiều hoạt động tẩy chay của giới trẻ trên mạng xã hội đã gây không ít “sóng gió” cho các cá nhân và tập thể. Giới trẻ Việt Nam hiện nay nói chung và Ni giới nói riêng có ý thức rất lớn về “tiếng nói” của mình. Bằng chứng là giới trẻ có riêng một kênh “Đài Tiếng nói GenZ” trên nền tảng Facebook và Tiktok để thể hiện quan điểm. Giới trẻ cũng đã quan tâm đến chính trị, chủ quyền, toàn cầu...

Bên cạnh những thông tin lành mạnh, vui vẻ, không ít người, trong đó có cả Ni giới trẻ, trở thành các “anh hùng bàn phím”, sử dụng mạng xã hội để bôi xấu hình ảnh, thậm chí xúc phạm danh dự của cá nhân, tổ chức nào đó với những lời lẽ thiếu văn hóa, thô tục. Đặc biệt là trên mạng xã hội TikTok, xuất hiện nhiều video với mục đích giải trí đỉnh kèm #J4F (từ viết tắt của Just for fun, với nghĩa là chỉ vui thôi), thể hiện nội dung nhạy cảm, không phù hợp với văn hóa, thuần phong mỹ tục của Việt Nam.

Tuy nội dung họ sáng tạo không trực tiếp hướng đến một cá nhân nào nhưng vô tình lại tác động đến cả một nhóm đối tượng. Những

tranh cãi trên mạng xã hội tạo thời cơ cho nhiều cá nhân tiếp tục sản xuất ra những sản phẩm văn hóa lệch lạc. Ghi nhận tại nhiều nước trên thế giới và cả ở Việt Nam, đã có nhiều trường hợp thương tâm xảy ra từ những trào lưu TikTok độc hại.

Với nhiều người, Internet là một thứ không thể thiếu, một thói quen không kiểm soát được. Dần dà, họ quên thời gian học tập, thời khóa tu tập, sao nhãng ăn uống, ngủ nghỉ; tức giận, căng thẳng, bồn chồn khi không thể lên mạng; đòi hỏi trang bị máy tính cấu hình cao hơn, nhiều phần mềm mới; có biểu hiện trầm cảm, hay cáu giận và tách biệt với xã hội.

Sa đà vào các game trực tuyến là một dạng của nghiện Internet; hiện tượng này cũng xuất hiện trong Ni giới trẻ. Đường như cuộc sống của thế giới ảo đã làm cho các bạn quên dần sự yêu thương của những người thân dành cho mình ở thế giới thật. Họ giảm tiếp xúc với gia đình, bè bạn, sống cô lập trước màn hình máy tính, “lặn” vào những “chat room” hay trò chơi bạo lực, xem “đó là lẽ sống”. Điều đó lấy đi sức lực, thời gian và trước hết là sự vô tư, trong sáng của tuổi trẻ.

Vậy nguyên nhân từ đâu dẫn đến hiện tượng này? Cần phải nói rằng, Internet không có lỗi. Nó chỉ là một chất xúc tác. Nguyên nhân chính đó là sự chủ quan của người dùng. Những Ni sinh ham chơi, không thích học, tính tình lười nhác rất dễ nghiện Internet. Chưa kể, còn có sự lôi kéo, dụ dỗ của những phần tử xấu trong xã hội.

Đó là do sự mới lạ, hấp dẫn của Facebook, Zalo, Tiktok,... Trên các nền tảng này, người trẻ được tự do bày tỏ quan điểm, cách đánh giá, nhìn nhận của mình về một vấn đề nào đó; được đăng những hình ảnh xinh đẹp của bản thân với hàng ngàn lượt like cùng những bình luận “chém gió” mang tính giải trí cao. Tất nhiên, không thể phủ nhận rằng ở một góc độ khác thì việc dùng mạng xã hội phần nào cũng cho thấy giới trẻ khá nhanh nhẹn trong việc nắm bắt các trào lưu, xu hướng của thế giới.

2. Giải pháp

Để nâng cao tính tích cực và hạn chế ảnh hưởng tiêu cực của mạng xã hội đến sự phát triển nhân cách và lối sống của giới trẻ hiện nay, cần có những biện pháp phù hợp. Cụ thể:

Thứ nhất, trong gia đình và Tự viện, tịnh thất, cần tổ chức tốt các hoạt động vui chơi, giải trí phù hợp. Đây là giải pháp thiết thực nhất để vừa quản lý vừa bồi dưỡng, giáo dục nhân cách, lối sống lành mạnh cho giới trẻ, vừa hạn chế tác động tiêu cực của mạng xã hội. Điều này giúp cho giới trẻ nói chung, Ni giới trẻ nói riêng, có đủ tự tin, bản lĩnh và vững vàng trước cám dỗ của thế giới ảo.

Muốn vậy, cần có sự chủ động, tính khoa học trong sắp xếp/bố trí giữa các loại hình công việc. Cần thay đổi phương thức tiếp cận Internet theo hướng chủ động, tăng cường sự hiểu biết ở các bậc trưởng thượng nhằm dạy dỗ con cái, chúng đệ tử sử dụng Internet đúng mục đích, phù hợp. Hiểu biết về Internet sẽ giúp kiểm soát việc sử dụng Internet của con cái, đệ tử một cách linh hoạt, khoa học và hiệu quả. Thầy tổ, tông môn trưởng thượng cần phải biết sử dụng các trang mạng để phục vụ công việc, giải trí lành mạnh, là tấm gương tốt cho Ni trẻ học tập và noi theo. Đồng thời, chú trọng định hướng giá trị nhân cách và lối sống tốt đẹp, có sự yêu thương, chia sẻ với gia đình và trách nhiệm với xã hội, giáo dục kỹ năng sống, nhất là kỹ năng điều tiết và kiểm soát bản thân, rèn luyện thói quen tốt như chơi thể thao, tham gia các câu lạc bộ thảo luận về Giới Luật...

Cần đưa ra những nguyên tắc, giới hạn khoảng thời gian sử dụng Internet.

Có thể sử dụng các công cụ ngăn chặn truy cập vào những nội dung không phù hợp, kiểm soát nội dung truy cập.

Không phê phán, cấm đoán hay lên án một chiều những tiêu cực của mạng xã hội. Trái lại, phải dành nhiều thời gian trò chuyện để hiểu tâm tư của đệ tử, động viên, khích lệ tinh thần hay tổ chức những hoạt động chung để thắt chặt tình cảm.

Thứ hai, các nhà trường trong hệ thống giáo dục Giáo hội cần tinh giản, giảm bớt nội dung, chương trình học không cần thiết, các học phần lý thuyết không phù hợp với cuộc sống hiện đại. Tăng cường tổ chức các hoạt động ngoại khóa, các buổi học kỹ năng, thể dục thể thao, các hoạt động vận động để giúp học sinh thực hành nhiều kỹ năng sinh tồn trong thực tiễn cuộc sống, đồng thời có sự phát triển về thể chất. Cần có các biện pháp phòng ngừa, trừng phạt đối với những bất ổn, bạo lực học đường. Quý thầy cô Giáo thọ cần tăng cường quan tâm, động viên, khích lệ học sinh học tập, rèn luyện, giúp đỡ các em trong những tình huống thực tế.

Nhà trường, các cơ sở giáo dục cần hướng dẫn cách khai thác thông tin tích cực để các em chủ động tham gia mạng xã hội, phục vụ học tập, nghiên cứu chuyên môn hiệu quả. Hướng dẫn cách chọn lọc thông tin hữu ích và tránh xa những thông tin độc hại. Giáo dục cách ứng xử văn minh trên mạng, kiểm soát hành vi, lời nói và đảm bảo những thông tin mà mình đăng trên mạng không vi phạm pháp luật, không ảnh hưởng đến uy tín, danh dự, hình ảnh của cá nhân hay tổ chức khác, phù hợp với thuần phong mỹ tục và chuẩn mực đạo đức xã hội.

Tăng cường tổ chức các hoạt động vui chơi, giải trí, thiện nguyện... để nâng cao đời sống tinh thần, tạo môi trường lành mạnh để các Ni sinh kết bạn, giao lưu học hỏi kinh nghiệm, qua đó rèn luyện tính tổ chức, tính kỷ luật và tinh thần đoàn kết, giúp các bạn trẻ sống có trách nhiệm, xa rời lối sống hời hợt, vô tâm, thích ăn chơi, hưởng thụ và đua đòi theo những hư danh của thế giới ảo. Khi thế giới thực có nhiều hoạt động thú vị thì các em sẽ hạn chế việc tìm niềm vui ở thế giới ảo.

Thứ ba, các cấp chính quyền từ Trung ương đến địa phương cần có biện pháp quản lý chặt chẽ, kiểm duyệt nghiêm ngặt các nội dung được đăng tải trên Internet; có những chế tài xử phạt nghiêm minh, đủ sức răn đe đối với chủ thể tạo ra các trang website đen, bẩn trên

Internet, các game online có nội dung trái với thuần phong mỹ tục/ kích động bạo lực,...

Các cơ quan quản lý nhà nước cần ban hành văn bản hướng dẫn sử dụng mạng xã hội, xây dựng quy định cho các nhà cung cấp dịch vụ, khuyến khích những thông tin lành mạnh, bổ ích, lan tỏa tư duy tích cực và lối sống văn minh cho cộng đồng.

Phát huy tốt vai trò của hệ thống thiết chế văn hóa, các phương tiện thông tin đại chúng, nhất là hệ thống truyền thanh nội bộ, kết hợp đẩy mạnh hoạt động của các loại hình văn hóa dân gian, sinh hoạt câu lạc bộ, văn nghệ quần chúng... thông qua đó tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, quy định của địa phương, đơn vị, trên cơ sở đó giáo dục, định hướng chính trị, tạo niềm tin và nhiệt huyết của tuổi trẻ, chống lại các loại sản phẩm văn hóa xấu độc, âm mưu “xâm lăng văn hóa”, tư tưởng “áp đặt lối sống, văn hóa phương Tây”, làm ảnh hưởng xấu đến đời sống tình cảm tốt đẹp, tâm hồn trong sáng vốn có của giới trẻ hiện nay.

Thư tư, mỗi một Ni sinh cần phải nỗ lực tuyên truyền, phổ biến về tác hại của việc sử dụng Facebook quá nhiều cho mọi người, đặc biệt là các bạn học sinh, cùng nhau tạo ra những hoạt động hấp dẫn, giúp người nghiện Facebook nói riêng, mạng xã hội nói chung quay về với thế giới thực. Cần có niềm tin rằng, với sự cố gắng, nỗ lực không ngừng, một ngày nào đó không xa, mạng xã hội sẽ trở về đúng giá trị của nó, là một công cụ giải trí, giao lưu, trao đổi về các vấn đề trong cuộc sống chứ không phải là một “ông chủ” khó tính điều khiển cuộc sống, suy nghĩ của con người.

Cần xây dựng mối quan hệ ở thế giới thực, không nên quá sa đà, mất thời gian nhiều vào thế giới ảo. Nên dành thời gian vào những việc có ích hơn, không biến mình thành nạn nhân của mạng xã hội.

Thời gian của đời người thật ngắn ngủi, không nên tiêu phí vào những điều vô bổ, thậm chí có hại. Cần phải biết quý trọng từng phút

giây, sống sao cho ý nghĩa vì chúng ta còn trẻ, còn rất nhiều việc phải học, phải làm. Mỗi cá nhân từ khi còn là Ni sinh ngồi trên ghế nhà trường, cần phải sắp xếp cho mình thời gian hợp lý, khoa học, sử dụng Internet vào những việc đúng đắn. Nếu làm được như vậy, chúng ta sẽ khai thác được nhiều lợi ích mà Internet mang lại.

3. Khuyến nghị

Trên cơ sở tổng kết các nội dung chính như trên, tác giả đưa ra một số khuyến nghị trong việc định hướng ảnh hưởng của mạng xã hội đối với Ni giới trẻ trong bối cảnh hiện nay.

Thứ nhất, mạng xã hội có cả tác động tích cực và tiêu cực đến đời sống thanh niên nói chung, Ni giới trẻ nói riêng. Mạng xã hội giúp Ni giới trẻ kết nối với nhiều bạn bè, cập nhật thông tin, tham gia và chia sẻ tài liệu trong các nhóm học tập. Tuy nhiên, bên cạnh đó vẫn còn nhiều vấn đề đặt ra bởi xét cho cùng, mạng xã hội chỉ là thế giới ảo, việc sử dụng quá nhiều sẽ ảnh hưởng tới công việc, học tập, sức khỏe hay gây ra những rắc rối trong cuộc sống. Thế nên, phải có sự kiểm soát về thời gian và nội dung tiếp cận của Ni giới trẻ.

Thứ hai, để phát huy tốt những ảnh hưởng tích cực, hạn chế ảnh hưởng tiêu cực của mạng xã hội đến Ni sinh, cần có những hiểu biết về cơ chế, chính sách, nâng cao hiệu quả quản lý Nhà nước về truyền thông nói chung và mạng xã hội nói riêng. Trong đó, cần đặc biệt lưu ý tới các thông tin, loại bỏ các nội dung xuyên tạc, gây bất an trong dư luận thông qua mạng xã hội. Cần am hiểu luật pháp để tránh những sai lầm đáng tiếc.

Thứ ba, Phân ban Ni giới từ Trung ương đến địa phương đóng vai trò hết sức quan trọng trong việc tổ chức các hoạt động tuyên truyền cho Ni giới trẻ. Cần tuyên truyền ý thức sử dụng mạng xã hội, tổ chức các hoạt động ngoại khóa, đưa nội dung hướng dẫn cách tiếp cận thông tin và sử dụng mạng xã hội hợp lý. Cần coi đây là một trong những nội dung học ngoại khóa quan trọng, tạo thói quen lành mạnh, tránh những biểu hiện lệch lạc, giáo dục chính trị tư tưởng,

giúp Ni sinh nhận ra tính hai mặt của mạng xã hội, nhất là mặt tiêu cực.

Thí dụ, đào tạo Ni giới có chuyên môn về truyền thông online và kỹ năng sử dụng công nghệ là điều cấp thiết hiện nay. Như thế mới có thể phụng sự tích cực cho Giáo hội sau khi ra trường.

Kết luận

Giống như nghiện rượu hay ma túy, nghiện mạng xã hội cũng mang lại những hậu quả nhất định về tâm lý, thể chất và các mối quan hệ xung quanh. Cả xã hội và hệ thống chính trị cần nhận diện đúng đắn, đầy đủ các chiều cạnh tác động đến vấn nạn nghiện mạng xã hội ở giới trẻ nói chung và Ni sinh nói riêng, từ đó có các biện pháp giáo dục phù hợp, khả thi từ gia đình, nhà trường, cho đến tự viện, xã hội. Bản thân từng Ni sinh cũng cần phải biết sử dụng mạng xã hội một cách thông minh, tỉnh táo và chấp hành nghiêm túc Luật An ninh mạng để tránh những hệ lụy đáng tiếc.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Tỷ lệ người dùng Internet tại Việt Nam*, Tổng cục Thống kê năm 2020.
2. Khoản 1, khoản 2 Điều 101 Nghị định 15/2020/NĐ-CP.
3. Điều 155 của Bộ luật Hình sự năm 2015.
4. Điều 584 Bộ luật Dân sự 2015.

VẤN ĐỀ HOẰNG PHÁP CỦA NI GIỚI TRONG THỜI HIỆN ĐẠI

SC. Thích nữ Phước Nghĩa

Đức Phật xuất hiện trên cõi đời này không ngoài mục đích cứu độ chúng sanh thoát biển khổ trầm luân. Trên hành trình hoằng pháp, Đức Phật luôn quan tâm đến đời sống hiện tại của con người. Ngài chỉ cho chúng sanh nhận ra nguồn gốc khổ đau và phương pháp diệt trừ nỗi khổ, hướng đến đời sống an vui, hạnh phúc. Tùy theo căn cơ của mỗi người mà Ngài hóa độ bằng nhiều phương tiện khác nhau, không phân biệt giai cấp. Ngài thuyết pháp cho mọi tầng lớp trong xã hội, từ vua quan đến thứ dân, ai có duyên sẽ tỏ ngộ. Đó là con đường hoằng pháp độ sanh của Ngài mà hàng đệ tử phải noi theo để tiếp nối truyền bá Chánh pháp.

Ngày nay, xã hội phát triển vượt bậc với nền khoa học kỹ thuật hiện đại, nhưng con người cũng không vì thế mà chấm dứt khổ đau. Vì vậy, những lời Phật dạy luôn cần cho những ai muốn tìm về chân lý và hướng đến cuộc sống an lạc ngay chốn hiện tại. Truyền bá Chánh pháp, do đó, là trách nhiệm vô cùng quan trọng của tu sĩ nói chung, Ni giới Việt Nam nói riêng, nhằm đưa đạo vào đời.

1. Những vấn đề chung về hoằng pháp

1.1. Khái niệm

Nói đến “hoằng pháp” tức là nói đến sự dẫn thân cao cả của hành giả trong sự nghiệp hoằng hóa độ sanh. Sự dẫn thân ấy đem lại lợi ích cho đời sống con người. Vì vậy, khái niệm hoằng pháp bao hàm rất nhiều ý nghĩa.

“Hoằng” là mở rộng, truyền bá, phổ biến. “Pháp” (Dharma) là chân lý (của Đức Phật/ đạo Phật). “Hoằng pháp” tức là truyền bá chân lý của Đức Phật cho số đông, toàn thiện ở đoạn đầu, đoạn giữa, đoạn cuối, đầy đủ văn và nghĩa lý, vì phúc lạc, hạnh phúc và an vui cho nhân loại.

Hoằng pháp là tiến trình truyền bá chân lý, huấn luyện chân lý, thực tập chân lý, nhằm thay đổi hành vi của người nghe¹. Đó là việc thuyết giảng Phật pháp được thực hiện bởi đội ngũ thiện tri thức có nền tảng giáo lý vững vàng, thông hiểu giáo lý, thâm nhập kinh tạng, có tâm huyết và năng lực đặc biệt trong lĩnh vực này².

1.2. Mục đích của việc hoằng pháp

Đạo Phật là đạo của từ bi, trí tuệ. Mục đích duy nhất của đạo Phật là giải thoát khổ đau cho chúng sanh. Cho nên, mục đích chính của hoằng pháp là truyền giảng lời Phật dạy, giúp con người chuyển hóa nỗi khổ niềm đau của tự thân, hướng đến đời sống an lạc giải thoát. Ngoài ra, việc hoằng pháp còn góp phần “đào tạo ra nhiều nhân tài trong Phật giáo, trong đó có người xuất gia và Phật tử tại gia, giúp mọi người chủ động hơn trong việc học tập, nghiên cứu giáo lý và làm Phật sự”³. Việc truyền bá Chánh pháp giúp mọi người có nhiều cơ hội tiếp cận giáo lý của Phật để áp dụng vào đời sống hằng ngày.

Đây là một trọng trách, một sứ mệnh thiêng liêng, cao cả của người con Phật. Do vậy, người đảm nhận vai trò hoằng pháp phải nhận thức và định hướng chuẩn thì mới có thể đáp ứng được yêu cầu Phật sự, không lẫn lộn giữa chuyên môn hoằng pháp (thuyết giảng Phật pháp) với việc truyền bá tinh thần Phật pháp trong lễ hội Phật giáo, các hoạt động văn hóa xã hội như: Đại lễ Phật đản, lễ hội Vu Lan,...

¹ Thích Nhật Từ (2017), *Những bài giảng về sự phạm hoằng pháp*, Học viện Phật giáo Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh.

² Thích Huệ Thông (2011), *Giáo dục và hoằng pháp cơ hội và thách thức*, Nxb. Văn hóa văn nghệ Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh, tr.125-126.

³ Thích Nhật Từ (2017), *Những bài giảng về sự phạm hoằng pháp*, Tlđđ.

2. Ni giới và việc hoằng pháp trong thời hiện đại

Sau khi thành đạo dưới cội Bồ-đề, Đức Phật bắt đầu công cuộc hoằng pháp độ sanh với bài pháp Tứ Diệu Đế, độ năm anh em Kiều Trần Như tại vườn Lộc Uyển. Kể từ đó, bánh xe pháp bắt đầu vận hành, sứ mệnh hoằng pháp được mở ra cho người con Phật, mỗi vị Tỳ-kheo là một nhà hoằng pháp, thay Phật truyền bá chân lý giải thoát. Đó là trách nhiệm mà Đức Phật đã giao phó cho hàng đệ tử thực hiện vai trò hoằng pháp lợi sanh: “Này các Tỳ-kheo, hãy du hành vì hạnh phúc cho quần chúng, vì an lạc cho quần chúng, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư Thiên và loài người”¹. Từ đó, việc truyền bá Chánh pháp luôn là trách nhiệm hàng đầu của người con Phật, phù hợp với hạnh nguyện “Thượng cầu Phật đạo, hạ hóa chúng sanh”².

Nền công nghệ phát triển vượt bậc của xã hội ngày nay đã đưa đời sống con người lên một tầm cao mới. Con người có thể dễ dàng nắm bắt mọi thông tin trên thế giới bằng các công nghệ hiện đại nhất. Điều đó giúp con người giải quyết mọi vấn đề một cách nhanh chóng.

Mặc dù vậy, con người vẫn chưa thật sự có được một đời sống bình an, hạnh phúc. Mặt trái của nền công nghệ hiện đại làm cho các giá trị đạo đức tha hóa. Một bộ phận giới trẻ có tâm lý sống gấp, sống vội, gây ra hệ lụy cho gia đình và xã hội. Bên cạnh đó, con người phải đối diện với những nỗi sợ hãi, lo lắng, bất an từ những mâu thuẫn, tranh chấp về lãnh thổ, kinh tế, tài sản..., từ lòng tham, sự ích kỷ và thù hận. Đó là vấn đề cấp bách cần được giải quyết trong bối cảnh hội nhập và phát triển ngày nay.

Do đó, hoằng pháp luôn là nhiệm vụ hàng đầu của đệ tử Phật để tháo gỡ mọi rối ren trong đời sống và chuyển hóa nỗi khổ niềm đau cho nhân sinh. Xã hội ngày nay rất cần sự dẫn thân nhiệt huyết của

¹ Thích Trí Quảng (2002), *Những bài giảng về hoằng pháp và trụ trì*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.

² Thích Chân Quang (2006), *Những bài giảng hoằng pháp*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.

Tăng đoàn Phật giáo. Theo đó, Ni giới trẻ cũng cần phát huy vai trò truyền bá giáo pháp thông qua các thời pháp thoại, giảng dạy giáo lý,... nhằm góp phần xây dựng một xã hội văn minh, lành mạnh, không có khổ đau.

Trong bối cảnh phát triển của nền công nghệ hiện đại với hệ thống thông tin lan rộng toàn cầu và các trang mạng xã hội chiếm ưu thế cho việc kết nối và truyền tải thông tin, hình ảnh, âm thanh, việc hoằng pháp của chư Ni cũng cần thay đổi để bắt kịp xu thế của thời đại. Thay vì thuyết giảng theo phương pháp truyền thống tập trung hội chúng tại chùa, chúng ta có thể kết hợp truyền đạt giáo lý thông qua các phương tiện truyền thông như: Zalo, Facebook, Tiktok, Youtube, Instagram, Zoom, Meet,... Do đó, Ni giới cần được đào tạo cách thức sử dụng các phương tiện truyền thông để thay đổi hình thức thuyết giảng cho phù hợp, tạo điều kiện cho Phật tử dễ dàng tiếp cận. Các chủ đề thuyết giảng không chỉ gói gọn trong nội dung của giáo lý mà cần phải kết hợp với những vấn đề gia đình, xã hội, môi trường, tâm lý, giáo dục, đạo đức,... và những vấn đề được quần chúng đặc biệt quan tâm. Mặt khác, Ni giới nên năng động tổ chức các buổi sinh hoạt, trao đổi, vấn đáp nhiều nội dung phong phú, trực tiếp hoặc thông qua hình thức online để thu hút sự tham gia của quần chúng trong và ngoài nước, phù hợp với tiêu chí Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam đề ra về trọng tâm hoạt động trong thời đại hội nhập: “Đẩy mạnh truyền thông Phật giáo như một kênh hoằng pháp”¹.

Hiện nay, Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã lập ra Ban Hoằng pháp, ở cả cấp Trung ương và các tỉnh, thành, tạo điều kiện thuận lợi cho chư Ni phát triển khả năng hoằng pháp. Với tinh thần “Hoằng pháp vi gia vụ, lợi sanh vi bốn hoài”², Ni giới trẻ cần tích cực hơn nữa trong việc tham gia công tác hoằng pháp ở các chùa, tự viện, đạo

¹ Thích Nhật Từ (Biên soạn, 2019), *Quan điểm Phật giáo về cách mạng công nghiệp 4.0 và môi trường bền vững*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr.65.

² Thích Trí Quảng (2002), *Sđd*.

tràng... Mỗi vị có thể là một giảng sư truyền bá Chánh pháp tại nơi mình sinh hoạt và sử dụng các kênh truyền thông để truyền bá chân lý, đưa đạo vào đời với tinh thần nhập thế tích cực.

3. Một số đề xuất nhằm đẩy mạnh công tác hoằng pháp của Ni giới

Theo tác giả, Giáo hội Phật giáo các tỉnh, thành cần quan tâm sâu sắc hơn đến việc hoằng pháp của Ni giới. Mỗi tỉnh nên tạo điều kiện cho chư Ni có cơ hội thử thách với nhiệm vụ thuyết giảng giáo lý ở các đạo tràng tu Bát Quan Trai tại các chùa, tự viện,... mở ra nhiều buổi tọa đàm, vấn đáp Phật pháp, các lớp học giáo lý, các khóa tu cho Phật tử để Ni giới có cơ hội phát triển khả năng thuyết giảng cũng như phổ biến nền giáo dục Phật giáo đến quần chúng. Bên cạnh đó, các vị trụ trì nên hỗ trợ đệ tử hoặc Ni chúng ở tự viện của mình có đầy đủ công cụ thuyết giảng online như mạng Internet, điện thoại thông minh, ipad, laptop, micaró..., giúp việc kết nối và thuyết giảng giáo lý thuận lợi hơn. Mặt khác, ngoài thời gian tu học, công phu công quả, các vị trụ trì cần tạo điều kiện cho Ni chúng theo học các trường Phật học trong và ngoài nước nhằm phát triển tri thức. Ngoài ra, Ni chúng cần có thời gian nghiên cứu kinh sách, soạn nội dung bài giảng, thực tập cách thuyết giảng,... để rèn luyện khả năng nói chuyện trước công chúng. Vì vậy, Ni giới trẻ ngày nay có thể phát huy được vai trò hoằng pháp hay không, còn phụ thuộc rất nhiều vào các yếu tố xung quanh, nhất là ngay nơi tự viện mình đang tu học. Bởi vì, mỗi hành giả có những hạnh nguyện độ sanh khác nhau, có vị chuyên tụng kinh, người thích nghiên cứu các món chay, người thích làm việc từ thiện, có người thích giảng dạy ở các trường Phật học, người thích làm việc hành chính, nhưng có vị lại thích thuyết giảng giáo pháp... Cho nên, những vị trụ trì cần tìm hiểu tâm tư, nguyện vọng của Ni chúng để tạo cơ hội cho Ni chúng phát huy tốt tài năng của họ.

Kết luận

Những điểm lược trên cho thấy vai trò hoằng pháp của Ni giới trong thời đại hội nhập ngày nay. Ni giới đã làm tốt các hoạt động Phật sự như từ thiện, môi trường,..., nhưng vai trò trên phương diện thuyết giảng giáo lý thì còn khá khiêm tốn. Do đó, Ni giới trẻ cần phát huy nhiều hơn nữa việc truyền bá Chánh pháp, đưa đạo vào đời, nhập thế tích cực, lan tỏa nền giáo dục Phật giáo đến gần với quần chúng.

Nhờ biết vận dụng các phương tiện truyền thông hiện đại, giáo lý Phật giáo được phổ biến rộng rãi trên nhiều quốc gia. Ngày nay, con người nhận thức được lợi ích thiết thực và sự nhiệm màu của Phật pháp. Họ thức tỉnh hướng về đạo Phật với lòng thành kính và sự ngưỡng mộ; có rất nhiều người tìm đến cửa Phật quy y Tam bảo, thọ trì Ngũ giới.

Ngoài các công tác Phật sự và nhiệm vụ hoằng hóa độ sanh, chư Ni không quên chí nguyện tu hành giải thoát. Mỗi vị cần trang bị cho mình đầy đủ kiến thức về Tam Tạng kinh điển (thông hiểu Kinh, Luật, Luận), rèn luyện đạo hạnh, oai đức của bậc xuất trần thượng sĩ, làm mô phạm cho người người noi theo.

Tóm lại, Đức Phật chính là một nhà hoằng pháp vĩ đại của toàn nhân loại. Những lời dạy của Ngài luôn đúng trong mọi thời đại. Giáo pháp của Ngài lan tỏa đến đâu, đều giúp chúng sanh chuyển mê, khai ngộ, lìa khổ được vui. Vì vậy, là đệ tử Phật, Ni giới cần phải noi theo gương hạnh của Ngài để tiếp nối con đường hoằng hóa độ sanh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Thích Chân Quang (2006), *Những bài giảng hoằng pháp*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
2. Thích Trí Quảng (2002), *Những bài giảng về hoằng pháp và trụ trì*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
3. Thích Huệ Thông (2011), *Giáo dục và hoằng pháp cơ hội và thách thức*, Nxb. Văn hóa văn nghệ Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.
4. Thích Nhật Từ (2017), *Những bài giảng về sự phạm hoằng pháp*, Học viện Phật giáo Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh.
5. Thích Nhật Từ (Biên soạn, 2019), *Quan điểm Phật giáo về cách mạng công nghiệp 4.0 và môi trường bền vững*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.

MỘT SỐ GỢI Ý CHO CÔNG TÁC HƯỚNG DẪN PHẬT TỬ HIỆN NAY

NS. Thích nữ Huệ Dân

Thời gian qua, Ni giới Việt Nam đã đóng góp lớn trong các hoạt động vì lợi ích cộng đồng - xã hội. Sâu xa hơn nữa, với tinh thần “Hộ quốc an dân” và triết lý nhập thế tích cực, Ni giới hướng con người thực hành các nguyên tắc đạo đức căn bản của Phật giáo nhằm xây dựng xã hội đạo đức, văn minh. Gần đây, nhiều tự viện Ni đã tổ chức khóa tu, trại hè, các hoạt động Phật sự... dành cho Phật tử, qua đó giáo dục thế hệ trẻ hiểu được đạo lý, nhân quả, xây dựng nếp sống lành mạnh, văn minh cũng như ý thức trách nhiệm, chia sẻ với cộng đồng xã hội. Cho nên, đẩy mạnh sự nghiệp hoằng dương giáo pháp của Đức Phật vào mọi mặt đời sống xã hội, đồng thời tiếp tục đổi mới, sáng tạo trong cách thức hướng dẫn Phật tử, giới thiệu các pháp môn thực hành của Phật giáo phù hợp với mọi tầng lớp trong xã hội chính là trách nhiệm của Ni giới, góp phần vun bồi nền đạo đức xã hội, kết nối đạo đức Phật giáo vào đời sống con người. Thiết nghĩ, đây chính là mục tiêu, nhiệm vụ trọng yếu của ngành Hướng dẫn Phật tử thuộc Phân ban Ni giới Trung ương hiện nay.

Hiện nay, nhu cầu tu tập của các tầng lớp trong xã hội rất lớn. Thực tế này, một phần do áp lực xã hội, công việc, một phần do áp lực từ cuộc sống gia đình, khiến nhiều người bị căng thẳng, dẫn đến stress, trầm cảm. Ngày càng thấy gia tăng tần suất xuất hiện cụm từ “chữa lành” trên các phương tiện báo chí, mạng xã hội, chứng tỏ con người rất cần được chăm sóc sức khỏe tinh thần. Thực tế, nhiều người chỉ quan tâm đến đời sống vật chất mà không biết cách tạo ra

hạnh phúc cho bản thân. Vì thế, họ muốn đến chùa tu tập nhằm tìm kiếm an lạc, giải thoát. Cho nên, việc đổi mới phương pháp hướng dẫn Phật tử nhằm phù hợp với mọi lứa tuổi, mọi đối tượng là rất cần thiết. Dựa trên giáo lý khế lý, khế cơ mà chúng ta chọn lựa những phương pháp hướng dẫn Phật tử phù hợp, như vậy mới hy vọng đem lại hiệu quả cao, từ đó giúp lan tỏa giáo pháp, tăng trưởng niềm tin cho tín đồ Phật tử và xã hội.

Trên cơ sở này, tác giả đề xuất một số phương án nhằm phát triển công tác hướng dẫn Phật tử của Phân ban Ni giới Trung ương như sau:

Thứ nhất, từ trước đến nay, chư Ni làm rất nhiều chương trình, hoạt động hướng dẫn Phật tử nhưng chưa xây dựng “bộ nhận diện thương hiệu” riêng. Bởi vậy, vấn đề cấp thiết là phải làm sao để chương trình, hoạt động mang dấu ấn riêng của chư Ni.

Tiểu ban Hướng dẫn Phật tử trực thuộc Phân ban Ni giới Trung ương đã tổ chức khóa tu *Trở về nhà* dành cho người bận rộn nhân dịp ra mắt tiểu ban. Khóa tu *Trở về nhà* dành cho tuổi trẻ có chủ đề “Xây dựng cộng đồng lành mạnh”. Mỗi khóa tu *Trở về nhà* sẽ tùy chọn một chủ đề riêng. Về sau, chỉ cần nhìn thấy tên khóa tu thì xã hội sẽ biết ngay đây là hoạt động hướng dẫn Phật tử do Phân ban Ni giới Trung ương thực hiện. Cho nên, đây chính là cách xây dựng “bộ nhận diện thương hiệu”, tương tự như cách thiết kế, xây dựng logo cho một doanh nghiệp. *Trở về nhà* chính là tên của chuỗi chương trình mang thông điệp hỗ trợ nhân sinh của chư Ni. Qua đó tạo hiệu ứng tốt cho xã hội cũng như thấy được việc làm thiết thực của Ni giới.

Thứ hai, triển khai tổ chức các khóa tu cho tuổi trẻ. Các khóa tu này giới hạn 300 em, sẽ dễ quản lý, tổ chức theo kiểu dây chuyền. Trong 2 ngày tu học sẽ có 3-4 tiếng dành cho các trẻ tại địa phương. Sau khi chư Ni hướng dẫn 300 sinh viên, các tu sinh sẽ ứng dụng những kiến thức vừa học dạy lại cho trẻ em. Mô hình này đã được chùa Long Phước (quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh) thực hiện xuyên suốt 13 năm qua, rất có hiệu quả. Vì vậy, trong công tác hướng dẫn

Phật tử thời gian tới, cần chú trọng mở rộng khóa tu mùa hè cho thanh thiếu niên, qua đó giúp các em có nhận thức, có niềm tin, có kỹ năng, có định hướng, ổn định về tâm lý, thấy được giá trị của cuộc sống, đem lại cho các bậc phụ huynh niềm tin vững chắc vào giá trị cao quý của giáo lý Phật giáo. Trong thời gian tới, Tiểu ban Hướng dẫn Phật tử dự kiến sẽ triển khai thí điểm mô hình này ở một số thành phố lớn, mỗi đợt chỉ nhận từ 200-300 em nhằm tạo hiệu quả tốt nhất trong mỗi đợt.

Thứ ba, tăng cường tổ chức khóa tu dành cho thành phần trí thức. Khóa tu giới hạn 100-150 người. Mô hình này tổ chức cho thành phần trí thức vốn bận rộn và áp lực vì công việc, nên họ cần có sự tĩnh tại, nhất là trong không gian thiên nhiên. Vì thế, khi tổ chức, nên chọn nơi có không gian xanh, giúp họ hòa nhập với thiên nhiên nhằm giải tỏa áp lực trong cuộc sống bận rộn. Khóa tu này, ngoài chủ đề chính, còn có thêm 5 workshop với 5 chủ đề khác nhau đi sát cuộc sống, giúp cho tu sinh thấy mình đang vướng mắc trong hoàn cảnh nào thì đăng ký theo chủ đề đó. Mỗi chủ đề mời một Ni sư thuyết giảng, hướng dẫn, chia sẻ.

Thứ tư, mở phòng tham vấn tâm lý phục vụ cộng đồng. Chùa Long Phước (quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh) đã thực hiện gần 20 năm qua. Vấn đề quan trọng là chúng ta truyền cảm hứng, truyền tải lời dạy của Đức Phật đến những người đang vướng mắc tâm lý qua phương pháp tĩnh tâm, trà đàm... nhằm giúp họ tháo gỡ những vướng mắc trong lòng

Thứ năm, mở “siêu thị 0 đồng” tên gọi là “Phiên chợ từ tâm”. Chăm lo đời sống cho những hộ gia đình khó khăn đang là điều trăn trở không chỉ của chính quyền sở tại các khu vực, mà còn nhận được sự quan tâm của các tổ chức xã hội, tôn giáo, đặc biệt là Phật giáo. Mặc dù đã có chính sách hỗ trợ, nhưng cuộc sống hiện tại của nhiều hộ nghèo vẫn bộn bề gian khó. Việc chăm lo đời sống vật chất - tinh thần và sức khỏe cho hộ nghèo, có hoàn cảnh khó khăn không chỉ nhằm giúp họ vượt khó mà còn hướng họ bén duyên Phật pháp. Tạo ra một

“lễ hội tình người” với chuỗi hoạt động như: tham vấn tâm lý do chư Ni phụ trách, tư vấn pháp luật, khám bệnh trao thuốc, phòng nha khoa, phiên chợ ẩm thực, siêu thị nhu yếu phẩm, trao phiếu đi chợ bằng những trái tim yêu thương thay cho đồng tiền,... để người nhận không bị mặc cảm. Họ tự tin bước vào phiên chợ để chọn những món hàng mà mình cần.

Thứ sáu, tổ chức khóa tu mùa hè “Tuổi tâm mầm sen” cho thiếu niên, học sinh cấp I. Hình thức chủ yếu là luyện tâm trí trẻ bằng hình ảnh thực tế sinh động, bằng những câu chuyện cổ tích, đồng thời dạy các em kỹ năng, lối sống lành mạnh, đưa các em đi đến những trại nuôi dưỡng trẻ mồ côi để thấy hoàn cảnh bất hạnh của các bạn, hoặc đưa các em đến chỗ nuôi trẻ não úng thủy, cho các em thấy những em bé bệnh tật..., như vậy để các em hiểu mình đã may mắn, hạnh phúc như thế nào.

Thứ bảy, tổ chức trại hè gia đình dành cho khoảng 20 gia đình một lần. Hình thức là mỗi gia đình sinh hoạt với lịch trình do ban tổ chức đưa ra, rồi cho các gia đình tương tác, cho họ sống với thiên nhiên, chăm sóc cây cỏ, có những tình huống cần xử lý và hướng dẫn họ thực hiện. Như vậy, trước nhất họ phải dạy con cái lòng yêu thiên nhiên, yêu hoa lá, cây cỏ bằng cách cho trẻ tự chăm sóc một loại hoa nào đó trong quá trình tu tập, đó sẽ là cơ sở để lan tỏa sự thương yêu sau này. Mỗi ngày phải hướng cho trẻ biết nói chuyện với các loại hoa, cỏ cây thì dần dần, trẻ sẽ yêu mến thiên nhiên, rồi tiếp đó là biết yêu quý con người. Bên cạnh đó, ban tổ chức sẽ đặt ra cho họ những tình huống phát sinh trong gia đình, chẳng hạn, cách sống thế nào để cha mẹ và con cái sẽ là bạn của nhau, hoặc dạy trẻ con biết lạy Phật trước khi ra khỏi nhà, biết tiết kiệm, biết xếp đồ đạc ngăn nắp,...

Thứ tám, tiếp cận và hướng dẫn phụ nữ dân tộc thiểu số. Chọn khoảng 100 người đang nuôi dạy con nhỏ nghe, nói được tiếng Kinh, hỗ trợ họ hiểu văn hóa của người Kinh, hướng dẫn cách ăn ở, vệ sinh sạch sẽ, cho con đến trường học chữ, bảo vệ môi trường, biết thờ Phật, niệm Phật.

Kết luận

Nhằm triển khai tốt, hiệu quả cao các hoạt động trọng tâm của Tiểu ban Hướng dẫn Phật tử thuộc Phân ban Ni giới Trung ương, chúng tôi đề xuất một số giải pháp đã trình bày ở trên. Cần nỗ lực xây dựng và thực hiện các đề xuất này nhằm tạo ra bước đột phá trong hoạt động của Tiểu ban Hướng dẫn Phật tử, qua đó giúp Ni giới xây dựng hình ảnh tốt đẹp, trang nghiêm trong ngôi nhà Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC MẦM NON CỦA NI GIỚI HIỆN NAY

NS. TS. Thích nữ Như Nguyệt (Viên Minh)

Giáo dục mầm non là bộ phận quan trọng trong hệ thống giáo dục quốc dân. Mục tiêu, nhiệm vụ giáo dục mầm non là giúp trẻ em phát triển thể chất, trí tuệ, thẩm mỹ - những yếu tố căn bản hình thành nhân cách con người. Còn mục đích hoằng hóa độ sinh của Phật giáo là giúp cho con người hướng thiện, vun bồi từ bi và trí tuệ. Trong xã hội, muốn có trí tuệ thì con người cần phải được giáo dục ngay từ khi đến tuổi đi học. Nhà trường định hình nhân cách cho trẻ qua những bài học đạo đức, điều chỉnh hành vi hằng ngày. Cho nên, tham gia giáo dục hoạt động, trong đó có giáo dục mầm non, hoàn toàn phù hợp với mục tiêu của Phật giáo, phù hợp với đặc tính của người nữ giàu lòng từ bi, yêu thương. Vì vậy, bài viết thảo luận, đề xuất một số định hướng phát triển giáo dục mầm non của Ni giới Việt Nam hiện nay.

1. Thực trạng giáo dục mầm non Phật giáo

Trước năm 1975, lớp học mầm non chủ yếu được thành lập trong các chùa Ni từ miền Trung trải dài đến các tỉnh miền Nam. Tiêu biểu, tại chùa Từ Nghiêm, quý Sư bà đã chủ trương xã hội hóa giáo dục, giúp đỡ về y tế, chăm sóc cô nhi. Khi đó, trú xứ chùa Từ Nghiêm đã mở ba lớp mẫu giáo cho con em nghèo, không có tiền đóng học phí. Hệ thống trường Mẫu giáo Kiều Đàm phát triển tại các chùa Ni Sài Gòn có: Huê Lâm - quận 11 (năm 1952), Phước Hòa (1956), Huệ Lâm - quận 8, Kim Liên - quận 4, Kiều Đàm - quận 3, Long Nhiếu - Thủ Đức, do chư Ni quản lý, giảng dạy. Trung bình mỗi trường có từ 100 đến 150 em. Nội dung hướng dẫn và giảng dạy theo chương trình của Bộ Quốc gia Giáo dục. Với tinh thần trách nhiệm và lý tưởng xây

dụng mầm non tuổi trẻ, quý Ni sư, Sư cô đã giáo dục thành công cho hơn 2.500 trẻ em Phật tử, làm cơ sở cho các lớp Tiểu học Bồ Đề của Giáo hội¹. Nhìn chung, trước năm 1975, các trường mẫu giáo/mầm non được thành lập phần lớn trong khuôn viên các chùa Ni, được quý Sư cô trực tiếp đứng lớp dạy, một số ít do nữ Phật tử đảm nhiệm. Mô hình này xuất hiện ở các tỉnh, thành phố lớn như Huế, Sài Gòn, Nha Trang..., đáp ứng được nhu cầu giáo dục của gia đình Phật tử, cũng như cơ hội để chư Ni thể hiện tinh thần trách nhiệm trong công tác giáo dục con người.

Hiện nay, hoạt động giáo dục mầm non của Phật giáo đang tồn tại ba hình thức, đó là hình thức mầm non tư thục có thu phí, mầm non tư thục hoàn toàn miễn phí (theo chương trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo) và mầm non tình thương (mô hình này chủ yếu tồn tại ở các huyện, thị thuộc tỉnh Thừa Thiên Huế) do các tự viện làm chủ, quản lý. So với Công giáo, các cơ sở do Phật giáo đầu tư còn ít, chỉ rải rác ở một số tỉnh, thành như: Thừa Thiên Huế, Lâm Đồng, Ninh Thuận, Gia Lai, Tiền Giang, Long An, Đồng Nai, Thành phố Hồ Chí Minh, Khánh Hòa...

Trong tình hình hiện nay, thấy được nhu cầu thực tế của xã hội, Nhà nước khuyến khích xã hội hóa giáo dục, trong đó có lĩnh vực mầm non. Trong Luật Tín ngưỡng Tôn giáo (2016), tại chương VI, điều 55 cho phép tôn giáo tham gia các hoạt động giáo dục, đào tạo, y tế, bảo trợ xã hội, từ thiện, nhân đạo theo quy định của pháp luật có liên quan. Phật giáo tham gia giáo dục mầm non là cùng gánh vác trách nhiệm với xã hội vì trẻ em, vì tương lai của đất nước. Ngày 8/11/2014, tại Thành phố Hồ Chí Minh, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam kết hợp cùng Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức Hội nghị Toàn quốc về các tôn giáo tham gia phát triển giáo dục mầm non. Tại hội nghị, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam

¹ Thích Thiện Nhơn (2013), “Sự đóng góp về giáo dục Phật học của Phật giáo Gia Định - Sài Gòn - Thành phố Hồ Chí Minh 300 năm”, <https://quangduc.com/a11410/su-dong-gop-ve-giao-duc-phat-hoc-cua-pg-gia-dinh-sai-gon-tp-hcm-300-nam>.

Nguyễn Thiện Nhân đã trân trọng ghi nhận tình cảm và những nỗ lực cống hiến có ý nghĩa hết sức quan trọng của các cơ sở giáo dục mầm non tôn giáo, góp phần cùng chính quyền các cấp chăm sóc, nuôi dưỡng, đào tạo, giáo dục trẻ. Đồng chí Nguyễn Thiện Nhân đề nghị ngành giáo dục các tỉnh, thành phố tiếp tục thực hiện có hiệu quả việc đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, trong đó có giáo dục mầm non; triển khai việc phổ cập giáo dục cho trẻ 5 tuổi; hỗ trợ các cơ sở giáo dục mầm non tôn giáo hoàn thành thủ tục cấp phép, xây dựng trường, thực hiện các chính sách hỗ trợ chăm sóc trẻ mồ côi, khuyết tật. Chủ tịch Nguyễn Thiện Nhân khẳng định: Mặt trận Tổ quốc Việt Nam luôn đồng hành cùng các tôn giáo trong việc xây dựng và phát triển sự nghiệp giáo dục - đào tạo, nhất là giáo dục mầm non để cùng chung tay tạo ra lợi thế cho Việt Nam, xây dựng con người mới có kiến thức, có bản lĩnh, yêu nước, có lòng nhân ái, ý chí xây dựng đất nước ngày càng giàu đẹp¹. Từ đó, một số chùa Ni ở các tỉnh thành đã mở trường mầm non tư thục. Đến nay, có thể kể đến những điểm sáng về công tác giáo dục mầm non do Ni giới đảm trách:

(1) Trường Mầm non Hòa Mi, thuộc chùa Giác Tâm, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, do Ni trưởng Thích nữ Huệ Từ thành lập năm 1995.

(2) Lớp học tình thương - chùa Lộc Thọ, do cố Ni trưởng Thích nữ Diệu Ý thành lập năm 1994, trong khuôn viên chùa Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, từ mẫu giáo đến lớp 5. Lớp này kết hợp với một trường tiểu học địa phương (Trường Tiểu học Vĩnh Ngọc) lo thủ tục hành chính, nên các em học hết tiểu học, sau đó được các trường trung học nhận để tiếp tục học lên. Đây là mô hình đặc biệt, vừa mang tính chất tình thương nên miễn phí hoàn toàn, vừa được công nhận là học sinh chính quy.

¹ “Các tôn giáo tham gia phát triển giáo dục mầm non Việt Nam” (2014), <https://www.qdnd.vn/chinh-tri/tin-tuc/cac-ton-giao-tham-gia-phat-trien-giao-duc-mam-non-viet-nam-328010>.

(3) Nhóm lớp mầm non Kiều Đàm của chùa Thiên Hòa, thành phố Nha Trang, do Ni trưởng Diệu Đức thành lập năm 2000, Ni sư Thích nữ Chơn Toàn điều hành.

(4) Trường Mầm non Tuệ Uyên (Đồng Nai) do Ni trưởng Thích nữ Tịnh Nguyên thành lập năm 1989. Ni trưởng đã mở lớp học tình thương cho các em từ lớp 1 đến lớp 5; thứ Bảy, Chủ nhật còn có lớp tiếng Anh miễn phí cho học sinh từ lớp 6 đến lớp 9. Năm 2002, kinh tế khá hơn, việc phổ cập tiểu học không còn cấp thiết, nhưng nhu cầu gửi trẻ của công nhân quê miền Bắc, miền Trung nhiều, có trường hợp xảy ra những tai nạn thương tâm do trẻ tự chăm sóc nhau. Vì vậy, Ni trưởng quyết định mở lớp mầm non bán trú¹. Trường đã ngừng hoạt động vào năm 2021.

(5) Trường Mầm non Oanh Vũ Từ Tâm, do Phân ban Ni giới tỉnh Gia Lai, thành phố Pleiku thành lập năm 2016 (ngưng hoạt động năm 2023).

(6) Trường Mầm non Kiều Đàm (quận 9, nay là thành phố Thủ Đức), do Ni trưởng Thích nữ Nguyên Thuận thành lập năm 2010, hiện nay Ni sư Huệ Đạo điều hành.

(7) Trường Mầm non Tịnh Nghiêm (thành phố Mỹ Tho, Tiền Giang), do Ni trưởng Thích nữ Tịnh Nghiêm thành lập năm 2006.

(8) Nhóm lớp Mẫu giáo Sen Vàng, do Ni sư Thích nữ Như Nguyệt thành lập năm 2021, các Sư cô học Khoa Giáo dục mầm non khóa 1 của Học viện Phật giáo Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh điều hành.

(9) Trường Mầm non Lâm Tỳ Ni, thành lập năm 2023, xuất phát từ tâm nguyện của chư Tôn đức Tăng Ni Thừa Thiên Huế, cùng sự chung tay đóng góp xây dựng của các Tăng Ni, Phật tử trong và ngoài nước. Đại diện là Hòa thượng Thích Hải Ấn, trú trì chùa Từ Đàm (thành phố Huế) - Chủ tịch Hội đồng quản trị; và Ni trưởng

¹ “Kỷ niệm 30 năm thành lập Trường Mầm non Tuệ Uyên” (2020), <https://giacngo.vn/ky-niem-30-nam-thanh-lap-truong-mam-non-tue-uyen-post54010.html>.

Thích nữ Như Minh, trú trì chùa Tây Linh (thành phố Huế) - Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng quản trị. Trong số các trường trên, Trường Mầm non Lâm Tỳ Ni có cơ sở vật chất đạt tiêu chuẩn quốc tế, hiện đại, chương trình giảng dạy phù hợp nên thu hút được nhiều phụ huynh gửi con đến học. Đây là ngôi trường mầm non quy mô lớn đầu tiên hiện nay của Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

Hiện nay, chính quyền các địa phương đều ủng hộ, cho phép các tôn giáo mở trường, nhóm lớp mầm non. Tính đến tháng 10/2014, cả nước có 39 tỉnh, thành phố có cơ sở giáo dục mầm non tôn giáo; trong đó nhiều tỉnh, thành phố có tỷ lệ trường mầm non do tổ chức, cá nhân tôn giáo thành lập cao như: Bà Rịa - Vũng Tàu, Lâm Đồng, Đồng Nai, Thành phố Hồ Chí Minh... Hiện cả nước có 269 trường mầm non và 905 nhóm, lớp mầm non do các tổ chức và cá nhân tôn giáo thành lập (chiếm 1,9% tổng số trường mầm non công lập trên cả nước); huy động hơn 125.500 trẻ đến trường lớp. Các cơ sở giáo dục mầm non tôn giáo không chỉ huy động trẻ là con em của giáo dân mà còn nhận trẻ em trên địa bàn và trẻ thuộc địa phương lân cận đến học¹. Trong số trường/ nhóm lớp ấy thì số lượng trường/ nhóm lớp của Phật giáo còn quá khiêm tốn so với Công giáo. Trước tình hình này, Phật giáo Việt Nam nói chung, Ni giới nói riêng cần động viên, tạo điều kiện cho chư Ni và nữ Phật tử tham gia công tác giáo dục mầm non nhằm đào tạo thế hệ tương lai, góp phần đào tạo nguồn nhân lực cho đất nước, cho sự phồn vinh xã hội. Điều quan trọng hơn là, con em gia đình Phật tử nếu theo học các trường của tôn giáo bạn thì khi trưởng thành, ít nhiều các cháu sẽ nhận đạo hoặc cải đạo, bởi các cháu được đào tạo trong môi trường đó từ bé, chắc chắn sẽ có ảnh hưởng đến nhận thức.

2. Phương hướng phát triển giáo dục mầm non ở Ni giới

Những khó khăn khi chư Ni trẻ chọn học ngành giáo dục mầm non là:

- Ngại ngại trước các môn học: đàn, hát, múa, vì Giới Luật không cho phép.

¹ “Các tôn giáo tham gia phát triển giáo dục mầm non Việt Nam” (2014), Tlđđ.

- Không có đủ học phí cho 4-5 năm, bao gồm cả thời gian thực tập.
- Tốt nghiệp không có nơi giảng dạy.
- Tự thân không đủ điều kiện mở trường lớp.
- Hiện nay, các trường đại học đều áp dụng chế độ xét tuyển đầu vào, điều kiện là bằng tốt nghiệp trung học đạt loại giỏi, nên hầu hết các em không đủ điều kiện, phải học hệ cao đẳng để liên thông lên đại học.

Năm 2015, Học viện Phật giáo Việt Nam liên kết với Khoa Giáo dục Mầm non Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh để chư Ni và nữ Phật tử theo học khoa này, đầu vào được 100 em (bao gồm tuyển thẳng), nhưng ra trường chỉ có 55 em; do nhiều lý do khác nhau mà số lượng tốt nghiệp chỉ còn lại phân nửa số lượng đầu vào. Trong số 55 em này, hiện nay chỉ có khoảng 5-6 vị đang làm công tác giáo dục mầm non tại các địa phương. Vậy số còn lại đang làm gì? Đây là một câu hỏi mà Phân ban Ni giới Trung ương cần quan tâm.

Khoa Giáo dục Mầm non của Học viện Phật giáo Việt Nam đã động viên, khích lệ Ni sinh theo học ngành này tại các trường đại học ngoài xã hội bằng việc kêu gọi các mạnh thường quân hỗ trợ 100% học phí, mỗi năm khoảng 14.000.000-15.000.000 đồng/sinh viên.

Để tạo điều kiện cho chư Ni và nữ Phật tử tham gia công tác giáo dục mầm non, xin kiến nghị một số giải pháp sau:

(1) Giáo hội Phật giáo các địa phương nên hỗ trợ, tạo điều kiện cho Ni giới mở trường mầm non.

(2) Ni giới mỗi tỉnh, thành nên chọn một địa điểm phù hợp mở trường mầm non, số lượng cơ sở càng nhiều càng tốt.

(3) Động viên chư Ni và nữ Phật tử theo học ngành giáo dục mầm non. Phân ban Ni giới tỉnh, thành nên trích quỹ để hỗ trợ học phí cho chư Ni và Phật tử theo học ngành này.

(4) Các trường, lớp giáo dục mầm non nên thu theo mức học phí mới, đáp ứng được yêu cầu và chất lượng của giáo dục, đảm bảo thời gian tồn tại lâu dài. Với hộ nghèo thì miễn giảm để con em theo học.

(5) Nên mở thêm các lớp Anh ngữ, nhạc họa... miễn phí trong cơ sở trường mầm non để thu hút trẻ đến trường.

Kết luận

Những thuận lợi, khó khăn cũng như thành tựu của Ni giới trước và sau năm 1975 đối với công tác giáo dục mầm non cho thấy, cơ sở giáo dục mầm non của Phật giáo còn quá ít, thua kém Công giáo từ số lượng cơ sở đào tạo cho đến nguồn nhân lực có chuyên môn trong lĩnh vực này. Đây là một ngành rất quan trọng nhưng trong thời gian qua không được Phật giáo nói chung, Ni giới nói riêng quan tâm đúng mức. Chính giáo dục mầm non là nền tảng học tập căn bản, có thể ảnh hưởng tới quá trình học tập suốt cuộc đời. Cấp học này đóng vai trò quan trọng, đặt nền móng cho sự hình thành và phát triển nhân cách của con người. Vấn đề này, bên tôn giáo bạn - Công giáo đã thực hiện cả thế kỷ nay. Nơi đâu có tín đồ Công giáo thì nơi đó có trường mầm non. Trong khi Phật giáo có mặt trên khắp các tỉnh thành của Việt Nam, nhưng có bao nhiêu nơi có trường mầm non/mẫu giáo? Đây là điều mà Ni giới Việt Nam cần thảo luận để có định hướng chung trong tương lai, góp phần xây dựng một xã hội tốt đẹp, giữ gìn truyền thống văn hóa dân tộc.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Thích nữ Diệu Bản (2021), *Một hướng suy nghĩ về Giáo dục Phật giáo Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
2. Phạm Lan Hương (2008), “Về giáo dục Phật giáo Việt Nam”, *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*, Số 3.
3. Nghị quyết số 90/CP ngày 21/8/1997 của Chính phủ: *Về phương hướng và chủ trương xã hội hóa các hoạt động giáo dục, y tế, văn hóa*.

4. TKN. Thích Như Nguyệt (2022), *Hành trạng chư Ni Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
5. Quyết định số 60/2011/QĐ-TTg, quy định một số chính sách phát triển giáo dục mầm non giai đoạn 2011-2015.

NI GIỚI PHẬT GIÁO TRONG VIỆC XÂY DỰNG NỀN TẢNG ĐẠO ĐỨC CHO THANH THIẾU NHI

NS. Thích nữ Chơn Toàn

Phật giáo là một trong những tôn giáo lớn trên thế giới có sức ảnh hưởng sâu sắc đến cuộc sống và tư tưởng của toàn nhân loại, giúp con người đạt được những giá trị nhân văn và đưa đến một đời sống chân thật có trí tuệ. Việc hiểu và thực hành đúng theo lời Phật dạy, xiển dương Phật pháp là trách nhiệm của Tứ chúng. Cho nên, Ni giới Phật giáo luôn mang trên mình một sứ mệnh hết sức quan trọng là nỗ lực hành pháp cho chính mình và hoằng pháp cho người, với phương châm “Phật pháp đồng hành cùng dân tộc”. Trong đó, giáo dục thanh thiếu nhi là vấn đề vô cùng thiết thực vì các em chính là hạt mầm tương lai của đất nước. Ni giới đã và đang nỗ lực để định hình và nuôi dưỡng ý thức đạo đức cho thanh thiếu nhi, giúp các em có được định hướng đúng đắn khi bước vào đời, hướng tới một đời sống lành mạnh, ý nghĩa để trở thành những hạt mầm vững chắc cho xã hội.

1. Vai trò của Ni giới Phật giáo trong việc xây dựng nền tảng đạo đức cho thanh thiếu nhi

Ni giới đóng vai trò hết sức quan trọng trong việc xiển dương Phật pháp và hoằng pháp độ sinh. Chư Ni chính là một tấm gương sáng để truyền cảm hứng cho giới trẻ noi theo, thông qua các buổi pháp thoại, khóa tu mùa hè, các buổi thiền tập.

Chư Ni cũng tập trung vào việc giúp cho giới trẻ thấm nhuần hành vi đạo đức dựa theo lời Phật dạy bằng việc thọ trì Ngũ giới, giúp các em tránh xa được sự sát sanh, trộm cắp, tà dâm, nói dối,

uống và sử dụng các chất kích thích. Đây là 5 điều giới căn bản để định hình cho các em có ý thức trách nhiệm với chính mình và người khác, sống một lối sống trung thực, lành mạnh và trí tuệ. Chư Ni bằng sự nhiệt tâm hướng dẫn và tận tình giảng dạy, với nhiều phương pháp khác nhau, giúp cho các em hiểu rõ lời dạy của Đức Phật, phát triển được chánh kiến và giới hạnh để mang lại một đời sống an lành và hướng thiện.

Nhằm mang lại những giá trị lợi ích cho thanh thiếu nhi và cho cả cộng đồng, Ni giới còn tích cực tham gia các dự án phúc lợi như dựng trường mầm non, nhà tình thương, trại trẻ mồ côi, trao học bổng cho các em có hoàn cảnh khó khăn hiếu học và những chương trình giáo dục phát triển cộng đồng khác để giải quyết các nhu cầu thiết thực cho thanh thiếu nhi, góp phần vào sự phát triển toàn diện của xã hội. Ni giới thể hiện tinh thần từ bi và trí tuệ của Phật giáo, truyền cảm hứng cho các em thực hành sự rộng lượng và tham gia phục vụ cộng đồng để phát triển ý thức trách nhiệm đối với chính mình và những người xung quanh.

Hơn nữa, chư Ni luôn luôn khích lệ, hướng dẫn và đồng hành cùng thanh thiếu nhi để các em phát triển được sự đồng cảm, lòng từ ái và bi mẫn đối với mọi loài chúng sinh, nuôi dưỡng thiện tâm và tình yêu thương đối với chính mình và người khác. Các em được khuyến khích hành động với tâm lành, sống lành mạnh, chân thực, tích cực và mang lại những giá trị lợi ích cho đất nước và xã hội.

2. Thách thức và tác động

Một trong những thách thức đáng kể mà Ni giới phải đối mặt là sự phổ biến của các giá trị vật chất và chủ nghĩa hưởng thụ trong xã hội hiện đại ngày nay. Sức hấp dẫn của nó khiến cho giới trẻ bị lạc lối, đề cao lợi ích cá nhân và ham muốn vật chất hơn là lối sống có đạo đức. Do vậy, chư Ni phải cố gắng tìm ra những phương pháp hiệu quả để truyền đạt cho các em hiểu được tầm quan trọng của các giá trị đạo đức, và làm sao để đối mặt, vượt qua những cám dỗ vật chất đó, ngộ

hầu giúp các em có được hướng đi đúng đắn và thiện lành trong cuộc sống.

Một thách thức khác là mặt trái của văn hóa và truyền thông thời hiện đại khiến cho chư Ni gặp khó khăn trong việc chống lại một số ảnh hưởng tiêu cực với giới trẻ. Hơn nữa, tốc độ phát triển nhanh chóng của công nghệ kỹ thuật số cũng đặt ra một thách thức đặc biệt cho Ni giới trong việc phổ biến giáo lý Phật giáo và thúc đẩy sự phát triển đạo đức cho thanh thiếu nhi.

Khó khăn là thế, nhưng Ni giới vẫn nỗ lực và đồng hành cùng các em trong việc xây dựng nền tảng đạo đức và định hình được nhân cách sống. Nhờ các chương trình giáo dục, khóa tu và các sáng kiến tiếp cận cộng đồng khác nhau, Ni giới mang đến những không gian cho giới trẻ khám phá tâm linh và trau dồi các giá trị đạo đức. Chính lòng từ bi, hạnh hiếu, sự chánh niệm, lòng rộng lượng và sự khoan dung là ánh sáng, là kim chỉ nam dẫn đường cho các em có một đời sống lý tưởng, an lạc và hạnh phúc ngay trong những phút giây thực tại và tương lai.

Kết luận

Ni giới phải đối mặt với một số thách thức trong sứ mệnh xây dựng nền tảng đạo đức cho giới trẻ. Tuy nhiên, sự cố gắng không ngừng nghỉ, chung tay góp sức của chư Ni đã tác động đáng kể, không chỉ giúp các em định hình được nhân cách, có một lối sống lành mạnh, trí tuệ, giàu lòng bác ái và vị tha, mà còn xây dựng một xã hội ngày càng văn minh và phát triển hơn.

XÂY DỰNG NỀN TẢNG ĐẠO ĐỨC CHO THANH THIẾU NHI: MỤC ĐÍCH CỦA CÔNG TÁC HOẰNG PHÁP Ở NI GIỚI

Lê Chí Khang

Thời đại ngày nay, khoa học - kỹ thuật, đặc biệt là công nghệ - thông tin có những bước phát triển vượt bậc, đời sống nói chung và văn hóa - giáo dục nói riêng được nâng cao. Điều đáng mừng là đa số thanh thiếu nhi có trình độ học vấn cao, hiểu biết đa dạng, phong phú... Các quan niệm phong kiến, cổ hủ bị xóa bỏ; thay vào đó, vai trò cá nhân được coi trọng, đề cao. Đây là một tiến bộ lớn, tạo cơ hội cho tuổi trẻ sáng tạo và phát triển.

Tuy nhiên, bên cạnh đó, vẫn có những mặt trái như: một bộ phận thanh thiếu nhi bị hấp dẫn bởi lối sống thực dụng, coi trọng vật chất, thích hưởng thụ; con cái không tôn trọng cha mẹ, thầy cô giáo; bạo lực học đường, phạm tội tuổi vị thành niên... Đó là những vấn đề nhức nhối, đáng báo động. Trong bối cảnh đó, nổi lên vai trò của các nhà tu hành, các trí thức Phật giáo trong việc xây dựng nền tảng đạo đức cho thanh thiếu nhi. Bài viết quan tâm đến vai trò của Ni giới Phật giáo trong việc xây dựng nền tảng đạo đức cho thanh thiếu nhi.

1. Phật giáo trong việc giáo dục tính hướng thiện và xây dựng nền tảng đạo đức cho thanh thiếu nhi

Với sự phát triển của khoa học - kỹ thuật hiện đại, đời sống vật chất được nâng cao, cùng với đó, nhu cầu tinh thần của con người cũng có nhiều thay đổi. Trong cuộc sống hằng ngày, con người gặp quá nhiều cám dỗ vật chất, đồng thời phải đối mặt với không ít hiện tượng và hành vi mà khoa học chưa thể giải thích được như những

vấn đề về số phận con người, về hạnh phúc, đau khổ, điều may rủi trong cuộc đời... Do vậy, tôn giáo nói chung, Phật giáo nói riêng vẫn còn là một nhu cầu tâm linh không thể thiếu. Đó không chỉ là một liều thuốc tinh thần giúp con người có được sự cân bằng tâm lý trong một xã hội đầy biến động mà còn là nơi để con người nương tựa.

Đạo Phật đã tạo dựng cho các tín đồ, Phật tử niềm tin vào cuộc sống, luật nhân quả, vô thường, vô ngã... Niềm tin ấy sẽ chi phối ý thức đạo đức của con người, không chỉ ảnh hưởng đến Phật tử mà còn lan tỏa, tác động đến mọi tầng lớp nhân dân trong xã hội. Nó tạo ra cho con người sức mạnh tinh thần để vượt lên trên cám dỗ vật chất và những điều trắc trở trong cuộc sống, hướng họ vào một lý tưởng sống tốt đẹp, vị tha. Nói cách khác, niềm tin mà đạo đức Phật giáo tạo dựng đã làm hình thành trong mỗi Phật tử một ý thức hướng thiện, diệt trừ các việc ác, có lối sống khiêm nhường, bao dung và yêu thương đồng loại, chúng sinh. Chính niềm tin ấy là cơ sở tạo nên tính tự giác, tự nguyện cho sự phát triển của đạo đức. Tình thương và lòng nhân ái có thể giúp con người hạn chế tính ích kỷ, từ bỏ tham, sân, si - cội rễ của những tật xấu, những mâu thuẫn, xung đột trong xã hội.

Phật giáo chủ trương khuyến khích những hành vi đạo đức trên cơ sở tình yêu thương và sự hiểu biết. Phật giáo đem lại cho con người niềm tin vào chính mình. Vậy để đạt được những thành quả tốt đẹp, con người phải sống tốt, sống lương thiện, tránh xa và bài trừ cái xấu, cái ác. Chúng ta thường nghe dân gian truyền miệng các câu tục ngữ như “Ở hiền gặp lành”, “Gieo nhân hái quả”. Những triết lý đó đã ngấm vào tâm thức người Việt một cách tự nhiên đến nỗi đôi khi người ta nghĩ đến nó hoặc làm theo nó mà không nhận ra rằng đó là triết lý nhà Phật. Qua đó có thể thấy, Phật giáo đã đúc rút ra nhiều triết lý trong giáo dục đạo đức con người ở mọi lúc, mọi nơi, và trong nhiều hoàn cảnh khác nhau.

Sự phát triển của các phương tiện truyền thông đại chúng hiện đại, một mặt giúp con người mở rộng khả năng nhận thức thế giới và tạo cơ hội giao tiếp, hợp tác với nhau...; mặt khác, làm cho tình

cảm, sự hiểu biết và mối quan hệ giữa cá nhân với cộng đồng trở nên lỏng lẻo hơn. Khi mối quan hệ này suy yếu, trong con người dễ nảy sinh tâm lý cô đơn, dần dần thờ ơ, dửng dưng trước nỗi đau khổ hay hạnh phúc của người khác. Chủ nghĩa cá nhân, lối sống thực dụng đang làm tha hóa một bộ phận người dân, đặc biệt là giới trẻ. Với tầng lớp thanh thiếu niên hiện nay, trào lưu dân chủ hóa, làn sóng công nghệ thông tin và việc nâng cao dân trí đã làm ý thức về cái tôi cá nhân được nhân lên, đặc biệt với những người có học vấn. Họ có thiên hướng đề cao bản thân và muốn thể hiện vai trò của cá nhân. Bên cạnh đó, còn xuất hiện thái độ đòi hỏi về lợi ích hơn là sự hy sinh, ước muốn được hưởng thụ cao hơn sự đóng góp, ít chú ý đến nghĩa vụ và trách nhiệm công dân, ít quan tâm đến người khác và cộng đồng.

Trong thời đại mới, phát huy tinh thần nhập thế, tư tưởng từ bi, bác ái của nhà Phật có điều kiện đi sâu vào cuộc sống thực tiễn bằng những hoạt động rất cụ thể. Điển hình ở thành phố Cần Thơ, Thiền viện Trúc Lâm Phương Nam và chùa Phước An đều có phòng thuốc Đông y - Nam y từ thiện phát thuốc, chữa bệnh miễn phí. Các hoạt động cứu trợ đồng bào bị thiên tai, lũ lụt, xây dựng nhà tình thương, xóa đói giảm nghèo... diễn ra thường xuyên trong những năm qua và có ý nghĩa sâu sắc, xuất phát từ tư tưởng từ bi, cứu khổ - ban vui của đạo Phật. Những hành vi ấy không chỉ nêu gương tốt cho Tăng Ni, Phật tử mà còn có sức cảm hóa đối với những người ngoài đạo.

Ngoài ra, với những giá trị nhân bản sâu sắc, Phật giáo cũng góp phần xoa dịu những mâu thuẫn trong xã hội, hoan nghênh mọi phong trào hòa bình và động viên Phật tử tích cực tham gia các phong trào đó. Đức Phật cho rằng: “chiến tranh tuy có chính - tà, thắng - bại, nhưng bất luận dưới hình thức nào nó cũng mang lại sự hủy diệt chúng sinh, dẫn đến những đau khổ, hoạn nạn cho con người. Vì vậy, muốn nhân loại an bình, phải chống lại và đi đến loại trừ chiến tranh”. Trong thời đại ngày nay, khi con người phải đối mặt với nguy cơ khủng bố, mâu thuẫn rồi chiến tranh sắc tộc, tôn giáo,

chiến tranh hủy diệt... thì những triết lý này của Phật giáo càng có ý nghĩa to lớn.

Không những thế, với tinh thần tôn trọng sự sống, Phật giáo cũng kêu gọi con người sống hài hòa và bảo vệ sự sống của hết thảy chúng sinh. Muốn chấm dứt đau khổ, con người phải sống đúng theo Chánh pháp, tức là sống theo quy luật tự nhiên hay luật nhân duyên sinh khởi. Theo quy luật này, con người, loài vật, cỏ cây cùng tồn tại trong mối liên hệ, phụ thuộc lẫn nhau. Thiên nhiên cung cấp môi trường sống cho loài người và động vật. Ngược lại, loài người phải có ý thức bảo vệ thiên nhiên để giữ môi trường trong sạch và cân bằng sinh thái. Đức Phật đã từng dạy: “cây xanh cho chúng ta bóng mát trong lành, giúp chúng ta có nơi ngủ nghỉ qua đêm hay ngồi thiền định. Chặt cành hay bẻ lá của cây đều là hành vi phi đạo đức”. Đức Phật cũng từng dạy Tăng đoàn tìm chỗ an cư thích hợp vào mùa mưa để tránh việc đi ra đường giẫm đạp lên cỏ non và giết hại côn trùng. Điều này cho thấy thái độ tôn trọng sự sống muôn loài của Đức Phật.

Ngày nay, Phật giáo không ngừng góp phần tuyên truyền và giáo dục Phật tử - nhân dân nêu cao ý thức bảo vệ môi trường bằng việc thực hiện nghiêm Giới Luật, trồng cây xanh, tổ chức các buổi lễ phóng sinh... Những hoạt động trên không chỉ thể hiện đạo đức tôn giáo, đạo đức môi trường mà còn mang ý nghĩa đạo đức xã hội sâu sắc.

Sự ảnh hưởng của đạo đức Phật giáo không chỉ dừng lại ở giáo lý, kinh kệ mà đã góp phần hình thành phong tục, nếp sống của các gia đình Phật tử. Với tư tưởng hướng thiện, đạo đức Phật giáo đã có nhiều ảnh hưởng tích cực trong xây dựng và giáo dục đạo đức cho con người Việt Nam và tầng lớp học sinh, sinh viên, thanh thiếu nhi hiện nay.

Hiện nay, ở nhiều nơi, đặc biệt ở các thành phố lớn, trong các lễ, tết của Phật giáo, người dân đến chùa rất đông. Những người đến chùa thuộc đủ mọi tầng lớp, mọi lứa tuổi, không chỉ các cụ già mà còn có đông đảo thanh thiếu niên, sinh viên, trí thức, những người

buôn bán, cán bộ, công nhân, viên chức... Đa số người dân hiện nay đều ít nhiều chịu ảnh hưởng của tư tưởng Phật giáo. Dù mức độ tác động của giáo lý Phật giáo đối với xã hội rất khác nhau, vừa tích cực, vừa tiêu cực, nhưng rõ ràng thông qua việc lễ bái, sinh hoạt tôn giáo, người ta muốn phán xét lại bản thân theo các chuẩn mực của đạo đức Phật giáo. Đây chính là dịp để con người định tâm, nhìn lại chính mình, chấn chỉnh, hoàn thiện bản thân sau những lo toan, tính toán đời thường. Đồng thời, cũng không thể phủ nhận hằng năm, các lễ hội Phật giáo thu hút không chỉ Phật tử mà cả những người thuộc tôn giáo bạn. Những lý tưởng cao đẹp của nhà Phật, triết lý sống giản dị, có đạo đức của đạo Phật đã và đang hấp dẫn, tạo được lòng tin cho đa số thanh thiếu nhi hiện nay.

2. Vai trò của Ni giới trong việc hoằng pháp cho giới trẻ hiện nay

Hoằng pháp là một trong những trách nhiệm quan trọng của người đệ tử Phật nhằm đem ánh sáng Phật pháp tới muôn nơi và đến với nhiều người. Chính vì thế, chư Tổ đã dạy rằng “hoằng pháp vi gia vụ, lợi sanh vi sự nghiệp”, nghĩa là phải coi việc hoằng pháp lợi sanh như là sự nghiệp, là điều mà người con Phật luôn canh cánh bên lòng. Hiện nay Phật giáo Việt Nam đang đẩy mạnh công tác hoằng pháp, coi đó là chiến lược quan trọng để phát triển Phật giáo nước nhà, trong đó, vai trò của Tăng - Ni với việc hoằng pháp cũng được nêu cao, đặc biệt là đối với các bạn trẻ, thế hệ học sinh, sinh viên, thanh thiếu nhi hiện nay.

Bên cạnh đó, ai trong chúng ta cũng biết rằng: “Hiền tài là nguyên khí của quốc gia, Tăng tài là pháp khí của thiền gia”. Thế nên, trong việc giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng, hướng dẫn thanh thiếu nhi - những người chủ tương lai của dân tộc, những mầm non của đạo pháp, phải có kế hoạch như thế nào?

Mặc dù trong những năm qua, Ban Hoằng pháp của Giáo hội đã có những thành quả nhất định trong việc hoằng pháp “chuyển mê khai ngộ”; tuy nhiên, phần lớn chúng ta chỉ quan tâm đến bộ phận người cao tuổi, còn lớp trẻ mặc dù đã có những trại huấn luyện, trại

hè, những khóa tu mùa hè, một ngày tu học, một tuần tập tu, khóa tu thiền, khóa niệm Phật... nhưng đa phần thanh thiếu nhi vẫn chưa được tiếp cận với Phật pháp. Thực tế này xuất phát từ nhiều yếu tố khách quan trong cuộc sống hiện thực. Điển hình trong đó phải kể đến cha mẹ chưa nhận thức đúng đắn về việc hướng dẫn con cái về với đạo pháp, chưa thật sự quan tâm giáo dục, dúi dắt con trẻ đi chùa, lễ Phật, tìm hiểu giáo lý Phật Đà.

Hơn nữa, nội dung hoằng pháp cũng chưa thật sự hấp dẫn đối với thế hệ trẻ, chưa đáp ứng nhu cầu tâm sinh lý của thanh thiếu nhi hiện nay... Những vấn đề ứng dụng Phật pháp trong đời sống hằng ngày như: dạy cách đối nhân xử thế, dạy cho các bạn trẻ về mối quan hệ trong tình bạn, tình yêu, quan hệ giữa các thành viên trong gia đình, quan hệ nơi công sở, đồng nghiệp, bạn bè, chia sẻ những lý tưởng sống, kỹ năng sống... còn nhiều điều đòi hỏi chúng ta cần quan tâm hơn nữa. Nhìn chung, Ban Hoằng pháp nên có kế hoạch dài hơn về nội dung cũng như chương trình và thường xuyên giáo dục thế hệ trẻ, bởi ông bà ta hay dạy rằng: “mưa dầm thì thấm lâu”.

Tam tạng kinh có câu: “nhân chi sơ, tánh bốn thiện”. Bốn tính ban đầu của con người là thiện. Những đứa trẻ mới sinh ra như tờ giấy trắng. Một đứa trẻ ngoan, ngoài việc sống trong môi trường thiện lành thì yếu tố cần thiết vẫn là được giáo dục, uốn nắn ngay từ nhỏ. Nếu giới trẻ được thường xuyên học tập Phật pháp, được tiếp xúc nhiều với đạo pháp thì sẽ xây dựng được một thế hệ thanh thiếu nhi sống có đạo đức, có ích cho xã hội mai sau.

Trong những năm qua, nhằm tạo sân chơi lành mạnh và bổ ích cho thế hệ thanh thiếu nhi, các chùa trong địa bàn thành phố Cần Thơ nói chung và chư Ni nói riêng đã không ngừng tổ chức các khóa tu mùa hè, trong đó có các chương trình vui chơi lành mạnh, góp phần tạo điều kiện cho các bạn trẻ, thế hệ thanh thiếu nhi có cơ hội đến chùa để học và tìm hiểu những lời dạy minh triết của Đức Phật. Đó là những việc làm vô cùng ý nghĩa, tạo được hiệu ứng cho các bạn trẻ, thế hệ thanh thiếu nhi đến gần với đạo Phật hơn.

Ngoài ra, các chùa cần tổ chức sinh hoạt gia đình Phật tử, sinh hoạt văn nghệ, tổ chức ngày tu hướng về Phật pháp, tổ chức các khóa thiền, khóa xuất gia gieo duyên, tổ chức trao học bổng cho các em học sinh, sinh viên nghèo hiếu học, tổ chức đêm Trung thu... thiết lập nhiều sân chơi bổ ích, lành mạnh, thu hút giới trẻ. Có như thế mới từng bước đưa thanh thiếu nhi trở về với bản tính lương thiện vốn có, góp phần xây dựng một nền tảng đạo đức cho thế hệ học sinh, sinh viên, thanh thiếu nhi hiện nay.

Kết luận

Có thể nói, tâm linh luôn là điểm tựa quan trọng và vững chãi nhất cho bất kỳ ai hướng đến đời sống cao thượng, lương thiện. Bởi lẽ, cuộc sống của mỗi người luôn là những thăng trầm được - mất, hơn - thua, thành - bại, có - không. Nếu không biết áp dụng những lời dạy minh triết của Đức Phật vào cuộc sống hằng ngày thì chúng ta cứ mãi dao động, xuống dốc theo chuỗi thăng trầm của cuộc sống. Khi gặp cảnh thích ý vừa lòng thì hân hoan, vui sướng, nhưng khi đối diện với những trái ý, nghịch lòng thì lại chán nản, thất vọng. Đó là lẽ thường tình của thế gian. Chúng ta không thể can thiệp vào sự vận hành của các pháp. Điều chúng ta có thể làm là nhìn rõ giá trị nhân quả để bỏ việc ác - siêng làm việc lành. Chính vì lẽ đó, chúng ta có thể hiểu rằng, người biết tin nhân quả sẽ thận trọng hơn trong từng lời nói, suy nghĩ, hành động của mình. Từ đó có thể khéo léo phân biệt, chọn lựa những việc làm đúng nhân quả, đạo đức của con người, luôn chánh kiến trong từng suy nghĩ và hành động.

Có thể nói, từ thời xa xưa, đạo Phật với nhiều điểm tiến bộ, tích cực đã trở thành nền tảng đạo đức của nhiều quốc gia. Ngày nay, trong hoàn cảnh lịch sử đã thay đổi, Phật giáo cũng có nhiều nét phát triển hơn so với ngày xưa. Nhưng nhiều yếu tố tích cực của nó, nhất là vấn đề đạo đức, vẫn giữ nguyên giá trị trong việc hướng dẫn con người hướng thiện, thúc đẩy con người phấn đấu, phát triển theo những giá trị cao đẹp. Chính vì thế, việc xây dựng nền tảng đạo đức đối với thanh thiếu nhi là vấn đề thiết yếu hiện nay. Trong những

năm qua, Phật giáo nói chung và chư Ni nói riêng đã và đang làm tốt vai trò của một vị “sứ giả Như Lai”, góp phần đem Chánh pháp của Đức Phật đến gần với nhiều người hơn, nhất là đối với thế hệ học sinh, sinh viên, thanh thiếu nhi hiện nay, nhằm phát huy tinh thần mà Đức Phật đã dạy: “phụng sự chúng sanh là thiết thực cúng dường chư Phật”, góp phần nuôi dưỡng, rèn luyện, hướng thiện cho thế hệ thanh thiếu nhi có nền tảng đạo đức tốt, sống có ích cho xã hội.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trần Văn Giàu (1993), *Đạo đức Phật giáo trong thời hiện đại*, Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.
2. Nguyễn Hùng Hậu (2002), *Đại cương Triết học Phật giáo Việt Nam*, tập 1, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
3. Nguyễn Lang (2008), *Việt Nam Phật giáo sử luận*, Nxb. Văn học, Hà Nội.
4. Nguyễn Thế Nghĩ, Doãn Chính (2002), *Lịch sử triết học*, tập I, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

NI GIỚI TRONG CÔNG TÁC TỪ THIỆN XÃ HỘI DỰA TRÊN NỀN TẢNG HOÀNG PHÁP

Phân ban Ni giới tỉnh Bình Dương

Đức Phật luôn lấy con người làm trung tâm mà việc cho người nữ xuất gia là một minh chứng. Phương hướng hoạt động của Giáo hội Phật giáo Việt Nam kể từ khi thành lập (năm 1981) - “Phục vụ chúng sanh là cội nguồn chư Phật”, đến nay vẫn còn nguyên giá trị. Ni giới Việt Nam đã tiếp bước tiền nhân trong sự nghiệp hoàng pháp, xem công tác từ thiện xã hội là phương tiện quyền xảo để đưa đạo vào đời, như Hòa thượng Trạng Sư viết: “Đạo giả cổ kim chính quyền. Thiện hoàng đạo giả yếu tại biến thông. Bất tri biến giả câu văn, chấp giáo, trệ tướng, thế tình, thử giai bất đạt quyền biến cố...” (Đạo là chính và quyền của xưa và nay. Người khéo hoàng đạo, cần ở chỗ biến thông. Người chẳng biết biến thông, cứ câu nệ vào văn, chấp vào giáo, trệ ở tướng, khốn ở tình, thì đó là người không đạt được quyền biến)¹. Trong thời đại kỹ thuật số, Ni giới đã thích ứng và hội nhập, tạo nên giá trị mới trong công tác hoàng pháp và từ thiện xã hội. Bài viết làm rõ vị trí, đóng góp của Ni giới trong công tác trên, những ưu khuyết điểm và một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả của hoạt động.

¹ HT. Thích Thanh Kiểm (Dịch, 2001), *Thiền lâm bảo huấn*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr.150-151.

1. Nhìn lại lịch sử công tác hoằng pháp của Ni giới dựa trên nền tảng từ thiện xã hội

Quay ngược thời gian, cách đây hơn 2.600 năm, Vương phi Ma-ha-ba-xà-ba-đề và 500 người nữ trong hoàng tộc đã vượt một quãng đường dài 150 dặm (khoảng 250km) từ Ca-tỳ-la-vệ đến Tỳ-xá-ly để xin Đức Phật cho xuất gia. Chính Vương phi Ma-ha-ba-xà-ba-đề là người đại diện cho nữ giới chứng minh năng lực, những đức tính cao đẹp của người nữ - “đức tính kham nhẫn, đức tính dấn thân, đức tính kỷ luật”. Đức Phật đã chấp thuận lời cầu xin đó sau ba lần khai bạch của Tôn giả A-nan. Ni giới hôm nay và mãi mãi về sau, luôn tri ân Đức Thế Tôn, Tôn giả A-nan và Thánh Tổ Ni Đại Ái Đạo.

Kể từ thời kỳ chấn hưng Phật giáo vào thập niên 20, 30 của thế kỷ trước, dựa trên tinh thần: “Phẩm hạnh cao quý của Tăng già là do công phu tu dưỡng gồm đủ sự lý. Đối với tất cả chúng sanh, tìm đủ các phương tiện làm lợi ích cho mọi người, “như khát thì cho uống nước, đói cho cơm ăn, bệnh cho thuốc uống, lạnh cho áo mặc, gặp sợ sệt giúp đỡ, an ủi hết sợ sệt, thiếu trí tuệ giúp đỡ mong cho tâm trí trở nên sáng suốt”¹, ngay từ rất sớm, Ni giới Việt Nam đã có đóng góp tích cực trên nhiều phương diện phát triển của Giáo hội. Mục đích là kế thừa phẩm hạnh của Thánh Tổ Ni Đại Ái Đạo, phát huy vai trò tích cực trong đời sống và trong các hoạt động của Giáo hội, nhất là công tác hoằng pháp và từ thiện xã hội.

Hoạt động của Ni giới đã được các cấp Giáo hội Phật giáo Việt Nam và xã hội ghi nhận. Từ đó có thể thấy rằng, Ni giới Việt Nam đã vận dụng lời Đức Phật dạy trong *Kinh Pháp Hoa*, lục độ, tứ nhiếp pháp vào các hoạt động Phật sự của mình.

Tinh thần hoằng pháp, theo *Kinh Diệu Pháp Liên Hoa*, phẩm Pháp sư thứ 10: “... Người thiện nam, thiện nữ đó phải vào nhà Như Lai, mặc y Như Lai, ngồi tòa Như Lai... Nhà Như Lai chính là tâm từ bi lớn đối với chúng sinh; y Như Lai chính là lòng nhu hòa, nhẫn nhục;

¹ Sư trưởng Như Thanh (1972), *Giới đức kiêm ưu*, Tư liệu lưu trữ tại Tổ đình Huệ Lâm, tr.13.

tòa Như Lai chính là nhất thiết pháp không”¹. Như vậy, vào nhà Như Lai - “tâm từ bi lớn đối với chúng sinh”, tức là người làm công tác hoằng pháp phải kết hợp với công tác từ thiện xã hội gồm ba yếu tố: chúng sinh duyên từ, pháp giới duyên từ và vô duyên từ. Nói rộng ra, công tác từ thiện xã hội có nghĩa là bố thí ba-la-mật² và bố thí theo tứ nhiếp pháp³.

Từ ý nghĩa đó, hoằng pháp - từ thiện xã hội là một trong những lĩnh vực trọng điểm làm rạng ngời đạo pháp - dân tộc của Giáo hội nói chung, Ni giới nói riêng, giúp người dân tạm thời bớt cái khổ của vật chất, và quan trọng hơn hết là bớt điều khổ tâm dựa trên giáo lý Phật dạy thông qua đời sống hằng ngày.

2. Những đóng góp của Ni giới trong công tác hoằng pháp và công tác từ thiện xã hội

Đẩy mạnh sự nghiệp hoằng dương Chánh pháp vào mọi mặt của đời sống xã hội, Ni trưởng Thích nữ Tịnh Nguyên⁴ nhấn mạnh: “Ni giới Việt Nam hình thành và phát triển trong lòng Giáo hội Phật giáo Việt Nam, vốn được thừa hưởng một truyền thống cao đẹp của những bậc tiền bối. Trong mọi hoàn cảnh của đất nước và dân tộc, Ni giới luôn tận tâm, tận lực chung tay góp sức xây dựng và phát huy sự nghiệp chung của Phật giáo Việt Nam”. Với ý nghĩa và mục đích trên cùng những việc làm của mình, Ni giới đã tạo nên một vị trí nhất định, có những đóng góp rất đáng trân trọng.

Trong nhiệm kỳ VIII, Ni giới Việt Nam đã thành tựu nhiều Phật sự, mặc dù đây là một giai đoạn có quá nhiều khó khăn và thử thách bởi dịch bệnh Covid-19. Sự biến động chung về kinh tế trên phạm vi toàn thế giới làm ảnh hưởng sâu sắc đến đời sống nhân dân Việt Nam. Trong giai đoạn này, chư Ni trên cả nước vẫn chuyên tâm tu

¹ HT. Thích Trí Tịnh (Dịch, 2019), *Kinh Diệu Pháp Liên Hoa*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr.303.

² Lục ba-la-mật: Bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí huệ.

³ Tứ nhiếp pháp: Bố thí, ái ngữ, lợi hành, đồng sự.

⁴ Chứng minh Phân ban Ni giới Trung ương.

tập và phụng sự chúng sinh với những thành tựu thật đáng khích lệ, đặc biệt trong công tác từ thiện xã hội. Ni giới cũng đã đẩy mạnh hoạt động hoằng pháp thông qua không gian mạng để giúp mọi người kết nối online, nghe Phật pháp và duy trì việc tu tập. Phân ban Ni giới Trung ương và Phân ban Ni giới 32 tỉnh thành đã triển khai các chuyến từ thiện xã hội tại địa phương và các tỉnh vùng sâu, vùng xa, với tổng giá trị từ thiện 5 năm đạt con số ấn tượng: hơn 2.330 tỷ đồng¹.

Đặc biệt, năm 2021, khi dịch Covid-19 bùng phát trên cả nước và Thành phố Hồ Chí Minh, Phân ban Ni giới Trung ương đã kêu gọi chư Ni cùng Phật tử các tự viện Ni tham gia ủng hộ 100 tỷ đồng cho Quỹ vaccine phòng Covid-19; tặng máy thở, bình oxy, xe cấp cứu, thuốc hỗ trợ điều trị Covid-19, khẩu trang, đồ bảo hộ, găng tay, nước sát khuẩn, lương thực, thực phẩm để hỗ trợ công tác phòng, chống dịch bệnh.

Ngày 25-26/10/2023, tại Hà Nội, Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Lưu Quang đã gặp mặt, biểu dương ghi nhận, đánh giá cao những đóng góp to lớn, tích cực của Phân ban Ni giới Trung ương. Thiếu tướng Lê Văn Tuyền - Thứ trưởng Bộ Công an chủ trì buổi tiếp Đoàn đại biểu Ni giới Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Tại buổi tiếp, Lãnh đạo Đảng, Nhà nước nêu rõ: “Đối với Ni giới, chúng tôi vui mừng được biết, thời gian qua đã có nhiều đóng góp quan trọng trong thành công của 3 kỳ Đại lễ Vesak Liên hợp quốc tại Việt Nam, Hội nghị Nữ giới Phật giáo thế giới năm 2010 và nhiều hội nghị, hội thảo quốc tế; đặc biệt công tác an sinh xã hội, xóa đói giảm nghèo, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, công tác từ thiện xã hội. Phân ban Ni giới Trung ương đã thực hiện các hoạt động nuôi dưỡng người già, trẻ mồ côi, nấu cơm từ thiện cho các bệnh viện; tặng quà cho đồng bào tại vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn, hỗ trợ các hoạt động cứu trợ, thiên tai, dịch bệnh... với số tiền vận động gần 8.000 tỷ đồng. Đây

¹ “Báo cáo tổng kết Phật sự nhiệm kỳ VIII của Phân ban Ni giới Trung ương”, <https://chutichghpgvn.vn/phan-ban-ni-gioi-trung-uong-don-nhan-quyet-dinh-chuan-y-nhan-su-nhiem-ky-ix-2022-2027/>

là minh chứng sinh động cho những nỗ lực, cố gắng của Phân ban Ni giới nói chung, từng cá nhân mỗi Ni giới nói riêng đã đóng góp cho các hoạt động an sinh xã hội”.

Ni giới Việt Nam đã nhận Giải thưởng Nữ giới kiệt xuất Phật giáo quốc tế năm 2017 tại Thái Lan, Giải thưởng của Hội Quan hệ văn hóa Chính phủ Ấn Độ do Đại sứ quán Ấn Độ tại Hà Nội trao tặng năm 2023, đăng cai tổ chức Hội nghị Nữ giới Phật giáo thế giới Sakyadhita lần thứ 11 (năm 2009) tại Việt Nam. Ni giới Việt Nam cũng được mời tham dự Hội nghị Sakyadhita quốc tế, điển hình như Hội nghị Sakyadhita lần thứ 18 tại Seoul, Hàn Quốc tháng 6/2023, để lại nhiều dấu ấn tốt đẹp với bạn bè thế giới và khu vực về hình ảnh người con gái họ Thích mang tên gọi Ni giới Việt Nam.

3. Đánh giá thực trạng công tác từ thiện xã hội dựa trên nền tảng hoằng pháp của Ni giới Việt Nam

3.1. Về ưu điểm

Hiện cả nước có gần 7.000 ngôi tự viện Ni và hơn 25.000 chư Ni. Số lượng chư Ni ở Việt Nam vẫn tiếp tục phát triển, chiếm tỉ lệ khoảng hơn 50% trên tổng số hơn 50.000 Tăng Ni cả nước¹. Trong số đó, có nhiều vị tốt nghiệp học vị cử nhân, thạc sĩ, tiến sĩ, giữ những trọng trách quan trọng, đóng góp vào thành công của Giáo hội.

Với ý chí mạnh mẽ, cương quyết và tự tin, Ni giới có thể chia sẻ gánh nặng với đại Tăng trong việc nâng đỡ, dìu dắt chư Ni, cũng như đào tạo Ni tài để duy trì sự đoàn kết hòa hợp trong ngôi nhà chung Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

Phụ nữ Việt từng được Chủ tịch Hồ Chí Minh tặng tám chữ vàng: “Kiên cường - Bất khuất - Trung hậu - Đảm đang”. Khi trở thành Ni giới, họ có thể giúp mọi người dễ tiếp cận Phật pháp và cảm hóa chúng sinh. Chính những ưu điểm này đã giúp cho các hoạt động

¹ “Ni giới Giáo hội Phật giáo Việt Nam thực hiện tốt đời, đẹp đạo” (2023), <https://dangcongsan.vn/tu-tuong-van-hoa/ni-gioi-giao-hoi-phat-giao-viet-nam-thuc-hien-tot-doi-dep-dao-650350.html>.

thiện nguyện của họ đạt hiệu quả cao, nhất là trong việc chăm sóc, giáo dục trẻ em và cứu mang, phụng dưỡng người già:

Như tấm lòng người mẹ

Đôi với con của mình

Trọn đời lo che chở

Con độc nhất mình sanh¹.

Từ đó, đã có sự kết nối giữa giáo lý vô ngã - vị tha của Phật giáo với các hoạt động thiện nguyện, vì chúng sinh, cứu mang những mảnh đời bất hạnh bằng tất cả tấm lòng ưu đời mãn thế.

3.2. Về nhược điểm

Khi đi vào thực tiễn, hoạt động hoằng pháp và từ thiện xã hội thường chưa có sự liên kết, phối hợp nhuần nhuyễn. Cần nhớ rằng, những người gặp khó khăn trong cuộc sống thường rơi vào trạng thái: “Bần khổ đa oán/ Hoạnh kết ác duyên”² (đại ý: người nghèo khổ thường hay oán hờn nên dễ kết ác duyên). Do đó, người làm công tác hoằng pháp phải lưu ý đặc điểm này. Lúc khó khăn, người ta khó có thể toàn tâm ngời nghe giáo lý cao siêu. Khi ấy, thứ họ cần là những lời ái ngữ để động viên, an ủi. Chỉ khi tâm đã an thì họ mới cảm nhận được giáo lý, hướng đến sự an lạc, hạnh phúc. Do vậy, hoằng pháp cần thiết thực, đi sâu vào thiện sự đang làm và giáo lý thực tiễn. Nếu vận dụng lời dạy của Thế Tôn không đúng hoàn cảnh, sẽ vô tình tạo nên sự cách biệt giữa hoằng pháp và từ thiện xã hội.

Một điểm nữa là, Ni giới đã và đang làm rất tốt công tác từ thiện xã hội, nhưng công tác hoằng pháp lại chưa được chú trọng. Vậy là mới chỉ quan tâm đến việc cứu khổ, mà quên đi sự ban vui. Điều này cần phải được khắc phục.

¹ Thích Minh Châu (2001), *Chánh pháp và hạnh phúc, đạo Phật với nếp sống thiên nhiên*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr.168.

² HT. Thích Thanh Từ, *Kinh Bát Đại nơn giác giảng giải*, tuvienhoasen.org.

4. Một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác từ thiện xã hội dựa trên nền tảng hoằng pháp

Cố Sư trưởng Như Thanh là người tiên phong trong sự nghiệp hoằng pháp và từ thiện của Ni giới Việt Nam... Nhờ uy lực và khả năng vận dụng tứ tất đàn¹, ứng dụng trong cuộc sống của Sư trưởng, Ni giới đã có thể tham gia đầy đủ, chung sức chung lòng với đại Tăng trong sự nghiệp hoằng pháp mấy thập niên qua. Để công tác này ngày càng vững mạnh, chúng ta cần chú trọng một số vấn đề sau:

Vâng giữ Bát Kinh Pháp, xóa tan định kiến về người nữ

Bát Kinh Pháp là một trong những lộ trình vượt qua bực lưu². Chính nhờ tuân hành Bát Kinh Pháp mà Ni đoàn được hình thành và tồn tại cho đến ngày nay. Để duy trì Chánh pháp, giữ gìn sự thánh thiện của Giáo hội hiện tại và tương lai, bên cạnh Bát Kinh Pháp, Ni giới cần vâng giữ Bảy pháp bất thối³. Cần nhớ rằng, đã vào nhà Như Lai rồi, phải mặc y Như Lai, ngồi tòa Như Lai, tức là phải thật học, thật tu, như Hòa thượng Đại Giác viết: “Phù vị nhất phương chủ giả, dục hành sở đắc chi đạo nhi lợi ư nhân. Tiên tu khắc kỷ, huệ vật, hạ tâm ư nhất thiết...” (Người làm chủ ở một phương, muốn thực hành cái chỗ sở đắc để lợi người, thời trước hết phải nên khắc kỷ, khoan dung với người, để tâm hết thảy...)”. Đây chính là thước đo đạo phong, đạo lực, đạo hạnh.

Kết hợp giữa hoạt động từ thiện xã hội và hoằng pháp

Từ thiện xã hội là một trong những pháp cứu khổ ban vui của hàng Bồ-tát. Ni giới cần thể hiện phương tiện thiện xảo trong công tác thiện nguyện, vận dụng sáng tạo, linh hoạt, đem ánh sáng Phật pháp

¹ Tứ tất đàn gồm: Thế giới tất đàn; Vị nhân tất đàn; Đối trị tất đàn; Đệ nhất nghĩa tất đàn (phatgiaio.org.vn).

² HT. Thích Minh Châu (1999), *Đại tạng kinh Việt Nam*, Kinh Tương Ưng Bộ 1 - Kinh Bộc Lưu, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, Thành phố Hồ Chí Minh.

³ Luật viện chùa Huệ Nghiêm, Hòa thượng Thích Đồng Minh (2014), *Yết ma yếu chỉ*, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội, tr.11.

⁴ HT. Thích Thanh Kiểm (Dịch, 2001), *Thiền lâm bảo huấn*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr.42.

đến với mọi người qua thân giáo, khẩu giáo và ý giáo. Có khi chỉ khuyên một câu niệm Phật, một lời hỏi thăm, một lời khuyên nên làm lành, lánh dữ; có khi là những món quà đạo lý nho nhỏ được gửi kèm những món quà từ thiện như sách kinh, tranh, truyện Phật giáo; có khi tập hợp các đối tượng từ thiện thành một hội chúng rồi thuyết giảng Phật pháp. Nhìn chung, cố gắng tận dụng mọi cơ hội từ thiện để đem Phật pháp đến với người hữu duyên.

Gieo mầm Phật pháp trong lòng người khi làm từ thiện

Hoạt động từ thiện của Ni giới còn biểu hiện qua công tác trồng người. Một số chùa Ni đã có trường mầm non và cấp I dành cho con em Phật tử và trẻ em nghèo, như Trường Mầm non Hòa Mi 1 chùa Giác Tâm (quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh), Trường cấp 1, cấp 2 chùa Sùng Đức (quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh), Trường Mầm non và cấp I Tuệ Uyển (Đồng Nai), Trường Mầm non Từ thiện Tịnh Nghiêm (Tiền Giang) và một số chùa kết hợp giáo dục với từ thiện như Trường Nuôi dạy trẻ mồ côi Pháp Võ (huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh), Trường Mồ côi Diệu Giác (quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh), Trung tâm Nuôi dạy trẻ mồ côi Ưu Đàm ở chùa Đức Sơn (Huế), Trung tâm Nuôi dưỡng trẻ mồ côi và người già cô đơn Bồ Đề ở chùa Bồ Đề Đạo Tràng (Bình Dương). Mục đích là nhằm chia sẻ gánh nặng xã hội, giúp cho giới trẻ được ươm mầm và nuôi dưỡng lối sống đạo đức, biết giúp đỡ yêu thương. Những hoạt động ấy tưởng chừng đơn giản và dễ dàng, nhưng nếu không có tâm nguyện từ bi thì khó mà thực hiện được. Đó cũng chính là con đường hoằng pháp của chư Ni.

Nâng cao đào tạo Ni tài

Dù đời hay đạo, giáo dục vẫn là sự nghiệp căn bản và thiết yếu trong vấn đề đào tạo con người, là nền móng vững chắc xây dựng xã hội - đạo pháp tốt đẹp mai sau. Để công tác từ thiện và hoằng pháp được bài bản, có nền móng vững chắc, điều cốt yếu là phải có nguồn nhân lực tài giỏi, xuất chúng. Hiện nay, tại các Học viện Phật giáo đã có chuyên ngành Công tác xã hội (ra đời năm 2012), chuyên

ngành Hoằng pháp,... phù hợp với nhu cầu nâng cao trình độ và khả năng quản lý, xử lý tình huống khi ra hành đạo. Lớp Cao - Trung Giảng sư cũng được thành lập với mục đích đào tạo ra những vị giảng sư vừa có nền kiến thức Phật học, vừa có khả năng đáp ứng nhu cầu tín ngưỡng, tôn giáo... Tin tưởng rằng sắp tới, Lãnh đạo Ni giới sẽ có chiến lược và tiếp tục quan tâm hơn nữa đến việc nâng cao trình độ học vấn của đàn hậu học, tránh lãng phí nguồn nhân lực tiềm năng này.

Cho cần câu thay vì cho con cá

Nhận định rõ ràng, chú trọng thực tiễn, không câu nệ hình thức,... là những đức tính đặc biệt cần lưu tâm. Làm công tác từ thiện chính là giúp cái họ cần chứ không phải cho cái chúng ta có. Cần đồng thời mở trường lớp, dạy nghề cho họ, đó chính là cho họ cái cần câu thay vì cứ mãi cho con cá. Đây là một phương pháp mang tính lâu dài và có kết quả thiết thực.

Tạo một trang mạng điện tử cho Ni giới kết nối với nhau

Trong thời đại kết nối toàn cầu, các tự viện Ni cần liên kết với nhau thông qua mạng xã hội. Bởi lẽ, đây là thắng duyên để chư Ni trẻ có nhiệt huyết dẫn thân sẽ cùng tương thân, tương trợ, chia sẻ hoạt động Phật sự giữa các Tự viện, chia sẻ bài pháp hay lời Phật dạy. Trước mắt, mạng lưới này sẽ là phương tiện hữu ích để chư Ni cùng chung lo Phật sự. Nói cách khác, chính điều này sẽ giúp trình độ Phật pháp và ứng dụng Phật pháp được nâng cao ở Ni giới, tạo nên mối liên kết giữa từ thiện và hoằng pháp.

Kết luận

Trong lịch sử, không thời nào không có chư Ni lỗi lạc, tiếp nối hạnh nguyện Thánh Tổ Ni Đại Ái Đạo và chư vị tiền bối Ni Phật giáo Việt Nam hữu công. Với tinh thần nhập thế cứu đời, và là một phần của Giáo hội, Ni giới cần có trách nhiệm cùng đại Tăng chu toàn Phật sự. Sự dẫn thân của Ni giới thể hiện tinh thần “tri ân và báo ân” đối với bốn ân đức lớn của người con Phật. Công tác từ thiện xã hội sẽ có

một diện mạo mới dựa trên nền tảng hoằng pháp; không chỉ dừng lại ở công tác thiện nguyện, người con gái của Đấng Từ phụ Thích Ca còn mang lại cho chúng sinh tinh thần và đời sống an lạc, hạnh phúc, tự tại hơn, dù thuận duyên hay nghịch duyên.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. “Báo cáo tổng kết Phật sự nhiệm kỳ VIII của Phân ban Ni giới Trung ương”, <https://chutichghpgvn.vn/phan-ban-ni-gioi-trung-uong-don-nhan-quyet-dinh-chuan-y-nhan-su-nhiem-ky-ix-2022-2027/>.
2. HT. Thích Minh Châu (1999), *Đại tạng kinh Việt Nam*, Kinh Tương Ưng Bộ 1 - Kinh Bộc Lưu, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, Thành phố Hồ Chí Minh.
3. Thích Minh Châu (2001), *Chánh pháp và hạnh phúc, đạo Phật với nếp sống thiên nhiên*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
4. HT. Thích Thanh Kiểm (Dịch, 2001), *Thiền lâm bảo huấn*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
5. Sư trưởng Như Thanh (1972), *Giới đức kiêm ưu*, Tư liệu lưu trữ tại Tổ đình Huệ Lâm.
6. HT. Thích Trí Tịnh (Dịch, 2019), *Kinh Diệu Pháp Liên Hoa*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
7. Hòa thượng Thích Thanh Từ, “Kinh Bát Đại nhưu giác giảng giải”, tuvienhoasen.org.

HOẠT ĐỘNG TỪ THIỆN XÃ HỘI: NỀN TẢNG CỦA HOẰNG PHÁP

NS. Thích nữ Phục Liên

Giáo lý đạo Phật chỉ rõ, phước và huệ giống như đôi cánh của con chim. Có trí tuệ mà thiếu phước sẽ rất khó tu, có phước báu mà thiếu trí tuệ dễ sanh ác kiến. Vì vậy, để có được những bước tiến vững chắc trên đường hoằng dương Chánh pháp, lợi lạc quần sanh - Tăng Ni, Phật tử luôn thực hành phước huệ song tu mới đồng đẳng bị ngân.

1. Từ thiện xã hội: Bức thông điệp ban vui cứu khổ

Để đưa Chánh pháp đến với mọi người, công tác từ thiện luôn được chư Tôn đức Tăng Ni quan tâm, Phật tử khắp nơi góp sức. Theo Từ điển Hán Việt, từ thiện là sự kết hợp giữa từ tâm và thiện lành. Như vậy, từ thiện là một việc làm tốt, xuất phát từ lòng yêu thương nhằm trợ giúp người không may, gặp khó khăn trong cuộc sống.

1.1. Từ thiện xã hội thể hiện lòng từ bi

Làm công tác từ thiện là đem thông điệp Từ Bi của đạo Phật truyền bá vào nhân gian, để nhân loại có cơ hội gần gũi Chánh pháp. Công tác này tuy dễ mà khó. Khó vì nó là một hoạt động đạo đức, không vụ lợi. Nó đòi hỏi người thực hiện phải có tâm bình đẳng, không phân biệt đối xử, dứt bỏ ý niệm thân sơ, yêu ghét, vì lợi ích chúng sanh, không nghĩ đến lợi ích cá nhân, nhất là phải có đức tánh hy sinh và lòng kiên nhẫn. Như vậy mới có thể vượt qua mọi trở ngại, thử thách, đem lại lợi lạc cho chúng sanh.

Đạo Phật được gọi là đạo Từ bi, vì tình thương trong đạo Phật rất bao la, sâu rộng: “Từ năng dứt nhứt thiết chúng sanh chi lạc. Bi năng bạt nhứt thiết chúng sanh chi khổ” (“Từ” có thể đem đến cho tất cả

chúng sanh an vui; “Bi” có khả năng cứu tất cả chúng sanh thoát khổ). Từ bi không chỉ là một quan niệm, mà chính là sự sống, nó có sức mạnh chuyển hóa đời sống con người. Sống là yêu thương, là nhường cơm sẻ áo. Khi cây Từ bi được vun trồng thì đóa hoa tình thương bừng nở; chỉ có tình thương thật sự mới đem lại sự thanh bình, an vui, hạnh phúc cho cuộc đời. Cho nên, ở đâu có Từ bi, ở đó được cứu khổ. Từ bi là hạnh nguyện không cùng tận, hạnh nguyện của Bồ-tát Quán Thế Âm. Ngài là người tiên phong uơm mầm hạnh phúc, xóa khổ tạo vui, giúp cho chúng sanh hồi đầu phản tỉnh. Cho nên mỗi khi hướng về Ngài, chúng sanh sẽ biết yêu thương, chăm sóc, bảo vệ sự sống và hạnh phúc của muôn loài.

Cuộc đời triền miên đau khổ là do lòng ích kỷ; dưới sự chi phối của vô minh, chúng sanh đấu tranh hận thù. Chỉ có lòng khoan dung, độ lượng mới xoa dịu nỗi đau cho chúng sanh. Từ bi là chất liệu để hình thành nên những con người biết hiến tặng nhau niềm vui, để cùng nhau hóa giải khổ đau, mang lại niềm an lạc trong Chánh pháp. Trên tinh thần Từ bi, con người sẽ đem lại niềm hạnh phúc chân thật ngay nơi thế gian loạn động này. Nó mãi mãi là bức thông điệp về đạo đức cho nhân loại muốn tồn tại và phát triển.

Nếu sống với nhau mà không có tình thương, không có sự hiểu biết và tâm hỷ xả, thì dù có tổ chức tình hảo đến đâu, cũng chỉ là môi trường để con người cấu xé lẫn nhau, dẫn đến những thảm họa chiến tranh không thể đo lường. Cho nên, chỉ có suối nguồn Từ bi mới dập tắt những khổ đau, đưa nhân loại xích lại gần nhau trong yêu thương và hiểu biết.

1.2. Từ thiện xã hội với tinh thần tùy duyên bất biến, vô ngã - vị tha

Chúng ta là những sứ giả của Như Lai, tu tập theo hạnh nguyện từ bi của Phật, Bồ-tát, thể nhập vào đời theo dòng chảy độ sanh, dù ở bất cứ lãnh vực nào của xã hội, cũng thể nhập một cách “tùy duyên”, bằng cách uyển chuyển tư tưởng mình theo các đối tượng cần hóa độ mà hóa độ. Trên tinh thần vô ngã - vị tha, chúng ta sẽ đồng cảm,

đồng hành, đồng sự với tất cả các đối tượng xung quanh, dù đó là trí thức hay người lao động. Nếu trong đời sống thường nói: “Hòa nhập chứ không hòa tan” thì trong đạo Phật cũng ứng dụng phương châm “tùy duyên”, “bất biến” hoặc ngược lại.

Người đã giác ngộ thì luôn quán chiếu rằng: Tài sản cũng như thân mạng, đều là giả tạm, vô thường, thế thì có cái gì là “Ta” hay “của Ta” đâu mà tham lam, tiếc nuối, tự cao tự đại... Do vậy mà mang theo tinh thần vô ngã - vị tha đi vào cuộc đời để tùy duyên hóa độ, hướng mọi người về con đường chân - thiện - mỹ.

1.3. Từ thiện xã hội nâng tâm giác ngộ

Không chỉ san sẻ cơm ăn, áo mặc, chỗ ở, thuốc men... mà người làm công tác từ thiện còn mở rộng được tâm hạnh Từ bi hỷ xả. Cứu giúp chúng sanh bằng phương tiện vật chất chỉ là một phương diện để xoa dịu nỗi đau của nhân loại, của xã hội, cộng đồng. Trong khi nỗi khổ của chúng sanh đầy cả hư không, nước mắt của chúng sanh đầy cả bốn biển, chút ít vật chất không thể nào xóa hết nỗi khổ đau vốn đè nặng chúng sanh trong vô lượng kiếp. Ngoài việc chia sẻ vật chất, Ban Từ thiện xã hội cần phải chú trọng về tâm linh, làm sao cho chúng sanh thâm nhập giáo lý nhiệm màu của đạo Phật để được giác ngộ giải thoát.

Từ thiện là một pháp trong tám vạn bốn ngàn pháp tu để đưa “chúng sanh” đến gần Chánh pháp. Chúng ta thường nghe câu: “Có thực mới vực được đạo”. Trong việc hoằng pháp, phương thức hữu hiệu là trước dùng phương tiện vật chất để ổn định đời sống, rồi sau đó hướng dẫn về mặt tâm linh, để những người hữu duyên đến gần với Đạo. Phật dùng hai chữ “chúng sanh” là chỉ cho mọi sinh vật. Cho nên làm “từ thiện đúng nghĩa” là nhổ tận gốc rễ cái khổ cho chúng sanh, chứ không chỉ xoa dịu cái “quả khổ” trong hiện tại, mà để mặc cho cái “nhân gây ra khổ” còn mãi về sau. Người có lòng Từ bi là vừa xoa dịu vết thương, đau khổ trong hiện tại, vừa chữa cho khỏi nguyên nhân gây ra đau khổ. Như người làm vườn không chỉ phát sạch cỏ trên mặt đất, mà còn đào sâu xuống dưới, nhổ sạch gốc rễ của cỏ nữa.

Trong kinh thường dạy: Khổ do nghiệp, nghiệp do hoặc, hoặc tức là vô minh - phiền não. Mà vô minh - phiền não đều ở trong tâm của mỗi người. Tâm là gốc của muôn pháp, một niệm phóng đi sẽ tác thành nghiệp báo. Cho nên, những tư tưởng bất thiện, những hành vi bất chánh, những ngôn từ vô bổ, đều là những chướng ngại trong tâm thức. Tâm chúng sanh đầy rẫy phiền não, tật xấu, dung chứa vô số hạt giống chua cay, đắng độc. Dĩ nhiên, những mầm mống ấy sẽ trở ra những quả khổ đau. Bởi thế, đạo Phật rất chú trọng vấn đề tu tâm dưỡng tánh. Muốn cho sự nghiệp lợi tha này được vẹn toàn, người làm công tác từ thiện có bốn phận vừa cứu giúp vật chất vừa đem giáo pháp tu hành chỉ dạy để chúng sanh biết quy hướng về Tam bảo, bỏ ác làm lành, ăn chay, giữ giới.

Chúng sanh từ vô lượng kiếp đến nay chịu biết bao nhiêu là cảnh khổ, từ vật chất đến tinh thần, nhất là đối với luật vô thường: sanh, già, bệnh, chết, không ai thoát khỏi được. Đã không thoát được mà còn vô tình gây thêm nhiều nghiệp khổ, lắm khi cứ quên mất cái tuổi già mỗi ngày một chồng chất, quên mất cái chết sắp đến gần...

Như thế, cứu giúp chúng sanh về phương diện không gian bao gồm cả muôn loài, về phương diện thời gian bao gồm cả quá khứ, hiện tại và tương lai. Nếu chỉ “cho vui và diệt khổ” trong hiện tại, mà không nghĩ đến “cho vui diệt khổ” trong tương lai thì chưa được gọi là hoằng pháp. Bởi thế cần phải gây nhân vui và diệt nhân khổ. Giáo lý Phật pháp nhiệm màu có khả năng hóa giải tâm thức của con người từ mê mờ đến giác ngộ, xóa tan ngăn cách giữa con người với con người bằng tình yêu thương rộng mở.

2. Đóng góp của Ni giới trong công tác từ thiện xã hội

Từ ngày Phân ban Ni giới Trung ương và các tỉnh thành được thành lập, Quý Ni trưởng, Ni sư, Sư cô có nhiều cơ hội chung tay góp sức với Giáo hội trong các Phật sự. Khi đảm trách công tác từ thiện, với đức tánh hy sinh, chịu thương chịu khó, quý Ni trưởng, Ni sư đã vận động các mạnh thường quân, các nhà hảo tâm kịp thời đáp ứng nhiều nhu cầu cấp bách như:

Xây cầu, đắp đường giao thông nông thôn, đào giếng nước sạch, hiến máu nhân đạo, đóng góp các quỹ từ thiện vì người nghèo, học sinh hiếu học, giúp phụ nữ nghèo vượt khó, tặng xe đạp cho học sinh, xe lăn cho bệnh nhân nghèo, tặng xuống ghe, hỗ trợ áo quan, hỗ trợ mổ mắt miễn phí cho bệnh nhân nghèo bị đục thủy tinh thể, bệnh tim nhi, phát quà Tết, quà Trung thu cho các cháu thiếu nhi, nồi cháo tình thương, bữa ăn từ thiện cho bệnh nhân nghèo tại các bệnh viện, trung tâm y tế... Bên cạnh các hoạt động từ thiện như nuôi dạy trẻ mồ côi, chăm sóc, nuôi dưỡng người già neo đơn, quý Ni trưởng, Ni sư luôn có mặt đúng lúc và kịp thời cứu trợ đồng bào bị thiên tai, lũ lụt, tích cực ủng hộ phong trào xóa đói giảm nghèo, chăm sóc các đối tượng người có công với đất nước, ủng hộ các chiến sĩ biển đảo bám biển Hoàng Sa, Trường Sa... Đặc biệt, trong cuộc chiến chống dịch Covid-19 năm 2020 và đầu năm 2021, Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã tập trung nhiều nguồn lực ủng hộ; Ni giới cũng góp phần không nhỏ trong công tác này.

Từ khi Phân ban Ni giới hoạt động, Quý Ni trưởng Phân ban Ni giới Trung ương không ngại khó khăn, không từ lao nhọc, dù tuổi đã cao, sức đã yếu, nhưng vẫn luôn làm việc không mệt mỏi, chung tay góp sức xây dựng ngôi nhà Phật pháp được trường tồn. Các Ngài luôn là bóng cây đại thọ cho hàng hậu học chúng con hướng về và noi theo.

Chúng con là Ni giới thuộc tỉnh Gia Lai - một trong những tỉnh miền núi ở phía bắc Tây Nguyên. Sau ngày thống nhất đất nước (năm 1975), Đảng và Nhà nước đã chuyển một số lượng lớn đồng bào người Kinh từ miền Bắc và miền Trung lên xây dựng kinh tế, quốc phòng, điều động cán bộ bổ sung cho Tây Nguyên nói chung và Gia Lai nói riêng, làm cho số lượng người Kinh ở Gia Lai tăng lên nhanh chóng. Số lượng người dân tộc sinh sống ở Gia Lai chiếm 48%, phần nhiều họ làm ruộng rẫy, trồng trọt và làm thuê, nên cuộc sống còn nhiều khó khăn, nhất là những vùng miền núi xa xôi. Kinh tế ở Gia Lai phát triển tương đối chậm, công tác từ thiện phần nhiều nhờ vào sự hỗ trợ của các đoàn từ thiện. Ni giới chúng con cũng rất quan tâm

đến hoạt động này, nhưng tiềm lực kinh tế làm trở ngại rất lớn cho Phật sự cũng như công tác từ thiện.

Trong khi đó, Cần Thơ là một thành phố xinh đẹp, sông nước hiền hòa, gạo trắng nước trong, là nơi sinh ra nhiều bậc Ni lưu tài đức. Hoạt động của Phân ban Ni giới thành phố Cần Thơ rất nổi trội, nhất là về công tác từ thiện. Như chúng con được biết, Quý Ni trưởng, Ni sư đã đi đến nhiều nơi trên mọi miền đất nước để cứu giúp những hoàn cảnh bệnh tật, khó khăn, sống trong cảnh màn trời chiếu đất vì thiên tai bão lụt. Gần đây nhất, vào các năm 2020, 2021, 2022, 2023, đoàn từ thiện Ban Trị sự Phật giáo, Phân ban Ni giới thành phố Cần Thơ do Ni trưởng Thích nữ Diệu Ngộ, Ni trưởng Thích nữ Như Minh, Ni sư Thích nữ Chơn Như, Sư cô Thích nữ Từ Tâm phụ trách đã thực hiện rất nhiều đợt cứu trợ tại các tỉnh miền núi, miền Trung khi người dân nơi đây gặp thiên tai bão lụt. Mỗi đợt hỗ trợ 1 ngàn đến 2 ngàn phần quà, mỗi phần trị giá khoảng 700.000 - 800.000 đồng. Riêng năm 2020, đoàn đến các tỉnh miền Trung cứu trợ lũ lụt nhiều đợt, số tiền lên đến 6 tỷ đồng.

Ở thành phố Cần Thơ, quý Ni trưởng, Ni sư luôn tích cực vận động các mạnh thường quân, nhà hảo tâm ủng hộ công tác từ thiện hằng năm, giúp đỡ các gia đình có hoàn cảnh khó khăn vùng sâu, vùng xa như: xây nhà tình thương, xây cầu nông thôn giao thông, phát học bổng, phát xe đạp cho học sinh nghèo hiếu học... Mỗi năm, số tiền lên đến vài trăm triệu đồng.

Y phương minh là phương tiện thực tiễn giúp người hoằng pháp tiếp cận, hiểu thấu được nỗi đau của chúng sinh. Chư Phật là những nhà lương y, biết cả thân bệnh và tâm bệnh của chúng sanh. Thế gian đây rầy bệnh tật, đau khổ. Sư cô Thích nữ Từ Tâm chùa Phước An, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ là vị Ni đầy lòng nhân hậu. Tại chùa, Sư cô mở một Tuệ Tĩnh đường, tự tay xem mạch bốc thuốc miễn phí, mỗi ngày có trên 500 người đến điều trị, đã từng cứu giúp bao người thoát khỏi căn bệnh nan y quái ác.

Trong một bài viết, Ni trưởng Thích nữ Huệ Từ, nguyên Phó Phân ban Ni giới Trung ương, nguyên Trưởng ban Từ thiện xã hội Phân ban Ni giới Trung ương đã nhận định: “Chư Ni ở các chùa không ngừng trưởng thành về năng lực xã hội, có khả năng huy động tốt các nguồn lực xã hội để hỗ trợ kinh phí sinh hoạt tại những cơ sở xã hội, là một điều kiện tốt để trải nghiệm nỗi khổ đau của chúng sinh và thực hành lòng từ bi của người con Phật, trong lúc đạo đức xã hội đang xuống dốc, đem đạo vào đời một cách uyển chuyển và thiết thực, chung tay góp phần xoa dịu nỗi đau của xã hội. Mặt khác, đây là một bước chuyển mạnh mẽ để giúp cho Ni giới tăng cường cơ hội học tập và dẫn thân, thực hành và tỏa sáng hạnh từ bi, nêu cao truyền thống phụng sự đạo pháp và dân tộc.”

Kết luận

Với việc tham gia công tác từ thiện xã hội tích cực, nhiệt tâm, Quý Ni trưởng, Ni sư Phân ban Ni giới Trung ương và các tỉnh thành đã góp phần “ích đạo lợi đời”, tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc, làm tăng thêm bản chất tốt đẹp vốn có của người con Phật. Đây cũng được xem là nền tảng hoằng pháp trọng tâm của Giáo hội.

Chúng con cầu mong ngôi nhà Phật pháp ngày càng lớn mạnh, bánh xe pháp mỗi lúc một tiến xa. Chư vị sứ giả Như Lai luôn là những thiên thần chấp đôi cánh thần kỳ đem đạo vào đời, thực hiện các lợi ích thiết thực truyền khắp năm châu bốn biển.

Kính dâng lễ tưởng niệm đức Tổ Kiêu Đàm Di Mẫu tại thành phố Cần Thơ với lòng thiết tha thành kính. Cầu nguyện thế giới hòa bình, nhân sanh an lạc, đạo pháp trường lưu, chư vị Trưởng lão Ni đạo thọ miên trường, mãi là bóng bồ-đề rộng lớn che mát cho hàng hậu học chúng con trên bước đường giải thoát.

NI GIỚI THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG TRONG CÔNG TÁC TỪ THIỆN XÃ HỘI DỰA TRÊN NỀN TẢNG HOÀNG PHÁP

NS. Thích Tâm Chính

Vì lòng đại bi, thương tưởng đến nỗi khổ của chúng sinh ở cõi Sa-bà, Đức Phật Thích-ca Mâu-ni đã xuất hiện ở đời với tuyên ngôn: “Ta ra đời là để chỉ cho chúng sinh thấy sự khổ và con đường diệt khổ”. Khi Đức Phật nhập Niết-bàn, giáo pháp của Phật đã được các đệ tử truyền bá ra ngoài biên giới Ấn Độ cổ, tới các nước trong khu vực và các châu lục.

Đạo Phật du nhập vào Việt Nam đã hơn 20 thế kỷ. Sự hiện hữu của đạo Phật trong lịch sử dân tộc là điều đã được khẳng định. Có thể thấy, các bậc cao Tăng thạc đức, các bậc Ni lưu ở mọi thời đại đều cố gắng xiển dương giáo lý, hoàng pháp lợi sinh.

Cuộc hành trình là đi từ đạo đức của mỗi con người. Đạo đức là thứ không thể cân đong, đo đếm như vật chất, nhưng không một giá trị nào của vật chất có thể so sánh được. Thiếu đạo đức thì không thể có con người lương thiện. Khi ấy, sẽ xuất hiện những kẻ tham lam, độc ác, gây nguy hiểm, đau khổ cho xã hội. Công tác hoàng pháp độ sinh và an sinh xã hội đã đóng góp công đức rất lớn trong việc canh tân xã hội, giữ gìn thuần phong mỹ tục, văn hóa đạo đức cương duy, ngăn chặn cái xấu ác, khuyến phát mọi đức thuần lương, góp phần xóa đói giảm nghèo, làm cho an ninh - an sinh xã hội thêm bền vững.

Tư tưởng chủ yếu của đạo Phật là: Từ bi và Trí tuệ; Bình đẳng, Bác ái, hướng tới sự an lạc, hòa bình và tiến bộ của nhân loại. Có lẽ chính

vì vậy mà người Việt Nam hay các dân tộc trên thế giới, từ mọi miền địa lý, sắc thái dân tộc, tùy duyên hay căn cơ, khả năng, điều kiện, đều có thể áp dụng giáo lý của đạo Phật vào trong đời sống văn hóa, tín ngưỡng của mình.

1. Những tấm gương chư Ni tiền bối hữu công

Đạo Phật không phân biệt đẳng cấp, không phân biệt giới, có lẽ vì vậy nên từ khi du nhập vào Việt Nam, nữ giới đã tham gia rất nhiệt thành, tạo ra nhiều thành quả trong công cuộc bảo vệ, xây dựng đất nước. Điển hình như thời Hai Bà Trưng¹ có những vị nữ tướng xuất gia tu hành: Công chúa Bát Nàn², Công chúa Thiều Hoa³, Sư bà Phương Dung⁴,... Thời loạn, các vị Ni tham gia cứu nước; khi đất nước hòa bình, họ lại khoác lên mình tấm áo nâu sòng giản dị, tĩnh tu tại các chùa làng hay đô thị để hoằng pháp độ sinh. Kế thừa và phát huy truyền thống đạo hạnh của Ni giới và Phật tử Việt Nam, xuất hiện rất nhiều vị Trưởng lão Ni nghiên cứu Phật pháp uyên thâm, nghiêm trì Giới Luật, hành thiền đắc định, được môn đồ học chúng kính mộ.

Triều đại Lý - Trần, có những Ni sư đóng góp đặc biệt cho Phật giáo và Thiền học Việt Nam. Thời Lý có Ni sư Diệu Nhân. Thời Trần, Ni sư Tuệ Thông tu tập khổ hạnh, được vua Trần Nghệ Tông ban hiệu: “Tuệ Thông Đại sư”. Ngoài ra, còn những vị sư Ni hay nữ Phật

¹ Theo tư liệu của Hòa thượng Thích Trí Quảng, tác giả Phương Bối đã tổng hợp 8 vị Tỳ-kheo-ni “đặc biệt” nhất ở thời Hai Bà Trưng.

² Ở chùa Tiên La, Thái Bình còn ghi chép việc Công chúa Bát Nàn được các thiền sư chùa Tiên La đón nhận. Với sự giúp đỡ của các vị, bà dần dần tu tập và trấn tĩnh, sau đó còn huấn luyện võ thuật, giúp các sư bảo vệ chùa khỏi giặc Hán...

³ Tương truyền, sau khi giúp Hai Bà Trưng đánh tan giặc Hán, bà được Trưng Vương phong làm Đông Cung Công chúa, nhưng bà không nhận quan chức ở triều đình: “Kẻ hạ thần vốn là người con gái đang nguyện chôn tu hành, nên chức trọng quyền cao nào có ích gì, nếu bệ hạ nghĩ tới công lao mà ban thưởng thì xin bệ hạ gia ân cho hạ thần được thực ấp tại bản địa nơi tu hành là đủ”.

⁴ Thần phả chùa Yên Phú, huyện Thanh Trì, Hà Nội cho biết, đã từng có ngôi chùa Phật tử trước khởi nghĩa Hai Bà Trưng và Sư bà Phương Dung đã tu ở đó, càng gia cố cho những luận cứ về việc đạo Phật du nhập sớm (trước Công nguyên).

tử cũng có công quả lớn như Hoàng hậu Lê Thị¹, Nguyên phi Ý Lan², Phụng Thánh Phu nhân³, Công chúa Huyền Trân⁴; Công chúa Thiên Thụy⁵; Công chúa Túc Trinh⁶, Công chúa Trần Thị Bạch Hoa⁷... Họ đều là những Thiền sư và Phật tử đã tu hành tại chùa hoặc tại gia, bằng hạnh nguyện, trí tuệ, công sức, tài sản mà gây dựng được nhiều công đức lớn lao, tạo dựng những công trình Phật giáo vĩ đại hoàng dương Phật pháp. Ngoài ra, còn có rất nhiều bậc Ni lưu ẩn mình tu hành trong những chốn am thanh cùng cốc. Tài liệu về các Ngài tản mát trong dân gian, vẫn có sự truyền thừa qua từng thế kỷ. Tại miền Bắc Việt Nam, nhiều vùng miền ở các tỉnh thành như Hà Nội, Hải

¹ Hoàng hậu Lê Thị - tên Phát Ngân, là vợ Vua Lý Thái Tổ, có công giúp dân tu bổ, xây dựng nhiều ngôi chùa để tu hành và trông coi lăng mộ Vua cha Lê Đại Hành.

² Hoàng Thái hậu Ý Lan là người sùng đạo Phật, và là “người tu tại gia”. Khi về già, Hoàng Thái hậu Ý Lan càng đề tâm làm việc thiện, xây chùa và nghiên cứu về đạo Phật. Bà đã cho xây cất 150 chùa, đền. Hiện một số vẫn còn như chùa Dạm, 1086 (Quế Võ, Bắc Ninh); chùa Một Mái ở Hoàng Xá, 1099 (Quốc Oai, Hà Nội); chùa Phật Tích, 1100 (Tiên Sơn, Bắc Ninh); chùa Báo Ân, 1057 (Động Sơn, Thanh Hóa); tháp Chương Sơn, 1108 (Ý Yên, Nam Định); tại hương Siêu Loại vào năm 1115, bà cho xây dựng Linh Nhân Tự Phúc tự hay còn gọi là chùa Bà Tấm.

³ Phụng Thánh Phu nhân lúc còn ở kinh đô, danh vọng và thế lực sánh với bậc đế vương. Năm 1145, sau 8 năm hương khói, chăm sóc lăng mộ Lý Thần Tông, bà xin về hương Tuệ Phong để chọn đất dựng chùa, tu hành. Vua Lý Anh Tông đã ra sắc chỉ đặc ân cấp cho nhân công, gỗ ngói để dựng chùa, đó chính là chùa Diên Linh Phúc Thánh.

⁴ Theo thần tích lưu tại đền thờ, sau khi bà trở về Thăng Long thì xuất gia ở núi Trâu Sơn (nay thuộc Bắc Ninh). Công chúa thọ Bồ-tát giới và được ban pháp danh Hương Trảng. Năm Tân Hợi (1311), Hương Trảng đến Hồ Sơn, huyện Thiên Bản (nay thuộc Nam Định), lập am dưới chân núi Hồ để tu hành, là chùa Hồ Sơn, hay còn gọi là Quảng Nghiêm Tự.

⁵ Thần tích đền chùa Mỗ huyện Kiến Thụy, Hải Phòng, ghi chép: Công chúa Thiên Thụy đến mảnh đất ven sông Văn Úc lập am tu hành. Thần tích đền Mỗ có ghi, ngày 12 tháng 2 năm Giáp Thân 1284, công chúa làm lễ Khánh hạ, tự xưng đạo hiệu là Đại uy Thiên Thánh. Công chúa Thiên Thụy đã mở rộng việc khai khẩn ruộng vườn, cấp phát tiền tài cho nhiều người cày cấy, mở chợ, quy tụ dân chúng trong vùng đến làm ăn sinh sống, hình thành nên trang Nghi Dương ngày càng trù phú.

⁶ Theo thần tích Kê Noi, Công chúa Túc Trinh, con thứ của Vua Trần Thánh Tông, đem tiền bạc về vùng Kê Noi (nay thuộc Bắc Từ Liêm, Hà Nội) cấp vốn cho dân nghèo dựng nhà, lập xóm, tạo nên trù phú; công chúa còn cho dựng chùa Anh Linh, ngày đêm chăm lo Phật đạo, giáo hóa chúng sinh.

⁷ Khi Nhà Hồ tiếm ngôi, Công chúa Trần Thị Bạch Hoa là chị gái của Thái tử Trần Án, chọn núi Bồ Đà, xã Thanh Hải, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam cho dựng một thảo am lập đàn thờ Phật, lấy pháp danh là “Thu Thu thiền sư”.

Phòng, Phú Thọ, Thái Bình, Quảng Ninh... có đền thờ, văn bản thư tịch cổ, thần tích, thần phả, bia ký ghi lại thành tích của các chư Ni sớm nhất trong những năm đầu thế kỷ và những thời kỳ tiếp theo của đất nước.

Thời Lê sơ, Phật giáo không còn phát triển và chiếm địa vị lớn, thống trị trên lĩnh vực tư tưởng như thời Lý - Trần. Đến triều đại nhà Mạc và Lê Trung hưng, Phật giáo hồi sinh và hưng thịnh, có Phu nhân Minh Nguyệt, người vợ thứ ba của Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm tu hành tại chùa Song Mai, thôn Lý Học, huyện Vĩnh Bảo; bà Ngô Thị Ngọc Dao tài đức vẹn toàn là mẹ của Vua Lê Thánh Tông, tu tại gia, ăn chay niệm Phật¹; Hoàng hậu Trịnh Thị Ngọc Trúc - vợ Vua Lê Thần Tông² nổi tiếng là một người uyên bác và sùng đạo Phật, thường chú tâm nghiên cứu bộ Kim Cương, là Phật tử tín tâm, được dân chúng xưng tụng là Bà chúa Kim Cương...

2. Ni giới Hải Phòng với công tác từ thiện xã hội, hoằng pháp độ sinh

Từ khi Giáo hội Phật giáo Việt Nam thành phố Hải Phòng được thành lập, phát huy truyền thống vẻ vang của các bậc Ni lưu tiền bối, thời kỳ cận - hiện đại, Ni giới thành phố Hải Phòng đã không ngừng thúc liễm thân tâm, trau dồi Tam Vô Lậu học, hoằng pháp độ sinh. Ni giới với tinh thần nhập thế đã truyền đạo vào đời bằng mọi phương diện, tùy theo thời thế. Rất nhiều Ni trưởng, Ni sư đã có công lao đóng góp cho sự hưng khởi phong trào tu tập, hộ quốc an dân. Quý Ni đã tham gia Giáo hội với nhiều cương vị khác nhau, vừa tích cực tham gia công tác xã hội, vừa tiếp độ Ni chúng, duy trì mạng mạch Phật pháp, trùng tu tôn tạo chùa cảnh, hướng dẫn Phật tử tu học theo Chính pháp, được các cấp Giáo hội và chính quyền, Mặt trận thành

¹ Bà thường về ở Đông Triều, ăn chay niệm Phật, sáng suốt, khỏe mạnh, sống lâu rất là vui vẻ, lấy kiệm cần mà răn dạy người đời, lấy nhân hậu mà nhắc nhở vua.

² Bà đánh lễ quy y tại Ninh Phúc tự, còn gọi là chùa Bút Tháp, xã Đình Tổ, huyện Thuận Thành, Kinh Bắc; được thiền sư Chuyết Chuyết ban pháp danh là Pháp Tánh (法性). Bà vừa tu luyện vừa học hỏi nghiên cứu sâu xa thêm về kinh điển của nhà Phật.

phố, địa phương tặng thưởng Bằng khen, Bằng Tuyên dương công đức. Tiêu biểu như: cố Ni trưởng Thích Tịnh Nguyệt (1925-1991) chùa Hải Ninh, phường Vĩnh Niệm, huyện An Dương; cố Ni trưởng Thích Đàm Y (1892-1994) chùa Lũng Tiên, phường Trần Thành Ngọ, quận Kiến An; cố Ni trưởng Thích Đàm Kiến (1913-1994) chùa Thiên Vũ, thôn Phù Lưu, xã Phù Ninh, huyện Thủy Nguyên; cố Ni trưởng Thích Đàm Y (1903-1998) chùa An Tất, thôn Chung Thanh Lang, xã An Thái, huyện An Lão; cố Ni trưởng Thích Đàm Đạo (1913-2022) chùa Hồng Phúc, xã Ngũ Phúc, huyện Kiến Thụy; cố Ni trưởng Thích Diệu Tâm (1938-2017) chùa Hải Ninh, phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân; cố Ni trưởng Thích Đàm Hằng (1930-1993) chùa Phổ Minh, số 295, phố Lê Lợi, quận Ngô Quyền; cố Ni trưởng Thích Đàm Quý (1930-1919) chùa Linh Quang (Cấm ngoài), phố Lê Lợi, quận Ngô Quyền; cố Ni trưởng Thích Đàm Thăng (1934-2002) chùa Nguyệt Quang, phường Đông Khê, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng...

Thời chống Pháp, chống Mỹ, chư Ni Hải Phòng đã góp phần cùng toàn Đảng, toàn dân dẹp giặc bảo vệ Tổ quốc, giải phóng đất nước. Một số Ni trưởng, Ni sư đã tham gia các phong trào cứu nước và nuôi giấu cán bộ như: cố Ni trưởng Thích Đàm Y, chùa An Tất, thôn Chung Thanh Lang, xã An Thái, huyện An Lão; cố Ni trưởng Thích Đàm Đạo, chùa Hồng Phúc, xã Ngũ Phúc, huyện Kiến Thụy; cố Ni sư Thích Đàm Thu, chùa Vĩnh Khánh, phường Vạn Mỹ, quận Ngô Quyền... Có Ni sư đã được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Kháng chiến và bằng khen vì có thành tích kháng chiến như cố Ni sư Thích Đàm Hải, chùa Viên Minh, huyện Vĩnh Bảo; cố Ni trưởng Thích Đàm Thu, chùa Kim Liên, huyện Thủy Nguyên...

Ngoài ra, còn có nhiều nữ thanh niên xung phong trở về sau các cuộc chiến đã nương bóng cửa thiền, vượt qua nỗi đau thể xác và tinh thần mà chiến tranh để lại, vươn lên sống tốt đời đẹp đạo. Trong chiến tranh, các vị đã làm tròn bổn phận đối với Tổ quốc; đối với Phật giáo, các vị không ngừng khai đạo truyền giới, tiếp chúng độ Ni, giảng dạy Phật pháp, kiến tạo già lam...

Ngày nay, thực hiện phương châm “Đạo pháp - Dân tộc - Chủ nghĩa xã hội” của Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Ni giới Hải Phòng thực hiện tốt chủ trương, đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước, pháp lệnh tín ngưỡng - tôn giáo và các quy định pháp quy. Tham gia xây dựng chính quyền, bảo vệ môi trường xanh - sạch - đẹp, tham gia Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp, Hội đồng nhân dân các cấp, Hội Liên hiệp Phụ nữ các cấp, Hội Chữ thập đỏ, Hội Người già cô đơn, trẻ tàn tật và mồ côi... Có rất nhiều Ni trưởng, Ni sư tiêu biểu được các cấp khen thưởng. Các vị đã nỗ lực phấn đấu, phát huy năng lực trong sự nghiệp hoằng dương Chính pháp, lợi lạc quần sinh.

Ni giới Hải Phòng luôn là tấm gương phản chiếu của hạnh Từ bi hỷ xả, lòng yêu thương, san sẻ với các nữ Phật tử, để lan tỏa, trường dưỡng căn thiện lành. Bởi vậy, quý Phật tử đều là những người gương mẫu trong gia đình và xã hội, để đưa đạo vào đời, xây dựng và duy trì đời sống tôn giáo từ trong tâm mỗi cá nhân tới gia đình, cộng đồng dân chúng quốc gia và nhân loại.

Đạo Phật là đạo cứu khổ ban vui. Nét đặc thù của đạo Phật là xây dựng tình thương, hạnh phúc cho mọi người với phương châm “phụng sự chúng sinh là cúng dường chư Phật”. Trên tinh thần đóng góp một phần cho xã hội bớt đi những mảnh đời bất hạnh, Ni giới thành phố Hải Phòng đã tổ chức nhiều chương trình từ thiện, mang lại niềm vui, an lạc, hạnh phúc cho nhân sinh.

Công tác từ thiện được xem là một ưu điểm nổi bật. Ni giới Hải Phòng đã có những việc làm thiết thực và tích cực như xây nhà tình thương, nhà tình nghĩa, xây trường mầm non, làm cầu đường, tặng bò giống, các con vật giống nuôi nhằm hỗ trợ phát triển kinh tế bền vững cho bà con nghèo. Tặng quỹ mổ mắt, tặng xe lăn cho trẻ khuyết tật, tặng xe đạp cho học sinh nghèo, cứu trợ đồng bào bị bão lũ thiên tai, tặng quà cho hộ nghèo trong các đại lễ Phật đản, mùa Vu lan báo hiếu, dịp Tết Nguyên đán, tặng quà cho các gia đình thương binh liệt sĩ, các bà mẹ Việt Nam anh hùng, phát học bổng, tặng sách giáo khoa cho các em học sinh, ủng hộ trẻ em nghèo vượt khó, tổ chức Tết

Trung thu, giúp đỡ bệnh nhân nghèo, tham gia chương trình Quỹ vì người nghèo, nuôi dưỡng trẻ mồ côi, người già neo đơn, nồi cháo tình thương hằng ngày cho trẻ mắc bệnh hiểm nghèo tại Bệnh viện Nhi Đức Hải Phòng... Các hoạt động từ thiện xã hội của Ni giới Hải Phòng được thực hiện đều đặn hằng năm tại địa phương và các tỉnh vùng sâu vùng xa, vùng dân tộc thiểu số với số tiền lên tới vài tỷ đồng mỗi năm.

Hoằng pháp luôn là hoài bão của các bậc Tôn đức Ni, cũng là nhiệm vụ cơ bản của người xuất gia học Phật, luôn luôn thực hiện câu “Hoằng pháp vi gia vụ - lợi sinh vi sự nghiệp”. Một số Ni đã tham gia giảng dạy tại Trường Trung - Cao đẳng Phật học thành phố Hải Phòng như: cố Ni trưởng Thích Diệu Tâm, Ni sư Thích Tâm Chính, Ni sư Thích Đàm Kiên. Phân ban Hoằng pháp Ni đã kết hợp với các chùa tại các quận, huyện tổ chức Đạo tràng Bát Quan Trai, Đạo tràng Chú Đại Bi, khóa tu niệm Phật, khóa tu Một Ngày An Lạc... Hoạt động này được duy trì đều đặn ở các chùa như chùa Vẽ (Hoa Linh Cổ tự), chùa Kim Quang (quận Hải An), chùa Vân Quan, chùa Khánh Long (quận Dương Kinh), chùa Lũng Tiên, chùa Đại Giác, chùa Tây Sơn (quận Kiến An); chùa Hàm Long, chùa Minh Tường, chùa Kiến Linh, chùa Quán Âm - chùa Ruối (huyện Thủy Nguyên)... Hiện nay, chư Ni thành phố Hải Phòng đã tổ chức được 21 đạo tràng thường xuyên sinh hoạt tại các chùa trong khắp các quận huyện, mỗi khóa tu có từ 50-300 Phật tử tham dự. Song song đó, các chùa còn mở các đàn truyền Tam Quy - Ngũ Giới và cấp giấy chứng nhận cho quý Phật tử. Ngoài ra, mùa hè, các chùa Ni còn tổ chức khóa tu mùa hè cho các bạn trẻ. Chỉ tính riêng năm 2023 đã có 18 chùa Ni tổ chức khóa tu mùa hè cho thanh thiếu niên với 23 khóa tu. Điển hình như chùa Vẽ năm 2023 đã tổ chức 6 khóa tu cho hơn 3.000 bạn trẻ ở các độ tuổi từ mầm non đến đại học. Hiện nay, các khóa tu mùa hè “Bồ Đề Tâm” tại Chùa Vẽ có số lượng học sinh tham dự đông nhất, quy mô lớn nhất so với các chùa tổ chức khóa tu mùa hè trên địa bàn thành phố Hải Phòng. Khóa tu “Bồ Đề Tâm” lần thứ nhất (2011), chỉ có gần 300 em tham dự. Khóa tu lần hai, năm 2012, có

320 khóa sinh tu tập trong 7 ngày. Đến năm 2018, đã tổ chức khóa thứ 8 với số lượng trên 800 khóa sinh. Năm 2019, tổng 4 khóa tu, với 1.620 khóa sinh. Năm 2023, tổng 6 khóa tu, với hơn 3.000 khóa sinh tham dự. Ngoài các khóa tu mùa hè, nhà chùa còn tổ chức khóa tu một ngày cho các trường mầm non... Trong các khóa tu, chư Ni đều tham gia thuyết giảng như: Ni sư Thích Tâm Chính, Sư cô Thích Giới Định, Sư cô Thích Diệu Hương, Sư cô Thích Hạnh Như, Sư cô Thích Tịnh Thắm, Sư cô Thích Tịnh Chi, Sư cô Thích Diệu Giang, Sư cô Thích Diệu Quỳnh, Sư cô Thích Bảo Việt...

Những việc làm từ thiện xã hội trên nền tảng hoằng dương Phật pháp mang lại ý nghĩa rất hữu ích và thiết thực, được các bậc phụ huynh và người dân đánh giá cao. Các khóa tu cho thanh thiếu niên, học sinh - sinh viên là cơ hội quý báu góp phần xây dựng, tạo nên những nét đẹp trong tâm hồn học sinh, sinh viên và các cháu thanh thiếu niên, là nền tảng vững chắc cho các em trong tương lai khi phải đối diện với cuộc sống có quá nhiều phức tạp, bất an.

Trong các khóa tu, những bài giảng của quý Ni đã giúp các em có cơ hội học hỏi, giao lưu phát triển tài năng, trở thành con người hoàn thiện, tài đức vẹn toàn. Mục đích là tạo cho các em một sân chơi bổ ích, để các em nuôi dưỡng tâm từ bi, hỷ xả, hạnh lắng nghe, đồng thời tạo những thuận duyên cho các em được giao lưu chia sẻ, tiếp cận kỹ năng sống, để các em hiểu biết, có hiểu nghĩa với ông bà, cha mẹ, biết nghe lời thầy cô học tập chăm ngoan, có tình yêu thương chia sẻ với mọi người, nhằm hoàn thiện bản thân, góp phần xây dựng nếp sống văn hóa lành mạnh, tư duy tích cực, nghĩ điều thiện, nói điều thiện, làm việc thiện, đem lại ý nghĩa thiết thực cho tự thân mỗi em tham dự khóa tu. Từ đó nhân rộng ra làm lợi ích cho cộng đồng và xã hội, các em sẽ gặt hái được nhiều thành công tốt đẹp trong hiện tại và tương lai.

Công tác từ thiện xã hội và hoằng pháp vẫn cần phải có những chính sách, biện pháp cụ thể để nâng cao vị thế của Ni giới Việt Nam, tạo điều kiện phát huy “tiềm năng Ni giới” trong lĩnh vực xã hội, từ thiện thời gian tới. Hoạt động từ thiện xã hội trên nền tảng hoằng

pháp của Phật giáo Việt Nam nói chung và Ni giới Hải Phòng nói riêng, cần được tổ chức mang tính hệ thống. Cần có cơ chế hoạt động và giám sát, hỗ trợ vật chất từ trên xuống dưới, đối với nhiều mảng từ thiện trên những nền tảng hoằng pháp khác nhau. Thông qua việc tổ chức mang tính hệ thống những cơ sở xã hội này, cùng với sự giúp đỡ của các cấp lãnh đạo Giáo hội Phật giáo Việt Nam, các cơ quan chức năng, hoạt động của chư Ni Hải Phòng chắc chắn sẽ duy trì được lâu dài, hiệu quả, phát huy năng lực, dẫn thân phụng sự Đạo pháp và Dân tộc.

Với những mô hình hoạt động hiệu quả, Giáo hội Phật giáo Việt Nam và Phân ban Ni giới Trung ương, Phân ban Ni giới thành phố Hải Phòng, các cơ quan chức năng cần có sự biểu dương kịp thời những cá nhân, tập thể điển hình, nhân rộng trên toàn quốc, đặc biệt ở các địa phương vùng sâu vùng xa, vùng nông thôn nghèo. Nên chăng, Ban Từ thiện xã hội của Phân ban Ni giới các cấp thành lập nhiều hơn nữa những tổ, nhóm, tình nguyện viên bao gồm các vị Ni trẻ, Phật tử tâm huyết, sẵn sàng đi hỗ trợ, giúp đỡ bà con nghèo, đặc biệt là ở các vùng thường xuyên bị thiên tai, lũ lụt tàn phá, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào nghèo, vùng dân tộc thiểu số nơi biên giới, hoặc các đối tượng xã hội cần được giúp đỡ.

Tuy nhiên, gắn kết hoạt động từ thiện xã hội của Phật giáo nói chung, Phân ban Ni giới Trung ương và Phân ban Ni giới Hải Phòng nói riêng với những vấn đề xã hội ở Việt Nam hiện nay là điều không đơn giản, đòi hỏi phải có sự quản lý của Giáo hội, sự kết hợp giữa nhiều cơ quan, ban ngành với các chùa, giữa Giáo hội Phật giáo Việt Nam với Giáo hội Phật giáo các nước ASEAN.

Kết luận

Từ thiện xã hội trên nền tảng hoằng pháp cho thấy vai trò tích cực của Ni giới Phật giáo Hải Phòng. Hy vọng rằng những chương trình từ thiện - an sinh xã hội trên nền tảng hoằng pháp của Phân ban Ni giới Trung ương nói chung và các cơ sở của chư Ni thuộc Phân ban Ni giới Hải Phòng nói riêng sẽ ngày càng tỏa sáng trong lòng dân tộc

trên bước đường hội nhập khu vực và thế giới, đem lại hiệu quả thiết thực và lâu bền cho công tác từ thiện và các đối tượng xã hội cần được quan tâm, chia sẻ, hỗ trợ. Để phát huy thật tốt những gì đã đạt được, Ni giới Hải Phòng cần duy trì tinh thần đoàn kết, giữ gìn giới hạnh trang nghiêm, phát huy sức mạnh tập thể và thực hiện tốt công tác Phật sự do Giáo hội giao phó, đồng lòng xây dựng nếp sống thiền gia, đời sống văn minh lành mạnh, thực hiện lời dạy của Đức Phật.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phương Bối (2019), “Tám vị Tỳ-kheo-ni "đặc biệt" nhất ở thời Hai Bà Trưng là ai?”, <https://phatgiao.org.vn/8-vi-ty-kheo-ni-dac-biet-nhat-o-thoi-hai-ba-trung-la-ai-d9871.html>.
2. “Đền Bà Chúa thờ Công chúa Túc Trinh ở Bắc Từ Liêm, Hà Nội”, <https://vanhoatamlinh.com/den-ba-chua-tho-cong-chua-tuc-trinh-o-bac-tu-liem-ha-noi/>.
3. Vũ Quỳnh, Kiều Phú (1960), *Lĩnh Nam chích quái*, Nxb. Văn hóa, Hà Nội.

NI GIỚI PHẬT GIÁO GÓP PHẦN TRONG CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

SC. NCS. Thích nữ Liên Hiền

Bảo vệ môi trường là hoạt động phòng ngừa, hạn chế những tác động xấu đến môi trường; ứng phó với sự cố môi trường; khắc phục ô nhiễm, suy thoái môi trường; sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, đa dạng sinh học và ứng phó với biến đổi khí hậu. Đây là việc làm quan trọng phù hợp lời Phật dạy và là nhiệm vụ cấp thiết của Ni giới Phật giáo trong lúc môi trường sống đang biến đổi từng ngày, từng giờ, gây ra bao tác hại thảm khốc cho nhân loại.

1. Vấn nạn môi trường

Hiện nay, vấn đề ô nhiễm môi trường diễn biến phức tạp trên toàn cầu. Trái Đất luôn biến động không ngừng. Động đất, sạt lở... xảy ra liên miên; nạn cháy rừng, hạn hán, bão lụt, xâm nhập mặn gia tăng; nhiều nơi bị nước lũ nhấn chìm, kể cả các thành phố lớn. Tính mạng và tài sản của con người đứng trước nguy cơ, thách thức từ sự tàn phá của thiên nhiên.

Thứ nhất, ô nhiễm tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp và làng nghề đang ở mức đáng lo ngại. Hàng trăm tấn chất thải phát sinh mỗi năm chưa được xử lý; phần lớn chỉ chôn lấp một cách hình thức, chưa đảm bảo an toàn vệ sinh, phát ra nhiều mùi hôi, ảnh hưởng đến sức khỏe người dân. Việc ô nhiễm trên Biển Đông đang diễn biến phức tạp do các hoạt động khai thác dầu khí, giao

thông vận tải, sự cố tràn dầu, chất thải đổ ra biển mà chưa được xử lý triệt để...

Thứ hai, quy mô kinh tế và dân số ngày càng tăng. Tốc độ công nghiệp hóa và đô thị hóa diễn ra nhanh mà công tác quản lý việc khai thác nguồn tài nguyên thiên nhiên còn nhiều hạn chế, kết cấu hạ tầng xử lý chất thải còn thiếu đồng bộ, phát sinh nhiều nguồn ô nhiễm môi trường, gây hệ lụy nghiêm trọng cho môi trường sống.

Thứ ba, hệ sinh thái môi trường bị đe dọa. Nguyên nhân do rừng bị phá hủy, thời tiết thay đổi thất thường, nhiều nơi bị lũ lụt, sạt lở nghiêm trọng; có nơi mạch nước ngầm mất nguồn cung cấp, rừng phòng hộ bị suy giảm, nhiều loài động vật, đặc biệt là động vật quý hiếm bị săn bắt, khai thác, buôn bán trái phép, dẫn đến nguy cơ tuyệt chủng, gây mất an ninh sinh thái môi trường.

Thứ tư, hệ thống pháp luật bảo vệ môi trường còn nhiều bất cập; các công cụ quản lý môi trường chưa phát huy hiệu lực, hiệu quả; cách tiếp cận và công cụ quản lý chưa được thể chế hóa kịp thời để đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, hội nhập quốc tế. Các doanh nghiệp coi trọng tăng trưởng kinh tế, thu hút đầu tư mà xem nhẹ bảo vệ môi trường. Văn hóa, ý thức trách nhiệm của người dân chưa cao, dẫn đến nảy sinh nhiều vấn đề môi trường bất cập.

Thứ năm, nguồn lực tài chính đầu tư cho bảo vệ môi trường từ ngân sách nhà nước và doanh nghiệp chưa đáp ứng yêu cầu, thiếu cơ chế đột phá, nhiều dự án có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường nhưng vẫn được cấp phép đầu tư.

Thứ sáu, công tác tuyên truyền, giáo dục người dân nhằm nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm bảo vệ môi trường trong và ngoài hệ thống giáo dục quốc gia còn hạn chế, chưa thật sự hiệu quả.

2. Ni giới với công tác bảo vệ môi trường

Kinh điển vẫn ghi lại lời dạy của Đức Phật về mối quan hệ tương hỗ giữa con người và môi trường. Thuyết Duyên khởi chỉ rõ, bảo vệ,

gìn giữ môi trường luôn trong lành, sạch sẽ cũng chính là bảo vệ sức khỏe con người, hướng con người đến những điều tốt đẹp hơn.

Trong một bài kinh, Đức Phật dạy các đệ tử không nên đổ vật dư thừa lên cây cỏ hay nước, làm như thế sẽ hại cây cỏ và gây ô nhiễm môi trường. Đức Phật khuyên đệ tử không làm ô nhiễm môi trường; không đổ rác bừa bãi gây mất vệ sinh; xả chất thải phải đúng nơi; có ý thức bảo vệ môi trường sống; mọi hành động dù là nhỏ hay lớn, đều phải có chánh niệm. Ví như, giới thứ nhất nói đến chuyện bảo vệ sự sống: “Ý thức được những khổ đau do sự giết hại gây ra, con nguyện nuôi dưỡng lòng từ bi, không giết hại muôn loài, bảo vệ sự sống con người.” Giới thứ năm là giảm thiểu khổ đau do tiêu thụ rượu và các chất gây hại làm cạn kiệt, ô nhiễm môi trường. Vì vậy, từ cái “nhân” bảo vệ môi trường, con người nhận được “quả” là cuộc sống thư thái, mạnh khỏe và bình an.

Trong *Kinh A-hàm*, phẩm Kinh Lâm có dạy: “Tỳ-kheo nương vào một khu rừng để ở. Vị ấy nghĩ rằng: ta nương vào khu rừng này để ở, chưa có chánh niệm sẽ được chánh niệm, tâm chưa định sẽ được định, nếu chưa giải thoát sẽ được giải thoát, các lậu chưa diệt tận, chưa chứng đắc Niết-bàn an ổn vô thượng thì sẽ chứng đắc Niết-bàn... Này các Tỳ-kheo, phải bảo vệ môi trường tự nhiên trong sạch.”

Đức Phật dạy các đệ tử ý thức bảo vệ môi trường, bảo vệ giá trị thiên nhiên. Nếu ai tác động tiêu cực đến môi trường, đồng nghĩa với việc hủy hoại nơi tu tập, thì toàn bộ quá trình chứng đắc sẽ không diễn tiến như mong đợi. Vì vậy, là con gái của Đức Phật, cần có chủ hướng, chủ ý nêu cao tinh thần, vai trò, hành động trong việc đồng hành cùng các ban ngành, đoàn thể, tổ chức xã hội, Phật giáo và đạo bạn, kêu gọi ý thức người dân trong công tác bảo vệ môi trường. Cụ thể:

+ Con người chưa bao giờ thỏa mãn với những gì mình có. Vì vậy, cần đưa nội dung bảo vệ môi trường vào giảng ở chùa, trong các khóa tu, giảng trên phương tiện truyền thông, hoặc lồng ghép vào các bài báo. Hiện nay, tỉnh nào cũng có khóa tu mùa hè, Ni giới nên lồng

ghép vấn đề bảo vệ môi trường vào bài giảng dành cho trẻ em, khen thưởng những tu sinh có ý thức bảo vệ môi trường và nếp sống thiền môn sạch đẹp.

+ Phải biết nuôi dưỡng sự sống: phóng sanh, trồng cây xanh, chia sẻ tài vật cho người bất hạnh thay vì tiêu thụ hoang phí. Khi làm Phật sự phóng sanh, cần lựa chọn loại thủy hải sản phù hợp, giúp cân bằng hệ sinh thái. Gắn kết với các hội đoàn, Ban Trị sự tài trợ nguồn cây hoặc đồng hành tham gia phong trào trồng cây phước đức và cây tri đức, trồng cây ở biên giới, hải đảo, loại bỏ tục “hái lộc, bẻ lộc” trước đây. Đặc biệt, chú trọng trồng cây xanh tại nơi đất trống đồi trọc, nơi đầu nguồn để chống xói mòn, sạt lở và trồng cây xanh xung quanh nơi ở để điều hòa không khí, cân bằng hệ sinh thái. Tháng 8 năm 2023, chúng tôi đã vận động nhóm trồng cây Tri ân cùng Đoàn Thanh niên tỉnh Tiền Giang, tỉnh Long An, kết quả trồng được 16.700 cây xanh khu vực các huyện biên giới Việt Nam - Campuchia và cây ven đường giao thông nông thôn.

+ Nhiều thiền viện, cơ sở thờ tự nên kêu gọi xây dựng lối sống thân thiện với môi trường ngay trong cộng đồng dân cư như: “Sạch và đẹp từ bàn thờ, trong nhà, ra ngoài sân, đến đường đi”; tiết kiệm nước, điện, giữ vệ sinh nơi cư trú, khu dân cư, không xả rác bừa bãi. Không sử dụng chất liệu nhựa trong các lễ hội “Hoa đăng” gây ô nhiễm môi trường, không đốt giấy tiền, vàng mã ở cơ sở thờ tự và rải giấy tiền, vàng mã ngoài đường... Không vứt rác bừa bãi, đặc biệt là vứt tại sông, suối, ao, hồ, bờ biển,... tránh gây ô nhiễm nguồn nước. Vấn đề quản lý rác thải ở khu đô thị cũng cần phải được nghiên cứu giải quyết.

+ Thực hiện xử lý nước thải sinh hoạt, nước thải công nghiệp trước khi thải ra môi trường; phải chú ý đảm bảo an toàn sự sống con người, loài vật và hệ sinh thái.

+ Sử dụng phương tiện giao thông chạy bằng điện hoặc năng lượng mặt trời,... để giảm khí thải CO₂ gây ô nhiễm không khí và rất

nhiều biện pháp, việc làm nhỏ, đơn giản, dễ thực hiện nhưng mang lại hiệu quả cao khác nữa.

+ Ăn chay là bảo vệ môi trường. Bác sĩ Neal D. Barnard, Chủ tịch của Ủy ban Bác sĩ về Y học có Trách nhiệm, nhấn mạnh: “Bạn ăn thịt là góp phần vào việc phá hủy môi trường sinh sống trên Trái Đất đầu bạn biết hay không? Điều bạn làm được là không yểm trợ nền kỹ nghệ sản xuất thịt và bơ sữa Hoa Kỳ.” Các nhà khoa học đã tính, cứ mỗi quarter (một phần tư) pound thịt bò bạn ăn là 55 square feet rừng cây nhiệt đới vùng Trung Mỹ bị phá hủy; sự phá hủy này cung cấp 500 pounds khí carbon vào bầu khí quyển.

+ Ni giới nên mạnh dạn đề xuất và đồng tổ chức, trợ duyên cho những hội thảo, tọa đàm, cuộc thi thời trang hoặc thi viết về bảo vệ môi trường.

+ Cùng lực lượng Đoàn Thanh niên vận động Phật tử, thanh thiếu niên, nhà trường thường xuyên thực hiện các hoạt động “nhặt rác”, gắn bảng hiệu “ý thức bảo vệ môi trường”...

+ Hướng dẫn thiện tịnh tâm để mọi người lan tỏa năng lượng yêu thương, cải thiện môi trường sống đang bất ổn hiện nay, vì “tâm bình thế giới bình”.

+ Ni giới cần có luận án, luận văn và nhiều bài tham luận về bảo vệ môi trường, quản lý rác khu đô thị, khuyến khích nhà khoa học sản xuất ra dụng cụ tiêu dùng đi đôi với bảo vệ môi trường; đề xuất các biện pháp khả thi nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho Giáo hội hay tham gia các hoạt động với Nhà nước làm cơ sở.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hội Sinh vật cảnh Việt Nam, “Lợi ích của cây xanh trong việc bảo vệ môi trường và sức khỏe”, <https://hoisvcvn.org.vn/loi-ich-cua-cay-xanh-trong-viec-bao-ve-moi-truong-va-suc-khoe>.
2. Nguyễn Lê Hà Phương (2023), “Tổng hợp 10 bài luận văn môi trường đánh giá xuất sắc nhất”, <https://trithuccongdong.net/cam-nang-luan-van/tong-hop-cac-luan-van-ve-moi-truong-de-dat-loai-gioi.html>.
3. Thanh Tâm (2019), “Sống hạnh phúc theo lời Phật dạy”, <https://phatgiao.org.vn/song-hanh-phuc-theo-loi-phat-day-d34322.html>.

ĐÓNG GÓP CỦA NI GIỚI PHẬT GIÁO TRONG CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG HIỆN NAY

PGS. TS. Nguyễn Thị Minh Ngọc

Bảo vệ môi trường là chủ đề được quan tâm trong những năm gần đây, và là một trong những mục tiêu cơ bản của phát triển bền vững. Việt Nam là một trong những quốc gia đang trực tiếp chịu ảnh hưởng của các vấn đề môi trường như ô nhiễm rác thải nhựa; hậu quả của hiệu ứng nhà kính gây ngập mặn một số vùng đồng bằng ven biển do nước biển dâng; thiên tai, bão lụt... Chung tay chia sẻ cùng Đảng và Nhà nước, Phật giáo tham gia hoạt động bảo vệ môi trường trên nhiều chiều cạnh khác nhau. Bài viết tiếp cận sự tham gia bảo vệ môi trường của Phật giáo từ việc phân tích đóng góp của Ni giới trong giáo dục Phật tử, người dân hình thành lối sống thân thiện với môi trường trên cơ sở giáo lý nhà Phật. Bên cạnh đó, Ni giới còn có vai trò là tấm gương điển hình trong bảo vệ môi trường qua việc thực hiện lối sống giản dị, thiểu dục tri túc, giữ gìn Giới Luật Phật giáo tôn trọng và bảo vệ môi trường tự nhiên.

1. Tham gia bảo vệ môi trường: Xu thế đồng hành cùng dân tộc của Phật giáo Việt Nam hiện nay

Môi trường, theo nghĩa chung nhất, là toàn bộ điều kiện tự nhiên và xã hội mà trong đó con người hay sinh vật tồn tại và phát triển trong mối liên hệ qua lại với nhau. Nói cách khác, môi trường là sự kết hợp toàn bộ hoàn cảnh hoặc điều kiện bên ngoài ảnh hưởng tới sự tồn tại, phát triển của một thực thể. Môi trường được tạo thành từ các yếu tố vật chất và phi vật chất. Những yếu tố vật chất như: đất, nước,

không khí, ánh sáng, hệ sinh thái động thực vật có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Đây là những thành phần cơ bản của môi trường, được hình thành và phát triển theo các quy luật tự nhiên vốn có và nằm ngoài khả năng quyết định của con người. Quá trình khai thác các yếu tố vật chất của môi trường phục vụ cho phát triển kinh tế đã làm mất cân bằng sinh thái do khai thác không tính tới quy trình phục hồi tự nhiên. Bảo vệ môi trường là hướng tới bảo vệ những thay đổi bất lợi cho con người, đặc biệt là các yếu tố tự nhiên.

Thực tế cho thấy tình trạng môi trường toàn cầu đang thay đổi theo chiều hướng xấu, trực tiếp tác động tới cuộc sống của con người. Ô nhiễm môi trường có thể do nhiều nguyên nhân. Mỗi yếu tố môi trường chịu tác động của một vài nhân tố khác nhau, đồng thời tác động trực tiếp lẫn nhau. Quá trình đô thị hóa, sự hình thành và phát triển của nền kinh tế tiêu dùng, xã hội tiêu dùng, phát triển công nghiệp dẫn tới phá rừng, khai thác tài nguyên bừa bãi làm cạn kiệt nguồn tài nguyên thiên nhiên là những nhân tố đáng quan tâm. Cũng như nhiều quốc gia trên thế giới, Việt Nam đang đối mặt với mâu thuẫn giữa phát triển và bảo vệ môi trường. Việt Nam là một trong những quốc gia đã và đang chịu tác động trực tiếp của biến đổi khí hậu. Bởi vậy, bảo vệ môi trường là vấn đề được Đảng và Nhà nước đặc biệt quan tâm.

Hệ tư tưởng và triết lý Phật giáo có vai trò dẫn dắt nhận thức và hành vi bảo vệ môi trường cho người dân. Phật giáo quan niệm con người và môi trường có mối quan hệ qua lại mật thiết. Giáo lý nhà Phật luôn hướng con người đến lối sống gắn bó, hài hòa và thân thiện với tự nhiên. Phật giáo quan niệm, con người cần có ý thức bảo vệ thiên nhiên như bảo vệ sự sống của chính mình.

Thời gian qua, Giáo hội Phật giáo Việt Nam luôn nỗ lực đồng hành cùng các chương trình, chủ trương, chính sách bảo vệ môi trường của Đảng và Nhà nước thông qua nhiều hình thức: triển khai các hoạt động phát động bảo vệ môi trường, xây dựng môi trường xanh, sạch, đẹp tại hệ thống cơ sở thờ tự, giáo dục Phật tử thực hành lối sống Phật giáo qua việc thực hiện các hành vi bảo vệ môi trường...

2. Vai trò của Ni giới trong giáo dục đạo đức, lối sống bảo vệ môi trường

Ni giới ngày càng đóng vai trò quan trọng trong hoạt động giáo dục, hoằng pháp của Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Tỷ lệ tín đồ, Phật tử và những người mến mộ đạo Phật là nữ hiện đang không ngừng gia tăng và chiếm ưu thế so với nam giới. Yếu tố giới nổi trội của Phật tử càng khẳng định vị thế quan trọng của Ni giới trong định hướng lối sống cho Phật tử. Ni giới có thể có điều kiện thuận tiện tiếp cận nữ Phật tử trên nhiều chiều cạnh của cuộc sống. Thực tế cho thấy, bài giảng trong các khóa tu hằng tuần, hằng tháng tại các chùa góp phần không nhỏ truyền tải những giá trị đạo đức tốt đẹp của Phật giáo tới người dân và Phật tử. Theo đó, để đảm bảo sự tôn trọng trong ứng xử với tự nhiên, con người cần loại bỏ tam độc (tham, sân, si). Tâm bị dẫn dắt bởi tam độc, cùng với sự hình thành và phát triển của nền kinh tế tiêu dùng dẫn tới hậu quả con người khai thác tài nguyên thiên nhiên một cách vô độ, tàn phá và hủy hoại môi trường tự nhiên, trong đó, nhiều nguồn tài nguyên chỉ có khả năng tái tạo trong thời gian rất dài, thậm chí không thể tái tạo lại. Sự khai thác cạn kiệt môi trường thiên nhiên phục vụ cho nhu cầu trước mắt đã khiến toàn cầu đối diện với sự hủy diệt trong tương lai.

Học thuyết duy thức học Phật giáo chỉ ra rằng, tâm thức con người có mối quan hệ biện chứng với môi trường tự nhiên bên ngoài. Bởi thế, sự ô nhiễm và suy thoái của môi trường tác động trực tiếp đến các dạng sống trên Trái Đất và dẫn tới sự khổ đau của con người. Nếu tiếp tục không kiểm soát lòng tham mà duy trì những tác động tiêu cực tới tự nhiên như chặt phá rừng bừa bãi, khai thác cạn kiệt nguồn tài nguyên, săn bắt động vật... làm mất cân bằng sinh thái hay không kiểm soát nguồn chất thải rắn sinh hoạt, chất thải công nghiệp, khí thải nhà kính..., con người sẽ sớm phải trả giá cho hành vi của mình.

Ni giới với nhiều hình thức hoạt động khác nhau, đã giáo dục người dân và Phật tử biết sống theo Tứ vô lượng (từ, bi, hỷ, xả), biết giữ ngũ giới, thực hành thập thiện. Lối sống này răn dạy con người

phải ứng xử hài hòa với tự nhiên, biết tôn trọng mọi sinh mệnh. Đạo đức sinh thái là một chủ đề quan trọng của triết học Phật giáo. Tư tưởng đạo đức sinh thái dựa trên các tư tưởng cơ bản: thuyết duyên khởi, thuyết vạn vật bình đẳng, thuyết nhân quả nghiệp báo... Quan niệm về thế giới, về nhân sinh trong các học thuyết này đặt ra các nguyên tắc và chuẩn mực của đạo đức sinh thái như một trong những giải pháp nhằm giúp mỗi chúng sinh tìm thấy con đường đi đến “giải thoát”¹.

Duyên khởi là một trong những học thuyết cơ bản của triết học Phật giáo, giúp con người nhìn rõ bản chất vận động của vạn pháp, từ đó làm sáng tỏ nguyên nhân tạo nên sự khổ đau của con người và phương thức giải thoát khổ đau. Thuyết Duyên khởi cho rằng vạn pháp (trong đó bao gồm cả con người và tự nhiên) tạo thành do một chuỗi tương quan liên hệ mà sự sinh khởi và hoại diệt của các yếu tố là tùy thuộc vào các yếu tố khác khi hội đủ duyên. Có thể tóm tắt nội dung cơ bản của thuyết Duyên khởi là: “Do cái này có mặt, mà cái kia có mặt; Do cái này không có mặt, thì cái kia không có mặt; Do cái này sinh, dẫn tới cái kia sinh; Do cái này diệt, mà cái kia diệt”. Như vậy, học thuyết Duyên khởi cho thấy mọi hiện hữu trên thế giới đều vận hành theo nguyên tắc của mối quan hệ biện chứng tương quan phụ thuộc lẫn nhau. Sự vật, hiện tượng sinh khởi do hội tụ đầy đủ điều kiện hỗ trợ cho sự sinh khởi ấy (duyên). Ngược lại, sự vật, hiện tượng hoại diệt hay tan rã khi các điều kiện, yếu tố tạo nên chúng thay đổi. Đồng thời, bản thân các điều kiện hỗ trợ sự sinh diệt cũng tùy thuộc vào các yếu tố, điều kiện khác mà sinh khởi hay hoại diệt. Sự sinh khởi hay hoại diệt diễn ra liên tục trong từng sát-na dẫn tới quá trình biến đổi của vạn pháp là không ngừng. Nhìn từ góc độ mối quan hệ con người và tự nhiên, thuyết Duyên khởi chỉ ra đây là mối quan hệ cộng sinh, cùng sinh tồn, cùng phát triển. Thế giới tự nhiên đa dạng, phong phú nhưng không nằm ngoài mối quan hệ phụ thuộc lẫn nhau. Sự tồn vong của tự nhiên và con người là gắn bó chặt chẽ. *Kinh*

¹ Phạm Công Nhất (2017), “Đạo đức sinh thái trong triết học Phật giáo”, Tạp chí *Khoa học xã hội Việt Nam*, số 15.

Tạp A-hàm chỉ rõ: “Nếu cái này có, cái kia có; do cái này sinh, cái kia sinh; nếu cái này không có, cái kia không có; do cái này diệt, cái kia diệt”¹. Con người và tự nhiên không thể tồn tại độc lập. Làm tổn hại tự nhiên là làm tổn hại chính bản thân con người. Do vậy, để đảm bảo cho con người có được đời sống tốt đẹp, cần phải giáo dục người dân và Phật tử không được phá hoại môi trường sinh thái, phải duy trì, bảo vệ sự cân bằng tự nhiên, nỗ lực hết sức để tạo ra những nhân tố có lợi cho việc đảm bảo hệ sinh thái được bảo tồn và phát triển. Đây là trách nhiệm quan trọng nhất của con người nhằm bảo vệ chính mình.

Thuyết vạn vật bình đẳng trong tư tưởng vũ trụ quan Phật giáo nhấn mạnh mọi tồn tại (vạn pháp) trong thế giới là thống nhất trong sự bình đẳng. Sự khác biệt hiện hữu là do duyên nghiệp mà thành. Vạn vật vô thường, sự vận động xoay vòng, biến đổi trong tiến trình thành - trụ - hoại - không. Về bản chất, vạn vật là bình đẳng, không cao, không thấp, không sang, không hèn. Bởi vậy, con người trong mối quan hệ với tự nhiên là bình đẳng; con người không có quyền tranh đoạt làm tổn hại tới môi trường xung quanh. Lối sống thiện lương, không sát sinh được khởi nguồn từ triết lý vạn vật bình đẳng này.

Thuyết nhân quả nghiệp báo phân tích về mối quan hệ nhân quả trong vòng xoay luân hồi của vạn pháp. Theo đó, vạn vật hình thành, tồn tại và phát triển rồi diệt vong đều có nguyên nhân của nó. Nguyên nhân là cái tạo ra kết quả, nhưng kết quả đồng thời cũng là nguyên nhân cho quả kế tiếp. Quy luật nhân quả là quy luật khách quan trong thế giới vạn vật, bao gồm cả con người. Nghiệp là cái được tạo thành trong chuỗi vận hành nhân quả, luân chuyển qua các kiếp. Luật nhân quả, nghiệp báo chỉ ra rằng, làm thiện thì được thiện, mà làm ác thì nhận ác. “Trồng cam thì được cam, trồng đậu thì được đậu”. Ứng dụng vào mối quan hệ giữa con người và môi trường tự nhiên, để tạo nghiệp lành, tránh báo ứng, con người cần có thái độ

¹ Thích Minh Châu (Dịch, 2001), *Kinh Trung Bộ*, Kinh 115, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.

trân trọng tự nhiên, bảo vệ tự nhiên, không làm tổn hại tự nhiên để gìn giữ môi trường sống ổn định và bền vững lâu dài cho bản thân.

3. Vai trò của Ni giới trong xây dựng tấm gương điển hình bảo vệ môi trường

Ni giới là tấm gương điển hình về lối sống Phật giáo thân thiện, hài hòa với môi trường. Điều này thể hiện qua các nguyên tắc sống.

Trước hết, nguyên tắc thực hiện lối sống thân thiện với môi trường, thể hiện trong việc đề cao chuẩn mực đạo đức tôn trọng sự sống của mọi chúng sinh - thực hiện giới không sát sinh. Như thuyết Bình đẳng đã nói, vạn vật dù bé nhỏ đều có vai trò, vị trí bình đẳng. Lối sống thân thiện môi trường đề cao nguyên tắc đặt cuộc sống con người trong mối liên hệ với muôn loài. Không sát sinh là thể hiện tinh thần hiếu sinh, buông bỏ lối sống ích kỷ.

Thứ hai là lối sống khơi dậy Phật tính, loại bỏ tam độc (tham, sân, si). Khơi dậy Phật tính là khơi dậy tâm từ bi vốn tiềm ẩn trong mỗi người. Lối sống thiếu dục tri túc răn dạy con người phải biết trân quý những gì mình đang có. Không vì sự dẫn dắt dục vọng (tham, sân, si) mà ham hưởng thụ, tiêu dùng quá mức phá hủy tài nguyên thiên nhiên đến cạn kiệt, dẫn tới hủy hoại vạn vật và môi trường. Lối sống giản dị là lối sống an lạc luôn ý thức bảo vệ muôn loài thay vì thờ ơ giết hại sinh mạng và hủy diệt điều kiện sinh tồn của chúng sinh; là lối sống hợp tác vì lợi ích chung thay vì cạnh tranh giành giật cho quyền lợi riêng; là lối sống vượt qua dục vọng của bản thân để thể nhập cùng tự nhiên, thay vì tách rời và đối nghịch với thiên nhiên. Lối sống này giúp con người nhận thức sâu sắc và thấu đáo về trách nhiệm của bản thân đối với môi trường sống. Một lối sống giản dị, tiết kiệm, giảm sức ép đối với môi trường, hài hòa giữa lợi ích con người với bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, giảm ô nhiễm, tránh tình trạng khai thác tài nguyên vô độ, giảm hiệu ứng nhà kính, nhờ đó tránh được hậu quả thiên nhiên như khí hậu nóng lên, bão lụt, hạn hán, nước biển dâng... đe dọa cuộc sống con người.

Thứ ba, xây dựng lối sống tạo dựng nghiệp thiện, tránh xa nghiệp ác. Luật nhân quả vận hành không loại trừ ai. Nghiệp quả là kết quả của một chuỗi vận hành nhân quả không ngừng nghỉ. Muốn có quả ngọt, quả lành, phải gieo nhân ngọt, nhân lành. Tôn trọng và ứng xử tốt với tự nhiên, môi trường là nhân lành mỗi người gieo để gặt quả lành trong cuộc sống. Bởi lẽ, quan hệ giữa con người và môi trường là quan hệ tương hỗ hai chiều, phụ thuộc lẫn nhau. Tạo nghiệp tốt, xả nghiệp ác là một trong những nguyên tắc đạo đức sinh thái phổ biến của Phật giáo để thực hành lối sống thân thiện với thiên nhiên.

Con người sinh ra với hai bàn tay trắng, khi ra đi không mang theo thứ gì là nguyên tắc đến và đi trong thế giới này. Vô ngã là triết lý Phật giáo giúp con người buông xả cái tôi ích kỷ. Chính trong tinh thần vô ngã, con người có thể ứng xử bình đẳng, hòa ái với muôn loài.

Có thể thấy rằng, mỗi Ni sư khi thực hành lối sống Phật giáo, đạo đức Phật giáo, giới hạnh Phật giáo trong đời sống hằng ngày, sẽ là một tấm gương điển hình dẫn dắt Phật tử hướng đến lối sống chân chính, thân thiện, chung sống hài hòa cùng môi trường tự nhiên. Qua đó, không chỉ giúp Phật tử hiểu thêm về tư tưởng giải thoát của đạo Phật mà còn dẫn dắt người dân và Phật tử thực hiện các hành vi bảo vệ môi trường từ những chiều cạnh nhỏ nhất trong đời sống hằng ngày. Đây là đóng góp to lớn của các Ni sư trên con đường hoàng dương Chính pháp, đưa đạo Phật nhập thế sâu rộng vào đời sống xã hội ngày nay.

Kết luận

Bảo vệ môi trường đang ngày càng trở nên bức thiết trong bối cảnh khủng hoảng môi trường toàn cầu hiện nay. Chung tay cùng Đảng và Nhà nước, Phật giáo Việt Nam triển khai nhiều hoạt động hướng tới việc bảo vệ môi trường. Thực tế cho thấy, Ni giới Việt Nam đã có nhiều đóng góp trong hoạt động bảo vệ môi trường của Giáo hội. Giáo dục nâng cao ý thức Phật tử về bảo vệ môi trường trên cơ sở tư tưởng giáo lý Phật giáo là một trọng tâm cơ bản, từ đó định

hướng lối sống, chuẩn mực đạo đức cho Phật tử với các hành vi cụ thể trong đời sống hằng ngày về bảo vệ môi trường. Bên cạnh đó, sự trang nghiêm, giản dị, đạo hạnh của Ni giới Phật giáo trong đời sống hằng ngày cũng là tấm gương điển hình để Phật tử noi theo.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phạm Công Nhất (2017), “Đạo đức sinh thái trong triết học Phật giáo”, Tạp chí *Khoa học xã hội Việt Nam*, số 15.
2. Thích Minh Châu (Dịch, 2001), *Kinh Trung Bộ*, Kinh 115, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
3. Phương Lập Thiên (2005), “Triết học sinh thái Phật giáo và ý thức sinh thái hiện đại”, Tạp chí *Huyền Trang Phật học nghiên cứu* (Đài Loan), kỳ 2.
4. Phạm Thế Kiên, Nguyễn Xuân Thanh (2022), “Phát huy tinh thần bảo vệ môi trường trong tư tưởng Phật giáo”, Tạp chí *Khoa học Đại học Huế*, số 6B, tr.109-123.
5. Thích Nhuận Đạt (Dịch, 2010), *Đạo Phật và môi trường*, Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.

NI GIỚI PHẬT GIÁO

VỚI VIỆC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG SINH THÁI HIỆN NAY

SC. TS. Thích nữ Thanh Quế - BTV. Lưu Hồng Hoa

Hiện nay, tình trạng ô nhiễm môi trường đang diễn ra vô cùng nghiêm trọng. Mỗi một cá nhân, không phân biệt xuất gia hay tại gia, cần có ý thức trách nhiệm và hành động thiết thực góp phần bảo vệ môi trường sinh thái. Trong kho tàng tinh hoa triết lý Phật giáo, có nhiều quan điểm nói về sự tôn trọng và bảo vệ môi trường sinh thái. Có thể nói, đó là những bài học vô cùng quý giá cho nhân loại ngày nay. Đặc biệt, triết lý Duyên khởi có thể coi là cơ sở của quan điểm bảo vệ môi trường sinh thái.

1. Duyên khởi: Cơ sở của quan điểm bảo vệ môi trường sinh thái

Theo nguyên lý Duyên khởi, khi cái này có, cái kia có; khi cái này hiện, cái kia hiện; khi cái này không, cái kia không; khi cái này mất, cái kia mất. Con người là tập hợp của năm uẩn: Sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Trong đó, sắc uẩn bao gồm thân vật lý của người ấy và toàn thể thế giới vật lý. Điều đó có nghĩa, thiên nhiên là một phần rất lớn của cơ thể con người. Con người không thể tồn tại nếu không có môi trường. Nếu môi trường hay thiên nhiên bị ô nhiễm trầm trọng thì cơ thể vật lý của con người hay đời sống của con người cũng bị hủy diệt.

Phật giáo Đại thừa xem vạn pháp là sự hiển thị của Phật tính, vạn pháp đều có Phật tính. Vạn pháp này bao gồm cả loài vật hữu tình và các loài thực vật, vô cơ, không có tình cảm, ý thức. Tuy vậy, tương quan giữa con người với các phương diện sinh thái cũng đóng vai trò chính yếu cho sự tồn tại của loài người. Tất cả các loài có sự sống và

không có sự sống trong thiên nhiên đều có mối liên hệ mật thiết với nhau. Chúng hỗ trợ, giúp đỡ nhau để sinh tồn lâu dài hơn. Mỗi cá thể nhân loại có liên hệ với nhau, với các loài động thực vật cũng như với toàn hệ sinh thái. Dù cho các mối liên hệ này ở tầm vĩ mô hay vi mô, nó vẫn hiện hữu. Vì vậy, để hiểu được vũ trụ và sự liên kết phức tạp trong mạng lưới của nó, chúng ta cần phải nhìn vào bên trong chính mình để nhận thức tiềm năng và bản thân. Kiến thức về vũ trụ và các mối quan hệ phức tạp của nó có thể cơ bản giúp thay đổi thái độ hành xử của chúng ta với thiên nhiên. Ngay trong việc thực tập tu tập theo đạo Phật, lòng trắc ẩn chính là một biểu hiện về quan điểm đối với môi trường. Do vậy, lời dạy của Đức Phật có thể được sử dụng để khai sáng cho loài người về sự đồng sinh tồn, không thể chia tách giữa con người và thiên nhiên.

Hữu tình - vô tình đều bình đẳng với nhau, vì thế, cần có thái độ phù hợp, không quá coi trọng loài hữu tình mà xem nhẹ loài vô tình. Không chỉ tất cả chúng sinh hữu tình mà ngay cả các loại vô tình như cỏ cây, gạch đá, hạt bụi... cũng có Phật tính. Xưa có một Thiền sư nói: “Thanh thanh thúy trúc tổng thị Pháp thân, quật quật hoàng hoa vô phi Bát-nhã”¹ (Trúc biếc xanh xanh là Pháp thân, hoa vàng rợp rợp là Bát-nhã). Dựa trên nguyên lý này, làm thanh tịnh quốc độ, yêu quý thiên nhiên chính là sứ mạng về thiên nhiên của Phật giáo.

Theo lý tương tức thì chúng sanh được làm bởi những yếu tố không phải chúng sanh. Nhìn vào bản thân mình, ta sẽ thấy có cả khoáng vật và nhiều yếu tố không-phải-chúng-sanh khác. Như vậy thì tại sao ta lại phân biệt ta và những cái mà ta gọi là vô tri giác? Để bảo vệ tất cả chúng sanh, ta phải bảo vệ cả đất đá, sông hồ và đại dương. Con người và thiên nhiên không thể tách rời nhau nên ta đối xử với thiên nhiên như đối xử với chính mình, bằng tất cả sự cẩn trọng nhẹ nhàng, trân quý, yêu thương. Nếu không muốn bị bệnh tật, đau khổ, thương tổn, bất an thì ta cũng không nên làm thương tổn thiên nhiên. Toàn thể vũ trụ và vạn vật trong đó, bao gồm cả đất đai,

¹ Thích Thanh Từ (1997), *Tuệ Trung Thượng sĩ ngữ lục giảng giải*, Thiền viện Thường Chiếu, tr.83.

không khí, nước, nham thạch, suối, biển... đều có tính tôn nghiêm. Nếu con người xâm phạm tính tôn nghiêm của nó, cũng là xâm phạm tính tôn nghiêm của chính chúng ta.

Hành tinh của chúng ta có rất nhiều loại sinh vật khác nhau, tất cả đều nương tựa vào nhau để tồn tại, cho nên chúng ta phải ôm lấy đất mẹ bằng tất cả trái tim, dang rộng hai cánh tay để bảo vệ tất cả các loài sinh vật trên Trái Đất.

Muốn bảo vệ môi trường, trước tiên, ta phải chăm sóc chính mình, làm cho bản thân mạnh hơn - mạnh về nội tâm. Khi đủ mạnh rồi, ta sẽ không còn lo lắng, bất an. Khi một cá nhân biết chăm sóc chính mình, rồi nhiều cá nhân cũng biết chăm sóc chính họ, chúng ta sẽ có được một tập thể biết chăm sóc những nguồn năng lượng tốt đẹp. Khi càng nhiều năng lượng cá thể tốt, người ta sẽ hạn chế dần sự độc chiếm, sự tàn phá, sự hủy hoại thế giới xung quanh, trong đó có cả môi trường thiên nhiên.

Mỗi sáng, khi tiếp xúc với một ly trà, cầm ly trà trên tay, khúu giác ta thấy ly trà này rất thơm, ta cảm nhận thấy hơi ấm từ ly trà lan tỏa vào tay. Nhưng nhìn sâu vào ly trà, là có cả một thế giới, ta thấy được nụ non trà mới nhú, thấy được bầu trời nhiều mây, những cơn mưa nuôi dưỡng đất để cây trà phát triển, thấy được cả những giọt mồ hôi của người nông dân... Có cái nhìn sâu trong chánh niệm như thế, mới biết ta không chỉ có ly trà mà là có cả thế giới, như vậy ta mới biết trân quý thế giới xung quanh, cả thế giới hữu hình và vô hình. Dù là một ly trà, một cây cỏ hay một hạt lúa, cũng đều chứa đựng cả thế giới.

2. Hoạt động bảo vệ môi trường sinh thái của Ni giới Phật giáo

Vào đầu thế kỷ XXI, số lượng chư Ni ở Việt Nam tiếp tục phát triển lên đến hàng vạn người, chiếm 54% trên tổng số 50.000 Tăng Ni cả nước, trong số đó có nhiều vị tốt nghiệp học vị cử nhân, thạc sĩ, tiến sĩ. Ni giới đã chứng tỏ khả năng của mình trên tất cả các lĩnh vực từ tu tập, xây dựng chùa chiền, cho đến giáo dục, từ thiện xã hội,

tham gia phong trào kháng chiến giành độc lập cho dân tộc và bảo vệ môi trường sinh thái.

Ni giới luôn có mối quan hệ mật thiết với môi trường tự nhiên trong quá trình lao động, sinh hoạt, là người có ảnh hưởng tới ý thức, hành vi của các thành viên khác trong một Tăng đoàn, một đạo tràng. Ni giới còn là chủ thể quan trọng trong công tác bảo vệ môi trường sinh thái, đóng vai trò tích cực trong việc hình thành nếp sống và ý thức bảo vệ môi trường hiện nay bằng nhiều cách khác nhau.

Tại Thiền viện, các sư Ni tích cực lao động sản xuất trên cơ sở đất đai vốn có của chùa nhằm tự cung cấp cho cuộc sống tu hành của bản thân và Tăng đoàn, luôn tạo cảnh quan nhiều cây cối xanh tươi, bóng mát, thơm mát các giống hoa nở bốn mùa. Chăm sóc nguồn đất giàu chất dinh dưỡng bằng phương pháp tự nhiên, giữ cho nguồn nước sạch, nguồn không khí mát mẻ, tạo môi trường sống trong lành, thanh tịnh, trở thành khu văn hóa tâm linh cho địa phương. Ngoài ra, các sư Ni vận động quý Phật tử hạn chế đốt hương, đèn, vàng mã, nhằm nâng cao công tác phòng cháy chữa cháy. Trong các ngày lễ Phật giáo, vận động Phật tử tham gia phong trào trồng cây, loại bỏ tục lệ bẻ lộc, bẻ cành, ngắt hoa. Các sư Ni cùng phát động nhiều phong trào dọn dẹp môi trường chung, có sự tham gia của chính quyền địa phương như dọn rác, nhổ cỏ, trồng cây, trồng hoa, kêu gọi lối sống thân thiện với môi trường, bắt đầu từ bàn thờ tổ tiên, trong nhà, ra ngoài ngõ, tới đường đi lối về đều sạch sẽ, tạo môi trường cho các Phật tử nuôi dưỡng tâm từ bi, gần gũi thiên nhiên, dần tạo ý thức tốt cho mọi người cùng nhau tu tập, xây dựng nếp sống thân thiện môi trường.

Bên cạnh đó, Ni giới còn khuyến khích nhân dân, Phật tử tiết kiệm điện, nước của chùa, gia đình và nơi công cộng, hạn chế sử dụng túi nilon. Phân loại rác từ nguồn, tái sử dụng các chai nhựa để trồng cây, trồng hoa. Không vứt rác bừa bãi, thu dọn rác sau khi sử dụng và bỏ rác đúng nơi quy định.

Hướng dẫn Phật tử hiểu đúng về phóng sinh và cân bằng sinh thái, duy trì truyền thống phóng sinh hằng năm, thực hiện việc phóng sinh ngay trong cuộc sống thường ngày.

Nâng cao nhận thức của Tăng Ni, Phật tử về bảo vệ môi trường sinh thái, các hoạt động tuyên truyền, hoằng pháp. Mọi lời dạy của Đức Phật được các hàng đệ tử thấu hiểu mà thực hành theo thông qua các hình thức truyền thống như: truyền miệng, sách, báo, bài thuyết pháp... đến các hình thức hiện đại như: facebook, video, fanpage của Ni giới về môi trường, ngũ giới, ăn chay, từ bi hỷ xả, nghiệp báo... Thông qua đó, mọi người thấm thấu được tư tưởng đạo đức trong lời Phật dạy, trở thành một công dân yêu quê hương, yêu đất nước, biết ơn từng nhân duyên trong cuộc sống.

Xây dựng khóa tu mùa hè định kỳ cho các bạn thanh thiếu niên, thu hút rất nhiều bạn trẻ tham gia, thường lồng ghép các hoạt động tìm hiểu về kiến thức bảo vệ môi trường, kỹ năng sống, thực hành nếp sống lành mạnh, nói về đạo lý biết ơn, yêu thiên nhiên, sống có lý tưởng, phụng sự cho đời, biết gieo nhân lành để chuyển hóa khổ đau, biết yêu thương mọi điều trong cuộc sống. Thực hành đi thiền, ngồi thiền để thân tâm vững chãi và cảm nhận được sự nhiệm màu đất mẹ, ăn trong chánh niệm để tỏ lòng biết ơn với những thực phẩm có mặt trong bữa ăn của mình, hiểu về nguyên lý Duyên khởi để biết nhìn sâu vào bát cơm đầy trong hai lòng bàn tay, nâng niu trân quý từng miếng cơm nuôi dưỡng cơ thể, để biết được rằng trong bát cơm đó có nắng, gió, mưa, có mồ hôi của người làm đồng, có bóng dáng của người nấu ăn, ý thức được sự diệu kỳ của thiên nhiên ban tặng đã nuôi sống con người, để tỏ lòng biết ơn từng ngụm nước, từng hạt gạo, từng hơi thở, từng trang giấy, từng cơn gió,... ta đều nương nhờ thiên nhiên mà có, từ đó có ý thức hơn trong việc bảo vệ ngôi nhà chung. Sau các khóa tu, khi trở về với gia đình, các bạn trẻ sẽ thay đổi nhận thức, quan tâm hơn tới môi trường sống, đạo đức sống, và hướng thượng hơn.

Ni giới còn kết hợp với các ban ngành đoàn thể phường, quận tham gia các khóa phân loại rác thải tại nguồn, cố gắng góp phần

giảm thiểu tình trạng Trái Đất nóng lên, hưởng ứng giờ Trái Đất, giúp đỡ các hộ gia đình khắc phục sau thiên tai. Cuộc đời tu tập của Ni giới thể hiện sự thấm nhuần nguyên lý Duyên khởi về lòng từ bi và thân thiện với môi trường, từ đó Ni giới là tấm gương, ngọn đèn chỉ lối để làm lớn mạnh hơn nữa tinh thần bảo vệ môi trường sinh thái tới mọi tầng lớp trong xã hội.

Kết luận

Sự tồn tại và phát triển của một cá nhân phụ thuộc vào một cộng đồng. Cộng đồng Ni giới có tu tập là nguồn hạnh phúc, vì vậy chúng ta phải chăm sóc cộng đồng đó. Hãy cùng cộng đồng Ni giới nói riêng, nhân loại nói chung có ý thức trách nhiệm sâu sắc, nỗ lực không ngừng để bảo vệ đất mẹ, nhìn sâu vào những điều xảy ra trong quá khứ, nhìn sâu vào những gì đang có ở hiện tại để nguyện mỗi giây phút này chúng ta sẽ tư duy và hành động vì nhân loại, vì thế giới, bảo vệ môi trường sinh thái tự nhiên. Đó cũng là bảo vệ sự sống của chính chúng ta.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Charles Darwin, Orkid (Dịch, 2019), *Nguồn gốc muôn loài*, Nxb. Tri thức, Hà Nội.
2. Thích Nhất Hạnh (2005), *Đường xưa mây trắng*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
3. Thích Nhất Hạnh (2018), *Không diệt không sinh đừng sợ hãi*, Nxb. Hội Nhà văn, Hà Nội.
4. Thích Nhất Hạnh, Chân Hội Nghiêm (Chuyển ngữ, 2020), *Hướng đi của đạo Phật cho hòa bình và sinh môi*, Nxb. Lao động, Hà Nội.
5. Joanthan Landaw (2012), *Lược truyện Đức Phật Thích Ca*, Thích Chân Tính dịch, Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Thích Trí Siêu (2008), *Xin cứu độ Đất mẹ*, Nxb. Phương Đông, Thành phố Hồ Chí Minh.
7. Bùi Văn Trân, Bùi Thị Trà Giang (2018), *Cơ sở môi trường sinh thái*, Nxb. Tài nguyên môi trường & Bản đồ Việt Nam, Hà Nội.
8. Thích Thanh Từ (1997), *Tuệ Trung Thượng sĩ ngữ lục giảng giải*, Thiền viện Thường Chiếu.
9. TS. Hạnh Tuệ, Lưu Hồng Hoa, Nguyễn Ngọc Tấn (2022), *Hạnh phúc chỉ nam*, Nxb. Phụ nữ, Hà Nội.

GIẢM TÌNH TRẠNG PHÂN BIỆT ĐỐI XỬ VỚI NHÓM GIỚI TÍNH DỄ TỔN THƯƠNG (LGBT+): ĐÓNG GÓP CỦA NI GIỚI PHẬT GIÁO

*NNC. Hầu Lâm Phùng,
TS. Ngô Hồ Anh Khôi,
PGS. TS. Trần Thị Hạnh*

Trong bối cảnh thế giới đang hướng đến bình đẳng giới và quan tâm vấn đề đa dạng giới, Cơ quan Liên hợp quốc về Bình đẳng giới và Trao quyền cho phụ nữ báo cáo rằng định nghĩa về bình đẳng giới ngày càng mở rộng. Tuy nhiên, công nhận và bảo vệ đa dạng giới vẫn phụ thuộc nhiều vào can thiệp y tế, đặc biệt là đối với người chuyển giới. Nhóm LGBT+ đối diện với sự thiếu công nhận và các thách thức xã hội. Nghiên cứu từ phương diện Phật giáo ở phương Tây và Đông Bắc Á chỉ ra rằng, việc áp dụng các phương pháp Thiền có thể cải thiện tâm lý của nhóm này. Tại Việt Nam, nghiên cứu thường tập trung vào góc độ luật pháp đối với nhóm yếu thế xã hội. Trong khi có nhiều nghiên cứu về LGBT+ từ phương diện Phật giáo ở phương Tây, tại Việt Nam, thông tin về đóng góp của Phật giáo và Ni giới cho người LGBT+ còn hạn chế. Nghiên cứu phác thảo đóng góp đa dạng của Ni giới Phật giáo trong lĩnh vực này.

1. Khái niệm

Nhóm giới tính thiểu số dễ tổn thương ở Việt Nam có thể được biết đến với các khái niệm sau:

Phi nhị nguyên giới (Non-binary): là một phổ trong bản dạng giới, nằm ngoài hệ nhị phân giới (Gender binary).

Đồng tính luyến ái (Homosexual): người thấy hấp dẫn chính về tính dục và tình cảm đối với người cùng giới.

Đồng tính (Gay): người đàn ông thấy hấp dẫn tính dục và tình cảm đối với những đàn ông khác.

Đồng tính nữ (Lesbian): người nữ thấy hấp dẫn chính về tính dục và tình cảm với những người phụ nữ khác.

LGBT: một thuật ngữ chỉ các “nhóm thiểu số về giới tính và bản dạng” (Sexual and Gender Minorities); gồm có đồng tính nữ, đồng tính nam, song tính và chuyển giới.

Chuyển giới (Transgender): người có giới tính sinh học không phù hợp với giới tính tự xác định hay thể hiện trong cuộc sống. Họ có khuynh hướng chọn, hay có cách thể hiện phù hợp với bản dạng giới của mình, tùy trường hợp muốn hay không muốn thay đổi các đặc tính sinh lý để phù hợp với bản dạng giới.

2. Đóng góp của Ni giới vào việc giảm thiểu tình trạng phân biệt đối xử với người thuộc nhóm LGBT+

Đối với công cuộc thúc đẩy bình đẳng giới và giảm thiểu tình trạng phân biệt đối xử với các nhóm thiểu số về giới, Ni giới đã đóng góp rất đa dạng từ việc khai mở nhận thức cộng đồng dựa trên trí tuệ và sự từ bi, hay là thúc đẩy vận động việc bảo vệ quyền con người tại nhiều quốc gia. Dưới đây là những gương mặt Ni giới tiêu biểu có đóng góp cho sự tiến bộ của nhân loại.

2.1. Ni sư Chiếu Huệ (Venerable Chao-hwei Shih)

Ni sư Chiếu Huệ sinh ra trong một gia đình người gốc Hoa, vào năm 1965 tại thành phố Yangon, Myanmar. Ni sư cùng gia đình chuyển đến Đài Loan vào năm 8 tuổi. Tại Đài Loan, Ni sư đã học Đại học Sư phạm Quốc tế Đài Loan và có những thành tích xuất sắc. Sau đó, Ni sư Chiếu Huệ đã xuất gia theo đạo Phật. Ni sư giảng dạy tại

Đại học Công giáo Phụ Nhân bắt đầu vào năm 1994. Đến năm 1997, Ni sư bắt đầu giảng dạy tại Đại học Tư thực Đài Loan với môn Nghiên cứu Tôn giáo học. Năm 2004, Ni sư thành lập Trung tâm Nghiên cứu Đạo đức Ứng dụng. Sau đó, Ni sư giữ các vai trò quan trọng như Chủ nhiệm Khoa Tôn giáo học tại Đại học Tư thực Đài Loan, Trưởng khoa Nghiên cứu Sau đại học tại Trường Cao đẳng và Tu viện Phật giáo Hồng Thi; Ni sư tiếp tục giảng dạy triết học và đạo đức học Phật giáo. Năm 2007, Huân chương Văn học và Nghệ thuật Trung Quốc lần thứ 48 được trao tặng cho Ni sư vì những đóng góp sâu sắc trong việc kết nối và đối thoại giữa các nền văn hóa. Đến năm 2009, Ni sư giữ vai trò cố vấn tinh thần cho Mạng lưới gắn kết Phật tử toàn cầu (INEB). Năm 2020, Harvard Divinity Bulletin đã đưa tin với tựa đề *Buddhist Nun Leads Asia's Fight for Gay Marriage*¹ để vinh danh những thành tựu của Ni sư Chiếu Huệ trong việc thực hành sự từ bi thông qua thúc đẩy bình đẳng giới. Ni sư là một trong những tu sĩ nhập thế không chỉ nổi tiếng ở Đài Loan mà còn ở quốc tế. Mãi đến năm 2019, Đài Loan chính thức công nhận vấn đề hôn nhân đồng giới và trở thành quốc gia đầu tiên ở châu Á thực hiện hợp pháp hóa vấn đề này. Nhưng vào năm 2012, Ni sư Chiếu Huệ đã tổ chức hôn lễ theo nghi thức Phật giáo cho một cặp đồng tính nữ tại Đài Loan. Đây là một sự kiện gây chấn động ở thời điểm đó trong bối cảnh xã hội Đài Loan đang có nhiều chiều hướng dư luận về dự luật hợp pháp hóa hôn nhân được đề xuất từ năm 2003. Trả lời phỏng vấn báo giới, Ni sư cho biết quan điểm của mình: “Trên thực tế, giáo lý nhà Phật không phân biệt đối xử đối với những người đồng tính nam cũng như nữ, và không coi ham muốn của con người là một tội lỗi, cho dù giáo lý Phật giáo đề cao sự chừng mực”². Ni sư là một trong những học giả uy tín tại Đài Loan và quốc tế. Với thái độ thẳng thắn trong việc bảo vệ sự sống, Ni sư đã thành lập hiệp hội The Life Conservationist Association; bên cạnh đó, Ni sư còn là người ủng hộ hôn nhân đồng giới, và là người ủng hộ việc xuất gia cho nữ giới

¹ <https://bulletin.hds.harvard.edu/buddhist-nun-leads-asias-fight-for-gay-marriage/>

² “Đám cưới đồng tính nữ đầu tiên tại Đài Loan”, <https://www.rfi.fr/vi/chau-a/20120811-dam-cuoi-cua-hai-phu-nu-dong-tinh-dau-tien-tai-dai-loan>.

trong tất cả các truyền thống Phật giáo. Năm 2021, Ni sư được trao Giải thưởng Hòa bình Niwano lần thứ 38 cho những cống hiến về giáo dục, hoạt động vì quyền bình đẳng và bảo vệ sự sống.

2.2. Ni sư Thubten Chodron

Ni sư Thubten Chodron có thể danh là Cherry Green, sinh ra và lớn lên gần vùng Los Angeles (Hoa Kỳ), vào năm 1950. Sau khi tốt nghiệp Cử nhân Lịch sử tại Đại học UCLA vào năm 1971, Ni sư bắt đầu du hành đến châu Âu, Bắc Phi và châu Á. Rồi quay trở lại Hoa Kỳ, Ni sư tiếp tục lấy chứng chỉ Sư phạm, theo học tại Đại học USC (University Southern California) với chương trình Sau đại học về Giáo dục. Cơ duyên Phật pháp đến với Ni sư vào năm 1975, khi tham dự một khóa tu thiền của ngài Lama Yeshe và Zopa Rinpoche. Sau đó, Ni sư tiếp tục đến Nepal để tu học và hành thiền tại Tu viện Kopan. Năm 1977, Ni sư được xuất gia tại Dharamsala, Ấn Độ với ngài Kyabje Ling Rinpoche. Sau đó, Ni sư thọ Đại giới tại Đài Loan vào năm 1986. Ni sư có quan điểm về vấn đề đồng tính cởi mở với tinh thần bình đẳng, không phân biệt.

Khi trả lời phỏng vấn từ *Dealing With Life's Issues*¹, với câu hỏi: “Quan điểm của Phật giáo về đồng tính ở người nam và người nữ như thế nào? Điều gì được coi là những hành vi tính dục không khôn ngoan?”, Ni sư đã thể hiện quan điểm: “Với tư cách cá nhân, tôi nghĩ điều quan trọng nhất là động lực phía sau của việc chúng ta sử dụng tính dục của mình như thế nào. Nói cách khác, nếu người ta dùng tính dục một cách không khôn ngoan hay không tử tế, thì không quan trọng là điều đó xảy ra đối với người cùng giới hay khác giới. Có vài người trong nhóm Phật giáo của chúng tôi ở Seattle là người đồng tính. Họ nói với tôi rằng họ biết họ đồng tính khi còn rất trẻ. Như thế, đó không phải là do họ đã huân tập. Đó chỉ là nghiệp của họ đã phát ra như thế nào mà thôi. Tôi cảm thấy rằng việc chỉ trích hay bài bác, chống lại những người đồng tính là ngược lại với hành vi

¹ Thubten Chodron (2010), *Dealing With Life's Issues*, Kong Meng San Phor Kark See, Awaken Publishing (Bản dịch Lý Thu Linh).

của tình thương yêu và từ bi mà Đức Phật rất muốn tất cả những người theo Ngài phải vun trồng”. Ni sư đã thể hiện sự từ bi và thấu hiểu về tánh không trong Phật giáo, thông qua việc nhìn thẳng vào bản chất của câu hỏi liên quan đến vấn đề đồng tính, “Thật ra câu hỏi căn bản mà người ta cần phải tự hỏi là: Tôi sử dụng tính dục của mình như thế nào? Tôi có luôn luôn nhìn vào thân thể của người khác và phán đoán họ qua đó không? Tôi có thật sự nhìn vào trong tâm của đối tượng và chấp nhận họ như là một con người? Hay là tôi luôn luôn lột trần họ trong tâm mình vì tôi có rất nhiều năng lượng tính dục? Tôi có tôn trọng người tình của mình và đối xử với họ một cách khôn ngoan và tử tế không?”, đó là việc chúng ta nhìn thấy hành động của tự thân, mà Phật giáo gọi là Nghiệp (Karma), để từ đó chấp nhận và có cách hành động đúng đắn, khôn ngoan bất kể là ở thân phận hay căn tính nào.

2.3. Sư cô Chân Đoan Nghiêm

Sư cô Chân Đoan Nghiêm là đệ tử thứ 6 của Thiền sư Thích Nhất Hạnh, thuộc thế hệ thứ 43 của tông Lâm Tế và thế hệ thứ 9 của phái Liễu Quán. Sư cô là Giáo thọ xuất gia của Làng Mai. Sư cô tiếp cận những hỏi đáp của đại chúng một cách chân thật và khéo léo. Trong câu hỏi của một bạn trẻ gửi về trang vấn đáp của Sư cô có nội dung liên quan đến LGBT+: “Con năm nay 15 tuổi. Con là một người đồng tính nam, con được biết Phật pháp từ lúc còn rất nhỏ nên luôn đau đầu trong lòng rằng: Liệu những người đồng tính trong cộng đồng LGBT chúng con khi biết đến Phật pháp có thể thọ ngũ giới và các giới khác không ạ? Và con thấy có nhiều người nói được và không được nên con rất phiền não. Xin cho con những lời chỉ dẫn”¹. Sư cô đã khéo léo làm rõ việc ai cũng có thể thọ ngũ giới để tu học với cộng đồng LGBT+. Vấn đề thọ giới xuất gia của cộng đồng LGBT+ có những khó khăn mà Sư cô đã quan sát được từ thực tế tại Làng Mai,

¹ Vấn đáp cùng Sư cô Đoan Nghiêm, “Liệu những người đồng tính trong cộng đồng LGBT có thể thọ ngũ giới và các giới khác không”, <https://chandoannghiem.com/post/686343478837395456/liệu-những-người-đồng-t%C3%ADnh-trong-cộng-đồng-lgbt-có>.

“Nếu những vị trong cộng đồng LGBT muốn xuất gia thì chuyện sống chung với nhau là một vấn đề rất ‘đau đầu’. Làng Mai đã từng mở rộng cánh cửa để đón nhận các vị trong cộng đồng LGBT xuất gia làm tu sĩ. Và những chuyện vướng mắc tình cảm hay phạm giới dâm đã không tránh khỏi giữa các cặp nam nam hay nữ nữ. Nếu là người xuất gia nam hay nữ không thuộc cộng đồng LGBT thì khi xuất gia họ cũng sẵn bị ngăn cách địa lý bởi ngoại hình của họ, như các vị xuất sĩ nam ở chùa Tăng, còn các vị xuất sĩ nữ ở chùa Ni, cho nên nếu họ có vướng mắc tình cảm mà muốn gặp nhau thì phải tự tạo điều kiện, chuyện phạm giới dâm rất khó xảy ra (rất khó nhưng không có nghĩa là không xảy ra). Nhưng người xuất sĩ nếu thuộc cộng đồng LGBT thì rất khó ngăn cách họ bởi vì có cùng một ngoại hình nam hay nữ, họ không bị ngăn cách địa lý, họ sẽ được sống chung một chùa hay một xóm (LM), nên khi chuyện vướng mắc tình cảm xảy ra, dễ dẫn tới phạm giới dâm hơn”. Qua trả lời của Sư cô Chân Đoan Nghiêm, có thể thấy hai phương diện của các vấn đề liên quan đến LGBT+ là thế tục, cần được phân biệt rõ ràng với phương diện xuất gia. Mặt khác, trả lời của Sư cô cũng giúp Phật tử thuộc cộng đồng LGBT+ được khai mở về những thắc mắc liên quan đến khuynh hướng bản thân và niềm tin vào Phật pháp.

2.4. Sư cô Giác Lệ Hiếu

Sư cô Giác Lệ Hiếu sinh năm 1985, hiện đang sinh sống và hoằng pháp ở Hàn Quốc. Sau thời gian học tập tại nước ngoài, Sư cô Giác Lệ Hiếu đã trở về Việt Nam vào năm 2014 để xuất gia và tiếp tục hoàn thành chương trình đào tạo Phật học tại Việt Nam. Tiếp đó, Sư cô Giác Lệ Hiếu quay trở lại Hàn Quốc để làm nghiên cứu sinh và đã hoàn thành tốt đẹp. Sư cô Giác Lệ Hiếu đã trở thành Ủy viên Ban Hoằng pháp Quốc tế, Ủy viên Ban Văn hóa Phật giáo của Tông phái Phật giáo Jogye (Tào Khê) trong thời gian sinh hoạt ở nước ngoài, từ đó trở thành cầu nối cho Phật giáo Việt Nam và Hàn Quốc. Sư cô Giác Lệ Hiếu hiện đang sở hữu kênh Youtube với 234.000 người theo dõi và kênh Tiktok với 800.000 người theo dõi. Từ đó có thể thấy được sức ảnh hưởng của Sư cô Giác Lệ Hiếu trong giới trẻ và cộng

đồng Phật tử tại Việt Nam, Hàn Quốc. Về vấn đề liên quan đến LGBT+, trong chương trình Pháp thoại với tựa đề *Quan điểm của đạo Phật về cộng đồng LGBT - Vấn đáp Phật Pháp*¹ trên kênh Youtube của mình, Sư cô Giác Lệ Hiếu đã có những quan điểm cởi mở về vấn đề này, như không xem người thuộc cộng đồng LGBT+ là do “nghiệp nặng”, rồi dẫn dắt những yếu tố như thân người khó được, Phật pháp khó nghe..., từ đó gợi mở, người thuộc LGBT+ cũng là con người nên cần trân quý; thêm vào đó, có thể nghe Phật pháp lại là điều quý. Chính vì thế, Sư cô Giác Lệ Hiếu cho rằng trong mỗi quan hệ kết hợp giữa hai người yêu nhau, nếu thủy chung, không ngoại tình, lãng nhãng thì không vi phạm giới thứ ba trong ngũ giới.

Kết luận

Như đã nói, trong bối cảnh thế giới đang hướng đến bình đẳng giới, sự quan tâm đối với phương diện đa dạng giới ngày càng tăng lên. Tuy nhiên, việc công nhận, bảo vệ các dạng giới và xu hướng tính dục khác nhau vẫn phụ thuộc nhiều vào can thiệp y tế, đặc biệt là trong trường hợp của người chuyển giới. Đối mặt với tình hình này, nhóm LGBT+ đang phải đối diện với nhiều thách thức, bao gồm cả sự thiếu công nhận đúng mực của xã hội. Trong bối cảnh này, nhiều nghiên cứu đã tập trung vào việc hiểu rõ hơn về tình trạng của nhóm này, và phương pháp hỗ trợ từ các góc độ khác nhau. Ở Việt Nam, đặc biệt là trong lĩnh vực đóng góp của Phật giáo và Ni giới đối với hỗ trợ người thuộc nhóm LGBT+, vẫn còn ít thông tin và nghiên cứu. Do đó, nghiên cứu hy vọng có thể góp thêm chút thông tin về sự đóng góp đa dạng của Ni giới trong lĩnh vực này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Thubten Chodron (2010), *Dealing With Life's Issues, Kong Meng San Phor Kark See*, Awaken Publishing (Bản dịch Lý Thu Linh).

¹ Tại đường link: <https://www.youtube.com/watch?v=5cKP732iifg>

2. Lê Thị Thu Dung (2022), “Đạo Phật và vấn đề hôn nhân đồng tính”, Tạp chí *Nghiên cứu Phật học*, Số tháng 5.
3. Dustin Hall (2021), “Một góc nhìn về vấn đề chuyển giới trong Phật giáo”, Huy An (dịch), <https://giacngo.vn>, truy cập ngày 2/4/2023.
4. “Đám cưới đồng tính nữ đầu tiên tại Đài Loan”, <https://www.rfi.fr/vi/chau-a/20120811-dam-cuoi-cua-hai-phu-nu-dong-tinh-dau-tien-tai-dai-loan>.
5. Thích Trí Hoằng (2010), “Quan điểm Phật Giáo về đồng tính”, <https://thuvienhoasen.org>, truy cập ngày 31/3/2023.
6. Làng Mai (2010), “Vấn đáp với Thiền sư Thích Nhất Hạnh: “Con phải làm gì hay chỉ ngồi thở khi bị phân biệt, kỳ thị giới tính?””, <https://langmai.org>, truy cập ngày 29/4/2023.
7. Vấn đáp cùng Sư cô Đoàn Nghiêm, “Liệu những người đồng tính trong cộng đồng LGBT có thể thọ ngũ giới và các giới khác không”, <https://chandoannghiem.com/post/686343478837395456/liieu-nhung-nguoi-dong-t%C3%ADnh-trong-cộng-đồng-lgbt-có>.
8. Thích Pháp Tịnh (2021), “Người đồng tính luyện ái có được phép thọ giới Tỳ kheo không”, <https://thuvienhoasen.org>, truy cập ngày 29/4/2023.
9. Đăng Trình, “Hôn nhân đồng tính dưới góc nhìn của Phật giáo và Thiên Chúa giáo”, <https://www.sbs.com.au>, truy cập ngày 31/3/2023.
10. Thích Nhật Từ (2021), “Vấn đáp: Có phải tình yêu và hôn nhân đồng tính là phạm nghiệp?”, <https://www.youtube.com>, truy cập ngày 2/4/2023.

GIÁO DỤC VÀ VĂN HÓA PHẬT GIÁO THỜI NGUYỄN

(GIAI ĐOẠN 1802-1858)

TS. Tống Thị Quỳnh Hương

Phật giáo được du nhập vào Việt Nam từ những thế kỷ tiếp giáp Công nguyên và nhanh chóng trở thành một thành tố văn hóa không thể tách rời đời sống văn hóa tinh thần của dân tộc Việt Nam. Với triết lý từ bi, hỷ xả, cứu khổ, cứu nạn..., Phật giáo dễ dàng đi vào lòng người, hướng con người đến lối sống vị tha, bình đẳng, khoan dung. Triết lý Phật giáo phù hợp với tư tưởng, tình cảm, đạo đức, lối sống của con người Việt Nam. Trong suốt tiến trình lịch sử chế độ quân chủ Việt Nam, Phật giáo luôn giữ vị thế là một trong những tôn giáo chủ đạo, được các vương triều ủng hộ và xiển dương. Vì vậy, giáo dục Phật giáo cũng từng bước phát triển, đóng góp quan trọng trong quá trình hình thành một nền văn hóa Phật giáo mang đậm tính dân tộc.

Từ những năm đầu thế kỷ XIX, sau một thời gian dài đất nước khủng hoảng, chia cắt, triều Nguyễn được thành lập, thống nhất đất nước trên một lãnh thổ rộng lớn chưa từng có. Vì vậy, từ năm 1802 đến 1858, Phật giáo Việt Nam đã có nhiều chuyển biến so với thời kỳ trước. Mối liên hệ giữa giáo dục và văn hóa cũng biến đổi phù hợp với bối cảnh lịch sử, góp phần chung khôi phục lại vị thế và tiếp tục thực hiện những mục tiêu triết lý “vị nhân sinh” của Phật pháp trong tiến trình phát triển của lịch sử dân tộc.

1. Giáo dục Phật giáo dưới thời Nguyễn

Giáo dục Phật giáo được hiểu là dạy cho con người biết và hiểu giáo lý Phật giáo. Qua đó, bồi dưỡng, phát triển con người hoàn thiện hơn về trí thức và tâm thức, để trở nên tốt hơn, có phẩm hạnh và đạo đức, trở thành những người tốt, chân thật, từ bi và biết kính trọng người khác, trở thành những con người có trí tuệ, sống có lý tưởng, suy nghĩ hợp lý, thích ứng được với bối cảnh xã hội¹.

Giáo dục Phật giáo thời Nguyễn gắn với sự quan tâm của triều đình và tiếp tục ảnh hưởng mạnh mẽ tới quần chúng nhân dân.

Quốc tự là nơi truyền bá, giáo dục Phật giáo mang tính quốc gia, là những ngôi chùa do triều đình trực tiếp xây dựng, tái thiết và quản lý sử dụng. Vì vậy mà những ngôi chùa này nhận được nhiều sự quan tâm và hậu đãi. Theo đó, các Tăng sĩ ở Quốc tự được miễn thuế khóa, sưu dịch, được cấp lương bổng hằng tháng để chi dùng, cấp pháp phục, gạo muối,... Theo từng cấp bậc Tăng sĩ mà chế độ phân chia nhiều ít khác nhau.

Hành động trên cũng chính là sự thừa nhận và ủng hộ Phật giáo phát triển trong đời sống tín ngưỡng của dân tộc. Đặc biệt, phần lớn Quốc tự ở ngay Kinh đô Huế - điển hình là chùa Thiên Mụ - nơi có số đông dân chúng mến mộ Phật giáo. Từ đó, triều đình có thể thu phục được lòng dân, tạo được lòng tin và sự ủng hộ của nhân dân, góp phần ổn định đất nước.

Lệ cấp độ điệp cho Tăng sĩ ở Việt Nam được thực hiện từ thời Trần và tiếp tục duy trì dưới triều Nguyễn. Để quản lý chặt chẽ Tăng sĩ, vua Gia Long quy định rõ trong *Hoàng Việt luật lệ*: “Nếu Tăng đạo không được cấp độ điệp, tự ý cạo tóc thì phạt 100 trượng, nếu do gia

¹ Thích Đức Bảo (2023), “Một số vấn đề cơ bản trong giáo dục Phật giáo”, <https://tapchinhienncuuphathoc.vn/mot-so-van-de-co-ban-trong-giao-duc-phat-giao.html>, truy cập ngày 03/12/2023.

trưởng thì gia trưởng phải chịu tội, nếu do trụ trì ở tự quán và thầy dạy riêng độ thì đồng tội, buộc hồi tục, vào sổ đương sai”¹.

Từ thời Minh Mạng, Tăng sĩ muốn được cấp độ điệp phải tập trung về kinh đô, được Bộ Lễ sát hạch và ghi nhận là bậc chơn tu, giữ gìn Giới Luật, am hiểu Phật pháp. Cùng với việc được cấp độ điệp, các Tăng sĩ còn được triều đình ban giới đao. Đó là “con dao nhỏ hình bán nguyệt dùng để cắt áo, cạo tóc, cắt móng tay, là 1 trong 18 vật thường dùng của Tỳ kheo”². Ngoài ra, giới đao còn có hàm ý là để cắt hết mọi dục vọng mà an tâm trì giáo.

Triều Nguyễn cũng rất chú ý chấn chỉnh đạo đức, lối sống của giới xuất gia. Khi Tăng sĩ phạm tội, triều đình xử tội nặng hơn dân thường. *Hoàng Việt luật lệ* quy định: “Phạm để tang cha mẹ và chồng chết, nếu tăng, đạo sĩ, nữ quan phạm gian thì tăng hai bậc tội người thường phạm gian, xử tội ấy theo người thường phạm gian”³. Khi một Tăng sĩ phạm tội chịu hình phạt thì Sư trưởng của chùa ấy cũng bị liên đới trách nhiệm.

Những quy định này trở thành những biện pháp giáo dục Phật giáo, thể hiện rõ yêu cầu của các vua Nguyễn đối với Tăng sĩ, không chỉ thông hiểu Phật pháp mà họ phải là những người có phẩm hạnh hơn người, có lối sống thanh bạch, giản dị, chấp nhận từ bỏ những ham muốn trần tục để làm gương cho người đời, mới cảm hóa được giáo chúng.

Thông qua giáo dục, đội ngũ tu hành được thanh lọc; những kẻ lợi dụng đền chùa để lẩn trốn sự truy đuổi của xã hội hoặc chối bỏ trách nhiệm và bổn phận của mình đều lần lượt bị buộc phải hoàn tục. Vị trí của các bậc chân tu dần dần được khẳng định và đề cao.

¹ Nguyễn Văn Thành, Vũ Trinh, Trần Hựu (1994), *Hoàng Việt luật lệ*, tập 2, Nxb. Văn hóa thông tin, Hà Nội, tr.276.

² Thích Minh Cảnh (2003), *Từ điển Phật học Huệ Quang*, tập 2, Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh, tr.1713.

³ Nguyễn Văn Thành, Vũ Trinh, Trần Hựu (1994), *Hoàng Việt luật lệ*, tập 5, Nxb. Văn hóa thông tin, Hà Nội, tr.914.

Tuy có những điểm tích cực nhưng nhìn chung, các chính sách của triều đình phong kiến nhà Nguyễn đều nhằm mục đích phục vụ cho hệ tư tưởng thống trị. Sự hạn chế của triều đình tuy gây hệ quả song không thể ngăn chặn được lòng mến mộ của nhân dân đối với Phật giáo. Giáo lý nhà Phật vẫn lặng lẽ thâm nhập vào các tầng lớp trong xã hội, chi phối đời sống tinh thần nhiều người.

Một số nhà sư có vai trò quan trọng trong việc bảo tồn và phát huy nền văn hóa Phật giáo ở Bắc, Trung, Nam có thể kể đến như: Hòa thượng Tịch Truyền, Hòa thượng Chiếu Khoan có công lớn trong việc bảo tồn sử liệu Phật giáo, biên soạn khắc in sách *Đại Nam Thiên Uyển Truyền Đăng Tập Lục*. Hòa thượng Thanh Đàm viết sách *Pháp Hoa Đề Cương, Tâm Kinh Trục Giải*. Hòa thượng An Thiền soạn sách *Tam Giáo Thông Khảo*. Ở miền Trung và Nam, có một số danh Tăng không những được quần chúng ngưỡng mộ mà các vua nhà Nguyễn cũng rất kính trọng.

Ngoài ra, dưới triều Nguyễn, ở Nam Bộ, chùa do dân lập phát huy được vai trò hoàng pháp trong người dân, đa số là chùa làng, do nhu cầu của cư dân vùng đất mới cần thầy cầu an khi đau ốm và cầu siêu khi có người thân qua đời. Những ngôi chùa được sắc tứ gắn liền với địa điểm được Nguyễn Ánh trú ngụ trong thời gian lánh nạn Tây Sơn. Giáo dục Phật giáo trong dân gian có nhiều điểm khác biệt với cung đình, từ đó hình thành nên sự tương phản giữa văn hóa Phật giáo của triều đình và nhân dân.

2. Văn hóa Phật giáo dưới thời Nguyễn

Văn hóa Phật giáo là một phạm trù rộng lớn, thể hiện trên nhiều lĩnh vực: pháp phục, ngôn ngữ, di sản, kiến trúc...; đồng thời, văn hóa Phật giáo luôn gắn liền với tiến trình phát triển của nền văn hóa Việt Nam. Vì thế, để nền văn hóa Phật giáo Việt Nam phát triển bền vững thì yếu tố quan trọng là phải nâng cao tri thức văn hóa, đồng thời đào tạo đội ngũ Tăng tài cho đất nước. Nhận thức rõ về mối quan hệ chặt chẽ, gắn bó, tác động qua lại giữa giáo dục và văn hóa trong Phật giáo, giáo dục Phật giáo thời Nguyễn luôn thể hiện được

sự gắn kết, không tách rời với sự phát triển văn hóa - xã hội, phản ánh những đặc trưng của xã hội đương thời, đồng thời góp phần vào sự phát triển chung của đạo Phật trong dòng chảy lịch sử dân tộc.

Với những chính sách và biện pháp giáo dục được thực hiện, Phật giáo dưới thời Nguyễn đã ít nhiều được chấn chỉnh. Không gian và không khí tôn nghiêm của hầu hết các đền miếu trên khắp cả nước cũng dần dần khôi phục, nhiều giá trị triết lý của Đạo giáo lại tiếp tục có cơ hội thẩm thấu đến nhận thức của các tầng lớp xã hội. Hàng loạt chùa chiền ở nhiều địa phương khác nhau đã được triều đình cho trùng tu, tôn tạo hoặc xây dựng thêm, có khi chu cấp toàn bộ hoặc một phần kinh phí để tiến hành.

Văn hóa Phật giáo dưới triều Nguyễn mang nét đặc thù, có sự hiện diện đông đảo của các ứng phú sư (thầy cúng đám) mà ít chú trọng vào giáo lý thâm sâu của đạo Phật. Dù rằng bên cạnh lễ cúng vẫn còn những bùa chú, bói toán,... nhưng những người bình dân vẫn đón nhận đạo Phật và những tư tưởng vốn gần gũi nhưng sâu xa của Phật giáo như lòng từ bi, tính ăn hiền ở lành, lòng vị tha... Những tư tưởng đó thâm nhập vào đời sống nhân dân, góp phần đem lại cho xã hội thời Nguyễn một sự cân bằng nhất định.

Trong xã hội, xuất hiện hai xu hướng tiếp cận các triết lý: giản dị hóa và thiết thực hóa các khái niệm hàm súc, uyên thâm. Xu hướng tuyệt đối hóa đức tin đã tạo cơ hội thuận lợi cho hiện tượng mê tín dị đoan phát triển mạnh mẽ. Triều đình còn phong sắc thần như Hạ Đẳng, Trung Đẳng, Thượng Đẳng với các kiem hiệu. Những đền miếu và Đạo quán tiêu biểu do triều đình trùng tu, tôn tạo hoặc xây dựng như: đền Bạch Hồ (đền anh Cọp hay đền Ca Hồ) ở Quảng Ngãi, thờ thần là con Cọp trắng, tương truyền rất nhân từ với dân làng; đền Thượng ở Ninh Bình, thờ Đinh Tiên Hoàng; miếu Hỏa Thần ở Hà Nội, thờ Thần lửa...

Phật giáo dưới triều Nguyễn đã để lại nhiều di sản về kiến trúc, điêu khắc, mỹ thuật qua việc tạo dựng, trùng tu các ngôi chùa dưới thời kỳ này. Ở mỗi vùng miền, kiến trúc điêu khắc Phật giáo không

những phát triển mạnh mẽ trong nhân dân mà còn mang những đặc trưng riêng. Đường nét và kiến trúc đó đương nhiên đã xuất phát từ những nghệ nhân đầy tài năng và tấm lòng đến với văn hóa Phật giáo.

Dưới thời Nguyễn, những bộ kinh kệ, Giới Luật, phổ hệ, truyền đăng,... được in ra với khối lượng lớn, vượt tất cả các triều đại trước đó. Những bộ kinh như *Hoa Nghiêm*, *Pháp Hoa*, *Dược Sư*, *Địa Tạng*, *Tam thiên Phật danh*, *Đại du đà*...; những “lục” như *Thiền uyển tập anh ngữ lục*, *Kế Đăng lục*, *Tam Tổ thực lục*... đều được in ra trong thời kỳ này. Chỉ tính riêng tại chùa Giác Lâm, một hệ thống kinh sách đã được đưa từ tổ đình Thập Tháp Di Đà (Bình Định) vào, một số lại được trùng khắc và tạc bản tại chùa như quyển *Tông phái ký* do Bốn Quả biên tập, nay vẫn còn lưu giữ tại chùa.

3. Mối liên hệ giữa giáo dục và văn hóa Việt Nam thời Nguyễn

Những hoạt động giáo dục Phật giáo của triều Nguyễn nhằm chấn chỉnh văn hóa - xã hội, cũng như cho chính bản thân Phật giáo là những việc làm tương đối tích cực, không xuất phát từ tư tưởng đả kích hay bài xích Phật giáo. Có thể nói rằng những thành quả mà Phật giáo dưới triều Nguyễn đạt được một phần xuất phát từ những chấn chỉnh giáo dục đó. Nó đã góp phần vào việc hình thành một nền văn hóa Phật giáo của triều đại và làm cho triều đại đó khác biệt so với các triều đại trước.

Thông qua phát triển giáo dục, Phật giáo duy trì một truyền thống văn hóa mang màu sắc bản địa. Dưới thời các chúa Nguyễn, Phật giáo đã nhanh chóng xác lập sự hiện diện của mình qua ngôi chùa, qua các thiền sư; từ thiền sư Trung Hoa đã chuyển sang người Việt từ thế hệ truyền thừa kế tiếp. Ở giai đoạn đầu, do các thiền sư đến và đi, không trụ lại lâu dài, nên sự phát triển có gián đoạn. Các dòng phái Phật giáo, đa số đều do thiền sư Trung Hoa xướng xuất bài kệ, chỉ có dòng Liễu Quán là của thiền sư Việt Nam. Dòng Chúc Thánh phổ biến mạnh ở miền Trung, nhưng ở Nam Bộ, đa số chùa theo dòng

Đạo Bốn Nguyên, đào tạo nhiều thế hệ đưa về trụ trì khắp các chùa ở Nam Bộ.

Phật giáo dưới triều Nguyễn nhuộm nhiều màu sắc không giống nhau và thậm chí khá khác biệt ở hai môi trường “quan quyền” và “dân dã”. Giáo dục Phật giáo đã góp phần đem đến sự phát triển đa dạng cho văn hóa. Ngược lại, ảnh hưởng của văn hóa trong Phật giáo góp phần thúc đẩy sự mở rộng và thực hiện mục đích của giáo dục.

Những điều trên cho thấy Phật giáo đầu triều Nguyễn đã trở thành một giai đoạn riêng, có nhiều nét khác so với trước, mà đặc điểm chính trị - xã hội đương thời đã tạo ra. Chính sách của triều đình cố ghép Phật giáo vào khuôn khổ quan niệm của giai cấp thống trị. Mặt khác, Phật giáo đã nỗ lực vượt ra ngoài vòng cương tỏa của triều đình phong kiến, tìm lấy cho mình con đường phát triển độc lập và chi phối trở lại cách nhìn nhận cũng như thái độ của triều đình.

Kết luận

Như vậy, để nền văn hóa Phật giáo Việt Nam phát triển bền vững thì yếu tố then chốt chính là phải nâng cao chất lượng giáo dục, tri thức văn hóa, đồng thời đào tạo đội ngũ Tăng tài cho đất nước. Với mỗi bước chuyển mình của giáo dục thì văn hóa Phật giáo lại có những thay đổi để phù hợp với yêu cầu mới.

Văn hóa và giáo dục Phật giáo liên hệ, song hành chặt chẽ đã góp phần xây dựng nên nền tảng đạo đức xã hội, triết lý nhân sinh, là nguồn cảm hứng cho văn chương, nghệ thuật, là chất keo gắn kết cộng đồng, đoàn kết dân tộc và những nét đặc trưng của Phật giáo Việt Nam, không thể lẫn lộn với đặc trưng các nước khác.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Thích Đức Bảo (2023), “Một số vấn đề cơ bản trong giáo dục Phật giáo”, <https://tapchinguuencuuphatthoc.vn/mot-so-van-de-co-ban-trong-giao-duc-phat-giao.html>, truy cập ngày 03/12/2023.
2. Thích Minh Cảnh (2003), *Từ điển Phật học Huệ Quang*, tập 2, Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.
3. Nguyễn Văn Thành, Vũ Trinh, Trần Hựu (1994), *Hoàng Việt luật lệ*, tập 2, Nxb. Văn hóa thông tin, Hà Nội.
4. Nguyễn Văn Thành, Vũ Trinh, Trần Hựu (1994), *Hoàng Việt Luật lệ*, tập 5, Nxb. Văn hóa thông tin, Hà Nội.
5. Từ Trí (1916), *Ngũ Hành Sơn lục*, Lưu tại chùa Linh Ứng - Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.
6. Viện Sử học (1966), *Đại Nam Thực lục*, tập 13, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

PHỤ LỤC:

THÔNG TIN TIỂU SỬ TÁC GIẢ

1. Thích nữ Viên Âm: Cử nhân Học viện Phật giáo Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh (2001-2005); Hiện đang học Cao học tại Học viện Khoa học xã hội; Ủy viên Ban Hoằng pháp Thành phố Hồ Chí Minh; Ủy viên Ban Hướng dẫn Phật tử tỉnh Tiền Giang. Tổ đình Phật Bửu Ni, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

2. TS. Dương Hoàng Lộc: Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu Tôn giáo - Đạo đức, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn (Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh); Tiến sĩ Dân tộc học; Giảng dạy các môn học liên quan đến tôn giáo, văn hóa cho bậc cao học, đại học ở một số trường đại học phía Nam; tác giả của nhiều sách, bài báo, bài nghiên cứu về lĩnh vực tôn giáo, văn hóa trên các tạp chí khoa học, hội thảo trong và ngoài nước. Đã công bố một số sách liên quan đến Phật giáo: *Phật giáo Bình Dương lịch sử và hiện trạng* (đồng tác giả), *Nữ giới Phật giáo Việt Nam những tiếp cận* (tác giả), *Phật Bửu Ni tự - ngôi chùa Ni đầu tiên tỉnh Tiền Giang* (đồng tác giả), *Nghiên cứu Phật giáo* tập 1, tập 2 và tập 3 (đồng chủ biên),...

3. Thích nữ Như Vạn: Trụ trì chùa Phước Sơn, xã Tường Lộc, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long; Tốt nghiệp lớp Cao cấp Giảng sư Thành phố Hồ Chí Minh; Ủy viên Ban Hoằng pháp tỉnh Vĩnh Long, Phụ trách Ban Hoằng pháp Phân ban Ni giới tỉnh Vĩnh Long; Phó Ban Từ thiện tỉnh Vĩnh Long.

4. NT. Như Dung: Phó Trưởng Phân ban Ni giới Trung ương; Phó Trưởng Ban Trị sự, Trưởng Phân ban Ni giới Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Đồng Nai; Phó Trưởng Ban Trị sự, Trưởng Phân ban Ni giới Giáo hội Phật giáo Việt Nam thành phố Biên Hòa; Giáo thọ Trường Cao Trung Phật học Đại Tòng Lâm tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Cố vấn Trung tâm Nghiên cứu Nữ giới Phật giáo; Trụ trì chùa Long Vân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

5. TS. Nguyễn Trần Trung: Pháp danh Đồng Hiếu (sinh năm 1995, nguyên quán Quảng Ngãi); Cử nhân Sư phạm Sinh học - Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế (2013-2017); Tiến sĩ Sinh học - Viện Công nghệ sinh học, Đại học Huế (2019-2023); Nghiên cứu viên Viện Công nghệ sinh học, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam (2018-2023). Chủ nhiệm dự án “Cánh hạc trời Tây” nghiên cứu về hành trạng của các bậc chân Tăng Việt Nam hiện đại; Nghiên cứu về nghi lễ thiền môn xứ Huế.

6. TS. Nguyễn Thị Quế Hương: Tổng Biên tập Tạp chí *Nghiên cứu Tôn giáo*, Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

TS. Nguyễn Ngọc Quỳnh: Phó Trưởng ban Tôn giáo, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

7. TKN. Thích nữ Tịnh Nghiêm: Ủy viên Thường trực Phân ban Ni giới Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam; Phó Trưởng ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Tiền Giang; Trưởng Phân ban Ni giới tỉnh Tiền Giang; Trụ trì Ni viện Tịnh Nghiêm, thành phố Mỹ Tho, Tiền Giang.

8. NS. Thích Đàm Quy: Học tại Học viện Phật giáo Việt Nam, chùa Quán Sứ, Thủ đô Hà Nội (16/02/1998); Cử nhân Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội (19/05/2002); Thạc sĩ Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội (26/05/2011); Tiến sĩ Học viện Khoa học xã hội, Khoa học

Tôn giáo; Ủy viên Thường trực Ban Trị sự Phật giáo tỉnh Ninh Bình; Trưởng ban Tài chính Kinh tế Phật giáo tỉnh Ninh Bình; Phó Thường trực Phân ban đặc trách Ni giới tỉnh Ninh Bình.

9. SC. ThS. Thích nữ Hòa Nhã: Thạc sĩ chuyên ngành Lịch sử Phật giáo Việt Nam, Học viện Phật giáo Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh; Giáo thọ Trường Trung cấp Phật học thành phố Cần Thơ; Ủy viên Trung tâm Nghiên cứu Nữ giới Phật giáo thuộc Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam; Ủy viên Ban Hoằng pháp Thành phố Hồ Chí Minh; Ủy viên Ban Văn hóa tỉnh Đồng Nai; Ủy viên Ban Hoằng pháp Phân ban Ni giới Trung ương; Ủy viên Phân ban CNTT - Ban Văn hóa Trung ương.

10. NT. Thích nữ Trí Tiên: Chứng minh Phân ban Ni giới tỉnh Vĩnh Long; Trụ trì chùa Long Khánh, phường 5, tỉnh Vĩnh Long; Trưởng ban Quản trị chùa Bảo An, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

11. NT. Như Như: Phó Trưởng thường trực Phân ban Ni giới Trung ương; Nguyên Trưởng Phân ban Ni giới Bà Rịa - Vũng Tàu nhiệm kỳ VII-VIII; Viện chủ chùa Phước Hải, tỉnh Đồng Nai; Trụ trì Ni viện Thiện Hòa - Bà Rịa Vũng Tàu.

12. NT. Thích nữ Huệ Liên: Ủy viên Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam thành phố Cần Thơ; Phó Phân ban Ni giới thành phố Cần Thơ; Trụ trì Tịnh xá Ngọc Quang, phường Thốt Nốt, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

13. NS. TS. Thích nữ Như Nguyệt (HL): Cử nhân khóa III (1993 - 1997) Cao cấp Phật học Việt Nam cơ sở Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Học viện Phật giáo Việt Nam Thành phố Hồ Chí Minh); Tiến sĩ Phật học Đại học Delhi, Ấn Độ; Phó Khoa Lịch sử Phật giáo, Học viện Phật giáo Việt Nam Thành phố Hồ Chí Minh; Giám đốc Trung

tâm Nghiên cứu Nữ giới Phật giáo, Phó Trưởng Phân ban Ni giới Trung ương; Chánh Thư ký Phân ban Ni giới Thành phố Hồ Chí Minh và Phó Chủ biên Đặc san Hoa Đàm - Tiếng nói của Nữ giới Phật giáo Việt Nam.

14. NS. TS. Thích nữ Thuận Liên: Giảng viên Học viện Phật giáo Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh; Tịnh xá Ngọc Viên, phường Cái Khế, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

15. Thích nữ Trung Tâm: Cử nhân Phật học khóa XII (2017 - 2020) tại Học viện Phật giáo Việt Nam.

16. TKN. Thích Viên Hòa: Chùa Tân Liên, thôn Liên Khê, xã Thuần Thành, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

17. TS. Bùi Thị Thủy: Giảng viên Khoa Triết học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, bảo vệ Luận án Tiến sĩ Triết học tại Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh với đề tài “Một số xu hướng biến đổi tôn giáo và tác động của nó đối với đời sống xã hội Việt Nam hiện nay”; Giảng viên thỉnh giảng Học viện Phật giáo Việt Nam tại Hà Nội.

18. NS. TS. Thích nữ Huệ Hiếu: Cử nhân khóa III (1993 - 1997) Cao cấp Phật học Việt Nam cơ sở Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Học viện Phật giáo Việt Nam Thành phố Hồ Chí Minh); Tiến sĩ Phật học Đại học Delhi, Ấn Độ; Ủy viên Thường trực Trung tâm Nghiên cứu Nữ giới Phật giáo; Ủy viên Thường trực Phân ban Ni giới Trung ương; Phó Phân ban Ni giới tỉnh Đồng Nai.

19. NT. Như An - Ni sư Như Tín: Trụ trì chùa Qui Sơn, số 544 Trần Phú, Phường 5, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

20. TS. Lê Thị Hằng Nga: Phó Tổng Biên tập Tạp chí Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á, Viện Nghiên cứu Ấn Độ và Tây Nam Á, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

21. NS. Thích nữ Chơn Như: Ủy viên Thường trực Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam thành phố Cần Thơ; Phó ban Từ thiện xã hội Giáo hội Phật giáo Việt Nam thành phố Cần Thơ kiêm Phó Phân ban Ni giới thành phố Cần Thơ; Trụ trì chùa Vi Phước, phường Thạnh Hòa, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

22. TKN. Tâm Liên: Cử nhân Phật học khóa XI (2015-2018) Học viện Phật giáo Việt Nam Thành phố Hồ Chí Minh; Thạc sĩ Phật học Khóa II (2018-2021); Ủy viên Ban Hoằng pháp thành phố Cần Thơ.

23. NS. Thích nữ Đức Hạnh: Trụ trì Thiền viện Vi Phước - Thốt Nốt - Cần Thơ.

24. NS. TS. Thích nữ Hương Nhũ: Thế danh Hoàng Thị Phương Thảo; Tốt nghiệp Tiến sĩ chuyên ngành Phật học tại Đại học Delhi - Ấn Độ; Phó Trưởng Phân ban Ni giới Trung ương - Trưởng Tiểu ban Hoằng pháp; Ủy viên Thường trực Ban Phật giáo Quốc tế - Ủy viên Thường trực Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo tỉnh Bình Dương; Phó khoa Phật học từ xa Học viện Phật giáo Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh; Trụ trì chùa Thiên Quang, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

25. NS. TS. Thích Diệu Tâm: Phó Thư ký, Ủy viên Thường trực Phân ban Ni giới Trung ương; Trưởng Phân ban Ni giới tỉnh Điện Biên; Ủy viên Thường trực Ban Hoằng pháp Thành phố Hà Nội; Chùa Cát Linh, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

26. NS. Thích nữ Diệu Nghĩa: Phó Trưởng ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Bạc Liêu; Trưởng Phân ban Ni giới Giáo hội

Phật giáo Việt Nam tỉnh Bạc Liêu; Chùa Bạch Liên, 117 Ngô Quang Nhã, khóm 6, phường 1, thành phố Bạc Liêu.

27. Thích nữ Dung Từ: Cử nhân Phật học khóa XIII, Học viện Phật giáo Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh. Học viên Cao học khóa V Học viện Phật giáo Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh.

28. NT. Thích Đàm Lan: Ủy viên Thường trực Hội đồng trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam; Phó Trưởng ban Thường trực Phân ban Ni giới Trung ương; Phó Trưởng ban Từ thiện xã hội Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam; Trưởng ban Từ thiện xã hội Giáo hội Phật giáo Việt Nam thành phố Hà Nội; Trụ trì chùa Bồ Đề, phường Bồ Đề, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

29. NT. Thích nữ Diệu Cảnh: Ủy viên Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam; Ủy viên Hội đồng trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam; Trưởng Phân ban Ni giới thành phố Đà Nẵng; Ủy viên Thường trực Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam thành phố Đà Nẵng kiêm Trưởng ban Từ thiện xã hội; Trụ trì Tổ đình Sư nữ Bảo Quang, thành phố Đà Nẵng.

30. Thích nữ Diệu Tâm: Cử nhân khóa 2015-2018 Học viện Phật giáo Việt Nam Thành phố Hồ Chí Minh; Thạc sĩ Phật học; Ủy viên Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

31. TKN. Thích Khánh Giác: Cử nhân Học viện Phật giáo Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh khóa 14.

32. Thích nữ Thông Hạnh: Cử nhân khóa VIII (2015-2019), Cao cấp khóa 2019-2021 Học viện Phật giáo Việt Nam tại Huế.

33. SC. ThS. NCS. Thích nữ Lệ Thảo: Cử nhân khóa XI (2015-2018) Học viện Phật giáo Việt Nam Thành phố Hồ Chí Minh; Thạc sĩ khóa II (2018-2020) Học viện Phật giáo Việt Nam Thành phố Hồ Chí Minh; Hiện nay đang là NCS Khóa III Học viện Phật giáo Việt Nam Thành phố Hồ Chí Minh; Ủy viên kiêm Phó Thư ký Phân viện Trung tâm Nghiên cứu Phật giáo Việt Nam; Ủy viên Hội Nghiên cứu giảng dạy Văn học Thành phố Hồ Chí Minh.

34. NS. Thích nữ Từ Thảo: Ủy viên Hội đồng Trị sự, Phó Trưởng Phân ban kiêm Trưởng Tiểu ban Pháp chế Phân ban Ni giới Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam; Phó Trưởng Ban Trị sự, Trưởng ban Kinh tế - Tài chính Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Bình Dương; Giám đốc Trung tâm Nuôi dưỡng trẻ mồ côi và người già cô đơn Bồ Đề; Trụ trì chùa Bồ Đề Đạo Tràng, chùa Sùng Hưng, tỉnh Bình Dương; Trụ trì chùa Tam Bảo, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh; Viện chủ chùa Oai Đức, chùa Tân Long, tỉnh Bình Dương.

35. SC. TS. Nguyễn Thanh: Tốt nghiệp Cử nhân khóa VI Học viện Phật giáo Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh (2009); Tốt nghiệp Thạc sĩ tại Đại học Sư phạm Phúc Kiến (2011); Tốt nghiệp Tiến sĩ tại Đại học Sư phạm Quảng Tây, Trung Quốc (2014); Giảng viên Khoa Trung văn, Học viện Phật giáo Việt Nam Thành phố Hồ Chí Minh; Trụ trì chùa Vạn Sơn, Phú Mỹ, Bà Rịa - Vũng Tàu.

36. NS. TS. Thích nữ Diệu Hiếu: Tốt nghiệp Cử nhân Phật giáo (Thủ khoa) khóa 4, năm 2001 tại Học viện Phật giáo Việt Nam. Ni sư có 13 năm du học tại Myanmar (Miến Điện): Đại học Truyền bá Phật giáo Nguyên thủy Quốc tế tại Yangon (ITBMU), Myanmar và hoàn tất bằng Cử nhân Phật học, Thạc sĩ và Tiến sĩ năm 2015, với đề tài luận án tiến sĩ về Thiền Nguyên thủy: “Giá trị tương quan của Samatha và Vipassanā trong Thiền Phật giáo Nguyên thủy” (Evaluation of Interrelationship between Samatha and Vipassanā in Theravāda Buddhist Meditation). Hiện nay, Ni sư là Phó khoa Pāli kiêm giảng viên Học viện Phật giáo Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Minh; Ủy viên Thường trực Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam; Phó Giám đốc kiêm Thư ký Trung tâm Nghiên cứu và Ứng dụng Thiền học Nam truyền; Ủy viên Thường trực Phật giáo Quốc tế Trung ương; Phó Trưởng ban Phật giáo Quốc tế tại Thành phố Hồ Chí Minh; Trụ trì Tu viện Long Hưng, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

37. SC. Thích nữ Trí Liên: Tịnh xá Pháp Như, phường Lê Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

38. TS. Phạm Thị Thanh Huyền: Giảng viên chính Khoa Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội; bảo vệ thành công Luận án Tiến sĩ với đề tài “Quá trình hoạt động thương mại của Tây Ban Nha ở các thuộc địa Mỹ Latinh (thế kỉ XVI - đầu thế kỉ XIX)” năm 2016; giảng dạy các môn học: Lịch sử thế giới cổ trung đại, Lịch sử văn minh thế giới, Một số vấn đề về chế độ phong kiến Đông - Tây, Giao lưu văn hóa Đông - Tây trong lịch sử thế giới cổ trung đại, Tôn giáo và tín ngưỡng trong lịch sử...; công bố nhiều bài viết trong các hội thảo, trên các tạp chí trong nước và quốc tế về tôn giáo, tín ngưỡng trong lịch sử thế giới và ở Việt Nam.

39. SC. Thích nữ Tịnh Minh: Cử nhân Xã hội học - Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Thành phố Hồ Chí Minh khóa 15 (2009-2013), Cử nhân Triết học - Học viện Phật giáo Việt Nam Thành phố Hồ Chí Minh hệ đào tạo từ xa khóa IV (2015-2019), Ủy viên Khối Thư ký Văn phòng Ban Văn hóa Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Ủy viên Ban Văn hóa thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Ủy viên Ban Hoằng pháp Phân ban Ni giới tỉnh Lâm Đồng.

40. SC. Thích nữ Phước Nghĩa: Chùa Vi Phước, phường Thạnh Hòa, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

41. NS. Thích nữ Huệ Dâng: Cử nhân Ngữ văn báo chí Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Phó Phân ban Ni giới Trung ương, Tiểu ban Hướng dẫn Phật tử.

42. NS. TS. Thích nữ Như Nguyệt (Nguyễn Thị Thu Nguyệt): Tốt nghiệp Tiến sĩ chuyên ngành Văn hiến học tại Trường Đại học Sư phạm Phúc Kiến - Trung Quốc, năm 2008. Chức vụ: Ủy viên Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam; Ủy viên Thường trực Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thành phố Hồ Chí Minh; Phó Viện trưởng Học viện Phật giáo Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh; Phó trưởng Phân ban Ni giới Trung ương; Trưởng Tiểu ban Giáo dục Phân ban Ni giới Trung ương; Ủy viên Thường trực Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thành phố Hồ Chí Minh; Trưởng khoa Giáo dục Mầm non Học viện Phật giáo Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh.

43. NS. Thích nữ Chơn Toàn: Cử nhân khóa III (1993 - 1997) Cao cấp Phật học Việt Nam cơ sở Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Học viện Phật giáo Việt Nam Thành phố Hồ Chí Minh); Cao đẳng Sư phạm Anh ngữ, Trung cấp Sư phạm Quản lý ngành Mầm non; Hiệu trưởng Trường Mầm non Kiều Đàm - Nha Trang, Trưởng Phân ban Ni giới Khánh Hòa. Tri sự chùa Thiên Hòa - thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

44. Lê Chí Khang: Sinh viên chuyên ngành Luật Tư pháp, Trường Đại học Cần Thơ.

45. NS. Thích nữ Phục Liên: Trụ trì Tịnh xá Ngọc Phú, thị xã Ayun Pa, Gia Lai. Cử nhân khóa III (1993 - 1997) Cao cấp Phật học Việt Nam cơ sở Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Học viện Phật giáo Việt Nam Thành phố Hồ Chí Minh); tốt nghiệp Cao cấp Giảng sư khóa 1 (2001-2004) do Ban Hoằng pháp Trung ương tổ chức, Cử nhân

khoa Trung văn (1999-2003) Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh. Chức vụ hiện tại: Phó Phân ban Ni giới tỉnh Gia Lai, Ủy viên Tiểu ban Hoằng pháp Phân ban Ni giới Trung ương, Ủy viên Tiểu ban Hướng dẫn Phật tử Phân ban Ni giới Trung ương, giảng sư Phật sự Online Ban Hoằng pháp Trung ương, giảng sư Online Ni giới Hệ phái Khất sĩ.

46. NS. Thích Tâm Chính: Ủy viên Thường trực Ban Hoằng pháp - Ban Từ thiện xã hội Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam; Ủy viên Thường trực - Trưởng ban Từ thiện xã hội - Phó Trưởng Thường trực Phân ban Ni giới Giáo hội Phật giáo Việt Nam thành phố Hải Phòng.

47. SC. NCS. Thích nữ Liên Hiền: Cử nhân Phật học khóa 5, Nghiên cứu sinh Khoa Việt Nam học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Thành phố Hồ Chí Minh, thành viên Trung tâm Nghiên cứu Tôn giáo, Ủy viên Phân ban Hoằng pháp Thanh Thiếu niên Trung ương, Ủy viên Phân ban Chuyên nghiệp Phật tử Trung ương, Ủy viên Tiểu ban Ban Hướng dẫn Phật tử Ni giới Trung ương. Quản lý Điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung Bửu Liên tại Long An.

48. PGS. TS. Nguyễn Thị Minh Ngọc: Phó Viện trưởng, Viện Xã hội học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam; Giảng viên thỉnh giảng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Học viện Phật giáo Việt Nam tại Hà Nội.

49. TS. Thích nữ Thanh Quế: Giảng viên Học viện Phật giáo Việt Nam; Ủy viên Viện Nghiên cứu Phật giáo Việt Nam; Ủy viên Thường trực, Chánh Thư ký Trung tâm Nghiên cứu Phật giáo Việt Nam; Ủy viên Ban Từ thiện Trung ương; Ủy viên Thường trực kiêm Trưởng ban Từ thiện Giáo hội Phật giáo Việt Nam thành phố Đà Nẵng; Ủy viên Thường trực Phân ban Ni giới thành phố Đà Nẵng; Ủy viên Hội

Nghiên cứu và Giảng dạy Văn học Thành phố Hồ Chí Minh; Hội trưởng Hội Từ thiện Minh Trần.

BTV. Lưu Hồng Hoa: Ủy viên kiêm Chánh Văn phòng Trung tâm Nghiên cứu Phật giáo Việt Nam; Ủy viên Hội Nghiên cứu Giảng dạy Văn học Thành phố Hồ Chí Minh; Thành viên Ban Giám đốc Trung tâm Nhân đạo Minh Trần.

50. NNC. Hầu Lâm Phùng: Trung tâm Nghiên cứu Triết học Tôn giáo và Tín ngưỡng.

TS. Ngô Hồ Anh Khôi: Trung tâm UNESCO Khoa học nhân văn và cộng đồng.

PGS. TS. Trần Thị Hạnh: Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

51. TS. Tống Thị Quỳnh Hương: Giảng viên chính Khoa Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội; bảo vệ thành công Luận án Tiến sĩ với đề tài “Chế độ Varna trong thư tịch cổ Ấn Độ” năm 2016. Giảng dạy các môn học: Lịch sử văn minh thế giới, Lịch sử thế giới cổ trung đại, Lịch sử Đông Nam Á, Tín ngưỡng và tôn giáo trong lịch sử... Xuất bản nhiều bài viết trên các tạp chí trong nước, quốc tế và sách tham khảo về lịch sử Ấn Độ, lịch sử Đông Nam Á, tư tưởng của M. Gandhi và B.R. Ambedkar, Phật giáo thế giới nói chung, Phật giáo Ấn Độ và Việt Nam nói riêng.

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM

NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI

26 Lý Thường Kiệt - Hoàn Kiếm - Hà Nội

ĐT: 024.39719073 - Fax: 024.39719071

Website: <http://nxbkhh.vass.gov.vn>

Email: nxbkhh@gmail.com

Chi nhánh Nhà xuất bản Khoa học xã hội

57 Trưng Nguyện Ánh - Phường Bến Thành - Quận I - TP. Hồ Chí Minh

ĐT: 028.38394948 - Fax: 028.38394948

NI LƯU

GIỚI ĐỨC, TÂM ĐỨC, TUỆ ĐỨC

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Q. Giám đốc - Tổng Biên tập

PGS.TS. PHẠM MINH PHÚC

Biên tập nội dung:

ThS. Nguyễn Trọng Tấn

Kỹ thuật vi tính:

An An

Sửa bản in:

ThS. Nguyễn Trọng Tấn

Trình bày bìa:

Song Ngư

In 700 cuốn, khổ 16 x 24cm, tại Công ty Cổ phần In và Truyền thông Hợp Phát. Địa chỉ: KCN Thạch Thất, thị trấn Quốc Oai, huyện Quốc Oai, Hà Nội. Số xác nhận đăng ký xuất bản: 764-2024/CXBIPH/1 - 26/KHXXH. Số QĐXB: 167/QĐ-NXB KHXXH ngày 20 tháng 03 năm 2024. ISBN: 978-604-956-939-5. In xong và nộp lưu chiểu quý II năm 2024.